

**THÍCH THIỆN PHỤNG**

**CHÂN THẬT NIỆM PHẬT  
CỰC LẠC HIỆN TIỀN**

***NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN***

**LỜI TỰA**

Phương tiện cứu độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni có 84.000 pháp môn, thích ứng với căn tánh bất đồng sai biệt của chúng sanh, không ngoài mục đích giúp chúng sanh nhận ra bản tâm thanh tịnh, ngộ hầu vượt thoát khổ đau sanh tử luân hồi.

Tám muôn bốn ngàn pháp môn tu học, tựu trung gồm: Thiên, Tịnh, Mật. Mỗi pháp môn đều vi diệu tối thắng, là Thánh dược chữa trị tâm bệnh chúng sanh. Tuy nhiên xét lại, thử hỏi chúng ta có đủ thời gian và điều kiện để đọc qua các pháp môn mà đức Phật đã dạy? Làm sao chúng ta biết được pháp môn nào thích ứng với mình?

Sự lựa chọn pháp môn tu học đã không phù hợp ắt kết quả sẽ không như ý nguyện. Thực tế này sẽ dẫn đến sự chán nản, chây lười, thậm chí thối tâm trong quãng đời tu học về sau. Do vậy để chọn cho mình một pháp môn tu phù hợp và thích nghi với điều kiện sống trong bối cảnh thời đại, việc này không phải dễ dàng và sự lựa chọn này rất là cần thiết, rất là quan trọng cho cả cuộc đời học đạo ở mỗi chúng ta.

Trong biển pháp mênh mông, đối với bậc thượng căn còn gặp không ít khó khăn, huống gì hạng phàm phu, nghiệp chướng sâu dày như chúng ta, thì làm sao tránh khỏi bấn khoăn và những điều nan giải?

Thế nhưng thật là may mắn, trong biển pháp mênh mông đó, Đức Bổn Sư của chúng ta đã mở bày một phương tiện siêu thắng, một pháp tu vi diệu, phù hợp với mọi căn cơ, mà vẫn đảm bảo sự giải thoát cho mọi chúng sanh. Phương tiện cứu độ thù thắng đó là pháp môn Tịnh Độ.

Đức Bổn Sư đặc biệt xác quyết, pháp tu trì danh niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc do Đức Từ Phụ A Di Đà làm giáo chủ, là pháp tu thù thắng, phù hợp mọi căn cơ, tóm thâu cả phàm thánh ... Từ hàng Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền; các bậc đại trí như ngài Thiên Tài, Hải chúng Hoa Tạng; các bậc thượng nhơn như chư Tổ Mã Minh, Long Thọ cũng đều tha thiết cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc ... nhứt đến hàng hạ căn độn trí, tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác, một khi đã biết ăn năn quay đầu, phát tâm bồ đề, Tín – Hạnh – Nguyện đầy đủ, nếu tha thiết trì danh niệm Phật nhứt đến mười niệm nhất tâm bất loạn, chí thành cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, cũng nhân đó tùy nghiệp đới sanh, sẽ có đại điểm phúc cùng chư thượng thiện nhơn câu hội ... Như vậy, từ bậc thượng trí đến hàng hậu học độn căn kém cỏi, cũng đều có thể thực hành pháp môn niệm Phật, đều có thể thành tựu sở nguyện vãng sanh về Tây phương Cực Lạc, đạt ngôi Bất Thối Chuyển ... Điều này chứng tỏ trì danh niệm Phật là pháp môn tối thắng, là một pháp môn siêu việt chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có Tín – Hạnh – Nguyện sâu dày, tha thiết chí thành, nhất tâm niệm Phật, mới có thể chứng nghiệm sự màu nhiệm, chứ chẳng thể nào dùng ngôn ngữ lý giải được.

Trong kinh Đại Tập, đức Phật đã huyền ký: *“Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có người được giải thoát, chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”*. Trong kinh Niệm Phật Ba La Mật, đức Phật dạy: *“Niệm Phật là pháp môn vi diệu tối thắng đệ nhất mà chư Phật dùng để cứu độ hết thảy chúng sanh. Đây là môn tu thích đáng, kết hợp mọi căn cơ mà chư Phật dùng để đưa hết thảy chúng sanh xa rời nẻo khổ, chứng đắc Niết Bàn tại thế, thành Phật trong một đời”* và *“Đây là môn tu đại từ bi, đại dũng mãnh mà chư Phật dùng để giúp chúng sanh có được cái tâm bằng tâm chư Phật, có được cái nguyện bằng nguyện chư Phật, mau chóng vượt qua địa vị phàm phu và tự chứng pháp thân từng phần”*. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta được nghe đức Phật A Di Đà phát đại nguyện: *“Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu ta, rồi chí tâm tin muốn nguyện sanh về cõi nước của ta nhứt đến mười niệm, nếu chúng sanh ấy không được sanh, thời ta không ở ngôi Chánh Giác, trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh pháp”*. (Bổn nguyện thứ 18 trong 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà – kinh Vô Lượng Thọ). Đây chính là những lời vàng ngọc trong kinh điển do Đức Bổn Sư thuyết giáo, là đệ tử Phật, lẽ nào chúng ta không tuyệt đối tin tưởng vâng theo lời Phật dạy? Đức Bổn Sư và Đức Từ Phụ A Di Đà Phật, đại từ đại bi thương xót chúng sanh còn hơn cha mẹ thương con, là đệ tử Phật lẽ, nào chúng ta cứ mãi làm đũa con bất hiếu, ngỗ nghịch, để rồi xuôi theo dòng đời tạo tác trả vay trôi lăn trong tứ sanh lục đạo, chuốc lấy khổ đau trong luân hồi sanh tử?

Trên thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay, nhờ thâm tín lời chư Phật dạy, nhờ tha thiết nguyện cầu vãng sanh, nhờ nhất tâm niệm Phật, kết quả đã có rất nhiều người được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, số lượng chẳng thể tính đếm nổi. Như chúng ta đã biết, hiện tượng chết do ác nghiệp chướng, ác báo chướng, phiền não chướng ... thường khiến cho tâm

thức người chết hoảng loạn, đau đớn khổ sở tột cùng ... Thế nhưng, đối với người vãng sanh khi xả bỏ tấm thân hóa huyễn này ra đi, tinh thần người được vãng sanh luôn tỏ ra minh mẫn, tâm hồn an lạc, hoan hỷ, phong thái ra đi an nhiên tự tại. Bên cạnh đó còn có những điềm lành xuất hiện như hương thơm lan tỏa, mây lành quyện tụ. Sau khi ra đi còn để lại vô số xá lợi và nhất là đã để lại niềm tin trọn vẹn cho những hành giả tu theo pháp môn niệm Phật ...

Trong những năm gần đây, tại các đạo tràng niệm Phật tại Hoa Kỳ, Úc, Canada, Mã Lai, Singapore, Đài Loan, Trung Hoa lục địa, Việt Nam ... hiện tượng vãng sanh và lưu xá lợi đã không còn là hiện tượng hiếm hoi nữa. Điều này chứng tỏ sự mầu nhiệm của Phật pháp, sự linh ứng của lời Phật dạy và kết quả khả quan mà những người tu theo pháp môn đã đạt được.

Nhận thấy lợi ích lớn lao và vô cùng quan trọng của pháp môn niệm Phật đối với người học Phật trong thời mạt pháp, chúng tôi đã biên soạn bộ sách “CHÂN THẬT NIỆM PHẬT CỰC LẠC HIỆN TIỀN” với tâm nguyện giúp cho hàng Phật tử sơ cơ và những ai đang đề tâm tìm hiểu pháp môn niệm Phật, nhân đây kết duyên Tịnh Độ và tăng trưởng tín tâm. Đồng thời việc biên soạn bộ sách này cũng là để chúng tôi tự nhắc nhở bản thân và môn đồ pháp quyến, phải thường xuyên tăng trưởng Tín – Hạnh - Nguyện, tiến đến thành tựu Tín – Hạnh - Nguyện, ngõ hầu góp chút sức mọn dựng xây cõi Tịnh Độ ngay trong thế giới Ta Bà đầy dẫy khổ đau phiền trược này.

Tập sách CHÂN THẬT NIỆM PHẬT CỰC LẠC HIỆN TIỀN hình thành không ngoài mục đích trợ duyên cho hàng sơ cơ niệm Phật tăng trưởng Tín – Hạnh - Nguyện, do vậy trong phần đầu sách, chúng tôi đặc biệt chú trọng đến ba vấn đề thiết yếu đối với người học Phật ngày nay, nhất là đối với những người tu theo pháp môn niệm Phật:

1. Tâm tâm niệm niệm phải luôn ý thức **“sanh tử là việc lớn”**, nên từng giây từng phút chúng ta phải lấy việc vượt thoát sanh tử luân hồi làm chánh nhân tu tập, luôn tự cảnh tỉnh bản thân trước đời sống vô thường, qua đó tha thiết cầu vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

2. Trong tập sách này, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh đến các phương pháp niệm Phật và nêu ra phương cách tu niệm Phật để thực hiện nhất nhằm trợ duyên cho người sơ cơ có thể niệm Phật trong mọi hoàn cảnh. Đây là nội dung thiết yếu của tập sách khiêm tốn này.

Như quý Phật tử đã biết, các chủ đề về Tịnh Độ trong thời gian qua đã có rất nhiều sách và ấn phẩm Phật giáo đề cập đến, mà nội dung phần lớn là tập trung vào các phần mục cơ bản của pháp môn Tịnh Độ như: Lịch sử truyền thừa của pháp môn Tịnh Độ, Cương chỉ tu tập của pháp môn Tịnh Độ, Các kinh và luận về pháp môn Tịnh Độ ... Do vậy trong tập sách nhỏ này, chúng tôi thiết nghĩ không cần thiết phải trùng lặp lại, mà chỉ lược ghi những phần cơ bản (không thể không đề cập đến) của pháp môn Tịnh Độ, với mục đích để quý Phật tử tham khảo.

Vì đây là tập sách mang ý nghĩa khuyến tu và trợ duyên cho hàng Phật tử sơ cơ niệm Phật, do vậy chúng tôi cũng đặc biệt chú trọng đến những lời Phật dạy về pháp môn niệm Phật, những lời khai thị pháp môn niệm Phật của chư vị Tổ Sư. Bên cạnh đó là những câu chuyện vãng sanh, vì đây chính là những thành tựu rất có ý nghĩa và vô cùng quan trọng mà những người tu theo pháp môn niệm Phật đã đạt được.

Chúng tôi tự biết mình phước mỏng nghiệp dày, chương sâu huệ cạn, biên soạn tập sách này chỉ với tấm lòng thành kính, hướng về bốn ơn ba cõi, do vậy khó có thể tránh khỏi sơ xuất. Chúng tôi rất mong đón nhận sự đồng cảm và những góp ý chân tình của chư Tôn Đức cùng quý Phật tử xa gần.

Nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo chứng minh, gia hộ cho tất cả mọi người khi đọc tập sách này đều phát Bồ Đề Tâm, đều tăng trưởng Tín - Hạnh - Nguyện, kết duyên sâu với pháp môn Tịnh Độ, mãi mãi không rời câu niệm Phật, tất cả đều được vãng sanh về cõi Cực Lạc, đồng chứng bậc Bất Thối Chuyển.

**Thích Thiện Phụng**

## **MUC LUC**

### **LỜI TỰA**

#### **A. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT PHẢI HỘI ĐỦ ĐỐI VỚI NGƯỜI TU THEO PHÁP MÔN NIỆM PHẬT**

- 1- TỪ VIỆC NHẬN THỨC SÂU SẮC VỀ ĐỜI SỐNG VÔ THƯỜNG ĐẾN GIEO CHÁNH NHÂN TU HỌC
- 2- SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG - GIỮ GIỚI, TRÌ TRAI – PHÒNG SANH TU PHƯỚC
- 3- PHÁT BỒ ĐỀ TÂM
- 4- THẨM NHUẬN NHỮNG LỜI PHẬT TỔ DẠY VỀ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT
- 5- QUYẾT ĐỊNH CHỌN PHÁP MÔN TU HỌC
- 6- TÍN HẠNH NGUYỆN
- 7- CỨNG CỐ NIỀM TIN
- 8- NẮM RÕ PHƯƠNG PHÁP TRÌ DANH NIỆM PHẬT
- 9- NHẤT TÂM NIỆM PHẬT – QUYẾT ĐỊNH VẮNG SANH

#### **B. NHỮNG ĐIỀU QUAN TRỌNG MÀ NGƯỜI TU THEO PHÁP MÔN NIỆM PHẬT CẦN PHẢI BIẾT**

- 1- NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ
- 2- 48 ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ
- 3- PHÁP MÔN NIỆM PHẬT PHÙ HỢP MỌI CĂN CƠ
- 4- NGHI TÂM CHƯỚNG NGẠI SỰ TU TẬP
- 5- LỢI ÍCH CỦA VIỆC NIỆM PHẬT
- 6- TRỢ NIỆM LÂM CHUNG

#### **C. CHƯƠNG PHỤ LỤC**

- 1- CẢM NIỆM ẨM SỰ
- 2- 10 ĐIỀU TÂM NIỆM

**THE END**

## PHẦN MỘT

### **NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT PHẢI HỘI ĐỦ ĐỐI VỚI NGƯỜI TU THEO PHÁP MÔN NIỆM PHẬT**

## **CHƯƠNG 1**

### **TỪ NHẬN THỨC SÂU SẮC VỀ ĐỜI SỐNG VÔ THƯỜNG ĐẾN GIEO CHÁNH NHÂN TRONG TU HỌC.**

#### **A. SANH TỬ SỰ ĐẠI:**

Đây là tập sách vì hàng sơ cơ hướng về Tịnh Độ mà khuyến tu niệm Phật như chúng tôi đã trình bày ngay trong lời tựa. Do vậy trong tập sách nhỏ này, chúng tôi cũng biên soạn đầy đủ những phần mục căn bản cần phải nắm bắt khi đã hướng về pháp môn Tịnh Độ.

Tuy nhiên, chúng tôi mạo muội cho rằng, nếu quý Phật tử dù cho có thông hiểu hết ngọn nguồn yếu chỉ pháp môn Tịnh Độ, mà chưa thật sự tha thiết với việc giải thoát khổ đau sanh tử luân hồi, chưa thật sự ý thức rằng, mạng sống của chúng ta mong manh như giọt sương mai, hắt hiu như ánh nắng chiều, leo lắt như ngọn đèn dầu trước gió và nhất là không tận tâm tận

lực tự cứu lấy mình, thì sự hiểu nhiều biết rộng và thông tỏ giáo lý của chúng ta cũng sẽ chẳng bao giờ giải quyết được điều gì trước sự bức bách của vô thường sanh diệt trong từng giờ từng khắc ... Về điều này, sư phụ chúng tôi thường nhắc nhở hàng môn đồ pháp quyền chúng tôi rằng, nếu học Phật như vậy, cũng chỉ hiểu biết, thu nạp một số kiến thức và thêm vào đó là một cái bằng cử nhân, tiến sĩ, hay là một cái danh là “nhà nghiên cứu Phật học” mà thôi. Thật vậy, nếu việc học Phật của chúng ta chỉ dừng lại như vậy và chỉ có bấy nhiêu thôi thì thật là uổng công xuất gia tu theo hạnh Phật, sẽ đánh mất nhân duyên lớn với Phật pháp là giải thoát, giác ngộ thì thật là đáng tiếc.

Chính vì vậy mà mở đầu tập sách này, chúng tôi đặc biệt chú trọng đến vấn đề then chốt trong Phật pháp là nhận thức sâu sắc về “sanh tử sự đại” để tạo nên chánh nhân trong quá trình tu học. Cụ thể hơn, chúng ta cùng nhau vận tâm chân thành, tha thiết với chính mình mà cảm nhận một cách sâu sắc về cõi đời vô thường mà chúng ta đang sống, về mạng sống của tất cả chúng ta đều rất mong manh, chúng ta đang sải từng bước dài về phía chân trời nơi có huyệt mồ đang chờ đợi chúng ta và đời sống hiện tại nơi mỗi chúng ta thì bất an đau khổ nhiều hơn là hạnh phúc an lạc.

Chúng tôi chủ quan nêu bật vấn đề vô thường trong đời sống con người trong phần mở đầu tập sách nhỏ này, cũng bởi từng thấm nhuần lời chư Phật Tổ đã dạy rằng, nếu không tha thiết với việc lớn sanh tử thì sẽ không bao giờ gieo được chánh nhân trong ngôi nhà Phật pháp. Do vậy, đây là vấn đề trọng đại mà mỗi người học Phật chúng ta cần phải nhận thức sâu sắc để khắc ghi trong tâm trí. Chúng tôi nghĩ rằng, dầu quý Phật tử nương nơi tông phái nào, hành trì theo pháp môn nào đi chăng nữa, mà không nhận rõ bản chất vô thường trong đời sống, chưa từng tha thiết với việc giải quyết khổ đau sanh tử luân hồi, thì quý Phật tử sẽ không bao giờ gieo được cái nhân chân thật niệm Phật, khi đó sự tu học của quý vị sẽ không duy trì được sự miên mật, nói một cách khác, sự tu học như vậy là chạy theo phong trào, mang tính nhất thời và hời hợt, thậm chí quý vị sẽ dễ dàng chán nản câu Phật hiệu, dễ dàng chây lười dãi dãi mỗi khi vào thời khóa công phu niệm Phật. Vì sao vậy? Như đã nói, đó là vì quý vị chưa một phen tha thiết với việc lớn sanh tử, chưa thật sự nhàm chán cõi vô thường, cầu vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Nhằm nhấn mạnh vấn đề này, chúng tôi không dám nhiều lời, nay chỉ xin trích dẫn một đoạn kinh văn trong kinh Lương Hồng Sám để chúng ta cùng nhau lắng lòng chiêm nghiệm lại vấn đề “vô thường tán tốc – sanh tử sự đại” một cách nghiêm túc và cẩn trọng, để chúng ta có được một cái nhìn chuẩn xác về những thực tế mà chúng ta đang phải đối mặt với vô thường, qua đó chúng ta mới có thể định hướng và gieo được chánh nhân trên bước học Phật:

*“Hôm nay đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng mọi người đều nên sanh tâm giác ngộ; biết đời là vô thường, thân không sống lâu, trẻ mạnh rồi phải già yếu; chớ ý hình dung tốt đẹp mà không giữ gìn tịnh hạnh ... Vạn vật cũng vô thường thay đều sanh diệt. Trên trời dưới đất không có việc gì là tồn tại mãi mãi. Lúc còn trẻ, nhan sắc tốt đẹp, da thịt mịn màng, thơm tho trong sạch. Nhưng thân này cũng vô thường. Người sống có hợp có tan. Sanh già bệnh chết không hẹn mà đến, ai sẽ trừ khử khổ ấy cho ta. Tai họa thành linh đưa đến biết đâu mà tránh, không thể thoát được. Sang hèn, giàu nghèo, thay đều nhân vậy mà chết. Chết rồi thân thể sinh thối không thể chịu nổi. Vậy luyến tiếc thân này nào có ích gì. Nếu không lo tu nghiệp lành thù thắng, thì do đâu mà thoát ly sanh tử”*

Qua đoạn văn trong kinh Lương Hồng sám, nếu thành tâm và lắng lòng chiêm nghiệm, chắc hẳn chúng ta sẽ không khỏi chạnh lòng, bởi cuộc sống của chúng ta luôn bị sự bức bách bủa vây của định luật vô thường, mà chúng ta thì vẫn dễ duôi, buông lung qua ngày tháng. Chúng tôi nghĩ rằng, sự thao thức và ý chí quyết tâm tu học của quý Phật tử sẽ tăng lên, Bồ đề tâm của quý Phật tử sẽ phát khởi, chánh nhân chân thật niệm Phật sẽ được hình thành, chỉ khi nào chúng ta nhận thức sâu sắc về luật vô thường và ý thức trong từng giây từng phút rằng, mạng sống của mỗi chúng ta đang giảm dần trong từng thời khắc trôi nhanh. Trong khi đó chúng ta vẫn chưa trang bị được chút tư lương gì khả dĩ có thể làm hành trang cho những

ngày xa rời thế giới đang kề cận. Chúng tôi thiết nghĩ, nếu chúng ta nhận thức sâu sắc, ý thức cao và ý thức thường xuyên về “sinh tử sự đại”, thì tôi tin chắc rằng tất cả chúng ta sẽ tha thiết tu hành, sẽ tha thiết niệm Phật, và khi đó chúng ta đã gieo được cái nhân chân thật niệm Phật, khi đó chúng ta sẽ có được cái quả Cực Lạc và dĩ nhiên chúng ta sẽ là những công dân tương lai của Thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Vấn đề “sinh tử sự đại” luôn được chư Phật, chư Tổ đưa lên hàng đầu tại các chúng hội, đặc biệt vấn đề trọng đại này, thường xuyên được chư vị Tổ sư nhắc nhở sách tấn trong mỗi thời thuyết pháp, xem đây là động cơ chánh để khởi động sự nghiệp tu hành của mỗi người học đạo.

Thật ra, nhìn lại lịch sử Phật giáo, chúng ta đều thấy rõ ràng, khi Thái tử Tất Đạt Đa dạo quanh bốn cửa thành, in sâu vào tâm trí của Ngài lúc bấy giờ chính là sự chi phối và hủy diệt của vô thường. Điều làm cho Thái tử Tất Đạt Đa trần trở thao thức chính là hiện tượng sanh già bệnh chết trong đời sống con người. Đó là sự sống mong manh không chắc thật của một kiếp người mà con người lại lầm tưởng là chắc thật và trường cửu. Và đó cũng chính là nguyên nhân mà Thái tử Tất Đạt Đa đã phải mất hết sáu năm khổ hạnh rừng già, qua bảy thất nghiêm minh thiên tọa, mới giải quyết tận cùng cội rễ sanh tử khổ đau, vô thường hủy diệt ...

Đức Phật của chúng ta xuất thân là một Thái tử với đầy đủ uy quyền, giàu sang danh vọng, vợ đẹp con ngoan, cung vàng điện ngọc, kẻ hầu người hạ ... vậy mà Ngài vẫn từ bỏ tất cả cũng chỉ vì tâm niệm cần phải giải quyết ngay vấn đề “sinh tử sự đại”, bởi Ngài cho rằng, đây là một vấn đề trọng đại và vô cùng cấp bách của đời sống con người.

Thật vậy, trong đời sống đầy dẫy đau khổ bất an và mạng sống thì ngắn ngủi vô thường, một khi đã nhận thức sâu sắc về vấn đề hệ trọng này và thường xuyên ý thức cảnh tỉnh bản thân, thì chúng ta không thể nào yên tâm sống trong sự hủy diệt của vô thường. Điều này sẽ giúp chúng ta định hướng trong cuộc sống, định hướng trong sự học Phật và gieo chánh nhân trong tu tập. Chính vì vậy mà chư Phật và chư Tổ đã cảnh tỉnh, sách tấn người học đạo phải thường xuyên khắc vào tâm trí bốn chữ “sinh tử sự đại”, vì chỉ có như vậy con người mới giảm bớt sự ham muốn, đua tranh, gây hấn, giành giật nhau trong đời sống. Và cũng chỉ có như vậy con người mới có khả năng quỳ đầu nhìn lại sự hoang phí thời gian đã tạo nên những núi rừng nghiệp chướng và qua đó cũng xác định cho mình những việc cần thiết phải làm trong những ngày còn lại của cuộc đời.

Thiết nghĩ, khi đã nhận thức một cách tường tận và sâu sắc về sự hủy diệt của vô thường, về mạng sống mong manh không chắc thật của một kiếp người, thì đối với người học đạo, điều cần thiết phải làm, đó chính là gieo trồng cho được chánh nhân trong quá trình tu học. Cụ thể đối với quý Phật tử tu theo pháp môn trì danh niệm Phật thì chánh nhân đó chính là “chân thật niệm Phật”. Đây là nền tảng tâm linh rất căn bản và hết sức quan trọng cần phải có đối với bất kỳ ai một khi đã quy hướng về ngôi nhà Phật pháp. Vì có chánh nhân “chân thật niệm Phật” thì chúng ta mới có thể sống trong chánh niệm, có chánh niệm thì mới có thể tiến đến nhất tâm bất loạn, khi đạt đến nhất tâm bất loạn thì chúng ta mới có thể thấu triệt yếu chỉ pháp môn trì danh niệm Phật và khi đó câu “bất lao đàn chỉ đáo Tây phương” sẽ phơi bày chân nghĩa. Niệm Phật mà hành trì được như vậy thì chín phẩm sen vàng chắc chắn chúng ta sẽ được dự phần, cõi Cực Lạc không khởi trông cũng thấy, đức Phật A Di Đà không tìm cũng gặp, những đóa sen vàng tinh khiết trắng diệp, dù không đối mong mà vẫn nở rộ trong tâm hồn mỗi Liên hữu chúng ta. Như vậy đối với việc tu theo hạnh Phật, chúng ta đều phải bắt đầu từ việc nhận thức vấn đề “sinh tử” là “sự đại” với nỗi thao thức trần trở làm thế nào để giải quyết ngay mối hiểm họa sanh tử lớn nhất trong một đời người mà con người không thể tránh né hay thoát khỏi ...

Người xưa thường nói “đời người như bóng câu qua song cửa”, phải chăng đó là tâm trạng của những con người đã cảm nhận sâu sắc đạo lý vô thường, phải chăng đó cũng chính là tiếng thở dài nào nuốt của những con người suốt một đời tạo tác, trả vay, vay trả, đến khi nhìn lại bản thân thì đã luống qua một đời, mới thấy mình chẳng tích góp được gì ngoài việc

thấm thía ý nghĩa hai chữ “vô thường”! Vâng, Thế gian là bể khổ, sự sống thì vô thường, mạng sống thì ngắn ngủi mong manh, và người đời dường như bất lực, phải đành xuôi tay chấp nhận theo dòng nghiệp chướng, buông theo cái gọi là số phận trước sự chi phối của vô thường ... Người sống trong thế gian đa phần là như vậy, còn người đã có duyên với Phật pháp sẽ học tập được gì và sẽ ứng phó ra sao trước sự hủy diệt của vô thường?

## **B. NGÀY GIỜ QUA MAU – MẠNG SỐNG GIẢM DẦN**

Đối với người học đạo giải thoát giác ngộ của đức Phật, đã có duyên với Phật pháp và đã từng được sống trong môi trường thiền môn nghiêm tịnh thì hẳn như tất cả đều được thấm nhuần những lời dạy vàng ngọc của chư Phật về luật nhân quả, về lý vô thường, về con đường dẫn đến giác ngộ giải thoát ... Tuy nhiên, trong hàng triệu triệu Phật tử trên khắp hành tinh này, thì đã có được bao nhiêu hành giả ngày đêm thiết tha chuyên cần công phu, nỗ lực hành trì để cầu mong liễu sanh thoát tử. Và trong số tám muôn bốn ngàn phương tiện pháp môn tu học mà Đức Bổn Sư đã mở bày nhằm giúp chúng sanh nhận ra bản tâm thanh tịnh, thì đã có được bao nhiêu Phật tử kiên định sâu sắc với một pháp môn để nhận ra chân lý của đạo giải thoát luân hồi sanh tử.

Thật ra trên thế giới ngày nay, người tu theo đạo Phật rất nhiều, nhiều lắm; tại các nước phương Tây, người xu hướng về đạo Phật ngày càng đông hơn, tuy nhiên có điều là tất cả những người con Phật như chúng ta hiện nay đã gieo được cái nhân giải thoát khỏi luân hồi sanh tử hay chưa? Điều này rất quan trọng. Vì đây là nền móng căn bản của người học đạo giải thoát trong ngôi nhà Phật pháp. Cũng chính từ cái nhân quan trọng này, chúng ta mới có cơ sở để bàn sâu thêm những vấn đề cần thiết đối với sự nghiệp tu hành giải thoát của mỗi chúng ta.

Sau khi trao đổi qua vấn đề “sanh tử sự đại” như vừa đề cập trong phần mục này, chúng ta hãy cùng nhau tiếp tục bàn về những giá trị vô cùng quý báu của thời gian. Đối với người tu theo hạnh Phật, mỗi khi nhắc đến vấn đề “ngày giờ qua mau, mạng sống giảm dần” thì ai cũng biết, ai cũng hiểu, đôi khi cũng có lúc trần trở thao thức, thậm chí có người còn tỏ vẻ bùi ngùi xót xa cho thân phận, nhất là đối với người xuất gia và những Phật tử thuần thành, thì nhận thức về những điều này tường tận sâu sắc hơn, ý thức về những điều này cao hơn, rõ nét hơn ... Song tất cả dường như cũng chỉ thoáng qua trong giây lát, trong khoảnh khắc nào đó mà thôi, để rồi sau đó mọi việc đầu lại vào đấy, tâm ý lại tiếp tục bị sai khiến bởi ngũ dục, trôi lăn theo nghiệp thức. Nói chung, đa phần là tích cực lao vào tạo nghiệp, còn vấn đề tha thiết tu hành giải thoát một cách miên mật kiên định thì quả là hiếm hoi hy hữu lắm. Tại sao lại như vậy? Ở đây chúng ta cùng chân thật mổ xẻ thực trạng này, chúng ta sẽ nhận thấy, đó chính là chúng ta chưa từng thao thức trần trở với khổ đau luân hồi sanh tử. Đó cũng là do nghiệp chướng của chúng ta quá sâu dày, khiến cho ý chí tu hành khó thắng nổi tâm hướng ngoại lãng xăng tạo tác.

Tâm ý chúng sanh thời mạt pháp đắm chìm trong ngũ dục, tạo nhiều chướng duyên và ôn kết, đã vậy còn buông lung dãi dãi, không tha thiết tìm cầu con đường giải thoát, chúng ta có thể gọi thực trạng đáng buồn này là nghiệp chướng sâu dày thiện căn nông cạn và chư Phật chư Tổ từ vô lượng kiếp đã thấu suốt vấn đề này, chính vì vậy mà trong mỗi thời kinh, trong mỗi dòng quảng lục thường rất chú trọng đến việc cảnh sách “vô thường” để người học Phật nhân đó sớm thức tỉnh quay đầu về bờ giác.

Trong thời công phu chiều, cúng Mông Sơn Thí Thực tại chùa Niết Bàn chúng tôi cũng như tại hầu hết các chùa tu theo hệ phái Tịnh Độ - Bắc tông, có bài kệ “Thị nhật” cảnh sách người học Phật rất là thống thiết: “Thị nhật dĩ quá. Mạng diệc tuy giảm. Như thiếu thủy ngư. Tư hữu hà lạc. Đại chúng đương cần tinh tấn. Như cứu đầu nhiên. Đản niệm vô thường. Thận vật phóng dật” nội dung bài kệ này có hàm ý như sau: “Ngày giờ trôi qua rất mau. Mạng sống con người cũng giảm dần, giống như con cá ở trong bể nước bị rò rỉ đang chờ chết thì có gì mà vui thú! Ngưỡng mong đại chúng nỗ lực tinh tấn, gấp rút công phu tu tập như cứu lửa đang cháy ở trên đầu. Hãy cần trọng chớ buông lung phóng dật vì đời sống rất vô thường”.



Đây là bài kệ kết thúc nghi thức cúng thí thực cho các vong linh và cô hồn trước khi tụng bài “hồi hướng” và “tam qui” trước khi chấm dứt thời kinh buổi chiều hằng ngày, nhưng kỳ thật, đây lại chính là bài văn cảnh sách vô thường tràn đầy bi tâm lân mẫn, một bài pháp khuyến tu với lời lẽ rất thông thiết của chư vị Tổ sư nhằm lay thức người học đạo hãy mau mau thức tỉnh trước ngày tháng vô thường, khi mà mạng sống của mỗi chúng ta đang bị giảm dần trong từng giờ từng khắc, giống như hình ảnh con cá đang sống trong bể nước bị rò rỉ vậy!

Đối với người học đạo chúng ta, khi nhận ra thực trạng đáng buồn này, thử hỏi chúng ta còn gì để ham muốn, còn gì để thích thú trước những thú vui tạm bợ nhất thời trong cuộc đời vô thường huyền mộng? Ở đây còn có một điều đáng lưu ý nữa, đó là thời công phu “Mông sơn thí thực” cúng cô hồn, lại rơi vào không gian một buổi chiều, khi đó mặt trời đang xế lặn, khi đó ánh chiều tà hắt hiu sắp tắt hẳn, nhường chỗ cho bóng đêm đang tràn về bao trùm không gian mà chúng ta đang sống. Và cũng trong không gian lắng đọng đó, hồ theo lời kinh tâm tưởng tới thế giới vô hình, là nhịp mõ trầm buồn, lâu lâu lại điềm vào một tiếng chuông ngân nhẹ, tất cả như len lõi, như ngấm sâu vào lòng người cái thiện vị thiết tha vượt thốt khổ đau luân hồi sanh tử. Ở đây, ai đã từng một lần lắng lòng đón nhận lời kinh tiếng kệ trong thời công phu chiều này mới cảm được tấm lòng đại từ đại bi lân mẫn của chư vị Tôn đức Tổ sư và mới thấu tột ý nghĩa vô cùng trọng đại của hai chữ “vô thường” và “sanh tử”. “Sanh tử sự đại”. Vâng! Đó chính là “việc lớn” mà người tu hành theo hạnh Phật phải dán nó lên trên trán của mình, phải thường xuyên khắc ghi nó vào tâm trí ... thì mới có thể chế ngự được cái tâm tham dục, mới có thể gieo vào tạng thức mình cái chánh nhân của người học Phật.

Đối với giới Tăng sĩ, chúng tôi có được niềm phúc rất lớn là được sống trong môi trường Thiên môn nghiêm tịnh, tâm ý hướng về con đường giải thoát càng được nuôi lớn, tam nghiệp dễ dàng nhiếp phục thuần hồ, ý chí tu hành luôn được nuôi dưỡng bởi những lời kinh tiếng kệ thâm đẫm tinh thần cảnh sách, chẳng hạn trong mọi thời công phu Mông Sơn thí thực, khi đọc lên bài kệ “Thị Nhật”, chúng tôi liền được nhắc nhở, liền thức tỉnh, qua đó đã nhận chân rất nhiều về cõi đời vô thường, để từ đó cái nhân tu hành giải thoát mỗi ngày một sâu chắc hơn, tâm thức hướng về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc mãnh liệt hơn ... Phước duyên lớn lao như vậy, đại điểm phúc như vậy, vậy mà cũng chẳng dễ dàng gì có được nhiều bậc chân tu làm mô phạm cho tứ chúng. Chúng tôi thành thật nêu ra vấn đề này nhân việc bàn đến “Sanh tử sự đại” cũng nhằm nói lên những khó khăn trở ngại rất lớn lao của hàng sơ cơ học Phật khi chưa nhận thức đúng đắn về đời sống vô thường.

Thiết nghĩ, đối với người học Phật, khi đọc qua bài kệ “Thị nhật” tràn đầy bi tâm lân mẫn của chư vị Tổ Sư, tôi nghĩ, chắc hẳn sẽ không một ai phớt lờ qua, hay buông lung dãi dãi, khi đã hiểu ra rằng, ngày giờ vèo qua như tên bắn mà mạng sống tất cả chúng ta ngày một giảm dần. Khi bàn đến đây, chúng tôi có chút tâm tình nhắn gửi quý Phật tử rằng, chúng ta quyết không kỳ hẹn để ngày mai rồi mới tu, chúng ta quyết không để thời gian trôi qua một cách uổng phí ... Vì sao vậy? Vì sanh tử là việc lớn, vì ngày giờ qua mau, vì mạng sống giảm dần, vì ai mà biết trước được trong cõi đời vô thường đầy thiên tai biến cố dịch bệnh bất an này, ngày mai sẽ ra sao?

Chúng tôi ngưỡng mong quý Phật tử mau mau thức tỉnh trước cõi đời vô thường, hãy đem hết tâm thành hướng về Phật pháp tu hành tinh tấn, điều này sẽ giúp cho quý Phật tử sống tích cực hơn, an lạc hơn, có ý nghĩa hơn, lợi ích hơn trong những ngày còn lại của đời người. Hơn thế nữa, quý Phật tử sẽ thấy cuộc đời này tuy là vô thường bất an, nhưng lại đáng sống, rất đáng sống, sống để tu, tu để đóng góp cho xã hội, cho đất nước, cho dân tộc, và nhất là để xây dựng ngôi nhà Phật pháp thật sự trở nên lung linh sắc màu vị tha giải thoát, Cực Lạc hiện tiền

...

Tiếp tục bàn về ý nghĩa “ Sanh tử sự đại – Vô thường tấn tốc”, để chúng ta cùng nhau xây dựng cái nhân giải thoát trong sự nghiệp tu hành của tất cả chúng ta. Nhân duyên này chúng tôi xin kể ra đây một mẫu chuyện ngắn:

Ngày xưa, tại một ngôi chùa nọ, có một vị Hòa thượng già, nuôi dạy được hai đệ tử từ thuở tóc còn để chỏm cho đến lúc trưởng thành. Một người có pháp danh là Vô Thường, còn

người đệ có pháp danh là Sanh Tử. Hai huynh đệ đồng sư này sống cùng thầy trong một ngôi chùa nên sự thương yêu gắn bó có trách nhiệm với nhau còn hơn cả hai anh em ruột thịt.

Sư huynh có pháp danh Vô Thường thì rất tinh tấn công phu bái sám, chuyên ròng trì danh niệm Phật, còn sư đệ Sanh Tử thì rất đa văn, nên chú trọng vào việc học giáo lý, nghiên cứu kinh điển, với mong muốn trở thành một giảng sư để sau này hoằng pháp độ sanh.

Sau khi sư phụ qua đời, sư huynh Vô Thường kế vị trụ trì và sư đệ Sanh Tử tiếp tục lên kinh thành tham gia các khóa học cao cấp Phật học. Dù điều kiện và hoàn cảnh tu học có khác nhau, nhưng cứ đến dịp giỗ Thầy, họ lại gặp nhau trong ngày giỗ, qua đó động viên sách tấn nhau trên con đường tu học.

Trong một lần giỗ Thầy năm ấy, sư huynh Vô Thường nhắc nhở sư đệ Sanh tử:

- Lúc sinh thời, sư phụ lúc nào cũng sách tấn huynh đệ phải tha thiết sám hối nghiệp chướng và nỗ lực tinh tấn niệm Phật để cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Từ ngày sư phụ qua đời đến nay đã 10 năm, dù đảm nhận công việc trụ trì đa đoan Phật sự, nhưng cứ mỗi lần nhớ lại lời thầy căn dặn, tôi nhất quyết hạn chế tối đa những việc xét thấy không cần thiết, để dành thời gian chuyên tâm trì danh niệm Phật. Bản thân tôi luôn tự nghĩ, đời vô thường quá, thời gian cũng trôi qua nhanh, mới đây mà thầy đã xa cách chúng ta những mười năm rồi. Hơn nữa sư phụ cũng đặt pháp danh cho tôi là Vô Thường, để nhắc nhở giúp tôi thường xuyên quán xét cõi đời này là vô thường tạm bợ, bất an đau khổ, Tây Phương Cực Lạc mới là thế giới an vui miên viễn. Còn đệ, sư phụ cũng đã ban cho pháp danh là Sanh Tử, đây là ý của sư phụ mong muốn đệ lấy hai chữ “Sanh Tử” mà khắc ghi vào tâm trí, việc giải thoát sanh tử luân hồi mới là việc lớn, là mục đích duy nhất của người học Phật ... Tôi thấy, đệ cứ lo chạy theo chữ nghĩa, thu nạp kiến thức nhiều quá mà lơ là công phu tu niệm, tôi nghĩ, khi đệ cầm được cái bằng giảng sư hay tiến sĩ, mà rồi sao quý vô thường ập đến bất ngờ, thì cái bằng giảng sư, tiến sĩ gì đó sẽ chẳng ích gì ... Tôi nghĩ, học là tốt, học để phụng sự đạo pháp và dân tộc là rất tốt, nhưng đệ cũng cần phải định hướng lại là việc học phải nên xếp hạng “thứ”, công phu tu hành đối với người tu mới là chánh yếu ... Tôi nói ra những lời này cũng chỉ nhắc lại lời dạy bảo khuyên răn của sư phụ mà thôi, nếu đệ nghe lời sư phụ và tôn trọng ý kiến của tôi, thì cũng nên bắt đầu thời khóa công phu tu tập đi kéo muộn, sau này hối tiếc không kịp ...

Suốt một buổi chiều ngồi lắng nghe những lời sách tấn động viên chí tinh chí lý của sư huynh Vô Thường mà như thể đang uống trọn vẹn từng giọt cam lồ khiến cho cõi lòng thanh lương an lạc, trong lòng sư đệ Sanh Tử trôi dạt niềm cảm kích vô biên. Tuy nhiên, do dự một hồi, rồi thầy Sanh Tử cũng nói lên tâm ý chân thật của mình:

- Từ ngày xa thầy, xa huynh lên tinh theo học các khóa Sơ, Trung rồi Cao cấp, thâm tâm tôi lúc nào cũng nhớ lời thầy dạy, lời động viên nhắc nhở của sư huynh, thế nhưng chương trình học rất dài, việc học cũng rất khó khăn mà quỹ thời gian thì giới hạn. Dù đệ có sắp xếp thời gian để công phu niệm Phật nhưng thật lòng mà nói thì cũng khó tập trung chánh niệm vào danh hiệu Phật, thường là niệm Phật cho có hình thức và cho có lệ, tinh thần tu tập nói thật với huynh là rất hời hợt, không được như lúc còn ở chùa, tâm luôn bất an, xáo trộn ... Thôi thì để sau khi hoàn tất chương trình cao cấp Phật học xong, tôi sẽ cố gắng tập trung cố gắng nỗ lực công phu niệm Phật...

- Thế nhưng trong lần giỗ Thầy năm sau đó, quỳ trước bàn thờ khấn lễ Thầy chỉ còn có một người, còn người hứa sau khi tốt nghiệp cao cấp xong sẽ nỗ lực công phu niệm Phật thì đã về bên kia thế giới.

Sư huynh Vô Thường lặng lẽ đốt thêm một nén nhang tưởng niệm ...

Chúng tôi kể câu chuyện này chỉ với mục đích duy nhất là giúp cho người sơ cơ học Phật nâng cao tầm nhận thức về cõi đời vô thường, định hướng việc học Phật là để tu, học và tu là để hoằng pháp lợi sanh, chứ chúng tôi không hề có ý bài xích việc học của giới học Tăng hiện nay. Qua câu chuyện ngắn này, chúng tôi mong rằng, ít nhiều nó cũng đọng lại trong tâm thức người học Phật với ý nghĩa thăng hoa tiến tu trong sự nghiệp tu hành.

Qua mẫu chuyện ngắn này, thiết nghĩ chúng ta sẽ không khỏi chạnh lòng luyện tiếc cho chuỗi ngày tháng ngày trôi qua mà chúng ta thì chưa làm được gì nhiều cho sự nghiệp tu hành

giải thoát, trong khi đó nhất là giới cư sĩ tại gia, thì đã tạo ra vô số nghiệp chướng, làm ngăn trở đạo tâm, ngăn trở con đường tìm cầu giải thoát.

Chúng tôi nghĩ rằng, qua lời dạy của chư Phật chư Tổ và nhất là qua đoạn kinh Lương Hồng Sâm mà chúng tôi đã trích dẫn ở phần đầu chương sách này, thì người đời dù cho có mạnh khoẻ đến đâu, quyền lực cỡ nào, giàu sang đến mấy đi nữa thì sự giàu sang, uy quyền, hạnh phúc cũng không lấy gì bền chắc, nhất là không thể nào bảo đảm cho mạng sống của mình trước sự hủy diệt của quỷ vô thường. Chúng tôi thiết nghĩ khi đã thấm thía ý nghĩa câu “ngày giờ qua mau, mạng sống giảm dần” thì quý Phật tử hãy tận dụng tối đa khoảng thời gian ngắn ngủi trong cõi đời tạm bợ này mà nỗ lực công phu trì danh niệm Phật và tha thiết sám hối để khỏi ân hận trước khi tâm thức hoảng loạn trong thời khắc lâm chung.

### **C. GIEO CHÁNH NHÂN CHÂN THẬT NIỆM PHẬT**

Trong kinh Lương Hồng Sâm, chương thứ nhất “Quy y Tam Bảo” có đoạn: “Đệ tử chúng con tự nghĩ rằng: Hình tợ sương mai, mạng như nắng chiều, đời sống mong manh, chưa biết chết lúc nào. Lại thêm nghèo thiếu, không có phước đức xứng đáng, không có trí tuệ sáng suốt, không có hiểu biết như đại nhân thần thánh, lời nói không tốt đẹp, không trung hòe, nhân nghĩa, hạnh kiểm tiến thoái không có lễ độ, tôn ty. Nếu làm lập chí như vậy, càng thêm mệt nhọc cho sự tu hành”. Chỉ nội đoạn kinh văn ngắn gọn, súc tích này chúng ta cũng đã nhận thấy chư vị Tôn đức Tổ sư lúc nào cũng khuyến răn người học đạo nhận chân đời sống vô thường, thân người giả tạm, sanh tử bức bách và hãy nhìn kỹ lại bản thân mình để rồi qua đó mà lập chí tu hành.

Từ việc nhận thức sâu sắc về đời sống vô thường đến việc thấy rõ tầm quan trọng của việc lớn sanh tử mà mỗi Phật tử chúng ta đều cùng chung số phận là đều phải hụp lặn trong bể khổ Ta bà và chịu thống khổ bởi sự bức ngặt của luân hồi sanh tử. Chúng ta cũng đã ý thức sự hủy diệt của vô thường không hề dành đặc ân cho bất kỳ ai, đó là sức khoẻ chúng ta ngày một yếu đi, thân thể ngày càng hư hao, trí óc tinh thần ngày càng mệt mỏi, mạng sống ngày càng giảm dần, cuối cùng là chúng ta đành bất lực buông tay để trôi theo dòng nghiệp lực, để rồi tiếp tục thọ lấy khổ đau, tiếp tục trở lại một chu kỳ luân hồi sanh tử.

Khi đã thấu hiểu và khắc ghi trong tâm trí những vấn đề trọng đại này, chúng ta mới nhận ra sự quý giá vô hạn của khoảng thời gian còn lại, chúng ta vẫn còn cơ hội để tận dụng nó mà tiến tu trên con đường Phật pháp. Trong đoạn kinh Lương Hồng Sâm trích dẫn ở trên, chúng tôi nghĩ rằng, chư vị Tôn đức Tổ sư đã đặt việc nhận thức vô thường và lập chí tu hành lên trên hết, nó mang tầm quan trọng rất lớn đối với bất kỳ ai khi đã hướng về ngôi nhà Phật pháp. Cũng từ đoạn kinh văn này, mà chúng ta có dịp soi rọi lại bản thân mình, từ đó nhận thấy rõ hơn về sự hời hợt của bản thân, dù chúng ta đã quy y Tam Bảo, đã phát bồ đề tâm, đã chọn pháp môn tu học ... nhưng chúng ta vẫn chưa thật sự lập chí tu hành đúng nghĩa là hành giả trong ngôi nhà Phật. Chính vì vậy mà chúng ta đã chưa gieo được chánh nhân trong sự nghiệp tu hành của mình. Ở đây, chúng tôi muốn nêu bật lên ý nghĩa của việc gieo chánh nhân trong công phu tu tập của những người đang hướng về Tịnh Độ. Chánh nhân đó là chân thật niệm Phật. Đó cũng là kiên cố Tín Hạnh Nguyện.

Để nói đến việc lập chí tu hành của người học Phật, nhân đây chúng tôi xin trích dẫn thêm một đoạn kinh văn trong chương thứ nhất (Quy Y Tam Bảo) trong kinh Lương Hồng Sâm như sau: “Ngưỡng mong đại chúng đồng nghiệp trong đạo tràng, nên phải ân cần, thận trọng. Phát tâm dũng mãnh tâm không buông lung, tâm an trú, tâm quảng đại, tâm thù thắng, tâm đại từ bi, tâm lạc thiện, tâm hoan hỷ, tâm báo ơn, tâm tế độ, tâm giữ gìn hết thảy chúng sanh; tâm đồng tâm Bồ tát, tâm đồng tâm chư Phật. Nhất tâm nhất ý chí thành đánh lễ Tam Bảo”. Qua đoạn kinh văn này chúng tôi thiết nghĩ nếu quý Phật tử lưu tâm đến tâm hạnh lập chí này, tha thiết học hỏi thực hành theo thì sẽ được lợi ích rất lớn, sẽ sáng tỏ đường đi lối về trong ngôi nhà Phật pháp và quan trọng hơn là sẽ có được một hướng đi chuẩn xác trên bước đường học Phật bởi những tâm hạnh được nêu ra rất cụ thể rõ ràng trong đoạn kinh trên, chính là chánh nhân để xa lìa ngũ dục, xa lìa đau khổ phiền trược, xa lìa buông lung dãi dãi, xa lìa phan duyên tạp niệm. Những tâm hạnh này chính là chánh nhân chánh niệm trong công phu trì danh niệm Phật.

Sở dĩ trong chương “Nhận thức về cõi đời vô thường” này, chúng tôi trích dẫn một số đoạn trong kinh Lương Hồng Sâm, vì chúng tôi nghĩ rằng, mỗi câu mỗi chữ trong bộ kinh này, dù văn chương giản dị gần gũi nhưng ý nghĩa rất thâm sâu, cao tột; mỗi chữ mỗi câu đều phát ra một sức sống đạo mãnh liệt và có khả năng hổ giải nghiệp chướng rất nhiệm màu. Đồng thời, chúng tôi nghĩ rằng, đây cũng là một bộ kinh rất gần gũi với những hành giả chuyên tu theo pháp môn Tịnh Độ, một bộ kinh trợ duyên rất hữu hiệu và thiết thực cho người trì danh niệm Phật trong thời mạt pháp này. Chính vì vậy mà chúng tôi xét thấy rất cần lý giải vài dòng về sự hỗ trợ cũng như tương quan mật thiết giữa ý nghĩa huyền nhiệm của kinh Lương Hồng Sâm với pháp môn trì danh niệm Phật, qua đó giúp người niệm Phật có bước đi đúng hướng, gieo được chánh nhân chân thật niệm Phật. Thật ra, trong đoạn kinh văn này, chỉ cần chúng ta gắng lòng thành khẩn, chậm rãi đọc từng câu chữ, chúng ta sẽ cảm nhận ngay nguồn suối tâm linh trong mỗi chúng ta sẽ lưu xuất tuôn trào, tâm đại từ, đại bi của chúng ta sẽ bừng dậy, tất cả tâm hạnh (trong đoạn kinh văn này) dường như hòa nhập với tâm chân thật niệm Phật làm một. Ngược lại, một câu Phật hiệu với đầy đủ Tín-Hạnh-Nguyện được phát khởi từ tâm hành giả cũng sẽ bao hàm hết tất cả tâm hạnh và chí nguyện mà trong đoạn kinh văn nêu trên miêu tả. Do vậy, chúng tôi chủ quan nghĩ rằng, dù là người Phật tử sơ cơ niệm Phật hay những hành giả Tịnh Độ đã niệm Phật tương đối thuần thực, thì cũng nên trì tụng lễ bái kinh Lương Hồng Sâm, vì chắc chắn rằng, sẽ có sự trợ duyên rất lớn, sự bổ sung rất thuyết phục cho quá trình công phu trì danh niệm Phật và nhất là sẽ thường xuyên nhắc nhở chúng ta cảnh tỉnh trước vô thường để giúp chúng ta không ngừng phát triển công phu chân thật niệm Phật.

Thời gian như tên bắn, ngày tháng như thoi đưa, cõi đời vô thường, mạng sống mong manh, kiếp người ngắn ngủi, chẳng ai biết trước ốm đau khổ nạn ập đến lúc nào. Sống chết thành linh bất chợt, diễn biến ra sao, khó mà lường trước. Trong khi đó, cái thế giới mà chúng đang sống lại đầy dẫy bất an, nào là đấu tranh khủng bố, nào là thiên tai dịch bệnh, nhất là những năm tháng gần nay tình trạng băng tan, tình trạng quả đất nóng lên, và hậu quả ban đầu chỉ với vài trận động đất sóng thần, mưa bùn bão tuyết, núi sập lũ quét ... mà đã cướp đi hàng triệu sinh mạng trên hành tinh này ...

Đời người như một giấc mơ, mà khổ đau bất hạnh mà con người phải gánh chịu lại là một sự thật. Đó là một thực tế phù phàng. Nếu như tất cả chúng ta không một phen lập chí hướng thượng tu hành, không định hướng lại việc tu hành, không gieo chánh nhân, không chân thật niệm Phật ... thì quả là uổng phí một đời, thì quả là bất hạnh chồng lên bất hạnh, quả là lỡ một dịp may, khi sanh ra đời có duyên với tam bảo ...

Lão Pháp Sư Tịnh Không đã dạy Phật tử tại các đạo tràng niệm Phật về việc gieo chánh nhân trong quá trình tu theo pháp môn trì danh niệm Phật như sau: “Cái giá trị tu hành phong phú nhất để đạt đến sự viên mãn chân chánh là nhất định phải niệm Phật, chân thành, khẩn thiết nhất, khuyến khích dẫn dắt chúng ta ...”. Tuy nhiên, nếu chúng ta không tha thiết với việc giải quyết tận cùng cõi rễ sanh tử thì nhất định chúng ta không thể nào đạt đến cái giá trị cao quý của sự tu hành đó.

Để kết thúc chương này, một lần nữa, chúng tôi mong rằng, quý Phật tử hãy khắc ghi trong tâm trí hai chữ vô thường và hãy đặt hai chữ sanh tử vào trong mỗi suy nghĩ việc làm hằng ngày thì chúng ta mới có thể phát tâm đồng mãnh tinh tấn trì danh niệm Phật và thiết tha sám hối nghiệp chướng, như vậy chúng ta mới có thể thường xuyên tăng trưởng Tín-Hạnh-Nguyện để đạt đến công phu chân thật niệm Phật. Có như vậy chúng ta mới sống không uổng phí một đời, dù đời sống còn lại có ngắn ngủi, thì chúng ta cũng có quyền tự hào là chúng ta đã sống có ích, đã không cô phụ bản thân, đã phần nào xứng đáng với bốn ơn ba cõi ...

## **CHƯƠNG 2**

### **SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG – GIỮ GIỚI TRÌ TRAI.**

.....

## A. NGHIỆP CHUỞNG

Là người học Phật, lẽ nào chúng ta chẳng có một chút cảm xúc nào trước một áng văn tràn đầy bi tâm lân mẫn của chư vị đại Tổ sư? Nếu chưa phải là người vô cảm thì chúng ta hãy mau mau phát tâm niệm Phật. Chúng ta không nên chờ đến ngày mai, vì biết ngày mai sẽ ra sao? “Việc hôm nay chớ để ngày mai” chẳng phải ông bà chúng ta cũng đã khuyên răn con cháu như vậy đó sao?

Ngày xưa có đôi bạn thân, sống với nhau từ hồi còn ẵm địu, cùng học một lớp, khi lớn lên, do hôn cảnh và điều kiện sống nên mỗi người mỗi ngả. Dù ở khá xa nhau nhưng họ vẫn gặp nhau nhân dịp giỗ Thầy vào mùa xuân hằng năm.

Trong một lần giỗ Thầy vào mùa xuân năm ấy, bạn A tâm sự với bạn B:

- Tôi mấy năm sau này tuy vẫn còn làm việc, nhưng đã hạn chế bớt những việc xét thấy không cần thiết để chuyên tâm niệm Phật. Đời vô thường quá! Thời gian trôi qua nhanh quá! Mới đây mà tóc anh em mình đã ngả màu muối tiêu hết. Anh còn nhớ ngày xưa Thầy đã dạy chúng mình như thế nào không? Anh cũng nên bắt đầu đi là vừa ...

Người kia ôn tồn đáp:

- Vẫn biết vậy, tôi vẫn còn nhớ lời Thầy, nhưng ngặt nỗi bao năm nay tôi cố giải quyết chuyện gia đình mà vẫn chưa đâu vào đâu cả, trong năm nay để tôi cố gắng hơn tất sẽ noi gương anh.

Thế nhưng, trong lần giỗ Thầy vào mùa xuân năm sau nữa, trước bàn thờ Thầy họ chỉ còn có một người đến khẩn lễ. Còn người khác năm sau sẽ cùng bạn tu hành cũng đã theo Thầy qua bên kia thế giới.

Người bạn còn lại ngậm ngùi đốt thêm một nén nhang ... tưởng niệm!

Qua câu chuyện ngắn trên đây, chắc có lẽ trong mỗi chúng ta không khỏi chạnh lòng với chính bản thân mình, khi để thời gian vụt qua mà chẳng làm được gì ngoài việc tạo tác thêm vô số nghiệp. Mà thật, người đời dù giàu có, mạnh khỏe, quyền lực đến đâu đi nữa cũng không thể nào bảo đảm được mạng sống của mình trước quỹ vô thường. Do đó khi đã ý thức về lý vô thường, chúng ta cần phải biết tận dụng thời gian trong đời sống ngắn ngủi này để khỏi ân hận trước khi tâm thức hoảng loạn trong giây phút xa rời thế giới huyễn mộng này.

Chúng ta đã quy hướng về Phật pháp, đã chọn pháp môn niệm Phật để hành trì, chúng ta đã củng cố niềm tin và cảnh sách nhau về lý vô thường để cùng nhau tinh tấn. Vấn đề còn lại của chúng ta là công phu niệm Phật như thế nào để thân tâm chúng ta cùng với danh hiệu Phật hồ nhập làm một, không hai không khác? Có thể nói đây quả thật là một vấn đề nan giải.

Trong suy nghĩ của mỗi Phật tử chúng ta, đức Phật là đáng tôn trọng tôn, trang nghiêm, thanh tịnh ... Do vậy khi lễ Phật hay niệm Phật, chúng ta luôn sợ thân tâm mình còn ô uế, còn tạp niệm, chưa thanh tịnh ... nên không dám hoặc chưa dám niệm Phật. Mỗi khi nghe ai đó khuyên niệm Phật, trong lòng chúng ta thì rất muốn,

nhưng tâm ý chúng ta lại e ngại vì cho rằng mình chưa thanh tịnh. Đây là trạng thái tâm lý do kính ngưỡng Phật pháp mà sanh dè dặt, nên rất dễ nhận được sự cảm thông. Cũng suy nghĩ như vậy, có người còn cho rằng, khi đến một nơi chốn trang nghiêm thiêng liêng thanh tịnh, lẽ nào ta lại mang đồ ô uế đến. Hơn nữa cứ mỗi lần có dịp đến chùa tụng kinh lạy Phật, chúng ta luôn được nghe nhắc nhở: “Lên chánh điện thân tâm phải thanh tịnh” hoặc “Phải dùng cái tâm thanh tịnh để đến với Phật, để niệm Phật” Ôi ! Cái tâm thanh tịnh ra sao mà đi chùa lạy Phật cũng khó khăn quá vậy? Nhưng tâm thanh tịnh là gì? Phải chăng là cái tâm “không vọng” vọng tưởng?

Tâm thanh tịnh là tâm không vọng tưởng, quả đúng là như vậy. Thế nhưng nếu tâm hết vọng tưởng thì chúng ta còn niệm Phật để làm gì? Ở đây chúng ta phải biết rằng, đức Phật khi nói đến “tâm thanh tịnh” tức là nhằm khai thị chơn tâm Phật tánh nơi mỗi chúng ta, chứ không phải nói về cái tâm vọng tưởng chấp trước điên đảo sanh diệt của chúng ta.

Do vậy, khi chúng ta phát tâm niệm Phật, tức là chúng ta đã phát khởi nguồn sống tâm linh từ chơn tâm Phật tánh của chúng ta rồi. Vì chỉ có tâm Phật, tánh Phật, mới có thể phát động cái tâm muốn niệm Phật, còn tâm vọng tưởng tà vạy thì xu hướng ngũ dục chứ làm gì có khả năng phát khởi cái tâm nguyện niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc. Khi nhận ra điều này, thì vấn đề còn lại chỉ là gạt dục khởi trong mà thôi. Và chuyên cần niệm Phật đến “nhất tâm bất loạn” là phương cách thù thắng nhất để chúng ta có thể nhận ra tự tánh Di Đà của chính mình.

Đức Phật dạy chúng ta: “Chúng sanh đều có Phật tánh” và “ Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”, trong Nho gia cũng có câu: “Nhân chi sơ tánh bản thiện”. Tuy nhiên do một niệm vô minh bất giác chúng ta phải chịu trôi lăn vô lượng kiếp trong vòng sanh tử luân hồi. Từ việc chấp chặt vào cái tâm điên đảo vọng tưởng đó cho là cái tâm chân thật của chúng ta, nên đã sinh ra tự ti, mặc cảm, kể cả tự cao tự đại ... đến khi quày đầu nhìn lại mới thấy mình quả là phàm phu, bất thiện nhiều hơn là đức hạnh thiện lành; bất an, phiền não ám chướng nhiều hơn là thanh tịnh, sáng suốt.

Hiện nay chúng ta dùng câu Phật hiệu, với lòng tin và chí nguyện sâu dày, chúng ta tha thiết chuyên cần niệm Phật, nhằm loại bỏ sự cấu bẩn trong tâm để dần dần chúng ta trở về bản tánh thiện lành và chân như Phật tánh của mình. Chúng ta niệm Phật để cái vốn thiện trời dấy và thăng hoa, để Phật tánh vốn thường hằng ngày một thêm sáng tỏ. Dĩ nhiên khi đó, tâm vọng tưởng điên đảo sẽ không còn đất sống và theo dòng thời gian nó cũng sẽ tan dần theo từng câu niệm Phật của chúng ta.

Thật ra, khi mới bắt đầu thực hành phương pháp trì danh niệm Phật, bao giờ chúng ta cũng gặp phải những khó khăn nhất định, chẳng hạn, chúng ta dễ bị hôn trầm, dễ sanh buồn ngủ, thường bị ngoại cảnh chi phối khiến tâm chúng ta lãng xãng tạp niệm. Đến khi khắc phục phần nào những tình trạng này, thì tật bệnh kéo đến, vọng tưởng tràn về, lại thêm khan cổ viêm họng khiến cho thanh âm lúc to lúc nhỏ, danh hiệu Phật niệm không đều v. v... Khi nắm được những trở ngại luôn xảy ra này, chúng ta chỉ cần hết sức tập trung tinh thần vào câu Phật hiệu và cố gắng giữ vững chí nguyện phát tâm niệm Phật như lúc ban đầu, chúng ta sẽ dễ dàng vượt qua những khó khăn thử thách.

Người xưa thường nói: “Ngọc bất trác bất thành khí”. Quả đúng như vậy, viên ngọc bị chôn vùi dưới lớp đất sâu, khi đào được nó lên, nếu chúng ta không kiên trì đánh bóng mài dũa thì nó cũng chỉ là cục đá mà thôi. Ngược lại nếu chúng ta chuyên cần mài dũa, đương nhiên là phần sáng của viên ngọc sẽ dần dần hé lộ, càng mài càng sáng. Viên ngọc càng lộ sáng bao nhiêu, thì những đất bụi bám vào càng ít đi bấy nhiêu. Nếu chúng ta kiên trì niệm Phật với tâm nguyện thành khẩn tha thiết thì hạt minh châu trong búi tóc chúng ta sẽ hé lộ, vọng tưởng tạp niệm sẽ tan dần vào hư không, khi đó

chúng ta không cần phải tốn thời gian để luận bàn về “chánh niệm” hay “nhất tâm bất loạn”.

Là hành giả tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, chúng ta có quyền tự hào rằng, ngay khi chúng ta mới bắt đầu khởi lên cái tâm niệm Phật, tức là chúng ta đã làm nên một cuộc cách mạng vĩ đại cho bản thân rồi! Vì sao vậy?

Vì trên dòng chảy thời gian mà chúng ta đang sống, ngồi những người đầu tắt mặt tối đa đoan với công việc thì mấy ai nghĩ đến việc tĩnh tọa niệm Phật? Ông bà thường nói: “Nhàn cư vi bất thiện” cũng nhằm ám chỉ các thú vui vô bổ và không lành mạnh như bài bạc, rượu chè, ngồi lê đôi mách v.v... mà khi nhàn rồi người đời thường mắc phạm. Tại sao chúng ta không ngồi niệm Phật để làm tư lương cho ngày mai trong khi mạng sống của chúng ta ngày một giảm dần?

Khi chúng ta niệm Phật, dù chưa hết vọng tưởng, nhưng ít ra chúng ta đã không nói những lời thị phi, sai trái như khi chúng ta ngồi lê đôi mách. Chỉ như vậy thôi chúng ta cũng đã vượt qua cái tâm niệm thương tình của chính mình rồi. Còn khi chúng ta tinh tấn lễ Phật, chuyên cần niệm danh hiệu Phật, tức là chúng ta đã đặt gót chân ra ngồi quỹ đạo luân hồi sanh tử. Dù chúng ta có tinh tấn dài lâu hay không, có kiên trì công phu niệm Phật hay không, nhưng ít nhất là chúng ta đã không phí phạm thời gian và chúng ta đã có được những chuỗi ngày đáng sống!

Thời gian luôn là vấn đề quan trọng đối với người học Phật. Trong cuộc sống, chúng ta luôn tất bật bởi công việc, từ việc nhà cho đến công sở, chính vì vậy chúng ta không đủ thời gian để sống cho riêng mình, hưởng gì là niệm Phật. Chúng ta gọi đó là nhịp sống thời đại. Nhịp sống này đã đẩy con người đến trạng thái đánh mất mình và biến con người trở thành một cỗ máy tạo tác vô cùng kinh dị!

Có khi nào chúng ta thử hỏi lại mình, là chúng ta đã làm được những gì cho chúng ta khi đang sống trong cái thế giới không chắc thật này? Hay là chúng ta làm ra rất nhiều máy móc chỉ để phục vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí của con người: Nào là tivi, đầu đĩa, phim màn ảnh rộng; nào là nhạc cụ, sân vận động, hí trường; và rất nhiều khu du lịch sầm uất đã mọc lên v.v... Đương nhiên là con người sản xuất ra để giải trí. Thế thì nó đã ngốn hết của chúng ta bao nhiêu thời gian trong ngày? Chắc chắn là không phải ít! Vậy mà chúng ta lúc nào cũng than vãn quá, nhất là khi được ai đó khuyên bảo rằng, hãy dành một ít thời gian để sống đích thực cho mình.

Trong nhịp sống thời đại, quả thật thì chúng ta có bận, nhưng xét cho cùng là do chúng ta không biết xếp đặt thời gian chứ không phải chúng ta không có thời gian, hơn nữa chúng ta vẫn chưa nhận thức chuẩn xác về những điều thiết thực quan trọng hơn mà chúng ta cần phải để tâm trong đời sống ngắn ngủi này. Chỉ khi nào nhận ra chân giá trị đích thực của cuộc sống, khi đó chúng ta sẽ không còn ta thán: “Thời gian đâu nữa mà niệm Phật”.

Mặc khác, cho dù chúng ta có tất bật với công việc (như chúng ta tự quan trọng hóa nó) thì ít ra chúng ta vẫn còn có thời gian để ăn uống, tắm giặt, lái xe v.v... nữa chứ! Thiết nghĩ, trong khoảng thời gian để làm những việc này, chúng ta vẫn có thể niệm Phật giống như hình ảnh của ông Mã thợ rèn mà chúng tôi đã đề cập trong sách này.

Do chúng ta chưa nhận thức đúng đắn về lý vô thường, mặc dầu trong đời sống đôi khi chúng ta cũng buộc miệng nói đến vô thường. Khi nhận thức sâu sắc về lý vô thường, chúng ta mới có thể khởi lòng thương hại bản thân mình và khi đó chúng ta sẽ biết phải làm gì chứ phải không đợi người khác khuyên răn nhắc nhở.

Chúng ta niệm Phật là niệm ở trong tâm, là niệm nơi miệng. Chúng ta cho rằng, làm bất cứ điều gì như nấu ăn, tắm giặt, hay lái xe... thì cũng phải để tâm trí vào mới

được việc, do đó chúng ta luôn miệng từ chối lời khuyên niệm Phật của người thân, thế nhưng trong khi làm những công việc đó, thậm chí là đang làm những công việc cần sự tập trung tinh thần cao hơn, thì đầu óc chúng ta vẫn nghĩ ngợi trăm ngàn thứ chuyện trên trời dưới nước vẫn không sao. Như vậy chúng ta khước từ việc niệm Phật chỉ vì nghiệp chướng của chúng ta chứ không phải vì đang bận việc.

Một thực tế đáng tiếc nữa, đó là khi niệm Phật thì chúng ta cho rằng vọng tưởng tràn về cùng khắp khiến không thể nào niệm được, còn khi vui chơi, giải trí thì chúng ta mặc tình cho ngũ dục cuốn trôi. Điều này có nghĩa là chúng ta vẫn luôn “dành phần ưu tiên” cho vô minh phiền não chiếm một vị trí xứng đáng trong tâm hồn mỗi chúng ta. Quả thật là nghịch lý khi vô minh phiền não, sắc trần ngũ dục, vọng tưởng điên đảo từng giờ từng khắc che lấp bản tâm thanh tịnh chúng ta thì chúng ta lại nuôi dưỡng nó, còn công phu trì danh niệm Phật là phương tiện thù thắng để thoát ly luân hồi sanh tử, hướng về thế giới Cực Lạc, một thế giới an vui vĩnh viễn thì chúng ta lại không đối hồi đến, chúng ta cho rằng “không có thời gian”. Nếu phải dùng một câu nói cho có hình tượng, có lẽ chúng ta phải nói rằng: “Chúng ta có dư thời gian cho địa ngục, nhưng chúng ta chưa từng dành một chút thời gian đúng nghĩa cho chính mình”.

Trong cuộc sống người đời vẫn thường bảo nhau, có việc gì đó thì hãy từ từ mà làm, đừng vội, không khéo sẽ hỏng việc. Đúng vậy, tất cả mọi công việc liên quan đến sinh nhai, chúng ta không thể nóng vội mà thành, nóng vội ở đây là khi chúng ta chưa nắm vững căn nguyên cũng như phương thức làm việc, hoặc chưa hiểu biết đối tác thì đừng vội vàng tiến hành. Nhưng đó là những công việc thường tình ở thế gian. Còn việc tu hành hầu mong thoát khỏi luân hồi sanh tử là việc trọng đại, cấp bách như “cứu lửa cháy đầu” do vậy chúng ta cần phải kịp thời nhận ra và tranh thủ với cái giới hạn của kiếp người vô cùng ngắn ngủi này.

Thăng hoa đời sống tâm linh là một việc làm cấp bách mà chúng ta không nên do dự hay hoãn đãi. Nhiều người cho rằng, đi học giáo lý hay lên chùa niệm Phật, ảnh hưởng nhiều đến công việc và đời sống gia đình. Thật sự thì không phải vậy! Nếu biết sắp xếp thời gian hợp lý hoặc biết phương cách tu niệm, thì nó hòng tồn không ảnh hưởng đến công việc, ngược lại việc tu niệm còn hỗ trợ tích cực cho công việc thường ngày của chúng ta nữa.

Ngày nay, nhịp sống thời đại đã khiến cho con người phải hối hả gấp gáp như chính những cỗ máy tại các công trường hay xí nghiệp mà họ đang công tác. Con người gần như không còn tự quyết định cho đời sống bản thân của mình nữa và gần như họ đã quên đi chính mình. Họ không biết rằng, chính con người mới là tác nhân đã biến nhịp sống trở nên nặng nề hay thanh thản. Hơn bao giờ hết, lúc này là lúc chúng ta cần phải dành cho bản thân mình khoảng thời gian nhất định để hướng vọng về thế giới tâm linh, vì không ai biết được mình sẽ sống được bao lâu, khỏe mạnh được bao lâu. Người xưa nói: “Đời người như bóng câu qua cửa sổ” cũng nhằm khuyên chúng ta chớ phí phạm thời giờ mà hãy thiết thực hơn khi đã thấu hiểu vòng xoay của bánh xe luân hồi sanh tử.

Thật ra lỗi người chúng ta rất cần mẫn, năng động, linh hoạt ... nhưng đáng tiếc, thay vì hướng nội khám phá vô minh phiền não ở đâu, thay vì biến tâm điên đảo vọng tưởng trở nên trí tuệ thanh tịnh, thì nhân loại lại miệt mài tạo tác để phục vụ bản năng dục vọng của mình. Trong cuộc sống hiện tại, chúng ta hãy thử xem trên thế giới lỗi người đã tạo tác những gì ... trong một phút, để chúng ta có thể nhân đó rút ra vài nhận xét!

Chỉ trong một phút, con người đã sản xuất ra 61.000 lít rượu vang, 220.000 lít bia, 0.4 tấn ca cao, 11 tấn cà phê bột. Trong một phút, người ta đã đánh bắt 117 tấn cá, chế biến ra thực phẩm từ 314 tấn thịt các loại, sản xuất 14 tấn xúc xích thịt heo, 7 triệu quả trứng gia cầm, 680 ngàn ổ bánh mì ăn sáng. Trong một phút con người sản xuất ra 165 chiếc xe đạp, 62 chiếc ô tô, 178 tivi, 181 radio, 7.935 đôi giày, 126 máy điện thoại, 15



tấn thuốc lá. Trong một phút trên thế giới có 272 em bé chào đời, 100 người chết. Trong một phút con người đã uống 3,5 triệu lít nước các loại và thải ra 4 triệu lít nước tiểu. Đây là kết quả công trình nghiên cứu của nhà khoa học Đức (Jurgen Gansere) được công bố trên Tạp chí SZ Magazin với các thống kê tương đối chuẩn của những cơ quan trực thuộc Liên Hiệp Quốc vào năm 2001.

Đọc qua những con số này, chắc có lẽ tất cả chúng ta đều cảm thấy bất ngờ và bàng hoàng trước sự tạo tác khủng khiếp của con người. Tuy nhiên những con số đã được thống kê này, theo chúng tôi, nó vẫn là con số tương trưng chưa đầy đủ. Bởi vì trên thực tế hiện nay thì 2/3 dân số thế giới thuộc về những quốc gia đang phát triển và chậm phát triển. Ở các quốc gia này, việc sản xuất không qui mô và không chính thức, chẳng hạn như ở Việt Nam, có đến 90% độ tử *lưu linh* chỉ uống rượu đế, đây là loại rượu được nấu đại trà trong nhân dân, hầu hết không đăng ký bản quyền công nghệ, không giấy phép kinh doanh, vì đây là mặt hàng bán lẻ, tự tiêu thụ. Bia cũng thế, những loại bia “hơi”, bia “tươi” được sản xuất đại trà ở các địa phương và được khoảng 90% giới bình dân sử dụng. Việc đánh bắt cá và sử dụng các loại thịt cũng thế. Do vậy chúng ta khó có thể thống kê chính xác là con người đã tạo tác ra những gì trong một phút.

Khi đọc qua những con số lược kê trên đây, chúng ta đã thấy quá khủng khiếp. Vậy mà nó vẫn chưa thấm thía gì so với những con số tương đối chuẩn mà con người đã tạo tác. Chúng ta nên nhớ rằng, những số liệu vừa rồi chỉ được thống kê và công bố từ năm 2001 và chúng ta đều biết, sau mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi một năm, con người luôn có tốc độ tăng trưởng cao hơn trước, như ở Việt Nam mức độ tăng trưởng là 7.2%, ở Trung Quốc còn khủng khiếp hơn nữa 10 -11%, cứ mỗi phần trăm tăng trưởng thì con số sản xuất và tiêu thụ càng tăng lên, kể cả mức “tăng trưởng” về sinh và tử! Do vậy nếu tính đến năm 2007 này thì những con số tương trưng cho sự sanh tử và tạo tác của con người quả là không thể nghĩ bàn ...

Có thể nói những con số nóng bỏng nêu trên đã khiến cho những người dù có thờ ơ hay ít quan tâm đến diễn biến chung quanh cũng phải giật mình. Những con số khủng khiếp đó cũng nhằm khuyến cáo chúng ta rằng, thế giới và con người đang rất lấy làm tự hào trước những thành tựu và tăng trưởng, nhưng thật ra đó chỉ là kết quả của sự tạo tác không ngời mục đích phục vụ ngũ dục của con người.

Cái thân xác hư huyền đáng thương của loài người cứ mỗi phút lại vay mượn biết bao nhiêu vật chất của thế giới xung quanh. Trong đó có biết bao nhiêu sinh mạng của các loại cầm thú để thỏa mãn dục vọng. .

Bên cạnh đó là một con số khổng lồ ẩn tàng trong cuộc sống mà chúng ta chưa nghĩ tới, đó là đã có biết bao nhiêu máu và mồ hôi đã đổ ra để có được những sản vật đó? Đồng thời trên thế gian này, ngay trong thời đại này, còn có những con số đầy cảm xúc mà một khi nhắc đến khiến chúng ta phải chạnh lòng: Song song với sự tăng trưởng, còn có bao nhiêu người phải chết đói, bao nhiêu người hiện không có nhà cửa và bao nhiêu cô gái phải bán thân v.v... Nghĩ đến đây chúng ta sẽ nhận ra, những con số vừa được thống kê đã không còn khô khốc nữa, mà là những con số sống động, đó là một bài thuyết pháp hùng hồn về sự tạo tác triền miên của con người và về sự xa rời bản tâm thanh tịnh của chúng sanh thời mạt pháp. Đó là chướng nạn trong cõi Ta bà! Thời gian trôi qua như tên bắn còn con người thì mãi mê tạo tác, chưa từng có một phút giây dừng nghĩ, chưa từng có một phút giây quay đầu lại với chính mình. Nghĩ đến đây có lẽ tất cả chúng ta đều muốn chấp tay mà niệm “ Nam mô A Di Đà Phật” có phải vậy không?

Riêng con số sinh tử thì mỗi ngày thế giới phải tiễn biệt khoảng 150.000 đồng loại đến nơi an nghỉ cuối cùng. Và ngay bây giờ, ngày mai, ngày một, bữa kia, hay sang năm, sang năm nữa thì cũng đến lượt chính ta sẽ rơi vào bản phong thần khô khốc đó? Trong số chúng ta, tuy chưa ai biết ngày giờ năm tháng mình sẽ đi theo tiếng gọi vô thường, nhưng chúng ta biết một điều chắc chắn rằng: Điều này nhất định sẽ đến!

Đây là điều hiển nhiên, nên ít ai nghĩ đến, hoặc rất ngại khi nghĩ đến. Nhiều người lại cho rằng, có nghĩ tới nó cũng đến mà không nghĩ tới thì nó cũng đến, suy nghĩ làm gì cho mệt, sanh – lão – bệnh – tử mà! Đúng vậy, người ta có thể không nghĩ đến vì trước mắt họ còn biết bao công việc cụ thể phải làm. Thế nhưng, là Phật tử như chúng ta, khi đã biết có luân hồi sanh tử, có tứ sanh lục đạo, thì không thể thờ ơ mà không bàn đến. Mọi người sống trên thế gian này nếu chưa chứng được Thánh quả, chưa giải thoát khỏi khổ đau sanh tử luân hồi, chưa đạt đến cảnh giới Niết bàn, Cực Lạc, thì bắt buộc phải nghĩ đến để tìm cách tự cứu lấy mình.

Trước sự thật phủ phàng này, Phật tử chúng ta phải sống như thế nào để tự cứu lấy mình? Chúng ta không nên lưỡng lự, chần chừ, phung phí thời gian nữa, mà hãy bắt đầu cho một ngày mai tươi sáng hơn, trí tuệ hơn, bình an hơn bằng câu “Nam mô A Di Đà Phật”. Chúng ta phải tranh thủ bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu có thể niệm Phật được là chúng ta niệm Phật. Không cần phải đợi đến chùa chúng ta mới tu, không cần phải đến chùa chúng ta mới niệm Phật, vì Phật ở khắp mọi nơi, Phật ở ngay cả trong tâm ta. Nếu thuận duyên đến chùa, ở đó có Thầy, có đạo hữu cộng tu thì chúng ta dễ tinh tấn hơn, nhưng không có điều kiện đến chùa thì cứ ở nhà mà thành tâm gắng sức công phu niệm Phật.

## PHẦN HAI

**NHỮNG ĐIỀU  
QUAN TRỌNG  
MÀ NGƯỜI  
TU THEO  
PHÁP MÔN  
NIỆM PHẬT  
CẦN PHẢI BIẾT**

**PHẦN BA**

**CHƯƠNG PHỤ LỤC**

## 1. CẢM NIỆM ÂN SỰ

Cuộc đời tôi bất hạnh khi vừa mới chào đời. Sư phụ tôi kể lại, khi tôi vừa ra đời thì ai đó mang tôi đặt cạnh cổng chùa. Nghe tiếng khóc bi thương của trẻ thơ, Thầy đã cho người mang tôi vào Chùa nuôi dưỡng. Kể từ đó, tôi được sư phụ nuôi dạy rồi sau đó cho xuất gia tu học. Đến nay tôi đã gần 70 tuổi, nhưng chưa từng biết song thân ra sao, và dù cố tưởng tượng ra thì cũng chẳng thể nào hình dung ra nổi.

Cũng may, tôi được sư phụ rất mực yêu thương nuôi dạy nên người, lại sớm có duyên xuất gia tu theo Phật, nên những vất vả tưởng chừng khó có thể bù đắp được cũng đã lặng lẽ trôi theo dòng năm tháng. Khi tôi đến tuổi trưởng thành, sư phụ có lần nói với tôi: *”Cuộc đời con tuy bất hạnh nhưng mà lại may mắn”*. Rồi người nói tiếp: *“Nếu không thấu hiểu và bình an trong may mắn mà con đang có, thì đó mới là bất hạnh”*. Những năm tháng được sống trong thiền môn, được hầu hạ sư phụ, được nghe lời dạy: *“Thế gian vô thường khổ não, sanh tử bức bách từng sát na, nếu con không tin sâu lời Phật dạy, không tha thiết niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực lạc thì hướng uổng qua một đời tu hành, khổ vẫn hồn khổ, tứ sanh lục đạo cứ thế theo nghiệp thọ báo không có ngày ra...”*. Nay ngẫm lại lời sư phụ dạy, tôi càng thấm thía, càng mang nặng ân sâu mà Chư Phật Tam Bảo và Sư phụ đã cứu đời tôi đã trao cho tôi huệ mạng, truyền trao cho tôi pháp môn niệm Phật, để tôi có thể vượt thốt khổ đau luân hồi sinh tử.

Trong tập sách Nhất Tâm Niệm Phật – Quyết Định Vãng Sanh này, chúng tôi dành riêng một chương đặc biệt, ghi lại phần nào quãng đời tu hành hoằng hóa độ sanh của sư phụ chúng tôi, người là một trong những bậc Tôn Túc đã dày công hoằng dương pháp môn niệm Phật tại Miền Đông Nam Bộ trong suốt nhiều thập kỷ qua.

Công ơn của ân sư đối với chúng tôi nặng tựa Thái Sơn, sâu hơn Đông Hải, người đã để lại cho chúng tôi tấm gương sáng ngời về lòng vị tha vô ngã, giác ngộ giải thoát, người đã dạy cho chúng tôi phải biết sống hết lòng vì Phật pháp, hết lòng phụng sự chúng sanh... Chính nhờ vâng theo lời dạy của ân sư mà chúng tôi đã vượt qua bao sóng gió nghiệp chướng bằng sự nỗ lực công phu tu tập và Phật sự.

Chúng tôi tự nghĩ, cảm niệm ân sư là để nhắc nhở bản thân, sách tấn môn đồ pháp quyến phải luôn khắc ghi thâm ân Thầy Tổ, vâng lời Thầy Tổ, phát tâm rộng lớn làm lợi lạc quần sanh, thiết tha việc bồn phận chuyên cần niệm Phật để mai hậu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Hành trình tu tập và độ sanh của ân sư chúng tôi cũng là minh chứng xác thực về sự nhiệm mầu thù thắng của Pháp môn niệm Phật, do vậy chương Cảm Niệm Ân Sư này, chúng tôi cũng xem như là một cẩm nang tu học của môn đồ pháp quyến và cho những ai hữu duyên với Thầy Tổ chúng tôi:

Hòa thượng Thích Thiệu Huê, thế danh Nguyễn Văn Lang tức Đinh Văn Mạnh, sinh năm Quý Hợi (1923) tại xã Phú Cường, Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Thân phụ là Cụ ông Đinh Văn Lung, thân mẫu là Cụ bà Lê Thị Đồn. Hòa thượng có 3 anh em, 2 trai, 1 gái. Hòa thượng là con út trong gia đình.

Hòa thượng sinh ra và lớn lên trong một gia đình phúc hậu, sùng tín Tam Bảo, với gạt giống Bồ đề đã gieo trồng từ nhiều kiếp. Vào năm 12 tuổi, Hòa Thượng sớm gặp minh sư, phát tâm xuất gia cầu đạo với cố Hòa Thượng thượng Giác hạ Ngọc tại chùa Linh Sơn Tiên Thạch núi Bà Đen Tây Ninh, được bồn sư ban pháp húy là Quảng Lăng – Tín Huê thuộc dòng Tể Thượng đời thứ 45. Kể từ đó, hôm sớm kệ kinh, siêng năng hành đạo.

Sau gần 10 năm ròng rã bồi công lập hạnh. Vào năm 1942 Hòa thượng được Bồn sư cho thọ giới Sa di tại Chùa Tôn Thạnh Cần Giuộc Long An. Do cố Hòa thượng Liễu Thôn làm Hòa thượng đàn đầu.

Sau đó Bồn sư viên tịch. Hòa thượng sống tại núi cùng các huynh đệ một thời gian. Với ý chí xuất gia và tâm nguyện truyền bá giáo nghĩa Đại thừa đã thúc đẩy Hòa thượng xuống núi đi nhiều nơi để tu học pháp môn Niệm Phật. Cuối cùng Hòa thượng đã gặp được chân sư của pháp môn Tịnh độ là Hòa thượng Thích Trí Tịnh, hiện là phó pháp chủ kiêm chủ tịch Hội Đồng Trị Sự GHPGVN, được ban pháp hiệu Thiện Huê.

Từ khi hạ đơn (núi Bà Đen Tây Ninh), đi nhiều nơi du phương tham học cho đến khi gặp và cầu pháp với Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng chỉ phát nguyện trọn đời thọ Sa di Bồ Tát. Tuy tuổi đã lớn, giới hạnh thanh cao, giới luật trang nghiêm tròn đầy, oai nghi đỉnh đạc, nhưng Hòa thượng Y chỉ sư khuyên bảo, Hòa thượng mới thọ Cụ túc giới.

Từ năm 1948, Hòa thượng nhập chúng tu học tại Phật học Đường Liên Hải (Chùa Vạn Phước, Bình Trị Đông) do Hòa thượng Thích Trí Tịnh sáng lập.

Cùng tham học với Hòa thượng lúc đó, hiện nay còn có các vị như Hòa thượng Thích Tắc An (Chùa Thiên tôn), Hòa thượng Thích Tịnh Thuận (Trà Ôn), Hòa thượng Thích Hồn Quan (Chùa Khánh Vân), Thượng tọa Thích Minh Cảnh (Tu viên Huê Quang)

Sau khi hồn tất chương trình Phật học tại Phật Học Đường Liên Hải, với kiến thức Phật học đã có và sự tu hành tinh tấn, Hòa thượng đã thâm nhập pháp môn Tịnh Độ. Từ đó ngày cũng như đêm, Hòa thượng tu hành một cách miên mật về pháp môn trì danh niệm Phật, đạt đến nhất tâm bất loạn như trong kinh A Di Đà đã dạy. Nhờ vậy mà Hòa thượng đã sớm trở thành một trong những rường cột để xiển dương pháp môn Tịnh Độ tại các tỉnh miền Đông lúc bấy giờ.

Tâm nguyện giải thoát độ sanh, hoằng dương Phật pháp, báo ơn Thầy Tổ đã thúc giục Hòa thượng mang tâm từ bi vào cõi đời đau khổ với phương pháp độ sanh là pháp môn trì danh niệm Phật.

Năm 1951, trước tiên Hòa thượng nghĩ đến việc truyền bá Phật pháp tại quê nhà. Hòa thượng đã trở về quê hương xứ sở của Ngài là huyện Thuận An tỉnh Bình Dương, nơi gặp nhiều tai ách do chiến tranh tài phá.

Dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng đã khai sơn xây cất ngôi chùa Niệm Phật, và tên hiệu “Chùa Niệm Phật” là do chính Hòa thượng Thích Trí Tịnh

đặt cho đề nói lên hạnh nguyện tu hành của Hòa thượng, là người chuyên tâm tu niệm pháp môn trì danh niệm Phật.

Tại đây, đức độ và dung nghi của Hòa thượng đã cảm hóa được rất nhiều người cải tà quy chánh. Dưới sự hướng dẫn của Hòa thượng rất nhiều người chưa biết đạo trở về quy y Tam Bảo.

Để làm bậc thầy mô phạm cho bốn đạo, Hòa thượng rất tinh tấn trong việc tu hành. Chuyện kể rằng : khi chưa xây chùa Niệm Phật Hòa thượng đã chọn một gốc cây cổ thụ và làm cái gác trên chằng ba vừa đủ để ngồi. Hòa thượng ngồi trên đó Tịnh khẩu, ngày đêm tu hành miên mật, mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm trưa, khi cần việc gì Hòa thượng viết giấy đưa cho những người cháu của Hòa thượng. Việc ấy khiến mọi người trong vùng ngưỡng mộ và đến quy y với Hòa thượng ngày càng đông. Chẳng bao lâu thì đạo tràng Niệm Phật tại Bình Dương được thành lập, thu hút hàng ngàn người từ các nơi quy tụ về chùa Niệm Phật để cùng tham dự khóa tu pháp môn Niệm Phật.

Mọi người noi gương của Hòa thượng tinh tấn tu hành và họ cảm thấy sự màu nhiệm. Từ đó mọi người khắp nơi đều tôn xưng Hòa thượng bằng cái tên gọi vừa bình dân vừa chất phác, chứa đầy sự cảm phục, biết ơn, là “ Thầy Niệm Phật”, tức là ông Thầy độ người bằng pháp môn Niệm Phật.

Lúc này cơ duyên đã đến, Hòa thượng nghĩ đến việc “ kể vãng khai lai, truyền đăng tục diệm, kiến lập đạo tràng, trùng hưng Tam bảo, tiếp Tăng độ chúng...” Đó là những Phật sự không thể thiếu được và Hòa thượng ngày càng đông, trong số đó có nhiều vị Thượng tọa lỗi lạc trong và ngoài nước đã làm rạng rỡ danh Thầy, điển hình như : Thượng tọa Thiện Phụng, Thượng tọa Minh Hiền tỉnh Bà Rịa Pháp quốc, Thượng tọa Minh Giác ở Hà Lan.

Hòa thượng là người có công lao xây dựng chùa ở nhiều nơi cho tăng chúng tu học, đó cũng là một cách hoằng pháp. Kế kinh có dạy rằng :

“ Thật tế lý địa, bất thọ nhất trần

Vạn hạnh môn trung, bất xả nhất pháp”

Nghĩa là : Đứng về phương diện chơn như tuyệt đối thì không thể dính một hạt bụi (Thâm trừ vi tế hoặc, linh ngã tảo đăng vô thượng giác) nhưng đứng trên phương diện Phật sự thì không thể bỏ một pháp nào. (Tất cả các pháp đều là Phật pháp)

Bằng tâm nguyện trang nghiêm ngôi Tam Bảo là trang nghiêm Tịnh Độ của Chư Phật, Hòa thượng đã nguyện xây cất nhiều công trình cơ sở tu viện lớn có quy mô Đại Tông Lâm để làm nơi cho Tăng ni tu tập. Và tâm nguyện ấy đã làm cho Hòa thượng phải ngày đêm suy nghĩ. Nhận thấy còn nhiều Phật sự phải làm, chúng sanh nhiều nơi cần phải độ, không thể ngồi yên một chỗ được. Vì vậy mà năm 1957, được sự chứng minh của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng đã khởi công xây dựng cất ngôi Liên Trì Tịnh xá ở núi Thị Vải để truyền bá pháp môn Niệm Phật. Cũng vào năm này Hội Cự Lạc Liên Hữu được thành lập và suy tôn Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Liên Trưởng. Từ đây Liên Trì Tịnh xá được xem như là trụ sở hoằng truyền pháp môn niệm Phật lớn nhất miền Nam lúc bấy giờ. Vào ngày mùng 6 tháng 8 hàng năm, Chư Tôn Đức đã tụ hội về đây tham dự các khóa tu Phật nhất.

Lúc bấy giờ có rất nhiều vị trong hội đã làm rạng rỡ pháp môn Tịnh Độ tại Việt Nam như Cố Hòa thượng Thích Thiện Tâm, Cố Hòa thượng Bửu Lai, Cố Hòa thượng Tịnh Liên và Cố Hòa thượng Tịnh Đức. Các vị kể trên đã từng về đây tham dự khóa tu trong thời gian này. Về sau, khi giặc tràn vào thì Liên Trì Tịnh xá bị đánh bom, đổ nát chỉ còn là đồng gạch vụn.

Năm 1963, trong phong trào chấn hưng Phật giáo của GH. Tăng Già Nam Việt, đặc biệt là cuộc tranh đấu chống chính sách kỳ thị tôn giáo và chế độ gia đình của Ngô Đình Diệm, Hòa thượng đã tham gia công sự với Chư Tôn Đức trong Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật giáo. Những vị cùng tham gia phong trào với Hòa thượng trong thời kỳ đó hiện nay còn

có : Hòa thượng Thích Đức Nghiệp, Hòa thượng Thích Thông Bửu, Thượng tọa Thích Hạnh Hải...

Khi danh hiệu “Thầy Niệm Phật” đã lan rộng khắp nơi, Hòa thượng lúc này là một vị chân tu có đức độ, đâu đâu mọi người nghe đến đều cảm phục đức hạnh của Hòa thượng. Vì thế năm 1964, theo lời tha thiết thỉnh cầu của Hội Phật Tử Bắc Việt, Hòa Thượng đã về trụ trì chùa Đại Giác.

Từ đây, Hòa thượng đã trụ tại đất Sài Gòn để tiếp tục sự nghiệp hoằng pháp lợi danh. Cũng bằng pháp môn trì danh niệm Phật, hòa thượng đã ngày đêm tu hành và trì chú.

Chùa Đại Giác vốn trước kia còn là rừng vắng vẻ ít người qua lại, thế mà khi Hòa thượng về trụ trì chẳng bao lâu đã trở nên nổi tiếng và hưng thịnh hẳn lên, cho đến lúc này thì đức độ của hòa thượng đã đến “đức trọng quý thân kinh”. Bằng chứng là Hòa thượng đã chữa trị lành bệnh cho hàng trăm ngàn người ở khắp nơi.

Đó cũng là một trong các phương tiện để Hòa thượng độ chúng sanh, dùng hình ảnh cụ thể diễn tả khái niệm trừu tượng, lấy “Sự” làm phương tiện để chuyên chở cái “Lý” sâu sắc để độ người mê quay về chánh pháp.

Trong những năm hoằng dương Phật pháp tại đất Sài Gòn, Hòa thượng đã mang tâm Từ bi và hạnh Bồ tát dẫn thân vào cuộc đời để dắt dìu chúng sanh trong biển trầm luân. Cả cuộc đời, Hòa thượng chẳng sống cho riêng mình mà chỉ lo phụng sự Tam bảo và chúng sanh, vì “Phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật” cho nên Hòa thượng đã từng xem thường xác thân mình.

Cuộc sống của Ngài rất đơn sơ đạm bạc. Ai đã từng qua chùa Đại Giác thì chắc hẳn đều trông thấy một vị Hòa thượng dung mạo đoan nghiêm, lúc nào cũng mặc chiếc áo, vải mỏng để che thân. Với bản thân mình thì như vậy, mà tâm nguyện thì lúc nào cũng hướng về chúng sanh. Mặc dù Hòa thượng có thể có vật chất đầy đủ như mọi người đầy chửi, thế Hòa thượng chỉ cần tâm Bồ Tát mà thôi. Hòa thượng giản dị, khiêm cung nhứt nhục. Ngài luôn luôn an trú trong danh hiệu Phật Đà với mục đích đạt được sự giải thoát an lạc.

Vào năm 1968, khi nhân lành duyên tốt đã hội đủ, Hòa Thượng khai sơn và khởi công xây cất Niết Bàn Tịnh Xá Vũng Tàu.

Đây là ngôi danh lam được xếp vào hạng Di tích lịch sử, thu hút rất nhiều người hành hương và du khách trong, ngoài nước.

Những cuốn sách “Danh Lam Thắng Cảnh Việt Nam”, “nghệ thuật kiến trúc Phật giáo”, “Những ngôi chùa nổi tiếng ở Miền nam” đều có nói đến Niết Bàn Tịnh Xá.

Niết Bàn Tịnh Xá được tự tay Hòa thượng thiết kế xây dựng từ năm 1969 đến 1974 thì hoàn thành.

Niết Bàn Tịnh Xá nằm bên triền núi nhỏ, nhìn ra biển Hàng Dương. Chùa xây dựng 4 tầng, trước có trụ phướn hình tháp cao 21 m, một đại hồng chung nặng 3,5 tấn, tranh ghép mảnh long mã cao 4m, rộng 2 m... Đặc biệt là pho tượng đức Phật Thích Ca Nhập Niết Bàn ở chánh điện, dài 12 m màu hồng gạch, phía sau là rừng ta la song thọ rộng lớn.

Phải nói đây là một công trình kiến trúc độc đáo mang ý nghĩa dân tộc của nước Việt Nam, được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa, cũng như được nhiều kiến trúc sư nổi tiếng như Kiến Trúc Sư Ngô Viết Thụ, Kiến Trúc Lê Văn Năm, Trưởng Hội Kiến Trúc Sư Thành Phố Hồ Chí Minh, Thạc Sĩ Kiến Trúc Sư Đỗ Xuân Ba..., từng nói đến.

Đó là do công đức của Hòa thượng đã kiến tạo nên, nhưng đến năm 1976. Niết Bàn Tịnh Xá không còn được Hòa thượng tiếp quản nữa. Dù vậy Hòa thượng vẫn không nói gì hết mà chỉ âm thầm lặng lẽ tiếp tục làm những Phật sự tiếp theo. Có thể nói ngôi công hạnh vị tha của tâm nguyện Bồ Tát, Hòa thượng còn là một nhà nghệ thuật hàng đầu về kiến trúc Phật giáo trong thời cận đại. Chính Niết Bàn Tịnh Xá và còn nhiều công trình khác nữa đã chứng minh điều này. Những việc làm của Hòa thượng đã được mọi người truyền tụng về sau. Ôi !

công hạnh của Hòa thượng nói sao cho hết. Hiện nay Niết Bàn Tịnh Xá được coi là một trong những trung tâm du lịch nổi tiếng của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nói riêng và Việt Nam nói chung. Nó mang ý nghĩa tâm vóc quốc gia. Công trình của hòa thượng còn mang đến nét văn hóa dân tộc, góp phần lợi ích thêm cho xã hội. Đó là điều chứng minh Hòa thượng không những phụng sự đạo pháp mà còn góp phần tạo dựng cho đất nước những di sản văn hóa dân tộc.

Năm 1969, Hòa thượng có nhân duyên vân du về miền cao nguyên Lâm Đồng. Đến di linh Hòa thượng thấy cảnh trí nơi đây thích hợp cho việc truyền bá pháp môn niệm Phật nên hòa thượng đã dừng chân lại nơi đây và khai sơn xây cất lạc cảnh tăng xá Di Linh (nay đổi lại là Chùa Tánh Hải)

Tại đây, với phương pháp trì danh niệm Phật, Hòa thượng đã độ rất nhiều người quy y Tam bảo và một số người phát tâm tu hành.

Sau đó, Hòa thượng cúng lại cho Phật giáo địa phương quản lý và với tâm nguyện độ sanh, Hòa thượng lại tiếp tục vân du đến nhiều nơi khác nữa.

Năm 1974, theo lời mời của Hòa thượng Vĩnh Thọ, trụ trì Chùa Linh Sơn trường thọ ở núi Trà Cú, Hòa thượng lên núi Trà Cú làm lễ đặt viên đá đầu tiên để tạc tượng Đức Phật Nhập Niết Bàn dài 49 m, hiện tôn thờ tại núi trà cú để cho Phật tử khắp nơi hành hương về chiêm bái.

Năm 1976, Hòa Thượng lại một lần nữa quay trở lại vùng đất Thị Vải với ý nguyện sẽ khôi phục lại Liên Trì Tịnh Xá, vì năm 1968 đã bị đánh bom đổ nát chỉ còn là đồng gạch vụn. Nhưng Hòa thượng cảm thấy thời cơ chưa thuận lợi, cho nên cũng vào năm này. Hòa thượng khai sơn Tu Viện Bát Nhã bằng máu lá đơn sơ dưới chân núi để có chỗ cho Tăng ni Phật tử tụng kinh lễ bái.

Chùa Bát Nhã hiện nay là tọa lạc tại thôn Vạn Hạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sau ngày đất nước hồn tồn giải phóng, hòa thượng vẫn mang tâm từ bi và hạnh Bồ tát tiếp tục sự nghiệp độ sanh, ban tặng an lạc, và giải thoát cho đời bằng pháp môn niệm Phật vãng sanh. Hòa thượng lại tiếp tục dân thân nhiều hơn nữa trong sự nghiệp độ sanh qua độ tử.

Ngày 15/10/1985 là một ngày đáng ghi nhớ đối với hàng Phật tử môn đồ tín chúng của Hòa Thượng : Ngài rời chùa Đại Giác đi đến một vùng đất heo lánh xa xôi để ẩn tu, đó là vùng đất Bến Cát thuộc tỉnh Bình Dương. Nơi đây, Hòa thượng sống trong một ngôi chùa nhỏ là chùa Thiên Long.

Chùa Thiên Long vốn là một ngôi chùa nhỏ thuộc vùng quê ít ai biết đạo. Vậy mà từ khi Hòa thượng về tá túc thì chẳng mấy chốc ngôi chùa nhỏ trở nên phong phú và khang trang hơn. Nơi đây, Hòa thượng đã truyền bá rộng rãi về pháp môn niệm Phật cho mọi người. Số người đến phát tâm quy y với Hòa thượng đến hàng trăm ngàn người, trong đó có một số xuất gia.

Từ đó đến nay người dân Bến Cát luôn nhớ ơn Hòa thượng, vì Ngài đã có nhân duyên đến đây truyền trao pháp môn Niệm Phật cho họ. Và người dân địa phương đã từ tôn xưng Hòa thượng là Phật sống.

Trong những năm sống ở đây, Hòa thượng đã nêu cao tinh thần vô ngã vị tha từ bi cứu khổ của đạo Phật. Vì hạnh nguyện Bồ tát của Hòa thượng bao la như trời biển vậy, cho nên hình ảnh Hòa thượng đã để lại trong lòng con người Bến Cát biết bao sự kính trọng.

*Gương lịch sử Thầy đà tiến bước*

*Khuyên các con sau trước đừng quên*

*Trăm năm bia đá nêu tên*

*Ngàn năm bia miệng vững bền lòng tu*



*Huyện Bến Cát là nơi nghỉ mát người tu  
Đầu cho bóng xế trăng lu  
Vững tâm tu niệm ngàn thu độ đời.*

(Lời dẫn dò của Hòa thượng năm xưa khi còn ở Bến Cát.)

Hòa thượng đi đến đâu thì nơi đó đạo pháp phát triển thịnh vượng hơn, pháp môn Niệm Phật truyền bá rộng rãi hơn, làm cho mọi người càng thêm an lạc.

Suốt mấy năm liền sống nơi vùng đất xa xôi ấy, gặp biết bao nhiêu cảnh nghịch duyên. Hòa thượng vẫn sống bình lặng qua bao ngày tháng êm đềm giản dị, sống bằng giá trị thực tiễn của lẽ sống “phụng sự chúng sanh”, đó là tâm nguyện của Bồ tát. Hòa thượng đã biến nơi hoang vu thành Cực lạc, chuyển hóa nội thành chốn thanh lương để đời thấy rõ: “*Não phiền chính là Bồ đề Trần gian là nẻo đi về chơn như*”

Mãi đến năm 1990, Hòa thượng mới trở về chùa Đại Giác. Từ đây cuộc đời của Hòa thượng chuyển sang một giai đoạn khác, nhưng hồi bão xây chùa, tạo tượng, đúc chuông của Hòa thượng vẫn không dừng lại khi tuổi đã xế chiều.

Năm 1993, Hòa thượng đã khởi công trùng tu ngôi chùa Niệm Phật ở Bình Dương, sau những năm bị chiến tranh tàn phá hư hại rất nhiều. Công trình trùng tu này cho đến ngày Hòa thượng viên tịch vẫn còn dang dở.

Ngôi việc xây cất chùa, Hòa thượng còn để lại nhiều công trình tâm cỡ về tượng Phật và pháp khí như :

- Tượng Phật nhập Niết bàn dài 12 m bằng đá mài thật công phu theo đường nét của đá cẩm thạch được tôn trí tại Tịnh xá Niết Bàn.
- Một cặp trống bằng sơn mài có giá trị nghệ thuật điêu khắc cao, đường kính 1,2 mét hiện được để tại chùa Đại Giác.
- Cuối năm 1992, Hòa thượng đã cho tạc tượng Đức Phật Di Lạc ngồi, cao 6 mét bằng gỗ mít với những đường nét chạm trổ công phu. Đây là tượng Phật Di Lạc to cao nhất nước Việt Nam, hiện đang thờ trước chùa Đại Giác.

Năm 1996, Hòa thượng đã cho đúc đại hồng chung cao 3,8 mét, nặng 6 tấn bằng loại đồng quý. Tiếng chuông là biểu tượng thức tỉnh chúng sanh đang đắm chìm trong cuộc đời u mê đau khổ.

*Tiếng chuông ngân dịu dịu  
Đưa người về tánh giác  
Như sực tỉnh cơn mê  
Sanh tử giữa đêm dài  
Hồng chung âm vang vọng  
Tĩnh giác thiên thu mộng  
Giữa biển khổ chơi vơi  
Chuông vàng đang réo gọi.  
Bởi quay lưng với giác  
Mà thành ra sáu nẻo  
Bước vội theo thình trần  
Mà quên hẳn tánh nghe*

Năm 1999, Hòa thượng đã cho tạc một tượng Phật A Di Đà ngồi, cao 6 mét bằng gỗ mít. Đây là một trong những tượng Phật A Di Đà to nhất nước Việt Nam hiện đang được tôn thờ tại Tổ Đình Niệm Phật Bình Dương.

Năm 2000, Hòa thượng đã làm một cái mỏ sơn mài, đường kính 0,5 m. đây là cái mỏ lớn nhất nước Việt Nam từ trước đến nay, nó mang đặc trưng của “dân tộc” con rồng cháu tiên”, hiện để tại Tổ Đình Niệm Phật.

Trong cuộc sống tu hành, Hòa thượng không giữ chức vụ gì trong giáo hội. Mặc dù sau năm 1975, Hòa thượng được nhậm vị cố Hòa thượng Thích Minh Nguyệt và Hòa thượng Thích Thiện Hào đề cử vào tham gia lãnh đạo Giáo hội nhưng Hòa thượng đã từ chối và chỉ âm thầm lặng lẽ làm Phật sự với tâm nguyện Bồ tát vì mọi người, dắt diu chúng sanh trở về con đường chơn chánh. Quan niệm của Hòa thượng quan trọng nhất là thật tâm phụng sự Tam bảo chứ không màng chức tước danh vọng. Ngay từ lúc mới xuất gia, Hòa thượng đã hiểu rõ trần gian là huyễn hóa. Với tinh thần vô ngã vị tha của bậc Bồ tát, Hòa thượng đã làm rất nhiều Phật sự, từ công trình đến công trình khác, công trình nào cũng đồ sộ, để lại cho đời chiêm ngưỡng.

Hòa thượng là người luôn lấy tâm hạnh Bồ tát là mục tiêu chính để hành đạo, thương chúng sanh và hết lòng phụng sự Tam Bảo. Tám mươi năm trong trần thế, Hòa thượng đã cống hiến trọn đời cho đạo pháp, đem công hạnh của Bồ tát làm lý tưởng giải thoát. Với bi nguyện độ sanh của sứ giả Như Lai, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, lấy niềm vui chúng sanh làm niềm vui của mình, lấy hạnh phúc an lạc của chúng sanh làm an lạc hạnh phúc cho chính mình.

Hòa thượng thường nói : *“Xuất gia hành đạo dĩ báo thâm ân. Hoằng pháp lợi sanh dụng thù Tổ đức”*. Có nghĩa là : Người tu sĩ xuất gia có hai bổn phận, một là phải lo đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục, hai là phải lo việc hoằng pháp độ sanh để đền ơn Thầy Tổ.

Với tinh thần hoằng dương Tịnh độ báo ơn Đức Phật, Hòa thượng đã không ngừng truyền bá pháp môn Tịnh độ bằng phương pháp trì danh niệm Phật. Nói đến Hòa thượng là nói đến những con người đức độ, tích cực và gương mẫu trong việc tu hành. Sự tu tập của Hòa thượng rất là tinh tấn, tuy đã lớn tuổi nhưng chưa bao giờ Hòa thượng bỏ thời khóa niệm Phật riêng của mình vào mỗi buổi sáng tại chánh điện.

Mỗi ngày Hòa thượng lần từ vài trăm tràng hạt trở lên. Hòa thượng luôn dạy hàng đệ tử phải lấy tinh tấn làm đầu cho việc tu hành, vì “tinh tấn là xe bạch ngựa đưa người về cứu cánh”. Vì lòng từ bi với nhiều phương tiện, muốn cho đệ tử có công đức tu tập pháp môn Tịnh độ cho nên thời khóa Tịnh độ hàng đêm. Hòa thượng buộc đại chúng phải niệm Phật từ 10 tràng hạt trở lên.

Hòa thượng thường cởi mở, chân thành tha thiết, tán dương pháp môn Niệm Phật, dốc lòng trì niệm hồng danh Đức Phật A Di Đà, nguyện vãng sanh Cực Lạc. Có lẽ vì quá đơn giản mà người đời xem thường, đưa đến khó tin vào năng lực của pháp môn niệm Phật mà kinh A Di Đà đã nói là : “nan tín chi pháp”. Có nghĩa là Pháp môn niệm Phật đơn giản mà hiệu năng thì vô cùng.

Để dễ dàng hướng dẫn người mới phát tâm tu Tịnh độ, Hòa thượng đã soạn ra nghi thức tụng niệm của pháp môn Tịnh độ chứa đựng nhiều bài sám thuận Việt thấm đượm chất liệu giải thoát mang tính thơ ca, khiến cho người đọc kinh cảm thấy an lạc và phát tâm tinh tấn tu hành.

Tuy rằng nghi thức của Hòa thượng hơi dài dòng như không đi ngoài ý nghĩa cốt yếu là cảm hóa được mọi người đến với đạo. Quyển “ Nghi thức Tịnh độ” được ấn tống năm 1974 và được tái bản nhiều lần. Cho đến nay nghi thức vẫn còn nhiều Phật tử thọ trì. Hòa thượng là một người rất bình dân và giản dị, lối sống của Hòa thượng về mọi người.

Nếu ai đã có một thời sống bên cạnh Hòa thượng thì chắc là sẽ cảm phục Ngài. Dù công việc Phật sự rất nhiều nhưng lúc nào Hòa thượng cũng quan tâm đến đại chúng, quán

xuýt tất cả công việc trong chùa, từ việc dạy dỗ đệ tử nên người cho đến các việc nhỏ khác, không việc nào mà Hòa thượng không quan tâm. Ngay cả công việc nơi nhà bếp cũng vậy. Hòa thượng đã từng xuống bếp nấu cơm cho đại chúng ăn, dù tuổi Ngài đã trên 70. Đáng lẽ với tuổi này Ngài cần được nghỉ ngơi, thế mà Hòa thượng vẫn làm những việc rất bình thường.

Có lần, đại chúng thấy Hòa thượng xuống bếp vất vả liền xin Hòa thượng lên phòng nghỉ, Hòa thượng bảo rằng : *“Đó là việc của tôi, không cần các thầy lo, mà hãy lo việc tu hành của các thầy”*, và đi kèm theo đó là một lời khuyên giữ tâm chính niệm, niệm Phật A Di Đà. Đại chúng rất kính ngưỡng Hòa thượng. Hòa thượng ít dùng “khẩu giáo” mà Ngài có cách dạy mọi người bằng “thân giáo”. Đôi khi Hòa thượng dùng những câu nói thực tế nhưng lại hàm chứa ý nghĩa cao siêu làm cho mọi người khắc sâu vào tâm trí.

Hòa thượng chỉ dùng Đức trị để cảm hóa mọi người, chính đức độ Hòa thượng đã làm cho mọi người noi theo.

Hòa thượng là trụ trì nhưng lúc nào cũng ăn cơm chung bàn với đại chúng, không bao giờ Hòa thượng ăn mâm riêng và thức ăn của đại chúng chính là thức ăn của Hòa thượng, đại chúng ăn món gì thì Hòa thượng ăn món đó, dù tuổi tác đã cao lẽ ra cần hưởng chế độ ăn uống riêng để hợp với tuổi tác và hình trạng sức khỏe. Có hôm Hòa thượng bệnh nhưng vẫn cố gắng ra bàn ngồi ăn với đại chúng. Có người xin Hòa thượng nên ăn thức ăn riêng để lấy lại sức khỏe, nhưng Hòa thượng nói : *“Từ từ sẽ khỏe lại thôi, không cần phải ăn riêng, đại chúng sao thì mình vậy mới coi được chứ, mình không nên làm khác vậy”*.

Nghe đến câu nói của Hòa thượng mà ai nấy trong bữa ăn đều xúc động và suy nghĩ rằng trong cuộc đời tu hành cần phải học theo gương của Hòa thượng đôi khi có cả cư sĩ cũng ngồi ăn chung.

Chính thấy lối sống bình dị của Hòa thượng làm cho mọi người nhìn thấy không còn khoảng cách nữa, cho nên trong tâm trí mọi người Hòa thượng như hiện thân của một bậc Hiền nhân trong cuộc đời giả tạm này.

Có thể nói hạnh Bồ tát của Hòa thượng quá rộng rãi mà ít có ai làm được như Ngài. Suốt cuộc đời, Hòa thượng chưa bao giờ được nghỉ ngơi ở một căn phòng nhỏ vừa đủ để tiếp khách, đêm đến thì lên chánh điện nghỉ lưng. Ngài xây cất biết bao ngôi chùa, Tịnh xá để làm nơi cho đại chúng tu tập, vậy mà không có chùa nào Hòa thượng đặt phòng riêng cho mình. Nêu cao tinh thần vô ngã vị tha, Hòa thượng đã thể hiện tinh thần hạnh nguyện từ bi vô hạn qua các mặt công tác từ thiện xã hội, trên khắp mọi miền đất nước nghe nơi nào có thiên tai lũ lụt hỏa hoạn xảy ra thì Hòa thượng vận động tài chánh, phẩm vật để cứu trợ. Ngôi công tác từ thiện ra, Hòa thượng còn nỗ lực yểm trợ cho các trường cơ bản Phật học các tỉnh thành, góp phần đào tạo tăng ni tài đức cho Giáo hội. Hòa thượng còn ủng hộ tài chánh trùng tu một số ngôi chùa đã xuống cấp ở một số địa phương.

Đối với đạo pháp, công hạnh của hòa thượng thật vô biên, Hòa thượng là biểu hiện của tình thương, là nguồn vui sự sống của nhiều lớp người đau khổ. Vì thế mà hòa thượng thường đề thủ bút là : *“Như Nguyện Bồ Tát Thích Thiện Huệ”*.

NHƯ lai sứ giả, đạo thường hành  
NGUYỄN trọn đời phục vụ chúng sanh  
BỒ đề vô thượng, tâm thanh tịnh  
TÁT đóa chi nghĩa, giác hữu tình  
HẠNH tu viên mãn, Liên hoa ngự  
THÍCH tử ngộ Di Đà tánh minh  
THIỆN hướng Bồ đề quy Phật Cảnh  
HUÊ khai Cự Lạc, chứng vô sanh

Trong suốt cuộc đời hoằng hóa. Hòa thượng đã không mệt mỏi trong các Phật sự xây chùa, tạc tượng, đúc chuông, ấn tống kinh điển, dẫn thân vào các hoạt từ thiện... và đem lại an lạc và hạnh phúc cho nhiều người đang lâm vào cảnh khốn cùng và neo đơn. Mặc dù ở tuổi 80, tuổi cần phải ngơi nghỉ, ấy thế mà Hòa thượng vẫn tiếp tục không ngại gian lao, không từ khó nhọc, nỗ lực hoằng dương chánh pháp giáo hóa học đồ, trùng tu chùa Niệm Phật Bình Dương, tạo thuận duyên cho tăng chúng có nơi tu học, Phật tử có nơi chiêm bái. Công trình biến ngôi Tam bảo này thành một danh thắng cho tỉnh Bình Dương. Nhưng chỉ mới xây cất được 80% thì vào cuối thu năm 2000, Hòa Thượng bị bệnh nặng phải đưa vào bệnh viện Bình Dân điều trị. Bác sĩ phát hiện thêm Hòa Thượng bị bệnh gan. Sau đó đưa qua bệnh viện Đại Học Y Dược điều trị, cơn bệnh đã có phần thuyên giảm, nhưng Hòa Thượng biết sức khỏe của mình không được như xưa nữa. Tuy vậy, Hòa thượng vẫn nỗ lực kiên trì thi hành Phật sự lợi lạc quần sinh, quyết tâm đi trọn con đường phụng sự đạo pháp và nhân sinh.

Lần cuối cùng, lâm bệnh nặng, Hòa thượng phải vào bệnh viện Nguyễn Trãi điều trị. Nhưng lúc này, bệnh nan y của Hòa thượng đang ở thời kỳ cuối mà bác sĩ đã cảnh báo là khó qua khỏi. Tuy biết vậy nhưng Hòa thượng vẫn xem thường căn bệnh của mình, xem như không có gì xảy ra, và Hòa thượng xin về chùa an dưỡng. Hồ thường bình tĩnh như không có chuyện gì và còn khuyên đệ tử rằng : *“Phải lấy việc tinh tấn làm mục tiêu chính trong cuộc đời tu hành, và nhất là pháp môn niệm Phật mà Thầy đã thọ trì, đặt trọng tâm là hạnh lợi tha của Bồ Tát”*.

Trong thời gian Ngài nằm tại Bệnh viện Nguyễn Trãi, một buổi sáng nọ, Hòa thượng Vạn Đức đến, Hòa thượng bảo thị giả lấy áo tràng Hồ thượng mặc áo vào để tiếp lễ Hòa thượng Vạn Đức. Tại đây, tinh thầy trò bao năm được ôn lại với những kỷ niệm ngày xưa. Hòa thượng Vạn Đức khuyên bảo : *“Thiện Huê hãy giữ chánh niệm để nhiếp tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, giống như hạnh nguyện trong cuộc đời tu hành của mình đã từng tu tập. Chuyện sanh tử là một quy luật tất yếu, nhưng quan trọng là trong giây phút cận tử nghiệp, cần giữ chánh niệm”*.

Hòa thượng tiếp nhận lời khuyên của bậc ân sư và nói : *“Bạch thầy hãy yên tâm: sanh tử là việc con đã biết trước và con luôn giữ chánh niệm trong suốt cuộc đời tu hành của mình. Con cầu mong Thầy trụ thế lâu dài để chúng sanh được nương bóng Thầy”*.

Hòa thượng cùng Hòa thượng Vạn Đức ôn lại những kỷ niệm, tình thầy trò từ thưở còn dưới mái Phật học trường Liên Hải cho đến những công việc Phật sự được Hòa thượng Vạn Đức chứng minh.

Sau khi nói chuyện xong, Hòa thượng Vạn Đức ra về. Giây phút cuối đời thầy trò gặp nhau đã làm Hòa thượng bùi ngùi xúc động và đây là lần chia tay cuối cùng.

Sau đó Hòa thượng quyết định về chùa an dưỡng, không nằm viện nữa. Hòa thượng nói : *“Về chùa khi nào Phật rước thì hay chứ Thầy không muốn chết trong bệnh viện”*. Nhiều bác sĩ khuyên Hòa thượng ở lại dưỡng bệnh thêm, nhưng Hòa thượng nói : *“Bệnh tôi, tôi đã biết rồi, con người thuận theo thế sự vô thường thì có ai mà tránh khỏi việc sống chết, nhưng quan trọng là thấu hiểu việc ấy”*. Vậy là Hòa thượng về chùa nghỉ ngơi, căn bệnh ngày càng thêm trầm trọng nhưng Hòa thượng vẫn an nhiên tự tại trong khoảnh khắc cuối đời mình và luôn khuyên đệ tử phải giữ gìn Tổ ấn Tông phong để không phụ lòng những người đã dày công dạy dỗ. Lúc bấy giờ nhiều người đến khóc dưới chân Hồ thượng. Ngài đã ôn tồn dạy họ hiểu rõ về vấn đề sinh tử, xem cái chết như sự đi về, không nên buồn đau.

Thế rồi thế sự vô thường luôn thay đổi, tháng lại ngày qua, sức khỏe kém dần theo cơn bệnh. Nhưng Hòa thượng vẫn tỉnh giác chánh niệm an nhiên tự tại, sinh hoạt bình thường trong ý niệm “sinh tử là quy luật của tạo hóa”. Sau lần đau nhẹ, Hòa thượng đã trút bỏ huyễn thân, thu thần thị tịch trở về cảnh giới Niết Bàn bất sanh, bất diệt vào lúc 19 giờ 55 phút ngày 24 tháng 7 năm Nhâm Ngọ (nhằm ngày 1/9/2002) trụ thế 80, năm trải qua 55 mùa an cư kiết hạ.

Vậy là Hòa thượng đã ra đi vĩnh viễn bỏ lại các pháp hữu vi giả tạm, hạnh nguyện chưa tròn, đường phụng sự đạo pháp và chúng sanh còn nhiều người mong đợi nhờ ơn. Nhưng cõi Ta Bà này đã khuất bóng một vì sao, miền Cực Lạc hoa sen thêm nở. Tuy vậy công đức của Hòa thượng đã công hiến cho đạo pháp và chúng sanh sẽ còn sống mãi trong tâm tư những người còn Phật và vạn loại hàm linh trong ý nghĩa pháp giới vô viên, viên dung vô ngại và nơi trần thế này, hình bóng Hòa thượng vẫn còn mãi khắc ghi trong tâm trí môn đồ pháp quyến nói riêng và những người con Phật nói chung.

Thôi rồi ! Cửa trần lặng lẽ khép

Hoa Bát nhã liền khai

Cõi chơn như Thầy vội đi về

Nơi Ta Bà chúng con đành gạt lệ

Hòa thượng là một người mang bên mình một tâm nguyện độ sinh với tấm lòng vị tha cao cả, sống là ban vui đến cho tha nhân, nào phải chỉ riêng mình. Tâm nguyện ấy vẫn mãi mãi tỏa hương trong từng tranf sử, là tấm gương soi sáng cho thế hệ mai sau.

Một mai thân xác tiêu tan

Danh thơm vẫn ở thế gian muôn đời

Pháp thân lồng lộng tuyệt vời

Chiếu soi pháp giới rạng ngời chân như

Nhất tâm đánh lễ Nam Mô Đại Giác

Đường Thượng tự Tế Thượng chánh

Tông tứ thập ngũ thế húy Quảng Lăng

thượng Tín hạ Huê hiệu Thiện Huê,

Nguyễn công Hòa Thượng giác linh chi

tòa chứng giám

Trưa 1 giờ ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Ngọ, di cốt của Hòa thượng được cung đón từ đài hỏa táng Bình Hưng Hòa về lại chùa Đại Giác.

Sau khi mở phần tro ra xem thì thấy trong tro lưu lại rất nhiều Xá lợi, hình dạng và màu sắc khác nhau.

Xá lợi xương là nhiều nhất, có mảnh trắng đục như hạt gạo, có mảnh màu đục như đất, có mảnh đen óng và nhiều mảnh xương khác. Trong những mảnh xương ấy vẫn còn dính chặt rất nhiều những viên Xá lợi cỡ bằng hạt cải, có những hạt tròn dính thành một chuỗi dài trên mảnh xương như một chuỗi hạt trai. Sau khi nhặt xong ước tính khoảng hàng trăm viên ngọc Xá lợi cỡ bằng hạt thóc màu trắng ngà óng ánh, và có một viên Xá lợi hình bông sen 8 cánh cỡ ngón tay cái, màu trắng như hoa tuyết rất đẹp.

Nhìn viên Xá lợi hình bông sen trắng, nhớ lại lúc sanh tiền Hòa Thượng tự lấy hiệu là Bạch Liên đại sĩ. Thầm nghĩ Bạch Liên đại sĩ thuở sanh tiền với viên Xá lợi hình hoa sen bây giờ chứng tỏ rằng đây là dấu hiệu chứng đắc thật tướng Tam muội của Hòa thượng. Đây là điều kỳ diệu trong cuộc đời tu hành của Ngài.

Điều làm cho mọi người phải ngạc nhiên và công nhận đó chính là những viên ngọc Xá lợi là vì với cái nóng trên 3.000 độ của lò thiêu thì tất cả trở thành tro bụi, thì tại sao những mảnh xương kia vẫn còn. Phải chăng điều đó là chứng minh sự đắc quả của một bậc chân tu ?

Vậy là Hòa thượng đã vãng sanh Tây phương như lời đức Phổ Hiền nói trong kinh Niệm Phật Ba la mật : “ Nếu chúng sanh nào nhất tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật tức xuất sanh vô biên công đức, bất khả tư nghĩ, đủ khả năng viên mãn Bồ tát đạo,

phát huy hiệu dụng của Tam thân, Tứ trí, Thập lực, Tứ vô úy, Tứ vô lượng tâm, Lục Ba la mật, Thập bất bất công...”

Xá lợi của Hòa thượng đã chứng minh rằng công đức tu hành pháp môn niệm Phật của Hòa thượng đặc quả, theo kinh Niệm Phật Ba la mật thì chỉ có những bậc Bồ Tát mới thật có Xá lợi hay người tu tinh tấn dứt hết phiền não thì sẽ có Xá lợi sau khi lâm chung. Trong kinh Niệm Phật Ba La Mật (Hòa thượng Thích Thiên Tâm dịch) phẩm thứ 5 có nói: “ Tiếp tục xưng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật mà không phóng tâm theo huyễn sự... đó là danh hiệu Phật đang tuôn chảy liên miên bất tận thành một khối lưu ly sáng rực vàng vạc tròn đầy chiếu suốt mười phương. Nhờ cần mẫn xưng niệm Phật hiệu mà hành giả hiện bày Tự Tâm Quang Minh Hiện lượng, chuyển phiền não dữ dội thành Bồ Đề Thật Tướng, đưa hành giả thẳng vào cảnh giới Thánh Trí Tự Chứng... niệm niệm tương ứng với Đại Địa Bồ tát”.

Hiện nay Xá lợi của Hòa thượng được tôn thờ tại chùa Đại Giác. Đối với môn đồ pháp tuyến và Phật tử Xá lợi của Hòa thượng lưu lại như những viên ngọc quý, và lời dạy năm xưa của Hòa thượng còn vang vọng lại như bài pháp sống động để hoằng dương pháp môn Tịnh độ bằng phương pháp danh niệm Phật mà Hòa thượng đã từng thực hành. Chúng con rất hân diện về công đức tu hành của Thầy và nguyện y theo lời Thầy đã từng dạy chúng con. Hạng đệ tử chúng con xin thành kính đảnh lễ giác linh Thầy.

Nếu có chúng sanh nào chí thành xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà, thì uy lực bất khả tư nghì của danh hiệu khiến chi tâm thể thanh tịnh mà chúng sanh ấy không hề hay biết, tự nhiên chứng nhập Sơ Phần Pháp Thân, âm thầm ứng hợp Bi, Trí Trang Nghiêm của chư Phật.

## **THƯỢNG TOẠ HUYỀN DIỆU (Tổng Thư Ký Hội Phật Giáo Thế Giới) THÀNH KÍNH CẢM NIỆM HỒ THƯỢNG THÍCH THIÊN HUỆ.**

Nhắc đến Hồ thượng Thiên Huệ, tôi nhớ đến nhiều cử chỉ, hành động, tấm lòng rất Bồ tát của Thầy. Tôi được biết từ rất lâu, hạnh nguyện của Thầy là xây chùa, tạo tượng Phật, đúc chuông. Thầy xây xong ngôi chùa này lại đến ngôi chùa khác : Từ Liên Trì Tịnh xá – Núi Thị Vải, Bát Nhã Tịnh Viện – Núi Thị Vải, Niết Bàn Tịnh Xá – Vũng Tàu , Lạc Cảnh Tăng Xa – Di linh – Lâm Đồng, Chùa Đại Giác – Sài Gòn ... bẽ thế. Tiêu biểu là Niết Bàn Tịnh Xá – Vũng Tàu, là một công trình mà Ngài tốn công sức nhiều nhất, nay được Bộ Văn Hóa Việt Nam công nhận là một trong những ngôi chùa đẹp nhất Việt Nam. Đẹp ở đây, qua cái đẹp của vật chất, tỏ tấm lòng thanh thiết sùng hưng ngôi Tam Bảo của Thầy. Ở Niết Bàn Tịnh Xá Thầy còn cho đúc một quả Đại hồng chung có thể coi là một quả chuông to nhất Việt Nam đến nay. Đến nay Thầy xả báo thân, vẫn còn một ngôi chùa Thầy đang xây dang dở ở Bình Dương, là một ngôi chùa mà Thầy tâm sự là muốn để lại một thắng tích cho tỉnh Bình Dương. Điều đó chứng tỏ Thầy là một con người rất thành tâm, thành ý với Tam Bảo. Sống có lý tưởng dù gặp nhiều chướng duyên. Không những thế Thầy còn là một người rất hoan hỷ có tấm lòng vị tha độ lượng đối với những người đã từng hãm hại Thầy, Thầy không bao giờ phản kháng bằng lời nói, bằng hành động mà Thầy chỉ nói đó là nghiệp của Thầy. Thầy cảm ơn những người đã hại Thầy vì họ tạo điều kiện cho Thầy có điều kiện thuận tiện nhập thất.

Thầy còn có tấm lòng rất từ bi. Một lần về Việt Nam, tôi có ghé chùa Đại Giác thăm Thầy, gặp nhiều Phật tử ngồi xếp hàng dài chờ Thầy như chờ Bác sĩ. Tôi cũng ngồi đợi như vậy. Liên sau đó Thầy về, dù rất mệt nhưng Thầy vẫn mở cửa phòng khách niềm nở đón tiếp tôi và quý Phật tử. Tôi có hỏi sao Thầy không nghỉ ngơi rồi tiếp khách. Thầy bảo : “Người ta cần mình thì mình phải giúp đỡ dù có mệt, đó mới là hạnh Bồ tát”. Lời nói chân phương này chứng tỏ Thầy thật có tấm lòng của một vị Bồ tát.

Từ lâu lắm rồi, trước cả mùa Pháp nạn năm 1963, tôi đã được nghe Thầy nổi danh với biệt danh “Thầy niệm Phật”. Nghe nhiều nhưng thật có một lần chính tôi chứng kiến Thầy niệm Phật rỗng rã suốt ba giờ liền trong khi rất nhiều người có sức khỏe phải bỏ cuộc. Tôi

cũng được biết đến những ngày cuối đời, dù nằm trên giường bệnh, Thầy vẫn ẩn nhẫn trì niệm kinh Kim cang. Đây là một thân giáo sâu sắc cho những người hậu học sau này. Tu trì cho đến những ngày cuối đời.

Tấm lòng Thầy to lớn như vậy, nhưng bản thân bề ngoài của Thầy thì giản dị vô cùng. Thầy lúc nào cũng mặc áo tang nhuộm vàng mà người ta xả tang lại bỏ. Ăn thì ăn cơm chung với đại chúng, cả tu sĩ lẫn cư sĩ Ngũ thì nằm dưới sàn gạch chùa. Việc làm của Thầy nhìn qua người ta cho là dễ làm nhưng mấy ai làm được!

Thật hy hữu, tôi được biết sau khi trà tỳ, nhục thân Thầy, thu được nhiều xá lợi, đặc biệt có một viên xá lợi hình hoa sen rất đẹp đủ cả 8 cánh, có gương sen, đài sen, nhụy sen. Tôi đã được tận mắt chiêm bái ngày 26 tháng 04 năm 2003. Điều này chứng tỏ Thầy là một vị chân tu.

Chùa Việt Nam Phật Quốc Tự tại Bồ đề đạo tràng dự định thỉnh Thầy sang chứng minh lễ khánh thành ngày 10 tháng 10 năm Canh Ngọ, nhưng Thầy đã xả báo thân ra đi ngày 24 tháng 07 trước đó. Dù không phải đệ tử của Thầy, nhưng tôi cũng tâm nguyện dành một phòng trong 108 phòng tầng xá mà đệ tử tôi khắp nơi trên thế giới xây tặng tôi để phụng thờ Thầy. Trong đó, tôi dự định thỉnh một tí xá lợi, một số di vật của Thầy để phụng thờ Thầy nhằm mục đích nhắn nhủ cho người đời sau, nhất là hàng đệ tử của Thầy. Khi đủ đại duyên chiêm bái đức Phật, ghé thăm Việt Nam Phật Quốc Tự Bồ đề đạo tràng, nhớ lại công hạnh và đức độ của Thầy, một bậc chân tu thực hành Bồ tát. Cầu mong Thầy tái lai Ta bà để tiếp tục sự nghiệp Bồ tát đạo, góp phần cùng chư vị hộ thân Bồ tát, cứu giúp chúng sanh.

Tôi cũng mong rằng hàng đệ tử của Thầy có dịp sang trú ngụ nơi Bồ đề đạo tràng, nhớ lại hình ảnh tâm nguyện của Thầy Bổn sư mình mà noi theo gương và làm nối tiếp công hạnh của Thầy. Đó mới chính thật là báo ơn Thầy Tổ.

*Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát.*

*Nam Mô Lịch Đại Tổ Sư Bồ Tát Ma Ha Tát Tác Đại Chứng Minh.*

Mùa Phật Đản PL 2547 – 2003

## **HÒA THƯỢNG THÍCH THÔNG BỬU (TỔ ĐÌNH QUÁN THẾ ÂM) VIẾT VỀ THÀNH KÍNH CẢM NIỆM HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN HUÊ**

Cầm bút viết về một vị có nhiều đặc điểm riêng biệt thì thật là không nên, nhưng nhiều lần người học trò cầu Hòa thượng **Thiện Huệ** tha thiết xin tôi viết cho một vài dòng tưởng niệm về Hòa thượng trọn đời dâng hiến Đạo pháp, tôi chẳng thể từ chối, nhưng biết viết gì cho chọn đây ! Đã là nhiều riêng biệt thì không thể nói được, chứ đừng bảo là viết; bởi vì nói riêng biệt thì nhiều khi nó sâu thẳm quá, thà rằng là cao rộng thì dầu không rõ hết, chỉ biết đến đâu nói đến đó cũng được; đặng này sâu thẳm thì biết viết sao đây ?

Về tiểu xử cũng như hạnh nguyện thì kỹ yếu đã nhiều vị nêu rồi, chúng tôi chỉ xin ghi một vài đặc điểm riêng biệt của Hòa thượng.

### **1. Danh hiệu ông thầy niệm Phật :**

Lần đầu tại chùa Xá Lợi, chúng tôi được gặp Hòa thượng sau khóa lễ kỳ siêu, trước kim quan của thầy Bổn sư chúng tôi là Bồ tát Quảng Đức. Phần nghi lễ, chỉ trọn gọn đủ 20 phút, nhưng phần niệm Nam Mô A Di Đà thì hơn nửa giờ. Thưở đó trình độ Phật tử chưa cao, nên hầu hết các khóa lễ chỉ hướng dẫn niệm Phật ba lần; nhưng thầy Thiện Huệ thì niệm Phật cả nửa giờ, cho nên mới được mời gọi danh hiệu là “ ông Thầy Niệm Phật”.

### **2. Ông thầy giản dị :**

Quần chúng mến Thầy chẳng những qua Pháp môn Niệm Phật , mà còn qua nếp sống hiền hòa, giản dị, phục sức đơn sơ, thường sử dụng vải áo tang (loại vải mùng mỏng), do các

gia đình mãn tang sắp đốt thì Thầy xin đem nhuộm màu vàng, rồi may áo ngắn mặt trong nhà. Lúc nào nếp sống cũng xuê xòa với mọi người. Ai cần việc gì giải quyết được, Hòa thượng nhanh nhẹn đáp ứng, việc gì không được trả lời dứt khoát, không làm mất thời giờ. Các đám tang cần mời, Thầy đích thân chủ lễ và tiễn đưa, lễ nghi tươm tất nên làm an lòng người đi, vui lòng kẻ ở. Thầy dung hòa nếp sống bình dân và bình đẳng với mọi thành phần, không phân biệt giàu nghèo, một đức tính rất cần đối với những vị trưởng Như Lai.

### 3-Ông Thầy Kiến Thiết :

Ngồi việc trùng tu chùa Đại Giác – Phú Nhuận, Thầy lại còn khai sơn nguy nga đồ sộ một Phật cảnh ở Vũng Tàu hiệu chùa Niết bàn; và cuối cuộc đời Thầy lại khai sơn một Phật cảnh còn nguy nga hơn hai cảnh trước, đó là chùa Niệm Phật tại Bình Dương.

Hòa thượng dẫu ra đi về thế giới an lành, nhưng cảnh Phật vẫn uy nga hùng vĩ giữa cõi đời phàm tục. Người đời thường nói “hùm chết để da, người ta chết để tiếng”, nhưng Hòa thượng Thiện Huệ không chết, không sanh, mà mãi mãi lưu dấu cho đời nhiều nét đặc biệt tron đó ba nơi Phật cảnh hùng vĩ nguy nga, để hậu thế nương đây mà tu dưỡng .

### 4- Ông Thầy Hòa Nhập :

Thầy đi đâu khi về đến chùa, giải áo tràng mặc áo ngắn vải mùng, có may một cái túi thật to ngang bụng. Trong túi này gồm có : đường, muối tiêu, bột nôm... và Thầy đi thẳng vào bếp nấu ăn. Không phải nấu biểu diễn, mà là thường xuyên như thế. Ngủ nghỉ, ăn uống cũng không hề có sự phân biệt cung cách. Nếp sống của Hòa thượng khiến cho mọi người quý mến, dễ gần gũi và chính cách sống phương tiện của Thầy đã làm nhọc nhằn cầu đưa dặt nhiều người khó tánh càng ngày càng dễ đến gần Phật pháp.

Mỗi vị Tỷ kheo mỗi hạnh, chẳng vị nào giống vị nào, hơn nữa dòng đời trong đục thì Thánh cũng không làm vừa lòng hết mọi người. Vì vậy mà trong giới Tăng lữ hiện hữu có một vị Hòa thượng sống trải những đặt điểm riêng biệt gần gũi quần chúng như thế thì quý biết bao. Đời sống của Hòa thượng Thiện Huệ còn nhiều đặc điểm riêng biệt nói sao cho hết; chúng tôi mạo muội ghi vào tập Kỷ yếu một vài nét độc đáo để tưởng niệm người đã đi qua và soi gọt chính mình, nguyện noi theo những gì mình có thể noi được. Người đã đi nhưng không bap giờ mất .

Kính lạy Hòa thượng chứng tri.



## 2 MƯỜI ĐIỀU TÂM NIÊM

1. Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì dục vọng dễ sanh.
2. Ở đời đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn thì lòng kiêu căng nổi dậy.
3. Cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo.
4. Xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không bị ma chướng thì chi nguyện không kiên cường.
5. Việc làm đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng khinh thường kiêu ngạo.
6. Giao tiếp thì đừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa.
7. Với người đừng mong tất cả điều thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng sinh kẻ mạn.
8. Thi ân đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân c1o mur đồ.
9. Thấy lợi đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì si mê phải động
10. Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân quả chưa xả.

Bởi Vậy Đức Phật Dạy:

- Lấy bệnh khổ làm thuốc thân
- Lấy hoạn nạn làm giải thoát
- Lấy khúc mắc làm thú vị
- Lấy ma quân làm bạn đạo
- Lấy khó khăn làm thích thú
- Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ
- Lấy người chống đối làm nơi giao du
- Coi thi ân như đôi dép bỏ
- Lấy sự xả lợi làm vinh hoa
- Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh

Nên chấp thuận trở ngại thì lại thông suốt, mà mong cầu thông suốt thì sẽ bị trở ngại. Đức Thế Tôn thực hiện huệ giác Bồ Đề ngay trong sự trở ngại, như Ương Quật hành hung, Đề Bà quấy phá, mà Ngài giáo hóa cho thành đạo cả. Như vậy há không phải chính sự chống đối lại làm sự thuận lợi và sự phá hoại lại làm sự tác thành cho ta?

Ngày nay, những người học đạo, trước hết không nhận mình và trong mọi sự trở ngại áp đến thì không thể ứng phó. Chánh pháp chí thượng vì vậy mất hết, đáng tiếc, đáng hận biết ngần nào! (Luận Bảo Vương Tam Muội)

## PHÁP MÔN NIỆM PHẬT PHÙ HỢP MỌI CĂN CƠ

Suốt bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sanh, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã truyền dạy trên tám vạn bốn ngàn pháp môn. Do chúng sanh căn tánh bất đồng, đức Phật đưa ra tám vạn bốn ngàn phương tiện ứng với căn cơ mỗi người, dù thiên kinh vạn điển, vô lượng pháp môn, dù vô số số sao chú giải, quảng lục, ngữ lục ... nhưng tất cả đều chung một đích đến, đó là giúp chúng sanh nhận ra bản tâm thanh tịnh, vượt thốt khổ đau sanh tử luân hồi.

Phật thuyết trên tám vạn bốn ngàn pháp môn, làm sao chúng ta biết được pháp môn nào thích hợp với căn tánh của mình. Tuy nhiên, theo lời chư vị Tổ Sư thì căn cơ chúng sanh tựu trung có ba hạng: Một là hạng thượng căn thượng trí, vừa nghe giảng qua đã thông hiểu ngọn nguồn diệu nghĩa, ngay đó dứt sạch vọng niệm. Hai là hạng người “tam nghiệp” thuần hồ, “tín tâm” kiên cố, dù căn tánh không được lanh lợi như hạng thượng căn thượng trí, nhưng niềm tin Phật pháp không gì có thể lay chuyển được. Ba là hạng hạ căn độn trí, phước đức cạn cợt, nghiệp chướng sâu dày, đã vậy trong hạng người này lại có không ít người luôn lấy hý luận, kiến giải làm sở đắc; do có chút thông minh nên thường hay ôm đồm, khuôn vác đủ thứ tri thức khiến tâm thức thường công cao ngã mạn, đã ràng buộc càng thêm ràng buộc, nhân đó tầm nhìn càng hạn chế ... do vậy rất dễ lạc đường lạc lối, ngày càng xa rời bản tâm thanh tịnh. Đây chính là nói về hạng người như chúng ta hiện đang sống trong thời mạt pháp, đây cũng là hạng người mà đức Phật quan tâm nhất.

Như đã nói, chúng sanh thời mạt pháp hạ căn độn trí, phước đức cạn cợt, nghiệp chướng sâu dày, niềm tin dễ bị lung lay, thường dễ rơi vào tà kiến, ác đạo, nên việc phát tâm tu học gặp rất nhiều trở ngại. Việc chọn pháp môn tu và phương pháp tu cũng trở nên nan giải.

Chúng tôi thiết nghĩ, sự lựa chọn pháp môn tu học đã không phù hợp ắt kết quả sẽ không như ý nguyện. Thực tế này sẽ dẫn đến sự thoái tâm trong quãng đời tu học về sau.

Do vậy để chọn cho mình một pháp môn tu phù hợp và thích nghi với điều kiện sống trong bối cảnh thời đại, việc này không phải dễ dàng và sự lựa chọn này rất là cần thiết, rất là quan trọng cho cả cuộc đời học đạo trong mỗi chúng ta.

Trong biên pháp mênh mông, đối với bậc thượng căn còn gặp không ít khó khăn, huống gì hạng phàm phu, nghiệp chướng sâu dày như chúng ta, thì làm sao tránh khỏi bần khổ và những điều nan giải?

Thế nhưng thật là may mắn, trong biên pháp mênh mông đó, Đức Bổn Sư của chúng ta đã mở bày một phương tiện siêu thắng, một pháp tu vi diệu, phù hợp với mọi căn cơ, mà vẫn đảm bảo sự giải thoát cho mọi chúng sanh. Phương tiện cứu độ thù thắng đó chính là pháp môn Tịnh Độ.

Pháp môn niệm Phật thích hợp ba căn, tóm thâu cả phạm lãn Thánh. Người căn trí cao thích hợp ứng dụng pháp môn này. Người hạ căn cũng có thể hành trì, nhờ pháp môn này mà chóng được vãng sanh, đạt ngôi Bất thối chuyển. Trên các hàng Bồ tát như ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền v.v... đều phát nguyện vãng sanh, dưới đến hạ căn, thập ác ... niệm Phật cũng tùy nguyện đối nghiệp vãng sanh, được cận kề chư Thượng thiện nhân, chư đại Bồ tát Quan Âm, Thế Chí v.v... Như vậy, chúng ta thấy sự diệu dụng của pháp môn này thật là to lớn, sức ít mà kết quả gặt hái được lại rất nhiều. Trong kinh Vô Lượng Thọ có dạy: *“Như Lai rừ lòng từ riêng lưu lại kinh này một trăm năm nữa sau khi các kinh khác diệt hết”*, ý Phật muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của bản kinh, sự phù hợp cả tương lai và hiện tại.

Pháp môn niệm Phật tuy được xem là pháp tu thẳng tắt, phù hợp mọi căn cơ, nhưng cũng là một pháp tu mà chúng sanh khó có thể nhất thời *“Tín – Thọ – Phụng – Hành”*. Đức Phật Thích Ca khi thuyết kinh A Di Đà, đã tiên liệu trước rằng, về sau trong thời mạt pháp, ít người có đủ lòng tin kiên cố, phát lòng niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Chính vì thế mà Ngài đã dẫn lời khen ngợi của mười phương chư Phật để làm bằng chứng chắc thật, phá trừ sự nghi hoặc, củng cố niềm tin trong tâm của mọi người. Xem như thế đủ thấy đức Phật đã biết trước chúng sanh thời mạt pháp còn nhiều nghi ngờ, khó tin vào pháp môn niệm Phật, nên Ngài đã rót cạn lời khuyến răn, sách tấn như thế.

## PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Trước khi đi sâu vào nội dung giữ gìn chánh niệm trong quá trình trì danh niệm Phật, chúng tôi thiết nghĩ cũng cần tìm hiểu qua đôi nét về sự hình thành và phát triển của pháp môn Tịnh Độ.

### A. Sơ lược về lịch sử truyền thừa của pháp môn Tịnh Độ.

Thật ra đường lối tu tập Tịnh độ tông phát triển ở Ấn Độ nhưng không lập thành tông phái, chỉ đến khi các kinh điển Tịnh độ từ Thiên Trúc được truyền sang Trung Hoa, pháp môn niệm Phật mới được thành lập tông phái và ngày càng lớn mạnh.

Chúng ta vẫn biết, dù Phật giáo truyền vào Trung Hoa từ cuối thế kỷ thứ I nhưng phải đến đầu thế kỷ thứ II, những kinh luận về Tịnh độ mới xuất hiện. Đầu tiên, vào năm 252, khi ngài Khang Tăng Khải từ Aán độ đến Trung Hoa, đã dịch bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” ra chữ Hán, giai đoạn này là vào thời Ngụy (250); kế đến thời Tôn Quyền, cư sĩ Chi Khiêm phát tâm phiên dịch bộ đại A Di Đà Kinh; mãi đến thế kỷ thứ IV, vào đời Diêu Tần, ngài Cưu Ma La Thập mới bắt tay vào dịch bộ kinh “Phật Thuyết A Di Đà Kinh” còn được gọi là “Tiểu Bản Kinh A Di Đà” mà ngày nay giới Phật tử chúng ta thường đọc tụng. Tiếp theo, các ngài Phật-đà-bạt-đà-la (Giác Hiền) dịch Tân Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Niệm Phật Tam Muội Kinh; ngài Trí Nghiêm dịch Tịnh Độ Tam Muội.

Sang thế kỷ thứ V, vào thời Lưu Tống, ngài Cương Lương Da Xá phiên dịch bộ “Kinh Quán Vô Lượng Thọ”. Đặc biệt, bộ “Vãng Sanh Tịnh Độ Luận” đã được ngài Thế Thân giảng luận rất sâu sắc, tinh tế. Đây là bộ luận rất có giá trị cho những người tu theo pháp môn Tịnh độ. Trước sự ra đời của ba bộ kinh: “Vô Lượng Thọ”, “Tiểu Bản Kinh A Di Đà” và “Quán Vô Lượng Thọ” kết hợp với bộ “Vãng Sanh Tịnh Độ Luận” cùng vô số kinh điển Đại thừa ca ngợi, xiển dương Tịnh Độ làm cho Tịnh Độ ngày càng khởi sắc. Ngồi ra từ căn bản của những kinh sách Tịnh Độ đã được phiên dịch ra chữ Hán, các bậc cao Tăng thời bấy giờ còn trước tác nhiều bộ luận quan trọng về Tịnh Độ. Có thể nói bước sang giai đoạn này thì Tịnh Độ tông không những đã có nền móng vững chắc mà còn phát triển rực rỡ tại Trung Hoa.

Về sau, đến thời Đông Tấn, Pháp sư Đạo An đã trước tác bộ “Tịnh Độ Luận” có nội dung khẳng định Tịnh Độ tông là một chánh tông trong Phật pháp. Cũng trong thời Đông Tấn, ngài Huệ Viễn đã quy tụ trên 130 người gồm cả Nho, Lão, và Phật tử mở ra hội “Bách Liên

Xã” ở núi Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Hội này chuyên rông niệm Phật, phát nguyện vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Đức hạnh của Huệ Viễn Đại sư và những thành viên trong hội này đã làm dân chúng trong vùng hết lòng kính ngưỡng, và học theo phương pháp niệm Phật của Ngài.

Kế tiếp sau đó là ngài Đàm Loan sống vào thời nhà Ngụy, trước tu pháp “Trường sinh” của đạo Tiên, nhân được ngài Bồ Đề Lưu Chi từ Ấn Độ sang, trao cho Ngài bộ kinh “Quán Vô Lượng Thọ”, nhờ vậy mà Ngài đã bỏ đạo Tiên quay sang đạo Phật, xiển dương Tịnh Độ. Ngài Đàm Loan trước tác bộ “Vãng Sanh Luận Chú”, có thể nói đây là bộ luận danh tiếng của Tịnh Độ tại Trung Hoa thời bấy giờ. Sau ngài Đàm Loan là ngài Đạo Xước (đồ đệ của ngài Đàm Loan) sống vào đời Đường, hoằng truyền pháp môn Tịnh Độ. Thường nhật Ngài chuyên giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ tại chùa Huỳnh Trung, công phu niệm Phật của Ngài có nhiều thọ dụng nên hiển hiện ra nhiều điều linh ứng. Ngài trước tác tập “An Lạc” có nội dung ca ngợi sự linh ứng của pháp môn niệm Phật, qua đó tăng trưởng Tín Hạnh Nguyện cho người tu theo pháp môn niệm Phật.

Sau ngài Đạo Xước là ngài Thiện Đạo trụ trì chùa Quang Minh ở Trường An, ngài Thiện Đạo rất tinh chuyên niệm Phật và ra sức hoằng dương giáo nghĩa Tịnh Độ. Ngài ra đời còn trước tác ra những bộ luận quan trọng như: Quảng Kinh Tứ Nhiếp Sớ, Đại Sớ và Tịnh Độ Pháp Yếu. Đây là những bộ luận giảng về tông chỉ Tịnh Độ rất sâu sắc thiết thực. Trong hàng đệ tử của ngài có Đại sư Hối Cảm, rất giỏi về Pháp Tướng Tông, nhưng về sau chuyên tu theo Tịnh Độ. Ngài Hối Cảm có soạn cuốn “Quyết Nghi Luận”, nội dung phá nghi, làm sáng tỏ giáo nghĩa Tịnh Độ.

Kế đến có Thiền sư Pháp Chiếu cũng xiển dương Tịnh Độ tông, Ngài từng thấy đức Văn Thù, đức Phổ Hiền và Thiện Tài Đồng Tử. Mọi người cho rằng Ngài là hóa thân của Hòa thượng Thiện Đạo. Sau Thiền sư Pháp Chiếu có Pháp sư Thiệu Khương, là người thông suốt Luật tạng, chuyên nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm, lãnh hội yếu chỉ Pháp Tướng tông, trí tuệ siêu việt, về sau Ngài cũng tu theo pháp môn niệm Phật, thường khuyên mọi người phát nguyện cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc.

Ngài Trí Giả ở Thiên Thai, ngài Cát Tạng trụ trì chùa Gia Tường, ngài Pháp Thường ở chùa Phổ Quang, ngài Nguyên Hiếu, ngài Cảnh Hưng vv... đều là những bậc Đại sư lãnh hội yếu chỉ Phật pháp, dù các ngài có phát huy tông phái riêng của mình nhưng vẫn một lòng xiển dương Tịnh Độ. Hầu hết các Đại sư này đều xác tín Tịnh Độ là một pháp môn hợp mọi căn cơ, phù hợp với thời đại và làm lợi ích cho chúng sanh thời mạt pháp.

Căn cứ vào những sử liệu hiện nay đang có thì các ngài Huệ Viễn, ngài Thiện Đạo, ngài Thừa Viễn, ngài Pháp Chiếu, ngài Thiệu Khương, ngài Diên Thọ, ngài Tĩnh Thường, ngài Châu Hoằng được người đời sau suy tôn là tám vị Tổ sư đầu tiên của Tịnh Độ tông tại Trung Hoa. (có tài liệu ghi rằng ngài Thạch Chí Hiếu sống vào đời nhà Tống đã thừa hành các bậc cao Tăng thạc đức thời bấy giờ lập theo thứ tự truyền thừa để suy tôn)

Đến đời nhà Minh, ngài Ngô Khai đề cử ngài Ngẫu Ích làm Tổ thứ chín kế thừa ngài Châu Hồng. Sau đó, ngài Ân Quang đã hợp các bậc cao Tăng thạc đức tu pháp môn niệm Phật tại đạo tràng Linh Nham. Tại đây chúng hội đã suy tôn ngài Hành Sách làm Tổ thứ mười, suy tôn ngài Thật Hiền lên ngôi vị thứ mười một và Tế Tĩnh Đại sư lên ngôi vị thứ mười hai. Sau khi Đại sư Ân Quang viên tịch, các liên hữu đã suy tôn Ngài lên ngôi vị Tổ thứ mười ba của Tịnh Độ tông.

Riêng tại Việt Nam, pháp môn niệm Phật chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người con Phật. Ngay từ ngày đầu du nhập, câu “Nam mô A Di Đà Phật” đã ăn sâu vào tâm thức người Việt Nam, do bởi ngay trong câu Phật hiệu này, đã nói lên tâm lòng từ bi bao dung độ lượng của người con Phật, nó rất gần gũi với nếp sống hiền lương của người dân Việt.

Pháp môn Tịnh Độ du nhập vào Việt Nam trước thế kỷ thứ III, thế nhưng mãi đến thế kỷ thứ V, Tịnh độ tông mới thật sự phát triển. Giai đoạn này, các bộ kinh “Vô Lượng Thọ” và “Quán Vô Lượng Thọ” đã được nhà sư Đàm Hoằng người Trung Quốc mang vào nước ta, điều này đã giúp cho sự lưu thông của pháp môn Tịnh Độ thêm phổ biến.

Sang đến thế kỷ XI, vua Lý Thánh Tông (1023-1072) tuy thuộc thế hệ thứ nhất dòng thiền Thảo Đường, nhưng vẫn thường trì danh niệm Phật. Vào năm 1066, vua Lý Thánh Tông đã cho tạc một pho tượng Phật A Di Đà rất đẹp, tôn thờ tại tháp chùa Vạn Phúc. Ngày nay pho tượng này vẫn còn lưu giữ tại chùa Phật Tích (Vạn Phúc tự) tỉnh Bắc Ninh.

Đến thế kỷ XII, có Thiền sư Tịnh Lực (1111-1175), tuy thuộc thế hệ thứ mười Thiền phái Vô Ngôn Thông, nhưng Ngài vẫn âm thầm mật tu Tịnh độ và thâm chứng “Niệm Phật Tam Muội”. Đặc biệt, vào thế kỷ XIII, vua Trần Thái Tông (1218-1277) đã dành hẳn thiền “Niệm Phật Luận” để bàn về niệm Phật trong “Khóa Hư Lục”, nội dung nói về lợi ích của pháp môn niệm Phật, qua đó khẳng định sự thù thắng nhiệm mầu, phù hợp mọi căn cơ của pháp môn niệm Phật.

Từ thế kỷ XVII trở về sau, pháp môn Tịnh Độ phát triển rất mạnh mẽ tại Việt Nam. Trong giai đoạn này, một số trước tác về Tịnh Độ tông có giá trị như: “Bồ Đề Yếu Nghĩa” của Pháp sư Viên Văn Chuyết Chuyết (1590-1644), “A Di Đà Kinh Sớ Sao” của Đại Sư Minh Châu Hương Hải v.v... Đến thời cận đại chúng ta, đa số chư vị Hòa thượng đều xiển dương pháp môn Tịnh Độ, có thể kể đến: Hòa thượng Phước Huệ, Hòa thượng Khánh Anh, Hòa thượng Thiên Hoa, Hòa thượng Trí Tịnh, Hòa thượng Thiền Tâm v.v... các Ngài đều là những bậc cao Tăng thạc đức, hết lòng phụng sự đạo pháp, suốt một đời chuyên tu Tịnh Độ và khuyến người niệm Phật ...

#### B. Hai bản Kinh và Luận căn bản của pháp môn niệm Phật:

##### Kinh A Di Đà (tiểu bản):

Kinh A Di Đà duy nhất chỉ có một quyển, được Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập đời Diêu Tần phiên dịch. Đặc biệt, bộ kinh này do đức Phật Thích Ca Mâu Ni quán xét nhân duyên, nhận thấy hợp thời, hợp cơ nên tự tuyên thuyết chứ không do chúng hội thưa hỏi. Đây là bộ kinh căn bản của pháp môn niệm Phật.

Trong Kinh A Di Đà, đức Phật đã mô tả sự thù thắng của thế giới Cực Lạc như sau: “... Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thù, sung mãn kỳ trung, trì để thuận dĩ kim sa bố địa, tứ biên giai đạo, kim ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành; thượng hữu, lâu các, diệp dĩ kim ngân, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.”, “... Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, huỳnh kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên mạn đà la hoa, kỳ độ chúng sanh thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích thanh chúng diệu hoa cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời hườn đảo bồn quốc phạn thực kinh hành”. Trên đây là đoạn kinh văn đặc tả cảnh trang nghiêm, thù thắng của thế giới Cực lạc mà bất cứ một Phật tử nào tu theo pháp môn niệm Phật cũng đều có thể thuộc nằm lòng và thông hiểu nghĩa lý, do vậy chúng tôi nhận thấy không cần thiết phải dịch nghĩa, nên chỉ tóm gọn ý chính mà thôi: Đây là thế giới được thành tựu từ vô lượng vô biên công đức, là thế giới vô cùng an vui, cực lạc, tuyệt đối lý tưởng, là quốc độ mà tất cả chúng sanh đều mong muốn quay về nương tựa trên bước đường giác ngộ giải thoát.

Mô tả sự thù thắng của thế giới Cực Lạc xong, đức Bổn Sư của chúng ta tiếp tục giải thích ý nghĩa về danh hiệu Phật A Di Đà: “Xá lợi Phát! Ư như ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà? Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A Di Đà. Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật thọ mạng, cập kỳ nhơn dân, vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, cố danh A Di Đà” (*Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật đó vì sao có hiệu là A Di Đà? Nay Xá Lợi Phát! Ành sáng quang minh rực rỡ vô tận từ Đức Phật kia, chiếu suốt mười phương thế giới không hề ngăn ngại, nên ngài có danh hiệu là A Di Đà. Thọ*

*mạng của Ngài vô lượng vô biên A tăng kỳ tiếp và nhân dân trong cõi nước của Ngài thọ mạng cũng lâu như thế, nên ngài có danh hiệu là A Di Đà).*

Kê đến, đức Phật dạy rằng: "... Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhứt nhựt, nhược nhị nhựt, nhược tam nhựt, nhược tứ nhựt, nhược ngũ nhựt, nhược lục nhựt, nhược thất nhựt, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhơn chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ" (*Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe Phật thuyết kinh A Di Đà, liền sanh tín tâm, chấp trì danh hiệu, nếu trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày được nhất tâm bất loạn. Khi lâm chung mà tâm không điên đảo tức được vãng sanh, người đó sẽ được Phật A Di Đà cùng Thánh chúng tiếp dẫn về Tây phương Cực Lạc*). Như vậy, trong bộ kinh này, đức Phật dạy chúng ta một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, và trong quá trình hành trì, tâm miệm hành giả không được phép xao lãng, phải nỗ lực tập trung công phu để có chánh niệm, cuối cùng phải đạt được nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, thì mới chắc chắn được vãng sanh về Cực Lạc.

**B. Luận Tịnh Độ Vãng Sanh:** Luận này được chư Tôn Đức tu theo Tịnh Độ liệt vào những kinh luận căn bản của Tịnh Độ tông. Trong giảng luận Tịnh Độ Vãng Sanh, ngài Thế Thân tán thán pháp môn niệm Phật và giảng rõ về nội dung ba bộ kinh căn bản của Tịnh Độ (kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ). Đặc biệt, trong luận này, Ngài đưa ra năm phương pháp niệm Phật rất cụ thể và thiết thực để hướng dẫn Phật tử công phu niệm Phật:

- 1- Dùng thân trang nghiêm lễ bái đức Phật A Di Đà (Môn lễ bái)
- 2 - Miệng thanh tịnh trì danh hiệu Phật A Di Đà và luôn tán thán công đức của Ngài (Môn tán thán)
- 3 - Tâm luôn tưởng nhớ Phật A Di Đà và ước mong được vãng sanh về thế giới Cực Lạc (Môn phát nguyện)
- 4 - Quán sát chánh báo, y báo trang nghiêm của Phật A Di Đà cùng tôn thể Thánh chúng ở thế giới Cực Lạc (Môn quán sát)
- 5 - Luôn hồi hướng công đức mình có đến tất cả chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ Ta bà, nguyện cầu cho tất cả chúng sanh sớm được vãng sanh Tịnh Độ (Môn hồi hướng)

Nếu thực hành rốt ráo năm môn này, thì sẽ thành tựu vô lượng vô biên công đức. Trong vô lượng vô biên công đức đó, có năm công đức cụ thể như: Cận môn, Đại hội chúng môn, Trạch môn, Ốc môn và Viên lâm du ký môn. Bốn công đức đầu thuộc về tự lợi, công đức thứ năm thuộc về hạnh lợi tha.

Người tu pháp môn niệm Phật, muốn thành tựu ước nguyện vãng sanh Tây phương Cực Lạc khi mãn báo thân này, thì hiện đời phải tích chứa công đức, vun trồng căn lành, gây dựng chánh nhân Tịnh Độ. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, chánh nhân Tịnh Độ đã được đức Phật thuyết giáo khai thị cho hồng hậu Vi Đề Hy như sau: "*Muốn sanh về cõi nước Cực Lạc phải tu ba thứ phước, một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, giữ lòng từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. Hai là thọ trì Tam quy, giữ trọn vẹn các giới, đừng phạm oai nghi. Ba là phát lòng Bồ đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn người khác tu hành. Ba điều như thế gọi là tịnh nghiệp*".

Ba điều mà Đức Thế Tôn khai thị cho Hồng hậu Vi Đề Hy về chánh nhân Tịnh Độ vừa nêu trên là nền tảng căn bản của pháp môn niệm Phật. Đây là điều kiện hỗ trợ rất đặc lực để hành giả trì danh niệm Phật có thể thoả mãn chí nguyện vãng sanh.

Như vậy, ngoài kinh "A Di Đà", kinh "Vô Lượng Thọ", kinh "Quán Vô Lượng Thọ"... dạy chúng ta trì danh niệm Phật tương đối phổ biến, thì còn có rất nhiều bộ kinh đức Phật đã

thuyết giảng về pháp môn Tịnh Độ và cảnh giới Cực Lạc. Tuy nhiên giới Phật tử chúng ta thường chỉ biết đến ba bộ kinh nêu trên, tôi nghĩ, dù chỉ biết ba bộ kinh Tịnh Độ căn bản đó hay chỉ biết một bộ kinh A Di Đà và một bộ Luận Tịnh Độ Vãng Sanh với tín tâm kiên cố, hạnh nguyện sâu dày, tha thiết thực hành phương pháp trì danh niệm Phật, miên mật đến nhất tâm bất loạn thì không những trong tương lai vãng sanh về Tây Phương mà hiện tiền còn thọ hưởng một đời sống an vui, cực lạc.

C- Sơ lược về bốn cảnh giới Cực Lạc:

Tịnh Độ có nghĩa là “không ô nhiễm”, cũng có nghĩa là “trong sạch” hay “thanh tịnh”, Tịnh Độ là cõi nước thanh tịnh, không ô nhiễm, không còn sự đau khổ. Ở đây, chúng ta cũng cần hiểu thâm nghĩa của không ô nhiễm, không cấu bẩn là để chỉ cho thực thể thân tâm hồn tồn thanh tịnh. Cõi Tịnh Độ là cõi mà từ thân tâm cho đến thế giới bên ngoài tâm thấy đều trang nghiêm thanh tịnh. Đó là quốc độ mà nhân dân trong nước đều có y báo và chánh báo hồn tồn trang nghiêm thanh tịnh. Theo lời Phật dạy thì có rất nhiều cõi Tịnh Độ trong mười phương thế giới. Tùy theo sự thù thắng trang nghiêm và đặc trưng của từng quốc độ, mà tính chất của mỗi cảnh giới có khác biệt. Chúng ta có thể chia làm bốn loại:

1. Phạm Thánh Đồng Cư Độ: Đây là cảnh giới của đức Phật A Di Đà ở Tây Phương. Cảnh giới này vô cùng thanh tịnh, trang nghiêm, an lạc, hạnh phúc, không có bốn ác thú... Nhưng vì Phật, Bồ tát và các Thượng thiện nhơn (chư Thánh) cùng sống chung với các chúng sanh mới vãng sanh (chưa chứng quả Thánh) nên gọi là Phạm Thánh Đồng Cư Độ.

Tỳ kheo Pháp Tạng muốn trang nghiêm Tịnh Độ nhằm giáo hóa hữu tình nên đã hình thành cõi Cực Lạc này. Để hình thành cõi Cực Lạc, Tỳ kheo Pháp Tạng phải trải qua năm đại kiếp, vận dụng mọi khả năng mới tựu thành thế giới. Trong kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ đều diễn tả thế giới Cực Lạc hết sức trang nghiêm tráng lệ, không còn khổ đau, không có ba ác đạo như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v... *“Này Xá Lợi Phất, đất nước ấy vì sao tên gọi là Cực lạc? – Bởi vì dân chúng trong nước ấy không biết khổ là gì, chỉ hưởng thụ mọi sự vui lạc, cho nên cõi ấy được gọi là Cực lạc”* (Kinh A Di Đà). Qua đó chúng ta thấy y báo và chánh báo ở cõi Tây Phương Cực Lạc hết sức thù thắng.

Nếu xét về chánh báo ở cõi Cực Lạc, chúng ta nhận thấy có những đặc điểm như sau:

1- Nhân dân trong cõi đó có thân tướng trang nghiêm, đầy đủ 32 tướng tốt, dung nhan vô cùng xinh đẹp. 2- Nhân dân sống lâu vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. 3 - Đầy đủ các phép thần thông. 4 - Tâm trí luôn an định, không bị hôn cảnh chi phối. 5 - Đã sanh về đây rồi thì không còn bị sa đọa vào ba ác đạo: Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh. 6 - Nhân dân được sanh ra từ hoa sen trong hồ thất bảo, chứ không cấu thành từ nam nữ mà sanh ra. 7 - Cõi đó luôn an vui, không có vương bận, khổ đau. 8 - Cõi đó không có khái niệm về bất thiện huống gì có sự hiện hữu của bất thiện. 9- Trí tuệ biện tài vô ngại. 10 - Được vô sanh nhẫn. 11 - Oai lực tự tại. 12 - Thân thể sáng chói. 13 - Có vô số Thanh văn. 14 - Có vô số Bồ tát.

Xét về y báo, do nương vào đại nguyện của Phật A Di Đà nên cõi Cực Lạc có rất nhiều thắng duyên: đất đai bằng phẳng, mặt đất do bảy báu mà tạo thành, khí hậu ôn hòa, lưới báu bủa giăng, sáu thời mưa hoa, sen báu đầy dãy, hóa Phật thuyết pháp, cây báu phát âm thanh, muôn vật nghiêm lệ, không có ba đường dữ, cung điện trang nghiêm, quốc độ thanh tịnh, hồ tắm trong thơm, nước hồ lên xuống tùy nguyện, hương xông ngào ngạt, thức ăn tinh khiết, y phục tùy niệm, chim biết thuyết pháp ...

Đức Từ Phụ A Di Đà có nhân duyên rất lớn với cõi Ta Bà chúng ta đang sinh sống, lúc nào Ngài cũng thương tưởng, đợi chờ chúng ta như mẹ hiền mong con. Với lòng đại bi lân mẫn của đức Từ Phụ, cộng với những thắng duyên nơi cõi Cực Lạc, nên các bậc Tổ sư thường khuyên dạy chúng ta nên chí thành niệm Phật phát nguyện vãng sanh về cõi đó.

2- Phương Tiệm Hữu Dư Độ: Đây cũng là cảnh Tịnh Độ nhưng chưa được rõ ráo, cứu cánh, mà chỉ là cảnh giới phương tiện của các hàng Nhị thừa. Hàng Nhị thừa nhờ đoạn được

kiến hoặc và tư hoặc nên thoát ra được tam giới. Kiến hoặc là sự thấy biết sai lầm, là sự mê lầm về kiến thức. Tư hoặc là sự mê lầm thuộc về tư tưởng. Hàng Nhị thừa muốn đạt đến cứu cánh rốt ráo cần phải tiến lên bước nữa, tức là đoạn trừ trần sa hoặc (sự mê lầm vi tế) và vô minh hoặc (sự mê lầm căn bản). Do chưa đoạn trừ hết “trần sa hoặc” và “vô minh hoặc” nên gọi là “hữu dư”. Đã là hữu dư thì chưa hẳn còn cứu cánh, nên cảnh Tịnh Độ này được gọi là Phương tiện hữu dư

3- Thật Báo Trang Nghiêm Độ: Đây là cảnh giới của Báo thân Phật, và cũng là nơi an trú của các vị đại Bồ tát, nương theo phương pháp chân thật mà tu tập, gặt hái được những quả báo thù thắng chân thật. Ở cõi này thì vật chất (sắc giới) và tinh thần (tâm giới) không còn gây chướng ngại. Theo lời sớ của Quán Vô Lượng Thọ : “*Tu tập chân thật cảm đặng quả báo tốt đẹp, cho nên gọi là “Thật báo trang nghiêm”*”. Đại thừa Viên giáo gọi cõi này là cõi của các bậc Tam hiền (Trụ, Hạnh, Hưởng); còn bên Đại thừa Biệt giáo, thì đây là cõi của các bậc từ Thập địa cho đến Đẳng giác Bồ tát. Vậy cõi này là cõi hóa thân Phật và cảnh giới của các vị Bồ tát đã tu chứng.

4- Thường Tịch Quang Độ: Đây là cảnh giới Pháp thân Phật an trụ. “Thường” là không thay đổi, không sinh diệt, tức pháp thân của chư Phật. Tịch là chỉ về đức giải thoát của chư Phật. Vì chư Phật đã tận trừ các phiền não, vọng nhiễm, luôn hiển bày đức tính giải thoát. Quang được chỉ cho ánh sáng trí tuệ của chư Phật thường chiếu cùng khắp mọi nơi. Vậy cõi Tịnh Độ này đầy đủ ba đức tính quý báu của chư Phật: Thường, Tịch, Quang, cho nên gọi là Thường Tịch Quang Độ.

Khi chúng ta đã có tín tâm với bản nguyện của Phật A Di Đà, tin có thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta tin thệ nguyện lực của Phật A Di Đà chắc chắn tiếp dẫn chúng sinh có duyên đồng đẳng chín phẩm sen vàng ở cõi Tịnh Độ Phương Tây, và chúng ta thành tâm nguyện cầu vãng sinh về Cực Lạc, với hành trang *tín - hạnh - nguyện*, chúng ta tinh tấn trì danh hiệu Phật đến nhất tâm bất loạn, đương nhiên là chúng ta sẽ được toại nguyện.

D- Lược ghi 21 điều nguyện trong 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà:

Trong 48 lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà, trong bất cứ lời nguyện nào, đức Từ Phụ tôn kính của chúng ta cũng đều tuyên rằng, nếu ở nơi quốc độ của Ngài hễ còn một chúng sanh nào chưa đạt (yêu cầu là công dân trong quốc độ của Phật A Di Đà) thì Ngài sẽ không thành Phật. Chúng tôi xin lược trích 21 trong 48 lời thệ nguyện của đức Từ Phụ A Di Đà để chúng ta vững tin hơn trên bước đường hướng về Cực Lạc.

Nguyện thứ 1: Trong nước không có ba ác đạo.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà trong quốc độ còn ba đường ác: *Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh*.

Nguyện thứ 2: Người trong nước khi thọ chung, không còn đọa ba ác đạo.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ sau khi thọ chung còn đọa lạc ba ác đạo.

Nguyện thứ 3: Người trong nước đều tồn sắc vàng.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không được sắc vàng như chơn kim.

Nguyện thứ 4: Người trong nước đều có hình tướng xinh đẹp giống nhau

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ còn có hình tướng, phân biệt xấu tốt không đồng.

Nguyện thứ 5: Người trong nước phải được *Túc mạng thông*.



Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ chưa chứng được *Túc mạng thông*, không biết về trăm ngàn muôn ức kiếp về trước.

Nguyện thứ 6: Người trong nước đều được *Thiên nhãn thông*.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được *Thiên nhãn thông*, không thấy suốt trăm ngàn muôn ức quốc độ chư Phật trong mười phương.

Nguyện thứ 7: Người trong nước đều được *Thiên nhĩ thông*.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được *Thiên nhĩ thông*, không nghe suốt trăm ngàn muôn ức lời thuyết pháp của chư Phật trong mười phương và không thọ trì được tất cả lời thuyết pháp ấy.

Nguyện thứ 8: Người trong nước đều được *Tha tâm thông*.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được *Tha tâm thông*, không hiểu suốt tâm trí kẻ khác cùng là tâm niệm của chúng sinh trong năm ngàn muôn ức quốc độ của chư Phật.

Nguyện thứ 9: Người trong nước đều được *thần túc thông*.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được *Thần túc thông*, không bay khắp trăm ngàn muôn ức thế giới chư Phật trong khoảng một niệm.

Nguyện thứ 15: Người trong nước thọ mạng vô lượng và đều tự tại trong sự sống chết.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được sống chết tự tại tùy theo bản nguyện riêng.

Nguyện thứ 18: Người trong mười phương chỉ tu pháp thập niệm cũng đủ được vãng sanh.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà chúng sanh trong mười phương một lòng tin tưởng, niệm được mười lần tên hiệu của tôi để cầu vãng sanh Cực Lạc mà đến khi họ lâm chung không được như nguyện.

Nguyện thứ 19: Chúng sanh trong mười phương phát nguyện vãng sanh Cực Lạc đều được tiếp đón.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà chúng sanh muốn phát tâm Bồ Đề, tu hành các môn công đức, cầu được vãng sanh Cực Lạc mà đến khi họ lâm chung, tôi và đại chúng Bồ Tát không phóng quang hiển hiện trước mắt để tiếp dẫn họ về nước Cực Lạc.

Nguyện thứ 20: Chúng sanh trong mười phương hồi hướng công đức đều được vãng sanh Tịnh độ.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương, nghe đến danh hiệu tôi, tưởng nghĩ đến quốc độ tôi, làm các việc công đức để hồi hướng nguyện vãng sanh về nước Cực Lạc mà không được như nguyện.

Nguyện thứ 21: Người trong nước đều có đủ 32 tướng tốt.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không có đủ 32 tướng tốt của trượng phu.

Nguyện thứ 27: Vạn vật trong nước đều trang nghiêm, thanh tịnh, sáng suốt, đẹp đẽ vô lượng vô biên.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, tất cả đồ dùng của nhân dân, hình sắc đều sáng đẹp sạch sẽ rất tốt vì diệu không thể nào tính biết hết trong cõi nước của tôi, mà có người biên biệt danh số các đồ vật ấy được rõ ràng, dù là người chứng thiên nhãn.

Nguyện thứ 31: Quốc độ thanh tịnh chiếu khắp các thế giới.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà quốc độ không thanh tịnh, không soi suốt mười phương vô lượng vô số bất khả tư nghị thế giới chư Phật như gương sáng trong suốt vạn vật.

Nguyện thứ 32: Tạp bảo cung điện ngào ngạt hương thơm.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà cung điện, lầu gác, cây hoa cũng như tất cả vạn vật trong quốc độ không ngào ngạt trăm ngàn hương thơm do vô lượng tạp bảo chung cộng hợp thành, xông lên từ mặt đất đến hư không. Hương thơm ấy phải kỳ diệu hơn tất cả hương trời trải khắp mười phương thế giới và sẽ khiến Bồ Tát nghĩ thấy đều đồng mãnh tu theo hạnh Phật.

Nguyện thứ 34: Chúng sanh trong mười phương nghe được danh hiệu Phật đều chứng được vô danh pháp nhẫn.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà các loại chúng sanh trong mười phương vô lượng bất khả tư nghị thế giới của chư Phật, nghe đến danh hiệu tôi, mà không chứng được vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát cùng là các pháp Tổng Trì thâm diệu.

Nguyện thứ 35: Nữ chuyển thành nam

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi chánh giác, nếu khi tôi thành Phật, có những người nữ trong mười phương vô lượng bất khả tư nghị thế giới chư Phật, chán ghét thân nữ, nghe đến danh hiệu tôi, phát tâm Bồ Đề, hoan hỷ tin tưởng, cầu xả bỏ thân nữ mà đến lúc thọ chung vẫn không xả bỏ được thân nữ.

Nguyện thứ 38: Y phục của nhân dân tùy niệm liền hiện, không cần phải cắt may giặt nhuộm.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ còn có người còn phải cắt may giặt nhuộm mới có áo quần, chứ không được tùy niệm liền hiện như lời Phật tán thán: Diệu phục đúng pháp, tự nhiên đắp lên trên mình.

Nguyện thứ 39: Người trong nước an lạc như hàng lậu tận.

Nguyện rằng: Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không hưởng thọ an lạc như các hàng lậu tận Tỳ kheo.

Xin lưu ý một điều hết sức quan trọng là ở mỗi lời thệ nguyện đều có câu: “Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác”. Có thể nói, đây là đại bi tâm, đại nguyện lực mà ngôi Đấng Từ Phụ của chúng ta, khó có đấng giáo chủ nào trong mười phương thế giới có tâm nguyện từ bi như thế cả. Đức Từ Phụ của chúng ta đã từ chối không chịu làm Phật chỉ vì một điều: “Chúng sanh còn đau khổ”. Quả thật đây là đại nguyện vượt lên trên mọi ý niệm và hạnh nguyện, đã và đang tồn tại trong đời sống trời người.

## PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Trong Kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy rằng: “Quên mất tâm bồ đề mà tu hành các thiện pháp, gọi là hành động của ma”. Trong Kinh Duy Ma Cát (phẩm La Hầu La) đức Phật

dạy: “ Phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đó chính là xuất gia, đó chính là **đầy đủ giới pháp**” Trong Tọa Thiền Nghi có nêu rõ: “Vị Bồ Tát học Bát Nhã nên khởi tâm đại bi, phát lời nguyện rộng lớn, tinh tâm tu pháp Tam muội, khắp độ các chúng sanh, không vì riêng thân mình mà cầu giải thoát. Rồi phóng xả các duyên, dứt nghĩ muôn việc, thân tâm được nhưt như, động tĩnh không xen hở, lường sức ăn uống, không nhiều không ít, điều hòa ngủ nghỉ, không ép ngặt, không phóng túng”.

Trích đăng tồn văn bài Phát Bồ Đề Tâm của ngài Thật Hiền trong tập sách Nhất Tâm Niệm Phật - Quyết Định Vãng Sanh này, chúng tôi không ngại mục đích “Trên đền bốn ơn nặng dưới cứu khổ tam đồ”, đồng thời nhằm sách tấn hàng Phật tử tại gia một khi đã nương theo chánh pháp nên Phát Bồ Đề Tâm để cùng nhau tâm nguyện thiết tha trì danh niệm Phật, cầu vãng sanh về Tây Phương Tịnh Độ, cùng thấy Phật A Di-đà, cùng độ chúng sanh, cùng thành Phật đạo.

Chúng tôi thành kính tri ân dịch giả Tâm Nguyên đã dịch bản văn ra lời Việt. Vì lý do án tổng nhằm trợ duyên cho người học Phật, chúng tôi rất mong dịch giả Tâm Nguyên hoan hỷ cùng chúng tôi thực hiện pháp thí này.

#### Khuyên Phát Tâm Bồ Đề:

Thật Hiền tôi, một Sư Tăng phàm phu, hư hèn ngu muội, dập đầu lạy khóc, róm máu quanh my, van xin đại chúng hiện tiền, cùng tín hữu nam nữ mai hậu, cúi xin quý vị xót thương, ghé tai nghe xét.

Từng nghe: Cửa yếu vào đạo lấy sự phát tâm đứng hàng đầu, việc cấp thiết tu hành lấy sự lập nguyện mới độ nổi, tâm có phát thì đạo mới tựu thành. Nếu tâm rộng lớn không phát, nguyện kiên cố không lập, thì dù trải qua trăm kiếp ngàn đời, vẫn cứ quanh quẩn trong vòng luân hồi mãi mãi. Dù có gia công tu hành, cũng chỉ nhọc công vô ích, đắng cay vẫn hờn đắng cay. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: Quên mất tâm bồ đề mà tu hành các thiện pháp, gọi là hành động của ma. Quên mất mà còn như thế, huống nữa là chưa phát? Cho nên biết rằng, muốn học đạo Như Lai trước hết là phải phát nguyện bồ đề. Không thể hoãn đãi được.

Nhưng tâm nguyện có nhiều tướng trạng khác nhau, nếu không trình bày, biết đâu mà hướng tới? Nay vì đại chúng, xin nói tóm lược. Tướng trạng tâm nguyện có tám điều. Đó là tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên.

Đời có người tu, sau khi vào chùa chẳng xét tâm mình, chuyên lo ngoại vụ. Hoặc cầu sướng thân, hoặc ham nổi tiếng, hoặc ưa thích dục lạc thế gian, hoặc cầu mong quả vui mai hậu. Phát tâm như thế, đích thị là tà.

Danh lợi không ham, quả vui chẳng thiết, chỉ mong giải thoát, đạt đạo bồ đề. Phát tâm như thế được gọi là chánh.

Niệm niệm liên tục, ngược lên thì cầu Phật đạo, cúi xuống thì độ chúng sanh. Nghe Phật đạo cao siêu, không sanh sâu lo thối chí, thấy chúng sanh khó độ không sanh mệt mỏi sờn lòng. Như trèo núi cao muôn trượng, quyết lên thâu đỉnh, như leo tháp lớn chín tầng phải leo tận nóc. Phát tâm như thế được gọi là chân.

Có tội không sám hối, có lỗi không dứt trừ. Ngồi sạch trong dơ, trước siêng sau nhác. Tâm tuy tốt đấy nhưng phần lớn bị danh lợi giao xen, phát tuy hay đấy, nhưng oan uổng bị vọng nghiệp nhuộm bản. Phát tâm như thế đích thị là ngụy.

Cõi chúng sanh hết, nguyện ta mới hết, đạo bồ đề thành, nguyện ta mới thành. Phát tâm như thế được gọi là đại.

Xem ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như thế đích thị là tiểu.

Ngồi tâm nếu thấy có chúng sanh cần độ, có Phật đạo mong thành, công phu không xả, thấy biết không tan. Phát tâm như thế đích thị là thiên.

Nếu biết tự tánh là chúng sanh, nên nguyện độ thoát, tự tánh là Phật đạo, nên nguyện tu hành. Không thấy pháp nào ngồi tâm riêng có. Đem tâm hư không phát nguyện hư không, tu hạnh hư không, chứng quả hư không. Cũng không có tướng hư không, có thể chứng đắc. Phát tâm như thế được gọi là viên.

Biết được tám tướng khác nhau trên đây là biết cứu xét. Biết cứu xét là biết lấy bỏ. Biết lấy bỏ là biết phát tâm. Cứu xét như thế nào? Cứu xét tâm mình phát ra, so với tám tướng nói trên, là chánh, là tà, là chân, là ngụy, là đại, là tiểu, là thiên hay viên. Lấy bỏ thế nào? Bỏ tà, bỏ ngụy, bỏ tiểu, bỏ thiên. Lấy chánh, lấy chân, lấy đại, lấy viên. Phát tâm như thế mới gọi là chân chánh phát tâm bồ đề.

Tâm bồ đề này là pháp lành hàng đầu trong các pháp lành. Phát khởi được tâm ấy hẳn phải có nhân duyên. Nhân duyên phát khởi lược tóm: Một là nhớ nghĩ ơn nãi của Phật. Hai là nhớ nghĩ công ơn cha mẹ. Ba là nhớ nghĩ công ơn sư trưởng. Bốn là nhớ nghĩ công ơn thí chủ. Năm là nhớ nghĩ công ơn chúng sanh. Sáu là nhớ nghĩ khổ đau sanh tử. Bảy là tôn trọng tánh linh của mình. Tám là sám hối nghiệp chướng đã gây. Chín là nguyện cầu vĩnh sinh tịnh độ. Mười là làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

#### Thế Nào Là Nhớ Nghĩ Ôn Nãi Của Phật?

Đức Thế Tôn Thích Ca Như Lai chúng ta, khi mới phát tâm, vì tất cả chúng ta mà tu hành đạo bồ tát: trải qua vô lượng kiếp, nếm đủ mọi mùi cay đắng gian lao. Khi ta gây nghiệp, Ngài rất xót xa, tìm cách giáo hóa, nhưng ta u mê, chẳng chịu nghe. Ta đọa địa ngục, Ngài càng xót xa đau hơn, muốn thay ta chịu khổ, nhưng nghiệp ta quá nặng cứu vớt thật vô phương. Ta sinh cõi người, Ngài dùng phương tiện giúp ta trồng gieo căn lành. Đòi đòi kiếp kiếp, Ngài theo dõi ta, không lúc nào bỏ. Khi Ngài xuất thế, ta còn đắm chìm, nay được làm người thì Phật đã diệt. Tội lỗi gì khiến ta sinh vào thời mạt pháp, phước đức nào đưa ta vào hàng ngũ xuất gia? Nghiệp chướng khiến ta không được thấy thân vàng của Phật, may mắn nào xui ta được cung chiêm xá lợi của Ngài? Suy nghĩ như thế thì mới rõ lẽ: Giả sử quá khứ ta không trồng thiện căn, thì sao hôm nay được nghe Phật Pháp? Không nghe Phật Pháp thì làm sao biết mình thường thọ Phật ân? Ân ấy đức ấy non khâu khó sánh. Trừ phi tự mình phát tâm rộng lớn, hành đạo bồ tát, xây dựng pháp tràng, cứu độ chúng sanh, dù cho bị thịt nát xương tan, cũng khó mà đền đáp cho xứng. Đó là nhân duyên thứ nhất của sự phát tâm bồ đề.

#### Thế Nào Là Nhớ Nghĩ Công Ôn Cha Mẹ?

Thương thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn. Mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm. Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn. Ngậm đắng nuốt cay, ngọt bùi chẳng tưởng. Khổ công nhường ấy, ta mới thành người. Hy vọng về sau, tiếp nối gia phong, lo phần tế tự. Vay mà nay ta lại đi xuất gia. Lạm xưng Thích tử, nhục hiệu Sa môn. Ngọt bùi không cung cấp, giỗ chạp chẳng thừa đương. Lúc còn sống ta đã không chu tòn được miếng cơm manh áo, khi chết rồi ta lại chẳng đủ sức tiếp dẫn giác linh. Đối với thế gian ta là kẻ ăn hại, về mặt xuất thế ta cũng chẳng được ích chi. Hai đường đều mất tội nặng khó thoát. Suy nghĩ như thế thì chỉ có một cách là thường hành Phật đạo trong mười phương ba cõi. Như vậy không những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều kiếp đều được siêu thăng, không những cha mẹ một người mà cha mẹ của tất cả đều được cứu vớt. Đó là nhân duyên thứ hai của sự phát tâm bồ đề.

#### Thế Nào Là Nhớ Nghĩ Công Ôn Sư Trưởng?

Cha mẹ ta tuy sinh ra ta, và nuôi ta khôn lớn, nhưng nếu không có sư trưởng thế gian thì lẽ nghĩa không biết, không có sư trưởng xuất thế thì Phật pháp không hay. Không biết lẽ nghĩa khác gì cầm thú, không tin Phật Pháp tương đồng người phạm. Chúng ta ngày nay Phật pháp có hiểu sơ qua, lẽ nghĩa có biết tạm đủ. Thân phủ cà sa, mình được giới phẩm. Công ơn lớn ấy chính nhờ sư trưởng mà có.

Nếu cầu quả nhỏ chỉ được lợi mình. Nay theo đại thừa, nguyện đem lợi lạc đến khắp quần sanh, thì sư trưởng thế gian và sư trưởng xuất thế, cả hai đều được lợi ích, do ta cung hiến. Đó là nhân duyên thứ ba của sự phát tâm bồ đề.

#### Thế Nào Là Nhớ Nghĩ Công Ôn Thí Chủ?

Chúng ta ngày nay, nhu dụng hằng ngày chẳng phải do ta tự cấp. Cháo cơm ba bữa, quần áo bốn mùa. Thuốc men trị bệnh, chi phí linh tinh. Hết thầy đều do sức lực kẻ khác làm ra, mang đến cho ta chi dùng. Họ thì dốc sức cấy cấy, bưng chắt đủ no, ta ngồi không an hưởng, lòng vẫn chưa thỏa. Họ thì dệt đan không ngừng tay mà suốt đời gian khổ, ta thì may mặc đến thừa mứa mà đâu biết tiếc thương. Họ thì nhà tranh cửa lá, nghèo khó suốt đời, ta thì sân rộng nhà dài, thông thả quanh năm. Đem sức lao nhọc của họ để cung cấp cho cái lợi của

người để bồi dưỡng thân ta sung sướng, lý có thuận không? Nếu chẳng phải mình vận dụng hai đức bi trí, chúng sanh thọ sủng, thì dù gạo chỉ một hột, vải chỉ một ô, mà mình đã thọ cúng trước kia, đến nay đều phải trả đủ, không thì ác báo khó trốn. Đó là nhân duyên thứ tư của phát tâm Bồ đề.

#### Thế Nào Là Nhớ Nghĩ Công Ôn Chúng Sanh?

Ta với chúng sanh, từ bao kiếp trước, hết đời nợ qua đời kia, từng làm cha mẹ của nhau. Ôn nghĩa qua lại, nhiều lớp nhiều tầng. Nay vì cách đời, cho nên hôn mê không nhận ra nhau. Cứ lý mà suy há không đền đáp, nay là lỗi mang lông đội sừng (1), biết đâu xưa kia không là con ta? Nay là lỗi bò bay máy cưa (2), biết đâu xưa kia chẳng là cha mẹ ta? Thường thấy bao kẻ, trẻ lia gian đĩnh, lúc lớn trở về, dung mạo đổi khác, không thể nhận ra. Huống nữa cha mẹ ta đời trước, ngày nay, kẻ họ Trương người họ Vương, làm sao nhớ được? Họ đang gào thét trong địa ngục, hoặc đang ngát ngư trong chốn nạ quỷ. Khổ đau ai biết, đói khát kêu ai? Ta tuy không thấy không nghe, họ hẳn xin cứu xin vớt. Nếu chẳng phải kinh không đâu nói rành việc ấy, nếu chẳng phải Phật không ai tả rõ cảnh này. Hạng người tà kiến làm sao biết nổi! Cho nên Bồ tát nhìn sâu kiến thấy tồn cha mẹ quá khứ và chư Phật vị lai thường nghĩ cách giúp đỡ để báo đền ơn chúng. Đó là nhân duyên thứ năm của sự phát tâm Bồ đề.

#### Thế Nào Là Nhớ Nghĩ Khổ Từ

Ta cùng chúng sanh từ bao kiếp trước san tử quần quanh chưa hề thoát khỏi. Khi ở cõi trời, lúc sanh cõi người. Nơi kia chốn nọ, vào ra muôn mối, lên xuống nửa giây. Thoát đâu làm trời, thoát đâu làm người, thoát đâu chui vào địa ngục nạ quỷ súc sanh. Công đen sáng ra chiều vào, hang sắt mới khép đã mở. Leo lên núi đao thì không còn mảnh da nguyên vẹn, vịn vào cây kiếm thì các ô thịt đều bị rách bươm. Hồn sắt nóng không trừ được đói, nuốt vào rồi gan ruột nát tan, nước đồng sôi không giả được khát, uống vào rồi thịt xương như ngấu. Cưa bén xẻ thân, đứt xong liền nối, gió nghiệp thổi mặt, chết rồi lại sanh. Trong thành rực lửa, thảm thê tiếng hét rú lên, trên bàn ngà nương, tê tái tiếng gào vang vọng. Bể giá đông lại thì thân hình xanh như sen xanh kết nhụy, máu thịt rửa ra thì mình mẩy đỏ tựa sen đỏ trở hoa. Trong chốn địa ngục một đêm chết sống kể cả vạn lần, so với nhân gian một buổi thọ hình lâu tròn thế kỷ. Bao phen địa ngục ra tay nhọc mệt, nào ai chịu tin lời Diêm chúa rằng khuyên. Lúc thọ báo mới kêu van khổ, nhưng dù hối cũng chẳng kịp nào, khi thoát rồi thì vội quên ngay, vẫn nghiệp cũ lại gây như trước. Đánh lừa vãng máu đầu hay chính mẹ mình đang khóc thảm, xua heo vào lò đầu ngõ cha mình sắp rã thân. Aên thịt con mà không biết, Văn Vương còn như thế, ăn thịt cha mà chẳng hay, phạm phu cũng thế thôi. Năm xưa ân ái nay thành oan gia, hôm qua oán cừu nay thành ruột thịt. Đời trước là mẹ mà nay là vợ, thuở xưa là cha nay lại là chồng. Lấy trí tức mạng mà soi thì thật đáng hổ thẹn biết mấy, lấy mắt thiên nhãn mà nhìn thì đáng chán đáng cười biết bao! Trong bụng đầy phần, mười tháng rúc chui, hết còn chịu nổi, qua đường ngập máu, một phen chúi xuống, thương thật là thương! Nhỏ đại biết chi, mô tê chẳng rõ, lớn khôn dần hiểu, tham dục bèn sanh. Lớn thống mới đó mà già đau đã tới kiếm, thành linh xuất hiện gã vô thường lại hỏi thăm. Gió lửa trong lúc giao tranh, thần thức toi bồi rối loạn. Khí huyết bên trong voi cạn, xương thịt bên ngoài teo khô. Không một kẻ chân lông nào không bị kim đâm, không một nơi khiếu huyết nào không bị dao cắt. Rùa già đem nấu, lột được vỏ ra tướng e còn dễ, thần thức sắp đi, phải lia khỏi xác, khó gấp bội phần. Tâm là ông chủ vô thường, giống chú lái buôn khắp nơi bốn bể, thân là cái hình vô định, khác nào phòng ốc rày đổi mai thay. Chỉ như mây bụi ở cõi ba ngàn, thân nợ quay cuồng qua lại vô tận vô cùng, nhấp nhô như sóng bốn biển, nước mắt ly biệt trào tuôn, kẻ sao cho xiết! Cao quá núi cao chất ngất xương chồng, dày hơn đất dày, rậm rịt thân sắp. Giả sử không nghe lời Phật, việc ấy ai hay ai biết? Vậy mà có kẻ vẫn tham luyến như xưa, si mê không bỏ. Chỉ e ngàn đời muôn kiếp mới được làm người, một làm hai lỡ rây rủa trăm kiếp. Thân người khó được mà dễ mất, vận may dễ qua mà khó tìm. Đường đời mờ mịt, ly biệt dài lâu. Aùc báo ba đường, rồi phải tự thọ. Khổ hết chỗ nói, ai chịu thay đây? Nhân húng mà nói dông dài, đến đây không thể không thấy lòng mình giá buốt. Cho nên phải dứt lòng sanh tử, vượt nẻo ái hà, mình người

cùng thốt, bờ giác cùng lên. Công lao muôn kiếp, chính được bắt đầu từ buổi hôm nay. Đó là nhân duyên thứ sáu của sự phát tâm bồ đề.

#### Thế Nào Là Tôn Trọng Tánh Linh Của Mình?

Tâm của chúng ta trong hiện tiền, so với Đức Thế Tôn Thích Ca, không hai không khác. Thế thì vì sao. Thế Tôn đã thành chánh giác từ vô lượng kiếp, còn chúng ta thì điên đảo hôn mê vẫn làm phàm trí tuệ, công đức trang nghiêm, còn chúng ta thì chỉ có vô lượng phiền não, nghiệp chướng, sanh tử buộc chặt. Tâm tánh chỉ một mà mê ngộ trời vực cách xa. Cứ im lặng mà suy, há chẳng đáng xấu hổ sao? Ví như ngọc báu vô giá, rơi xuống bùn dơ, xem đồng ngói gạch, chẳng được quý yêu. Cho nên phải dùng vô lượng thiện pháp, mà đối trị vô lượng phiền não. Có gia công tu đức thì tánh đức mới sáng ra. Như ngọc báu được lau chùi, treo trên phước cao, ánh sáng rực chiếu, che lấp tất cả. Thế mới đáng gọi là không phụ sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ tán linh của mình. Đó là nhân duyên thứ bảy của sự phát tâm bồ đề.

#### Thế Nào Là Sám Hối Nghiệp Chướng?

Kinh dạy, phạm một cát la (3), bị đọa địa ngục, lâu bằng năm trăm tuổi thọ của cõi trời Tứ thiên vương. Cát la tội nhỏ mà còn như thế, huống nữa tội nặng, báo lớn đến đâu? Chúng ta ngày nay trong nếp sống, nhứt cử nhứt động thường trái luật Phật! Khi ăn lúc uống phạm giới bao phen. Kể cả các vị phạm trong một ngày cũng đã vô lượng, huống nữa trọn đời nhiều kiếp, tội lỗi gây ra, khó mà nói hết. Chỉ lấy riêng ngũ giới, cứ mười người giữ đã hết chín người phạm. Phát lộ thì ít ém nhẹm thì nhiều. Ngũ giới là giới tại gia, mà còn không giữ nổi, huống nữa các sa-di, tỳ kheo, bố tát, thôi khỏi bàn chi! Hỏi đến danh nghĩa thì ta đây là tỳ kheo, hỏi về thực chất thì chưa xứng để làm một tại gia đệ tử. Há chẳng đáng hổ thẹn sao? Nên biết rằng giới Phật đã không thọ thì thôi, đã thọ thì không được hủy phạm, không phạm thì thôi đã phạm thì khó tánh đọa sa. Nếu không vì xót mình thương người, mà miệng van lơn, thân quỳ lạy, khóc lóc thảm thiết, cùng với chúng sanh, cầu xin sám hối, thì dù ngàn đời muôn kiếp ác báo khó bề tránh khỏi. Đó là nhân duyên thứ tám của sự phát tâm bồ đề.

#### Thế Nào Là Cầu Sanh Tịnh Độ

Tu ở cõi này sự tiến đạo quá khó, nhưng vãng sanh cõi kia, việc thành Phật cũng dễ thôi. Dễ cho nên một đời có thể đạt được, khó cho nên muôn kiếp chưa chắc tựu thành. Vì vậy mà thánh hiền đời trước, ai ai cũng thú hướng về đây, ngàn kinh muôn luận, đâu đâu cũng giải bày nghĩa này. Việc tu hành trong đời mạt pháp, không pháp nào hơn được pháp ấy. Song le kinh còn chưa thêm: Điều lành nhỏ khó khiến sanh lên, phước đức dày mới đưa đến đó. Mà nói phước đức dày, thì không chỉ bằng chấp trì danh hiệu, nói điều lành nhiều thì phát tâm rộng lớn chiếm ưu tiên. Cho nên chấp trì danh hiệu trong chốc lát, hơn ha công đức bố thí cả trăm năm, phát được tâm bồ đề rộng lớn, vượt trội công đức tu hành trong nhiều kiếp. Bởi vậy niệm Phật là mong được làm Phật, nếu tâm lớn không phát thì niệm cũng chẳng ích chi, phát tâm là nhằm mục đích tu, nếu tịnh độ không sanh thì tuy có phát nhưng cũng dễ thôi. Thế thì gieo giống bồ đề, phải cày bằng cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng trưởng, cõi thuyên đại nguyên, vào được biển lớn tịnh độ, Tây phương quyết định, vãng sanh. Đó là nhân duyên thứ chín của sự phát tâm bồ đề.

#### Thế Nào Là Làm Cho Chánh Pháp Tồn Tại Lâu Dài?

Thế Tôn chúng ta từ vô lượng kiếp, vì tất cả chúng ta, mà tu đạo bồ đề. Ngài làm được việc khó làm, nhẫn được việc khó nhẫn. Cho nên khi nhân tròn quả đủ, Ngài mới thành Phật. Sau khi thành Phật giáo hóa hồn tất, Ngài vào niết bàn. Nay thì chánh pháp tượng pháp đã qua. Chúng ta đang ở trong đời mạt pháp. Phật pháp còn đó mà không người tu hành. Tà chánh lộn xộn phải trái khó phân. Ganh đua nhân ngã tồn phùng lợi danh. Ngược mắt nhìn quanh mọi người đều vậy chẳng ai thốt khỏi. Mịt mù chẳng biết Phật là ông nào? Pháp nghĩa là sao? Tăng là cái gì? Suy tàn đến thế nói ra bất nhẫn. Nhưng mỗi khi nghĩ đến bất giác lệ tuôn. Ta là con Phật mà không thể đền đáp công ơn Phật? Trong không ích cho đương thời, chết chẳng ích cho hậu thế. Trời tuy cao không che nổi ta, đất tuy dày không che nổi ta. Cái đũa cực ác, không ta thì ai? Do đó lòng đau không thể chịu nổi, mà toan tính thì cũng chẳng đề xuất được kế gì. Bỗng nhiên vụt quên rằng mình quê mùa, vụt phát tâm chí rộng lớn. Tuy chưa thể vãn hồi mạt vận ngay trong lúc này, nhưng quyết định phải hộ trì được chánh pháp

mai sau. Cho nên cùng các thiện hữu dất nhau đến đạo tràng soạn thuật sám pháp, lập pháp hội này. Phát bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng nhằm hóa độ chúng sinh, cầu nguyện nào cũng nhằm hóa độ chúng sinh, cầu trăm ngàn kiếp tâm tâm, tâm nào cũng hướng tiêu đích làm Phật. Kể từ hôm nay cho đến tận cùng đời vị lai, phải thanh toán cho xong cái hình hài này, và thề quyết phải sanh về An dưỡng. Sau khi lên xong chín phẩm lại lùi về ta bà. Mặt trời Phật Pháp sẽ được sáng lại, cửa vào chánh pháp phải được mở toang. Biển lòng tăng giới lặng trong ở cõi này nhân dân đông độ được tiếp hóa ngay tại chỗ. Vận hội nhờ đó mà kéo dài ra thêm chánh pháp nhờ đó mà tồn tại lâu dài. Đây là tâm nguyện chân thành, từng được thiết tha ấp ủ. Đó là nhân duyên thứ mười của sự phát tâm Bồ đề.

Như vậy là mười duyên đã biết, tám hướng đã rõ. Thú hướng có lối, khai phát có nơi. Chúng ta đã được làm người được ở đất có văn hóa, sáu căn không thiếu, cơ thể khỏe mạnh, đầy đủ tín tâm, may mắn không gặp ma chướng. Huống nữa còn được xuất gia, được gặp đạo tràng, được thọ cụ giới, được thờ xá lợi được tu sám pháp, được gặp bạn lành, được đủ duyên may. Như thế mà nếu hôm nay không chịu phát tâm rộng lớn thì đợi đến bao giờ?

Cúi xin đại chúng xót đau cho đến tấm lòng thành ngu muội của tôi, tiếc thương cho cái chí nguyện khổ sở của tôi, để cùng nhau cùng lập nguyện ấy, cùng phát tâm này. Ai chưa phát thì nay phát. Ai phát rồi thì kích thích tăng trưởng. Ai tăng trưởng rồi thì nay cứ tiếp tục. Đừng sợ khó mà sợ hãi lùi bước. Đừng cho dễ mà khinh thường. Đừng ham mau mà không giữ được bền lâu. Đừng lười nhác mà mất dũng mãnh. Đừng rụt rè mà giảm khí thế đang lên. Đừng vì chân chờ mà hẹn rày hẹn mai. Đừng tự cho mình ngu mà buông thả tất cả. Đừng vì căn cơ chậm lụt mà tự ty rằng mình không được dự phần. Ví như trồng cây, trồng lâu thì rễ càng ngày càng ăn sâu. Lại ví như mài dao, mài hồi thì dao đùi cũng phải bén. Há nên vì cạn mà không trồng, để mặc cho cây khô héo, hay vì đùi mà không mài để mặc cho dao sét rỉ, thành vật vô dụng. Lại nữa nếu bảo tu là khổ, thì lười lại càng khổ, tu thì chỉ khó nhọc nhứt thời mà an vui vĩnh viễn, lười thì tạm thông thả một đời, mà chịu khổ muôn kiếp. Huống nữa, lấy pháp môn tịnh độ làm tàu thuyền thì lo gì thối chuyển, lại thêm có trí tuệ vô sanh làm sức đẩy, thì ngại gì gian nan. Nên biết tội nhân ở địa ngục mà còn phát tâm Bồ đề từ kiếp trước, huống nữa con Phật trong nhân luân, há lại không lập đại nguyện ngay trong đời này.

Vì hôn mê từ bao kiếp trước, những gì qua rồi thì không thể cản ngăn, nhưng ngày nay đã tỉnh ngộ, những gì sắp đến còn có thể đón bắt. Nhưng mê mà tỉnh đương nhiên là việc đáng thương, còn biết mà không làm thì mới thật là điều đáng tiếc. Nếu sợ cái khổ địa ngục thì tinh tấn tu sanh, nếu nghĩ cái chết gần kề thì lười nhác không dấy.

Lại nữa, phải lấy Phật Pháp làm roi giục, lấy bạn lành làm tay dắt. Vội mấy cụng không rời, trọn đời bám chặt vào. Như vậy thì không còn lo gì thối chuyển nữa. Chớ bảo rằng một niệm chẳng đi đến đâu, đừng cho rằng niệm rộng chẳng có ích gì. Tâm chân thì sự việc thật, nguyện rộng thì công hạnh sâu xa. Hư không đâu có lớn, cái tâm mới là lớn, kim cương đâu có rắn, sức nguyện mới thật rắn.

Nếu đại chúng thật tâm, không vứt bỏ lời tôi, thì quyền thuộc Bồ đề từ kết hợp, liên minh sen vàng từ đây tương giao.

Nguyện rằng: Cùng sanh Tịnh Độ. Cùng thấy Di Đà. Cùng độ chúng sanh Cùng thành chánh giác.

Biết đâu ba mươi hai tướng tốt và trăm phước trang nghiêm sau này, chẳng phải bắt đầu từ buổi phát tâm lập nghiệp hôm nay! Nguyện cùng đại chúng cùng nhau gắng sức. Rất mong lắm thay! Rất mong lắm thay!

### 1. Phát Bồ đề tâm:

Điều kiện cần thiết thứ nhất của người niệm Phật là phát Bồ đề Tâm. Nghĩa là trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Người tu Phật nói chung nếu không phát tâm Bồ đề, dầu có tinh tấn tu hành trọn kiếp cũng không có kết quả, chỉ nhọc công vô ích. Trong kinh Hoa Nghiêm dạy rằng : “Vong thất Bồ đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp” (Quên mất tâm Bồ đề, dầu tu các hạnh lành cũng đều là nghiệp ma). Vì vậy, người tu pháp môn niệm Phật muốn thành tựu ước nguyện, chóng vãng sanh Tịnh Độ trước hết phải Bồ đề tâm mà niệm. Đây là điểm vô cùng quan trọng, không thể thiếu đối với người tu niệm Phật nói riêng

và người tu các pháp môn khác nói chung. Chính vì “Bồ đề” có nghĩa là giác, là quả vị tu chứng của hàng Thanh văn, Duyên giác, và quả vị Vô thượng Bồ đề. Nếu hành giả phát tâm trên cầu quả vị Phật, dưới cứu độ chúng sanh, phát tâm như thế gọi là phát Vô thượng Bồ đề tâm. Quả vị tu chứng của hành giả khi phát tâm Vô thượng là Phật. Đứng về phương diện bản chất thì tâm Vô thượng Bồ đề được xây dựng trên hai yếu tố : Từ bi và trí tuệ. Nhưng đứng về phương diện hình thức khi hành giả phát tâm rộng lớn bao hàm hai khía cạnh : nội tại và ngoại tại.

Chúng sanh xưa nay ai cũng tự có đủ Giác tánh thường minh, nhưng vì vọng động, nhiễm trần che lấp tâm tánh, khiến tính giác ngộ trong tự thân của mỗi chúng sanh bị tiềm tàng không hiển lộ ra ngoài. Việc tu tập không ngoài mục đích khơi dậy tiềm năng giác ngộ sẵn có trong tâm của mỗi người. Chúng sanh tuy sống trong vọng động bất an, đắm chìm trong sắc trần, ngũ dục nhưng không vì thế mà Giác tánh Bồ đề mất đi. Cho nên trong kinh đức Phật thường dạy : “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”. Khi hành giả phát tâm trở về với Giác tánh sẵn có của chính mình, trở về với tự tánh Di Đà tự tâm, phát tâm như vậy gọi là phát tâm Bồ đề tự tánh nội tại.

Thế nhưng, chúng sanh muốn thành tựu được Vô thượng Bồ đề tâm, trước cần phải có những ngoại duyên hỗ trợ. Những ngoại duyên chính yếu cho một hành giả khởi phát tâm lòng rộng lớn đây là nhờ bậc minh sư, nhờ thiện hữu tri thức, nhờ Tam tạng Thánh giáo. Khi hành giả tiếp xúc với Kinh điển, sự thâm nhuần của giáo pháp sẽ thúc đẩy hành giả phát khởi Bồ đề tâm. Hoặc giả nhờ thầy lành bạn tốt, nhờ những tấm gương sáng của chư Phật, chư vị Bồ tát, chư liệt vị Tổ sư, hành sanh tâm kính ngưỡng, muốn noi gương các Ngài và từ đó trong lòng phát khởi tâm Bồ đề. Sự phát khởi tâm này là nhờ nhân duyên bề ngoài tác động hay còn gọi là trợ ngoại tại.

Tóm lại, hành giả phát Bồ đề tâm là phát tâm mong cầu thành Phật, và mong cầu độ tận tất cả chúng sanh về cõi Phật. Mục đích của pháp môn niệm Phật là vãng sanh Tây phương Cực Lạc. Đã sanh ở cõi này, với đầy đủ thắng duyên hành giả tiến lên quả vị Vô thượng Bồ đề, đầy đủ từ bi và trí tuệ, đầy đủ năng lực độ sanh, hành giả trợ lại Ta bà tiếp độ tất cả chúng sanh. Chính vì thế mà tâm nguyện vãng sanh Cực Lạc là tâm nguyện lợi tha, không ích kỷ hẹp hòi, tự mình an vui nơi cảnh Tịnh, phù hợp với tinh thần Bồ tát đạo. Cho nên, hành giả phát khởi chuyên tâm niệm Phật cầu sanh về cõi Tịnh cũng chính là phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tham học Kinh điển, gần gũi thầy lành bạn tốt, làm các việc phước thiện là trợ tu. Chánh hạnh, trợ duyên song hành mới hợp với pháp môn niệm Phật, được như thế sẽ chóng thành ước nguyện. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ đức Phật dạy : *“Tâm Bồ đề gồm đủ ba tâm : Tâm chí thành (thê); tâm làm lành, tạo phước đức là tự thọ dụng; tâm hồi hướng phát nguyện là tha thọ dụng nghĩa là đối với chúng sanh phải có lòng đại từ đại bi đãi như tiếp vật như vậy mới hợp với pháp môn Tịnh Độ”* [20-142]. Nội dung ba tâm không ngoài từ lợi, lợi tha. Trên cầu quả vị Phật, dưới nhiếp hóa chúng sanh. Tâm nguyện này cũng chính là bản hoài của mười phương chư Phật.

## 2. Nghiêm Trì Tịnh Giới.

Điều kiện thứ hai của người tu theo pháp môn niệm Phật là nghiêm trì Tịnh giới. Thông thường giới được hiểu là ngăn ngừa các điều sai quấy, chấm dứt các điều ác (Phòng phi, chỉ ác), hoặc ngưng điều ác và làm điều lành (chỉ ác, tác thiện). Theo ngài Buddhaghosa định nghĩa về Giới : *“Giới có nghĩa là chế ngự theo năm cách như sau : Chế ngự với sự chế ngự của giới bốn pātimokka, chế ngự bằng tinh giác; chế ngự bằng trí kiến; chế ngự bằng kham nhẫn; chế ngự bằng tinh tấn. Giới có nghĩa là kết hợp, vì nó kết hợp ba nghiệp thân. Khẩu, ý, hướng đến con đường thánh thiện. Giới có nghĩa là nền tảng, vì nó làm cơ sở cho người giữ giới cảm thấy mát mẻ”* [23-20]. Qua hai định nghĩa trên ta thấy Giới giúp cho hành giả đạt được hai mục đích: không làm các việc ác (chư ác mạc tác), làm các việc lành (chúng thiện phụng hành). Mục tiêu của người niệm Phật là tịnh hóa thân tâm trong khi niệm, do đó muốn thân tâm được thanh tịnh là ngoài giới luật ra không còn phương cách nào thực hiện hữu hiệu hơn. Chính vì nhiệm vụ của giới là nhằm ngăn chặn và chấm dứt các tà hạnh, ngõ hầu thành tựu các chánh hạnh. Cho nên hành giả có chu toàn giới luật, tịnh nghiệp mới viên thành.



Giới được phân chia thành nhiều loại, hành giả tùy theo giới luật mà mình đã lãnh thọ, phải tuân giữ cho nghiêm mật. Bất cứ tu học theo pháp môn nào trong Phật giáo cũng không thể xem nhẹ giới luật. Vì giới là nền tảng của đạo, là thọ mạng của Phật pháp. Nếu không có giới thì định, tuệ không sanh trưởng, không có động lực thúc đẩy hành giả vãng sanh. Trong mười tông phái của Phật giáo, Tịnh Độ tông và Luật tông là hai tông phái liên hệ mật thiết với nhau. Hai tông phái này có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với tám tông phái còn lại. Đại sư Thái Hư đánh giá tầm quan trọng của hai tông này : *Luật là nền tảng chung của Tam thừa, Tịnh Độ là mái che chung của Tam thừa*”. Hành giả có nghiêm trì tịnh giới, và trên nền tảng của giới câu niệm Phật mới có tác dụng hết công năng mẫu nhiệm vốn có. Cho nên *“Một câu niệm Phật có thể tiêu trừ tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội”*[8-55], chính là nhờ tinh chuyên về Giới luật hay nói cách khác nhờ sự thanh tịnh từ thân cho đến tâm của hành giả mới có lợi ích lớn lao như thế.

Nhưng muốn cho tâm Bồ đề chúng ta mỗi ngày mỗi tăng trưởng tư cách thánh hạnh được vẹn tròn, trọn đầy chánh nhân vãng sanh Tịnh Độ, người niệm Phật bên cạnh phát Bồ đề tâm, nghiêm trì tịnh giới phải hội đủ ba đức tính Quyết định vãng sanh, ấy là Tin sâu, Nguyện thiết và Trì chuyên (Hạnh).

## TÍN – HẠNH – NGUYỆN

Trong dân gian người ta thường hay nói “cái gì dễ thì không quý, cái gì quý thì không dễ ” và trong đời sống hằng ngày, điều này gần như cũng đã được xác nhận, dù chưa hẳn là tuyệt đối (mà ở đời có gì là tuyệt đối đâu).

Trong Phật pháp thì pháp môn Tịnh Độ đối với chúng sanh thời mạt pháp cũng vậy. Pháp môn Tịnh Độ tuy dễ tu, nhưng khó tin. Khó tin vì chúng ta cho rằng nó quá dễ, nó không quý, mà đã không quý thì làm sao có thể giúp chúng sanh nghiệp chướng sâu dày trong thời mạt pháp như chúng ta phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh được?. Do nghĩ như vậy, tưởng như vậy, chấp như vậy, định kiến như vậy ... nên phần đông Phật tử chúng ta khó tin, thậm chí không tin rằng tu theo pháp môn niệm Phật có thể hiện đời được vãng sanh về Phật quốc. Chính vì chúng sanh “nan tín”, nên chữ “tín” luôn là điều kiện đầu tiên, mang tính quyết định cao nhất đối với người tu theo pháp môn niệm Phật.

Thật vậy, đức Phật đại từ đại bi mở bày phương tiện, lập ra pháp môn Tịnh Độ chỉ duy nhất nương vào lòng tin của chúng sanh để cứu độ. Pháp môn Tịnh Độ cũng duy nhất nương vào lòng tin của chúng sanh mà duy trì, phát triển. Như vậy, “Phật nhật” có “tăng huy”, “pháp luân” có “thường chuyển” hay không, cũng đều phải trông chờ đến lòng Tin của mỗi người con Phật chúng ta. Nếu lòng tin chúng ta không vững thì cửa Phật dù có rộng mở đến đâu chúng ta cũng không dễ gì vào được. Cho nên chư vị Tổ sư thường nói, căn bản của người tu Tịnh Độ phải lấy niềm Tin chắc thật làm đầu.

**Tin:** Đối với người tu theo pháp môn Tịnh Độ phải tin như thế nào cho đúng chánh pháp? Về điều này, chúng tôi nghĩ rằng, những gì đức Phật và chư vị Tổ sư nói ra đều là chân thật ngữ, đều đáng để cho hạng phàm phu chúng ta nương theo học tập. Tuy nhiên trước hết chúng ta cần phải đặt niềm tin một cách tuyệt đối vào những điều mà chúng tôi cho rằng, chính niềm tin này sẽ là động lực mạnh mẽ nhất để chúng ta phát khởi chí nguyện và chánh niệm khi đi vào công phu trì danh niệm Phật:

1. Tin rằng các bộ kinh nói về Tịnh Độ đều do chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết, vì lòng từ bi mà truyền dạy cho chúng ta, chứ hồn tồn không phải là loại sách ngụ ngôn để khuyến khích tu hành.

2. Tin ngời thế giới ô uế của trần gian còn có thế giới Tịnh Độ trang nghiêm.

3. Tin 48 lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà cùng những công hạnh kiến lập cõi Tịnh Độ, cũng như việc đức Phật A Di Đà ứng duyên hóa độ chúng sanh nơi cảnh giới Tịnh Độ là chân thật.

4. Tin rằng, trồng nhân uế thì được quả uế, tuyệt nhiên do tự tâm ứng hiện hồn tồn, hễ trồng nhân tịnh, thì được quả tịnh, không liên quan gì đến thưởng phạt.

5. Tin chánh niệm của ta chắc chắn cảm ứng cùng tâm niệm của Phật A Di Đà, chắc chắn Ngài sẽ tiếp dẫn vãng sanh cho chúng ta lúc lâm chung.

6. Tin rằng, chúng ta tuy có nhiều ác nghiệp, nhưng sau khi đã sinh về Tịnh Độ tốt đẹp, thuận tiện nhờ vào hồn cảnh, nhờ ơn giáo huấn của đức Phật A Di Đà và Bồ Tát, chúng ta sẽ không sanh lại ác nghiệp và cũng sẽ tiêu trừ luôn ác báo.

7. Tin rằng sức mình và sức Phật, cả hai đều bất khả tư nghị. Trong hai sức đều bất khả tư nghị ấy, sức mình chỉ nhỏ bằng trăm ngàn muôn ức lần so với sức bất khả tư nghị của Phật, cho nên dù sức mình còn kém cõi, nhưng nhờ sức Phật, chúng ta vẫn được tiếp dẫn và sẽ được vãng sanh về Cực Lạc.

8. Tin rằng, Phật có vô số pháp môn giải thoát, Phật có công năng kiến lập thế giới trong một mây trần. Giả như chúng sanh trong mười phương đều sanh ở trong mây trần ấy, phòng ốc, dụng cụ thủy đều đầy đủ trang nghiêm, không thiếu thứ gì.

9. Tin rằng khi niệm Phật một tiếng, đức Phật liền nghe và liền thâm nhiếp.

10. Tin rằng, hễ mình niệm Phật chắc chắn lúc lâm chung được chư Thánh chúng và đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, quyết không còn đọa lạc luân hồi trong sáu đường nữa.

Tóm lại, những điều Phật dạy trong kinh là sự thật, chúng ta phải tin với một niềm tin kiên định, tuyệt đối không sanh tâm ngờ vực, vì tâm ngờ vực là chướng ngại rất lớn trên con đường dẫn đến đạo quả. Nếu không có lòng Tin thì Nguyện và Hạnh sẽ không có cứ điểm để sanh khởi. Nếu lòng tin kiên cố tự nhiên chúng ta sẽ tha thiết phát nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc, khi đã phát nguyện vãng sanh về nước Phật, tự nhiên chúng ta sẽ chuyên tâm tinh tấn, y pháp hành trì, không chờ đợi ngoại duyên tác động hay thúc đẩy. Tức nhiên niềm tin của chúng ta phải được xây dựng trong “chánh tín”.

**Nguyện:** Đối với một người khi phải đi xa thì trong hành trang lên đường không thể thiếu tư lương. Cũng vậy, Phật tử chúng ta muốn tiến về Tây Phương Cực Lạc thì không thể thiếu Tín, Hạnh, Nguyện. Tín, Hạnh, Nguyện là ba món tư lương vô cùng quan trọng của hành giả tu theo pháp môn Tịnh Độ. Tín – Hạnh - Nguyện tuy là ba món, tuy có trước có sau, nhưng ba món tư lương này liên hệ keo sơn mật thiết, chỉ là theo thứ tự mà sanh khởi nhằm hướng người tu đến nhất tâm bất loạn. Trên đây chúng ta đã nói sơ lược về niềm Tin, nay chúng ta mạn bàn đôi điều về “chí” Nguyện của người tu theo pháp môn niệm Phật.

Nguyện của hành giả niệm Phật chính là chí nguyện, cũng có thể gọi là đại nguyện (của hành giả), vì đây là tâm nguyện vĩ đại duy nhất trong đời người mà chính hành giả đã phát nguyện.

Thật vậy, chúng ta đã tin sâu pháp môn niệm Phật, đã tinh tấn trì danh niệm Phật, song song đó chúng ta cần phải phát khởi thế nguyện khẩn thiết cầu vãng sinh về Tây phương Cực Lạc thì mới đầy đủ hành trang để về nước Phật.

Bởi vì nếu chỉ “tin” và “niệm” suông thôi, mà không “phát nguyện” thì dù chúng ta có “thành tín” đến mấy, “niệm chuyên” đến mấy, thì khi lâm chung chúng ta cũng không được Phật A Di Đà tiếp dẫn về nước Cực Lạc. Vì sao vậy? Thật ra không phải do Phật A Di Đà không đòi hỏi đến chúng ta, mà vì chúng ta không có tâm nguyện vãng sanh về quốc độ của Ngài. Điều này cũng ví như một học trò dù rất tin tưởng vào thầy giáo, dù rất chăm chỉ học bài và tiếp thu tốt những kiến thức thầy truyền đạt, nhưng lại không thể lên lớp, không thể đỗ

đạt. Vì sao vậy? Đó là vì không có tâm nguyện mong muốn được lên lớp. Tin thầy, siêng năng học chữ của thầy, nhưng sự “tin” và “học” này không để làm gì cả thì quả là vô nghĩa vô ích. Vì sao vậy? Vì vị thầy này không thể nào biết được người học trò của mình muốn gì mà ra tay cứu giúp. Đức Phật cũng thế, chúng ta chỉ tin Phật, chỉ niệm danh hiệu Phật mà không muốn theo Phật thì Phật buộc chúng ta theo sao được!

Chúng ta tin Phật, nhưng chúng ta lại không khẩn thiết cầu nguyện vãng sanh, chúng ta không rộng mở cửa lòng, chí thành cung nghinh đón Phật, thì không những cơ hội được vãng sanh về thế giới Cực Lạc đã khó, mà chúng ta cũng khó có cơ hội thấy Phật, gặp Phật cho dù hóa thân Phật đang ở quanh chúng ta.

Thiền sư Phong Can ở chùa Quốc Thanh rất nổi tiếng trong vùng núi Thiên Thai, tỉnh Triết Giang vì thường cỡi cọt dạo quanh chùa, ít người biết được Ngài là bậc cao Tăng đắc đạo. Một hôm Ngài rủ Hàn Sơn, Thập Đắc đi triều bái Ngũ Đài Sơn.

Hàn Sơn hỏi:

- Đi Ngũ Đài Sơn để làm gì?

Phong Can đáp:

- Lễ Văn Thù

- Ngài không phải là bạn tôi, tôi không đi – Hàn Sơn nói.

Thế là Thiền sư Phong Can đi một mình.

Trên đường đi từ núi Thiên Thai đến Hàng Châu, có nhân sĩ Lưu Khâu Dận, đang lúc chuẩn bị lên đường nhậm chức Tri phủ Đài Châu thì bộc phát bệnh đau đầu rất nặng, uống bao nhiêu thuốc cũng không khỏi.

Thiền sư Phong Can biết được việc này liền đến nhà họ Lưu. Khi đến nơi, người canh cửa ngăn Ngài lại không cho vào. Ngài nói với họ:

- Chủ các ông đang bệnh nặng, còn tôi thì muốn cứu ông ấy, sao các ông không cho tôi vào thăm bệnh?

Người canh cửa nghe nói vậy bèn chạy vào trình báo, Lưu Khâu Dận liền thỉnh Ngài vào. Vừa thấy Lưu Khâu Dận, Thiền Sư Phong Can hỏi ngay:

- Ông bệnh gì?

Lưu Khâu Dận đáp :

- Đầu tôi đau nhức quá, nó như muốn bẻ ra!

Thiền sư Phong Can bảo người nhà Lưu Khâu Dận mang ra một ly nước. Trì chú xong, Ngài dùng một ít nước thoa nhẹ lên trán Lưu Khâu Dận. Ngay lập tức bệnh đau đầu như búa bổ của Lưu Khâu Dận biến mất.

Lưu Khâu Dận vui mừng khôn xiết, kính cẩn hỏi Thiền sư Phong Can:

- Đại sư hiện ở chùa nào? Pháp hiệu là gì?

- Tôi hiệu Phong Can, ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai, huyện Đài Châu

- Trong chùa có bao nhiêu người đạo hạnh như Đại sư

- Tôi chẳng có đạo hạnh gì cả, nhưng trong chùa Quốc Thanh hiện có hai vị hóa thân Bồ Tát, đó là Hàn Sơn hóa thân của Văn Thù và Thập Đắc là hóa thân của Phổ Hiền.

Nghe xong, Lưu Khâu Dận rất vui mừng và sai người nhà mang rất nhiều phẩm vật ra lễ tạ, nhưng Thiền sư Phong Can đã bỏ đi.

Ngay sau khi nhậm chức Tri phủ Đài Châu, Lư Khâu Dận liền đến chùa Quốc Thanh. Ông thưa với Thầy tri khách:

- Phiền Thầy dẫn tôi đi bái kiến hai vị đại sư Hàn Sơn, Thập Đắc.

Thầy tri khách nói:

- Hai người ấy là Hòa thượng điên, đại quan có gì phải dận dò?

Lư Khâu Dận vẫn lộ vẻ thành kính trân trọng:

- Tôi muốn được lễ bái hai vị đó!

Thầy tri khách miễn cưỡng:

- Tôi sẽ cho người gọi họ đến.

Lư Khâu Dận nói:

- Tôi phải đích thân đi bái kiến mới được.

Nghe vậy, Thầy tri khách đành dẫn Lư Khâu Dận xuống khu nhà bếp. Đến nơi, thì thấy Hàn Sơn và Thập Đắc đang ngồi co ro bên lò sưởi. Thầy tri khách bèn lớn tiếng gọi:

- Hàn Sơn, Thập Đắc đứng dậy mau! Đại quan có lời muốn nói với hai ông.

Lư Khâu Dận vừa thấy hai vị Đại sĩ, lập tức đánh lễ. Hàn Sơn, Thập Đắc thấy thế bèn bỏ chạy. Lư Khâu Dận cũng không chịu bỏ lỡ cơ hội diện kiến Thánh Tăng, nên lập tức đuổi theo. Đến động Hàn Sơn thì hai vị Đại sĩ chạy nhanh vào động và biến mất.

Lư Khâu Dận chạy vào động, nhưng không thấy tung tích hai vị Đại sĩ đâu. Hàn Sơn, Thập Đắc từ đó không xuất hiện nữa và Thiền sư Phong Can cũng từ đó không trở về chùa Quốc Thanh nữa. Đây chính là Thánh nhân ứng hóa giữa nhân gian.

Thiền sư Phong Can là hóa thân của Phật A Di Đà, lúc nào cũng ở bên mọi người nhưng ít ai biết được Phật và Thánh nhân ứng hóa giữa chốn nhân gian. Đây có phải là ngày gặp Phật mà coi như chẳng thấy Phật?

Thật không điều gì đáng tiếc hơn khi ta ngày đêm mong ngóng được gặp Thánh nhân, gặp Phật, vậy mà hóa thân Phật Thánh ở bên cạnh ta mà chúng ta vẫn không hay không biết.

Do vậy, người niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, không thể không khẩn thiết phát nguyện cầu vãng sanh. Người xưa có câu: “Nguyện bất thiết bất sinh Tịnh Độ”. Nguyện không phải chỉ nguyện một lần hay lâu lâu mới nguyện, mà chí nguyện phải thường hằng, tâm nguyện phải khẩn thiết.

Tuy nhiên để duy trì tâm nguyện lâu dài, điều quan trọng thứ nhất là chúng ta cần phải sanh tâm nhằm chán sự giả dối tạm bợ ở thế gian này, chúng ta cần phải dứt khoát từ bỏ những nên hư thành bại trong cái thế giới vô thường hư ảo. Tức nhiên sự nhằm chán ở đây không có nghĩa là chạy trốn, xô bỏ hay hủy hoại tất cả những gì mình đang có, mà là sự nhận thức bản chất vô thường, bản chất sanh diệt không chắc thật của cuộc đời bằng cái nhìn của tuệ giác, để chúng ta không tham đắm, không bị lôi cuốn trong dòng đời giả tạm này. Có nghĩa là chúng ta vẫn sống, vẫn làm việc, vẫn sinh hoạt bình thường, nhưng chúng ta an lạc, chúng ta tích cực hướng thiện mà không bị chi phối bởi tham dục si mê. Như vậy, chúng ta không chỉ sống và sinh hoạt bình thường mà sự sống của chúng ta trở nên ý nghĩa và hữu ích hơn cho cộng đồng xã hội. Thứ hai, đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc tâm nguyện chúng ta phải luôn hướng vọng tới, tha thiết mong cầu vãng sanh về đó. Vì thế giới Cực Lạc là thế giới được thành tựu từ vô lượng vô biên công đức của chư Phật. Nhân dân trong thế giới này có thân tướng trang nghiêm, dung nhan vô cùng xinh đẹp, sống lâu vô lượng vô biên, tâm trí luôn an định, không bị hôn cảnh chi phối, một khi đã sanh về đây rồi thì không còn bị sa đọa vào ba ác đạo, luôn được an vui, không có vương bận, khổ đau bất hạnh.

Thế nhưng làm cách nào để chúng ta có thể chán chường cái thế giới giả tạm nhưng lại chứa đầy khổ nạn này? Thiết nghĩ, chúng ta cần phải quan sát, suy nghiệm từ những khổ đau, hoạn nạn, lầm than mà chính bản thân mỗi chúng ta đã trải qua trong đời sống vô thường này mà sanh tâm nhàm chán để xa lìa nó.

Đối với thế giới Tây Phương, đó là một thế giới hồn tồn không còn khổ đau bất hạnh, ngược lại đó là một thế giới tràn đầy ánh sáng trí tuệ, an vui, cực lạc, nghĩ như thế, chúng ta sẽ luôn hướng vọng tới, tích cực mong cầu vãng sanh về đó.

Nghĩ tưởng sâu sắc đến hai điều trên đây, tâm nguyện cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc của chúng ta sẽ luôn chí thành khẩn thiết.

**Hạnh:** Hạnh ở đây là niệm Phật. Nếu chỉ có Tín và Nguyện mà không có Hạnh thì không thể vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Vì Hạnh là thực tiễn của công phu niệm Phật, là từng bước đi vững vàng tiến về Cực Lạc.

Kinh Lăng Nghiêm, ở chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông có viết: “Nếu tâm chúng sinh *nhớ Phật niệm Phật*, hiện tại tương lai *nhất định thấy Phật*”. Nếu muốn thấy Phật thì phải niệm Phật. Ví như một người thương mẹ, nhớ mẹ mà cửa đóng then cài thì mẹ làm sao đến với con mình được, vào nhà được. Phật cũng vậy, chúng ta mong Phật, yêu kính Phật mà cửa lòng im im, lạnh ngắt thì Phật làm sao đến với chúng ta được.

Chúng ta cũng cần phải biết rằng, một khi niềm tin của chúng ta đã vững chắc và chúng ta đã có chánh kiến thì Hạnh và Nguyện cũng tự nhiên tựu thành, khi đó chúng ta sẽ không cần phải nhờ ai đó thúc giục, khuyến khích, động viên hay nhắc nhở để chúng ta niệm Phật. Vì sao vậy? Vì một khi chúng ta đã tin chắc rằng trong rẫy cà phê của chúng ta có cả một hầm vàng, tự nhiên khi đó chúng ta lao vào đào xới, hăng say miệt mài ngày đêm để kiếm được vàng, khi đó chúng ta không cần ai khuyên bảo hay thúc giục. Thậm chí khi biết rõ và tin chắc rằng, trong rẫy cà phê của chúng ta có vàng rồi, thì chúng ta lén lút, hý hục mà đào vào ban đêm để đừng có ai trông thấy. Còn nếu như nghe nói có mỏ vàng mà chúng ta vẫn thờ ơ thì rõ ràng là niềm tin chúng ta chưa vững chắc, nếu không muốn nói là niềm tin của chúng ta chưa được xác lập.

Cũng vậy, khi niềm tin của chúng ta về pháp môn Tịnh Độ đã chắc thật thì tự nhiên chúng ta sẽ tha thiết nguyện cầu vãng sanh về Cực lạc, chúng ta sẽ ngày đêm tinh tấn niệm Phật để mau có chánh niệm, sớm được nhất tâm. Điều này cũng giống như trường hợp chúng ta tin rằng trong rẫy cà phê của chúng ta có cả một hầm vàng.

Như chúng ta đã biết, “Hạnh” trong pháp môn Tịnh độ, chính là tâm niệm chuyên nhất “tri danh niệm Phật”. Cũng giống như vấn đề “niềm tin” mà chúng tôi vừa trình bày, khi chúng ta chuyên cần tinh tấn niệm Phật thì tự nhiên chúng ta sẽ được gặp Phật, tự nhiên chúng ta sẽ được thấy Phật, chúng ta sẽ có chánh niệm, chúng ta sẽ đạt được nhất tâm bất loạn. Điều quan trọng là chúng ta đã thật sự tinh chuyên niệm Phật hay chưa? Nếu tâm niệm chúng ta đã thật sự chuyên nhất vào câu Phật hiệu thì vô lượng vô biên công đức sẽ tựu thành, cõi Cực Lạc cũng sẽ tựu thành mà chúng ta không cần phải vọng cầu hay trông đợi.

Điều này cũng giống như một anh nông dân có đủ “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” và tập trung công sức cần mẫn trên mảnh ruộng của mình. Người nông phu chỉ tập trung làm việc, anh ta không cần phải nghĩ đến gì cả, thậm chí phải nghĩ đến tương lai thu hoạch. Thế nhưng anh ta vẫn được bội thu. Vì sao vậy? Vì ngay trong việc làm của anh ta đã có đủ niềm tin, nguyện vọng, sự lao động cần cù và nghiêm túc ...

Một điều quan trọng nữa, đối với hành giả tu theo pháp môn niệm Phật, trong quá trình công phu, chúng ta cần lưu ý giữ gìn thân khẩu ý sao cho thanh tịnh. Tâm Phật vốn hằng thanh tịnh, muốn hồ nhập vào tâm Phật, thì tâm chúng ta cũng phải thanh tịnh, chúng ta sẽ thiếu tự tin khi lễ lạy đức Phật bằng cái thân đang tạo nghiệp bất tịnh, chúng ta sẽ thiếu tự tin khi nghĩ tưởng đến chư Phật bằng cái tâm đang lăng xăng tạp niệm và chúng ta cũng sẽ thiếu

tự tin khi niệm Phật bằng cái miệng bất tịnh của mình. Trong Kinh Phạm Võng ghi: “Nhứt nhứt khởi tam nghiệp tội, khẩu tội vô lượng”. Miệng là cửa ngõ tạo muôn điều ác cũng hay mang lại vạ sự lành. Do vậy chúng ta cần phải cẩn thận khi mở miệng thốt ra lời. Hành trì pháp môn niệm Phật, chúng ta càng phải giữ gìn khẩu nghiệp thanh tịnh hơn nữa. Tu thân, tu tâm mà không tu cái miệng là một lỗ hổng lớn trong việc tu hành, nhất là đối với hành giả tu theo pháp môn niệm Phật.

## KHUYẾN TU PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Trong hầu hết các bộ kinh Đại thừa chuyên về Tịnh Độ, Đức Bổn Sư đặc biệt xác quyết, pháp tu trì danh niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc do Đức Từ Phụ A Di Đà làm giáo chủ, là pháp tu thù thắng, phù hợp mọi căn cơ, tóm thâu cả phàm Thánh ... Từ hàng đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền; các bậc đại trí như ngài Thiện Tài, hải chúng Hoa Tạng; các bậc thượng nhơn như: Tổ sư Mã Minh, Long Thọ ... cũng đều tha thiết cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc ... nhấn đến hàng hạ căn độn trí, tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác, một khi đã biết ăn năn quay đầu, phát tâm Bồ đề, tín nguyện đầy đủ, chí thành cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc tha thiết trì danh niệm Phật nhấn đến một niệm “nhất tâm bất loạn”, cũng nhân đó tùy nghiệp đới sanh, sẽ có đại điểm phúc cùng chư thượng thiện nhơn câu hội ... Như vậy, từ bậc thượng trí đến hàng hậu học độn căn kém cỏi, cũng đều có thể thực hành pháp môn niệm Phật, đều có thể thành tựu sở nguyện vãng sanh về Tây phương Cực Lạc, đạt ngôi Bất Thối Chuyển ... Điều này chứng tỏ trì danh niệm Phật là pháp môn tối thắng, chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có tín nguyện sâu dày, tha thiết chí thành, nhất tâm niệm Phật, mới có thể chứng nghiệm sự màu nhiệm, chứ chẳng thể nào dùng ngôn ngữ lý giải được.

Trong Kinh Đại Tập, đức Phật đã huyền ký: “*Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có người được giải thoát, chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi*”. Trong kinh Niệm Phật Ba La Mật, đức Phật dạy: “*Niệm Phật là pháp môn vi diệu tối thắng đệ nhất mà chư Phật dùng để cứu độ hết thảy chúng sanh. Đây là môn tu thích đáng, kết hợp mọi căn cơ mà chư Phật dùng để đưa hết thảy chúng sanh xa rời nẻo khổ, chứng đắc Niết Bàn tại thế, thành Phật trong một đời*” và “*Đây là môn tu đại từ bi, đại dũng mãnh mà chư Phật dùng để giúp chúng sanh có được cái tâm bằng tâm chư Phật, có được cái nguyện bằng nguyện chư Phật, mau chóng vượt qua địa vị phàm phu và tự chứng pháp thân từng phần*”. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta được nghe đức Phật A Di Đà phát đại nguyện: “*Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu Ta, rồi chí tâm tin muốn nguyện sanh về cõi nước của Ta nhấn đến mười niệm, nếu chúng sanh ấy không được sanh, thời Ta không ở ngôi chánh giác, trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh pháp*”. (Bổn nguyện thứ 18 trong 48 đại nguyện của Đức Phật A Di Đà – kinh Vô Lượng Thọ)... Đây chính là những lời vàng ngọc trong kinh điển do đức Phật Thích Ca thuyết giáo, là đệ tử Phật, lẽ nào chúng ta không tuyệt đối tin tưởng vâng theo lời Phật dạy? Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và Đức Từ Phụ A Di Đà Phật, đại từ đại bi thương xót chúng sanh còn hơn cha mẹ thương con, là đệ tử Phật lẽ nào chúng ta cứ mãi làm đờn con bất hiếu, ngỗ nghịch, để rồi xuôi theo dòng đời tạo tác trả vay trôi lăn trong tứ sanh lục đạo, chuốc lấy khổ đau trong luân hồi sanh tử?

Ấn Quang Đại sư, Tổ sư thứ 13 Tịnh Độ tông, khai thị pháp môn “Trì danh niệm Phật” như sau: “Nhất tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà, điều cần thiết nhất là phải tin sâu chắc, nguyện tha thiết mới cảm thông với Phật, mới có thể quyết định hiện đời ra khỏi Ta bà sanh về Cực Lạc. Phương pháp “Trì danh niệm Phật” thực hành thì rất dễ, thành công lại rất cao. Nếu có thể nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau, quyết được “Niệm Phật Tam Muội”, lâm chung quyết định vãng sanh thượng phẩm. Dù cho căn cơ thấp kém chưa chứng Tam Muội, chỉ cần tin nguyện trì danh niệm Phật như con nhớ mẹ luôn luôn không gián đoạn, đến lúc lâm chung “cảm ứng đạo giao” mong nhờ sức từ của Phật cũng vẫn có thể được đới nghiệp vãng sanh” (mang theo nghiệp mà vãng sanh).

Nếu như niệm Phật đến chỗ tồn tâm là Phật, tồn Phật là tâm, ngòi tâm không Phật, ngòi Phật không tâm, không niệm mà tự niệm, niệm mà vô niệm, tâm và Phật cả hai đều rõ ràng, năng sở cả hai đều vong, thì diệu lý thật tướng hiện bày, y báo và chánh báo ở Tây phương tròn đầy trong một niệm. Như vậy, ngay nơi “trì danh” mà thấu suốt được thật tướng, chẳng cần quán tưởng cũng thấy Tây phương.

Phương pháp “trì danh” nhiếp cơ rất rộng, lợi ích rất sâu, khế hợp với hàng sơ cơ, độn căn đời mạt pháp. Do vậy từ xưa các bậc thiện tri thức đều chú trọng nơi một môn “trì danh” vì đây là chỗ cùng cực của môn “niệm tha Phật” vậy.

Khởi tâm niệm Phật cực kỳ quan trọng ở chỗ, phải tha thiết mong cầu liễu sanh thoát tử. Đã tha thiết giải quyết sanh tử, thì đối với sự khổ sanh tử tự sanh tâm nhàm chán; đối với sự vui ở Cực Lạc tự sanh tâm ưa thích. Như thế thì trong hai điều Tín và Nguyện ngay nơi một niệm đã đầy đủ; lại thêm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ mà chuyên cần niệm Phật, thì sức Phật, sức Pháp, sức công đức Tín, Nguyện, ba pháp đều đầy đủ rõ ràng giống như mặt trời giữa hư không, dù có tuyết sương từng lớp dày đặc chẳng bao lâu cũng tự tan rã.

Phương pháp “trì danh niệm Phật” rất mau công hiệu, đó là “nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau”. Pháp nhiếp cả sáu căn đó là: Khi niệm Phật, tâm chuyên chú nơi danh hiệu Phật, tức nhiếp Ý căn; miệng không tạp thoại mà phải niệm Phật cho rõ ràng tức nhiếp Thiệt căn; tai nghe rành rẽ danh hiệu Phật do mình niệm tức nhiếp Nhĩ căn; mắt phải khép lại, không nên mở to tức nhiếp Nhân căn; mũi cũng không ngửi mùi khác tức nhiếp Tỷ căn; thân nghiêm trang cung kính tức nhiếp Thân căn. Sáu căn đã nhiếp nên tâm không tán loạn, không vọng niệm. Sáu căn nếu chẳng nhiếp thì tuy có niệm Phật nhưng trong tâm vọng tưởng lăng xăng, như thế khó được lợi ích thiết thực. Nếu thường hay nhiếp sáu căn mà niệm Phật, đó gọi là “tịnh niệm nối nhau”. Thường xuyên giữ được “tịnh niệm nối nhau” thì “nhứt tâm bất loạn” cùng “Niệm Phật Tam Muội” lần lần có thể chứng đắc vậy.

Niệm Phật điều cần yếu là thường xuyên đặt mình vào trường hợp sắp chết, sắp đọa địa ngục ... thời không khẩn thiết cũng tự khẩn thiết. Dùng tâm sợ khổ để niệm Phật, ấy là “xuất khổ diệu pháp đệ nhất” cũng là “tùy duyên tiêu nghiệp diệu pháp đệ nhất”. Tâm niệm Phật sở dĩ chẳng qui nhất là do lỗi của tâm đối với sự sanh tử chẳng tha thiết.

Nếu thường nghĩ sắp bị nước cuốn trôi, lửa thiêu cháy, khó thể cứu vớt và tưởng sắp chết, sắp đọa địa ngục thời tâm tự quyết liệt, tâm tự quy nhất, ngòi pháp “trì danh niệm Phật” ắt sẽ không cầu đến diệu pháp nào nữa cả. Thế nên trong Kinh thường nói “Nhớ khổ địa ngục, phát Bồ đề tâm”. Đây là lời khai thị tối thiết yếu của đức Đại Giác Thế Tôn. Tiếc vì người đời không chịu suy nghĩ điều này. Xét kỹ sự khổ ở địa ngục khổ hơn vô lượng vô biên lần so với sự khổ của nước trôi lửa cháy ở thế gian. Trong khi nghĩ đến sự khổ nước trôi lửa cháy ở thế gian thì sanh tâm vô cùng sợ hãi, thế nhưng khi nghĩ đến nỗi khổ ở địa ngục lại lơ là cho rằng không thiết thực. Ấy là suy nghĩ cạn cợt của hầu hết chúng sanh thời mạt pháp!

Khi niệm Phật chưa được nhứt tâm, tuyệt đối không nên khởi vọng niệm mong muốn thấy Phật. Khi được nhứt tâm rồi, khi đó tâm cùng Phật hợp nhau, tâm cùng đạo hòa nhau, thì muốn thấy Phật sẽ được thấy, chẳng thấy Phật thì cũng không ngăn ngại. Còn như gáp muốn thấy Phật, tâm niệm lăng xăng do vì muốn thấy Phật lâu ngày cố kết nơi tâm sẽ khiến thành bệnh nặng. Bấy giờ oan gia nhiều đời nương nơi vọng tưởng thô tháo này, hiện làm thân Phật để trả oán đời trước. Người tu chỉ cần nhứt tâm, lo gì không thấy Phật.

Trì danh niệm Phật cần lấy sự tinh chuyên làm chủ. Nếu khi chưa được nhứt tâm, không nên đem vọng tâm thô tháo cầu có sự cảm thông. Tâm nếu được chuyên nhứt thì tự có sự cảm thông không thể nghĩ bàn. Đã có cảm thông, tâm lại càng tinh nhứt.

Người niệm Phật phải thường xuyên giữ vững tâm niệm cầu vãng sanh, khi báo thân chưa dứt, thì cũng cứ tùy duyên mà sống. Nếu gáp vãng sanh, ví như công phu đã thuần thực thì không sao, còn như công phu chưa thành thực mà vọng tâm chấp cầu sẽ trở thành ma cảnh. Vọng niệm này một khi kết thành khối thì nguy hiểm vô cùng.

Trì danh Niệm Phật mà tâm chẳng qui nhứt, cần phải nhiếp tâm tha thiết mà niệm, thì mới có thể quy nhứt. Pháp nhiếp tâm không gì hơn là “chí thành khẩn thiết”. Nếu tâm chẳng chí thành mà muốn nhiếp thì không thể được. Đã nhiếp tâm rồi mà chưa thuần nhất thì cần

phải lắng tai mà nghe cho thật kỹ tiếng niệm Phật. Không luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm, tất cả đều phải “niệm niệm từ tâm khởi, tiếng phát ra nơi miệng, rồi tiếng niệm lại vào tai”. Tâm và miệng niệm được rành rẽ, tai nghe cũng rành rẽ rõ ràng, nhiếp tâm như vậy thì vọng niệm tự dứt.

“Niệm Phật thành khẩn cung kính”. Lời này thế gian ai cũng biết nhưng lý này thế gian không ai rõ. Tôi (Ân Quang Đại sư) vì muốn tiêu tội chướng, muốn báo ân Phật, nên thường “chỉ thành cung kính niệm Phật”. Đây thật là bí quyết nhiệm mầu để siêu phạm nhập Thánh, liễu sanh thoát tử, nên đối với người có duyên tôi thường hay khuyên nhắc vậy.

Giới luật không chỉ ngăn sự thô ác bên ngoài, mà từng ngày có khả năng làm sáng tỏ đạo quả. Ai cũng rõ, nhân quả là giềng mối của giới luật, là nền móng của Phật pháp. Nếu người chẳng biết nhân quả và mê muội nhân quả tức là sống ngược với Phật pháp. Người niệm Phật, một khi khởi tâm động niệm thường phải làm cho khế hợp với tâm Phật, thì “Luật giáo, Thiên, Tịnh” cùng một lúc đã thực hành rồi vậy.

Pháp môn trì danh niệm Phật lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm cương chỉ, lấy sự “nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau” làm điều tối yếu khi hạ thủ công phu, lại dùng “tứ hoằng thệ nguyện” thường chẳng lìa tâm, do vậy tâm cùng Phật tương ứng, tâm cùng đạo khế hợp, hiện đời mau vào giòng Thánh, lâm chung thẳng lên thượng phẩm. Như thế chẳng uổng một đời tu hành vậy”.

Đại sư Luyên Tây dạy: “Khi trì danh niệm Phật, chỉ cần khiến âm thanh chẳng dứt, chẳng cần quá để ý đến “nhất tâm bất loạn”. Vì sao? Vì âm thanh chẳng dứt là nhọn, nhất tâm bất loạn là quả. Nhân hạnh nếu chơn thật, đạo quả ắt viên thành, chỗ này gọi là “hình ngay thời bóng thẳng, tiếng hòa thời âm vang”. Đáng tiếc người đời nay, chẳng chuyên cần niệm Phật mà ước mong nhứt tâm bất loạn. Há chẳng phải như “chim không cánh mà muốn bay, cây không rễ mà muốn xanh tốt”.

Điều Hiệp Thiên Sư khuyên: “Nếu có thể vận dụng thân, khẩu mà niệm, chỉ cần câu Phật hiệu không gián đoạn, tự có thể được nhứt tâm. Chỉ cần thật hành không ngừng nghỉ, mà chẳng cần lo sợ tâm tán loạn”.

Ngẫu Ích Trì Húc Đại sư khai thị: “Nếu niệm địa ngục, thời là người của chốn địa ngục, nếu niệm naga quý tức thời đã là naga quý, cho đến niệm Phật thời là công dân của Phật quốc vậy. Lý này rất rõ ràng. Cho nên trong “Tông Cảnh Lục” có câu: “Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”.

Suốt cả ngày, niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, liên tục không gián đoạn, cần phải lấy “nhất tâm bất loạn” làm kỳ hạn, thật hành tâm hạnh đơn giản này cần phải tin chắc, chớ nghi ngờ, giữ niệm luôn luôn chớ dừng dừng nghỉ giữa đường, tự sẽ được vãng sanh Cực Lạc.

Qua kinh nghiệm của nhiều bậc cao Tăng và hành giả kiên trì tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, nếu Tín sâu – Nguyện thiết – Hạnh chuyên, thì “cửu phẩm liên hoa” chắc chắn là chỗ quay về trong mai hậu. Như vậy niệm Phật quả là một pháp môn đơn giản nhưng rất đắc dụng, hơn nữa đó cũng là con đường thẳng tắt, nếu chúng ta hành trì đúng pháp, chắc chắn thành tựu ngay trong một đời. Chỉ cần chúng ta buông xả vạn duyên, giữ vững chánh niệm chuyên cần duy trì danh hiệu không để gián đoạn câu Phật hiệu và trì danh cho đến nhất tâm bất loạn.

Sở dĩ công phu chúng ta chưa được đắc lực vì còn xen nhiều tạp niệm nên chướng ngại trên đường về không nhỏ. Chướng ngại này ngồi tự thân chúng ta không ai có thể giúp đỡ được. Duy nhất tự thân phải buông xả, không chấp giữ bất cứ mảy may điều gì ngoại trừ một câu “A Di Đà Phật”, được như vậy chúng ta sẽ có chánh niệm. Nhân là chánh niệm thì quả ắt phải được nhất tâm, nếu niệm Phật đến nhất tâm bất loạn thì hoa sen tự nở ngay trong cõi đời này chứ không cần phải đợi đến khi vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

## CHỌN PHÁP MÔN TU HỌC



Trong Phật pháp, sự lựa chọn pháp môn tu học rất quan trọng, nếu chọn pháp môn không phù hợp với căn cơ, ắt sẽ rất khó khăn trong việc hành trì, không những không mang lại kết quả như ý nguyện mà có khi còn khiến cho thân tâm sanh ra chướng ngại.

Đối với những Phật tử tại gia, nhất thời đã chọn cho mình một pháp môn, nhưng chưa thông hiểu nghĩa lý sâu xa của pháp môn mình đang tu học, nhận thức về tông chỉ pháp môn cũng như phương cách hành trì một cách hời hợt, hoặc tu theo sở thích, tu theo cảm tính, tu trong tư kiến cố chấp với tầm nhìn giới hạn ... Chính vì vậy mà sự tu học không mang lại kết quả, dẫn đến sự chạy lười, chán nản.

Khi đã khẳng định cho mình một pháp môn tu phù hợp và thích nghi với điều kiện sống của bản thân, điều quan trọng trước tiên là Phật tử phải để tâm học tập sao cho thực sự thâm nhập yếu chỉ pháp môn một cách tường tận, rốt ráo. Vì đây là chiếc chìa khóa để mở toang cánh cửa hành trì, để thành thời bước vào ngôi nhà Phật pháp, khoan thai bước lên nấc thang giác ngộ, ung dung tự tin tự cõi trói mọi ràng buộc khổ đau, tiến đến vượt thốt khỏi luân hồi sanh tử.

Sự học tập này rất là cần thiết vì nó phá tan mọi cố chấp theo tư kiến hẹp hòi vốn tiềm ẩn trong mỗi chúng ta, hơn nữa sự thâm nhập pháp môn tu là vô cùng quan trọng cho cả cuộc đời học đạo.

Đức Phật ra đời như một lương y tài ba, tùy bệnh chúng sanh mà cho thuốc. Chúng ta phải biết bệnh trạng của chính mình mà chọn phương thuốc sao cho phù hợp. Phật pháp mênh mông vô tận, chúng ta nên chọn cho mình một pháp môn tu sao cho hợp với căn cơ và thích nghi với điều kiện và hoàn cảnh sống của mình. Thật ra không có thuốc nào quý hơn thuốc nào, cũng như không có pháp môn nào cao hơn pháp môn nào cả.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật đề ra đều là phương tiện nhằm chữa trị tâm bệnh của chúng sanh. Mục đích chính là giúp chúng sanh nhận ra bản tâm thanh tịnh của chính mình. Nếu chúng sanh thâm tín, nương theo tinh tấn tu hành, kiên định nơi một pháp vẫn có thể nhân đó giải thốt luân hồi sanh tử.

Tuy nhiên có người lại nghĩ, tất cả pháp môn của Phật chỉ dạy đều vi diệu như nhau, đều thiết thực và mang lại lợi ích lớn cho chúng sanh, nên đều có thể sử dụng làm phương tiện tu học được cả. Lại nhận định, không phương tiện nào quý hơn phương tiện nào, tất cả đều cùng mục đích là giải thốt luân hồi sanh tử, nên tranh thủ tìm hiểu nhiều pháp môn càng tốt.

Do nhận thức sai lầm như vậy nên cùng một lúc tu nhiều pháp môn, điều này dẫn đến việc loạn tâm loạn niệm, trong nhà Thiền gọi trường hợp này là “tẩu hỏa”. Đây là điều tối kỵ đối với những ai hướng về chánh pháp tu hành giải thốt. Vì sao vậy? Thật ra việc sử dụng một lúc nhiều phương tiện hay hành trì một lúc nhiều pháp môn, nó cũng giống như ăn cùng một lúc quá nhiều đồ ăn, điều này sẽ dẫn đến tình trạng bội thực, khó tiêu, no hơi, sinh bụng.

Điều đặc biệt quan trọng cho việc tu tập của chúng ta là nên chọn một pháp môn, phải thông hiểu pháp môn mình đang hành trì và nương theo khả năng cũng như sức lực cho phép để việc hành trì được lâu dài kiên cố. Chúng ta đừng nên ăn quá nhiều đồ ăn mà chúng ta chưa từng hiểu cặn kẽ những món mà chúng ta sắp sửa cho vào bao tử, chúng ta cũng không nên ăn vội, ăn ẩu, không nên đụng đâu ăn đó, vì ăn như vậy nó sẽ trở nên vô bổ, phản tác dụng. Cũng vậy, chúng ta đừng thấy ai đó tu Thiền rồi bắt chước tu Thiền, đừng thấy người khác tu Tịnh Độ cũng quay sang tu theo Tịnh Độ mà không biết căn cơ mình phù hợp, thích ứng với pháp môn nào?

Trên thực tế đời sống hằng ngày, đối với thân xác, đối với lục phủ ngũ tạng của mình, ít ra chúng ta phải hiểu rõ nó thích ứng với điều kiện nhiệt độ nào để mặc thêm áo ấm, hay phải đi tắm để giải nhiệt. Tại sao cơ địa chúng ta chỉ thèm ăn cơm mà không chịu ăn bánh mì thường xuyên như người phương Tây? Chúng ta phải ý thức rằng, đó là vì bộ phận tiêu hóa của chúng ta chỉ dễ dàng tiêu hóa cơm mà không dễ thích ứng thường xuyên với các món ăn

được chế biến từ các loại tinh bột. Tinh thần hoặc tánh khí chúng ta cũng vậy, có người kiên trì nhẫn nại, có người nóng nảy, vội vàng, có người nhanh, kẻ chậm.

Thế thì việc chọn pháp môn tu học cũng vậy, chúng ta chỉ có thể chọn cho mình một pháp môn phù hợp với căn cơ của mình, vì nếu chọn sai, hẳn nhiên là dẫn đến việc tu tập nhiều năm mà không đem lại kết quả.

Trên sự tìm hiểu, nghiên cứu, học tập có thể chúng ta đã tiếp thu nhiều, nhưng chưa chắc chúng ta đã hiểu nhiều, nếu đã hiểu cả rồi cũng chưa hẳn chúng ta đã nhận thức đúng và dễ dàng thực hiện được (dù rất muốn).

Hiểu và làm đúng như điều mình hiểu là hai vấn đề khác nhau. Cũng như chúng ta ăn nhiều, uống nhiều nhưng chúng ta có tiêu hóa được hay không rõ ràng là hai vấn đề khác nhau. Trong việc tu hành, chúng ta cần phải lưu ý vấn đề này.

Đức Phật như đại lương y kê toa thuốc theo từng con bệnh. Đức Phật có nhiều loại thuốc và trong tam tạng kinh điển đức Phật luôn nói rõ tác dụng của từng phương tiện, phần chúng ta là con bệnh, trước hết chúng ta phải biết mình bệnh tình ra sao, sau đó mới tùy bệnh mà nhận thuốc, việc này không ai có thể làm thay chúng ta được.

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta thử nhận định, củ nhân sâm quý hay cái lá mùn quý? Trên thương trường rõ ràng là củ nhân sâm đắt giá hơn gấp trăm ngàn lần so với mấy cái lá mùn. Dù chênh lệch về giá cả như vậy, thế nhưng khi sử dụng thì không có loại nào quý hơn loại nào cả? Vì sao vậy? Vì một người trai trẻ sung sức đang bị táo bón mà dùng củ nhân sâm quả là không phù hợp, nếu không muốn nói là vô bổ, thậm chí nguy hiểm vì nhân sâm tuy bổ nhưng rất nóng (không hợp với người đang táo bón). Trong trường hợp này, thì mấy cái lá mùn tuy rẻ tiền kia lại vô cùng đắc dụng đối với chàng trai trẻ. Như vậy, rõ ràng là củ nhân sâm đại bổ và mấy cái lá mùn trị táo bón đều cùng giá trị như nhau trong việc duy trì sức khỏe của con người. Điều quan trọng là chúng ta phải biết cơ địa mình đang cần thiết đến loại thuốc nào chứ không phải nhắm vào loại quý giá hơn để chọn.

## CHÁNH NIỆM

Với người tu theo pháp môn Tịnh Độ thì niệm Phật ắt sẽ thành Phật, niệm Phật ắt sẽ được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, đó là lẽ đương nhiên, trong Phật tử không ai có thể phủ nhận. Thế nhưng, niệm Phật như thế nào mới được thành Phật? Niệm Phật như thế nào mới được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc? Đây là một dấu hỏi rất lớn đối với những người tu theo pháp môn trì danh niệm Phật.

Trước khi đi sâu vào câu hỏi thiết thực này, chúng ta cũng cần nhìn lại, trong thế giới Tịnh Độ mà chúng ta đang nương theo đã có những thực tế đáng suy ngẫm. Thật ra trên thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay, nhờ thâm tín lời chư Phật dạy, nhờ tha thiết nguyện cầu vãng sanh, nhờ nhất tâm niệm Phật, kết quả đã có rất nhiều người đã được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, số lượng chẳng thể tính đếm nổi.

Người được vãng sanh khi xả bỏ tám thân hóa huyễn này ra đi, tinh thần rất minh mẫn, tâm hồn hoan hỷ an lạc, phong thái ra đi an nhiên tự tại, ngời ra còn có những điềm lành xuất hiện như hương thơm lan tỏa, mây lành quyện tụ. Sau khi ra đi đã để lại vô số xá lợi và nhất là đã để lại niềm tin trọn vẹn cho những hành giả tu theo pháp môn niệm Phật ...

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn không ít trường hợp Phật tử tu theo pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật trải qua nhiều năm tháng mà vẫn không đạt kết quả, thậm chí khi lâm chung không còn giữ được chánh niệm, không được một chút tự chủ, tâm thức người chết hoảng loạn, đau đớn khổ sở tột cùng, chứng tỏ hiện tượng chết này là do bởi nghiệp chướng, báo chướng, vô minh phiền não chướng, chứ không phải vãng sanh Cực Lạc ... Những trường hợp này đã phần nào làm lui sụt ý chí những người tu theo pháp môn Tịnh Độ.

Vì sao cũng tu pháp môn trì danh niệm Phật mà có người khi mạng chung đã tự tại xả bỏ báo thân an nhiên thị tịch? Và vì sao có người niệm Phật nhiều năm tháng mà vẫn còn đầy phiền não, đến khi mạng căn chấm dứt đã không giữ được chánh niệm? Không được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc? Vì sao vậy?

Theo thiên ý chúng tôi, đó là do người tu theo pháp môn niệm Phật chưa ý thức đúng đắn về việc giữ chánh niệm trong quá trình tu tập nên thường duyên theo trần cảnh, sống trong lãng xăng tạp niệm, cũng là do để tâm hướng ngoại mong cầu được vãng sanh về Tây Phương mà quên rằng việc giữ chánh niệm miên mật và đạt đến nhất tâm bất loạn thì mới là động cơ chính yếu để được vãng sanh.

Như vậy đối với những người mới gieo duyên với Phật pháp và kể cả những Phật tử tuy có niệm Phật nhưng vẫn còn lãng xăng tạp niệm, chúng ta có thể hỏi họ rằng “Niệm Phật sẽ về đâu?”. Chúng tôi biết rằng, đối với những người mới gieo duyên với Phật pháp, mới tìm đọc kinh điển Phật giáo, họ luôn hồ nghi thắc mắc rằng, ngôi thế giới chúng ta đang sống, còn một hay nhiều thế giới khác nữa? Và trong vô số thế giới siêu hình đó, thì đâu là thế giới mà sau này họ sẽ thác sanh về? nhất là khi đến chùa, được quý Thầy, chư Ni khuyên dạy niệm Phật để được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc?!

*Niệm Phật sẽ về đâu?* Thật ra đây là một câu hỏi chỉ nhằm nhắc nhở những Phật tử khi đã tu theo pháp môn niệm Phật mà còn đa đoan thế sự, còn nặng nợ thế gian, dù trong ngày có niệm Phật nhưng còn quá nhiều lãng xăng tạp niệm, chứ đây không phải là một đề tài để thảo luận. Dù chỉ là câu hỏi nhằm nhắc nhở, nhưng chúng tôi vẫn cảm nhận ngay rằng, đặt câu hỏi như vậy là quá sai với tôn chỉ Tịnh Độ. Bởi niệm Phật đương nhiên là sẽ về với Phật, sẽ được vãng sanh chứ về đâu nữa

Tuy nhiên đối với những Phật tử, dù cho có niệm Phật nhưng thực tế vẫn còn lãng xăng tạp niệm, thì câu hỏi: “Niệm Phật sẽ về đâu” chắc hẳn sẽ giúp cho họ nhìn lại và suy ngẫm nếu họ thật sự tha thiết với việc giải thoát khổ đau luân hồi sanh tử! *Niệm Phật sẽ về đâu?* Đối với người đầy đủ *Tín Hạnh Nguyện*, thì công phu niệm Phật là ... niệm Phật, còn “*sẽ về đâu?*” thì hẳn tồn không phải là điều họ quan tâm trong lúc hạ thủ công phu, bởi *Tín Hạnh Nguyện* và mục đích được đặt ra cho việc niệm Phật đã tròn đầy trong mỗi lần xưng niệm danh hiệu Phật. Chúng ta có thể hiểu rằng, “*niệm*” là động từ chỉ cho cái tâm đương niệm rất sinh động hiện tại, “*sẽ về đâu*” là chỉ cho cái tâm vọng cầu vào tương lai, với một hành giả tu theo Phật pháp thì không thể sanh hai tâm mà mong thành tựu đạo quả được.

Trong kinh “Sống một mình”, đức Phật dạy đại ý rằng, quá khứ thì không luyến tiếc, tương lai là chuyện chưa đến, cho nên đừng mong cầu ở tương lai mà hãy an trú chánh niệm ngay trong giây phút hiện tại. Do đó khi *Niệm Phật* mà mong cầu *sẽ vãng sanh* hay tu hành mong cầu *được sanh về đâu đó* (theo ý thích chẳng hạn) tức là chúng ta đã hướng ngoại vọng cầu, tức là chúng ta đã thật sự bỏ quên chánh niệm và như vậy chúng ta sẽ không có được một tương lai tươi sáng. Hơn nữa, nếu để tâm tưởng lãng xăng thú hướng vào tương lai, chúng ta sẽ quên lãng hiện tại, khi quên lãng hiện tại thì chúng ta đã rơi vào trạng thái tâm trạo cử, tạp niệm. Một Thiền sư đã từng nói: “Hy sinh hiện tại cho tương lai là tự sát”. Ý nghĩa sâu xa của lời nói này thật không còn gì xác thực hơn đối với người tu theo hạnh Phật.

Trong tam tạng kinh điển, đức Phật luôn dạy chúng ta tỉnh thức và chánh niệm, ngôi chánh niệm thì không nên nghĩ gì khác. Bởi vì khi dồn tâm dồn ý vào công phu, chúng ta dễ dàng đạt được chánh niệm, như vậy chúng ta đã loại bỏ tất cả những tạp niệm mà không cần khởi tâm loại bỏ, đây là điều cơ bản để công phu dần dần đạt đến nhất tâm bất loạn. Nếu chúng ta cứ đem tâm trạo cử lãng xăng để niệm Phật thì chương ngại này sẽ cản trở rất lớn khiến cho công phu tu niệm sẽ trở nên vô ích.

Chư vị Tổ sư Tịnh Độ cũng luôn dạy chúng ta rằng, năng lực tối cần để giải trừ nghiệp chướng trong lúc niệm Phật là không sanh nghi tâm, trì danh niệm Phật phải tha thiết chuyên cần và nhất tâm không để xen tạp. Trong đó năng lực sanh ra từ chánh niệm (tức là

tâm không xen tạp) được xem là mạnh mẽ nhất. Nếu chúng ta giữ được chánh niệm, đừng để gián đoạn trong một năm, hai năm nhần đến ba năm thì dù cho nghiệp chướng có cao đầy như núi, có chất chông từ vô lượng kiếp đi nữa, chúng ta cũng có thể giải trừ được hết. Ngài Từ Vân Quán Đảnh Pháp sư có chú giải kinh “Vô Lượng Thọ” rằng: “Chúng sanh nào từ vô lượng kiếp tạo tội cực ác, tạo nghiệp sâu dày. Bao nhiêu kinh luận, tất cả sám pháp đều không thể tiêu trừ được. Cuối cùng vẫn còn một phương pháp có thể cứu vãn, đó là phương pháp chuyên tâm trì danh niệm Phật”. Điều này cho thấy công đức niệm Phật quả thật to lớn, thù thắng vô cùng, tất nhiên là chúng ta phải vận phát trong chánh niệm.

## CÙNG CỐ NIỀM TIN

Căn bản của người tu theo pháp môn Tịnh Độ phải hội đủ ba món tư lương Tín – Nguyện – Hạnh. Trong kinh Hoa Nghiêm ghi: “Tín vi đạo nguyên công đức mẫu”.

Nay chúng ta thử hỏi, khi chọn pháp môn niệm Phật để hành trì chúng ta đã trọn vẹn niềm tin vào lời Phật dạy chưa? Tin chừng nào? Tin ra sao?

Tất nhiên là chúng ta có tin vào lời Phật dạy thì chúng ta mới phát tâm tu hành. Tuy nhiên chúng ta tin chừng nào, tin ra sao, thì điều này cần phải xem xét lại để chúng ta cùng cõ mở và củng cố niềm tin cho chắc thật.

Thật ra trên thực tế, niềm tin cũng có nhiều tầng bậc, có niềm tin sâu sắc, có niềm tin hời hợt.

Ở đây chúng tôi muốn đề cập đến cái gọi là “niềm tin hời hợt” mà hầu hết Phật tử chúng ta đang rơi vào tình trạng tin Phật, tin pháp theo cái kiểu tin bấp bênh này. Và xét từ thực tế chúng ta cũng có thể sớm kết luận rằng, tin Phật pháp một cách hời hợt là điểm gặp nhau của hầu hết chúng sanh thời mạt pháp như chúng ta hiện nay.

Về điều này, chúng tôi thiết nghĩ, niềm tin hời hợt là niềm tin không kiên định, không chắc thật, tuy là có tin vào một điều gì đó, nhưng đó chỉ là nhất thời nên cũng có thể dễ dàng lui sụt niềm tin hay đánh mất niềm tin nếu gặp một trở ngại khó khăn nào đó trong cuộc sống, hoặc khi con người rơi vào những hôn cảnh bất hạnh, ngặt nghèo thì niềm tin hời hợt sẽ lung lay rồi sụp đổ.

Nói về niềm tin thì không phải chỉ Phật tử như chúng ta mới cần phải có niềm tin vững chắc vào Phật pháp, mà trong cuộc sống, bất cứ ai, muốn làm việc gì, trước hết đều phải tin vào công việc mình đang làm, tin vào khả năng của mình và tin chắc rằng mình sẽ gặt hái thành công.

Đối với Phật tử chúng ta, những hành giả tu theo pháp môn niệm Phật, đang tha thiết mong cầu được vãng sanh về Cực Lạc, thì chúng ta cần phải tăng trưởng niềm tin sắc đá hơn nữa. Dù phong ba bão tố cũng không thể nào làm thay đổi niềm tin của chúng ta. Phải có một niềm tin vững vàng chúng ta mới có thể theo đuổi đến cùng mục đích mà mình đang hướng đến. Ngược lại không có niềm tin thì chúng ta không thể làm được bất cứ công việc gì, càng không thể thành tựu bất cứ điều gì cả.

Có một câu chuyện phản ánh về niềm tin của một người theo đạo Bà-la-môn để Phật tử chúng ta cùng suy ngẫm:

Ở Ấn Độ, cứ sau vài năm lại có mùa mưa lớn làm ngập sông Hằng. Mùa mưa lớn năm ấy nước lũ tràn đến, vị trưởng làng đến nhà người Bà-la-môn sùng đạo hỏi thúc:

- Lũ tới rồi, tránh lũ nhanh lên!

Người Bà-la-môn đáp:

- Tôi tin Thượng Đế sẽ phù hộ cho tôi. Nói thế, và anh thân nhiên như không có lũ.

Càng ngày nước càng dâng lên cao. Một vài người chèo thuyền ngang qua nhà người Bà-la-môn bảo anh chạy lũ. Thế nhưng người Bà-la-môn này vẫn thản nhiên như không có gì đang xảy ra:

- Tôi không cần thuyền bè của các anh đâu. Tôi đã có Thượng Đế rồi!

Nước càng dâng lên cao hơn, người Bà-la-môn phải leo trên nóc nhà. Một người Bà-la-môn khác ôm khúc gỗ xuôi theo dòng nước để thoát chết. Khi nhìn thấy người Bà-la-môn đang ở trên nóc nhà, người Bà-la-môn ấy la lên:

- Hãy bơi nhanh ra đây với tôi đi ngài.

Dù đang chơi vui trên nóc nhà nhưng người Bà-la-môn vẫn cố gào lên:

- Tôi tin Thượng Đế sẽ đến cứu tôi!

Sau đó, máy bay trực thăng chở nhân viên cứu hộ bay lượn trên nóc nhà và thả dây xuống. Thay vì tranh thủ bám lấy dây, tự cứu mình trong cơn nguy khốn, thế nhưng người Bà-la-môn cuồng tín này lại hét tống lên:

- Ta tin Thượng Đế sẽ đến cứu ta. Mấy người hãy rút đi!

Kết cuộc người Bà-la-môn ấy chết đuối. Ngay sau đó, anh ta xuất hiện trước cổng Thiên Đường và gặp một vị thần Hindu. Anh ta tỏ vẻ bực bội:

- Con đã đặt hết niềm tin vào Thượng Đế. Sao Ngài không cứu giúp?

Vị thần nói:

- Sao con lại nghĩ vậy? Thượng Đế đã sai trường làng đến, nhưng con quá ngạo mạn. Thượng Đế đã gọi người chèo thuyền đến, nhưng con quá ngoan cố. Thượng Đế lại gọi người đồng đạo Bà-la-môn đến nhưng con quá ngu ngốc. Thượng Đế đã gọi nhân viên cứu hộ đến, nhưng con lại quá kiêu hãnh. Như vậy thử hỏi Thượng Đế biết làm gì hơn nữa.

Trong cuộc sống cần phải có niềm tin, nhưng chúng ta phải tin như thế nào, chứ tin như người Bà-la-môn như trong câu chuyện kể trên thì thật là mất hết lý trí phải không quý Phật tử?

Cũng có một câu chuyện khác được lưu truyền như sau:

Có một thanh niên trẻ tuổi theo học đạo với một sư phụ trong làng. Anh ta rất nôn nóng muốn biết Thượng Đế đang ngự trị ở đâu? Anh đã yêu cầu sư phụ cho biết việc này. Vị sư phụ trả lời ngay:

- Thượng Đế thật sự mà anh đang tìm chính là anh.

Nghe trả lời xong, thanh niên này tỏ ra bất bình. Chàng cảm thấy vị sư phụ này vô lý. Thế là chàng rời làng đi tìm lời giáo huấn khác. Chàng tìm sư học đạo khắp nơi, nhưng rốt cuộc chàng cũng nhận được những lời giải đáp tương tự như vị sư phụ đầu tiên mà chàng thọ giáo: “Con chính là Thượng Đế” – Và chàng cảm thấy, giải đáp như thế này là dấu hiệu bất tài của các sư phụ.

Cuối cùng chàng thanh niên cũng gặp được một vị sư phụ mà chàng cho rằng đây là bậc minh sư. Vị sư phụ mới này kiên nhẫn lắng nghe những lời ôn trách kịch liệt về những vị sư phụ trước đây cũng như những vướng mắc trong lòng của chàng. Nghe xong, sư phụ bảo chàng thanh niên rằng: “Sự thật về Thượng Đế sẽ được hé lộ, nhưng không phải ngay bây giờ”

Vị sư phụ mới này cho rằng, người học đạo phải mất nhiều năm mới đạt được điều mình thao thức. Do vậy, sư phụ đã bắt buộc chàng thanh niên theo học nhiều năm với ông ta. Vì quá nghèo, không thể theo hầu sư phụ để nghe giáo huấn, chàng đã quyết định vừa học vừa

làm. Từ đó chàng cần mẫn bón phân trên những cánh đồng mệnh mông. Suốt bảy năm ròng làm lụng vất vả, đến năm thứ bảy, chàng đến gặp sư phụ và xin được minh sư khai thị.

Sư phụ nói:

- Con chính là Thượng Đế! Điều con muốn biết chỉ có vậy thôi!

Nghe sư phụ tuyên bố xong. Chàng nổi giận:

- Vì sao sư phụ lại giống như những ông thầy ngốc nghếch không ra gì trước đây được? Nếu vậy thì cần gì phải vất vả suốt bảy năm qua?

Lúc này vị sư phụ mới lên tiếng:

Con là Thượng Đế. Chỉ do con không đủ sức tin như vậy!

Liệu chúng ta có như chàng thanh niên trong câu chuyện kể trên không? Chúng ta có một mục đích lớn lao và rất quả cảm trên con đường tìm về nước Phật nhưng chúng ta có đủ niềm tin rằng, chính mình là Phật sẽ thành hay không? Nếu chúng ta có đủ niềm tin như vậy, chúng ta chỉ cần tăng trưởng *tín – hạnh – nguyện* và chuyên cần trì danh niệm Phật cho đến nhất tâm bất loạn thì “Phật” chính là ta và “Tịnh độ tự tâm” cũng chính là cõi lòng thanh tịnh của chúng ta rồi đó.

Với pháp môn niệm Phật, chúng tôi thiết nghĩ, cũng cần nhắc lại rằng, từ những bậc Đại Bồ Tát trí huệ vô biên như Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Quán Thế Âm đều xem pháp môn niệm Phật là vua của các pháp môn. Ngài Văn Thù khen ngợi: “Không có pháp nào hơn pháp môn niệm Phật”. Ngài Mã Minh và Ngài Long Thọ là hai vị thượng thủ của Thiên Tông Đại Thừa giáo mà vẫn cho rằng pháp môn niệm Phật là cao cả tôn quý trong các pháp môn. Ngài Long Thọ tán thán: “Niệm Phật là phương pháp tối thượng, tối thắng, niệm Phật sanh ra đại trí tuệ, đại phước đức, phá được mọi phiền não và độ tất cả mọi chúng sinh”. Ở Việt Nam thời Trần có vua Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ là hai đại Thiên sư của Thiền học Việt Nam, nhưng cả hai Ngài đều dùng lời tôn quý không ngớt lời tán thán pháp môn Tịnh Độ một cách sâu sắc. Thế còn hàng Phật tử sơ tâm như chúng ta nghĩ gì về pháp môn Tịnh độ?

Có thể nói, do nghiệp chướng quá sâu dày, niềm tin Phật pháp của chúng ta quá mỏng manh. Trong Phật tử chúng ta, cũng đã có không ít người cho rằng cõi Cực Lạc là cõi hư vô không thật, vì suy nghĩ như vậy nên không tin. Có người nghĩ rằng, mỗi người sanh ra ở đời sướng khổ là do số phận trời Phật đã định sẵn nên phải chấp nhận, làm gì có chuyện nhờ niệm Phật mà lên được cõi Trời, cõi Phật. Có người cho rằng niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc chẳng qua cũng chỉ là phương tiện khuyên người đời làm lành lánh dữ mà thôi, chứ không hề có cảnh Tây Phương Tịnh Độ, nếu có cảnh giới Cực Lạc đi chẳng nữa cũng do tụng niệm danh hiệu Phật quá nhiều rồi nhập tâm mà hiện ra, chứ làm gì có cõi Cực Lạc thật, nên không tin. Có người bị quan cho rằng, con người vốn đã nặng nghiệp, *tham – sân – si* quá dày, dù có trì chú niệm Phật, thì thói quen tật xấu cũng khó chữa, không thể trong khoảnh khắc buông đao mà thành Phật được, nên không tin. Có người cho rằng ở trần gian này con người tạo nghiệp ác quá nhiều, phải theo nghiệp mà thọ nhận quả báo, không thể chỉ niệm Phật mà tiêu trừ nghiệp lực ngay một lúc như vậy được nên họ không tin...

Lại có người nhận định, mỗi ngày chỉ bỏ ra một thời gian nhất định để niệm Phật mà vẫn được vãng sanh về chốn Cực Lạc, đó là lời nói mơ hồ, giá như tất cả mọi người đều thực hành như vậy thì thế giới này vài trăm năm nữa sẽ còn ai? Thật khó tin được!

Lại có người cho rằng, ở chốn Cực Lạc dù điều kiện sống có tối ưu đến đâu thì cũng phải có giới hạn của nó, trong khi đó số lượng chúng sanh được vãng sanh về cõi Cực Lạc từ vô thị đến nay, theo lời Phật dạy là vô lượng, không thể tính đếm được, thế mà không bị nạn nhân mãn thì thật là khó hiểu, khó tin được.

Lại có người cho rằng, một khi đã sanh về Cực Lạc, muốn gì có vậy, chỉ cần nghĩ đến điều gì, nó liền hiện ra mà không phải nhọc công, nhọc sức, thật không khác nào kiêu diễn thuyết lợi khẩu, phỉnh nịnh kẻ mê tín, vì vậy họ không tin.

Lại có người cho rằng, thế giới Cực Lạc muôn vật đều là vàng ròng, trân châu, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, không cần xây dựng mà tự nhiên thành tựu, phải chăng đây là chuyện thần thoại, được kể cho vui trong những lúc nông nhàn, không hợp với thời hiện đại, vì vậy không có gì đáng tin, v.v....

Còn biết bao nhiêu điều ngờ vực nữa trong suy nghĩ của mỗi người, thật không thể nào kể hết. Ở đây chúng tôi chưa nói đến việc những suy nghĩ đó là lệch lạc hay chánh đáng, mà chỉ ghi nhận đó là những suy nghĩ có thật trong lòng người Phật tử hay những người mới gieo duyên với Phật pháp.

Thật ra, chúng ta đều biết, tự thân mỗi con người là một thế giới suy tư vọng tưởng vô cùng phức tạp. Khi chưa gặp rắc rối và biến cố trong cuộc sống, chúng ta luôn tự cho mình thông minh, sáng suốt nên thường tự cao, tự đại, tự mãn, cho mình cái quyền quán xét hết mọi chuyện, tinh thông hết vạn sự. Thế nhưng vạn vật thì mệnh mông, Phật pháp thì vô biên vô tận, trong khi trí não của chúng ta thì lại hữu hạn. Nay đem cái hữu hạn so lường quán xét cái vô hạn, thì quả là thiếu hiểu biết, thật không có gì mê muội hơn.

Trước những ngờ vực về pháp môn niệm Phật như đã nêu trên, thiết nghĩ cũng không cần thiết phải có lời giải đáp cụ thể cho mỗi trường hợp, vì một khi con người đã thiếu lòng tin và thiếu hiểu biết cơ bản thì nội dung giải đáp cũng chỉ là nguyên nhân sản sanh ra sự ngờ vực tương tục nối tiếp theo mà thôi.

Trong dân gian, người ta hay nói: *“không thể lấy gan của tiểu nhân mà đo được lòng quân tử”*. Sở dĩ có câu nói này, vì ở đời, người có căn khí hạ liệt, khí lượng hẹp hòi, vẫn thường dùng cái hiểu biết rất ư là giới hạn của mình để phán xét những sự việc to lớn hệ trọng trong cuộc sống. Do vậy, đối với hạng người này, chúng ta cũng không thể nào dùng lý luận để giải đáp mọi ngờ vực của họ được.

Thật ra những thành kiến, cố chấp một khi đã bền chắc, kiên cố thì một lúc cũng khó có thể hờ giải hay dời đổi được. Điều này cũng giống như lời kiến, lời mối không thể nào tưởng tượng nổi những công trình kiến trúc khác ngòi tổ kiến, ụ mối của chúng. Sở dĩ như vậy, là bởi kiến và mối chỉ là kiến và mối thôi, chúng không thể là gì khác ngòi bản chất của chúng. Nếu có một công trình kiến trúc kỳ vĩ quy mô hoành tráng nào đó trước mặt chúng thì chắc gì chúng công nhận!

Liên hệ trong Phật pháp cũng tương tự như vậy, chúng ta là hạng chúng sanh thời mạt pháp, nghiệp chướng nặng nề, phước đức mỏng manh, nội tạng đầy dẫy vô minh phiền não, do vậy chúng ta càng không thể nào tưởng tượng nổi cảnh giới của Phật, trí tuệ của Phật, thần thông quảng đại của Phật. Nếu chúng ta thiếu căn bản Phật pháp mà tận lực suy luận về cảnh giới của Phật, trí tuệ của Phật, thần thông quảng đại của Phật, thì chúng ta sẽ càng thêm hồ nghi và tất nhiên là không đạt được kết quả nào.

Trong sự hiểu biết đang có, dù rằng giới hạn, nhưng chúng ta cũng không đến nỗi vô minh ám chướng để không nhận ra đâu là điều hay lẽ phải trong cuộc sống và trong giáo lý của đức Phật đã dạy. Đức Phật Thích Ca đã từng nói rằng: *“Chớ vội tin những gì ta nói, hãy tư duy chân chánh và thực hành chân chánh, nếu đạt kết quả thì tin theo cũng không muộn”* Đây quả là lời tuyên bố vô cùng trong sáng vị tha xuất phát từ đại bi tâm của bậc Đại Giác.

Khi chúng ta còn nghi ngờ thì sẽ không giải quyết được điều gì, ngược lại còn tăng thêm tạp niệm. Người tu theo pháp môn Tịnh Độ cần nhất là phải loại bỏ tạp niệm, thay vào đó là phải từng ngày tăng trưởng Tín – Hạnh – Nguyện.

Muốn sanh về cõi Cực Lạc, điều đầu tiên là phải tự hỏi lại chính mình là đã đầy đủ Tín, - Hạnh - Nguyện hay chưa. Chúng ta trì danh niệm Phật sâu hay cạn? Chúng ta đã tin

sâu, nguyện thiết, hạnh chuyên chưa?. Rõ ràng đây là những yêu cầu bức thiết của người tu theo pháp môn Tịnh Độ. Rốt lại chúng ta chỉ qui về một niềm tin. Vì khi đã có niềm tin vững chắc, những điều vừa nêu không còn là vấn đề để chúng ta tốn thời gian bàn luận nữa.

Khi chưa đủ niềm tin, thì chúng ta đừng bao giờ đổ thừa, đừng hỏi tại sao tôi cũng tu hành như người khác, cũng chăm chỉ nghe kinh, thậm chí còn nghe nhiều nữa là khác, vậy mà tôi vẫn còn đầy dẫy phiền não. Thật ra có tình trạng như vậy là do niềm tin của chúng ta vẫn còn quá mơ hồ. Đến đây tại sao chúng ta không tự hỏi lại mình: “Nếu thật sự lời Phật, lời Tổ dạy là chân lý, thì chúng ta mới quy y nương theo tu tập chứ? Nếu lời Phật, lời Tổ dạy là chánh pháp, là chân lý, tại sao chúng ta tu không có kết quả?”

Như đã biết, đức Phật như một đại lương y kê toa tùy bệnh cho thuốc, nếu bệnh nhân chưa hết bệnh phải xem lại đã uống thuốc chưa, sắc thuốc đúng cách chưa, thời gian và ngay cả cách uống đã đúng chưa? Có nghĩa là phải xem lại mình, đừng bao giờ đổ lỗi cho ai hết, đừng nói tại Phật, tại pháp, hay tại hôn cảnh này nọ, mà phải luôn tâm niệm rằng, nếu có trở ngại trên đường tu tập, thì cũng là do chúng ta chưa thật đủ niềm tin vào lời đức Phật chỉ dạy mà thôi.

Ở trong Phật pháp, cho dù tu pháp môn nào, điều kiện tiên quyết vẫn là tín tâm. Chúng ta phải biết rằng, chuyện trần gian nay còn mai mất mà muốn đạt đến một lợi ích nào đó, con người cũng cần phải có một niềm tin trước đã. Huống gì đối với Phật pháp, với những pháp môn tu có thể dẫn dắt chúng ta thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, đến cõi Cực Lạc an vui, thì niềm tin càng trở nên thiết yếu hơn bao giờ hết. Khi niềm tin đã trọn vẹn thì không thể không đạt đến chỗ thọ dụng chân chính.

Trong chương “Củng Cố Niềm Tin” này, chúng tôi thiết nghĩ cũng cần nói thêm rằng, chúng ta phát khởi niềm tin ở đây là tin Phật, tin Pháp, tin Tâm thanh tịnh của chúng ta. Chúng ta tin vào đại nguyện của Phật A Di Đà, tin vào lời chỉ dạy của Đức Bổn Sư, tin vào pháp môn Tịnh Độ, tin rằng chúng ta là Phật sẽ thành (như lời Phật dạy). Chúng ta tin rằng, ngày nay nhờ pháp môn niệm Phật, mình cũng có thể thành tựu tín hạnh nguyện, chúng ta tin mình sẽ có chánh niệm, sẽ nhất tâm bất loạn và cuối cùng là sẽ được vãng sanh Cực Lạc.

Tuy nhiên, trong một trường hợp khác, đức Phật lại khuyên đệ tử không nên vội tin vào cái tâm của mình, vì tâm của chúng ta là tâm (thức) vốn diêu động lăng xăng thường tạo ra nghiệp chướng, chứ không phải cái tâm không đắm nhiễm, không còn vọng khởi, chứ không phải tâm chứng quả vị A La Hán, một quả vị của “vô sanh”. Ở đây chúng ta có thể hiểu về hai trường hợp khác nhau giữa cái nhìn của đức Phật khi dạy đệ tử. Một: Niềm tin là mẹ sanh ra vô lượng công đức. Hai: Đừng tin tâm, khi chúng ta chưa chứng quả “vô sanh”. Khi chấp nhận tin tâm mình (tâm chưa diệt trừ phiền não) thì đó là tâm vọng tưởng, tâm không tự chủ, suy nghĩ không định hướng, tính toán lăng xăng như “tâm viên ý mã”. Có thể chỉ trong một sát na mà tâm ta thay đổi liên hồi, thì làm sao chúng ta có thể chấp nhận hay tin theo cái tâm như vậy. Và nếu như chúng ta tin theo cái “tâm viên- ý mã” đó, thì chắc chắn là sẽ chuốc lấy đau khổ. Từ cái nhìn tuệ giác của đức Phật đã cho chúng ta thấy rõ điều này.

Hơn nữa trong tư tưởng Hoa Nghiêm đã cho chúng ta biết về niềm tin như một khái niệm của cội nguồn sanh ra muôn vàn công đức. Đó là niềm tin có chọn lọc trên cơ sở trí tuệ, qua đó chúng ta tin có Phật và tin vào lời dạy của Ngài.

Trong thời của chúng ta cách đức Phật đã trên 25 thế kỷ, một khoảng thời gian rất dài để các nhà nghiên cứu khoa học xác định tư tưởng và lời dạy của đức Phật. Đến bây giờ vẫn chưa có nhà khoa học nào phủ nhận lời Phật là phi chân lý. Điều này đã làm cho chúng ta có quyền đặt trọn niềm tin vào lời dạy chân lý của đức Phật.

## NGHI TÂM CHƯỞNG NGẠI SỰ TU TẬP



Đức Phật đã thuyết đến tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi lời mỗi ý đều không ngoài chân nghĩa, chỉ ra bản tâm thanh tịnh của chúng sanh. Bản thân mỗi chúng ta cũng đã nhận thức sâu sắc vấn đề này. Thế nhưng tại sao chỉ mỗi niềm tin vào chính mình cũng khó đạt đến như vậy. Đây là nói về tin tự tâm chúng ta vốn là Phật, chúng ta có khả năng thành Phật, và là một vị Phật trong tương lai.

Tuy nhiên, phải nói rằng do vô minh phiền não, nghiệp chướng nặng nề, nên những lời khai thị thông thiết của chư Phật chúng ta đã không thể lãnh hội được, do vậy chúng ta chỉ còn cách nương theo ngón tay để thấy mặt trăng. Ngón tay mà chúng ta đang nương theo, đó là pháp môn Tịnh Độ, tức nói về niềm tin của chúng ta đối với chiếc thuyền đang đưa chúng ta đến nơi hạnh phúc, an vui tốt đẹp mà thuật ngữ nhà Phật gọi đó là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Niềm tin đó đến nay tiến triển như thế nào rồi? Dậm chân tại chỗ? Lui sụt? Hay tăng trưởng?

Có khi nào chúng ta thử hỏi lại mình, tin vào tự tâm đã khó, thế thì vì sao tin vào pháp môn tu tập cũng không dễ? Thật tình thì đây cũng là điều không dễ lý giải cho hầu hết mọi người cùng có tâm trạng này. Vì sao vậy? Điều này cũng giống như chuyện mọi người ai cũng biết hút thuốc có hại cho sức khoẻ, ảnh hưởng rất xấu cho lá phổi, nhưng mấy ai dễ dàng bỏ hút thuốc khi đã nghiện? Và trên thực tế ngành kinh doanh thuốc lá luôn phát đạt, doanh thu năm sau bao giờ cũng cao hơn năm trước? Hoặc việc tập thể dục mọi người ai cũng biết sẽ giúp chúng ta tăng cường sức khoẻ, chống lại sự lão hoá, kéo dài tuổi thọ, nhưng có bao nhiêu người tiến hành tập thể dục thường xuyên?

Khi bàn đến đây, chúng tôi chợt nhận ra, bên cạnh niềm tin sắc son với Phật pháp, chúng ta cần phải có một ý chí sắt đá để kiên định niềm tin và cũng chính ý chí này sẽ giúp ta mình miễn xử lý phiền não và nhận ra những điều lý thú khác trên bước đường tu tập.

Có niềm tin mà thiếu ý chí, chúng ta sẽ mau chóng bị ngũ dục sai khiến, khi bản năng tham đắm ngũ dục tràn ngập trong tâm thức chúng ta thì những khả năng phòng vệ tích cực nhất cũng dễ dàng bị xói mòn suy yếu, lúc đó chúng ta sẽ mất khả năng tự vệ, nói theo cách nói của khoa học là hệ miễn dịch của chúng ta đã bị “dịch”. Sự thật là như vậy!

Khi con người quá tham đắm cái đẹp, chẳng hạn như khi đứng trước một bông hoa đẹp, một cảnh trí đẹp, một người đẹp v.v... Thoạt nhìn qua, điều này hẳn là lành mạnh, đó là một cái nhìn đẹp trước một tác phẩm nghệ thuật rất đẹp của thiên nhiên hay tạo hóa. Thế nhưng ở đây chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra cái bản năng chiếm hữu cái đẹp vốn luôn tiềm ẩn nơi mỗi con người. Chúng ta vẫn biết, khi quá tham đắm về một cái đẹp cụ thể nào đó, con người sẽ có xu hướng bảo vệ cái đẹp, sau đó phát khởi tâm tham đắm và cuối cùng là hành vi chiếm hữu cái đẹp đó làm của riêng. Như chúng ta vẫn luôn thấy những cuộc bán đấu giá những cái đẹp như một bức tranh đẹp, một món đồ cổ đẹp hay một số sim điện thoại di động “đẹp” v.v... và trên thực tế người ta đã không tiếc tiền để tranh nhau dành quyền sở hữu những món đồ đẹp mà mình mong muốn. Đó là ví dụ về việc mê say cái đẹp một cách có văn hoá mà chúng ta có thể tạm cho sự say mê đó là tương đối ... đẹp. Vì họ đã đấu tranh một cách công bằng và sòng phẳng để được quyền sở hữu những cái đẹp mà họ yêu thích nó. Tuy nhiên bên cạnh đó, cũng cùng hướng vào cái đẹp trong cuộc sống nhưng con người đã gây ra bao điều đáng tiếc.

Sự thật thì cái đẹp có làm nên tội không? Đương nhiên cái đẹp chỉ là cái đẹp, nó vô can đối với mọi tâm hồn làm hoen ố nó. Chỉ có chúng ta, những con người tham đắm cái đẹp để thoả mãn ngũ dục nơi mình mới là nguyên nhân dẫn đến mọi chuyện rắc rối trong cuộc đời này. Một vài cái đẹp mà chúng tôi đề cập ở đây, chỉ là đối tượng tiêu biểu mà lòng tham của con người hướng đến. Chẳng hạn, một hàm mỏ có trữ lượng dầu lớn cũng là cái đẹp đối với lòng tham của những tay tài phiệt, một cô gái quê có chút nhan sắc cũng là cái đẹp đối với dục vọng của những người mang nhiều lòng tham dục. Và trước những cái đẹp này, những mưu mô, những thủ đoạn của con người đã đẩy con người đến bên bờ vực thẳm. Cũng từ đó chúng ta suy ra, các cuộc chiến tranh thế giới đã để lại hậu quả tàn khốc cho nhân loại cũng chính là

cái quả (cái giá) mà con người phải trả bởi chính lòng tham dục của con người. Tuy nhiên đó chỉ mới là cái giá ở bên ngoài mà con người phải trả, nó vẫn chưa thấm vào đâu so với cái nhân quả bên trong mỗi chúng ta.

Khi chúng ta tham đắm quá ở một hình thể đẹp, một mùi hương thơm, v.v... dẫu có sở hữu được thì nó cũng chỉ là những đồ vật hữu hình, hữu hạn. Một ngày nào đó chúng ta sẽ phải buông bỏ nó. Chúng ta phải rời bỏ nó vĩnh viễn trong sự tiếc nuối khôn nguôi, chúng ta sẽ đâm chiêu, luyến tiếc những gì chúng ta đang sở hữu, mà bản chất nó vốn không thật thể, bởi chẳng có cái gì có thể tồn tại mãi được với thời gian, với định luật vô thường? Sự hình thành lòng tham đắm bàng quan mà nhìn, nó có vẻ như là một khuynh hướng tự nhiên của con người. Nhưng trên căn bản thì đây lại là hệ quả của sự sai lầm mà con người đã mắc phải. Đó là ý niệm sai lầm khi cho rằng, có một bản ngã chủ thể tồn tại độc lập trong cuộc đời.

Cái chúng ta thường gọi là “đời sống của ta” thật ra chỉ là một phần không thể tách rời thực tại và chỉ có thể tồn tại trong mối tương quan nhất định với những yếu tố cũng tồn tại quanh chúng ta. Do đó con người chưa bao giờ là một chủ thể tồn tại độc lập trong cuộc sống. Mọi tương quan này tồn tại song song với mọi thực thể trong vũ trụ. Ngay cả thân thể này của chúng ta cũng không có chi tiết nào tồn tại độc lập. Trong mối tương quan chằng chịt giữa con người với con người, giữa con người với vạn hữu, thật ra không ai có thể vạch ra ranh giới để phân biệt giữa cái “ta” và cái “không phải của ta” được.

Chúng ta luôn cho rằng, thân thể này là “của ta”. Từ suy nghĩ này, nó đã phát triển đến tận cùng những cái gọi là “của ta” đó. Chẳng hạn, tổ quốc này “của ta”, thế giới này “của ta”, thậm chí cho đến đức Phật cũng là giáo chủ “của ta” v.v... và còn biết bao nhiêu cái “của ta” nữa?

Con người đã phân chia trông giống như rất rạch ròi giữa cái “của ta” và cái “không phải của ta” và xây dựng mọi ý niệm xoay quanh “cái ta” một cách hồn nhiên như đó là lẽ đương nhiên vốn có vậy. Thật đáng tiếc, đó là sự chấp trước và bảo thủ rất sai lầm và vì thế đã dẫn đến nhận thức và những ý niệm sai lầm nơi mỗi chúng ta. Từ đó con người luôn suy nghĩ và hành động theo sự sai khiến của “cái ta”, bồi bổ cho “cái ta” không thật có, nên thường sinh ra những tác hại vô vàn trong cuộc sống.

Do tâm chấp ngã, con người đã tìm mọi cách vơ vét, chiếm hữu càng nhiều sự vật càng tốt, vì cho rằng làm như vậy sẽ tồn tại cái ta lâu dài hơn. Chính vì ôm ấp, vun bồi cho “cái ta” của mình mà con người sẵn sàng làm vô số việc lẽ ra không nên làm để giành phần thắng về mình. Anh em trong gia đình đã không ngần ngại tranh chấp một vấn đề gì đó, người trong một xóm láng tay xung đột nhau vì lấn ranh đất .v.v.. Đây là một thực tế xảy ra thường xuyên trong đời sống khiến xã hội bất an, gia đình bất hạnh. Trong dân gian, ông bà chúng ta cũng đã rất nhiều lời giáo huấn như: *“Một giọt máu đào hơn ao nước lã”*, *“Anh em như thể tay chân”*, *“Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”* v.v... để phân nào hạ nhiệt bớt “cái ta” mỗi khi tâm tham dục con người đạt tới đỉnh cao của sự hơn thua và chiếm hữu. Tuy vậy, xung đột vẫn triền miên xảy ra vì ý thức về cái “ta” và “của ta” chưa được giải phóng khỏi tâm thức con người.

Ý thức chiếm hữu cho “ta”, là một loại ý thức sinh ra từ bản năng dục vọng. Đó là một loại ý thức luôn mong muốn được thoả mãn mọi dục vọng thấp hèn của con người. Dục vọng này thúc đẩy chúng ta mong muốn luôn luôn đủ, luôn luôn đẹp, luôn luôn được nể trọng, v.v... trong cái luôn luôn đủ, lại nảy sinh ra, phải như thế nào mới gọi là đủ, nhiều đến đâu mới gọi là đủ. Cái đẹp cũng vậy, đẹp đến giới hạn nào thì thoả mãn? Sự nể trọng cũng thế, làm vua được mọi người tung hô đã được chưa? Không ai biết và cũng không có thước đo nào làm qui chuẩn để đo lường cái tâm tham dục của con người được cả. Đã vậy chúng ta lại ra sức xuôi theo dục vọng, chính sự nuông chiều dục vọng của chúng ta đã khiến những hiểu biết và hành vi ích lợi thông thường như tập thể dục, không hút thuốc lá, vẫn mãi mãi chỉ là chuyện “vượt quá sức mình” mà con người không thể thực hiện được.

Chúng ta đã bàn khá nhiều về bản ngã, về sự tham chấp, về dục vọng trong tập sách nhỏ này, chỉ vì chúng tôi cho rằng, chính dục vọng nơi mỗi con người càng mạnh chừng nào thì niềm tin Phật pháp của chúng ta càng yếu chừng nấy.

Để thuận lợi và tiến tu trong Phật pháp, thiết nghĩ, chúng ta cần nhận chân một cách tường tận bản chất của dục vọng, cảnh giác cao độ với tâm tham đắm trong mỗi chúng ta. Bên cạnh đó chúng ta cần phải thường xuyên củng cố niềm tin, phát triển niềm tin, tìm hiểu thêm những kiến thức liên quan đến niềm tin.v.v.. vì chỉ có như vậy chúng ta mới có thể vượt qua những trở ngại lớn lao do dục vọng nơi chúng ta gây ra.

Một khi đề cập đến niềm tin, chúng ta luôn nhận thấy rằng, ngay trong bản năng tồn tại của con người vốn đã có niềm tin về cuộc sống. Trong mọi hoạt động, để tồn tại và phát triển, bất cứ ai cũng phải có niềm tin về mục tiêu mà mình đang hướng đến, vì niềm tin là điểm tựa thôi thúc con người hoạt động không mệt mỏi cho mục tiêu đã lựa chọn.

Trong đời sống xã hội, sự sống của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa, nhàm chán nếu chúng ta không có một niềm tin, hoặc đánh mất niềm tin, hoặc tan vỡ niềm tin của mình. Khi đó chúng ta đang sống cũng giống như đã chết. Đó là điều rất nguy hiểm, vì chúng ta mất phương hướng, dẫn đến tình trạng sống gấp, thực dụng. Sự sống mà không có lý tưởng, không định hướng tương lai, chắc chắn sẽ dẫn chúng ta trôi dạt tùy tiện và cuối cùng là chúng ta sẽ tự đánh mất mình.

Thật ra nói về niềm tin, tức là chúng ta đã đụng đến vấn đề nhạy cảm, nó vừa đơn giản thường hằng trong đời sống, nhưng cũng vừa siêu thực, siêu hình nên phức tạp, khó bàn. Chúng ta có khi tin vào hiện thực cụ thể từ cuộc sống, hoặc có khi phải tin vào thể cách siêu thực nằm bên ngoài cuộc sống. Chẳng hạn, trong số chúng ta cũng có không ít người đã tin vào một đấng linh thiêng tối cao nào đó, vì cho rằng, đấng này có khả năng quyết định vận mệnh của chúng ta. Tin như vậy, có thể gọi nôm na đó là đức tin tôn giáo.

Đức tin tôn giáo, về bản chất, nó được hình thành từ sự ngưỡng mộ và tâm thành hướng đến một đấng siêu phàm tồn năng nào đó, mà con người cho là đấng đã hồn thiện trong một thế giới vốn không hồn thiện. Và ở đấng siêu hình đó, hàm chứa một giá trị của chân, thiện, mỹ mà con người ai ai cũng khao khát vươn tới. Từ đức tin tôn giáo, những giá trị phi thường ấy mặc nhiên được con người công nhận như một chuẩn mực có khả tính vĩnh hằng.

Đức tin tôn giáo được tăng trưởng nhờ vào tư tưởng và những lý luận thông qua hệ thống kinh điển, giáo lý, và kể cả những trải nghiệm trong đời sống tâm linh của chính tôn giáo đó. Do vậy, đức tin tôn giáo chính là niềm tin gần như tuyệt đối của quần chúng tín đồ, quần chúng giáo dân, hướng về đấng linh thiêng, mà họ cho rằng, đấng tối thượng này mới có đủ sức mạnh và quyền năng chi phối số phận của nhân loại và cả vũ trụ. Từ đức tin này, những giáo điều của tôn giáo mặc nhiên trở thành kim chỉ nam cho mọi tư tưởng và hành động của hàng triệu tín đồ đang nương theo tôn giáo.

Thế nhưng, sự xuất hiện của bất kỳ tôn giáo nào trên cuộc đời này, cũng không vượt ra ngoài tính tương đối vốn là nguyên lý bất di bất dịch trong cái thế giới hồn tồn không tuyệt đối này. Chính vì vậy mà ngoài sự kính ngưỡng hâm mộ khát khao hướng đến thì đức tin tôn giáo còn mang cả sự sợ hãi bởi mâu thuẫn nội tại từ phía con người. Chúng ta sẽ thấy có ít nhất là hai lý do tương đối dễ nhận ra:

Thứ nhất, con người mang nỗi sợ hãi vì cho rằng, một khi phạm phải tội lỗi hay sai lầm nào đó, dù có thể qua mặt được pháp luật trong nhất thời, nhưng không thể nào che dấu mọi tội lỗi trước đấng linh thiêng tối cao mà mình đang tôn thờ. Đối với những người xem nhẹ luân thường đạo lý đã trót làm điều xấu xa bại hoại, thì nỗi sợ hãi này luôn ám ảnh, luôn dằn vặt tâm can. Vì họ tin rằng, đấng linh thiêng tối cao đã thấu tỏ mọi suy nghĩ và hành động của họ.

Thứ hai, nỗi sợ hãi của con người tăng cao hơn, khi tin rằng đấng linh thiêng tối cao không chỉ thấu tỏ mọi suy nghĩ, hành động của con người, mà còn là vị quan tồ rất nghiêm khắc. Đức tin tôn giáo khiến cho người ta tin rằng, con người có siêu thoát, có lên được cõi Cực Lạc hay phải đọa vào địa ngục, cũng đều tùy thuộc vào sự phán xử của đấng linh thiêng mà họ đang qui ngưỡng.

Từ những nỗi sợ hãi tràn đầy đức tin và rất con người này, vô hình chung tôn giáo trở thành một khuôn mẫu về Chân Thiện Mỹ, đã giúp con người hướng thiện, tích đức và tránh xa điều ác, điều xấu. Chính từ hệ quả của đức tin vào đấng siêu hình đã mang lại cho cuộc sống những giá trị rất hiện thực. Đức tin ấy đã có tác dụng hướng dẫn hành động cho hàng triệu triệu con người phấn đấu không mệt mỏi cho mục tiêu lý tưởng của mình. Đức tin ấy đã giúp cho con người có những hành động nhân đạo, hướng thiện, cao cả và bền vững. Và đức tin tôn giáo ấy đã xây dựng cuộc đời tươi đẹp hơn, thắm hoa hơn, trong sáng hơn trên nhiều phương diện.

Đất nước chúng ta mỗi ngày một đổi mới, đời sống kinh tế văn hóa xã hội ngày càng phát triển. Tuy nhiên, hồ trong nhịp sống thời đại và nhất là mặt trái của nền kinh tế thị trường đã và đang nảy sinh những biểu hiện đáng lo ngại: Lối sống chạy theo dục vọng, buông thả bởi những cám dỗ vật chất, các giá trị đạo đức đang bị băng hoại và xuống cấp nghiêm trọng, các quan hệ xã hội được đo bằng những lợi ích vật chất tầm thường.

Trước bối cảnh đó, đức tin tôn giáo đang bộc lộ những giá trị tích cực nhất của mình, nó góp phần không nhỏ làm cho con người chiến thắng dục vọng: Tham, sân, si và làm cho con người sống đạo đức hơn, thanh cao hơn.

Riêng đối với Phật giáo, đang được thế giới xem là nền giáo dục ưu việt của nhân loại, thì đức tin tôn giáo của Phật tử hồn tồn không ẩn chứa nỗi sợ hãi, mà là tâm từ bi cứu khổ ban vui, là trí tuệ sáng suốt trong nhân quả, là chí hướng thượng để vươn lên, là hạnh nguyện vượt thoát khổ đau luân hồi sanh tử. Tóm lại, niềm tin trong Phật giáo là niềm tin được xây dựng trên cơ sở trí tuệ của mỗi người con Phật và niềm tin này dựa trên đạo lý nhân quả, chứ không thể tin một cách mơ hồ vào đấng thiêng liêng nào đó có thể gieo phước hay giáng họa cho chúng ta như đã nói.

Khi đưa ra vấn đề này, chúng tôi chủ quan nghĩ rằng, đây là cái nhìn tương đối khách quan về đức tin hiện thực và đức tin siêu hình, kể cả những ảnh hưởng tích cực mà đức tin tôn giáo đã mang đến cho nhân loại.

Đức tin hiện thực là loại đức tin được căn cứ vào những công việc, những thành quả mà con người đã từng đạt đến trong quá khứ. Điều gì chúng ta mong muốn sẽ thành tựu ở tương lai dù được đặt trên nền tảng hiện thực, nhưng nếu thiếu đức tin thì mọi việc sẽ không thành tựu. Ví dụ loài người đã từng đưa phi thuyền lên mặt trăng, dựa vào những nền tảng khoa học này, con người tuy chưa phóng phi thuyền đến các hành tinh khác, nhưng ước muốn đó vẫn có thể xảy ra nếu con người có niềm tin.

Nếu không có niềm tin, con người sẽ không tiếp tục nghiên cứu khoa học để phóng phi thuyền đến được các hành tinh khác. Niềm tin này là hiện thực, vì nó đã căn cứ vào sự kiện hữu hình đã xảy ra. Chúng ta biết rằng, niềm tin hiện thực là niềm tin có cơ sở, nó được củng cố và phát triển bởi đã được trông thấy bằng con mắt thịt của con người và được chứng minh cụ thể bằng kết quả công việc.

Thật ra “đức tin siêu hình” là một trong vô số trạng thái tâm linh, nhưng trạng thái tâm linh mà chúng ta gọi là “đức tin siêu hình” đó, lại được xem là quan trọng bậc nhất, vì nó là động cơ chủ lực để thúc đẩy hàng loạt trạng thái tâm linh khác tiếp nối về sau.

Khi chúng ta bàn đến đức tin siêu hình, chúng ta sẽ phải đối diện với vô số rắc rối vì hồn tồn không có công thức hay những cơ sở chứng minh. Bởi vì đó là loại đức tin chỉ dựa vào đời sống tâm linh của con người.

Mặc dù chỉ qua kinh sách, nhưng chúng ta biết rằng, từ đức tin tâm linh, đã có rất nhiều thành tựu mà chư Phật chư Tổ kinh qua và kết quả đạt được trong đời sống tu tập của Tăng Ni Phật tử. Tuy nhiên chúng ta cũng chỉ biết qua kinh sách hoặc chỉ nghe kể lại mà thôi, chứ chúng ta chưa từng “mục kiến sở tại”. Ngược lại những thứ mà chúng ta thường thấy nhiều bằng con mắt thịt là những công trình kiến trúc của tôn giáo, các pho tượng, những xá lợi, vv... còn những đối tượng cụ thể mà kinh sách cho biết, chúng ta hờn hờn không thấy được bằng mắt, chúng ta cũng không sờ được bằng tay. Vị trí, nơi chốn Niết Bàn, cõi Cực Lạc không những đã không thấy mà không có một bản đồ nào có thể chỉ rõ chốn ấy ở đâu? Cõi ấy ở đâu? Do vậy nhiều người mới gieo duyên Phật pháp liền cho rằng: “*Thật quá mơ hồ*”.

Tuy nhiên trong đời sống nhân loại, chỉ nói về lòng tin giữa con người với con người, thì người ta đã không cần phải dựa vào cái thế giới hữu hình với những hiện vật cụ thể để căn cứ làm tin, ở đó thật đơn giản, con người chỉ dựa vào lòng tin với nhau thôi.

Chẳng hạn, một bà mẹ có thể gọi đưa con thơ còn bú sữa cho một người đàn bà ngồi bên cạnh ở ghé đá tại công viên, để đi gọi điện thoại, hay làm một việc gì đó khẩn cấp mà vẫn hờn hờn yên tâm, dù chưa từng gặp người này trước đó bao giờ. Người mẹ gọi con có một niềm tin chắc chắn rằng, con mình sẽ không bị ăn thịt, vì người đàn bà kia là một “con người” chứ không phải loài thú ăn thịt, hơn nữa người đàn bà kia cũng là một phụ nữ. Người đàn bà gọi con hờn hờn có quyền tin là con mình sẽ không bị bỏ rơi khi mình chưa quay lại, vì người đàn bà kia có khi cũng đã từng làm mẹ..v.v...

Người mẹ gọi con đã tin tưởng hờn hờn vào người đàn bà mới gặp, nhưng những điều kiện để có được niềm tin ấy không cái nào hữu hình hết, tất cả đều siêu hình. Ở đây người mẹ đã gọi con bằng một niềm tin, thoát trông rất mơ hồ nhưng lại chắc chắn vô cùng. Thông qua tâm lượng của mình, người mẹ gọi con đã tin vào người phụ nữ kia. Niềm tin của bà mẹ ấy hờn hờn không có cơ sở hữu hình nào để căn cứ, nhưng rõ ràng người mẹ ấy đã có một căn cứ vô hình nhưng vô cùng vững chắc để đặt niềm tin vào.

Đối với những người đa nghi, khi họ muốn tin điều gì họ cũng tai nghe mắt thấy, cái gì cũng đòi chứng minh cụ thể, phải thấy cụ thể, phải va chạm cụ thể, sau đó họ mới tin. Tuy nhiên, khi chúng ta hỏi lại họ rằng: “*Bạn có thương con mình không, có yêu vợ mình không, có kính trọng cha mẹ không*”? Họ đều xác nhận “*Có*”. Nếu bảo rằng: “*Tình yêu thương và sự kính trọng nơi bạn có thể sờ được, thấy được chăng*”? Chắc chắn rằng anh bạn này sẽ không có câu trả lời.

Hóa ra trên cõi đời này không phải cái gì không thấy đều là không có.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta vẫn có thể tin một người bạn để gọi cho đưa con trọ học, có thể tin người hàng xóm để gọi nhà khi đi vắng .v.v... mà hầu như chúng ta chỉ tin vào ở những điều hờn hờn siêu hình. Đó là chúng ta căn cứ vào nhân cách của họ, nhân cách làm bạn, nhân cách hàng xóm láng giềng, nhân cách làm người của họ.

Với một người hàng xóm, với người bạn của ta, tất cả chỉ là những con người bình thường vẫn còn đầy đầy “ái”, “ó”, “hỷ”, “nộ” và chỉ với nhân cách làm “người” của họ thôi mà chúng ta đã tin đến như vậy, huống gì đức Phật vốn là bậc Thiên Nhơn Sư (Thầy của trời, người) mỗi lời nói ra đều là “*Chân ngữ giả. Thật ngữ giả. Như ngữ giả. Bất cuồng ngữ giả. Bất dị ngữ giả*” há chúng ta có thể không tin sao?

Đương nhiên là chúng ta hờn hờn tin tưởng vào đấng Thiên Nhơn Sư. Thế nhưng niềm tin của chúng ta thường không kiên định, thường bị suy giảm và lui sụt mỗi khi chúng ta không thắng nổi dục vọng bản thân. Đây là cái vòng luẩn quẩn mà chúng ta không biết phải bắt đầu từ đâu để thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn này.

Trong Phật pháp cũng như trong đời sống thế gian, rõ ràng là chúng ta phải bắt đầu cuộc sống mới, công phu tu tập mới, một sự thay đổi mới bằng ý chí hướng thượng để khuất phục những cảm dỗ từ dục vọng. Cứ sau mỗi lần vấp ngã, chúng ta phải dừng cảm đứng dậy,

hướng về phía trước bằng quyết tâm cao hơn, ý chí dũng mãnh hơn, chắc chắn là chúng ta sẽ có những cải thiện đáng kể.

Đối với người tu theo pháp môn Tịnh Độ, chúng ta không nên để tâm vào những ham muốn thường ngày, ngược lại chúng ta cần nỗ lực tập trung nhiều hơn vào câu Phật hiệu, kiên trì niệm Phật, chí thành niệm Phật, thế là đủ ... Cứ bắt đầu công phu như vậy và cố gắng giữ cho “tâm bình, khí hòa” trong suốt thời gian tu tập, chắc chắn chúng ta sẽ tiến bộ và đạt được những thành quả khích lệ. Cứ tu tập tu tịnh tiến như vậy đức tin của chúng ta sẽ được củng cố và có nhiều cơ hội tăng trưởng.

000

Cảnh giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà là cảnh giới thanh tịnh, trang nghiêm, an lạc, hạnh phúc, không còn đọa lạc, không có bốn ác thú ... Khi chúng ta phát tâm niệm Phật, trước hết chúng ta mong muốn rời bỏ phiền não, thân tâm được thanh tịnh, kể đến là nhất tâm bất loạn, rốt sau là cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Một trong những phương pháp tu niệm Phật hiệu quả nhất đó là dự các khóa tu Phật thất.

Trong thời gian gần đây, đã có rất nhiều đạo tràng tu Phật thất quy tụ rất đông Phật tử về niệm Phật. Có những đạo tràng số lượng Phật tử lên đến vài ngàn người. Nhìn không khí tu tập tại những khóa tu như thế này, chúng tôi nhận ra, Phật tử chúng ta rất tha thiết tu hành. Trong số hàng ngàn Phật tử trang nghiêm tĩnh lặng ngồi niệm Phật tại các khóa tu, đa số đều đã phải tạm gác công ăn việc làm, cũng chỉ với một mong ước là làm sao niệm Phật tinh tấn hơn và thân tâm thanh tịnh hơn lúc ở gia đình là đủ.

Chúng tôi cũng thật bất ngờ khi biết, hầu hết Phật tử tha thiết cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc chỉ vì thế giới Tây phương Cực Lạc rất giàu có và rất đẹp đẽ! Nhiều người cho rằng, tại cõi Tây phương Cực Lạc, đất đai toàn là vàng ròng, ngời ra còn có xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, các loại trân châu thất bảo quý hiếm khác mà thế giới Ta Bà dù người giàu cũng chẳng dễ gì có được. Cảnh vật ở Tây phương Cực Lạc cũng rất kỳ đặc, các loài chim như: Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạn Sí Điều ... khi hát lên đều là những bài thuyết pháp vi diệu chứ không như các buổi thuyết giảng Phật pháp thường tình ở cõi Ta Bà này ... Như vậy, ở cõi Tây phương Cực Lạc thì cái gì cũng quý hết.

Như vậy Phật tử chúng ta vì thích cái đẹp, yêu quý cái đẹp mà phát tâm cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Trên thực tế cuộc sống quả thật bao giờ cái đẹp cũng đều hấp dẫn cuộc sống và con người. Chúng ta vẫn biết rằng, thích cái đẹp cũng là cách hưởng thụ, tuy nhiên nhận thức đúng đắn về cái đẹp mới là điều quan trọng trong tu học.

Chúng ta biết rằng, cái đẹp tâm linh trong đạo Phật hoàn toàn khác hẳn với cái đẹp mà thế giới đang chìm đắm. Trong kinh A Di Đà, Đức Phật nói về cảnh giới Cực Lạc với đủ loại trân châu, thất bảo ... nếu công phu niệm Phật của chúng ta chưa thuần thục và chưa đạt đến nhất tâm bất loạn thì đó cũng chỉ là những cái đẹp ước lệ để khuyến dụ, dù ở cõi Cực Lạc đi chăng nữa thì đó vẫn là cái đẹp bên ngoài. Nếu chúng ta có chánh niệm, chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, chắc chắn rằng những cái đẹp ngay trong đời sống hằng ngày mới là cái đẹp chân thật, nó còn đẹp hơn những cái đẹp cao quý mà đức Phật đã thuyết trong kinh A Di Đà. Khi đó chú chim sơn ca đậu ở vườn lan kia hát còn hay hơn chim Ca Lăng Tần Già trỗi giọng. Khi chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, tức là chúng ta đã chứng được thật tướng Cực Lạc, cũng có thể gọi là thật tánh Cực Lạc.

Kinh A Di Đà có đoạn: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, như tâm bất loạn. Kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhơn chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh, A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”. Nghĩa rằng: “ Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe Phật thuyết kinh A Di Đà, liền sanh tín tâm chấp trì danh hiệu, nếu trong một ngày, hay hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày được nhất tâm bất

loạn. Khi lâm chung mà tâm không điên đảo tức được vãng sanh, người đó sẽ được Phật A Di Đà cùng Thánh chúng tiếp dẫn về Tây phương Cực Lạc” Như vậy người tu theo pháp môn Tịnh độ phải niệm Phật đến tâm bất loạn mới thành tựu công đức trọn vẹn.

Tiền thân của đức Phật A Di Đà là Tỳ kheo Pháp Tạng. Tỳ kheo Pháp Tạng với lòng thương tưởng chúng sanh đang đắm chìm trong bể khổ luân hồi, nên đã đối trước đức Thế Tử Tại Vương Như Lai phát ra 48 đại nguyện để trang nghiêm Phật độ, làm nơi quy ngưỡng quay về của tất cả chúng sanh. Trải qua vô lượng kiếp tu hành với công hạnh Bồ tát, Tỳ kheo Pháp Tạng thành tựu Phật quả, hiệu là A Di Đà, làm giáo chủ cõi Cực Lạc nằm về hướng Tây của cõi Ta Bà chúng ta đang sinh sống.

Để hình thành cõi Cực Lạc, Tỳ kheo Pháp Tạng đã phải quán sát hai trăm muôn ức quốc độ của chư Phật và phải trải qua năm đại kiếp tư duy nhiếp thủ, Ngài mới xây dựng thành tựu cái thế giới lý tưởng cho chúng sanh an trú. Từ tâm đại từ đại bi và đại nguyện lực, Tỳ kheo Pháp Tạng đã tạo thành những “cây báu” có gốc vàng, cành bạc, nhánh lưu ly, chồi thủy tinh, lá san hô, hoa mã não, trái xà cừ ... đến khi đại nguyện thành tựu cũng là lúc bảo thọ hình thành. Cây “bảo thọ” đó vĩnh viễn tồn tại cùng với đại nguyện của Ngài.

Đối với cây bảo thọ này chỉ có Phật nhãn mới thấy nó là không thật, là hóa hiện từ nguyện lực mà thành. Còn nhìn dưới cặp mắt nhục nhãn của chúng ta thì cây bảo thọ đó là trần châu bát bảo. Với chúng ta, nếu dùng mắt mà nhìn thì nó có hình thể thật, nếu dùng tai mà nghe thì nó có tiếng thật, nếu dùng mũi mà ngửi thì nó có hương thơm thật, nếu dùng lưỡi mà nếm thì nó có vị thật ... nếu dùng ý mà nghĩ tưởng thì nó có thọ dụng thật. Sở dĩ chúng ta có cảm giác như thật, bởi cây bảo thọ đã hình thành, còn chúng ta thì vẫn chưa chứng được thật tướng của cõi Cực Lạc.

Đối với Phật tử chúng ta, thế giới Tây Phương Cực Lạc luôn là một thế giới lý tưởng, là nỗi khao khát được quay về an trú của chúng sanh thời mạt pháp. Khi đã được sanh về quốc độ của Đức Phật A Di Đà tức là chúng ta đã thoát ly luân hồi sanh tử, từ đó chúng ta tiếp tục tiến tu cho đến ngày thành tựu đạo quả.

Sự trang nghiêm của y báo và chánh báo nơi cõi Cực Lạc đã được đức Phật Thích ca Mâu Ni khái quát trong các bộ kinh nói về Tịnh Độ như kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ ... cũng chỉ giải bày khái quát phần nào mà thôi, so với pháp giới tàng thân A Di Đà Phật thì khó có thể diễn tả hết được, có chăng cũng chỉ là một giọt nước so với biển cả bao la.

Hành giả trì danh niệm Phật nếu tin sâu, nguyện thiết, hạnh chuyên, công phu đạt đến nhất tâm bất loạn cũng đều có cơ hội vãng sanh Tịnh Độ, ắt sẽ diện kiến A Di Đà Thế Tôn, sẽ tận mắt thấy được cõi Cực Lạc từ chính tuệ nhãn của mình.

Chúng ta cảm nhận cuộc sống là vô thường và thế gian là hư ảo, từng ngày từng ngày trôi qua, chúng ta mang nặng khổ đau và phiền não, thế là chúng ta tìm đến đức Phật. Chúng ta tin Phật pháp, chúng ta tin có một thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà tồn tại không còn đau khổ như cái thế giới Ta Bà mà chúng ta đang sống. Chúng ta mong muốn được vãng sanh về đó và chúng ta tha thiết đến với Phật bằng phương pháp trì danh niệm Phật. Với nhận thức như thế này, với một niềm tin sắt đá, và với sự nỗ lực chuyên cần công phu, chúng ta từng ngày tăng trưởng tín tâm cho đến khi công phu niệm Phật của chúng ta thuần thực. Đối với người tu theo pháp môn niệm Phật chúng ta có thể gọi đó là “chánh tín”.

Thế nhưng, nếu chúng ta cho rằng pháp môn Tịnh Độ sẽ đem lại cho chúng ta nhiều của trần châu bát bảo, nhiều vàng bạc, xà cừ, lưu ly, mã não ... thì chúng ta sẽ thất vọng. Bởi trên tiến trình hướng đến cái thế giới có nhiều trần châu bát bảo đó, chúng ta chỉ có một phương tiện duy nhất là danh hiệu Phật A Di Đà, còn những trở ngại trên đường tìm của báu đó thì hằng hà vô số. Một khi chúng ta bị rơi vào một hôn cảnh trở trêu, đau khổ, thì chúng ta dễ chán nản và mất niềm tin. Khi đó chúng ta sẽ thốt ra lời phàn nàn rằng: “Tôi đã tu lâu lắm rồi nhưng chẳng được gì cả. Tôi bị gạt!”. Thật ra nếu niệm Phật như vậy là niệm “trần châu bát bảo” chứ chưa hẳn đã niệm Phật, người tu như vậy là chưa có niềm tin vào Phật pháp.

Dù theo pháp môn nào, đòi hỏi chúng ta phải có chánh kiến với pháp môn mình đang tu, nếu chúng ta cố chấp vào phương tiện dẫn dụ, chúng ta chỉ tin vào một cảnh giới nào đó, khi không đạt cảnh giới mà chúng ta nghĩ tưởng theo niềm tin ban đầu, chúng ta sẽ trở nên nghi ngờ chánh pháp, nghi ngờ bản thân, như vậy chúng ta tự phá hỏng sự nghiệp tu hành của mình.

Đối với người luôn phải tiếp xúc với không khí ồn ào, náo nhiệt thì không gian thanh bình không khí yên tĩnh, luôn là một món quà vô giá đối với họ. Nhưng đối với hành giả tu theo pháp môn niệm Phật, khi phải tiếp xúc với sự ngoại cảnh quay cuồng, náo nhiệt mà tâm vẫn thấy bình yên êm ả, thì đây là mới là chỗ đắc dụng của công phu, mới là điều đáng mừng, đáng trân trọng. Chính tâm an bình thì cảnh mới thanh bình. Nếu chúng ta không có chánh niệm thì khó có thể đạt được sự bình yên trong tâm thức, dẫu rằng chúng ta đang ngồi trên chánh điện tay lần tràng hạt niệm Phật, hưởng gì chúng ta còn đang lăn lộn giữa chôn chọt đời.

Khi Tịnh Phạn Vương đến thăm đức Phật, nhà vua rất ngỡ ngàng trước không gian tĩnh lặng, thanh tịnh, trang nghiêm trong lúc có cả hàng ngàn người tụ hội nghe Phật thuyết pháp. Nhà Vua tán thán rằng: “Điện vàng của trăm khi họp triều chính chỉ có bốn quan đại thần cùng một ít hạ quan, vậy mà lúc nào cũng ồn ào như cái chợ. Ở đây, đạo tràng của Thế Tôn có hàng ngàn đệ tử, vậy mà tĩnh lặng vô cùng”!

Sự tĩnh lặng và thanh lương được kết hợp, đó chính là biểu hiện của sự bình yên trong tâm hồn. Nếu chúng ta cảm nhận được sự bình yên đó, chúng ta mới nhận ra giá trị đích thực của đời sống con người và của sự sống nói chung. Hàng ngàn người tĩnh tọa nghe Phật thuyết pháp mà không gian vẫn yên lặng đến độ Tịnh Phạn Vương phải ngạc nhiên, có được như vậy là do tâm an lành thanh tịnh của đại chúng, Tịnh Phạn Vương cảm nhận ra điều này cũng chính là nhờ vào xu hướng của thiện tâm đang nồng hậu và đạo lực của đại chúng tác thành. Khi đó chúng ta có thể nói tâm của Tịnh Phạn Vương cũng bình yên thanh tịnh.

Như vậy, dù tu bất cứ pháp môn nào thì mục đích đầu tiên cũng nhằm làm cho tâm của chúng ta được bình an. Trong đời sống cũng vậy, nếu muốn làm bất cứ một công việc gì thì yêu cầu đầu tiên là tâm của chúng ta phải bình yên, trí chúng ta phải sáng suốt thì khi bắt tay vào công việc chúng ta mới gặt hái kết quả nhất định trong công việc. Chúng ta là hành giả của Tịnh Độ tông, chúng ta chuyên cần niệm Phật, điều mong muốn trước tiên của chúng ta là làm sao cho lòng mình vui bớt phiền não, tâm mình được bình an, trí mình được sáng suốt, nếu công phu niệm Phật khởi đầu của chúng ta đạt được như vậy, tức là chúng ta đã thành công.

Đã nhận thức rõ ràng như vậy, thì tu Tịnh độ, tu Thiền, tu Mật hay tu theo bất cứ pháp môn nào thì mục đích đầu tiên cũng nhằm hóa giải phiền não, làm cho “tâm bình khí hòa” để chúng ta có thể tiếp tục tiến tu và đạt đến mục đích cao hơn mà chúng ta hướng đến. Hiểu được như vậy chúng ta không nên sanh tâm phân biệt, so sánh giữa pháp môn này với pháp môn kia. Thật ra các pháp môn của đức Phật dạy đều là phương tiện ưu việt để chúng ta nương theo đó mà đạt đến cứu cánh. Do vậy, chúng ta không nên phân biệt cao thấp giữa các pháp môn, vì như vậy có nghĩa là chúng ta chưa hiểu gì về Phật pháp.

Trong hầu hết các bài giảng về Tịnh Độ đều nhắm đến niềm tin, chí nguyện và nhất là sự tinh chuyên trong công phu niệm Phật, tất cả đều không ngoài mục đích trợ duyên cho chúng ta an trú trong chánh niệm. Pháp môn Tịnh Độ đề xướng việc niệm Phật đến “nhất tâm bất loạn” để chúng ta thể nhập “tịnh độ tự tâm” và sáng suốt, bình yên, tự tại ra đi theo chí nguyện vãng sanh về cõi Cực Lạc.

Đối với hành giả niệm Phật, trên bước đường trở về chân như tịnh độ tự tâm, khi công phu chúng ta có chánh niệm, tức là chúng ta đang từng bước thành công trong việc không chế ngũ dục và loại dần tham, sân, si ra khỏi bản thân. Đặc biệt tại các đạo tràng tu Phật thất, Phật tử chúng ta có được rất nhiều trợ duyên vô cùng quý báu, đó là huynh đệ đồng tu, sự giám sát giúp đỡ hướng dẫn tận tình của quý Thầy, và một trợ duyên vô cùng quan trọng và thiết thực



nữa, đó là một không khí thiêng liêng yên tĩnh, một không gian trang nghiêm thanh tịnh. Ở đó, nếu chúng ta buông xả được vạn duyên, niệm Phật tinh tấn chuyên cần, chúng tôi tin rằng, tâm chúng ta sẽ dễ dàng lắng đọng hồn tồn những vọng niệm, trong những giây phút này, chúng ta sẽ có được cảm giác hạnh phúc tận cùng trong những ngày tu theo pháp môn niệm Phật.

000

Trong đời sống dân gian có câu: “Có đi có lại mới toại lòng nhau”, có thể nói đây là quy ước bất thành văn nói lên sự sòng phẳng trong các mối quan hệ giữa ta và người. Đó cũng là thước đo, là chỗ dựa căn bản cho các mối quan hệ làm ăn, tình bằng hữu ... Và người đời đã mặc nhiên chấp nhận sự sòng phẳng này một cách tự nhiên như máu thịt, như hơi thở trong cuộc sống vậy. Do vậy nó đã thành nề thành nếp trong não trạng của con người.

Thật khó khăn khi thấy một ai đó chỉ cho đi mà không nhận về, và nếu như một ai đó chỉ cho đi mà không nhận về, người đời thường nảy sinh ngờ vực, không phải nghi ngờ cái xấu mà nghi ngờ cái tốt đẹp, nghi ngờ cái chân thật của họ! Đọc lại những lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà cũng vậy, đầu tiên nhiều người trong số chúng ta sẽ nghi ngờ. Thật khó tin quá! Vì sao trên đời này lại có người tự nguyện hy sinh cao cả đến như vậy?

Trong đời sống xã hội, người được gọi là “quân tử” khi thốt ra một lời thì cho dù đến bốn con ngựa cũng khó mà đuổi theo. Người quân tử còn không dám nói hai lời, huống chi là Phật.

Do đó chúng ta không thể không tin lời đức Phật Thích Ca Nâu Ni chỉ dạy và cũng không thể không tin 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà được. Tin vào tâm nguyện từ bi của Ngài, nhưng dù thương yêu chúng sanh rất mực, Ngài cũng không thể giúp gì được cho chúng sanh, nếu chúng sanh không muốn. Cũng như một người bệnh nhờ vị lương y chữa bệnh cho mình. Người lương y khám và cho thuốc, nhưng như thế không thể bớt bệnh được nếu người bệnh không chịu uống thuốc. Chúng ta phải uống thuốc, chúng ta không uống thuốc làm sao hết bệnh được. Như vậy khỏi bệnh hay không là ở sự chủ động của ta.

Đức Phật A Di Đà từ bi lân mẫn muốn cứu vớt chúng sanh trong cõi Ta Bà đầy khổ nạn nên Ngài đã phát ra 48 đại nguyện. Qua nội dung những đại nguyện này, chúng ta thấy trách nhiệm thuộc về đức Phật rất nhiều. Chẳng hạn, ở ba điều 18, 19 và 20, đức Phật đã yêu cầu phải có sự trợ lực của hai phía: Chúng sanh và đức Phật. Ngài yêu cầu chúng ta: “*Một lòng tin tưởng tôi, hằng ngày niệm được mười tên hiệu tôi ... phát tâm Bồ đề, tu hành các môn công đức ... nghe đến danh hiệu tôi, tưởng nghĩ đến quốc độ tôi, làm các việc công đức...*”. Như vậy đức Phật đã yêu cầu phải có sự hợp tác đặc lực từ phía chúng sanh thì tâm nguyện từ bi của Ngài mới thành tựu.

Điều này cũng giống như một lương y làm việc từ thiện yêu cầu bệnh nhân phải uống thuốc thì việc từ thiện ấy mới thành tựu. Chúng ta không uống thuốc, tức là không hợp tác với thầy thuốc thì làm sao chúng ta khỏi bệnh? Chúng ta không chịu hợp tác với đức Phật A Di Đà như trong ba điều Ngài yêu cầu thì rõ ràng là chúng ta sẽ không được vãng sanh đến quốc độ Cực Lạc của Ngài.

Khi đã phát tâm và tin tưởng triệt để vào đại nguyện của đức Phật A Di Đà, chúng ta hành trì một cách nghiêm túc các yêu cầu như: “*Niệm danh hiệu - Nguyện vãng sanh và Hồi hướng tất cả công đức để cầu sanh Tịnh Độ*” (ở điều 18, 19) tức là chúng ta đã thực hiện trọn vẹn mọi yêu cầu của Ngài. Khi chúng ta đã “*Tín – Thọ – Phụng – Hành*” lời Phật dạy, thì còn lo gì không được vãng sanh về nước Phật.

## CHÁNH NIỆM VÀ NIỆM TIN VỮNG CHẮC

Pháp môn Tịnh Độ với phương pháp trì danh niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc được dựng lập từ hai yếu tố cơ bản: Tâm nguyện đại từ đại bi cứu vớt hết thảy chúng sanh của chư Phật và lòng thiết tha mong muốn được cứu độ của chúng ta. Lòng từ bi lân mẫn quảng đại của chư Phật thì luôn rộng mở, chỉ còn lòng thiết tha mong muốn được cứu độ của chúng ta nữa thôi.

Khi thuyết kinh A Di Đà, đức Phật Thích Ca đã gọi pháp môn niệm Phật là pháp môn “nan tín”, vì Ngài tiên liệu rằng, chúng sanh khó có thể tin ngay một việc làm quá dễ như niệm Phật mà lại đạt được kết quả lớn lao như pháp môn Tịnh Độ.

Chúng tôi được biết, hiện nay có nhiều đạo tràng mà Phật tử về dự Phật thất số lượng lên đến bốn, năm ngàn người mà không gian vẫn yên tĩnh, trang nghiêm, thanh tịnh, đây là một điều rất đáng vui mừng cho tất cả những người tu theo pháp môn Tịnh Độ. Chúng tôi nghĩ rằng, để xây dựng một thế giới Tịnh Độ trang nghiêm như vậy, đòi hỏi rất nhiều nơi ban tổ chức và quan trọng hơn đó là niềm tin Phật pháp và ý thức tự giác tu tập của quần chúng Phật tử nơi đây.

Tuy nhiên chúng tôi thiết nghĩ, mỗi người tu theo pháp môn niệm Phật, cần xem xét lại mình đã thật sự thanh tịnh bình an chưa? Đã thấy rõ những tạp niệm lăng xăng vẫn còn đang dấy khởi trong tâm mình chưa? Vì đây là điều rất quan trọng của người tu theo Phật pháp nói chung và nhất là đối với người trì danh niệm Phật.

Chúng tôi nghĩ rằng, đương khi chúng ta niệm Phật mà vẫn còn lăng xăng tạp niệm thì chúng ta khó có cơ hội đi vào chánh niệm. Không có chánh niệm thì sẽ không bao giờ có sự hiện diện của tự tánh Di Đà trong tự tâm mỗi hành giả niệm Phật. Thật vậy, khi còn vọng tâm, tạp niệm thì tâm hồn hành giả sẽ không thể đạt đến trạng thái tĩnh lặng, ngược lại nếu chúng ta có chánh niệm và duy trì công phu thuần thực thì sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ đạt đến “nhất tâm bất loạn”. Thật ra không nhất thiết đợi phải đạt đến “nhất tâm bất loạn” mà chỉ cần có “chánh niệm” thì trong tâm chúng ta cũng đã hiện hữu một cõi Tịnh Độ cực lạc an vui rồi. Khi đó, mọi cảnh giới bên ngoài hờn tồn không có ý nghĩa gì cả. Dù thị phi, phải quấy có xảy ra trước mắt, thì tự tâm chúng ta cũng không can hệ đến. Lúc đó cảnh giới Cực Lạc mới thực sự hiện diện trong ta.

Một khi chúng ta đã có chánh niệm, thì cảnh giới chung quanh đều là cảnh giới Phật, khi đó chúng ta sẽ cảm thấy mọi người quanh ta ai cũng đáng mến, đáng thương cả, chúng ta sẽ không trách móc, giận hờn, chê bai bất cứ ai. Vì sao vậy? Vì tự tâm chúng ta đương là Phật, vì là “tâm Phật” nên chúng ta chỉ biết yêu thương mà không có hận thù hay vương mắc.

Khi niệm Phật đến “nhất tâm bất loạn” là chúng ta đã đạt đến công phu thượng thừa. Khi đó tâm của ta là tâm Cực Lạc, chúng ta sẽ cảm nhận ra ngay trạng thái nhẹ nhàng của thân tâm vì chúng ta đã trút bỏ phần nào phiền não, nghiệp chướng vốn nặng nề, uế tạp.

Thân tâm chúng ta thanh tịnh tức là chúng ta hình thành cảnh giới Cực Lạc ở nội tâm. Khi đó, dù chúng ta ở nhà hay đi làm, dù là nơi ồn ào hay nơi yên tĩnh, chúng ta đều không bị ảnh hưởng, bị chi phối như lúc chúng ta còn đang vọng niệm. Khi đó chúng ta sẽ nhìn thấy cả nước Việt Nam thân yêu này là cõi Cực Lạc, cả thế giới nhộn nhịp này cũng là cõi Cực Lạc. Vì cõi Cực Lạc ở trong ngay trong tự tâm chúng ta chứ không phải ở bên ngoài.

Nếu thông hiểu diệu nghĩa sâu xa ý nghĩa này, chúng ta chợt thấy ngay rằng, Phật ở khắp mọi nơi, Phật ở ngay nơi cạnh ta, cũng có khi ta cùng ăn với Phật, cùng ngủ với Phật, thế nhưng chúng ta lại hờn tồn không có khả năng trông thấy được Phật. Vì sao vô lý vậy? Thì ra chúng ta hờn tồn chẳng có chút chánh niệm nào trong công phu niệm Phật!

Khi tha thiết niệm Phật tức chúng ta đang hướng vọng mãnh liệt đến Phật, tất nhiên ngay khi đó Phật cũng đang ở trong tâm chúng ta. Chỉ có điều chúng ta không chuyên cần

công phu niệm Phật, không quán chiếu ngọn nguồn diệu lý, thì cho dù Phật đang ở ngay bên cạnh, chúng ta vẫn không thể thấy biết được.

Khi thành tâm tu theo pháp môn Tịnh Độ, tha thiết và thực sự chuyên cần niệm Phật, tự nhiên chúng ta sẽ được thọ dụng, một trong những sở đắc mà chúng ta đạt được liền khi, đó là niềm tin của chúng ta mỗi ngày được củng cố và luôn tăng trưởng. Và cũng chính niềm tin được củng cố trong công phu niệm Phật sẽ là chiếc thuyền vững chãi đủ sức mạnh đưa chúng ta đến cõi Tây Phương Cực Lạc. Hành giả chơn chánh niệm Phật, dù nhất thời chưa đạt đến cảnh giới Cực Lạc, nhưng cũng không dễ dàng gì rơi vào trạng thái hoảng loạn trước những biến cố cuộc đời, kể cả khi phải đứng trước cái chết.

Khi niệm Phật đến trạng thái “nhất tâm bất loạn” thì tầm nhìn của chúng ta tự nhiên được nâng cao, chúng ta sẽ thấy bất cứ nơi nào cũng đều an vui, hạnh phúc. Đối với người tu theo pháp môn niệm Phật, có thể nói đây là báu vật quý nhất trên đời. Chúng ta biết rằng bản tánh chúng sanh là tham sống sợ chết, thế nhưng đối với hành giả niệm Phật khi đã có chỗ thọ dụng thì ngay khi đứng trước cái chết cũng vẫn thấy bình an tự tại.

Trong lịch sử Phật giáo có lưu truyền một câu chuyện: “Thiền sư Diên Thọ trước khi xuất gia rất chuyên tâm trì tụng kinh Pháp Hoa, đến nỗi có cả bảy dê đến nghe kinh và đều được Ngài độ thoát kiếp dê. Sau này Ngài làm quan thu thuế cho Văn Mục Vương. Qua công việc thu thuế, Ngài thương cảm nỗi lầm than đói khổ của dân chúng nên đã tự ý giảm thuế cho dân. Bên cạnh đó Ngài còn dùng tiền thu thuế làm từ thiện và mua chim, cá phóng sinh ... Thời gian kéo dài khá lâu, ngân khố bị hao hụt, sự việc được trình báo lên Vua và ông bị tuyên xử trảm. Tuy vậy nhà Vua cũng lầy lợm vì được biết ông quan thuế này lấy tiền mà không tư túi như các tham quan khác, nên nhà Vua đã dặn dò các đao phủ là hãy quan sát thật kỹ cử chỉ và nét mặt của Ngài khi ra pháp trường. Nếu Ngài bình tĩnh, an nhiên trước cái chết thì hãy dừng tay ngay và trình báo lên Vua. Ngược lại, nếu Ngài cũng hoảng hốt, run sợ như các tử tội khác thì cứ hành hình. Khi đưa Ngài ra pháp trường, các quan giám sát xướng tên Vương Xuân Quyền (thê danh của Ngài) rồi người ta điệu Ngài ra cột lại chờ hành quyết. Thế nhưng điều kỳ lạ là khi nhìn tướng mạo của Ngài, các đao phủ bỗng thấy dung nghi Ngài càng uy nghiêm, gương mặt trở nên rực sáng, Ngài an nhiên bước đến đoạn đầu đài, đao phủ thấy vậy không dám cầm đao và thực hiện như lời vua truyền. Thế là cuộc hành hình được dừng lại, đao phủ vội vàng tâu lên nhà Vua. Văn Mục Vương đã đến tận nơi, hỏi:

- Tại sao ai đứng trước cái chết cũng sợ hãi, hốt hoảng còn ông lại tự tại an nhiên trước cái chết?

Ngài trung thực trả lời:

- Tôi tham ô của quốc gia, tôi có tội, tôi chấp nhận cái chết do hình luật, không có gì để than phiền cả. Nhưng tôi lấy tiền này dùng vào việc phóng sinh và cứu độ hàng vạn sinh linh, tôi tin tưởng vào việc tôi làm ... Tôi tin tôi sẽ về cảnh giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Đường đi phía trước rõ ràng, không có gì là mơ hồ, nên tôi không sợ.

Từ câu chuyện này chúng ta nhận ra, sở dĩ trong đời sống hằng ngày, chúng ta thường lo âu, sợ hãi ... là do đường đi của chúng ta chưa rõ ràng. Chẳng hạn, cuối cuộc đời này mình sẽ về đâu? Con đường này sẽ đưa mình đến đâu? Trên đường có chướng ngại nào không? v.v.. Khi còn mù mịt đường đi nên sợ, chúng ta có đến muôn vàn nỗi lo và sợ hãi, thế nhưng khi đã biết đích đến rồi thì tất cả mọi trở ngại không còn là vấn đề để chúng ta bận tâm nữa.

Sau này Thiền sư Diên Thọ xuất gia với Hòa thượng Túy Nham. Ngài tu Thiền, tụng kinh Pháp Hoa, nhưng lại rất kính ngưỡng Tịnh Độ. Một hôm, Ngài đến đạo tràng của Trí Giả Đại sư, ở đó Ngài làm hai cái thăm, một cái ghi là “Trang nghiêm Tịnh Độ” và một cái ghi là “Thiền quán chuyên tu”, qua bảy lần rút thăm, Ngài đều bốc trúng lá thăm “Trang nghiêm Tịnh Độ”, cuối cùng Ngài hoằng hóa pháp môn Tịnh Độ.

Trước sự việc qua bảy lần bốc thăm, Thiền sư Diên Thọ đều bốc trúng lá thăm “Trang nghiêm Tịnh Độ” cơ duyên này kết hợp với tâm kính ngưỡng Tịnh Độ trước đây, thế là niềm tin vào Tịnh Độ nơi Ngài được tăng thêm. Đây cũng là một đại điểm phúc cho những ai tu tập theo pháp môn niệm Phật, vì chúng ta có thêm một vị Tổ sư Tịnh Độ đại hùng, đại lực, đại từ bi.

Niềm tin Tịnh Độ của chư vị Tổ sư và hành trạng của các ngài luôn là bài học sinh động sâu sắc cho những người tu theo pháp môn niệm Phật. Từ câu chuyện của Thiền sư Diên Thọ ngày xưa, chúng ta thử liên hệ tín tâm và công phu niệm Phật của Phật tử chúng ta trong thời đại này ra sao? Chúng ta có xứng đáng là người học trò chăm ngoan của chư vị?

Thật ra chúng ta cũng có thể đã nhận ra chân giá trị của pháp môn Tịnh Độ, có thể chúng ta đã có tín tâm, đã có công phu niệm Phật. Tuy nhiên chúng ta vẫn chưa có những biến cố lớn của cuộc đời để thử thách tín tâm và công phu niệm Phật của mỗi người. Giả sử như trong đời sống tu tập của chúng ta, hay tại một đạo tràng niệm Phật nào đó, nếu có điều gì trở ngại xảy ra, chẳng hạn như một lời đe dọa của một phần tử cực đoan nào đó, chúng ta thử hỏi lòng mình có đủ nội lực và can đảm như Thiền sư Diên Thọ hay không?

Nếu chúng ta có đủ nội lực, công phu niệm Phật của chúng ta thật sự có chánh niệm, chúng tôi nghĩ, chúng ta có quyền tự hào rằng, chúng ta cũng sống được như Thiền sư Diên Thọ. Quả thật được như vậy thì đây là điều rất đáng mừng, mừng vì ở trong cái thế giới Ta Bà này cũng vẫn còn có thế giới Cực Lạc.

Được như vậy có nghĩa rằng chúng ta đã có niềm tin sâu chắc với Tịnh Độ, chúng ta đã dự phần nơi cõi Cực Lạc. Bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà cũng chỉ mong muốn chúng ta đạt được điều này, thể hiện được điều này.

Ngày xưa, có một người thợ rèn họ Mã, người trong thôn xóm gọi ông ta là Mã thợ rèn. Vì nghề thợ rèn phải vất vả bên lò lửa từ sáng đến chiều, nên Mã thợ rèn thường than thân trách phận.

Một hôm nọ, có người xuất gia đi ngang qua lò rèn ông ta. Mã vội vàng bỏ búa xuống chạy ra mời vào, rồi thỉnh cầu một cách khẩn thiết:

- Thưa Thầy! Cả ngày con phải túc trực bên lò lửa, thật là chịu hết thấu! Xin Thầy thương xót chỉ dạy cho con một phương pháp giải thoát khổ đau của kiếp làm người.

Vị Tăng nghe xong bèn nói:

- Chỉ cần ông chuyên cần niệm Phật là thoát khổ! Lúc giờ búa lên ông niệm “A Di Đà Phật”, khi nện búa xuống ông niệm: “A Di Đà Phật”. Hôm nay trở đi ông cứ làm như tôi nói, chắc chắn nỗi thống khổ của ông lần hồi được giải thoát.

Ông Mã nghe xong vui mừng khôn xiết. Bắt đầu từ đó, ngày ngày ông vừa đập sắt vừa niệm Phật. Mọi người thấy vậy bèn khuyên:

- Đập sắt suốt ngày quá cực rồi, hơi đâu phải niệm Phật thêm cho mệt?

Ông Mã cười nói:

- Các ông đâu biết rằng, lúc chưa biết niệm Phật, làm việc gì tôi cũng thấy nhọc nhằn, nhưng sau khi niệm Phật thì tôi không thấy mệt nhọc nữa, ngược lại còn cảm thấy khỏe hẳn ra.

Về sau ông Mã nhờ niệm Phật mà được vãng sanh. Trước lúc qua đời, ông làm bài kệ: “Lửa tiêu nghiệp chướng. Sắt luyện đức tin. Ngày là Tây phương. Đêm là Cực Lạc”. Nói xong ông an nhiên tự tại ra đi.

## CẢNH TĨNH VÔ THƯỜNG

Chuyện ông Mã thợ rèn chỉ niệm Phật một thời gian là được vãng sanh có thể gọi cho chúng ta vài suy nghĩ: Vì sao nhiều người niệm Phật đã lâu mà vẫn còn phiền não? Ở đây chúng ta nhận thấy, mỗi ngày chúng ta đều niệm Phật, tất nhiên nghiệp chướng phiền não cũng giảm dần, tuy nhiên chúng ta cũng không nên sanh tâm nôn nóng vì những hạn chế của bản thân. Ông bà chúng ta thường nói: “Cháo nóng húp quanh, nợ trả dần” có ý khuyên lơn chúng ta đừng nóng vội trước những món nợ quá lớn mà chúng ta không có khả năng trả trong một lúc. Nghiệp lực của chúng ta được ví như một bát cháo nóng, mà cháo nóng thì không thể ăn nhanh một lúc, mà phải ăn bằng cách húp quanh, ăn theo cách đó thì bát cháo dù nóng thế nào cũng phải hết.

Chúng ta vốn không thể biết nghiệp lực mình sâu dày cỡ nào, nhiều ít ra sao, cũng không biết được phải tu chừng nào mới giải hết nghiệp của mình. Và lại đời sống ở thế gian bấp bênh, nay sống mai chết, nay khỏe mai yếu, tai nạn bất thường. Do vậy, cách tốt nhất là chúng ta hãy cố tranh thủ thời gian lúc còn minh mẫn và khoẻ mạnh gia tâm tinh tấn niệm Phật để mai hậu có một chút vốn liếng làm tư lương trên đường về cố quận.

Trong đời sống người ta thường nói: “Việc hôm nay chớ để ngày mai”. Đây là một câu nói giống như tầm thường, ai cũng nói được, thế nhưng đối với những người đã có ý thức sâu sắc về lý vô thường thì đây quả là một kinh nghiệm xương máu, vô cùng quý giá. Quả thật như vậy, hằng ngày chúng ta thường có ý nghĩ sai lầm rằng, mình còn trẻ, còn khỏe, tay chân còn tráng kiện, nói năng còn lưu lốt, đầu óc còn sáng suốt, đời sống còn lâu dài ... thì việc tu hành có gì đâu mà vội, hãy để gác lại khi nào rảnh rỗi sẽ tính sau, từ từ niệm Phật rồi cũng về Tây Phương có gì đâu mà vội.

Trao đổi đến đây chúng tôi chợt nhớ ra, trong thời công phu chiều tại chùa Niết Bàn chúng tôi và các ngôi chùa tu theo hệ phái Bắc tông, có bài kệ cảnh sách người học Phật rất là thống thiết: “Thị nhật dĩ quá. Mạng diệc tùy giảm. Như thiếu thủy ngư. Tư hữu hà lạc. Đại chúng đương cần tinh tấn. Như cứu đầu nhiên. Đản niệm vô thường. Thận vật phóng dật” ngụ ý như sau: “Ngày giờ qua mau. Mạng sống con người giảm dần, cũng như con cá ở trong bể nước bị rò rỉ thì lấy gì mà vui thú chứ? ...”. Đây là bài kệ khởi đầu phần cúng thí thực cho các vong linh và cô hồn, nhưng thật ra đây chính là bài văn sách tấn rất thống thiết của chư vị Tổ sư nhằm lay thức người học đạo hãy mau mau thức tỉnh trước ngày tháng vô thường ... Là người học Phật, lẽ nào chúng ta chẳng có một chút cảm xúc nào trước một áng văn tràn đầy bi tâm lân mẫn của chư vị đại Tổ sư? Nếu chưa phải là người vô cảm thì chúng ta hãy mau mau phát tâm niệm Phật. Chúng ta không nên chờ đến ngày mai, vì biết ngày mai sẽ ra sao? “Việc hôm nay chớ để ngày mai” chẳng phải ông bà chúng ta cũng đã khuyên răn con cháu như vậy đó sao? .

Ngày xưa có đôi bạn thân, sống với nhau từ hồi còn để chỏm, cùng học một lớp, khi lớn lên, do hôn cảnh và điều kiện sống nên mỗi người mỗi ngã. Dù ở khá xa nhau nhưng họ vẫn gặp nhau nhân dịp giỗ Thầy vào mùa xuân hằng năm.

Trong một lần giỗ Thầy vào mùa xuân năm ấy, bạn A tâm sự với bạn B:

- Tôi mấy năm sau này tuy vẫn còn làm việc, nhưng đã hạn chế bớt những việc xét thấy không cần thiết để chuyên tâm niệm Phật. Đời vô thường quá! Thời gian trôi qua nhanh quá! Mới đây mà tóc anh em mình đã ngã màu muối tiêu hết. Anh còn nhớ ngày xưa Thầy đã dạy chúng mình như thế nào không? Anh cũng nên bắt đầu đi là vừa ...

Người kia ôn tồn đáp:

- Vẫn biết vậy, tôi vẫn còn nhớ lời Thầy, nhưng ngặt nỗi bao năm nay tôi cố giải quyết chuyện gia đình mà vẫn chưa đâu vào đâu cả, trong năm nay để tôi cố gắng hồn tất sẽ noi gương anh.

Thế nhưng, trong lần giỗ Thầy vào mùa xuân năm sau nữa, trước bàn thờ Thầy họ chỉ còn có một người đến khấn lễ. Còn người khác năm sau sẽ cùng bạn tu hành cũng đã theo Thầy qua bên kia thế giới.

Người bạn còn lại ngậm ngùi đốt thêm một nén nhang ... tưởng niệm!

Qua câu chuyện ngắn trên đây, chắc có lẽ trong mỗi chúng ta không khỏi chạnh lòng với chính bản thân mình, khi để thời gian vụt qua mà chẳng làm được gì ngời việc tạo tác thêm vô số nghiệp. Mà thật, người đời dù giàu có, mạnh khỏe, quyền lực đến đâu đi nữa cũng không thể nào bảo đảm được mạng sống của mình trước quỹ vô thường. Do đó khi đã ý thức về lý vô thường, chúng ta cần phải biết tận dụng thời gian trong đời sống ngắn ngủi này để khỏi ân hận trước khi tâm thức hoảng loạn trong giây phút xa rời thế giới huyền mộng này.

Chúng ta đã quy hướng về Phật pháp, đã chọn pháp môn niệm Phật để hành trì, chúng ta đã củng cố niềm tin và cảnh sách nhau về lý vô thường để cùng nhau tinh tấn. Vấn đề còn lại của chúng ta là công phu niệm Phật như thế nào để thân tâm chúng ta cùng với danh hiệu Phật hồ nhập làm một, không hai không khác? Có thể nói đây quả thật là một vấn đề nan giải.

Trong suy nghĩ của mỗi Phật tử chúng ta, đức Phật là đáng tối thượng tối tôn, trang nghiêm, thanh tịnh ... Do vậy khi lễ Phật hay niệm Phật, chúng ta luôn sợ thân tâm mình còn ô uế, còn tạp niệm, chưa thanh tịnh ... nên không dám hoặc chưa dám niệm Phật. Mỗi khi nghe ai đó khuyên niệm Phật, trong lòng chúng ta thì rất muốn, nhưng tâm ý chúng ta lại e ngại vì cho rằng mình chưa thanh tịnh. Đây là trạng thái tâm lý do kính ngưỡng Phật pháp mà sanh dè dặt, nên rất dễ nhận được sự cảm thông. Cũng suy nghĩ như vậy, có người còn cho rằng, khi đến một nơi chốn trang nghiêm thiêng liêng thanh tịnh, lẽ nào ta lại mang đồ ô uế đến. Hơn nữa cứ mỗi lần có dịp đến chùa tụng kinh lạy Phật, chúng ta luôn được nghe nhắc nhở: “Lên chánh điện thân tâm phải thanh tịnh” hoặc “Phải dùng cái tâm thanh tịnh để đến với Phật, để niệm Phật” Ôi ! Cái tâm thanh tịnh ra sao mà đi chùa lạy Phật cũng khó khăn quá vậy? Nhưng tâm thanh tịnh là gì? Phải chăng là cái tâm “không được” vọng tưởng?

Tâm thanh tịnh là tâm không vọng tưởng, quả đúng là như vậy. Thế nhưng nếu tâm hết vọng tưởng thì chúng ta còn niệm Phật để làm gì? Ở đây chúng ta phải biết rằng, đức Phật khi nói đến “tâm thanh tịnh” tức là nhằm khai thị chơn tâm Phật tánh nơi mỗi chúng ta, chứ không phải nói về cái tâm vọng tưởng chấp trước điên đảo sanh diệt của chúng ta.

Do vậy, khi chúng ta phát tâm niệm Phật, tức là chúng ta đã phát khởi nguồn sống tâm linh từ chơn tâm Phật tánh của chúng ta rồi. Vì chỉ có tâm Phật, tánh Phật, mới có thể phát động cái tâm muốn niệm Phật, còn tâm vọng tưởng tà vạy thì xu hướng ngũ dục chứ làm gì có khả năng phát khởi cái tâm nguyện niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc. Khi nhận ra điều này, thì vấn đề còn lại chỉ là gạt đục khơi trong mà thôi. Và chuyên cần niệm Phật đến “nhất tâm bất loạn” là phương cách thù thắng nhất để chúng ta có thể nhận ra tự tánh Di Đà của chính mình.

Đức Phật dạy chúng ta: “Chúng sanh đều có Phật tánh” và “ Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”, trong Nho gia cũng có câu: “Nhân chi sơ tánh bản thiện”. Tuy nhiên do một niệm vô minh bất giác chúng ta phải chịu trôi lăn vô lượng kiếp trong vòng sanh tử luân hồi. Từ việc chấp chặt vào cái tâm điên đảo vọng tưởng đó cho là cái tâm chân thật của chúng ta, nên đã sinh ra tự ti, mặc cảm, kể cả tự cao tự đại ... đến khi quay đầu nhìn lại mới thấy mình quả là phàm phu, bất thiện nhiều hơn là đức hạnh thiện lành; bất an, phiền não ám chướng nhiều hơn là thanh tịnh, sáng suốt.

Hiện nay chúng ta dùng câu Phật hiệu, với lòng tin và chí nguyện sâu dày, chúng ta tha thiết chuyên cần niệm Phật, nhằm loại bỏ sự cấu bẩn trong tâm để dần dần chúng ta trở về bản tánh thiện lành và chơn như Phật tánh của mình. Chúng ta niệm Phật để cái vốn thiện trời dật và thăng hoa, để Phật tánh vốn thường hằng ngày một thêm sáng tỏ. Dĩ nhiên khi đó, tâm vọng tưởng điên đảo sẽ không còn đất sống và theo dòng thời gian nó cũng sẽ tan dần theo từng câu niệm Phật của chúng ta.

Thật ra, khi mới bắt đầu thực hành phương pháp trì danh niệm Phật, bao giờ chúng ta cũng gặp phải những khó khăn nhất định, chẳng hạn, chúng ta dễ bị hôn trầm, dễ sanh buồn ngủ, thường bị ngoại cảnh chi phối khiến tâm chúng ta lảng xãng tạp niệm. Đến khi khắc phục phần nào những tình trạng này, thì tật bệnh kéo đến, vọng tưởng tràn về, lại thêm khan cổ viêm họng khiến cho thanh âm lúc to lúc nhỏ, danh hiệu Phật niệm không đều v. v. . . . Khi nắm được những trở ngại luôn xảy ra này, chúng ta chỉ cần hết sức tập trung tinh thần vào câu Phật hiệu và cố gắng giữ vững chí nguyện phát tâm niệm Phật như lúc ban đầu, chúng ta sẽ dễ dàng vượt qua những khó khăn thử thách.

Người xưa thường nói: “Ngọc bất trác bất thành khí”. Quả đúng như vậy, viên ngọc bị chôn vùi dưới lớp đất sâu, khi đào được nó lên, nếu chúng ta không kiên trì đánh bóng mài dũa thì nó cũng chỉ là cục đá mà thôi. Ngược lại nếu chúng ta chuyên cần mài dũa, đương nhiên là phần sáng của viên ngọc sẽ dần dần hé lộ, càng mài càng sáng. Viên ngọc càng lộ sáng bao nhiêu, thì những đất bụi bám vào càng ít đi bấy nhiêu. Nếu chúng ta kiên trì niệm Phật với tâm nguyện thành khẩn tha thiết thì hạt minh châu trong búi tóc chúng ta sẽ hé lộ, vọng tưởng tạp niệm sẽ tan dần vào hư không, khi đó chúng ta không cần phải tốn thời gian để luận bàn về “chánh niệm” hay “nhất tâm bất loạn”.

Là hành giả tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, chúng ta có quyền tự hào rằng, ngay khi chúng ta mới bắt đầu khởi lên cái tâm niệm Phật, tức là chúng ta đã làm nên một cuộc cách mạng vĩ đại cho bản thân rồi! Vì sao vậy?

Vì trên dòng chảy thời gian mà chúng ta đang sống, ngoài những người đầu tắt mặt tối đa đoan với công việc thì mấy ai nghĩ đến việc tĩnh tọa niệm Phật? Ông bà thường nói: “Nhàn cư vi bất thiện” cũng nhằm ám chỉ các thú vui vô bổ và không lành mạnh như bài bạc, rượu chè, ngồi lê đôi mách v.v. . . . mà khi nhàn rồi người đời thường mắc phạm. Tại sao chúng ta không ngồi niệm Phật để làm tư lương cho ngày mai trong khi mạng sống của chúng ta ngày một giảm dần?

Khi chúng ta niệm Phật, dù chưa hết vọng tưởng, nhưng ít ra chúng ta đã không nói những lời thị phi, sai trái như khi chúng ta ngồi lê đôi mách. Chỉ như vậy thôi chúng ta cũng đã vượt qua cái tâm niệm thương tình của chính mình rồi. Còn khi chúng ta tinh tấn lễ Phật, chuyên cần niệm danh hiệu Phật, tức là chúng ta đã đặt gót chân ra ngoài quỹ đạo luân hồi sanh tử. Dù chúng ta có tinh tấn dài lâu hay không, có kiên trì công phu niệm Phật hay không, nhưng ít nhất là chúng ta đã không phí phạm thời gian và chúng ta đã có được những chuỗi ngày đáng sống!

Thời gian luôn là vấn đề quan trọng đối với người học Phật. Trong cuộc sống, chúng ta luôn tất bật bởi công việc, từ việc nhà cho đến công sở, chính vì vậy chúng ta không đủ thời gian để sống cho riêng mình, hưởng gì là niệm Phật. Chúng ta gọi đó là nhịp sống thời đại. Nhịp sống này đã đẩy con người đến trạng thái đánh mất mình và biến con người trở thành một cỗ máy tạo tác vô cùng kinh dị!

Có khi nào chúng ta thử hỏi lại mình, là chúng ta đã làm được những gì cho chúng ta khi đang sống trong cái thế giới không chắc thật này? Hay là chúng ta làm ra rất nhiều máy móc chỉ để phục vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí của con người: Nào là tivi, đầu đĩa, phim màn ảnh rộng; nào là nhạc cụ, sân vận động, hí trường; và rất nhiều khu du lịch sầm uất đã mọc lên v.v. . . . Đương nhiên là con người sản xuất ra để giải trí. Thế thì nó đã ngốn hết của chúng ta bao nhiêu thời gian trong ngày? Chắc chắn là không phải ít! Vậy mà chúng ta lúc nào cũng than bận quá, nhất là khi được ai đó khuyên bảo rằng, hãy dành một ít thời gian để sống đích thực cho mình.

Trong nhịp sống thời đại, quả thật thì chúng ta có bận, nhưng xét cho cùng là do chúng ta không biết xếp đặt thời gian chứ không phải chúng ta không có thời gian, hơn nữa chúng ta vẫn chưa nhận thức chuẩn xác về những điều thiết thực quan trọng hơn mà chúng ta cần phải

để tâm trong đời sống ngắn ngủi này. Chỉ khi nào nhận ra chân giá trị đích thực của cuộc sống, khi đó chúng ta sẽ không còn ta thán: “Thời gian đâu nữa mà niệm Phật”.

Mặc khác, cho dù chúng ta có tất bật với công việc (như chúng ta tự quan trọng hóa nó) thì ít ra chúng ta vẫn còn có thời gian để ăn uống, tắm giặt, lái xe v.v... nữa chứ! Thiết nghĩ, trong khoảng thời gian để làm những việc này, chúng ta vẫn có thể niệm Phật giống như hình ảnh của ông Mã thợ rèn mà chúng tôi đã đề cập trong sách này.

Do chúng ta chưa nhận thức đúng đắn về lý vô thường, mặc dầu trong đời sống đôi khi chúng ta cũng buộc miệng nói đến vô thường. Khi nhận thức sâu sắc về lý vô thường, chúng ta mới có thể khởi lòng thương hại bản thân mình và khi đó chúng ta sẽ biết phải làm gì chứ phải không đợi người khác khuyên răn nhắc nhở.

Chúng ta niệm Phật là niệm ở trong tâm, là niệm nơi miệng. Chúng ta cho rằng, làm bất cứ điều gì như nấu ăn, tắm giặt, hay lái xe... thì cũng phải để tâm trí vào mới được việc, do đó chúng ta luôn miệng từ chối lời khuyên niệm Phật của người thân, thế nhưng trong khi làm những công việc đó, thậm chí là đang làm những công việc cần sự tập trung tinh thần cao hơn, thì đầu óc chúng ta vẫn nghĩ ngợi trăm ngàn thứ chuyện trên trời dưới nước vẫn không sao. Như vậy chúng ta khước từ việc niệm Phật chỉ vì nghiệp chướng của chúng ta chứ không phải vì đang bận việc.

Một thực tế đáng tiếc nữa, đó là khi niệm Phật thì chúng ta cho rằng vọng tưởng tràn về cùng khắp khiến không thể nào niệm được, còn khi vui chơi, giải trí thì chúng ta mặc tình cho ngũ dục cuốn trôi. Điều này có nghĩa là chúng ta vẫn luôn “dành phần ưu tiên” cho vô minh phiền não chiếm một vị trí xứng đáng trong tâm hồn mỗi chúng ta. Quả thật là nghịch lý khi vô minh phiền não, sắc trần ngũ dục, vọng tưởng điên đảo từng giờ từng khắc che lấp bản tâm thanh tịnh chúng ta thì chúng ta lại nuôi dưỡng nó, còn công phu trì danh niệm Phật là phương tiện thù thắng để thoát ly luân hồi sanh tử, hướng về thế giới Cực Lạc, một thế giới an vui vĩnh viễn thì chúng ta lại không đối hồi đến, chúng ta cho rằng “không có thời gian”. Nếu phải dùng một câu nói cho có hình tượng, có lẽ chúng ta phải nói rằng: “Chúng ta có dư thời gian cho địa ngục, nhưng chúng ta chưa từng dành một chút thời gian đúng nghĩa cho chính mình”.

Trong cuộc sống người đời vẫn thường bảo nhau, có việc gì đó thì hãy từ từ mà làm, đừng vội, không khéo sẽ hỏng việc. Đúng vậy, tất cả mọi công việc liên quan đến sinh nhai, chúng ta không thể nóng vội mà thành, nóng vội ở đây là khi chúng ta chưa nắm vững căn nguyên cũng như phương thức làm việc, hoặc chưa hiểu biết đối tác thì đừng vội vàng tiến hành. Nhưng đó là những công việc thường tình ở thế gian. Còn việc tu hành hầu mong thoát khỏi luân hồi sanh tử là việc trọng đại, cấp bách như “cứu lửa cháy đầu” do vậy chúng ta cần phải kịp thời nhận ra và tranh thủ với cái giới hạn của kiếp người vô cùng ngắn ngủi này.

Thăng hoa đời sống tâm linh là một việc làm cấp bách mà chúng ta không nên do dự hay hoãn đãi. Nhiều người cho rằng, đi học giáo lý hay lên chùa niệm Phật, ảnh hưởng nhiều đến công việc và đời sống gia đình. Thật sự thì không phải vậy! Nếu biết sắp xếp thời gian hợp lý hoặc biết phương cách tu niệm, thì nó hòng tồn không ảnh hưởng đến công việc, ngược lại việc tu niệm còn hỗ trợ tích cực cho công việc thường ngày của chúng ta nữa.

Ngày nay, nhịp sống thời đại đã khiến cho con người phải hối hả gấp gáp như chính những cỗ máy tại các công trường hay xí nghiệp mà họ đang công tác. Con người gần như không còn tự quyết định cho đời sống bản thân của mình nữa và gần như họ đã quên đi chính mình. Họ không biết rằng, chính con người mới là tác nhân đã biến nhịp sống trở nên nặng nề hay thanh thản. Hơn bao giờ hết, lúc này là lúc chúng ta cần phải dành cho bản thân mình khoảng thời gian nhất định để hướng vọng về thế giới tâm linh, vì không ai biết được mình sẽ sống được bao lâu, khỏe mạnh được bao lâu. Người xưa nói: “Đời người như bóng câu qua cửa sổ” cũng nhằm khuyên chúng ta chớ phí phạm thời giờ mà hãy thiết thực hơn khi đã thấu hiểu vòng xoay của bánh xe luân hồi sanh tử.



Thật ra lỗi người chúng ta rất cần mẫn, năng động, linh hoạt ... nhưng đáng tiếc, thay vì hướng nội khám phá vô minh phiền não ở đâu, thay vì biến tâm điên đảo vọng tưởng trở nên trí tuệ thanh tịnh, thì nhân loại lại miệt mài tạo tác để phục vụ bản năng dục vọng của mình. Trong cuộc sống hiện tại, chúng ta hãy thử xem trên thế giới lỗi người đã tạo tác những gì ... trong một phút, để chúng ta có thể nhân đó rút ra vài nhận xét!

Chỉ trong một phút, con người đã sản xuất ra 61.000 lít rượu vang, 220.000 lít bia, 0.4 tấn ca cao, 11 tấn cà phê bột. Trong một phút, người ta đã đánh bắt 117 tấn cá, chế biến ra thực phẩm từ 314 tấn thịt các loại, sản xuất 14 tấn xúc xích thịt heo, 7 triệu quả trứng gia cầm, 680 ngàn ổ bánh mì ăn sáng. Trong một phút con người sản xuất ra 165 chiếc xe đạp, 62 chiếc ô tô, 178 tivi, 181 radio, 7.935 đôi giày, 126 máy điện thoại, 15 tấn thuốc lá. Trong một phút trên thế giới có 272 em bé chào đời, 100 người chết. Trong một phút con người đã uống 3,5 triệu lít nước các loại và thải ra 4 triệu lít nước tiểu. Đây là kết quả công trình nghiên cứu của nhà khoa học Đức (Jurgen Gansere) được công bố trên Tạp chí SZ Magazin với các thống kê tương đối chuẩn của những cơ quan trực thuộc Liên Hiệp Quốc vào năm 2001.

Đọc qua những con số này, chắc có lẽ tất cả chúng ta đều cảm thấy bất ngờ và bàng hoàng trước sự tạo tác khủng khiếp của con người. Tuy nhiên những con số đã được thống kê này, theo chúng tôi, nó vẫn là con số tượng trưng chưa đầy đủ. Bởi vì trên thực tế hiện nay thì 2/3 dân số thế giới thuộc về những quốc gia đang phát triển và chậm phát triển. Ở các quốc gia này, việc sản xuất không qui mô và không chính thức, chẳng hạn như ở Việt Nam, có đến 90% đệ tử *lưu linh* chỉ uống rượu đế, đây là loại rượu được nấu đại trà trong nhân dân, hầu hết không đăng ký bản quyền công nghệ, không giấy phép kinh doanh, vì đây là mặt hàng bán lẻ, tự tiêu thụ. Bia cũng thế, những loại bia “hoi”, bia “tươi” được sản xuất đại trà ở các địa phương và được khoảng 90% giới bình dân sử dụng. Việc đánh bắt cá và sử dụng các loại thịt cũng thế. Do vậy chúng ta khó có thể thống kê chính xác là con người đã tạo tác ra những gì trong một phút.

Khi đọc qua những con số lược kê trên đây, chúng ta đã thấy quá khủng khiếp. Vậy mà nó vẫn chưa thấm thía gì so với những con số tương đối chuẩn mà con người đã tạo tác. Chúng ta nên nhớ rằng, những số liệu vừa rồi chỉ được thống kê và công bố từ năm 2001 và chúng ta đều biết, sau mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi một năm, con người luôn có tốc độ tăng trưởng cao hơn trước, như ở Việt Nam mức độ tăng trưởng là 7.2%, ở Trung Quốc còn khủng khiếp hơn nữa 10 -11%, cứ mỗi phần trăm tăng trưởng thì con số sản xuất và tiêu thụ càng tăng lên, kể cả mức “tăng trưởng” về sinh và tử! Do vậy nếu tính đến năm 2007 này thì những con số tượng trưng cho sự sanh tử và tạo tác của con người quả là không thể nghĩ bàn ...

Có thể nói những con số nóng bỏng nêu trên đã khiến cho những người dù có thờ ơ hay ít quan tâm đến diễn biến chung quanh cũng phải giật mình. Những con số khủng khiếp đó cũng nhằm khuyên cáo chúng ta rằng, thế giới và con người đang rất lầy lẫm tự hào trước những thành tựu và tăng trưởng, nhưng thật ra đó chỉ là kết quả của sự tạo tác không ngời mục đích phục vụ ngũ dục của con người.

Cái thân xác hư huyền đáng thương của lỗi người cứ mỗi phút lại vay mượn biết bao nhiêu vật chất của thế giới xung quanh. Trong đó có biết bao nhiêu sinh mạng của các loại cảm thú để thỏa mãn dục vọng. .

Bên cạnh đó là một con số khổng lồ ẩn tàng trong cuộc sống mà chúng ta chưa nghĩ tới, đó là đã có biết bao nhiêu máu và mồ hôi đã đổ ra để có được những sản vật đó? Đồng thời trên thế gian này, ngay trong thời đại này, còn có những con số đầy cảm xúc mà một khi nhắc đến khiến chúng ta phải chạnh lòng: Song song với sự tăng trưởng, còn có bao nhiêu người phải chết đói, bao nhiêu người hiện không có nhà cửa và bao nhiêu cô gái phải bán thân v.v... Nghĩ đến đây chúng ta sẽ nhận ra, những con số vừa được thống kê đã không còn khô khốc nữa, mà là những con số sống động, đó là một bài thuyết pháp hùng hồn về sự tạo tác triền miên của con người và về sự xa rời bồn tâm thanh tịnh của chúng sanh thời mạt pháp.

Đó là chương nạn trong cõi Ta bà! Thời gian trôi qua như tên bắn còn con người thì mãi mê tạo tác, chưa từng có một phút giây dừng nghĩ, chưa từng có một phút giây quay đầu lại với chính mình. Nghĩ đến đây có lẽ tất cả chúng ta đều muốn chấp tay mà niệm “ Nam mô A Di Đà Phật” có phải vậy không?

Riêng con số sinh tử thì mỗi ngày thế giới phải tiễn biệt khoảng 150.000 đồng loại đến nơi an nghỉ cuối cùng. Và ngay bây giờ, ngày mai, ngày mốt, bữa kia, hay sang năm, sang năm nữa thì cũng đến lượt chính ta sẽ rơi vào bản phong thần khô khốc đó? Trong số chúng ta, tuy chưa ai biết ngày giờ năm tháng mình sẽ đi theo tiếng gọi vô thường, nhưng chúng ta biết một điều chắc chắn rằng: Điều này nhất định sẽ đến!

Đây là điều hiển nhiên, nên ít ai nghĩ đến, hoặc rất ngại khi nghĩ đến. Nhiều người lại cho rằng, có nghĩ tới nó cũng đến mà không nghĩ tới thì nó cũng đến, suy nghĩ làm gì cho mệt, sanh – lão – bệnh – tử mà! Đúng vậy, người ta có thể không nghĩ đến vì trước mắt họ còn biết bao công việc cụ thể phải làm. Thế nhưng, là Phật tử như chúng ta, khi đã biết có luân hồi sanh tử, có tứ sanh lục đạo, thì không thể thờ ơ mà không bàn đến. Mọi người sống trên thế gian này nếu chưa chứng được Thánh quả, chưa giải thoát khỏi khổ đau sanh tử luân hồi, chưa đạt đến cảnh giới Niết bàn, Cực Lạc, thì bắt buộc phải nghĩ đến để tìm cách tự cứu lấy mình.

Trước sự thật phũ phàng này, Phật tử chúng ta phải sống như thế nào để tự cứu lấy mình? Chúng ta không nên lưỡng lự, chần chừ, phung phí thời gian nữa, mà hãy bắt đầu cho một ngày mai tươi sáng hơn, trí tuệ hơn, bình an hơn bằng câu “Nam mô A Di Đà Phật”. Chúng ta phải tranh thủ bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu có thể niệm Phật được là chúng ta niệm Phật. Không cần phải đợi đến chùa chúng ta mới tu, không cần phải đến chùa chúng ta mới niệm Phật, vì Phật ở khắp mọi nơi, Phật ở ngay cả trong tâm ta. Nếu thuận duyên đến chùa, ở đó có Thầy, có đạo hữu cộng tu thì chúng ta dễ tinh tấn hơn, nhưng không có điều kiện đến chùa thì cứ ở nhà mà thành tâm gắng sức công phu niệm Phật.

## GIỮ NĂM GIỚI CẨM

Dù bản thân chúng tôi là Tăng sĩ thường trụ tại chùa, nhưng chúng tôi vẫn nghĩ rằng, đối với Phật tử tại gia thì tu ở nhà cũng có cái hay riêng của việc tu ở nhà. Ở nhà chúng ta có thể trực tiếp giáo dục con cái, và làm gương cho người thân bằng những hành động cụ thể của mình. Ngày xưa Khổng Tử từng dạy học trò: “Thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Liên hệ cuộc sống, chúng ta nhận thấy lời dạy cao minh này thật thiết thực, thật chí lý làm sao. Có lẽ do vậy mà xã hội Trung Hoa đã tôn xưng đức Khổng Tử là “vạn thế sư biểu”. Tuy “thành ý”, “chính tâm”, “tu thân” là giáo điều của Khổng giáo, nhưng đối với Phật tử chúng ta, cái đạo lý làm người này thực hiện chưa xong thì cũng khó có khả năng thể nhập đạo lý Đại thừa Phật giáo.

Theo truyền thống dân tộc của hầu hết các quốc gia trên thế giới thì gia đình được gọi là tổ ấm. Gia đình còn được xem là viên gạch để xây dựng nền móng xã hội. Trong mỗi gia đình, với vai trò là người thầy đầu tiên của con cái, các bậc cha mẹ đã lặng lẽ học hỏi những giá trị đích thực trong đời sống để truyền đạt lại cho con mình. Chính vì trách nhiệm dạy con cái mà các bậc cha mẹ đã cố dùi ôn lại bài học làm người.

Do đó việc “tu thân” luôn là bài học vô cùng quan trọng của tất cả mọi con người, nhất là đối với những bậc làm cha làm mẹ muốn làm tấm gương sáng cho con cái noi theo. Đức hạnh của cha mẹ không những chỉ để giáo dục đạo đức mà còn là “vốn liếng” để lại cho con cái sau này. Trong thực tế, nhiều người thành đạt, giàu sang, có địa vị trong xã hội cũng là nhờ vào phước đức của cha mẹ. Trường hợp này, xã hội hay ngợi khen rằng: “Cha mẹ ở hiền

để đứ cho con”. Ngược lại cha mẹ nào ăn ở thất đứ, thường thì con cái hư hỏng không ra gì, đã vậy còn bị người đời mai mỉa: “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”.

Trong vai trò là Phật tử tại gia, vừa tu tập vừa hộ pháp, chúng ta cần phải sống gương mẫu hơn nữa trong đời sống gia đình và xã hội. Cùng với các giá trị đạo đứ truyền thống của gia đình, Phật tử chúng ta còn đứ may mắn thừa hưởng rất nhiều từ nền giáo lý và đạo đứ tâm linh của Phật pháp.

Chúng ta đứ làm người, lại có duyên lành với Tam Bảo, thông hiểu Phật pháp, hướng về Tịnh Đứ, phát tâm trì danh niệm Phật, khẩn nguyện cầu đứ vãng sanh ... như vậy chúng ta đã có nhân duyên rất lớn với Phật pháp, có thể nói đây là một thắng duyên hơn hẳn tất cả vạn duyên vốn chẳng chịt trên cõi đời này.

Đã có nhân duyên sâu dày với Phật pháp, chúng ta cần phải cố gắng nhiều hơn nữa để biến sự hiểu biết thành kết quả trong công phu tu tập. Tuy nhiên, để khởi đầu cho một tiến trình tu tập căn bản, công việc quan trọng đầu tiên mà chúng ta cần phải thực hành ngay, đó là chuyển hóa thanh lọc ba nghiệp *thân - khẩu - ý* từ bất tịnh trở nên thanh tịnh. Công việc trọng đại này chúng ta có thể gọi nôm na đó là tu thân!

Chúng ta cũng cần nhận thức sâu sắc về mặt tu thân. Đây chính là nấc thang quan trọng để chúng ta bước vào ngôi nhà giác ngộ nên chúng ta phải thường xuyên trau dồi bản thân trong suốt cuộc đời này. Trước hết, tu thân là pháp tu đơn giản, nhưng cũng là pháp tu bắt buộc đối với người học Phật nếu muốn có một nền móng vững chắc trên bước đường tu học dài lâu. Kế đến, tu thân còn giúp chúng ta trở thành một tấm gương sáng cho con cháu học tập. Tu thân trên tinh thần Phật pháp, chúng ta đã giúp cho con cháu và những người thân tiếp cận và phần nào hiểu đứ chân giá trị của Phật pháp, nhờ đó con cháu chúng ta sẽ hiểu đứ chính nền tảng đạo đứ tâm linh của Phật pháp mới đích thực là cội nguồn của mọi đứ hạnh trên cuộc đời này.

Là Phật tử tại gia, bước đầu học Phật chúng ta cần phải thực hiện nghiêm túc năm giới cấm như sau:

1- Không sát sanh: Bản chất của con người là tham sống sợ chết. Dù là loài vật tuy không biết nói như người nhưng cũng biết đau đớn, cũng tham sống sợ chết như con người vậy. Cho nên “Không sát sanh” hiểu theo nghĩa rít ráo là chúng ta không nên giết hại sanh mạng con người và các loài động vật. Là Phật tử chúng ta không nên ra tay giết hại, không nên xúi bả người khác giết, không nên thấy sự giết hại mà sanh tâm vui thích.

Đối với con người chúng ta thì mạng sống rất là quan trọng, chính nhờ mạng sống này mà chúng ta có thể tu tập các pháp lành và hướng về Phật pháp tu hành để giải thoát luân hồi sanh tử. Mạng sống chúng ta quan trọng như thế thì chúng ta cũng phải biết quý trọng mạng sống muôn loài. Giữ đứ giới không sát sanh, tâm hồn chúng ta cũng sẽ nhẹ nhàng hơn trong đời sống thường ngày. Không sát sanh là con đường duy nhất để nuôi dưỡng lòng từ và yếu tố cơ bản đi đến hòa bình. Người con Phật từ chối sát hại mọi sinh linh từ loài vật đến loài người, điều này đồng nghĩa với hạnh phúc và hòa bình mà nhân loại trên hành tinh này đang mong muốn.

2. Không trộm cắp: Trong đời sống chúng ta bỏ rất nhiều công sức, thậm chí bằng cả mồ hôi nước mắt mới làm ra đứ của cải. Tài sản vật chất là phương tiện để nuôi dưỡng cuộc sống, nhân đó chúng ta mới có thể thực hiện nhiều mục đích ước mơ có ý nghĩa trong cuộc đời. Tài sản quý như vậy nên chúng ta không muốn ai xâm phạm đến tài sản của mình, đã vậy thì mình cũng không nên xâm phạm đến tài sản của người khác.

Chúng ta cũng đừng nghĩ rằng, ăn cắp của người giàu cho người nghèo là một việc làm đứng. Người đời giàu có hầu hết là nhờ tính tôn khoa học, chăm chỉ làm ăn, tích cực phòng cơ, chi tiêu hợp lý ... cũng có thể là đứ thừa hưởng tài sản của cha ông để lại, và

cũng có thể do tài lộc đến bất ngờ như trúng số chẳng hạn. Như vậy, tất cả những tài sản của người là tài lộc phước đức nhân duyên của người, chúng ta không được quyền xâm phạm.

Cũng đừng nghĩ rằng, chúng ta có thể lấy cắp tài sản của người giàu có phân chia cho người nghèo thì không có tội. Nếu nghĩ như vậy thì thật là sai lầm, vì chuyện họ giàu mà không bỏ thì là chuyện của họ, là Phật tử chúng ta không thể nhân danh bất cứ điều gì để thực hiện hành vi ăn cắp.

Ngay cả những đồng tiền có được của kẻ bắt lương chúng ta càng phải tránh xa hơn nữa, chúng ta tham gia sử dụng những tài sản đó cũng bằng như chúng ta đã ăn cắp. Như vậy cùng một lúc chúng ta đã phạm phải hai tội: Ăn cắp và tội đồng lõa với kẻ bắt lương. Người ta ăn cắp hay nhận hối lộ mà giàu có thì chắc chắn sẽ trả giá tương xứng với cái nhân bắt lương mà họ đã gieo. Chúng ta đừng thấy họ bắt lương mà sinh tâm bất thiện.

Là một Phật tử chúng ta phải ngăn ngừa sự gian tham bằng cách giữ hạnh ngay thẳng, phải luôn tâm niệm, cái gì không phải của mình lao động mà có, nhất quyết chúng ta không lấy, không sở hữu. Chúng ta cần tập thói quen “chỉ sử dụng đồng tiền từ mồ hôi mình đổ ra” vì đây là cách hay nhất để chúng ta ngăn ngừa lòng gian tham vốn có của con người.

Từ đó chúng ta sẽ xem việc nhặt của rơi là nhân duyên để chúng ta có thêm một người bạn mới, “người bạn mới” đó là người đã đánh rơi tài sản. Nếu có ai biếu tặng ta một món tiền nào đó mà ta không thể từ chối, cũng cố gắng đừng sử dụng đồng tiền đó cho riêng mình, hãy nhân danh người chủ của đồng tiền đó mà âm thầm làm từ thiện. Đây là việc làm khó, nhưng chúng ta hãy cố gắng để nó trở thành nếp sống chân chính của người Phật tử.

Cũng có trường hợp ăn cắp chỉ là thói quen chứ chưa hẳn là nhu cầu. Dù vậy chúng ta cũng phải dứt khoát với thói quen này và hãy tập thói quen mới: “dứt khoát từ chối thói quen ăn cắp”. Ăn cắp! Xét ở góc độ thế gian là một hành động tham lam tệ hại, hạ đẳng, chúng ta phải cương quyết đoạn trừ.

### 3- Không tà hạnh:

Là Phật tử tại gia chúng ta cũng có vợ có chồng như bao gia đình khác trong xã hội. Trong quá trình sống với nhau, đôi khi có những cặp vợ chồng không còn yêu thương mặn nồng như trước, nhưng không phải vì thế mà chúng ta thay lòng đổi dạ. Đã là Phật tử chúng ta tuyệt đối không xâm phạm đến tiết hạnh của người khác, vì đây là hành động gây khổ đau, bất hạnh cho gia đình mình và gia đình của người khác. Là Phật tử, chúng ta kiên quyết không tà hạnh nhằm bảo đảm sự an vui hạnh phúc của gia đình và xã hội.

Là một Phật tử tại gia, chúng ta nên hiểu, không tà hạnh ở đây là cần phải tiết dục và hãy để tâm trí lạnh mạnh suy tưởng đến các pháp môn tu tập. Chúng ta phải biết ái dục là căn nguyên của cội gốc sanh tử và mọi sầu khổ trên thế gian này. Trong Kinh Pháp Cú có đoạn: “Nếu ở thế gian này hàng phục được ái dục thì sầu khổ tự nhiên rụng tàn như giọt nước lá sen”. Hãy vì sức khỏe của bản thân, hạnh phúc của gia đình, tương lai của con cái và nhân cách cá nhân, chúng ta phải sống chánh hạnh và đừng quá mê đắm vào sắc dục.

### 4. Không vọng ngữ:

Tức là nói lời không chân thật nhằm mục đích lợi mình hại người. Người đời hay phạm phải lỗi này là do lòng gian tham dấy khởi, việc đúng nói thành sai, việc sai nói đúng, việc thế này nói thế kia và ngược lại, chủ ý của nói dối không ngoài tham danh đoạt lợi, hòn tồn đi ngược lại đạo đức của người tu theo hạnh Phật. Tuy nhiên cũng có trường hợp chúng ta phương tiện phải nói lời không thật bởi lòng từ bi vì muốn tốt cho cuộc sống. Là Phật tử chúng ta quyết không nói dối là thể hiện nhân cách của người con Phật và giữ chữ tín với mọi người.

Như chúng ta đã biết, trong ba nghiệp thân khẩu và ý, thì khẩu mang nghiệp nặng nhất. Sự thật là như vậy, vì những lời vàng ý ngọc được phát ra từ miệng, nhưng những lời độc ác cũng từ miệng lưỡi sinh ra. Trong cuộc sống đã có không biết bao nhiêu thảm họa phát

ra từ miệng lưỡi con người nên đã có rất nhiều ca dao tục ngữ nói đến sự lợi hại của cái miệng như: “Con ếch chết vì cái miệng”, “Khẩu Phật tâm xà”, ” Miệng không xương nhiều đường lắc léo”...

Do sự “lợi hại” của cái miệng nên người xưa thường khuyên con cháu: “trước khi nói hãy uốn lưỡi bảy lần”. Thật là một lời khuyên chí lý đầy kinh nghiệm sống. Những người có trí thường ít nói và chỉ nói khi thật sự cần thiết. Riêng đối với người tu tập theo pháp môn Tịnh độ thì việc “kiệm lời” là một phương cách tốt nhất để duy trì câu Phật hiệu.

Nói thì như vậy nhưng trên thực tế đời sống hàng ngày của chúng ta thì lại khác, chuyện gì đối với chúng ta cũng có thể là đề tài để bàn luận, nhất là đối với cư sĩ nữ thì suốt ngày huyên thuyên hết chuyện nhà đến chuyện hàng xóm, biết cũng nói, không biết cũng tham gia, đây là một biệt nghiệp rất nặng, bởi quả báo của khẩu nghiệp nó đến từ từ đối với người gieo nhân, nên ít người quan tâm để ý. Phật tử tu theo pháp môn niệm Phật, khi công phu thuần thực mới thấy rằng khẩu nghiệp rất tai hại, vì khẩu nghiệp là một trong những nguyên nhân gây ra tạp niệm mà chúng ta khó điều chỉnh khắc phục.

Ngày xưa khi Tịnh Phạn Vương đến gặp đức Thế Tôn, nhà vua đã không ngớt lời tán thán Tăng đoàn rằng; “Tăng đoàn của đức Thế Tôn cả mấy ngàn người mà yên tĩnh, thanh tịnh, trang nghiêm giống như chỉ có một người đang nhập định, còn triều đình của Trẫm khi họp triều chính, chỉ có mấy quan đại thần mà ồn hơn cái chợ”. Dẫn câu chuyện này để chúng ta thấy rằng, cái miệng của người đời và cái miệng của người tu hèn tồn trái ngược nhau, đề từ đó mỗi người trong chúng ta tự suy xét.

Người Phật tử không nên nói dối đã đành mà còn phải biết kiệm lời, nếu lời nói của mình không đem lại lợi ích nào cho tha nhân, tốt hơn hết đừng nói. Lời nói được phát ngôn đúng lúc, đúng nơi có thể gọi là vàng, nhưng sự nín lặng đúng lúc đúng nơi cũng có thể còn quý hơn vàng.

Cái miệng dùng để niệm Phật, để nói lên những lời yêu thương, để an ủi người bất hạnh, để khuyên bảo cháu con, để tôn vinh cái đẹp .v.v... Chúng ta không nên dùng cái miệng như một loại vũ khí nhằm hãm hại người khác, dùng dùng nó để nói những lời dâm ô, để nhin hót hay quát mắng người khác. Khi đã là Phật tử, chúng ta hãy để cái miệng mình nở hoa, đừng để người khác phải sợ.

#### 5. Không nên uống rượu và sử dụng các chất gây nghiện:

Ngày xưa, có một người đàn ông đang đi, thì bị một con quỷ hiện ra ngăn đường. Quỷ nói :

- Nhà ngươi có 3 điều để lựa chọn, một là phi báng Thượng Đế, hai là giết cha mẹ ngươi, ba là giết hết vợ con ngươi, nếu không làm ba điều này thì ngươi phải nộp mạng cho ta.

Sau một hồi suy nghĩ , người đàn ông nói:

- Thượng đế thì tôi không thể phi báng Ngài; cha mẹ là đấng sanh thành dưỡng dục, tôi không thể sát hại; vợ con là tương lai của tôi, tôi không thể giết đi. Vậy tôi không thể chọn được điều nào trong 3 điều đó.

Quỷ lại nói:

- Ngươi không chọn ta cũng buộc ngươi phải chọn, nhưng mà thôi, ta có điều thứ 4 cho ngươi đây, ngươi hãy uống hết chai rượu này rồi đi về đi.

Người đàn ông này chưa từng uống rượu bao giờ nên không biết khi uống rượu vào sẽ ra sao. Vì không biết hậu quả của việc uống rượu, hơn nữa đây là điều khả thi nhất trong 4 điều mà con quỷ bắt phải thực hiện. Nghĩ thế, người đàn ông cầm lấy chai rượu và uống từng ngụm cho đến hết trước sự chứng kiến của con quỷ.

Uống hết chai rượu xong, người đàn ông lão đảo về nhà, ông vừa đi vừa chửi Thượng Đế, đã bước chân vào đến cửa nhà mà miệng ông vẫn còn kêu réo Thượng Đế ra chửi. Cha mẹ người đàn ông nghe thấy đứa con ngoan hiền hiếu thảo của mình cất tiếng chửi Thượng Đế liền sợ hãi chạy ra can ngăn con lại, nào ngờ người đàn ông say rượu trợn mắt lên và dùng tay hất mạnh cha mẹ ra, cả hai bị hất mạnh va vào đá ngã lăn ra chết. Vợ thấy thế sợ quá ôm con chạy nấp sau nhà kho, người đàn ông xuống nhà bếp, không thấy vợ con đâu liền la hét gọi vang, nhưng vì quá sợ hãi, người vợ im lặng nấp kín, đang con say quá cần câu, người đàn ông cầm lấy con dao đi tìm vợ ... Sau đó người vợ và đứa con nhỏ đã chết thảm khi bị người đàn ông tìm ra họ trong nhà kho. Khi không còn ai để quây nữa, và không còn sức để quây, người đàn ông lăn ra ngủ ngon lành như chưa từng có chuyện gì xảy ra.

Đến khi tỉnh dậy, nhìn thấy thảm cảnh đang bày ra trước mắt, người đàn ông chợt nhớ lại mọi chuyện. Do quá đau đớn bởi tội lỗi tày trời mà mình gây ra, người đàn ông đã cầm dao tự kết liễu đời mình.

Như vậy, từ chỗ không chấp nhận một việc làm thất đức nào cả, nhưng sau khi uống rượu vào, người đàn ông đã mạnh dạn ra tay thực hiện đủ cả 3 điều kiện mà con quỉ đưa ra. Chỉ một câu chuyện này thôi cũng đã nói lên tất cả sự nguy hại sâu xa của tệ nạn say sưa chè chén.

Đây chỉ là một câu chuyện hư cấu, tuy nhiên vẫn có thể xảy ra trong đời sống xã hội thời đại. Một người say quây phá gia đình làng xóm là chuyện thường ngày, thậm chí các đệ tử lưu linh còn chửi mắng, đá đập cả bậc sinh thành.

Như vậy uống rượu gây tác hại vô cùng nguy hiểm cho bản thân, gia đình và đời sống xã hội. Ông bà thường nói “Tửu nhập ngôn xuất” Thật vậy, khi say rượu thì người thường ngày dù có nghiêm túc đến đâu cũng dễ lơ lơi, dễ có những hành động không đúng đắn. Còn say tới bến thì có thể dẫn đến những hành vi khiếm nhã, ói mửa tại chỗ, ngã lăn ra đất, đại tiểu tiện bừa bãi ... Thật không còn gì để nói đối với một người say.

Khi say thì người ta không còn tự chủ, nhưng khi tỉnh rượu, họ mới sực nhớ việc mình đã làm, thế là người ta xấu hổ. Thế nhưng khi đã nghiện rượu rồi thì người ta không còn biết xấu hổ nữa, tức là họ đã bị rượu tước đoạt cái nhân cách cao quý nhất của con người. Khi đã nghiện ngập, con người trở nên hư đốn, nguy hiểm và làm bất cứ điều gì tệ hại nhất.

Chúng ta cũng không nói cần thiết phải nói đến bệnh tật nan y do uống rượu gây ra, vì sự thật người nghiện rượu đã chết từ lâu trong lòng mọi người và cả ngay chính họ; cái thân mà chúng ta thấy còn di động đi lại đó, chẳng qua cũng chỉ là cái thân chưa chôn mà thôi. Những hệ lụy như ung thư gan, loét dạ dày đã không còn nghĩa lý gì đối với người nát rượu. Đối với định kiến xã hội thì một người kẻ say rượu, dù lớn tuổi bao nhiêu, dù có vị trí gì trong xã hội, dù có học vấn cao đến đâu, cũng dễ bị mọi người khinh rẻ và gọi là “thằng” say rượu!

Còn đối với xã hội, nạn say rượu đã gây mất trật tự, an ninh và ảnh hưởng không tốt cho đời sống cộng đồng. Những thống kê về an tồn giao thông cho biết, đa số vụ việc gây tai nạn giao thông nghiêm trọng phần lớn là do người say rượu gây ra. Như vậy người say rượu không chỉ tự sát mà còn gây tang thương cho bao gia đình đang sống trong hạnh phúc.

Đối với gia đình, thì con cái của kẻ say sưa ít có cơ hội sống tốt như những người cùng trang lứa. Thật khôn thay cho đứa con được hồi thai khi cha nó đang say rượu. Theo các nhà tâm lý học, khi người đàn ông hoan lạc trong cơn say, thì đứa trẻ sanh ra dễ bị dị hình, chậm phát triển, kém thông minh, đó là chưa nói đến những mặc cảm do phải sống trong một gia đình có người cha nghiện rượu. Thật vậy, gia đình của người nghiệp ngập đúng là một địa ngục ở trần gian.

Là một Phật tử, chúng ta không được uống rượu, dù chỉ đôi ba chén chia vui cùng bạn bè, vì ban đầu có thể chỉ có vậy, nhưng sau đó sẽ quen dần và chúng ta khó từ chối. Có thể bạn bè sẽ không vui khi ta từ chối tiệc rượu, nhưng chắc chắn sự kính nể vẫn không mất đi,

còn khi chúng ta vì nể lòng bè bạn mà nhận lời, sau đó chúng ta có thể mất tất cả sự thân yêu, sự nể trọng, cuộc sống bản thân và hạnh phúc gia đình.

Uống rượu sẽ làm cho con người mất lý trí, không làm chủ được bản thân, chúng ta dễ dàng bị sai khiến bởi dục vọng và tạo ra bao nghiệp chướng mà chúng ta sẽ không ngờ tới. Khi uống rượu, chúng ta khó trở thành một con người đang hôn thì lấy tư cách gì để làm Phật tử. Hơn thế nữa, đối với hành giả niệm Phật thì uống rượu sẽ mất chánh niệm và hôn tồn không có khả năng thâm nhập lời Phật dạy.

Trong kinh Chuyển Luân Ngũ Đạo có đoạn: “Làm người ưa uống rượu say sưa, khi chết đọa vào địa ngục phát xỉ, rồi đến đầu thai trong loài thú linh tinh (đười ươi). Sau đó làm người ngu si, dốt nát, không biết gì”.

Đạo Phật là đạo của nhân quả, mà nhân quả là đạo lý công bằng nhất trong tất cả đạo lý trên cuộc đời này.

- Khi không sát sanh chúng ta sẽ được quả phúc trường thọ.
- Khi không trộm cắp chúng ta sẽ được quả phúc giàu sang.
- Khi không tà hạnh chúng ta sẽ được quả phúc khoẻ mạnh tướng hảo đoan trang.
- Khi không vọng ngữ chúng ta sẽ được quả phúc được mọi người tôn kính, tin tưởng và chúng ta sẽ có uy tín trong các mối quan hệ.
- Khi không uống rượu chúng ta sẽ được quả phúc thông minh trí tuệ.

Chúng ta chỉ cần giữ 5 giới căn bản của người Phật tử tại gia thì chúng ta sẽ có một gia đình hạnh phúc, một xã hội an vui, một thế giới hòa bình cho hiện đời và mãi mãi về sau.

Tóm lại, nếu Phật tử tại gia chúng ta giữ được năm giới hạnh: Không sát sinh; không gian tham, trộm cắp; không tà hạnh; không vọng ngữ; không say sưa nghiện ngập ... tức là chúng ta đã giữ được thân tâm trong sạch, thanh tịnh. Từ năm giới hạnh này làm nhân, chúng ta nỗ lực hành thập thiện, không tương tục nghiệp cũ, không tạo thêm ác nghiệp, chuyên cần tinh tấn niệm Phật theo pháp môn Tịnh độ đúng cách, thì quả “vãng sanh Cực Lạc” là điều chắc chắn.

## AN TRÚ CHÁNH NIỆM

Tiền kiếp đức Phật có một đời làm người con bất hiếu với mẹ mình. Ngài bỏ mẹ dong thuyền ra biển làm nhà hàng hải. Một hôm bị sóng to, gió lớn khiến thuyền bị lật. Ngài tử nạn và đọa vào địa ngục. Khi xuống địa ngục, Ngài rơi vào nơi dành cho hạng người bất hiếu. Ở đó Ngài gặp một người đang đội một chậu lửa đỏ rực trên đầu. Thấy vậy, Ngài hỏi:

- Ông đội chậu lửa này bao lâu mới hết tội?

Người đang đội chậu lửa trả lời:

- Đến khi nào có kẻ bất hiếu như tôi xuống đây đội nó thay tôi.

Lời nói vừa dứt thì chậu lửa liền bay qua đầu Ngài. Khi đội chậu lửa ở trên đầu mình, Ngài mới cảm nhận sức nóng của chậu lửa quả là kinh khủng, Ngài mới biết những người bất hiếu với cha mẹ, khi phải đội chậu lửa này sẽ đau đớn khổ sở biết chừng nào. Ngài bèn phát nguyện: “Tôi xin đội chậu lửa này suốt đời, suốt kiếp thay thế cho tất cả chúng sinh bị tội bất hiếu”. Lời nguyện vừa phát ra, bỗng dung chậu lửa biến thành hoa sen.

Trong lịch sử Phật giáo còn có một câu chuyện như sau:

Tôn giả Mục Kiền Liên là một trong mười đại đệ tử của đức Phật nổi tiếng là thần thông đệ nhất. Tiền kiếp Tôn giả Mục Kiền Liên có một đời làm nghề chài lưới, nên đã gieo nhân sát sinh rất nhiều.

Một lần nọ đang trên đường hóa đạo, lúc đi ngang qua núi Y Tu Xa Lê, Mục Kiền Liên bị nhóm người lỏa hình ngoại đạo sát hại bằng cách xô đá từ trên núi xuống. Đá rơi loạn xạ như mưa khiến nhục thân của Tôn giả bầm dập tan nát.

Được tin này các vị Tỳ kheo vô cùng thắc mắc, bèn họp lại thỉnh cầu đức Phật chỉ rõ nguyên do:

- Bạch Thế Tôn, Mục Kiền Liên là người nổi tiếng thần thông đệ nhất, vì sao ông ấy không dùng sức thần thông của mình để đối phó với ngoại đạo?

Đức Phật giải thích:

- Các Tỳ kheo! Khi Mục Kiền Liên lâm nạn, chẳng phải ông ấy không biết cách tránh né, nhưng thần thông cũng chỉ là thần thông, nó không thể vượt qua nghiệp lực. Người tu hành không thể đi ngược lại đạo lý nhân quả. Mục Kiền Liên đã gieo nhân sát sinh nên phải kết thúc đời này như vậy, để muôn đời sau vĩnh viễn được giải thoát.

Qua hai câu chuyện vừa kể trên, chúng ta nhận thấy, ngay cả Đức Phật và Tôn giả Mục Kiền Liên là những bậc đại giác ngộ, đại thần thông mà cũng không thoát khỏi báo ứng sau khi đã gieo nhân.

Do vậy trong đời sống của kiếp làm người và trong quá trình công phu tu tập theo lời Phật dạy, chúng ta cũng đừng lấy làm lạ, băn khoăn rằng, tại sao mình sống hiền lành, không đụng chạm đến ai, thậm chí mình đã phát tâm tu, mình tinh tấn trì danh niệm Phật, thế mà tại sao vẫn còn nhiều trở ngại, vẫn còn nhiều rắc rối khổ đau phiền não như vậy?

Khi nghe qua hai câu chuyện về nhân quả báo ứng vừa kể trên, chúng tôi nghĩ rằng, chắc có lẽ trong Phật tử chúng ta sẽ không còn băn khoăn thắc mắc với những trở ngại trên đường đời cũng như trong công phu niệm Phật của mình.

Tuy vậy, chúng ta cũng cần hiểu rõ thêm về những nguyên nhân khiến công phu niệm Phật của chúng ta bị trì trệ, tín tâm bị lui sụt và phiền não ngập tràn trong tâm thức. Ở đây chúng tôi nhận thấy có hai nguyên nhân chính, trước hết là do nghiệp lực của chúng ta quá sâu dày, trong khi đó ý chí và công phu của chúng ta thì quá mỏng. Kế đến là chúng ta chưa thật sự kiên định với niềm tin vào Phật pháp, chưa dứt khoát với những dục vọng của bản thân.

Nói về nghiệp chướng thì ngay cả đức Phật cũng không tránh thoát được nhân quả, thì nói gì đến hạng phàm phu vẫn còn đang tạo tác mỗi ngày như chúng ta. Do vậy chúng tôi nghĩ rằng, nếu có nợ điều gì, nợ ai đó, thì chúng ta nên vui vẻ mà trả nợ, nên bằng lòng mà trả nợ. Nếu chúng ta bằng lòng và vui vẻ trả xong nợ cũ, đồng thời không vay nợ mới, thì tâm hồn chúng ta an lạc bình yên, chúng ta sẽ hết lo lắng sợ hãi. Như vậy chúng ta càng vui, càng hạnh phúc chứ sao lại buồn rầu?

Trong đời sống thế gian có những chuyện rất buồn cười, chẳng hạn như lúc đi mượn tiền của người ta thì miệng lưỡi liếng thoắng, gương mặt rất tươi vui, ăn nói ngọt ngào lắm, thế nhưng khi bị đòi nợ, chúng ta thường hay nói lẫy, gương mặt tỏ vẻ giận hờn, trách móc, nói chung là chúng ta luôn luôn phiền não khi bị người ta đòi nợ. Thế thì ngay từ bây giờ, mỗi khi bị đòi nợ, chúng ta hãy bằng lòng và vui vẻ trả nợ, khi trả nợ chúng ta hãy thành thật cảm ơn người đã giúp mình mà cho mình mượn nợ, cốt yếu làm sao chúng ta giữ cho được cái tâm, cái phong thái ban đầu như khi chúng ta đi vay nợ. Sự tu cũng vậy! Khi báo ứng đến cũng vậy thì mới có thể gọi là chân thật và sáng suốt trong tu tập.



Trong cuộc sống mỗi chúng ta dù nợ còn đòi, dù hồn cảnh rối rắm, dù điều kiện sống còn khó khăn chật vật, thì chúng ta vẫn phải chấp nhận, an lòng chấp nhận, vì tất cả đều không ra ngoài nhân và quả.

Trong khi niệm Phật cũng vậy, khi quả báo đến, chúng ta hãy bằng lòng chấp nhận, vui vẻ mà trả bớt cái nợ đã gieo. Hiền và hành được như vậy thì ngay khi đang trả nghiệp chúng ta cũng cảm thấy an lạc. Tu tập được như vậy, sống đạo được như vậy, chúng ta sẽ hết khổ ngay trong hiện đời, chúng ta sẽ có được niềm vui cực lạc ngay trong hiện đời, chúng ta sẽ thấy cuộc đời này thật hạnh phúc vì chúng ta đã có cơ sở để xây dựng cõi Cực lạc ngay trong khi chúng ta đang niệm Phật.

Chư vị Tổ Sư thường dạy: “*Xuất gia chi sơ, thành Phật hữu dư*”. Ngụ ý, người tu phải giữ cho được cái tâm như lúc mới xuất gia, thì sẽ thừa khả năng thành Phật. Như vậy, trong tu tập, làm sao chúng ta duy trì được cái niềm tin ban đầu, cái ý chí ban đầu, cái tâm hạnh ban đầu như khi chúng ta mới đến chùa, như khi chúng ta mới đến với Phật pháp. Giữ được tín tâm đó, ý chí đó, chúng ta sẽ rất thuận lợi trong việc tiến tu niệm Phật.

Khi tiền thân đức Phật đang phải đội chậu lửa, Ngài đã vui vẻ chấp nhận vì biết rõ đây là quả báo của tội bất hiếu. Không những thế mà Ngài còn phát tâm nguyện đội chậu lửa đời đời kiếp kiếp thế cho chúng sanh trót phạm tội bất hiếu. Khi lời phát đại nguyện gánh vác khổ nạn cho tất cả chúng sanh vừa dứt, liền đó chậu lửa biến thành hoa sen. Như vậy chúng ta đã biết niệm Phật đi về đâu chưa? Tuy nhiên, đáp án này còn tùy thuộc vào từng người niệm Phật, tùy thuộc vào từng hạnh nguyện đang sống trong cõi Ta bà khổ nạn này.

Thật ra Cực Lạc không phải là địa danh ở đâu đó trong vũ trụ này, mà Cực Lạc chính là trạng thái nhất tâm bất loạn mà hành giả chuyên tu pháp môn niệm Phật đã thành tựu và viên mãn Tín - Hạnh - Nguyện đạt được.

Thế nhưng trên thực tế thì tâm chúng ta chưa được nhất tâm bất loạn, điều này cũng đồng với nghĩa là tâm chúng ta vẫn còn lăng xăng tạp niệm, vẫn còn bị sự chi phối nặng nề của ngũ dục, do đó chúng ta luôn bị phiền não, khổ đau. Nếu lòng chúng ta còn đau khổ, bất an thì làm sao chúng ta có thể xây dựng được cõi Cực Lạc? Và cho dù nếu có một cõi Cực Lạc hiện bày ra trước mắt, chúng ta cũng khó có khả năng thể nhập vào.

## AN VUI CỰC LẠC

Trở lại vấn đề được xem là rất quan trọng mà chúng ta đã đề cập trước đây. Chúng ta từng nghe đức Phật dạy: “Quá khứ là việc đã qua, đừng luyến tiếc. Tương lai là chuyện chưa đến, đừng cầu mong. Hiện tại hãy an trú trong chánh niệm”. Điều này rất quan trọng đối với người tu, nhất là hành giả tu theo pháp môn niệm Phật. Cụ thể công án này là trong hiện tại, khi chúng ta sống trong chánh niệm, tức là chúng ta đang thụ hưởng cả một bầu trời tương lai vô cùng trong sáng, tươi đẹp, dù rằng chúng ta không cầu mong đến nó. Do vậy trong công phu niệm Phật chúng ta cần thận đừng để rơi vào tình trạng luyến tiếc việc quá khứ, suy tưởng về tương lai mà lãng quên hiện tại.

Khi đề cập đến sự thiết thực cần phải làm ngay của người tu hành trong phút giây hiện tại, trong kho tàng truyện cổ Phật giáo có một câu chuyện rất thú vị và sâu sắc: - Có một người đang bị một mũi tên cắm vào người, anh ta quần quai rên la tỏ vẻ vô cùng đau đớn. Đáng lẽ anh ta phải tự rút mũi tên ra hay nhờ vị lương y tài giỏi làm việc này để chữa vết thương và chấm dứt cơn đau. Đằng này anh ta lại khư khư giữ mũi tên đang cắm sâu vào người mà đi cật vấn khắp nơi, nào là “Mũi tên này làm loại bằng gỗ gì?”, “Sản xuất từ đâu? Lúc nào? Ai làm ra?...”. Và cuối cùng anh ta mất mạng vì vết thương quá nặng không thể cứu chữa được nữa.

Từ câu chuyện ý nghĩa nêu trên, chúng ta thử liên hệ đến đời sống tu tập của mỗi chúng ta. Khi chúng ta đang bị mũi tên “tam độc” (tham – sân – si) cắm sâu vào tâm hồn, đối

với người có chánh kiến và trí tuệ thì việc cần thiết trước mắt là phải nhỏ ngay mũi tên (tham – sân – si) đó ra có phải vậy không? Tất nhiên cách thức để nhỏ mũi tên đó cũng tùy theo nhân duyên và trình độ căn cơ mỗi người. Riêng đối với người tu theo pháp môn Tịnh độ cũng vậy, khi chúng ta đang bị lãng xăng tạp niệm, đang bị “mũi tên” lười biếng, tham dục chi phối việc trì danh niệm Phật, thì việc trước mắt là chúng ta phải nhanh chóng rút ngay “mũi tên” lười biếng, tham dục đó ra để công phu của chúng ta có chánh niệm và nhất tâm bất loạn.

Xét rõ như thế chúng ta đừng mơ tưởng việc xa xôi trong bao la vũ trụ, mà hãy tập trung chuyên cần trì danh niệm Phật. Từ đức tin sâu sắc vào đức Phật, từ sự sáng suốt nhận ra căn bệnh của mình và ý chí dũng mãnh vượt qua cảm dỗ của ngũ dục, chúng ta sẽ tự kiến tạo ngay trong tâm hồn mình một cảnh giới Cực Lạc ngập tràn hạnh phúc an vui.

Thiết nghĩ cũng cần nhắc lại rằng, chúng ta không phải là không hướng đến tương lai tươi đẹp, không phải là không mong cầu tương lai thì sẽ không có tương lai, mà tương lai tươi sáng nó đơm bông kết trái và nở hoa ở ngay trong phút giây sống động, tích cực trong hiện tại nơi mỗi chúng ta.

Trong suốt quá trình tu tập, chúng ta không mong cầu về tương lai, là để chúng ta không sanh vọng niệm hưởng ngoại tìm cầu, chúng ta không vọng về tương lai để tâm chúng ta an trú trong chánh niệm. Có như vậy chúng ta mới loại trừ tạp niệm, mới không sanh khởi nhị tâm, mới đạt đến nhất tâm bất loạn. Có một vị Thiền sư nói rằng: “Lãng quên hiện tại mà mong cầu tương lai là tự sát” điều này có nghĩa là vậy. Cho nên chúng ta chỉ cần hiện tại niệm Phật, hiện tại chánh niệm, hiện tại sâu sắc với niềm tin và tinh chuyên vào câu Phật hiệu. Chúng tôi mạo muội cho rằng: “Thế là đủ”.

Trong quá trình tìm hiểu và tham học Phật pháp, chúng ta cần phải hết sức cố gắng tập trung để thấu hiểu một cách căn bản bài giảng, khi đã có kiến thức căn bản rồi chúng ta mới có thể thực hành đúng theo lời chư Phật, chư Tổ dạy. Điều này cũng giống như chúng ta ăn món ăn nào thì bắt buộc phải tiêu hóa cho được thức ăn đó, như vậy mới thu nạp được chất dinh dưỡng nuôi sống cơ thể.

Hiểu biết về pháp môn Tịnh Độ đến nơi đến chốn và thực hành rốt ráo phương pháp trì danh niệm Phật, mỗi chúng ta đều có khả năng kiến tạo một cõi Cực Lạc ở ngay tự tâm chứ không cần phải tìm cầu ở đâu xa.

Chúng ta hãy sống và xây dựng cõi Cực Lạc ngay cõi Ta bà này, ngay trên đất nước này, ngay trong xã hội này, ngay tại gia đình mình và ngay trong tâm hồn trong sáng, vô ngã, vị tha, an vui, cực lạc nơi mỗi chúng ta. Hiểu và hành đúng theo lời Phật dạy, chúng ta có quyền tự hào về giáo pháp của đức Phật mà chúng ta đang nương theo. Chúng ta có quyền tự hào về con đường Phật pháp mà mình đã chọn.

Như chúng tôi đã trình bày, tập sách nhỏ này hình thành không ngoài mục đích giúp cho hàng sơ cơ niệm Phật tăng trưởng *tín hạnh nguyện*, cũng đồng thời là để chúng tôi tự nhắc nhở bản thân trên bước đường tu học. Do vậy, những gì chúng tôi đề cập đến trong tập sách này, chỉ là tiếng lòng của chúng tôi, mà cũng có thể là tiếng lòng thổn thức của tất cả Phật tử chúng ta, đang cháy bỏng khát khao hướng về Thế giới Cực Lạc.

Chúng tôi không phải là Đạo sư, mà chỉ là những người mang sứ mạng phải chuyển tải những thông điệp thiết thực nhất của nền giáo dục Phật Đà đến Phật tử hữu duyên. Thông điệp thiết thực đó chính là chân lý của đấng Đại Giác: *Giúp chúng sanh nhận ra bản tâm thanh tịnh của chính mình*.

Để thông điệp này được truyền đạt một cách hiệu quả, thiết nghĩ, cần phải khơi dậy niềm tin và chánh niệm vốn sẵn có trong mỗi chúng sanh, để tất cả chúng ta tự trở về sống với chân như tự tánh bất sanh bất diệt của chính mình. Nghĩa là chúng ta được quyền sống và tồn tại có khả năng sống trong Tịnh quốc của Đức Phật A Di Đà, nếu chúng ta cùng “chánh niệm” và “nhất tâm bất loạn”. Chúng tôi tin chắc rằng, chân hạnh phúc sẽ thật sự đến với tất

cả chúng ta nếu chúng ta hành sâu chánh niệm. Khi chúng ta có chánh niệm thì chúng ta có chân hạnh phúc, một hạnh phúc vĩnh viễn an lạc, một hạnh phúc chân thật thuần khiết không một mảy mọt như, đau khổ.

## PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT

Đề cho người tu niệm đỡ thắc mắc khi không mình biết phải thực hành cách nào cho có kết quả và phải xoay xử ra sao khi gặp phải chướng ngại bước đường tu niệm; nên tôi xin đi ngay vào những phương pháp thực hành.

Trong 48 phương pháp này, tùy hôn cảnh, trình độ có thể tùy nghi, không nhất thiết bắt buộc phải thực hành tất cả. Pháp này khó kết quả, hoặc không hợp, ta hãy đổi sang Pháp khác, điều cốt yếu: làm sao cho được “Nhứt Tâm Bất Loạn” tức Niệm Phật tam muội”.

Kết quả tốt đẹp sẽ đến với chúng ta, khi chúng ta biết cách thực hành cho đúng mức.

Sau khi hành giả đã đầy đủ niềm tin, chí nguyện và muốn bắt tay hạ thủ công phu, nhưng muốn có kết quả tốt đẹp trước tiên hành giả phải hiểu rõ phương pháp hành trì. Dầu biết pháp môn niệm Phật rất giản dị nhưng do căn tánh của chúng sanh bất đồng, người thì lợi căn, kẻ thì độn căn chậm chạp, do đó các bậc Tổ sư đã chia pháp môn niệm Phật ra mười hai cách thức hành trì khác nhau. với mục đích nhiếp hóa mọi căn cơ, mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Trong mười hai phương cách hành trì đó, có bảy cách chuyên tu niệm Phật, còn năm cách hành giả vừa niệm Phật, vừa quán tưởng như bên Thiền tông. Trước chúng tôi trình bày khái lược về bảy cách thức chuyên rờn niệm Phật.

Phan Văn Trì Danh : Là cách miệng niệm Phật, tai mình nghe lại tiếng niệm Phật của mình, từng câu, từng chữ rõ ràng, rành mạch. Tâm mình theo sát từng tiếng và luôn nghi nhận rõ ràng từng câu từng chữ đang diễn ra. Niệm như thế lâu ngày, âm thanh của câu niệm Phật và tâm mình sẽ hòa quyện với nhau. cách niệm này dễ đưa đến cho hành giả sự nhất tâm, các vọng niệm nhờ luôn luôn chú tâm nên nhanh chóng được lắng đọng, thanh tịnh. Hành giả vừa niệm vừa lắng nghe lại tiếng niệm của mình không nhầm lẫn tiếng này với tiếng kia. Vừa niệm vừa nghe như vậy tâm tư hành giả không bị buông lung vọng động. Tâm nhanh chóng được định tĩnh, nhất tâm.

**Sổ Châu Trì Danh :** là cách niệm vừa niệm Phật kết hợp với tay lần tràng hạt (chuỗi). Với cách niệm này, định lực nhanh được thành tựu nhờ nương vào tràng hạt. Giống như người khi mới tập bơi, hoặc bơi chưa được rành, mỗi lúc qua sông cần phải nương vào phao bơi, vừa an tồn vừa có thể qua được sông. Cách niệm này đòi hỏi ở người niệm là luôn phải ghi nhớ số câu niệm của mỗi thời – có thể căn cứ trên chuỗi. Niệm niệm rõ ràng và cứ mỗi danh hiệu Phật liền lần một hạt chuỗi, cứ lập đi lập lại như thế lâu ngày thành thói quen, vừa đối trị được bệnh giải đãi vừa nhanh chóng đạt tới định tâm. Khi niệm đã thuần thục, hành giả có thể không cần nương vào tràng hạt, không cần ghi nhớ số câu niệm của mình nữa mà tâm lúc nào cũng rõ ràng, chánh niệm, thanh tịnh.

**Ký Thập Trì Danh :** Đây là cách niệm đếm số. Cứ mười danh hiệu là đếm một đơn vị, lần một hạt chuỗi. Với cách niệm này hành giả luôn ghi nhớ số câu niệm, nếu không chánh niệm thì đếm sẽ sai và phải đếm lại từ một. Cách thức này buộc hành giả luôn phải chú tâm, lúc nào cũng buộc tâm mình với câu niệm Phật nếu không sẽ nhầm số và tâm sẽ không định. Cách niệm này phù hợp với những người có tâm nhiều vọng động.

**Tùy Tức Trì Danh :** Hành giả vừa niệm Phật vừa nương vào hơi thở. Mỗi hơi thở vào, ra không biết hành giả niệm được bao nhiêu danh hiệu cũng chỉ tính một đơn vị hay là một niệm. Và khi đếm được mười hơi thở gọi là thập niệm. Cách niệm này do đại sư Từ Vân chế ra. Ngài căn cứ vào kinh Quán Vô Lượng Thọ mà thành lập, ý nương vào hơi thở để chú tâm. Người đa đoan công việc, bận rộn phù hợp với cách niệm này. Cứ mười hơi thở vào ra là xem như một thời niệm Phật, không mất nhiều thời giờ mà hành giả có thể nhiếp được tâm nhờ niệm Phật nương vào hơi thở.

**Truy Đánh Trì Danh :** Là lối niệm không để một khe hở. Niệm trước vừa xong liền tiếp nối niệm sau, như dòng thác nước tương tục không gián đoạn. Tâm hành giả chuyên nhất câu Phật hiệu, nương nhờ oai lực của danh hiệu Phật mà vọng niệm trong tâm được lắng đọng, tâm trở nên thanh tịnh vắng lặng.

**Kim Cương Trì Danh :** Là cách niệm chỉ vừa động môi một chút, niệm thư thả nhẹ nhàng, không quá to không quá nhỏ. Điều quan trọng của phương pháp này là dù niệm nhỏ (thầm) nhưng tâm vẫn luôn định tĩnh, không rối loạn. Lời niệm luôn đi cùng với tâm niệm. Với cách niệm này lâu ngày trở thành thói quen, sức niệm càng mau, càng nhiều, hành giả càng sớm đạt đến nhất tâm bất loạn. Khi sự luân tập của chúng từ niệm Phật đã nhiều ở Tầng thức, hành giả dù thức hay ngủ những chúng từ của danh hiệu Phật vẫn lưu xuất ra (Chúng từ khởi hiện hành). Để đạt được nhiều hiệu quả trong lúc niệm, theo Hòa thượng Đào Nguyên, chúng ta nên :

- Ngồi mà niệm, ngoại trừ khi đau yếu, mệt mỏi không ngồi được bắt buộc dĩ mới nằm mà niệm.
- Niệm bốn chữ “ A Di Đà Phật” thay vì thêm hai chữ Nam mô thành sáu chữ. Ý Ngài là niệm được nhiều câu trong cùng một thời gian của thời khóa.
- Dùng chuỗi hạt lớn vừa phải, trọng lượng nhẹ, tránh khỏi mỏi tay làm mất tập trung khi niệm.
- Trong khi niệm phải tạm gác lại mọi chuyện, không mơ tưởng đến những chuyện trần gian để tâm khỏi tán loạn.

**Lễ Bái Trì Danh :** Miệng chúng ta vừa niệm Phật, thân chúng ta vừa lễ Phật, hoặc là miệng vừa niệm dứt một danh hiệu thì thân lễ một lễ. Miệng niệm danh hiệu Phật, thân lễ Phật, ý nghĩa tưởng đến Phật nên tam nghiệp, thanh tịnh, lục căn được thu nhiếp, quy về một mối, không còn khoảng trống cho vọng niệm chen vào, không còn một tạp niệm nào khác làm tâm chao động ngoài câu niệm Phật. Lợi ích của cách hành trì này công đức vô cùng lớn lao, hợp với người thân tâm trì trệ, hay hôn trầm. Tuy có điều do lễ bái quá nhiều nên hay sinh mệt nhọc, những người lớn tuổi sức yếu không làm nổi. Tốt nhất hành giả nên áp dụng xen kẽ

với các phương pháp khác, tùy theo sức khỏe cho phép của bản thân mình, đừng rán quá sức sợ e mất nhiều năng lượng mà sanh bệnh.

Tóm lại, khi hành giả mới thực tập niệm Phật, cần vạch cho mình một thời khóa nhất định. Có thời khóa phù hợp với mình rồi y theo thời khóa, ngày ngày nương đó hành trì không lơ là một nắng mười mưa. Thường thì người ta hay mắc căn bệnh lúc đầu hăng hái nhưng một thời gian sau lại giải đãi. Chính vì thế cần đưa ra thời khóa nhằm đối trị tâm niệm thay đổi thất thường của chúng ta. Trong khi niệm, nên dùng xâu chuỗi và niệm thành tiếng rõ ràng, cứ hành trì như vậy lâu ngày thành thói quen. Cha ông mình thường dạy : “Một ngày nhiếp tâm một tí, tích tiểu thành đại, định tâm mỗi ngày mỗi tăng trưởng”. Khi niệm được thành thực, chúng tử “Nam Mô A Di Đà Phật” huân tập nhiều trong tàng thức thì dù trong bốn oai nghi đứng nằm ngồi, bất kể ngày hay đêm lúc nào câu niệm Phật cũng tự tâm lưu xuất ra. Nghĩa là, miệng có niệm Phật hay không niệm nhưng trong tâm lúc nào cũng nhớ nghĩ đến Phật. Lục tự Di Đà liên tục không gián đoạn, câu trước nối tiếp câu sau, tâm lúc nào cũng ở trong chánh niệm, các vọng niệm không còn cơ hội vọng khởi, quấy phá mình nữa. Lúc đó, Tâm đạt được trạng thái không niệm mà niệm, chuyên nhất như thế thì tịnh niệm hành giả đã thành tựu, đến lúc này có nương theo thời khóa hay không, không còn vấn đề quan trọng nữa. phép niệm Phật tam muội được thành tựu, quả vị chính phẩm vắng sanh chắc chắn hành giả đã dự phần.

Phương pháp niệm Phật mục đích là đạt đến nhất tâm bất loạn, do vậy trong quá trình tu tập, hành giả có thể lựa chọn niệm bốn chữ “ A Di Đà Phật” hoặc thêm hai chữ “Nam Mô” vào trước. Trì bốn chữ có cái lợi dễ nhập tâm và niệm được nhiều trong cùng một thời gian. Còn niệm sáu chữ có lợi là tâm luôn thành kính, sự cảm ứng giữa ta và Phật dễ thành tựu. Niệm sáu chữ hay bốn chữ, không phải là điều quan trọng, tùy theo căn tánh của mỗi người, trong khi niệm nhất thiết câu chữ phải rõ ràng, luôn chánh niệm tỉnh giác mới có nhiều lợi ích.

Với những người mới thực tập cần niệm to tiếng để buộc chặt tâm viên ý mã không cho nó rong ruổi khắp nơi. Về sai, khi đã thành thực nên dùng tâm niệm, bởi tâm niệm dễ chánh niệm nhanh được kết quả nhất tâm bất loạn hơn. Tâm có chánh niệm thì vọng niệm được xua tan, niệm như vậy lâu ngày thành khối, đạt đến không niệm mà niệm, niệm mà không niệm, được tự tại, an nhiên trước thuận nghịch của cuộc sống, đến lúc lâm chung chắc chắn hóa sanh trong Cửu phẩm liên đài.

Trên đây là bảy phương pháp chuyên nhất trì danh hiệu Phật.

Còn năm phương pháp sau là hành giả vừa trì danh hiệu Phật vừa kết hợp quán tưởng.  
Đại để như :

**Thực Tướng Niệm Phật :** Đây là cách thức quán pháp thân đức Phật A Di Đà bao trùm cả hư không thế giới. Kết quả của việc quán tưởng hành giả chứng được Chân như thực tướng hay Chân tâm thanh tịnh của mình. Nguồn gốc của phương pháp này là của Thiên tông nhưng đối tượng quán niệm là đức Phật A Di Đà nên cũng thuộc về pháp môn niệm Phật. Phương pháp này thích hợp với hàng thượng căn thượng trí, hàng hạ căn ít khi tu tập theo phương pháp này.

**Quán Tưởng Niệm Phật :** Đây là phương pháp rút ra từ kinh Quán Vô Lượng Thọ. Quán chánh báo và y báo ở Tây phương Cực Lạc. Thực hành phương pháp này, hành giả lúc nào cũng thấy mình như đang sống trong thế giới Cực Lạc : Kinh hành, sinh hoạt cùng các vị Bồ tát, được nghe các lời chim báu hát lên những bài thích hợp vì quán tưởng niệm Phật khó hành trì đối với hàng căn cơ thấp kém, nên ít thông dụng là vậy.

**Quán Tượng Niệm Phật :** Quán sát một bức tranh hay pho tượng đức Phật A Di Đà đặt trước mặt. Quán sát tướng hảo trang nghiêm của đức Phật từng chi tiết một, quán sát cho đến khi nào dù không có ảnh, tượng trước mặt mà tâm lúc nào cũng thấy đức Phật với đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Mới thực tập thì tượng Phật là cảnh và quán niệm là tâm. Khi sự quán niệm đã đạt đến sâu dày thì tâm, Phật là một. Hình tướng giả của đức Phật biến thành thực tướng của Phật, tâm hành giả và tâm của chư Phật là một, đây chính là trạng thái trở về bản tâm chân thật của mỗi người.

**Giác Chiếu Trì Danh :** Một mặt xưng danh hiệu Phật, một mặt đem tâm trí của mình trở về quán chiếu tự tánh. Cảnh quán này khiến mọi đối tượng trước mặt tự tan biến mất, chỉ còn một cảm giác linh động trong tâm, ấy là cảm giác tâm Phật, thân Phật, cả hai cùng ngưng tụ thành một khối sáng chói trong tâm hành giả. Ngồi ra, các cảnh giới bao la trong mười phương như sơn hà đại địa, nhà cửa, khí cụ, nhất nhất thấy đều mất tung tích, cho đến thân tứ đại của hành giả cũng không biết lạc mất chỗ nào. Hành trì đạt được như vậy thì báo thân tuy chưa xả mà cảnh Tịch quang đã chứng. Danh hiệu Phật vừa tuyên lên đồng thời tâm hành giả chứng nhập Tam muội, đem thân phàm phu dục vào cảnh giới chư Phật.

**Liên Hoa Trì Danh :** Quán sát mình đang đứng trước lưới châu của cung trời Đê Thích, trong mỗi mắt lưới có những viên minh châu ngời sáng. Ánh sáng của mỗi hạt châu chiếu vào nhau tạo nên một khối ánh sáng lung linh huyền diệu. Sự tương hợp của ánh sáng các viên minh châu diễn bày lý “Trùng trùng duyên khởi”, “Một là tất cả, tất cả là một”, hoặc lý “Tương tức tương nhập” của kinh Hoa Nghiêm. Hành giả quán thấy mình đang hành lễ trước mỗi viên minh châu, trên mỗi viên minh châu có một hoa sen ngàn cánh, trên mỗi cánh sen xuất hiện một đức Phật A Di Đà với hào quang chói sáng. Hành giả thấy mình đang hành lễ và phát nguyện trước vô số chư Phật trong đạo tràng này. Quán tưởng thân tâm hành giả đang được tắm mình trong ánh hào quang rực rỡ của đức Phật A Di Đà v.v...

Nói chung, tất cả những phương pháp niệm Phật vừa nêu trên nhằm mục đích diệt trừ vọng niệm điên đảo, đạt đến nhất tâm bất loạn, trở về với chân tâm. Tùy theo căn tánh của mỗi người lựa chọn cách thức hành trì cho thích hợp, mục đích nhanh chóng thành tựu tịnh nghiệp cho bản thân mình. Dù hành giả chọn cách niệm Phật nào mà trong lúc miêng niệm Phật, tâm nhớ nghĩ, quán tưởng về Phật thì được gọi là Định tâm niệm Phật. Còn miêng thì niệm Phật mà tâm cứ suy nghĩ vẫn vương đâu đâu thì gọi là Tán tâm niệm Phật. Sự lợi ích của định tâm niệm Phật rất lớn, còn tán tâm niệm Phật tuy vẫn có công đức nhưng sự thù thắng nguyện trì danh hiệu Phật, thật khó lòng ngày một ngày hai đạt đến sự chuyên nhất trong ba nghiệp. Cần phải trải qua thời gian hành trì, lúc đầu tuy còn tán tâm trong lúc niệm nhưng những chủng tử Phật, những tướng hảo của Phật được giao vào tàng thức, theo năm tháng

huân tập được nhiều lên, công phu tu tập được gieo vào tàng thức, theo năm tháng huân tập được nhiều lên, công phu tu tập của hành giả trở nên thuần thực, nên những mầm móng Phật, những hảo tướng Phật trong hành giả lúc nào cũng khởi kiện, khiến cho loạn tâm hóa thành Định tâm niệm Phật. Điều cần yếu là hành giả phải kiên tâm bền chí, lúc đầu tuy còn nhiều loạn tâm, nhưng cứ kiên tâm niệm Phật, lâu ngày trở thành thói quen, đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng niệm, cũng tưởng nhớ đến Phật, nhất định tâm hành giả sẽ đạt đến trạng thái nhất tâm bất loạn. Đừng ngại loạn tâm mà chỉ sợ lòng mình không bền mà thôi! Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ dạy : *“Phải dùng tâm thành kính mà niệm Phật liên tục, lúc nào cũng phải giữ tâm trong chánh niệm. Như người bị tử tội sắp đem hành hình, hay người bị mắc nạn nước lửa bức bách, ở trong cảnh thập tử nhất sinh, phải lớn tiếng gọi người lớn cứu mình mới mong thoát nạn”*. Người tu Tịnh Độ phải coi việc niệm Phật gắn liền với tính mạng của mình, không được lãng quên giây phút nào cả. Dù bận công việc, khi đã làm xong, nên trở về ngay với việc niệm Phật. Coi việc niệm Phật là công việc hệ trọng hàng đầu, những việc khác không đáng kể. Ngày nào còn sống, còn thở ra thở vào thì ngày ấy chí thành, chí thiết mà niệm Phật, niệm cho đến khi mãn báo thân này mới mong đạt được nhất tâm bất loạn. Lúc lâm chung nương vào nguyện lực của chư Phật và chư vị Bồ tát mà đới nghiệp vãng sanh Tây phương Cực Lạc, đạt ngôi bất thối.

### NIỆM PHẬT NÊN GIỮ Ý CĂN

Đã đem tâm này niệm Phật, phạm tất cả việc tạp thiện, tạp ác (1)<sup>1</sup> đều không nên nhớ, tức chỉ hằng ngày chỉ nên làm việc với ý niệm vạn bất đắc dĩ, xong rồi thì xả, đừng để dây dích, sẽ chướng ngại tâm niệm chúng ta cứ cào dây dưa mãi cói những tạp thiện, tạp ác, là ý địa chưa thuần; nếu ta niệm Phật đến lúc tâm địa sáng tỏ, thời ý địa tự nhiên chuyên rờng nơi quán sát, không duyên tạp sự.

Phải biết niệm Phật có thể chuyên Phạm thành Thánh, là phương tiện giải thoát thứ nhất của thế gian và xuất thế gian vậy. Í, lo âu ắt tổn thân. Thế nên khi xác nhận cuộc sống này chỉ là tạm bợ, trả vay, quay về với cuộc sống tâm linh vĩnh viễn, chân thật, thì còn gì nữa không buông bỏ tất cả gia cảnh. Để sống với cảnh giới chân thường. Phạm, Thánh, mẹ, ngộ đều ở nơi ý địa của đương nhơn mà thôi!

### 2. NIỆM PHẬT NÊN GÌN KHẨU - NGHIỆP

Đã dùng miệng này niệm Phật, phạm tất cả những việc Sát, Đạo, Dâm, Vọng (1) không nên buông lời nói càn, nói quấy. Một khi lỡ nói, nên tự nghĩ rằng: người niệm Phật không nên nói như thế, rồi cố gắng niệm lớn ít tiếng danh hiệu Phật để trấn áp tâm mình và gọi tắt ngay những lời bất thiện ấy.

Lời phụ giải: Phạm đã mang danh từ Phật tử và đã biết niệm Phật, tất phải giữ gìn khẩu nghiệp. Nếu thoảng một lời vô nghĩa thốt ra, tự suy nghĩ ăn năn chẳng ít, hưởng không có lợi ích gì cho ai, mà còn gây khổ hận cho kẻ khác, thì dù một tiếng cũng không nên mở miệng. Phật là tượng trưng cho sự Thanh tịnh, mà ta lại niệm Phật bằng cái miệng bất tịnh thì phỏng được ích lợi gì? Trong kinh Phạm Võng có chép: Nhựt

*(1) sát sanh, trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ là bốn trọng giới cấm của Phật dạy. Chẳng những thế, mà tất cả những điều sai quấy đều không nên để miệng.*

nhựt khởi tam nghiệp tội, khẩu tội vô lượng. Miệng là cửa mở muôn điều ác hay thành vạn sự lành, vậy nên ta cần phải suy kỹ trong lúc mở lời. Hưởng chi việc niệm Phật, chúng ta lại càng cần phải giữ miệng cho thật sạch, nghĩa là một lời quấy, một tiếng xấu, nhất định phải tiêu diệt trong khi chúng còn trúng nước, không để chúng thành hình, đừng nói phát ra cửa miệng. Tu thân, tu tâm mà không tu miệng, là một khuyết điểm lớn!

### 3. NIỆM PHẬT PHẢI CHÍNH THÂN - NGHIỆP

Đã đem thân này niệm Phật, thời trong mọi lúc cũng như trong mọi cử chỉ: đi, đứng, ngồi, nằm, thân cần phải đoan chánh (1), thân có được đoan chánh thì tâm mới được thanh tịnh.

*(1) Thân lia sát sanh, trộm cắp, dâm dật gọi là đoan chánh, lia xa mọi cấu nhiễm, bụi đời, đừng để chẳng bám víu được thân thể ta!*

Người niệm Phật nên tự nghiệm điều này, thật không giờ dối.

Lời phụ giải: Thân thể có ảnh hưởng mãnh liệt đến tinh thần. Thế nên, muốn cho tinh thần vững mạnh, tin tưởng nơi chí thiết nơi tự lực, tha lực, kiên cố chấp trì câu danh hiệu Phật, tất phải dọn mình cho thật đoan chánh, trước khi niệm. Tâm ta niệm được là do thân nghiệp không động, không nhiễm. Vậy nên, muốn công phu niệm Phật có kiến hiệu, điều kiện trước tiên là phải giữ gìn thân nghiệp cho đoan chánh.

#### 4. NIỆM PHẬT LẦN CHUỖI

Niệm Phật là một tiếng, tay lần một hạt. Chỉ nên niệm bốn chữ, đừng lộn sáu chữ, vì bốn chữ rất dễ thành khối (1). Trong bốn chữ A Di Đà Phật, hoặc lần chuỗi tại chữ A, hoặc

*(1) Thành khối tức nhất tâm hay Tam muội đã niệm Phật cốt giữ một lòng không tán loạn, không xen tạp như đường đã thành kẹo.*

lần tại chữ Đà, hoạch định cho các phép tắc không được lầm lẫn, đây là phép mượn chuỗi để nhiếp tâm vậy.

Lời Phụ Giải: Giữ tâm niệm thành khối, danh hiệu Phật, mỗi câu xâu suốt với nhau không xen hở một tạp nào, ví như xâu chuỗi hạt này dính liền với hạt khác, hạt hạt dính liền với nhau, đó là ý nghĩa của sự niệm chuỗi. Hơn thế nữa, nó là phương tiện nhắc nhở kẻ sơ cơ, chưa thuần với chánh niệm, nhớ lại câu niệm Phật. Kẻ lười nhờ nó mà siêng, kẻ trễ nhờ nó mà gắng. Khi chánh niệm đã tinh thuần, Phật niệm không lia từ tâm, bấy giờ có chuỗi hay không cũng chẳng thành vấn đề. Thế nên, kẻ sơ cơ cần nhờ nó để làm phương tiện. Chẳng lẽ sắm chuỗi để móc à?

#### 5. NIỆM LỚN TIẾNG

Nếu lúc thân trí hôn trầm (1), hay khi

*(1) Hôn trầm: nặng nề, ngủ gật, làm cho thân không được tự tại, tâm không được sáng suốt.*

vọng tưởng đua khởi, hãy nên trấn tĩnh tinh thần, to tiếng niệm Phật, niệm cho được vài ba trăm tiếng, tự nhiên đổi thành cảnh giới an tịnh. Bởi vì, nhĩ căn thính lắm, nên ngoại duyên dễ vào, tiếng làm cho tâm động, tạp tưởng nổi dậy, nên phải to tiếng niệm Phật để gìn giữ nhĩ căn, hầu mở tỏ tâm linh. Bấy giờ, tâm chỉ nghe của chính mình, mỗi tiếng liên tục, đầy đủ, tất cả những gì phải, quấy, nên, hư tự nhiên phóng xả.

Lời phụ giải: Lúc ta mệt nhọc, trong người hay uể oải, hay sanh chứng ngủ gật, hay cả thân thể lẫn tâm linh như có cái gì đè nặng, bấy giờ nếu ta dùng cách niệm tịnh, thì chẳng cần giúp cho sự mệt nhọc, ngủ gật kia đặc lực. Thế nên, ta phải to tiếng niệm Phật, quán sát tiếng niệm Phật kia từ tự tâm lưu xuất, rồi theo lỗ tai vào lại tự tâm, vòng quanh mãi mãi như thế, đến khi nào tâm sáng suốt, mà ngủ gật kia biến mất, chỉ thuần một câu niệm Phật rõ ràng mới thôi.

#### 6. NIỆM NHỎ

Nếu lúc tinh thần tán thất, hoặc khi nhiều việc nhọc nhằn hay phải nhiều điều bất bách, thì không cần niệm to, chỉ nên thấu liễm thân mình (1) nhỏ tiếng niệm kỹ. Đến khi hơi thở điều hòa, tinh thần hương khởi, an định tâm hồn mới nên niệm to tiếng.

Lời phụ giải: Phương pháp niệm nhỏ là để đối trị bệnh tán loạn. Nhiều khi vì quá bề bộn công việc, mà thân tâm ta phải quá nhọc nhằn, hay có những việc làm ta phải cực lòng, bức trí. Bấy giờ nên dùng pháp niệm to sẽ giúp phương tiện cho ma tán loạn thân sức mạnh. Niệm nhỏ từng tiếng từng câu thật kỹ, thật rõ, lần lần tâm thần ta sẽ được an tịnh, bấy giờ nên niệm lớn.

*(1) Thâu buộc tâm niệm, đừng cho nó vạy theo vọng trần, vọng cảnh tán loạn mất chánh niệm, bấy giờ tinh thần sẽ được sáng suốt.*

#### 7. NIỆM THÂM



Nếu tâm khí <sup>(1)</sup> không được điều hòa, hoặc người hay chỗ có ngại, niệm to, niệm nhỏ đều thấy không tiện, thì chỉ nên động môi, dùng Pháp niệm thầm (Kim cang trì), không bắt buộc nhiều ít, nhưng cần nhất: mỗi chữ, mỗi câu phải từ tự tâm lưu xuất.

Lời phụ giải: Pháp này khác với pháp niệm nhỏ trước, vì chỉ được động môi mà không phát ra tiếng; nói cho dễ hiểu là chỉ nhép miệng mà thôi. Và như có người nằm gần ta, hay chỗ ta ở khít gần với kẻ khác, niệm thành tiếng dù lớn, dù nhỏ cũng có thể động đến họ, vậy nên chỉ nhép miệng niệm thầm, không cần hạn số, bao nhiêu cũng được, miễn sao câu niệm Phật bắt nguồn từ tự tâm, kích động đầu môi, bật thành một thứ âm thanh huyền diệu, không thành tiếng mà vang khắp đại thiên, nhưng vẫn không ngồi đương niệm.

*(1) Tâm khí - Tâm là tâm niệm, khí là hơi thở. Tâm niệm bị loạn động, hơi thở đứt nói không đều, nên gọi là tâm khí không điều hòa.*

## 8. MẶC NIỆM

Lại, hoặc niệm to, niệm nhỏ đều không hợp, tây lần chuỗi lại hiềm phiền phức, niệm thầm vẫn thấy còn có dấu vết, thì xưa có phương tiện chỉ xảo là không cần động mồm, không phát ra tiếng, chỉ bắt tâm niệm duyên chuyên một cảnh, ân thầm lưỡi gõ vào răng trước (răng cửa) hay tâm tưởng cũng được, tùy ý, chỉ phải làm sao cho tiếng thật rõ ràng, nhưng tiếng không phải phát ra từ tự tánh. Tánh nghe lại phải dung thông nội tâm, nội tâm lại phải in nơi đầu lưỡi, đầu lưỡi lấy kéo niệm căn, từ tánh nghe nghe tự tánh, ba thứ dung hội, niệm niệm viên thông, lâu sau sẽ được thành tựu pháp quán: Duy tâm thức.

Lời phụ giải: Dùng pháp mặc niệm để thành tựu Duy tâm thức quán này hơi khó và cao, đa phần dành cho những bậc có trình độ khá và cao trên bước đường tu tập. Người thực hành phải dùng quán tâm, không phải dùng niệm tưởng. Không động miệng mà tiếng phải rõ ràng, tiếng ấy là tiếng của tự tâm, dùng lối đem tánh nghe (văn tánh) nghe lại tiếng nói của tự tánh (phản văn văn tự tánh) đó là thâm đạt thật tướng của vạn pháp, thâm đạt nhất thiết duy tâm vậy.

## 9. ĐIỀU HÒA HƠI THỞ

Hoặc lúc khí tịnh, tâm bình <sup>(1)</sup>, thì trước nên tưởng thân mình đang ở trong vòng hào quang tròn, thâm quán trên đầu trót lưỡi, tưởng hơi thở ra vào, mỗi một hơi thở thâm niệm một câu A Di Đà Phật. Phương tiện điều hòa hơi thở, không hưởng không gấp, tâm niệm và hơi thở nương nhau, theo nhau ra, vào; đi, đứng, ngồi, nằm đều nên làm như thế, đừng để gián đoạn. Thường phải tự “mật trì”, nhiếp tâm đã lâu, cả hơi thở lẫn câu niệm, cả hai đều không còn phân biệt, tức thâm tâm này cùng đồng với hư

*(1) Khí tịnh tâm bình: hơi thở điều hòa, an tịnh, tâm niệm bình thản, thơ thới.*

không. Trì đến thuần thực, tâm nhãn khai thông, tam muội thoát nhiên hiện tiền, chính là “Duy tâm Tịnh độ” đó.

Lời Phụ Giải: Pháp này cũng giống như Sổ tức quán trong Lục diệu môn. Dùng pháp đếm hơi thở ra vào, để điều hòa hơi thở ra vào. Mỗi một hơi thở hoặc ra, hoặc vào, đều thâm niệm một câu A Di Đà Phật, đều đều không nên quá gấp cũng không được quá huờn, vì sẽ làm chướng ngại cho sự chuyên nhất. Phật Niệm không đứt, tâm được thanh tịnh, trí được chuyên ròng không tạp, hòa hợp với sự bao la vô ngại của Thế hư, tất cả đều duy tư tâm thanh tịnh thì quốc độ sẽ hồn thành thanh tịnh thì quốc độ sẽ hồn tồn thanh tịnh đối với ta vậy.

## 10. TÙY THÂN

Hoặc lúc hôn trầm nhiều thời nên kinh hành niệm Phật, hay khi tạp loạn nhiều nhiều thì nên ngồi ngay thẳng, yên lặng mà niệm. Giả sử đi hay ngồi đều không hợp, thời hoặc quỳ, hoặc đứng, cho đến tạm nằm, cũng đều cho phương tiện rộng rãi, có thể niệm Phật hợp, thời hoặc quỳ, hoặc đứng, cho đến tạm nằm, cũng đều cho phương tiện rộng rãi, có thể niệm Phật được cả. Cốt yếu: bốn chữ Hồng danh <sup>(1)</sup> đừng để một niệm lãng quên, đó là yếu thuật hàng phục tâm ma vậy.

Lời phụ Giải: Câu niệm Phật không phải chỉ dành lúc rảnh rang, hay tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật, mà nhất thiết thời không được xao lãng. Bởi tâm niệm chúng sanh hàng ngày quá tạp loạn, hễ ở là tạm tưởng xen vào ngay để rồi tâm niệm. Như bàn tay quậy vũng nước màn màn, sẽ trở lại ngay. Thế nên, đi, đứng, ngồi, nằm, nói, động, tịnh, đều phải cố giữ

câu niệm Phật, không cho xen hở. Như ông tướng giữ trại, như con mèo rình chuột, đừng để một niệm gián đoạn. Một câu niệm Phật không hở, tùy

(1) Thường người ta niệm sáu chữ (lục tự Di Đà), nhưng suy nghĩ thì sáu chữ sẽ khó nhất tâm và khó kết khối hơn 4 chữ. Ngài Pháp Chiếu đại sư trong Ngũ hội niệm Phật cũng chủ trương 4 chữ, phương tiện, tùy trường hợp, miễn sao cố giữ tâm niệm câu chuyện niệm Phật là được.

## 11. CHỖ NÀO CŨNG NIỆM PHẬT ĐƯỢC

Không luận chỗ sạch hay chẳng, hoặc chỗ vắng vẻ hay chỗ chộn rộn, chỗ vừa dạ hoặc nơi thất ý, chỉ “Hồi quang phản chiếu” (1) và suy nghĩ: những cảnh thế này ta đã gặp hơn trăm ngàn muôn ức lần, từ nhiều kiếp đến giờ; chỉ có việc “Niệm Phật vãng sanh” là ta chưa có thể thực hành trọn vẹn được, nên vẫn còn bị trong vòng luân hồi. Giờ đây ta cũng chẳng quản niệm được cùng chẳng, chỉ thề giữ chặt “tâm niệm Phật” này, dầu chết cũng không để dứt “niệm đầu” (2). Tại sao? Bởi niệm đầu mà

(1) Hồi quang phản chiếu: xoay quán trí trở về quán sát nội tâm, không duyên theo ngoại cảnh.

(2) Niệm đầu: không phải niệm đầu là lúc đầu khi mới niệm Phật, mà mỗi niệm nói liền nhau, câu niệm Phật trước gói đầu câu niệm Phật sau, không hở, không dứt. để một phút gián đoạn, thời tất cả thiện, ác, vô ký (1) bao nhiêu tạp niệm lại sanh. Vì lẽ đó, nên dù lúc đi đại, tiểu tiện hay sản phụ lúc lâm bồn, chỉ chăm chú việc niệm Phật, càng khổ càng niệm, càng đau càng niệm nhiều hơn, như con thơ gọi mẹ, không sợ mẹ hiền giận; nếu sợ mẹ giận mà không gọi nữa, ắt đứa bé sẽ bị sa chân vào hầm phân nhớp, vì những sự đại đột do nó gây nên. Như thế chỉ có chết mất đi mà không làm sao được gặp mẹ.

Lời Phụ Giải: Thế thường, có người không hiểu cho rằng: vào chỗ dơ như nhà xí v.v...mà niệm Phật sẽ có tội. Nhưng trong pháp môn niệm Phật thì không phải vậy. Vì câu niệm lúc nào cũng phải ngự trị trong tâm hồn ta; nếu vì lúc ăn, khi đi cầu v.v...mà để dứt, tức nhiên tạp niệm sẽ xen vào, mà hễ tạp niệm xen vào được, niệm này sanh niệm khác, nối liền không dứt, tránh sao khỏi điều tội lỗi, và tránh sao thốt nẻo sanh tử luân hồi.

(1) Vô ký là không nhất định thiện hay ác.

Chúng ta giờ đây, chưa có thể nhất thiết thời niệm Phật, nên phiền não niệm xen vào, biết bao điều phiền phức, đau khổ, nhọc nhằn; vậy thời chúng ta hãy cố gắng tập nhiều, tập mãi câu niệm Phật, hễ bận việc thời thôi, bằng hễ rảnh là ta niệm Phật. Không có gì tự nhiên mà được, phải đòi hỏi nhiều cố gắng, nhiều nỗ lực, vậy sau mới có thành công. Bao nhiêu việc đời sẽ làm ta phiền lụy, muốn tránh bao phiền lụy, không chi hơn giữ câu niệm Phật.

Đức Phật như bà mẹ hiền thương con dại, không có bà mẹ nào mà không thương con. Thế nên, ta một lòng tưởng nhớ, tha thiết kêu cầu. Đức Phật sẽ thương mà hiện cứu. Phật không bao giờ bỏ và cũng không bao giờ có giận hờn, vì hễ còn giận hờn ắt chưa thể thành Phật, cũng như không có Đức Phật, Bồ tát nào mà thiếu lòng từ bi cả.

Xin hãy gắng niệm, đừng khinh mà coi thường.

## 12. NIỆM PHẬT CÓ ĐỊNH THỜI HAY KHÔNG?

Trong pháp thứ mười một, không có định thời, nếu vậy sẽ ít người làm được. Bài này phương tiện nói có định thời là: sớm, tối hai thời, hoạch định thường khóa, từ nay đến suốt đời, không thêm: không bớt; ngồi ra trong suốt 24 tiếng đồng hồ, có thể niệm được một câu, thì nên niệm một câu, có thể niệm được nhiều câu, bất luận niệm lớn hay nhỏ.

Cổ nhân có bảo:

Ít nói một câu tạp

Nhiều niệm một câu Phật

Đẹp để biết bao nhiêu

Lời Phụ Giải: Vì sợ có nhiều vị, không thể lúc nào cũng giữ được câu niệm Phật được (bởi quá bận kể mưu sinh) nên phải phương tiện định thời. Thế là ai cũng có thể tu Tịnh độ pháp môn được. Nhưng điều cốt yếu: khi đã định thời, thì phải cố gìn, đừng để sai siển, dù lúc bệnh hoạn hay đau khổ.

Tuy nhiên hễ khi nào rảnh rỗi là ta phải nhớ ngay câu niệm Phật.

Đánh đổi chúng sanh niệm bằng Phật niệm, tuy không được cao siêu, nhưng là phương tiện hiếm có để chuyên mê thành giác vậy.

#### 18. CÓ ĐỐI TRƯỚC TƯỢNG HAY KHÔNG TRONG KHI NIỆM PHẬT?

Lúc đối trước tượng Phật, phải cho tượng này là thật Phật, không cần câu chấp một phương hướng nào, chẳng luận một thân nào trong ba thân của Phật (1), chỉ tự nghĩ: Ta chỉ nhất tâm, tâm chỉ nhất Phật, mắt nhìn tượng Phật, tâm niệm danh Phật, thật hết sức thành kính tất được linh cảm.

Lúc không có tượng Phật, nên ngồi ngay ngắn xây mặt về phương Tây, lúc khởi tâm

(1) *Ba thân Phật: Pháp thân, báo thân và ứng hóa thân.*

động niệm, nên niệm tượng hào quang của Đức Phật A Di Đà trụ trên đỉnh đầu ta, mỗi niệm, mỗi câu, tự chẳng để rơi vào khoảng không, hắc nghiệp cũng có thể tiêu diệt (1).

Lời Phụ Giải: người sơ cơ chưa có thể quán tự tâm tức Phật, thế nên phương tiện đối trước Phật tượng cho dễ xúc cảnh sanh tâm. Nhưng điều cần thiết hết sức là phải thành kính, vì hễ có cảm mới có ứng được.

Bài này dạy rõ, khỏi phải bàn luận dài dòng, hành giả nên coi kỹ và theo như thế, tội nghiệp sẽ được tiêu trừ, Phật tâm sự hiện.

#### 14. NIỆM PHẬT TRONG LÚC BẠN RỘN

Nếu niệm được một câu, thì nên niệm một câu, có thể niệm 10 câu: chỉ làm sao trong 100 điều bận rộn, có được trong khoảng khắc một chút rảnh rang,

(1) *Hắc nghiệp: Nghiệp đen, chỉ cho phiền não nghiệp, ác nghiệp.*

liền buông bỏ thân tâm, sáng suốt tưng trì.

Ngài Bạch Lạc Thiên có bài thi rằng:

Đi niệm A Di Đà

Ngồi niệm A Di Đà

Ví dù bận rộn như tên

A Di Đà Phật niệm lên thường thường.

Người xưa dụng tâm bận rộn với cuộc sống, có rảnh đâu nhiều mà niệm Phật; tuy nhiên trong trăm việc bận, chắc cũng có chút thì giờ rảnh, hễ rảnh thì niệm Phật, đừng để trí phải nghĩ tưởng vẩn vơ, khổ sâu vô ích. Việc đời chuyện đâu bỏ đó, đeo đũa làm gì thêm mệt, để thì giờ niệm Phật cho khỏe trí có hơn không? Có nhiều người để phí bao nhiêu thì giờ tán gẫu những chuyện

(11) *Buông bỏ thân tâm: Nguyên chữ Hán “thân tâm phóng hạ” ý nói không còn chút gì dính mắc trong tâm, xả bỏ tất cả, nghĩa như câu “huyền nhai tán thủ” là ở trên gộp đá cao, buông tay rơi xuống vực thẳm, không còn níu nắm đâu nữa cả.*

đâu đâu chỉ chuốt lấy bao nhiêu điều phiền lụy, do vài câu bất ý trong lúc vui miệng, cũng đủ gây ra cho lòng những mối lo âu, khổ sở, hay chác cho thân những đau đớn lụy phiền!

#### 15. LÚC NHÀN RỒI NIỆM PHẬT

Trong đời, có nhiều kẻ quá ư khốn khổ, muốn chút rảnh cũng không sao có được, nên không thể tu hành. Nay ta được rảnh rang, lại nghe biết được pháp niệm Phật này, cần phải gắng gổ, tương tục thúc liễm thân tâm, chuyên trì Phật niệm; như thế mới không uổng phí tác bóng quang âm. Nếu để tâm niệm buông trôi, không làm được việc gì, luống tiêu hao ngày tháng, cô phụ bốn ơn, một mai vô thường thoát đến, sẽ lấy gì để chống cự đây?

Lời Phụ Giải: Có người câu được chút rảnh rang để niệm Phật còn không có, tay nay duyên đời không bận buộc, vậy đừng nên bê trễ nữa, hãy cố gắng niệm Phật, đừng để ngày lại, ngày qua, rồi già, rồi chết, đến khi bấy giờ, dù muốn rảnh được một chút, sống thêm một giờ để niệm Phật cũng không được. Thật tiếc lắm thay!

#### 16. NGƯỜI SANG GIÀU PHẢI NÊN NIỆM PHẬT

Phước đức của đời này đều được tu hành kiếp trước. Những vị tôn quý vinh huê, quá nửa là các bậc cao tăng chuyển thế. Nhưng, tuy có vin huê mà không được trường cửu, nếu tạo lại điều nghiệp chướng, ắt khó thoát nổi biển trầm luân. Vậy nên các ngài phải tự suy nghĩ: Những gì ta có thể mang theo được khi nhắm mắt? Ấy là công đức niệm Phật. Cũng như thuyền đi nhờ nước. Thế nên, hoặc lập thất niệm Phật, hoặc mời chư Tăng hướng dẫn mình

niệm, việc làm tuy ít, nhưng phải dụng công cho nhiều, lại phải chí quyết vãng sanh, đó là con đường tu hành của tất cả mọi người, chẳng luận giàu, nghèo, sang, hèn. Làm vị sứ giả của ngôi pháp vương (1), còn gì tôn quý hơn!

Lời Phụ Giải: Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân, dù ta có nhờ phước đức đã gieo trồng đời trước, hưởng được phú quý vinh huê, song chỉ hưởng tạm mà thôi, khi ba tác hơi dứt, mọi việc buông xuôi, chỉ nắm hai bàn tay trắng. Vậy thì ta có nên bám víu những cái giả ảnh ấy chăng? Chúng ta chắc đã ý thức được rõ ràng điều đó. Thế thì chúng ta phải kíp lập thành tích niệm Phật ngay và thật hết lòng cố gắng như chúng ta đã cố gắng lo làm giàu vậy. Người vô trí có giả là thật, nên chạy theo những cảnh tượng, danh sắc phù phiếm bề ngoài, có được chút vui, song chỉ là cái vui tạm bợ, trong chốc lát. Kiếp người chóng tàn, thân người chóng diệt, chỉ có đạo đức thường ở trên sự vật mà nhìn sự vật.

còn, chân thật, không có những ô ạt bề ngoài, không có cái vui chốc lát. Xem như Ngài KHỔNG TỬ còn bảo: Ăn cơm nguội, uống nước lạnh, co tay lại mà gối đầu cũng có điều vui ở trong vậy!”. Cái vui đó mới là cái vui của người trí. (1) *Pháp vương là vua của các pháp, ý nói đức Phật đã thâm đạt thật tướng các pháp,*

### 17. KẸ NGHEO HÈN CŨNG NÊN NIỆM PHẬT

Than ôi! Có kẻ đã đem thân làm nô lệ, bị người khác sai sử, vất vả, khổ sở, mà không cầu mong thoát khỏi, thì về sau càng khổ hơn.

Nên biết bốn chữ Hồng danh chẳng luận sang, hèn, giàu, nghèo, trẻ, già, trai, gái, chỉ cần mỗi ngày vào lúc sáng sớm, chí tâm xây mặt về phương Tây, niệm 10 câu danh hiệu Phật, không xen, không dứt, để cầu sanh Cự Lạc, thì hiện đời sẽ được hưởng nhiều lợi ích, khi thác tự được vãng sanh. Đức Phật A Di Đà thiết là chiếc thuyền cứu mạng cho mọi người trong biển khổ vậy.

Lời Phụ Giải: Ở đời đâu có ai nghèo cho đến đời không có thân, tâm? Vậy ta nên đem thân tâm sẵn có đónp. Trong kinh Hiền ngu nhân duyên có đoạn: Tôn giả Ca chiên diên độ bà già ở mướn, bán cái nghèo bằng phương pháp NIỆM PHẬT, bà đã đạt kết quả. Vậy chúng ta nên bắt chước bà già ấy bán quách cái nghèo đi cho rảnh, đeo đẳng làm gì thêm khổ?

Khổ mà biết mà khổ để tìm phương pháp thoát ly ấy là kẻ trí. Khổ mà vẫn không biết mà khổ, lại còn cho cái khổ là vui, thì thiệt hết chỗ nói!

### 18. TINH TẾ NIỆM PHẬT

Đã là người có trí huệ thì đừng để bị mê hoặc, cần phải hết sức tinh tế niệm Phật để cho trí huệ được kiên cố.

Phải biết, người trí niệm Phật, thì thiên hạ sẽ có rất nhiều người niệm Phật. Người trí niệm Phật thời những kẻ tu hành theo ngoại đạo sẽ dễ trở về chánh đạo. Tại sao? Vì tiếng tăm của người trí có thể mở tỏ lòng dạ họ, vì có tác dụng trí của người trí cứu rỗi họ.

Lời Phụ Giải: Việc làm của người trí sẽ mang đến một ảnh hưởng tốt đẹp và hữu ích cho kẻ thấp hay thiếu trí, trong trường hợp việc làm ấy với ý nghiệp lành. Vậy nên người trí phải tỏ ra xứng đáng sự tin tưởng của mọi người, đừng nên để việc ngu hèn, những thị dục thấp kém gât găm.

Một người có quyền thế tu niệm, sẽ có ảnh hưởng thật tốt đẹp đến kẻ chung quanh. Nhờ sự khôn khéo, sáng suốt, cộng vào đó sự tin tưởng mãnh liệt của người lân cận, mà người trí khả dĩ làm được những chuyện to tát có ảnh hưởng đến thế đạo, nhân tâm. Làm một mà kết quả được nhiều, đó là điều của nhiều người mong muốn. Ấy thế mà nhiều kẻ có thể làm được lại không chịu làm, hay làm cho lấy có, thì thật lắm tiếc rẻ lắm thay!

### 19. LÃO THẬT NIỆM PHẬT

Đã không cầu danh lợi, cũng không khoe tài năng, chắc thật tu hành thật là rất khó có người làm được.

Tổ sư dạy: về phương diện tham phiền, bói tìm một người si độn cũng không có. Nay người niệm Phật chính lo mình không được si độn mà thôi. Hai chữ LÃO THẬT là một đại lộ thẳng tắp đưa người sang Tây phương vậy. Tại sao? Vì hai chữ LÃO THẬT là ngôi bốn chữ A Di Đà Phật không thêm một mảy may vọng tưởng nào.

Lời Phụ Giải: Người nhất tâm niệm Phật, không duyên ngoại cảnh, lòng không chao động trước bất cứ một khuấy rối nào, coi như tất cả không có gì dính líu đến mình, con người ấy bề ngoài hình như kẻ ngây ngô, si độn lăm, nhưng trái lại thật là sáng suốt, thật là thanh tịnh đó. Người như thế thật không phải dễ kiếm! Phương chi, trong pháp môn niệm Phật có câu: Niệm bất nhất bất sanh tịnh độ. Mà hễ niệm nhất thì muôn duyên buông bỏ, chuyên rờng câu niệm Phật. Lòng gta niệm Phật cùng lòng Phật tương ưng, Tây phương không là đương niệm, không cần đốn xa xét rộng chi cả mà Phật cảnh vẫn hiện tiền. Hy hữu thay Pháp môn Tịnh độ!

## 20. ĐƯỢC ĐIỀU VUI MỪNG NÊN NHỚ NIỆM PHẬT

Hoặc nhân nơi người mà vui, hoặc nhân nơi việc mà mừng, mỗi manh tuy nhỏ nhít, nhưng điều là những cảnh vui vẻ của kiếp người. Song phải biết: cái vui đó như hư huyền không thật, không thể còn lâu, vậy nên nơi giây phút tươi vui đó, xoay tâm niệm Phật, thời ấy được nhờ ánh hào quang của Phật, trong thuận cảnh ấy, bỏ dứt đi ít nhiều ác niệm, những điều tốt đẹp liên miên, như ý tu hành, mãi đến lúc mạng chung, sẽ được vãng sanh Cực Lạc, há chẳng vui mừng lắm sao!

Lời Phụ Giải: Kiếp sống của ta vui ít khổ nhiều, có vui chẳng chỉ là cái tạm bợ, chốc lát rồi qua đi, nhường chỗ cho điều đau khổ dày vò con người. Vậy thì cái vui có bền bỉ gì mà ta lại tự hào hay níu nắm nó.

Những điều vui vẻ đáng cho ta ưa thích, vì nó chân thật, thường còn ấy là cái vui Thanh tịnh của tự tâm. Cảnh Cực Lạc của Phật A Di Đà sẵn sàng đón tiếp những con người tự tâm được Thanh tịnh. Về được đó còn gì vui hơn?

## 21. HỨA NGUYỆN NIỆM PHẬT

Tri danh niệm Phật nguyện để cầu vãng sanh; nhưng oai phong của chư Phật không thể nghĩ bàn, hễ niệm danh hiệu của các Ngài thì sở nguyện đều tùy tâm. Vì lẽ đó, trong kinh dạy: niệm Phật có 10 điều lợi ích. (*Xin xem phụ lục trang 66*). Những việc cầu cúng quỷ thần, tạp tu sự sám, khẩn hứa nhiều ác nguyện, tin xằng những việc bói toán, xam quẻ, không bằng dùng phương pháp niệm Phật để cầu nguyện.

Có kẻ hỏi: Vả như niệm Phật mà không ứng nghiệm thì làm sao?

Đáp: Ông chưa niệm Phật mà đã lo không ứng nghiệm, chính cái nhân không ứng nghiệm đó sẽ đem đến cái kết quả không ứng nghiệm vậy. Nhân thế nào thì quả thế ấy, há không đáng sợ lắm sao?

Lời Phụ Giải: Phật là đấng đại từ, đại bi, đại trí, đại đức, tối tôn vô thượng, là bậc thầy của trời, người sáu đường. Thế thì, khi cầu nguyện sao lại không cầu nguyện nơi các Ngài? Thật cũng lấy làm lạ! Có kẻ lăm sợ ma quỷ yêu tinh hơn sợ Phật, có lẽ cho rằng Phật hiền mà quỷ dữ chẳng? Hay tại lòng mình không chân chánh, vì có điều tội lỗi, vạy tà, nên lờn chánh, ngán tà? Người Phật tử hãy suy nghĩ cẩn thận điều này, kéo mình là Phật tử lại vô tình làm đệ tử của ma!

## 22. NIỆM PHẬT ĐỂ CẦU CỎI MỎ

Phàm tất cả nghịch cảnh quanh ta, đều do trái duyên nên có hiện, (ta phải cố cam chịu) không nên lại khởi ác thiện, để phải khởi dẫn oan trái đến mãi về sau không dứt. Ta phải nên tùy thuận nhận lãnh, có thể tránh được thời tránh, dứt được thời dứt, chỉ tùy nhân duyên mà đừng nên niệm Phật. Phật có vô lượng trí huệ, phước đức quang minh, ngài sẽ giao hộ cho ta: dù gặp nghịch duyên, trái cảnh, cũng chuyển thành thuận cảnh, thuận duyên ngay.

Lời Phụ Giải: Oan gia nghi giải bất nghi kết, đừng nên đem ôn trả ôn, thì ôn trái dứt. Vậy, chỉ có pháp niệm Phật là ôn nhất.

Ví dù muôn đấng nghìn cay

Một câu niệm Phật tan ngay cấp kỳ...

Niệm Phật dứt bỏ ôn thù

Lòng không hung dữ ngục tù đâu vương...?

Niệm Phật mở rộng lòng thương

Oán thân bình đẳng tai ương có nào?...

## 23. HỒ-THEN, TƯ GẮNG NIỆM PHẬT

Phàm đời này hay kiếp trước, ác quả đã thành tựu, thì khổ báo ắt đến, mà một phần khổ ở đời này tức là một phần ác trong kiếp trước, không thể đổ thừa cho vận mệnh bất tề, mà chỉ nên hổ phận mình chẳng sớm lo tu. Mỗi một khi tưởng Phật, tưởng như lông trong thân đều dựng đứng, năm vóc như rã rời, buồn, thương, cảm mến, đau xót, không muốn sống. Như vậy thời mỗi câu, mỗi chữ từ trong gan, tùy mà ra, mới là chân cảnh niệm Phật.

Ngày nay, kẻ tăng, người tục niệm Phật, hoặc miệng niệm mà tâm tán, hoặc chỉ nhiếp tâm lúc niệm, dứt niệm thì tâm mê. Lại có người đang lúc niệm Phật xen nói chuyện tạp. Thế thì dù niệm suốt đời cũng không lin cảm. Mọi người thấy vậy, cho rằng: niệm Phật vãng sanh là những lời láo khoét. Lỗi ấy đâu phải do Phật sao?

Lời Phụ Giải: Ta cùng chư Phật đồng một thể tánh thanh tịnh, không hai không khác, thể mà các ngài đã giác ngộ, sáng suốt bỏ giả theo chân, còn chúng ta lại cứ mãi nhận hư làm thật, bội giác hẹp trần, cam chịu quanh quẩn mãi trong vòng khổ lụy trần ai. Thật còn gì hổ thẹn cho bằng! Vậy nên phải vận dụng tận cùng năng lực, hết chí lo tu, lấy chết làm kỳ hạn, cầu thốt sanh tử, không còn nghĩ ngợi đắm lụy trần ai, để phải nhiều kiếp trôi chìm trong sông mê, bể khổ.

#### 24. KHẨN THIẾT NIỆM PHẬT

Phàm gn ở trong tất cả hòn cảnh khổ đáng thương, mà ta không thương, tất trái với nhân tình, nhưng ở trong tất cả hòn cảnh đáng thương, ta chỉ thương suông thì làm sao hợp được với tánh Phật? Đã thương thì phải tìm phương thốt khổ, phải tìm cách cho mọi người rớt thốt khổ. Phải biết rằng: Phật sở dĩ được tôn xưng là Đấng Đại Bi, vì ngài hay cứu khổ cho chúng sanh. Ta do lòng từ bi niệm Phật là cốt lòng từ bi của Phật ban cho, cứu vớt khổ não cho chúng ta, thì cái niệm đó phải khẩn thiết đến bậc nào?

Lời Phụ Giải: Niệm Phật để cầu thốt sanh tử, mà sanh tử là cái vòng xích vô cùng kiên cố, vì nghiệp hoặc phiền não của chúng ta quá đời sâu dày, lại thêm tội chướng ngày càng chồng chất thêm lên, nếu niệm - lực không kiên cố, tâm niệm không tha thiết chí thành, thì riêng mình nói đến chuyện giải thốt còn là chuyện xa vời, huống là muốn cứu khổ cho người sao? Vậy ta nên hết lòng khẩn thiết niệm Phật để mong được lòng từ bi chiếu cố của Phật, như con thơ tha thiết trông được với từ mẫu. Họa chẳng?

#### 25. CÚNG DƯỜNG NIỆM PHẬT

Phàm ai giai tiết (tiết đoạn ngũ, tiết trung thu v.v...) hoặc ngày vía Phật. Bỏ tát thì nên hương đăng hoa quả tùy phận cúng dường, đó chỉ là tài cúng.

Gần đây, vì tà giáo thanh hành, bày đặt các pháp cúng kiến, la liệt quả phẩm, tam sanh, heo, dê, gà, vịt, có ích gì cho sự tu hành? Thậm chí, còn bày bố trận đồ, chiêu hồn dẫn quỷ, tà mị, dị đoan, càng làm cho hao tài tổn mạng, dối trá bậy bạ, phỉnh gạt người đời.

Chỉ pháp môn niệm Phật thì vạn bệnh tiêu trừ, không tốn, không hao lại ít người chịu biết đến. Kính mong những trang thức giả đừng để bị lầm.

Lời Phụ Giải: Biết mạng sống của kẻ khác để cúng cầu cho mạng mình được sống, thật hết sức ích kỷ và vô nhân đạo!

Câu thiên địa vô tư, thân minh ám sát, bắt dĩ tế hưởng nhi giáng phước, bắt dĩ thất lễ nhi giáng họa, sao không suy xét cho kỹ càng? Thần thánh đâu vì của cúng như tham quan ăn hối lộ sao? Trời đất không có lòng tư vị ai, hễ làm lành thì hưởng quả tốt, làm dữ mắc báo xấu, thế thôi. Các bậc thần minh thăm xét nghiệm những tâm niệm, hành vi thiện ác của mình để tùy thời răn phạt, nào phải vì ta cúng tế mà các ngài bỏ qua những điều tội lỗi của ta đâu.

Hơn nữa, tâm mình ngay, thân mình chính, thì có sợ gì mà phải bận tâm lo nghĩ? Khi niệm Phật, Phật hiệu đã ngự trị trong tâm ta, lòng ta xứng hợp với lòng Phật, cùng xứng hợp một điển lực thanh tịnh, thì tà ma nào dám nhập? Nghe theo tà mị, dị đoan chỉ càng làm cho hàng thức giả chê cười, mà cũng lại chuốc lấy họa hại không ít do một số kẻ lợi dụng lòng tin tưởng và sợ sệt của ta.

Vậy xin hãy suy niệm cho thật chín chắn.

#### 26. NIỆM PHẬT ĐỀN BÁO AN CHA MẸ

Ân của cha mẹ là cái ân to lớn nhất phải làm sao báo đáp? Cung phụng tất cả những thức uống ăn, lập công danh để hiển đạt phụ mẫu, chỉ là phép báo đáp của thế gian; mặc dù

không phải là bất thiện, xong xét cho tốt, thì đây chưa trọn vẹn (vì dù sao cũng vẫn còn trong vòng khổ lụy của kiếp người). Chỉ có cách là ta niệm Phật và khuyên cha mẹ niệm Phật, đem công đức ấy hồi hướng Tây phương, đó là gieo một hạt giống kim cương, về sau ta và cha mẹ cùng tự được giải thoát. Huống chi một câu niệm Phật lại có thể tiêu được vô biên tội chướng. Những ai muốn báo thâm ân cha mẹ, không thể không biết pháp này

Lời Phụ Giải: Cung phụng cha mẹ về mặt vật chất, nào quạt nồng, ấp lạnh, món ngon vật lạ, áo ấm cơm no, đó chỉ mới là cái hiếu thế gian mà thôi. Nếu không lo tu nhân xuất thế, tất phải đọa lạc tam đồ, quanh đi quẩn lại sanh tử không cùng, sao gọi là báo hiếu trọn vẹn được.

Thế tất phải tìm cách nào cho rốt ráo? Chỉ có pháp môn Tịnh độ niệm Phật, cầu sau khi xả báo thân này, nương nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà mà cùng vắng sanh Cực Lạc. Nhờ chiếc thuyền nguyện lực của Phật, bao nhiêu tội chướng của chúng ta dù nặng như đá cũng nương đó mà qua sóng dễ dàng. Thế thì công ít mà quả to, ta còn chần chờ gì nữa?

### 27. BỐ THÍ BẰNG CÁCH NIỆM PHẬT

Phàm thấy người khổ não, trước hết giúp cho họ an thân (cho cơm, cho áo) rồi sau mới an ủi khuyên họ niệm Phật. Bởi vì, cứu cái khổ trong nhất thời, bố thí là gấp, mà cứu cái khổ nhiều kiếp, phương pháp niệm Phật lại gấp hơn. Hoặc thấy người hay vật bị nạn, sức mình không cứu rồi được, phải gấp niệm Phật cầu an cho hồn thức ấy. Hoặc đêm thanh tụng niệm cầu nguyện cho mọi lỗi thốt khỏi tai ương. Gặp lúc đao binh, tật dịch, năm canh trì niệm Phật danh, cầu cho chúng sanh được tiêu trừ mọi oan khổ.

Nên quán tưởng: Một câu A di đà Phật của ta đây, trên tội trời Hữu Đảnh (1) dưới suốt đầy phong luân (2), mọi lỗi chúng sanh

(1) *Trời hữu đảnh là cõi trời cao tội cảnh Trời Sắc Giới.*

(2) *Phong luân: Sắc gió dưới đáy trái đất. Nhờ sức gió mạnh quay tít không ngừng, gây một thời đều được lợi ích. Cách bố thí đó thật không nghĩ thể nghĩ bàn vậy.*

Lời Phụ Giải: Trước cho ăn no, mặc áo ấm để đỡ khổ phần xác, sau khuyên bảo niệm Phật để cứu rỗi linh hồn. Gặp nhiều trường hợp mà sức ta vô khả nại hà, chỉ nên nhất tâm niệm Phật, vận dụng tất cả điền lành của mình chỉ hướng về kẻ ấy, cầu nguyện cho họ thốt khỏi khổ lụy của kiếp sống triền miên, giải thoát an nhàn nơi thiện cảnh.

*Một câu niệm Phật diệt oan khiêu...*

### 28. TƯ TÂM NIỆM, TƯ TÂM NGHE

Tâm hường rồi mới động đến lưỡi, lưỡi khua động thành tiếng lại trở vào tự tâm, là pháp: Tâm niệm, tâm nghe vậy.

Mà hễ tâm niệm tâm nghe thời mắt không thể thấy bậy, mũi không thể ngửi bậy, thân không thể động bậy, vì chủ nhân ông (tự tâm) đã bị bốn chữ A Di Đà Phật bắt cóc mất rồi.

Lời Phụ Giải: Niệm tức là niệm tự tâm Phật, tai nghe tiếng niệm là nghe tiếng của tự tâm, tiếng ấy từ tự tâm mà ra, rồi chảy ngược vào tự tâm, xây vòng như vậy, thời một mảnh vọng tưởng cũng không còn, tất cả vọng trần, vọng cảnh cũng từ đây mà diệt.

Niệm Phật, niệm tâm, tâm niệm Phật,

Tam thiên tham tánh, tánh tham thiên.

### 29. NIỆM PHẬT TRONG TIẾNG NIỆM

Tiếng niệm Phật đã tuần thực rồi, thời trong sáu trần chỉ còn một thanh trần. Tất cả sáu căn hồn tồn gọi nơi nhĩ căn (lỗ tai). Thân cũng không còn cảm biết tới lui, lưỡi cũng không còn biết khua động, ý cũng không còn cảm biết phân biệt, mũi cũng không còn cảm biết hít thở, mắt cũng không còn cảm thấy mờ nhắm. Hai thứ viên thông của hai ngài Quán Âm và Thế Chí cũng tức là một, không chi là chẳng viên và chẳng chi là không thông cả. Vì căn tức là trần, trần tức là căn, căn và trần tức là thức. Mười tám giới (1) đều dung hợp thành một giới. Trước chưa được thuần, lâu sau sẽ dần dần thâm nhập.

Phàm trong khi niệm Phật, phải lựa chọn một chỗ vắng, yên, sạch, khoảng 4,5 thước vuông, đi nhiều một vòng theo phía tay mặt, rồi sau từ từ cất tiếng niệm Phật, tiếng cao lên dần dần, niệm như vậy độ 3 vòng trở lên sẽ tự cảm thấy tâm, tiếng tỏ bày, vòng quanh khắp

thái hư, bao bọc cả 10 phương, trùm đầy tồn pháp giới. Đó là cách an trụ thân, tâm, thể giới vào trong tiếng niệm Phật, và đó là đem thân, tâm của mình an trụ trong tiếng niệm Phật mà niệm Phật. Đây là cảnh thù thắng để tiêu diệt tâm địa phiền não như trước, hành giả cần phải gắng tập cho kỳ được. (Bài này chỉ vẽ rõ ràng, không cần phụ giải).

### 30. NIỆM PHẬT TRONG ÁNH SÁNG CỦA TỰ TÂM

Phàm tiếng là tiếng của tự tâm, thì ánh sáng cũng là ánh sáng của tự tâm. Hễ tiếng của tự tâm quanh lộn ở chỗ nào thì ánh sáng của tự tâm sáng ra ở chỗ ấy; nếu ta an trụ trong tiếng của tự tâm mà niệm Phật, tức là an trụ trong ánh sáng của tự tâm mà niệm Phật vậy. Đây cũng là cảnh thù thắng diệt được lòng phiền não như bản, hành giả nên cố gắng siêng tu tập.

(1) 6 căn, 6 trần và 6 thức

### 31. NIỆM PHẬT TRONG THỂ CỦA TỰ TÂM

Tiền nói của tự tâm vòng quay và ánh sáng tự tâm chiếu phát, tự nhiên tâm thể phơi bày. Một chân tâm này như tấm gương tròn lớn (Đại viên cảnh) rỗng thông sáng suốt, không gì ngăn ngại, mười phương, ba đời, ta, Phật và chúng sanh, vòng khổ của đời trước, đài sen nơi cảnh tịnh đều là bóng trong gương cả. Cho nên niệm Phật trong tiếng tức trong ánh sáng, trong ánh sáng tức trong gương, không phải một, khác. Đây cũng chính là cảnh thù thắng là tốt cùng, diệt hẳn được tâm như, cần phải gia công hết lòng tu tập.

Lời Phụ Giải: Tâm thể vốn luôn luôn thanh tịnh (tịch), nhưng bằng phát khởi diệu dụng sai thù (chiếu). Khi chúng ta nhận được tồn thể đại dụng không ngòi tánh thể thường như, thì bấy giờ, tâm, Phật và chúng sanh vốn chỉ là một, rỗng thông, sáng suốt, không gì ngăn ngại. Thật hành pháp niệm Phật mà đạt được như đây, thật quả là bậc đại căn tánh vậy! Muôn pháp đều chỉ là bóng hình trong gương, vốn dĩ hư huyền, tự sanh tự diệt, đâu cần phạm gì đến tánh thể tự cổ thường như, bất sanh bất diệt của chân tâm. Thấu triệt được lý này đã thoát được ngòi vòng cương tỏa của không gian và thời gian rồi vậy.

### 32. KHÔNG DỨT

Buổi sáng niệm, buổi tối cũng niệm; chỗ sạch niệm, chỗ như vẫn niệm, không một niệm nào mà không phải là niệm Phật. Giả sử hàng ngày có sự thù tiếp bạn bè, đãi đấng khách khứa, phải có lúc gián đoạn, nhưng chỉ gián đoạn thỉnh niệm, chớ không thể gián đoạn được tâm niệm. Niệm Phật mà công phu đến thế, thì sẽ dễ thành Tam muội lắm.

### 33. KHÔNG TẠP

Không xen tạp niệm tức là Chỉ, Chỉ là nhân của Định, dùng được tạp niệm, thì chánh niệm (Định) tự nhiên phát hiện.

Tạp niệm có 3: Thiện, ác và vô ký, trừ hết ba thứ mới là không tạp Tâm cần vắng lặng, vắng lặng thời các niệm thiện, ác không sanh tâm cần sáng suốt, sáng suốt thời vô ký niệm không có.

Ngôi Phật không có niệm nên thường vắng lặng, trong niệm có Phật nên thường sáng suốt, rõ ràng.

### 34. KHÔNG DỪNG

Không dừng tức là Quán, Quán là nhân của Huệ. Câu (niệm Phật) trước đã qua, câu sau chưa đến, câu hiện tại cũng không dừng. Cứ thế mà quán sát rõ ràng. Đuổi như vậy mãi sẽ thấu đạt lẽ vạn pháp duy tâm, tức Phật tức tâm, tức tâm tức Phật.

Lời Phụ Giải: (cho cả ba phép trên) Niệm Phật tứ niệm tự tâm Phật, nên không ngại gì chỗ như sạch. Lại chúng sanh vốn đồng một thể tánh chân tâm với chư Phật, vì vọng động bất giác, nên để tánh Phật, nên để tánh Phật vốn sẵn sáng suốt phải bị phiền não vô minh che lấp, làm cho mê tối đảo điên, càng ngày càng chạy theo vọng trần vọng cảnh, xa lìa thật thể, nhận giả làm chân; bây giờ nhất niệm giác ngộ quay về ánh sáng của tự tâm, thì dễ gì trong một ít thời gian mà có thể bôi xóa đi được những phiền não đen tối vốn đã nhuộm đậm từ lâu. Thế nên, chúng ta cần phải luôn luôn liên tục theo dõi câu niệm Phật (niệm Phật tức niệm tự tâm Phật). Phật niệm liên tục mãi mãi thì chúng sanh niệm không còn, thế nên dù có bận rộn gì cũng chỉ gián đoạn được thỉnh niệm mà thôi, chớ là msao ràng buộc được tâm niệm bên trong của chúng ta? Khi mà tâm chúng ta thuần một Phật niệm thì tạp niệm đâu còn? Tạp niệm bật



đứt (gió dừng) tâm không còn bị gì làm chao động nữa, bấy giờ tự tâm an nhiên tại định (định) (nước lặng) thì muôn tượng hiện bày, không thiếu sót một mảy may, bấy giờ vạn pháp đương nhiên hiển lộ, tự tâm quán chiếu một các thần diệu phi thường (huệ). Hành giả thật hành pháp môn niệm Phật được như đây quả đã đạt đến viên mãn cứu cánh rồi vậy.

### 35. TỨC PHIỀN TỨC PHẬT

Hoặc khởi từ một câu thoại đầu gọi là tham thiền, hoặc ngồi mà dứt niệm gọi là tọa thiền. Tham hay Tọa đều là thiền cả, Thiền hay Phật đều là tâm cả. Thiền tức là thiền của Phật. Phật tức là Phật của thiền. Pháp môn niệm Phật đâu có gì ngại với pháp tham thiền, tọa thiền? Vả lại, người tham thiền có thể dùng bốn chữ A Di Đà làm một câu thoại đầu, niệm đến, niệm lui, niệm xuôi, niệm ngược, trở lại, xây qua không rời đương niệm, mặc dù không có tham thiền, mà thiền ở trong đó rồi. Người tọa thiền cần phải đến giai đoạn một niệm tương ưng, hốt nhiên như vịnh vào chỗ hư không, mới là đắc thủ (1). Niệm Phật đến lúc nhất tâm bất loạn, không phải tương ưng là gì? Niệm đến lúc tâm không, không phải vĩnh viễn tương ưng sao? Trong lúc niệm Phật, không hôn trầm, không tán loạn, chi, quán, huệ mỗi niệm viên thành; nếu muốn tìm thiền, thiền ở đâu nữa?

Lời Phụ Giải: Thiền tức tịnh vì thiền hay tịnh đều cầu đạt mục đích nhất tâm bất loạn, phương tiện tuy hai, nhưng kết quả vẫn một, mà thiền thì khó thập bội!

Trong quy nguơn trực chỉ có đoạn thí dụ: người tu các pháp môn khác, như thiền v.v... mà đi đến mục đích, khác nào như con

*(1) Khi hạ thủ công phu mà đạt được kết quả thì gọi là đắc thủ.*

kiến bò lên núi cao, như con một đực từ mắt tre mà lên, từ gốc cho đến tận ngọn. Pháp môn Tịnh độ niệm Phật chẳng tất như tha lục, như thuyền thuận buồm, xuôi nước, như con một đực ngang cây tre mà ra, còn gì nhanh chóng hơn!

### 36. TỨC GIỚI TỨC PHẬT

Trì giới luật của Phật để trị thân, trì đàn hieu của Phật để trị tâm. Trì lâu thì thân thuần, niệm lâu được tâm không. Tánh của niệm hay tánh của giới không hai; luôn luôn trì giới thì tội lỗi không hiện, luôn luôn niệm Phật, thời lúc lâm chung đánh tan được quỷ môn quan, vượt khỏi ba cõi. Nếu giữ giới đã có công phu, liền đem công đức này hồi hướng Tây phương, chắc chắn được về trung phẩm. Còn như chưa có thể giữ trọn cả hai, thời nên phải siêng niệm Phật, như cứu hỏa cháy đầu.

Lời Phụ Giải: Trì giới cốt làm cho sự tâm thanh tịnh, vì không gây tội lỗi, không có hối hận. Niệm Phật cũng cốt cho thanh tịnh tự tâm. Vậy nên trì giới tức là niệm Phật. Nhưng niệm Phật là phương tiện thiết yếu hơn khi người chưa giữ giới được trọn vẹn. Thế nên t hầy cấp tốc niệm Phật, để cho tâm tịnh rồi thì tự nhiên giới được thanh tịnh.

### 37. TỨC GIÁO TỨC PHẬT

Một Đại tạng kinh đều từ tâm khởi, tâm nêu không Phật thì giáo lý cũng luống mà thôi. Nhưng có tâm ai mà không thôi. Nhưng có tâm ai mà không clo phật? Chỉ vì tự mình không niệm vậy. Người có giáo lý, ắt có coi kinh Lăng nghiêm, mà có coi kinh Lăng nghiêm ắt có kẻ chê đức Thế Chí mà trọng đức Quán Âm, một chút chấp trước đó cũng đủ kết thành nguồn gốc sanh tử, dù học hay, thấy xa, hiểu rộng, chẳng qua chỉ giúp cho cái mầm khổ thêm tươi mà thôi, không giúp ích được gì trong việc thốt ly sanh tử. Xin hãy mau mau bỏ đi, bỏ tất cả, để tâm niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương, gần gũi đức Di Đà. Còn nếu không buông bỏ được thì hãy đem công đức học kinh, giảng thuyết này hồi hướng Tây phương, phát bốn điều thề nguyện rộng lớn, cũng được kết quả không luống. Thoảng hoặc hoảng dương được phát môn Tịnh độ, nói cho người ta hiểu công đức niệm Phật, thời nháy mắt, động niệm đều là trang nghiêm Tịnh độ, thế thì được vãng sanh thượng phẩm đâu còn ghi gì?

Lời Phụ Giải: Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Chí tu niệm Phật tam muội đặc nhập viên thông, còn đức Quán Thế Âm tu nhĩ căn mà được chứng viên thông như nhau. Nhưng vì theo căn tánh tương hợp của chúng sanh ta bba mà khi vãng lời Phật tuyên trạch viên căn, đức vãn thù phải chọn nhĩ căn của đức Quán Âm là đệ nhất, nếu không hiểu, hoặc chấp giáo, cho là đức Quán Âm hơn đức Thế Chí, tức sai với tinh thần giáo điển. Thế là vì chấp giáo lý mà có sanh phân biệt hơn kém do cái ngã kiến sẵn có từ hồi nào đến giờ, làm cho ta mê mờ để

sanh dị kiến, để tạo điều khổ ngay trong tự tâm và cái khổ vẫn gắn bó mãi mãi đến vô tận. Thật nguy hiểm thay!

Học, hiểu, giảng hay, nói giỏi mà cứ bị gò bó trong sự học, hiểu, đầu óc phải bị chi ly, phiền tối trong văn tự, ngôn ngữ, có khác gì con tằm mắc trong cái kén, rồi cũng đến chết trong đó mà thôi!

Chi bằng đem hết thân mạng để trang nghiêm Tịnh độ, hay dùng cách lão thậtnp cầu sanh Cực Lạc còn hơn, cứ nói thánh, nói tướng, bàn ra tán vào, luận dọc luận ngang, đều làm rối đạo niệm, không ích gì cho việc thoát ly sanh tử cả!

Thoảng hoặc tận dụng sở học, sở hiểu cùng tất cả sở năngra xiển dương pháp môn tịnh độ, hay rộng tán thán công đức niệm Phật tam muội, thời thật ngày vãng sanh về Cực Lạc không xa mây đâu!

### 38. KHÔNG TRÌ MÀ TRÌ

Khi vừa làm xong một việc gì, hay lúc nói dứt một lời nào, còn chưa kịp đá động đến câu niệm Phật, nhưng bốn chữ Hồng danh của Phật đã nổi hiện lên ngay. Đây là trạng thái dễ thành tam muội (chánh định).

### 39. TRÌ MÀ KHÔNG TRÌ

Trì danh niệm Phật không mỗi chán, khoan khối lại càng khoan khối hơn.

Trong lúc niệm Phật, trì niệm bốn chữ thật rõ ràng, niệm đầu không lay động, bốn chữ bỗng nhiên tạm dừng. Cũng không phải có cái niệm tức bốn chữ, như thế có thể tạm gọi được là thẳng cảnh, chớ chưa phải thật tâm không. Nhưng siêng năng niệm Phật, cảnh này thường hiện, thời dần dần được tâm không. Nếu nhân một niệm tâm không liền bị hôn trầm, thì gọi là không có huệ.

Phải biết rằng: tâm càng không thời niệm càng tịnh, đem cái ta trong tâm Phật mà niệm Phật ở trong tâm ta, không và bất không (có) đâu còn xứ sở? Ví dụ mặt trời, mặt trăng rực rỡ nơi bửu cung, vòng quanh núi Tu di, chân lưu chiếu thiên hạ.

Ồi! Còn gì bằng Diệu Giác được viên minh!

Lời Phụ Giải: (*cho cả hai phép trên*) niệm Phật khi đã đến mức vô công dụng thì tự tại vô ngại, không cần dụng công, không cần tác ý, không niệm mà vẫn không lìa niệm, có niệm cũng không lìa thể vô niệm của tự tâm.

Như khi chúng ta mới tập đi xe đạp, thì cả đầu, mình, hai tay, hai chân đều như vận dụng tất cả, thế mà xe vẫn nghiêng ngã, lùi đây lùi kia, quanh qua lộn lại, thế mà khi ta đã thuần thục, tay không cần cầm, thân không còn uốn, chân đạp tự nhiên, không dụng công gì mà chiếc xe đạp chạy ngay đi thẳng, không khó khăn khi ta mới tập.

Thế lượng vô nan sự đồ lại tầm bất chuyên, ở trên đời không có gì là khó, là không làm được, chỉ sợ ta không làm và có làm lại không bền chí, thì chung quy việc gì cũng chẳng ra việc gì cả. Thế mới đáng ân hận!

### 40. CÔ THÂN NIỆM PHẬT

Tỳ kheo tu hành không cần bạn hữu. Cảnh niệm Phật vô tịch càng hay! Cao cấp tùy hợp, hườn gấp tùy phần, cốt mong cầu được thành một khối (nhất tâm). Chính lúc bấy giờ nên biết: thân cô nhưng tâm không cô, vì tâm của chư Phật và đức Di Đà chưa từng tạm rời ta Móng lòng là Phật biết, khởi niệm thì Phật hay, lo gì cô tịch? Nếu Pháp môn Tịnh độ còn điều gì chưa thiết hiểu rõ, nên tìm kinh sách Tịnh độ mà coi. Như kinh A Di Đà, kinh Quán vô lượng thọ, Thiên Thai trí giả đại sư thập nghị luận. Thiên như Hòa thượng tịnh độ hoặc vấn, Đại hựu Thiên sư Tịnh độ chỉ qui, Long thơ Tịnh độ văn, Tịnh độ thần chung, Tây phương công cứ, Tây phương xác chỉ, Di đà số sao v.v... Đây chỉ dẫn một ít điều rõ ràng dễ hiểu, ngời ra còn nhiều thứ hay hơn, không kể xiết. Nên tìm học hỏi nơi các bậc cao thông minh hiểu tịnh độ.

Lời Phụ Giải: Người tu hành cần nơi vắng vẻ, để cho tâm niệm được chuyên, nhất là tu tịnh độ. Vì không nhất tâm tức không thể sanh Tịnh độ, mà muốn nhất tâm, đầu tiên phải tìm chỗ yên lặng để lắng tâm tư. Như mặt nước có đứng lặng thì muôn sao mới hiện, mà muốn mặt nước lặng không gì hơn là đừng có gió. Khi đã nhập vào thể tịch của tự tâm tức đã nhập vào pháp giới thân của chư Phật, bấy giờ không chỉ một ngọn đèn huệ của ta độc hiện, mà đã

hòa đồng cùng vô lượng vô biên huệ đấng của mười phương chư Phật, ai bảo là cô tịch? Chi sợ ta đại đột không hiểu, mãi lo đua chen chốn trần tục lao xao, đến khi bỏ xác thân này, lại một mình một bóng thui thủi vào chốn địa ngục A tỳ, đây mới thiệt là cô tịch!

#### 41. KẾT KỶ NIỆM PHẬT

Kết kỷ là kết thất (7 ngày làm một kỳ); nếu kết kỷ một mình, thì nên sắm bốn thứ để ăn: cơm khô, trái cây, gừng sống, dầu mè; tám thứ để dùng: lư hương, đèn dầu, bồ đoàn (đồ để ngồi thiền), ghé dựa, áo bông (đồ ấm), khăn hay mũ, thùng vệ sinh, giấy vệ sinh (giấy sứt). Ngồi 12 thứ đó, không để một thứ gì cả. Có thể trong suốt một tuần, không cho ai lai vãng, để rảnh rang niệm Phật.

Nếu có năm, sáu người đồng phát tâm kế kỷ niệm Phật, thời cần phải thỉnh một vị hộ thất, lập quy điều cho nghiêm chỉnh dán ở trước cửa.

Tất cả mọi cửa động, uốn ăn, hương hoa dâng quả, đều do vị hộ thất cung cấp đầy đủ, thời những người đồng thất cũng có thể suốt trong bảy ngày, chí tâm niệm Phật. Nếu còn hạn cuộc trong tình chấp buộc ràng, chưa biết những điều lợi hại của việc tu hành, thì đừng nên sớm khinh suất mà làm việc này.

Lời Phụ Giải: Sợ không vào thất kết kỷ, thì bao nhiêu công chuyện ngồi đời, hoặc khách khứa bạn bè, không sao được yên tĩnh mà niệm Phật. Thế nên cần phải kết kỷ, tức là lập thế trốn khách, trốn việc vậy. Những thứ cần dùng phải sắm đủ, để khỏi phải bận tâm, không nghĩ móng, hoặc nhờ nhờ người ngồi, hầu yên tâm niệm Phật. Đây chỉ nói đến bảy ngày, nhưng nếu người nhiều phương tiện, hoặc rảnh rang, có thể kết hai, hoặc ba thất v.v.... không hạn cuộc. Khi đã quyết định, thì đừng để ngồi sự chi phối, rồi dờ chừng dờ thất, nếu chưa hết kỳ mà vội mở cửa, thì thật là chua! Nên biết rằng: người tu càng tu nhiều mà càng khảo nhiều, nên không thể lơ mơ được, bởi thế nên phải hiểu và phải nhận định kỹ trước khi làm, không thì thua cuộc mà hỏng việc, lại để cười cho kẻ bàng quan.

#### 42. TU HỘI NIỆM PHẬT

Bốn, năm người hẹn nhau hội họp tu pháp niệm Phật. Trước hết phải đặt điều ước, trật tự, sau mới bắt đầu niệm. Lúc đầu niệm thì một tiếng mõ một tiếng niệm, một người xướng bao nhiêu người niệm theo, đều đều, không nên so le, lộn xộn, mà làm loạn tâm người đồng niệm.

(Pháp này không kết thất như pháp trên, mà tùy phương tiện tu tập, thế thôi, bao nhiêu người cũng được, bao nhiêu ngày cũng không hạn cuộc).

#### 43. NIỆM PHẬT ĐỂ THÀNH TỰU CHO NGƯỜI

Hoặc ở yên một chỗ niệm Phật mà cầu nguyện cho người, hoặc đồng với người khác kết kỷ niệm Phật. Hoặc đem pháp môn niệm Phật chỉ dạy cho người biết, hoặc cho người mượn sách tịnh độ mà xem, hoặc phá những mối nghi lầm của người khác trong pháp môn này, hoặc khuyên người bên chí niệm Phật, những việc ấy đều tốt và đều có công đức cả.

Nhưng nếu người trong lúc lâm chung mà có mình đến hộ niệm, khiến cho người bệnh luôn nhớ câu niệm Phật, vừa nhớ vừa niệm, làm cho người ấy sau khi tắt hơi rồi được vãng sanh về cõi Tây phương, đó là thành tựu pháp thân huệ mạng cho người công đức này lại còn thù thắng hơn!

(Pháp này không có gì là khó hiểu cả)

#### 44. KHI CÓ TAI NẠN NÊN NIỆM PHẬT

Phạm lúc xảy ra tai nạn, mà nhớ phát tâm niệm Phật, tất có kỳ ứng (ứng nghiệm lạ thường). Tuy rằng một nước bị can qua hay một làng bị dịch lệ, mà niệm Phật để cầu, thì một người niệm một niệm một người an, trăm người niệm, trăm người an. Không phải Phật có lòng riêng, lúc nào cũng trong sáng bình đẳng, vô tâm mà ứng hiện. Vì sao? Vì động niệm thành tiếng tự mình rõ biết hào quang sáng của đức Phật A Di Đà trụ trên đỉnh đầu ta, thời tự nhiên mỗi niệm đầy đủ, mỗi niệm bền chắc, mỗi niệm dài lâu, thời hào quang của Phật chiếu đến các vị thiện thân độ trì, tự mình có lia khỏi nạn tai, xin đừng chuyển niệm.

Lời Phụ Giải: Có người bảo: niệm Phật làm sao dứt được nạn này, nạn khác. Đó là tại vì mình không tha thiết hay niệm mà lòng vẫn nghi ngờ, thì bao nhiêu đó cũng chứng tỏ không đem kết quả tốt đến cho mình rồi. Nên hiểu rằng: Tâm mình lúc bấy giờ chỉ nghĩ có

một chuyện niệm Phật, ngồi ra không còn nghĩ gì khác, một niệm quên thân, một niệm an tâm ấy càng kéo dài, thì khổ nào đây ả ta được? Câu “linh tại ngã bất linh tại ngã” có ý vị lắm thay! Một người rồi nhiều người bắt đầu niệm Phật tức là chuyển ác niệm thành thiện niệm cả, thiện niệm ấy càng kéo dài, thì tai nạn nào không khỏi, tội khổ gì mà chẳng an?

#### 45. NIỆM PHẬT TRONG LÚC CHIÊM BAO

Nguyên lực bền chắc, công phu tinh thuần, ban ngày giữ niệm khẩn khẩn, ban đêm vẫn giữ niệm khư khư, thời trong giấc chiêm bao tự mình có thể niệm Phật, đó là triệu chứng sắp vắng sanh, vậy phải giữ điều hòa và phải cố gắng lên mãi, đừng lui, đừng loạn.

Lời Phụ Giải: Niệm Phật đến giai đoạn này, thật đã khá tinh thuần. Có nhiều người niệm được ban đêm, ban ngày không, lúc thức niệm, lúc ngủ không. Như vậy tức còn gián đoạn, do công phu chưa thuần. Phải tập thế nào: luôn luôn giữ niệm niệm Phật, dù khi thức hay lúc chiêm bao. Muốn tập điều này, thì trước khi đi ngủ hãy cố niệm Phật đến khi nào ngủ mòm mới thôi, lại trước khi lên giường phải đánh thức tâm niệm niệm Phật bằng cách tự dặn dò: muốn thoát ly sanh tửkhg gì hơn người phải luôn luôn nhớ niệm Phật, dù khi thức hay lúc ngủ. Mỗi hôm nhớ dặn thế, sẽ quen dần dần, tự nhiên có kết quả. Quý vị muốn khuya thức dậy đúng giờ, nên tập theo cách này: trước khi đi ngủ phải dặn thành tiếng: Đúng 5 giờ (hay 4 giờ tùy) phải thức dậy. nói đôi ba lần như thế, sáng ra sẽ thức dậy đúng giờ; nhưng nên nhớ một vài ngày đầu có khi bị xê dịch ít nhiều, vì ý niệm chưa thuần nhưng sau đó thì sẽ thức đúng dần dần, rồi thì đúng hẳn, mười hôm như một. Điều này gọi là tập quen thành lệ chớ không có gì lạ cả.

#### 46. NIỆM PHẬT TRONG LÚC BỆNH

Bệnh là cơ sắp chết, chết là mối quan hệ của các thánh, phàm, tịnh, uế. Trong lúc bệnh (bệnh nặng) phải khởi tưởng niệm là sẽ chết (để không chết). Phải siêng niệm Phật, quyết định chờ chết, ắt có hào quang của Phật đến tiếp dẫn. làm toại chí nguyện vãng sanh của ta. Nếu trong lúc bệnh, đừng không niệm Phật, thì tất cả sự ái luyến không sợ sệt, phiền não hiện lên rần rần, các thứ tạp niệm nhất tề chỗi dậy. Thế thì con đường sanh tử lấy gì cứu vớt?

Ngày xưa có một vị Tăng ni bệnh nặng, rên thành tiếng “ôi cha”. Bồng tự biết người tu lúc nghĩ nhớ đến đạo mà lại rên như thế là sai, liền khởi niệm A Di Đà Phật. Nhưng con đau không chịu dứt, nên một tiếng rên “ôi cha” là niệm một tiếng phật tiếp theo, ngày đêm không dứt. Khi bệnh lành, thầy bảo mọi người: Trong lúc bệnh tôi rên thành tiếng “ôi cha” và chen một tiếng niệm A Di Đà Phật hôm nay bệnh lành, tiếng A Di Đà Phật hiện còn mà tiếng rên “ôi cha” chẳng biết biến đâu.

Hy hữu thay! Đây là trường hợp tinh tấn trong lúc bệnh vậy.

Lời Phụ Giải: Ở đời có ai khởi chết thế mà có kẻ sợ chết đến thành đốn hèn, hay tham sống đến quên chết, thật khổ thay!

Sợ chết rồi cũng không thoát chết, thì có sợ cũng bằng thừa. Ngày xưa có nhiều vị làm những chuyện có thể gọi là đản gbuồn cười, thế mà thật là ý vị: Sắm sẵn một cái hòm (quan tài), đem đem vào ngủ trong ấy, thật là một việc mà người đời ai cũng sợ. Một người thân, rất thân, vừa mới dứt hơi có kẻ đã không léo lánh đến gần, đừng nói dở mặt để xem. Vào ngủ trong hòm, cho biết rằng vị ấy coi cái chết như một giấc ngủ, không có gì đáng sợ. Hơn nữa để thấy rằng: Cái chết nó sẵn sàng đến với ta bất cứ lúc nào, để mà không phải sợ chết, chỉ có lo vun vén cho mình một kiếp sống không bao giờ chết: Con đường giải thoát. Vậy chúng ta hãy cố mà niệm Phật đừng sợ chết, vì cái chết của một xác thân này chỉ là một cái cội lốt tạm của vô lượng thân vô thường biến chuyển về sau, nếu ta chưa được giải thoát!

#### 47. PHÚT LÂM CHUNG NÊN NIỆM PHẬT

Phút lâm chung nên cố gắng ghi nhớ bốn chữ A Di Đà Phật đừng để sót quên. Nếu niệm lớn được thời niệm, còn không niệm lớn được thì niệm nhỏ. Trường hợp lớn nhỏ đều không niệm được (vì quá mệt), thì nên ghi khắc, thầm tưởng bốn chữ trong thâm tâm, đừng cho quên sót.

Những người hầu hạ chung quanh phải thường nhắc nhở, khuyến khích người bệnh nhớ Phật, niệm Phật.

Phải biết rằng: trong nhiều đời, nhiều kiếp, sở dĩ ta bị loạn niệm trong lúc này (gần chết) mà phải luân hồi mãi trong vòng ba cõi. Tại sao? Vì sanh tử, luân hồi đều do nhất niệm làm chủ, nếu nhất niệm chuyên chú niệm Phật, thì thân tuy chết nhưng tâm thần không tán loạn, liền theo nhất niệm ấy mà vĩnh sanh tịnh độ.

Vậy nên hãy nhất tâm ghi nhớ bốn chữ A Di Đà đừng quên!

Lời Phụ Giải: Người tu tịnh độ khi gần mạng chung, nên phải dự tính rằng: Phút lâm chung là điều quan trọng cuối cùng của đời người tu hành niệm Phật; nếu giữ gìn không kỹ, vận dụng không khéo, thì chẳng những luồn uổng công phu trong một đời mà lại vẫn mang khổ lụy luân hồi sanh tử, không sao tránh khỏi. Huống chi thân ta đây do nơi nghiệp thức, nhờ chút tính cha, huyết mẹ tạo nên, hễ có hình phải có loại, có sanh tất có tử, thật không vĩnh viễn tồn tại!

Còn cõi ta ở đây, đây đủ uế trước, ác hiểm, cũng từ nơi vọng nghiệp như bản mà sanh, không phải là cảnh thanh tịnh, an nhàn: đáng cho ta quyến luyến. Ngày nay ta nhất tâm niệm Phật cầu khi bỏ thân này, được vĩnh sanh Tây phương Cực Lạc, chẳng khác nào bỏ áo cũ dơ, mặc áo mới sạch, thì còn mong gì hơn nữa.

Nếu suy nghĩ, dự tính được như thế, thì đến khi sắp chết, trong lòng không còn tham luyến sắc thân, ngời không đắm mền cõi đời, nhất tâm chán h nhiệm trục vĩnh Tây phương dù sức muôn trâu cũng không kéo lại được.

#### 48. PHÁT NGUYỆN SÁM HỐI NIỆM PHẬT

Than ôi! Trong đời có thiếu gì kẻ không biết niệm Phật, có người cho niệm Phật là di đoan nên không chịu niệm, người xuất gia cho niệm Phật là việc tất nhiên của mình phải làm, chớ không biết tại sao phải niệm, kẻ cuồng huệ biết có Phật, nhưng lại không khứng niệm, kẻ ngu si không biết Phật nên không niệm. Đây là đem so sánh, còn có những ngu pu, ngu phụ, nghe nói lý nhân quả cũng biết niệm Phật, nhưng lại mong cầu được phước báo đời sau, vẫn không thoát khỏi hột giống luân hồi.

Tìm kẻ thật vì đường sanh tử mà niệm Phật, trong trăm người họa chẳng chỉ có một hai! Nên biết rằng, người đã niệm Phật, tức xứng hợp với lòng từ của Phật, phát thệ nguyện rộng lớn tế độ chúng sanh. Tất cả tội cấu oan khiên thầy đều sám hối. Tất cả những công đức dù nhỏ dù lớn đều đem hồi hướng Tây phương, như thế mới là Chánh Nhân Niệm Phật.

Lời Phụ Giải: Làm một việc gì đều phải có mục đích và tất nhiên phải có đạt kết quả của nó. Một việc niệm Phật, siêu xuất luân hồi, vãng sanh tịnh độ, với mục đích đã nhắm và với kết quả sẽ đạt thật là cao siêu và thực tế, thời hành nhân ắt phải rõ thấu và tận dụng trí giác của mình, đâu phải những điều huyền hoặc, vu vơ hay thiên cận mà khinh hốt!

Nhận thức đúng đắn điểm này thời việc là ắt không đến đổi luống, thiệt lòng niệm Phật cầu thoát sanh tử thời cầu mong phước báo hữu lậu ở thế gian làm gì? Vạn vật vô thường của cõi thế nào phải là chỗ gởi thân vĩnh viễn của ta đâu? Nhưng đó chẳng qua vì hoặc nghiệp, phiền não nhiều kiếp sâu dày, mặc dù cũng có hiểu biết đây, nhưng lại phải chướng dày mà huệ mỏng, nên rồi phải tự cam với số phận hảm hiu. Vậy khi đã rõ thông và phát tâm niệm Phật thì phải hết lòng, hết sức sám hối nguyện tiêu trừ tất cả chướng cấu trần lao để lòng thanh thốt, không còn bị những ảo ảnh gạt lờng, mới mong đạt thành sở nguyện.

## LỢI ÍCH CỦA PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

### Lạy Phật Được Mười Công Đức

1. Được sắc thân tốt đẹp
2. Nói ra điều chi ai cũng tin dùng
3. Không sợ sệt giữa đông người
4. Được chư Phật giúp đỡ
5. Đầy đủ oai nghi lớn lao
6. Mọi người đều nương theo mình
7. Chư thiên cung kính
8. Đủ đức phước lớn
9. Lúc lâm chung được vĩnh sanh
10. Mau chứng quả Niết bàn

(Một lạy còn được công đức như vậy, huống chi lạy Phật nhiều)

Kinh nghiệp báo Sai Biệt: “Lúc ở cõi phàm ba ngàn vị Phật kết bạn đồng tu học, mỗi vị khác miệng cùng lời, khen niệm vái lạy 53 vị Phật (trong hồng danh sám hối) ba ngàn vị ấy (thường gọi tam thiên Phật) đều thành đạo một lượt.” Ba ngàn vị Phật còn làm như vậy, người đời nay sao không bắt chước chư Phật để tu trì, trái lại khi dễ việc lạy Phật, niệm Phật.

Hành giả niệm Phật phước đức mang lại thật vô lượng vô biên. Để khái quát một phần nào những lợi ích của việc niệm Phật. Chúng tôi sẽ khái lược chia làm hai phần: lợi ích về sự và lợi ích về lý :

Niệm Phật sẽ trừ các phiền não: Tâm chúng ta xưa nay lúc nào cũng vọng động, rong ruổi theo trần cảnh bên ngoài, chẳng khác nào như vượn chuyền cây, như ngựa rong đồng nội. Hành giả chuyên tâm niệm Phật, tâm được định tĩnh nhờ nương vào oai lực của câu niệm Phật và tâm lúc nào cũng nhớ đến Phật nên sự loạn động, sự buông lung chạy nhảy của tâm tư chúng ta không còn. Thay vì tâm nhớ nghĩ đến những chuyện thế gian, giờ chúng ta cột tâm mình bằng câu niệm Phật. Tâm vọng niệm vốn là nguồn gốc đưa đến bao nhiêu là phiền não, ngay chính vọng niệm là phiền não rồi chưa kể hậu quả của nó tức sự thúc đẩy tạo nghiệp nhân mang lại khổ đau cho chúng ta. Như vậy, khi chúng ta niệm Phật, niệm được một ngày thì một ngày không khổ đau phiền não, niệm được một giờ thì một giờ được an lạc thanh thoi, một đời niệm Phật thì một đời không khổ đau phiền lụy.

Niệm Phật Trừ Được Niệm Chướng Sanh: Niệm chúng sanh chính là các ác nghiệp của thân khẩu ý. Chúng ta hàng ngày dù cố ý hay vô tình thường gây tạo bao nhiêu tội lỗi. Tâm ý còn chi phối bởi tam độc : tham, sân, si; thân thì gây ra bao nhiêu nghiệp ác : sát, đạo, dâm; miệng thốt ra những lời bất thiện, ác độc, dối lừa, hai lưỡi, xiêm nịnh. Đó là những niệm không lành mà chúng sanh thường gây tạo. Nay chúng ta biết chuyên lòng niệm Phật, không còn thì giờ rảnh rang thực hiện những hành động bất thiện của tam nghiệp xấu ác trên nữa. Chính vì

lẽ đó mà niệm Phật có công dụng trừ được niệm chúng sanh. Niệm Phật càng nhiều thì niệm chúng sanh càng ít. Tâm luôn niệm Phật thì tâm luôn được thanh tịnh, an vui. Vì không còn gây tạo các ác nghiệp đưa đẩy chúng ta đi tái sinh trong đau khổ.

Niệm Phật Đưa Đến Thân Thể Nhe Nhàng: Thân chúng ta bị bệnh nguyên nhân từ môi trường sống bên ngoài mang lại thì ít mà do tâm niệm chúng ta tác động đến thì nhiều. Đồng ý vì khuẩn, vi trùng, môi trường sống bên ngoài có mang lại cho ta sự bệnh tật, nhưng tinh thần bất an, luôn hồi hộp, lo âu, buồn phiền, ảo não v.v... mang đến cho thân xác chúng ta bệnh tật nhiều hơn. Hôm nay chúng ta phát tâm niệm Phật, bao nhiêu phiền muộn, uẩn ức trong lòng buông xả theo tiếng niệm, theo hơi thở mà thoát ra ngoài, tâm chúng ta sẽ được nhẹ nhàng thanh thản. Trong bài thơ “Nhiệm màu”, Phan Chu Minh cho rằng niệm Phật là phương cách xoa dịu nỗi đau, biến nỗi đau thành niềm an lạc nhiệm màu

Đặc biệt đối với những người hay đau yếu, niệm Phật như là một phương pháp trị liệu hữu hiệu thân bệnh. Người đau yếu thường có trạng thái tâm lý không ổn định, hay tự ti, mặc cảm, bi quan về cuộc sống... Nay nhờ có Tam bảo, hiểu rõ phương pháp niệm Phật, đặt trọng vẹn niềm tin của đời mình vào đức Phật, chính nhờ niềm tin son sắt vào đức Phật mà những nỗi niềm trong lòng được nguôi ngoai, thấy cuộc sống đời mình có nhiều ý nghĩa, bao muộn phiền trong lòng tiêu tan và bệnh tình chóng thuyên giảm. Hòa thượng Thiện Hòa có dạy : *“Đối với những người yếu tim nếu biết niệm Phật thì bệnh có thể bình phục. Vì người đau tim thường hay có trạng thái hồi hộp, lo sợ, nay nhờ niệm Phật, tâm được định tĩnh, tâm định thì những hồi hộp lo âu giảm thiểu đi. Do đó mà ăn được, ngủ được và bệnh có thể bình phục”* [26-80].

Niệm Phật Tiêu Trừ Nghiệp Chướng. Nghiệp có nghĩa là hành động có tác ý. Tất cả những hành động có tác ý được biểu hiện qua thân, khẩu hoặc ý điều tạo nghiệp. Những hành động không có tác ý thì đơn thuần chỉ là hành động chứ không tạo nghiệp. Trong kinh Anguttara Nikāya đức Phật dạy : “Này các thầy Tỳ kheo, Như Lai xác nhận rằng chính tác ý là nghiệp. Có ý muốn làm mới có hành động, bằng thân, khẩu hay ý”. Như vậy tác ý là yếu tố Quyết định để tạo nghiệp và sự ngăn ngại của nghiệp khiến chúng ta không thể chứng đắc thánh quả nên gọi là nghiệp chướng. Có nghiệp chướng là có báo chướng, vì nghiệp chướng là động cơ thúc đẩy chúng ta đi tái sinh. Nếu nghiệp chướng nhiều đời được tiêu trừ, lại không tạo nghiệp nhân mới thì chúng ta sẽ không thọ quả báo. Từ lâu chúng ta đã gây tạo biết bao nhiêu ác nghiệp, ngày nay chúng ta muốn giác ngộ giải thoát mà nghiệp chướng không trừ thì không thể nào liễu sanh thoát tử. Chính vì thế mà đức Thế Tôn tuyên thuyết pháp môn niệm Phật, dạy chúng ta cách thức tu tập tiêu trừ nghiệp chướng. Trong kinh dạy rằng : “Một câu niệm Phật có thể tiêu trừ trọng tội của 80 ức kiếp”. Sao một câu niệm Phật mà có thể được vô lượng tội chướng như thế? Chính vì đã phát tâm niệm Phật thì có đầy đủ Giới, Định, Tuệ. Và như vậy niệm Phật phát sanh trí tuệ ngay hiện tiền. Cũng như ánh sáng được thắp lên liền xua tan màn đêm tăm tối, việc niệm Phật tiêu trừ nghiệp chướng cũng giống như thế. Trong Khóa Hư Lục, thiên Niệm Phật luận, vua Trần Thái Tông trình bày về công năng niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chướng như sau : *“Nay kẻ học muốn khởi niệm chính để dập tắt ba nghiệp cũng là nhờ công niệm Phật vậy. Niệm Phật dập tắt được ba nghiệp là có sao? Vì rằng trong lúc niệm Phật thân thẳng ngồi ngay, không làm việc tà, như vậy là tắt được nghiệp thân. Miệng tụng lời chân không nói điều bậy, thế là tắt được nghiệp miệng. Ý chăm tinh tiến, không nảy niệm tà, thế là tắt được nghiệp ý”* [4-366].

Trần Thái Tông chỉ ra niệm Phật tức là pháp tiêu trừ nghiệp cũ và không tạo nghiệp mới, chính vì vậy mà không còn động lực đưa đẩy tái sinh. Người niệm Phật cần thấy rõ công năng này để tăng thêm niềm tin tưởng vào pháp môn mình gắn bó. Niềm tin được kiên cố rồi thì chí nguyện cũng như sự thực hành môn mình gắn bó. Niềm tin được kiên cố rồi thì chí nguyện cũng như sự thực hành của chúng ta, hăng hái, đồng mãnh hơn. Tâm lúc nào cũng niệm, liên tục không cho tạp niệm xen vào. Tâm được chuyên nhất, lúc nào cũng định tĩnh, ánh sáng chánh niệm của tâm mình chiếu vào danh hiệu Phật, thì ánh sáng của đức Phật chiếu vào tâm ta. Ánh sáng tâm và ánh sáng Phật giao nhau, tâm lực và Phật lực tương ứng tạo nên công đức khó nghĩ bàn, và nghiệp chướng được tiêu trừ.

Khi hành giả niệm Phật đạt đến lý nhất tâm, các vọng niệm không còn, Chân tâm hiển lộ. Chân tâm vốn không sinh diệt, không biến hoại là *Thường*, Chân tâm vốn thanh tịnh vắng lặng là *Tịch*, Chân tâm vốn sáng soi muôn pháp là *Quang*. Như thế cảnh *Tịch quang* độ hành giả đạt được hiện tiền. Lại nữa, hành giả niệm Phật đạt đến “Nhất hạnh tam muội”, thấy được Chân tâm chúng ta chưa từng hoại diệt là “Phật vô lượng thọ”, Chân tâm chúng ta chiếu soi vô tận là “Phật vô lượng quang” và đó cũng chính là Pháp thân của đức Phật A Di Đà mà ngay khi còn sống trong uế độ, hành giả đã thể nhập Thực tướng vô sanh.

Chúng ta xưa nay vốn tự đầy đủ tất cả những đức tính nhiệm mầu của mười phương chư Phật. Tâm chúng ta vọng động, chấp trước nên chân tâm không thể hiển bày. Khi chúng ta niệm Phật, đạt đến trình độ nhất tâm rồi, chúng ta ngộ nhập được chân tâm, thì Phật A Di Đà hay y báo và chánh báo của cõi Tịnh Độ hiện hữu ngay trong tâm hành giả chứ không ở đâu xa. Lục tổ Huệ Năng khi vừa đạt đạo, Ngài thấy được muôn pháp không có rời tự tánh, thường hằng chưa từng sanh diệt, thanh tịnh vắng lặng nên mới ngộ ngàng bạch với ngũ tổ Hoằng Nhẫn rằng :

*“Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh  
Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt  
Đâu ngờ từ tánh vốn tự đầy đủ  
Đâu ngờ từ tánh vốn không dao động  
Đâu ngờ từ tánh hay sanh muôn pháp!” [26-16]*

Thật vậy, Chân tâm của mỗi người rộng rãi vô biên, bao trùm hằng sa giới, đầy khắp thái hư. Chính tâm ta là Tịnh Độ và mười phương chư Phật có mặt trong tâm ta. Trong Di Đà Sớ Sao, ngài Châu Hoằng nhấn mạnh :

*“Niệm Phật tức thị niệm tâm  
Sanh bị bất ly sanh tử*

Niệm Phật tức là niệm tâm, vãng sanh Cực Lạc không lia chón Ta bà. Xét về lý tánh thì thế giới Cực Lạc ở ngay trong tâm mình, chỉ cần kiến tánh đồng nghĩa với việc vãng sanh Tịnh Độ. Kiến tánh và vãng sanh, hai điểm này tuy bất đồng về ngôn ngữ nhưng thực tế không chống trái chí nhau, nội dung chính của hai quan điểm ấy điều chỉ cho sự giác ngộ giải thoát. Nói cách khác, đối với hành giả vừa mới tu tập niệm Phật thì đức Phật là một đối tượng bên ngoài, cõi nước Cực Lạc là một thực thể hiện hữu ngoài tâm. Nếu hành giả tu tập đạt đến trình độ cao hơn, mọi vọng tâm được nhiếp phục, đạt tới trạng thái nhất tâm bất loạn, vượt ra ngoài đối đãi nhị biên, “*Niệm mà vô niệm*”, thì đức Phật là một thực tại ở trong tâm, và trong tâm chúng ta cũng hằng có cõi nước Cực Lạc. Sự thấy biết này là đỉnh cao tuệ giác của người niệm Phật. Hành giả ngay trong đời này có thể thấy được Phật tính của mình có đầy đủ như Phật. thấy được tự tính không nằm ngoài Phật và chúng sanh, Tịnh Độ không nằm ngoài tâm ta mà có. Tây phương Cực Lạc và duy tâm Tịnh Độ chính là một. Đây là những thấy biết chân thật của người tu niệm Phật có được khi đạt đến lý nhất tâm.

Ngôi ra, niệm Phật còn được 10 điều lợi ích lớn , tôi xin kính chép ra đây để quý vị tin mà cố gắng tinh tấn tu tập:

1. Ngày đêm thường được các vị đại lực thần tướng của các cõi Trời Ân hình ủng hộ.
2. Thường được đức Quán Thế Âm Bồ Tát và các vị Bồ Tát khác ủng hộ.
3. Phật A Di Đà thường phóng ánh quang minh mà nhiếp thọ người niệm Phật.
4. Hết thảy các lỗi quý ác, rắc độc, thuốc độc không thể hại được.
5. Không mắc phải tất cả nạn nước, lửa, đao, binh, hoạnh tử, uổng tử, lao ngục. v.v...
6. Những tội lỗi đã làm về trước đều được tiêu diệt.
7. Đêm nằm chiêm bao không thấy điềm dữ, thường được thấy Phật, Bồ Tát, hào quang, hoa sen v.v...
8. Tâm thường vui mừng và làm việc gì cũng được kiết lợi.
9. Thường được mọi người thương mến và cung kính cúng dường.
10. Lúc gần thác lòng không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, tự mình thấy Phật và Bồ tát phóng quang tiếp dẫn vãng sanh Tây phương Cực Lạc.



## TRỢ NIỆM LÂM CHUNG

### Yù Nghĩa Trợ Niệm

Người trợ niệm cho người trước lúc lâm chung cần phải biết rõ đạo lý vãng sanh và phương pháp trợ niệm thì người đương hấp hối mới được lợi lạc.

Thần thức người lúc lâm chung không ai giống ai. Những hành vi, việc làm hằng ngày ... sẽ hiện hành. Khi đó nghiệp lực hôn tồn làm chủ, lực lượng nào lớn nhất sẽ dẫn đầu. Nếu nghiệp ác mạnh hơn, liền đưa thần thức xuống ba đường ác. Ngược lại, nghiệp thiện mạnh hơn, chủng tử thiện sẽ dẫn thần thức lên cõi trời hoặc cõi người.

*Đối với người hằng ngày siêng năng công phu niệm Phật, chủng tử niệm Phật sâu dày, thì khi lâm chung, chủng tử niệm Phật mạnh hơn sẽ xuất hiện trước, ắt được Phật tiếp dẫn, người đó liền được vãng sanh về cõi Tịnh Độ.*

Tuy nhiên, nếu công phu niệm Phật còn yếu, lúc lâm chung tâm thức hoảng loạn danh hiệu Phật không xuất hiện nổi, thì phải nhờ đến người khác túc trực bên cạnh thành tâm tinh tấn trợ giúp niệm Phật thì chủng tử niệm Phật của người gần lâm chung mới có cơ hội xuất hiện. Khi chủng tử niệm Phật xuất hiện thì mới hy vọng vãng sanh.

Trợ niệm lúc lâm chung chính là khơi dậy danh hiệu Phật trong tâm thức của người đương hấp hối, giúp cho họ định tĩnh sáng suốt với câu niệm Phật trước lúc từ giả cõi đời. Người Phật tử, khi lâm chung, phải có lực tự (Nam Mô A Di Đà Phật) xuất hiện thì mới hữu dụng (hoặc bốn chữ A Di Đà Phật phát khởi thì mới có thể vãng sanh) Điều này rất quan trọng, mọi người cần nên ghi nhớ sâu sắc.

### Qui Tắc Trợ Niệm:

Đối với thân nhân người bệnh, khi người bệnh đang bệnh nặng hoặc đương hấp hối, người trong nhà bệnh nhân nhất quyết không được quấy nhiễu đến thân thể hoặc làm náo động tâm thức người bệnh.

Đối với người đã chết, chú ý là đừng làm điều gì rộn ràng, xao động.

Khi ban hộ niệm đến nhà trợ niệm thì ngồi trà nước ra thân nhân không nên bày vẽ dinh dang, gây tốn kém vô nghĩa và nhất là mất sự tập trung hộ niệm rất cần thiết vào lúc này.

Riêng đối với người đến trợ niệm cần lưu ý hai điểm:

- 1- Không nên bày vẽ làm phiền tang chủ. (có thể chỉ uống trà, nước )
- 2- Tuyệt đối không được nhận tiền (công trợ niệm).

Nên nhớ rằng khi đến nhà có tang là để thành tâm niệm Phật, ngồi ra không nên có ý tưởng khác. Nếu phạm phải hai điều trên đây, lúc đó việc trợ niệm sẽ trở thành việc mua bán. Điều này sẽ tổn hại Phật pháp!

Khi đi trợ niệm cần chuẩn bị:

Một bức tranh Phật A Di Đà hoặc tượng Phật A Di Đà cỡ tương đối lớn nhưng phù hợp với không gian nhà có tang lễ, một lư hương, một hoặc hai cái khánh, một cặp đèn cây, nhang (đốt không cho gián đoạn), một ly hoặc chén đựng nước.

Tượng Phật đặt ở bất cứ vị trí nào miễn sao để bệnh nhân dễ dàng nhìn thấy. Đây là điều rất quan trọng.

Khi đến nhà người cần trợ niệm, vị trưởng ban hộ niệm an trí hình Phật trước, sau đó thắp đèn và nhang. Sắp xếp xong chỗ ngồi và đứng cho ban viên, thì bắt đầu việc trợ niệm. Trước tiên niệm “Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật”, rồi niệm từ sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” sau đó chuyển thành bốn chữ “A Di Đà Phật”. Niệm thành tâm, niệm miên mật, niệm thành khối tha thiết trợ giúp cho người bệnh phát khởi chủng tử Phật.

Điều quan trọng của việc trợ niệm là khơi dậy được danh hiệu Phật ở nơi người bệnh, công đức ấy thật vô lượng.

Người trợ niệm không được ho, hắt hơi (ách-xì) hoặc phát ra những âm thanh khác sẽ ảnh hưởng không tốt cho người bệnh. Nếu bất thân bị một tiếng ách-xì mà giật mình, người bệnh sẽ mất chánh niệm, không dễ niệm Phật tiếp được nữa, điều này nguy hại vô cùng. Muốn trợ niệm tốt, người trợ niệm phải chuyên cần niệm Phật và phải rèn luyện thân tâm trong đời sống hằng ngày.

Người Trợ Duyên Niệm Phật

Nên Nhắc Nhớ Mọi Người Xung Quanh:

Người trợ duyên niệm Phật nên nhắc nhở mọi người xung quanh lưu ý: Trong lúc trợ duyên niệm Phật xin mọi người giữ im lặng. Khi đến thăm bệnh nhân, nếu muốn bày tỏ tâm hiếu thảo hoặc yêu mến của mình đối với bệnh nhân, điều duy nhất là nên niệm Phật để hộ niệm cho bệnh nhân vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Nếu không biết niệm có thể thăm niệm theo. Trong lúc niệm Phật xin đừng: Đốt giấy vàng bạc (tránh không khí bị ô nhiễm làm ảnh hưởng đến việc niệm Phật). Đụng chạm vào thân thể người bệnh (tránh cho họ bị động tâm làm mất chánh niệm). Than khóc, kể lể (nếu cảm lòng không được, có thể đi ra nơi khác). Hỏi thăm bệnh nhân bị nóng hay lạnh (tránh làm trở ngại trong việc niệm Phật của bệnh nhân). Bàn thảo việc gì xin tránh, đi ra một nơi khác.

Những điều cần biết khi trợ duyên niệm Phật giúp người bệnh vãng sanh

Kệ phát nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền:

Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời

Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại

Diện kiến bi Phật A Di Đà

Tức đắc vãng sanh An-Lạc sát.

Tạm dịch:

Nguyện con lúc bỏ xác ra đi

Tận trừ tất cả mọi chướng ngại

Được thấy đức Phật A Di Đà

Liền được vãng sanh nước An Lạc.

Ba yếu tố tạo thành công khi hộ niệm:

1. Bản thân người vãng sanh phải đầy đủ ba món tư lương: Tín-Hạnh-Nguyện. Trong lúc bình thường phải dặn dò người thân trong gia đình lưu ý những điều quan trọng cần biết. Ngài Ngẫu Ích đại sư nói: “Vãng sanh được hay không hoàn toàn do ở việc có Tín và Nguyện hay không. Phẩm vị thấp cao hoàn toàn do ở công phu trì danh sâu hay cạn”.

2. Con cháu, thân quyến phải tận đại hiếu, tâm từ bi ân huệ, thành khẩn tuân theo chế luật của Phật, hộ trì cha mẹ, thân quyết vãng sanh Tây Phương một cách như pháp. Cho nên

nói “thân đắc ly trần cấu, tử đạo phương thành tựu”. (cha mẹ được xa lìa bụi trần, mới gọi là trọn đạo làm con).

3. Chư vị đại đức, liên hữu (bạn đạo) vì đạo nghĩa thành khẩn trợ niệm, thành tựu cho người khác được vãng sanh. Đó là quả báo tốt để người khác được thành tựu lại cho chính mình. Ấn Quang đại sư từng nói: *Khuyến thân tu Tịnh tậ Nho đạo. Kỳ chúng vãng sanh hướng Phật hồi*. (Khuyến cha mẹ tu tịnh, tròn đạo hiếu. Nguyên chúng vãng sanh tròn Phật đạo).

Nếu theo ba yếu tố trên mà hộ trì, trợ niệm một cách đúng Pháp, thì chắc chắn rằng vạn người tu vạn người đi, thành tựu cho chúng sanh vãng sanh Tây Phương viên thành Phật đạo, công đức không thể nghĩ bàn. Giả như việc vãng sanh có chướng ngại, liền phải thành khẩn cầu Phật gia trì cho tiêu trừ chướng ngại, để thành tựu vãng sanh đại sự.

#### Khai Thị Trước Và Sau Khi Lâm Chung:

#### Khai Thị Trước Khi Lâm Chung:

#### Ấn Quang đại sư khai thị ba điểm lớn trước khi lâm chung:

1. Giảng giải, chỉ bày, an ủi một cách khéo léo khiến cho người bệnh sanh lòng tin. (Khuyến người bệnh buông xả tất cả, nhất tâm niệm Phật. Nếu có việc bàn giao nói rõ nên gấp rút nói rõ. Sau khi bàn giao rồi không nên nghĩ ngợi đến nữa, chỉ nghĩ một ý niệm duy nhất: “Mình sắp theo Phật vãng sanh về nước Cực Lạc Tịnh Độ của Ngài”. Dùng tâm chí thành mà niệm Phật, chắc chắn cảm động đến Đức Phật, Ngài phát đại từ bi đích thân đến tiếp dẫn, khiến cho được vãng sanh.

2. Mọi người luân phiên nhau mà niệm Phật để giúp cho người bệnh được tịnh niệm. Tâm và sức lực của người bệnh lúc này rất yếu, khó có thể niệm liên tục lâu dài, giờ này hôn tồn nhờ vào sự trợ niệm của người khác mới có thể niệm một cách đặc lực. Nên biết giúp người được tịnh niệm vãng sanh, tức được quả lành cho người khác trợ niệm trở lại cho mình. Đừng nói rằng, chỉ vì tận hiếu cho cha mẹ của mình nên mới làm việc trợ niệm. Làm cho người khác tức là gieo trồng ruộng phước cho chính mình. Thành tựu cho một người vãng sanh Tịnh-Đô tức là thành tựu cho chúng sanh thành Phật. Trợ niệm cần phải chia phiên, phần pháp khí chỉ duy nhất dùng “khánh”, tiếng niệm Phật rõ ràng từng chữ, không nhanh, không chậm.

#### 3. Cấm kỵ di động thân xác hoặc khóc lóc làm hỏng việc.

Người bệnh khi sắp tắt thở cũng chính là lúc phân biệt cảnh giới giữa phàm, Thánh, người và quỷ ma. Cho nên ngay lúc này chỉ có thể dùng danh hiệu Phật để khai thị, hướng dẫn thần thức của họ chứ không được tắm rửa, thay quần áo, di động, than khóc. Tùy theo ý thích của người bệnh muốn ngồi hay nằm cũng được. “Nóng ở đỉnh đầu sanh về Tịnh-Độ, ở trán sanh về trời, ở ngực sanh cõi người, ở bụng sanh ngạ quỷ, ở đầu gối sanh vào cõi súc sanh, dưới bàn chân sanh vào địa ngục”. Biết vậy mọi người đều phải niệm Phật một cách khẩn thiết, đừng để ý thăm dò hơi ấm ở đâu, quyết định sẽ giúp họ đới nghiệp vãng sanh (còn mang nghiệp mà vẫn được vãng sanh).

Ấn Quang đại sư dạy rằng: “Thành tựu cho một chúng sanh vãng sanh về Tây Phương tức thành tựu cho một chúng sanh thành Phật. Công đức này thật không thể nghĩ bàn”

#### Thơ xưa có câu:

Ngã kiến tha nhân tử, ngã tâm nhiệt như hỏa.  
Bất thị nhiệt tha nhân, khán khán luân đảo ngã.

#### Tạm dịch:

Tôi thấy người ta chết tâm tôi nóng như lửa.  
Chẳng phải người đó nóng, mà vì thấy rằng sẽ đến phiên tôi.

#### Những Điều Quan Trọng Cần Lưu Ý Khi Trợ Niệm

Lúc bệnh nhân sắp tắt thở, là thời khắc khẩn cấp nhất, giây phút này rất quan trọng. Ban hộ niệm phải ngăn cấm, không cho người nhà khóc lóc bi ai. Cũng đừng để họ gây ồn náo náo loạn tâm thức người ra đi. Phải khuyến họ phải nhất tâm niệm Phật, đừng vì luyến ái mà làm khổ hại người thân.

Nếu như người bệnh đã chết thì việc niệm Phật sẽ giúp được gì cho họ? Thật ra, tuy người vừa mới tắt thở, nhưng thần thức vẫn chưa hồn lìa khỏi thân xác, nơi họ sẽ được sanh về chỗ thiện ác chưa được quyết định. Ngay lúc này, giúp họ niệm Phật thì tác dụng sẽ vô cùng to lớn, phải biết rằng khi người lúc gần chết cũng chính là lúc đến ngã rẽ của hai đường thiện, ác. Chúng ta làm người, từ nhiều đời kiếp đến nay đã tạo vô lương vô biên những thiện nghiệp, ác nghiệp, ngay giờ phút này, chúng xuất hiện liên tục trong đầu óc. Nếu người lúc lâm tử (gần chết) niệm sau cùng là ác, liền lúc đó trong tâm xuất hiện cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Một niệm mạng chung này sẽ theo những ác cảnh đi đầu thai vào ác đạo. Nếu một niệm sau cùng nếu là thiện, trong tâm liền xuất hiện cảnh trời, người và theo những cảnh này đầu thai vào thiện đạo. Còn như một niệm sau cùng là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trong tâm nguyện này sẽ xuất hiện thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật và chư Thánh chúng đến tiếp dẫn rồi liền theo cái tâm niệm cuối cùng đó đi theo Phật A Di Đà vãng sanh về Thánh đạo của thế giới cực lạc. Do vậy, lý do mà chúng ta giúp người lâm chung niệm Phật, chính là vì một niệm sau cùng phải niệm Phật. Một niệm sau cùng biết niệm Phật, Phật A Di Đà sẽ ngay từ tâm niệm Phật của người chết xuất hiện, tiếp dẫn, người chết do tâm niệm của mình theo Phật vãng sanh. Sau khi sanh về Tây Phương sẽ vĩnh viễn đoạn dứt việc sanh tử của thế giới Ta bà, vĩnh viễn hưởng niềm vui sướng vô lượng.

Thân nhân người bệnh và người hộ niệm luôn ghi nhớ rằng: Đối với những người có công phu niệm Phật rất tốt hoặc tội nghiệp nặng thì sau khi tắt thở chỉ trong khoảnh khắc là ra đi liền. Nhưng đối với người bình thường, sau khi tắt thở, linh hồn vẫn chưa đi và nghiệp lực của tâm thức vẫn còn ở trong thân xác chưa ra khỏi được. Vì tâm thức đau đớn như rùa bị lột cái mai vậy, nên thân nhân và ban hộ niệm phải niệm Phật liên tục 24 giờ mới mong đạt kết quả của việc trợ niệm. Khổng tử nói, sau ba ngày mới được đại liệm (chôn cất), vì sau ba ngày linh hồn mới đi khỏi thân xác. Người xưa rất chú trọng điều này.

Người hộ niệm phải dặn kỹ người nhà bệnh nhân rằng: Trong vòng 12 giờ không được động chạm đến thể xác (dù bất cứ ai) cũng không được thay áo quần hay rờ vào thể xác. Nếu thấy thân xác bị cứng chỉ cần dùng nước nóng đắp lên là được.

Trợ niệm đến đây có thể tạm dừng, niệm bài văn Kệ Hồi Hương: “Nguyện đem công đức này. Hồi hướng ... (họ và tên người vãng sanh). Trên đền bốn ơn nặng. Dưới cứu khổ tam đồ. Nếu có kẻ thấy nghe. Đều phát lòng Bồ-Đề. Hết một báo thân này. Đồng sanh cõi Cực Lạc. Mười phương ba đời tất cả Phật. Tất cả Bồ-Tát ma-ha-tát. Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vị trưởng ban nếu có mền “Chú đà la ni” (mền quang vinh) thì tặng cho họ một tấm, và cho họ một gói “quang minh chú sa”. Sau đó có thể ra về, không phải bận tâm nữa.

Nếu thần thức của bệnh nhân còn tỉnh táo, người trợ niệm nên khuyên họ buông xả vạn duyên để niệm theo tiếng Phật hiệu, hoặc luyện trong tâm, hoặc lắng tai nghe theo. Khi người bệnh có điều gì lưu luyến, người hộ niệm nên giảng giải cho họ hiểu rằng, nếu thọ mạng chưa dứt, bệnh sẽ chóng lành; nếu thọ mạng không còn thì sẽ vãng sanh Cực Lạc. Giải thích cần vấn tắt như vậy để giúp cho họ giữ chánh niệm.

Về phía thân quyến người bệnh, họ cần cử ra một người nhà cùng giúp trong việc trợ niệm. Phạm những gì có liên quan đến bệnh nhân đều có thể nhờ người này liên lạc dễ dàng. Hoặc giả không cần người nhà của bệnh nhân, ban hộ niệm tự bắt đầu trợ niệm. (Luôn nhớ, không được ở trước mặt bệnh nhân hỏi những chuyện gì khác ngoài việc niệm Phật). Nếu người nhà của bệnh nhân là người hiểu đạo, muốn tham gia việc trợ niệm thì nên chí tâm niệm Phật. Một khi đã trợ niệm thì không nên làm các việc như thay đồ, tắm rửa, đi lại ...

Người bệnh nếu muốn tắm rửa, việc thay quần áo phải xong trước khi trợ niệm. Việc này phải do người trong nhà phụ trách. Tuy nhiên phải xem tình trạng của bệnh nhân mà tắm và thay áo nhanh hay chậm. Nếu bệnh nhân không muốn, không nên cưỡng ép mà tăng thêm sự đau đớn của họ.

Không được đến chỗ bệnh nhân nói nhảm, hay an ủi theo kiểu thế tục, hoặc hỏi lời di chúc hay than thở khóc lóc, khơi dậy những tình cảm yêu thương làm chướng ngại cho đường vãng sanh.

Trong lúc vắng sanh, bệnh nhân có thể: ngồi, nằm, nằm nghiêng, hoặc nằm thẳng đều phải tùy theo họ, không được cưỡng ép.

Sau khi lâm chung, trong vòng 8 giờ đồng hồ không được di động, tắm rửa, thay áo quần. Nếu xương cốt bị cứng thì dùng khăn tẩm nước nóng đắp lên, không bao lâu sẽ mềm lại.

Sau khi lâm chung từ 8 đến 12 giờ không được sờ vào xác để thăm dò hơi ấm, càng không được than khóc.

Sau khi người bệnh lâm chung trong vòng 8 tiếng đồng hồ không được ngừng tiếng niệm Phật. Qua thời gian này xem như việc trợ niệm đã hoàn thành nhiệm vụ. Sau khi ban trợ niệm làm tròn nhiệm vụ, người nhà muốn tắm rửa, thay áo quần, di động hay khóc than thì tùy ý.

Thân quyến của người bệnh nếu không y theo điểm quy định thứ 2 và thứ 3, ban trợ niệm tức khắc đình chỉ việc trợ niệm.

Phòng của bệnh nhân phải quét dọn sạch sẽ. Những đồ vật không cần thiết, nên dọn cho trống thong. Thứ nhất: Tránh động đậy tạo ra tiếng ồn ảnh hưởng đến bệnh nhân.

Thứ hai: Tránh sự bất tiện cho người hộ niệm khi ra vào. Trước giường bệnh nhân nên treo hình Phật A Di Đà, nơi bệnh nhân có thể nhìn thấy và cúng dường hương hoa. Trong lúc bệnh nhân còn tỉnh, nếu có đại tiểu tiện, nên gọi người nhà thay rửa sạch sẽ. Trường hợp bệnh nhân sắp đến lúc tắt thở thì không được thay rửa, chỉ nhất mực tiếp tục phát tâm niệm Phật cho dù có mùi hôi. Nên biết trợ niệm là đảm trách nhiệm của Như Lai để cứu độ chúng sanh khỏi sanh tử, há vì mùi hôi ô uế đó mà bỏ đi trách nhiệm của mình chăng? Và lại, mỗi người chúng ta đến lúc lâm chung cái thân thể phân đoạn này ai dám bảo rằng mình không có ô uế? Nếu mọi người nghĩ được như vậy, tâm của chúng ta không nghĩ đến mùi ô uế nữa. Cho đến khi thân thể bệnh nhân hôn tồn lạnh hết mới được thay rửa. Trước hình Phật không được để mùi hôi uế. Nhưng vì chiếu cố đến việc giữ chánh niệm cho bệnh nhân sắp tắt thở nên phải để yên vì sợ làm hỏng việc vắng sanh đại sự, không thay rửa đồ hôi uế của bệnh nhân là việc bất đắc dĩ nên không có tội và lỗi.

Nếu trong lúc trợ niệm thấy bị hôn trầm, giống như đang ngủ, người trợ niệm nên dùng “khánh” để kể bên tai của bệnh nhân gõ một tiếng hoặc nhiều tiếng, đồng thời tiếng niệm Phật cất giọng cao hơn khiến tâm của bệnh nhân không bị hôn mê.

Khi bệnh nhân sắp tắt thở, nếu ban hộ niệm hoặc trong gia quyến đồng người, tốt nhất có thể chia nhóm đến trước hình Phật, quỳ niệm, lạy niệm, và trong lòng mỗi người quán tưởng; Phật A Di Đà đang phóng đại quang minh, tiếp dẫn vong nhân, vong nhân đang ở trong hào quang của Phật chấp tay vắng sanh Tây Phương.

Đang khi trợ niệm, thấy trên mặt bệnh nhân xuất mồ hôi, hoặc hiện vẻ lo âu, đầu, tay, chân cử động không yên, đây là hiện tượng của bệnh khổ, hoặc mắt nhắm lại như ngủ, đây là lúc chánh niệm của bệnh nhân không thể tự chủ được. Người hộ niệm phải đến gần bệnh nhân, lớn tiếng cảnh sách (nhắc nhở) ông... hay bà... Tây Phương đang ở trước mặt ông (bà) cố gắng đề câu A Di Đà Phật lên, chắc chắn sẽ đi về Tây Phương. Nói như vậy hai lần, tới ba không được quá ba lần. Sau đó chỉ cất cao giọng niệm Phật.

Người trợ niệm nên xem bệnh nhân như là thân thuộc của mình, mặc dù đời này không thật sự là thân thuộc, nhưng rất có thể đời trước hoặc nhiều đời trước đã từng là bà con thân quyến với nhau. Nghĩ như vậy, cái tâm giúp người bệnh để trợ niệm sẽ thân thiết hơn nhiều.

Khi trợ niệm được nhiều giờ, thấy tinh thần của bệnh nhân bỗng tỉnh táo hơn trước, có thể nói chuyện hoặc than thở hoặc thân thể cử động, trong tình huống này, người trợ niệm phải lưu ý không được xem họ đã lành bệnh, thường thường sẽ hai giờ đồng hồ sau họ sẽ tắt thở, giống như ngọn đèn dầu lóe lên một tia sáng trước khi vụt tắt.

Đức Phật đã từng dạy: “Phàm người niệm Phật, trong lúc bình thường tu quán tưởng, quán tượng, chưa đạt đến công phu tam muội ... Phàm người tu trì danh niệm Phật, chưa đạt được công phu nhất tâm bất loạn, một khi tới lúc lâm chung, bị bệnh khổ bức bách, tâm tâm không thể yên ổn cùng đủ loại chướng ngại, quán tưởng, quán tượng, trì danh đều không thể khởi được. Nếu có thể nghĩ: Ở trước mặt mình, chân chân thật thật có Phật A Di Đà từ bi đưa tay tiếp dẫn, niệm đều phải nghĩ mình phải vắng sanh Tây Phương. Một niệm

*sau cùng có cái tâm nguyện vãng sanh, liền theo một niệm của tâm nguyện vãng sanh này mà sanh Tây Phương”.*

Vãng sanh được hay không chính nhờ ở một niệm sau cùng này.

#### Pháp Ngữ - Khai Thi Trợ Niệm

Đời người ở thế gian đều không tránh khỏi cái khổ của bệnh dịch và chết. Khi những thứ khổ đó xuất hiện, duy chỉ có buông xả vạn duyên, nhất tâm niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”. Nếu thấy bị quá mệt, gần tắt thở, thì chỉ niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”. nhất tâm cầu Phật từ bi tiếp dẫn quý vị vãng sanh Tây Phương.

Ngôi ý nghĩ này ra, trong tâm không được khởi lên một ý nghĩ nào khác, cũng không được có ý nghĩ cầu mong cho mau hết bệnh, hoặc cầu xin trời. chư thần phò hộ. Phàm có những ý nghĩ như vậy sẽ bị cách xa với tâm của Phật A Di Đà. Do đó mà không được Phật lực từ bi gia hộ.

Quý vị phải biết rằng trời, đất, cha, mẹ... Không thể giúp cho quý vị ra khỏi sanh tử luân hồi. (Vì chư thiên, chư tiên, thần, quỷ... chính họ vẫn còn trong lục đạo sinh tử luân hồi, thì họ lấy khả năng gì để cứu thoát quý vị ra khỏi sinh tử. Duy chỉ có Phật A Di Đà, với 48 đại nguyện và đạo lực, thần thông mới có thể cứu độ quý vị vĩnh viễn thoát ly sinh tử luân hồi đau khổ). Nếu quý vị chịu buông xả mọi thứ, nhất tâm niệm Phật, trường hợp thọ mạng chưa dứt thì sẽ mau chóng lành bệnh, một khi thọ mạng đã hết, liền được vãng sanh Tây Phương.

Tuyệt đối không nên cầu cho hết bệnh, chỉ nên cầu cho được mau chóng vãng sanh. Vì cầu cho hết bệnh trong lúc thọ mạng đã hết thì sẽ làm mất cơ hội vãng sanh. Ngược lại, chỉ lo cầu vãng sanh, nếu thọ mạng còn thì bệnh sẽ tự nó nhanh chóng bình phục.

Những lợi ích khi được vãng sanh Tây Phương thật không thể nói hết được. So với việc quý vị sanh lên cõi trời, làm thiên đế, thì vãng sanh cao gấp vô số, vô lượng, triệu triệu triệu lần. Quý vị nhớ đừng mang tâm nghi ngờ, vọng tưởng sợ chết. Nếu có tâm sợ chết sẽ không được vãng sanh.

Chúng ta sống ở thế gian như những con dòi ở trong bãi phân, như bị giam trong ngục tù, khổ không thể kể xiết. Vãng sanh Tây Phương giống như được thoát khỏi phân nhơ và ngục tù để trở về quê nhà thanh tịnh, sống an vui, tiêu điều tự tại. Như vậy có gì mà sợ chết? Sợ chết thì sẽ vĩnh viễn bị khổ ở trong luân hồi sanh tử, vĩnh viễn sẽ không có ngày thoát khổ.

Giả như quý vị có thể niệm Phật ra tiếng thì niệm nhỏ tiếng, không niệm ra tiếng thì niệm thầm trong tâm, tai nghe người khác niệm trong lòng niệm theo. Mắt nhìn tượng Phật A Di Đà. Khi vừa thấy có ý niệm nào khác khởi lên liền phải tự trách. “Ta muốn nương nhờ Phật lực vãng sanh sao lại suy nghĩ lung tung, lẩn tránh đại sự của mình?”

Nếu quý vị chịu y theo lời của tôi mà niệm Phật, chắc chắn sẽ vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn được hưởng khoái lạc, chẳng bao giờ được nghe hoặc thấy một chút chuyện buồn khổ nào cả, hà huống gì phải bị bệnh tật khổ đau.

Mỗi khi tâm ta khởi phiền não, phải biết rằng đó chính là do ác nghiệp của nhiều đời đang sai khiến chúng ta, đang phá hoại con đường vãng sanh Tây Phương của ta, chúng muốn ta vĩnh viễn phải chịu cái khổ của sanh tử luân hồi. Nay chúng ta đã biết ác nghiệp hại ta, thì nhất thiết không để nó chuyển chúng ta đi theo nó.

Cho nên, ngôi việc niệm Phật ra, không niệm việc gì khác. Được như vậy mới tương ứng với tâm của Phật, nương nhờ Phật tiếp dẫn trực chỉ đến Tây Phương.

Hãy ghi nhớ những lời tôi nói, quý vị sẽ nhanh chóng đạt lợi ích lớn không thể tả được. (*Sư Thị Huệ Quyền khai thị khi lâm bệnh - Dân quốc Đài Loan năm 21*)

#### Khai Thi Trước Khi Bắt Đầu Trợ Niệm

Nam Mô A Di Đà Phật.

Này các đạo hữu: .....

Kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật A Di Đà có phát đại nguyện: “*Tất cả chúng sanh trong mười phương, khi lâm chung niệm danh hiệu Ta mười niệm mà Ta không tiếp dẫn về cõi Cực Lạc an vui, thì Ta chẳng ở ngôi Chánh Giác*”.

Hôm nay chúng tôi đến đây cùng gia quyến giúp đạo hữu niệm Phật để được sanh về cõi Cực Lạc an vui. Điều cốt yếu là đạo hữu nghe rõ chúng tôi niệm “*Nam Mô A Di Đà Phật*” rồi trong tâm cũng khởi niệm “*Nam Mô A Di Đà Phật*” theo, rõ ràng từng chữ, từng câu, tất cả tâm ý đều đặt vào câu “*Nam Mô A Di Đà Phật*”

Trong kinh dạy rằng, cõi này là cõi khổ, cõi Cực Lạc ở Tây Phương của đức Phật A Di Đà là cõi an vui, muốn thoát khổ được vui thì phải hết lòng niệm “*Nam Mô A Di Đà Phật*”. Nay đạo hữu! Hãy nhìn vào ảnh Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà sẽ rước đạo hữu về cõi Tây Phương Cực Lạc. Đạo hữu hãy gắng nhớ lấy!

Giờ đây, đạo hữu hãy chí thành chấp tay niệm Phật theo chúng tôi.

Quy mạng lễ A Di Đà Phật

Ở phương Tây thế giới an lành

Con (tự xưng thân tên của mình) nay xin phát nguyện vĩnh sanh

Cúi xin đức Từ Bi tiếp độ.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật ... Nam Mô A Di Đà Phật ... A Di Đà Phật ...

Kết Quả Tối Thắng Của Người Trơ Niệm:

Có nhân tức có quả, có quả tất có nhân. Nếu chúng ta phát tâm giúp người niệm Phật vãng sanh Tây Phương, sau này, khi chúng ta lâm chung, tự nhiên cũng sẽ có người phát tâm đến giúp chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Người mà chúng ta đã giúp họ niệm Phật vãng sanh Tây Phương, sau này chắc chắn họ sẽ cùng với Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta và dùng thần lực gia hộ cho chúng ta khiến chúng ta không bị mất chánh niệm vãng sanh thế giới Cực Lạc ở Tây Phương. Và lại, khi chúng ta thường xuyên giúp người khác niệm Phật vãng sanh Tây Phương, chúng ta đã biết rõ ràng những quan hệ lợi và hại lúc lâm chung, tất sẽ có thể vận dụng những kinh nghiệm đã qua, khiến mọi sự được như pháp, và không có bất cứ một việc không như pháp nào có thể xảy ra được. Như vậy, nhất định chúng ta sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Chúng ta cần biết, Như Lai sở dĩ ra đời chỉ vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh, khiến mọi người đều thành Phật. Thích Ca Như Lai, 49 năm thuyết pháp cũng chỉ vì việc này; A Di Đà Phật phát 48 lời đại nguyện, trang nghiêm thế giới Cực Lạc cũng chỉ vì việc này. Tất cả những giáo lý của các pháp môn là nương và tự lực để tu hành. Do đó hành giả phải hồn tồn đoạn trừ phiền não mới có thể xuất ly sanh tử, là pháp môn khó hành.

Pháp môn tịnh độ nương nhờ nguyện lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà, không cần phải đoạn hết phiền não cũng được ra khỏi sinh tử vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, một đời viên thành Phật đạo, là một pháp môn dễ hành. Chúng ta hiện nay giúp người khác niệm Phật vãng sanh về Tây Phương là chúng ta đại diện cho Như Lai gánh vác trách nhiệm độ thoát chúng sanh. Người được chúng ta trợ niệm vãng sanh thế giới Cực Lạc từ pháp môn dễ hành lại được nương nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà, rất mau chóng ra khỏi sinh tử luân hồi, viên thành Phật đạo. Đây là một công đức to lớn nhất, cũng là cái nhân thành Phật của chúng ta. Sau này chúng ta sẽ nương nhờ vào công đức to lớn này mà vãng sanh thế giới Cực Lạc, ra khỏi sanh tử, viên thành Phật đạo. Dùng “nhân” thành Phật để cảm được “quả” thành Phật, đây là đạo lý nhất định. *(Tư liệu chương này góp nhặt từ các bài giảng của Giáo sư Lý Bình Nam giảng tại Liên Xã Đài Trung)*

Tuy nhiên, giải thoát hay giác ngộ chưa hẳn hồn tồn tùy thuộc ở nơi pháp môn, mà cái chính là ở đích nhắm đến của tâm người. Nói rõ hơn đó là ở hạt giống gieo trồng. Phương tiện pháp chỉ là thứ yếu, còn chánh nhân mới là chính yếu.

Nếu bình tĩnh mà ngắm lại, cách đây trên 2500 năm, Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra tám muôn bốn ngàn pháp môn để giúp con người cách giải quyết những khổ đau và bế tắc. Và đã có không biết bao nhiêu phương tiện pháp từ các Thiên phái như Lâm Tế, Qui Ngưỡng, Tào

Động... và các tông phái như Tịnh Độ, Mật Tông, Chi Quán, Tri Vọng, Thoại Đầu, Công Aùn ... Và sau này tại Nhật Bản lại có thêm các môn nghệ thuật được đạo hóa như Trà đạo, Thư đạo, Cung - Kiếm - Võ đạo ... Thế nhưng chúng ta vẫn mãi đau khổ lận đận, loay hoay chạy quanh miêng chén trà với những vui buồn sướng khổ rất đời thường. Trong khi đó, trong vô số những người nương theo pháp Phật, phương tiện của các Thiền Sư, cũng đã có không ít người “Liễu sanh thoát tử”

Như vậy không thể nói là pháp của Phật và phương tiện của các Thiền Sư là không hiệu nghiệm, mà phải nói là qua nhiều thời đại, qua nhiều kiếp sống, chúng ta đã chưa một lần gieo đúng “Chánh Nhân” !

Chánh nhân ấy là cái tâm tha thiết giải quyết tận cùng những ràng buộc, chi phối, hệ lụy, bức bách của niệm sanh niệm diệt, mà người xưa gọi nôm na là “*Sanh Tử Sự Đại*” (Sanh tử việc lớn).

Giáo lý nhà Phật cho rằng : “Chúng sanh sáu đường lên xuống qua lại không ngừng nghỉ”. Vậy, nguyên do nào khiến chúng ta lận đận từ đời này sang đời khác. Phải chăng chúng ta chưa từng phát khởi một niệm tha thiết với “việc lớn sanh tử”, để dần thân trọn vẹn vào chỗ không sanh không diệt.

Đến với Trà đạo chúng ta rất cần đến chánh nhân, để tinh thần của Trà đạo ảnh hưởng đến mai sau.

Người thời nay đã có quá nhiều khái niệm về Thiền cũng như về Đạo, một cách ồn ào, được tô vẽ bởi những ngôn từ rất Đạo. Nhưng hầu như ít ai tin rằng Đạo vốn chẳng đâu xa !

Đạo chẳng khó tìm, vì nó luôn hiện hữu trên những nỗi niềm buồn vui sướng khổ của con người, rồi những vui buồn sướng khổ ấy, ắt khó mà thấy Đạo.

Nhưng Đạo không phải dễ thấy, vì Đạo ở ngay “đó”ù, nhưng “đó” không phải là Đạo. Đạo chính là Ta, vì chỉ có Ta mới cảm nhận trọn vẹn những vui buồn sướng khổ của phận người. Chỉ có Ta mới biết vui, biết buồn, ngời Ta ra, không ai có thể thay Ta vui buồn sướng khổ. Nhưng nếu nhận cái Ta đó là Đạo, nhận niềm vui nỗi buồn đó là Đạo, điều này không khác gì “nhận giặc làm con”.

Ở Nhật, các môn Kiếm đạo, Thư đạo, Trà đạo... đều do các vị Thiền sư khai sáng, nên cái Đạo ở các môn nghệ thuật này là Thiền Đạo. Và người Nhật đến với các môn nghệ thuật đó là để khám phá chính mình thông qua phương tiện mà họ có duyên với nó.

Cái nhìn của các bậc Thiền Sư là cái nhìn “không hai”, nhưng cái nhìn của các môn sinh Trà đạo là cái nhìn “có hai” : Đó là có người uống trà và có trà để uống. Cứu cánh của Thiền hay mục đích của Trà đạo là đẩy môn sinh đến cảnh giới “không hai”, để vượt thoát khỏi vòng đối đãi, giữa tâm và cảnh, giữa người uống trà với chén trà trước mặt.

Bắt đầu từ người chưa có một mảy may kiến thức về Trà đạo, đến khi thú vị với môn này, rồi tập làm quen theo các thủ tục lễ nghi, điều chỉnh tâm ý và nhờ vào một loạt những đức tính như : Nhẫn nại, tĩnh lặng, kiên định, buông xả kiên chấp và tỉnh giác cao độ để tiến sâu hơn, nhìn rõ hơn các trạng thái phức tạp của tâm thức đều là sự biến hiện huyền hóa, sanh diệt không cùng.

Đến khi sóng yên gió lặng, tay cầm bình chuyên thông thả châm trà vào chén, dòng nước trà xanh sóng sánh tuôn chảy mà tâm thì bất động, tay nâng chén trà kề môi nhấp từng ngụm mà không mảy may dời đổi tư hào. Vị trà, hương trà tan dần, tan dần, mà bóng dáng tình trần vẫn bật vô âm tín. Trà nhập vào người, Người tan trong trà, Trà người là một. Khi ấy mới hay chén trà của ngài Triệu Châu cứu được muôn người mà không phải dụng đến chút sức công phu.

Đỉnh cao của nghệ thuật chính là sự hòa nhập một cách trọn vẹn giữa tâm và cảnh. Cũng chính do vậy mà Trà đạo tuy lặng lẽ nhưng nó có sức sống hấp dẫn mãnh liệt và đã tồn tại trên mấy thế kỷ qua ./.

Cũng trên bước đường tìm đạo giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi của Thái tử Tất Đạt Đa, Ngài đã thực hiện hai giai đoạn tu tập thiền để đi đến giải thoát, với hai kết quả khác nhau.



Và đáng lưu ý là, chỉ đến giai đoạn thứ hai, tức là giai đoạn kết hợp Thiền định và Thiền quán ngài mới đạt được nguyện vọng cao cả của mình.

Khi nhìn lại quá trình tu tập dẫn đến giác ngộ của Thái tử, chúng ta sẽ thấy : Lần đầu, thái tử Tất Đạt Đa đã nỗ lực tu thiền định theo sự chỉ dẫn của các thầy Bà La Môn, nhưng kết quả công phu thiền định đó chỉ đem lại cho tâm hành giả trạng thái vắng lặng có tính nhất thời. Đó là kết quả của sự tập trung tư tưởng và nỗ lực gạn lọc tạp niệm. Và thường thì, khi đạt đến sự vắng lặng, người tu thiền định nay an trú và chấp trước vào đây, đắm mình trong cảnh giới này. Chính vì vậy đã khiến cho con đường chứng ngộ bản thân bị cản trở.

Lần tu tập thiền định thứ hai, bên bờ sông Ni Liên, dưới cội cây Bồ Đề, trước khi trèo hai chân ngài già tham thiền nhập định, Ngài đã khéo léo nói lên đường lối công phu để người đời sau nói theo, rằng : “Phải quan sát nội tâm” và lần thiền định này, chính là nền tảng để ngài phát triển Minh Sát Tuệ, kết quả là ngài đạt chứng ngộ bản tâm chính mình.

Qua hành trạng của Thái tử Tất Đạt Đa nỗ lực nhập định tham thiền quán chiếu ngũ uẩn, cuối cùng Ngài đã chứng ngộ bản thể Như Lai Chánh đẳng Chánh giác đem kinh nghiệm công phu phương tiện rộng khắp phổ độ chúng sanh. Qua đó, chúng ta thấy rằng công phu thiền định và thiền quán luôn phải song hành. Đó là đường lối tu tập thẳng tốt nhất giúp người tìm cầu chơn tâm an ổn tụ tin kiên định sáng suốt mà không sợ sai lệch hướng đi.

Tất cả những điều trên đây, đó là chúng ta tóm lược về quá trình công phu tu tập thiền dẫn đến chứng ngộ bản tâm của Thái tử Tất Đạt Đa cách đây trên 25 thế kỷ, trước khi Ngài thành Phật.

Điều mà chúng ta cần biết ở đây là Thiền (Phật giáo) khởi sự từ đâu ? Và bắt đầu lưu truyền khi nào ? Có thể nói đây là những điều bổ ích và hết sức thú vị đối với những ai thật sự quan tâm đến Thiền tông.

Kể từ sau khi thành Phật, công việc chính của Ngài là Hoằng dương chánh pháp, phổ độ chúng sanh trong sáu cõi. Trên bước đường Hoằng dương chánh pháp, ngài đã vận dụng tất cả những phương tiện, tùy căn cơ mà nói pháp. Chúng sanh có 84.000 trần lao phiền não, ngài có tám muôn bốn ngàn phương tiện pháp môn đối trị, nhằm giúp chúng sanh tỉnh thức, tự giác tu tập theo sự chỉ dạy của Ngài để tìm lại bản diện mục của chính mình. Tuy nhiên, trong tám muôn bốn ngàn pháp môn đó, chẳng mấy ai chứng ngộ được bản tâm, mà chỉ chứng được những gì do tâm thức tạo tác ra. Đức Phật đã phải nói rằng : “Suốt 49 năm, ta chưa nói một lời” (Kinh Kim Cang). Có thể nói đây là bóng dáng của thiền trong Kinh điển. Còn trong cuộc sống, thiền khởi sự từ đâu.

Tại Hội Linh Sơn bên nước Thiên Trúc (Ấn Độ) khi Đức Phật Thích Ca giơ cánh hoa lên, dưới hội ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười chum chim, Đức Phật liền hướng về Ca Diếp nói : “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, pháp môn nhiệm màu, chẳng lập văn tự, ngài giáo lý riêng truyền ...”. Có thể nói đây là giây phút thiêng liêng nhất của Thiền tông. Khi Đức Phật Thích Ca giơ cành hoa lên, ngài không nói gì. Ma Ha Ca Diếp chum chim cười, Ca Diếp chẳng nhận gì. Quả là sự sinh – sinh sự – thật không tỳ vết. Quả đúng như lời Phật dạy : “ ... Pháp môn nhiệm màu, chẳng lập văn tự, ngài giáo lý riêng truyền ... “. Thiền thì kỳ hỷ luận, chấp trước, kiến giải. Cho nên, nói đến thiền trước hết cần phải hiểu đó là lối đi riêng, cao tột và thẳng tắt nhất của Phật giáo ... Cũng từ đó về sau người học Phật thường dùng vắn tắt tám chữ “Bất lập văn tự – Giáo ngoại biệt truyền” để chỉ về Thiền. Tinh thần “Bất lập văn tự” cũng chính là tinh thần “Trực chỉ” của chư vị tổ sư thiền tông sau này để khai thị cho kẻ hậu học thẳng tắt nhận ra chơn tâm bản tánh.

Từ câu chuyện “Niêm hoa vi tiếu”, chúng ta có thể nói, khởi sự của thiền tông bắt đầu khi Đức Phật đưa cành hoa lên và Ca Diếp mỉm cười. Cả thầy lẫn trò chẳng ai nói với nhau mà tâm tâm khế hợp Thiền tông ra đời từ đấy.

Đối với bậc Thượng thượng trí thì không cần dùng lời, nhưng với bậc Đa Trí như Ngài A Nan, thì phải có lời. Kể từ sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Ma Ha Ca Diếp đảm đương ngôi vị Tổ sư thiền tông, đã phải gọi A Nan đến lần thứ hai, rồi mới mở miệng : “ Cây phước trước sân ngã”. Ôi chao, lung linh kỳ đặc làm sao ! Kể từ đây mạng mạch Thiền tông tuôn tràn, người người chứng ngộ bản tâm, Phật pháp tăng hưng, thiền môn hưng thịnh. Sau

đó, 33 vị tổ sư, đến đời Lục tổ Huệ năng y bát ngưng trao truyền, nhưng tông tâm chẳng đoạn dứt. Thiên Nam tông bắt đầu từ Lục tổ Huệ Năng, tổ thứ 6 của thiên tông Trung hoa truyền thừa nối tiếp đến các Đại Thiên Sư sau này như Hồi Nhượng, Mã Tô, Nam Tuyên, Bá Trọng, Quy Sơn, Hồng Hồng Bá, Lâm Tế, Đức Sơn, Vân Môn, Tào Động ... mỗi vị, mỗi phương chấn hưng Phật pháp mạng mạch tổ sư chưa hề ngưng trệ.

**Chuyện ông Mã thợ rèn chỉ niệm Phật một thời gian là được vãng sanh có thể gọi cho chúng ta vài suy nghĩ: Vì sao nhiều người niệm Phật đã lâu mà vẫn còn phiền não? Ở đây chúng ta nhận thấy, mỗi ngày chúng ta đều niệm Phật, tất nhiên nghiệp chướng phiền não cũng giảm dần, tuy nhiên chúng ta cũng không nên sanh tâm nôn nóng vì những hạn chế của bản thân. Ông bà chúng ta thường nói: “Cháo nóng húp quanh, nợ trả dần” có ý khuyên lơn chúng ta đừng nóng vội trước những món nợ quá lớn mà chúng ta không có khả năng trả trong một lúc. Nghiệp lực của chúng ta được ví như một bát cháo nóng, mà cháo nóng thì không thể ăn nhanh một lúc, mà phải ăn bằng cách húp quanh, ăn theo cách đó thì bát cháo dù nóng thế nào cũng phải hết.**

Chúng ta vốn không thể biết nghiệp lực mình sâu dày cỡ nào, nhiều ít ra sao, cũng không biết được phải tu chừng nào mới giải hết nghiệp của mình. Và lại đời sống ở thế gian bấp bênh, nay sống mai chết, nay khỏe mai yếu, tai nạn bất thường. Do vậy, cách tốt nhất là chúng ta hãy cố tranh thủ thời gian lúc còn minh mẫn và khoẻ mạnh gia tâm tinh tấn niệm Phật để mai hậu có một chút vốn liếng làm tư lương trên đường về cố quận.

Trong đời sống người ta thường nói: “Việc hôm nay chớ để ngày mai”. Đây là một câu nói giống như tầm thường, ai cũng nói được, thế nhưng đối với những người đã có ý thức sâu sắc về lý vô thường thì đây quả là một kinh nghiệm xương máu, vô cùng quý giá. Quả thật như vậy, hằng ngày chúng ta thường có ý nghĩ sai lầm rằng, mình còn trẻ, còn khỏe, tay chân còn tráng kiện, nói năng còn lưu lốt, đầu óc còn sáng suốt, đời sống còn lâu dài ... thì việc tu hành có gì đâu mà vội, hãy để gác lại khi nào rảnh rỗi sẽ tính sau, từ từ niệm Phật rồi cũng về Tây Phương có gì đâu mà vội.

### **CHƯƠNG 3:**

## **NHẤT TÂM NIỆM PHẬT – QUYẾT ĐỊNH VẮNG SANH ĐỐI NGHIỆP VẮNH SANH**

### **HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG**

Người Có Công Phục Hưng Tông Tịnh Độ Thời Hiện Đại

Sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt vào hơn 2500 năm trước, một hình thức đạo Phật khác đã phát triển rất mạnh ở Châu Á, một vùng không gian rộng lớn bao gồm các quốc gia Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam, đó là Phật giáo Đại Thừa, hay còn gọi là Phật giáo Bắc Truyền, một truyền thống đã ảnh hưởng rất sâu rộng đối với Phật giáo Việt Nam. Phật Giáo Đại thừa có ba tông phái chính là Thiên, Tịnh và Mật. Thiên phát triển và ảnh hưởng rộng ở Trung Hoa và Nhật bản, Mật Tông đặc biệt phát triển ở Tây Tạng, còn pháp môn Tịnh Độ thì hầu như phát triển khắp quốc gia Trung Hoa, Đài Loan, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Trong nhiều thập niên qua pháp môn này lại được truyền bá và thực hành rộng khắp ở Tây Phương, một trong những người có công truyền bá là H.T. Tịnh Không, một danh tăng Phật giáo Đài Loan, một người đã gây niềm cảm hứng và thích thú cho hàng vạn người đã gây niềm cảm hứng và thích thú cho hàng vạn người tu theo pháp môn niệm Phật.

Tịnh Không Thượng Nhân Lão Pháp Sư Lược

Truyện Liên Hương Kính Ghi

Thượng Nhân thượng Tịnh hạ Không, tục danh là Từ Nghiệp Hồng, sin năm 1972 tại huyện Lư Giang, tỉnh An Huy, nhưng lúc nhỏ sống tại huyện Kiến Ngõa tỉnh Phước Kiến. Năm 1949, Sư đến Đài Loan, dạy học tại Thực Tiễn Học Xã. Ngồi việc giảng dạy, Sư gia tâm nghiên cứu, cổ vấn.

Để mở rộng tầm kiến văn, trong suốt 13 năm Sư đã theo học với các bậc danh sĩ thạc học thời đó là các vị Phương Đông Mỹ, lão cử sĩ Lý Bình Nam v.v...Ngồi ra, Sư còn theo học Mật giáo Tây Tạng với Chương Gia Đại Sư (1). Tuy thế, vị thầy sư kính phục nhất và học hỏi được nhiều nhất vẫn là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Sư nể phục cụ Lý sâu xa đến nỗi hầu như bất cứ khi nào giảng pháp, dù bất cứ đề tài nào, Sư đều nhắc đến Lý lão cư sĩ với lòng biết ơn vô hạn. Dưới sự giảng dạy, dìu dắt của những vị trên, Sư thấu hiểu sâu xa, thâm nhập kinh điển Phật học.

Năm 1959, vào năm 32 tuổi, Sư thế phát xuất gia tại chùa Lâm Tế thuộc Viên Sơn, thành phố Đài Bắc, pháp danh là Tịnh Giác, pháp tự là Tịnh Không. Sau khi thọ cụ Túc Giới, Sư tích cực hoằng dương Phật pháp cả ở trong nước lẫn hải ngoại. Đề tài giảng thuật của Sư rất phong phú: Trong suốt 30 năm, chưa hề gián đoạn lúc nào, Sư liên tục giảng rộng đến mấy mươi loại kinh, luận Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kin Cang, Lăng nghiêm, Viên Giác, Lục Tổ Đàn Kinh; nhưng kinh Sư tâm đắc nhất là Tịnh Độ Ngũ Kinh (A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, chương Đại Thế Chí Niệm Phật của kinh Lăng Nghiêm và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện).

Sư học rộng, hiểu nhiều, thâm nhập kinh Tạng, hiểu rõ Thiền lẫn Mật, nhưng lại chuyên chú nơi Tịnh Nghiệp. Sư chủ trương đại chúng học kinh điển để lãnh hội sâu rộng Phật pháp, nhưng hạnh phải chuyên nhất. Vì thế, đạo tràng Tịnh Độ các nơi của Sư sớm tối chỉ tụng kinh Di Đà hoặc kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi tháng đều cử hành Phật thất nghiêm ngặt. Các đạo tràng không làm khác ngòi việc chuyên trì hồng danh, hoằng dương Tịnh Độ. Các pháp hội mang tính chất cầu an, giải hạn, hay thiền thất tuyệt nhiên chẳng cử hành. Sư tuân thủ triệt để đường lối chuyên tu của Tổ Ấn Quang: nhất tâm trì danh, vạn thiện đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ.

Sư chủ trương Phật giáo lẽ ra phải gọi đúng là Phật Đà giáo dục, nghĩa là: những pháp môn Phật dạy ra là những phương cách thực tiễn nhằm triệt để bài trừ mê tín, khai phát chân trí giúp người học hiểu rõ chân, vọng, tà, chánh, thị phi, thiện ác lợi hại, ngộ hậu kiến lập lý trí, vun bồi một nhân sinh quan, vũ trụ quan từ bi tế thế đầy lạc quan, tích cực thì mới có thể thực hiện được bản hoài “*giải quyết mọi sự khổ nạn của hết thầy chúng sinh, đạt được hạnh phúc chân thực vĩnh hằng*” của chư Phật.

Thượng Nhân cũng là người đầu tiên áp dụng các phương tiện tân tiến để hoằng pháp tại Đài Loan. Tổ chức Phật Đà Giáo dục Cơ Kim Hội do Sư lãnh đạo phát hành nhiều loại băng giảng ghi âm, ghi hình, đĩa CD đủ mọi thể loại để biểu không cho những ai cần đến. Ngồi việc ấn tống, tặng thí những tác phẩm chuyên dạy về Tịnh Độ của chư Tổ và các bậc danh đức xuất gia lẫn tục gia, Sư còn hỗ trợ việc ấn tống những sách khuyên làm lành lánh dữ được Tổ Ấn Quang đặc biệt đề cao như Thái Thượng Cảm Ứng, Thọ Khang Bảo Giám, An Sĩ Tồn Thư

v.v...Không những chỉ ấn tống những kinh điển dành cho người Hoa, tổ chức Tịnh Tông Học Hội của Đại Sư luôn tùy hỷ góp phần ấn tống dịch phẩm giá trị của các giáo hội Phật Giáo nước Thượng Nhân Tịnh Không tuyệt nhiên không hề có một hình thức mê tín, bói toán, cầu cạnh nào. Dù là tết Nguyên Đán hay là Vu Lan, rằm tháng Giêng, rằm tháng Mười, tứ chúng vẫn vân tập niệm Phật cộng tu như thường lệ, không bao giờ có cảnh lao xao tranh nhau đốt hương mù mịt, bỏ tiền thấp tục mạng đấng, chắt ngạp bàn thờ với hoa quả, phẩm vật như thường thấy tại các chùa người Hoa khác.

Để đào tạo tầng lớp giảng sư có đủ trình độ hoằng dương Phật pháp, Sư đã thành lập những ban bồi dưỡng công tác giảng huấn tại các trung tâm lớn như trung tâm Tịnh Tông tại Los Angeles, Singapore.. Dù tuổi tác đã cao, đã ngời 76 tuổi, Sư vẫn tích cực hoằng pháp, rất minh mẫn. Ngưỡng mong Thượng Nhân thượng Tịnh hạ Không rủ lòng lân mẫn trụ thế để hàng hành nhân sơ cơ có chúng con luôn có chỗ quy hướng, nương tựa.

- (1) Chương Gia Đại Sư: Gọi đủ là Chương Gia Hộ Đồ Khắc Đồ (Canskya Hutukhtu), có nghĩa là bậc thánh ở vùng Chương Gia. Sư còn được gọi là Chương Gia Cách Căn (ICanskya Gegen), người Hán thường gọi là Chương Gia Hoạt Phật. Đây là một vị đại lạt-ma ở vùng Nội Mông, là lãnh tụ Hồng Giáo (phái Gelugpa) ở vùng Nội Mông. Tính đến nay, Chương Gia Hộ Đồ Khắc Đồ truyền được 19 đời. Người Mông Cổ tin Chương Gia đại sư là hổ thân của bồ tát Văn Thù. Pháp sư Tịnh Không học pháp với ngài Chương Gia đời 19 đời là Yesher Dorje (Tàu phiên âm là Lịch Nghinh Diệp Tích Đạo Nhĩ Tế), còn gọi là Sans-rGyas-sKyabs (Tang Kết Trát Bố), dịch nghĩa là Thiên Huệ Cát Tường. Vị này chuyển sanh ở vùng Tangut năm 1891. Đại Sư từng làm ủy viên Hội Ủy Viên Mông Tạng, Mông Kỳ Tuyên Hóa Sư, hội trưởng Hội Phật Giáo Trung Quốc thời Dân Quốc, cố vấn phủ Tổng Thống. Sau Sư qua Đài Loan. Sư từng tham gia hội nghị Phật Giáo Thế Giới ở Nhật và thỉnh được đản hcốt của Ngài Huyền Trang từ Nhật về, xây tháp thờ ở Nhật Nguyệt Đàm, thành phố Nam Đầu, Đài Loan. Năm 1957, sư thị tịch ở Đài Loan, thọ 68 tuổi. Không rõ ai là người chuyển sanh kế tiếp.

## HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG THUYẾT GIẢNG CHO PHẬT TỬ DỰ PHẬT THẤT TRONG NIỆM PHẬT ĐƯỜNG

### PHÁT BỒ ĐỀ TÂM RỘNG (HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG)MỞ TÂM LƯỢNG

Trong việc tu học Phật pháp, muốn tự nâng cao cảnh giới của chính mình, có rất nhiều phương pháp. Mở rộng tâm lượng là một trong các phương pháp, trong đại thừa kinh điển, chúng ta thấy các vị pháp thân đại sĩ, tức là những người đã minh tâm kiến tánh, tâm lượng của các ngài rộng lớn như hư không bao khắp pháp giới, chính vì thế cái nhìn của các Ngài đối với chúng sanh trong hư không và các pháp giới đều bình đẳng.

Thế nào là bình đẳng? *Vô niệm là bình đẳng* còn có niệm là không bình đẳng. Phật trụ vô niệm, trong kinh Kim Cang có câu “*Ung vô sở trụ, sở trụ vô trụ*” vô trụ tức là Phật trụ mà vô trụ là vô niệm.

Chúng sanh trong chín pháp giới còn chỗ để trụ. Ví như Bồ Tát trụ ở cảnh giới lục độ. Duyên giác trụ ở nhân duyên, Thanh văn trụ ở Tứ đế, Ngạ quỷ ở cảnh giới tham, địa ngục trụ nơi sân, súc sanh trụ ở cảnh si mê. Tâm của tất cả các chúng sanh này đều có chỗ để trụ để dính mắc. *Nói cách khác, tâm của chúng ta như thế thì cảnh giới của chúng ta như thế đó.* Phạm phu chúng ta muốn trụ nơi cảnh giới vô trụ của Phật là điều không thể đạt được. Tuy nhiên Phật có truyền dạy cho chúng ta một phương pháp vô cùng thù thắng và tiện lợi để có thể dưng vào cảnh giới vô trụ của các Ngài, đó là pháp môn niệm Phật. Bồ Tát trụ ở lục độ, quý vị đã được nâng cao hơn đẳng cấp của Bồ tát. Thế nhưng tiếng niệm Phật của quý vị phải tương ứng. Thế nào gọi là tương ứng? Mỗi một tiếng niệm Phật, quý vị phải trải lòng từ bi của mình đến với tất cả chúng sanh trong hư không và lan rộng đến khắp pháp giới. Mỗi tiếng niệm Phật đều vì lợi ích cho chúng sanh, đều mang lòng đến ban vui cứu khổ đến mọi lời. Có người hỏi: Tiếng niệm Phật của chúng ta, thực tế có lan rộng đến hư không các pháp giới không? Khẳng định là được.

Trong kinh Phật thường nói “*tướng không rời tâm, tâm không rời tướng*” chân tâm của chúng ta nguyên gốc của nó rộng khắp hư không, trùm khắp pháp giới. Sở dĩ tiếng niệm Phật của chúng ta không hòa nhập vào với hư không, vì chúng ta còn nhiều vọng tưởng, phân biệt và chấp trước làm chướng ngại bản năng tự nhiên của mình. Nếu âm ba của tiếng niệm hòa nhập với âm ba của tâm (chơn tâm) lan rộng vào hư không, tiến sâu vào khắp pháp giới, cho dù chư Phật thuyết pháp ở xa xôi bất luận nơi nào, một khi tâm đã lắng đọng không còn chướng ngại, chúng ta vẫn có thể nghe được âm thanh lời pháp của các Ngài rất rõ ràng. Vì tâm từ bi của các Ngài luôn trải rộng đến cõi ta bà này của chúng ta cũng như chúng sanh ở các pháp giới khác. Đây là sự thật, không hề hư dối. Vậy thì âm ba của Phật có thể rộng khắp, âm ba của phạm phu chúng ta cũng có thể rộng khắp. Cho nên mở rộng tâm lượng trong pháp môn niệm Phật là một phương pháp rất vi diệu, rất đặc biệt, thù thắng có thể khiến phạm phu trong một kiếp được bình đẳng thành Phật.

Người thực sự biết niệm Phật, sự lợi ích, niềm an lạc mà họ đạt được, phạm phu chúng ta không thể nào hiểu thấu, họ cũng không thể giải thích chúng ta không hiểu (*giống như ai uống nước lạnh, tự người đó biết nóng hay lạnh, mùi vị ngọt đắng ra sao*).

Nguyên tắc thuyết pháp của chư Phật cũng thế, những điều chúng sanh có thể hiểu được các Ngài mới nói, nếu không hiểu tuyệt đối không nói. Tóm lại công phu niệm Phật có đặc lực hay không, chúng ta có thể thấy, biết qua cảnh giới của tâm lượng và sắc tướng của người đó. Một khi công phu niệm Phật đặc lực rồi, chắc chắn trên gương mặt của quý vị luôn tỏa ra niềm vui an lạc, tự tại, trong đạo Phật gọi là pháp hỉ sung mãn.

## PHÁP MÔN NHỊ LỰC

Quý vị được kinh sách, thường nghe nói đến những người tu hành chứng quả A la hán là hàng thánh đã đạt đến mức chánh định, thân tâm an ổn không còn thối chuyển. Tất cả những người do công phu thiền định mà tâm không ô nhiễm chuyện buồn lo, thân xa lìa cảnh vui khổ của thế gian, đều được chứng nhập vào cảnh giới Tam ma địa tức là cảnh giới không còn sanh diệt.

Phàm phu chúng ta nếu còn một phẩm vô minh chưa dứt đoạn, muốn chứng vào cảnh giới cao cấp này chỉ còn cách nương theo pháp môn niệm tiện lợi nhất, đó là niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, chỉ cần sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, quý vị sẽ chứng được cảnh Tam ma địa, tức là cảnh bất sanh bất diệt này.

Sự chứng đắc này thật ra không phải hồn tồn do ở công phu của chính mình mà do một phần tha lực của Đức Phật A Di Đà hỗ trợ, cho nên pháp môn Tịnh độ còn gọi là “pháp môn nhị lực”. Nói một cách rõ hơn, tự lực là năng lực của chính mình, y theo lời dạy của Phật mà niệm Phật để có thể hàng phục những tập khí. Một khi công phu niệm Phật thành khối, nhờ sức gia trì của Phật A Di Đà sanh về thế giới Cực Lạc, vào được cảnh giới Phương Tây gọi là tha lực. Pháp môn Nhị Lực này là một pháp môn duy nhất được chư Phật đề cập trong Tịnh Độ Tông.

Ngồi sự chứng nhập vào cảnh Tam ma địa còn đạt nhất thiết Đà la ni. Đà la ni là tiếng Phạn, người trung Hoa dịch là tổng trì Đà la ni là “tồn bộ nguyên tắc dạy chúng ta làm tất cả điều thiện, xa lìa tất cả việc ác”.

Hôm nay quý vị tựu về nơi này niệm Phật cũng có thể gọi là Tổng Đà La ni, bởi vì suốt một ngày một đêm chỉ duy nhất giữ câu A Di Đà Phật, tất cả những vọng niệm suy nghĩ khác không còn nữa. Vọng niệm không còn thì những việc ác không thể xảy ra. Như vậy là xa lìa tất cả ác. Một câu vạn đức hồng danh, thiện pháp cao tột của thế gian, chúng ta chấp trì từng câu liên tiếp không ngừng để tăng trưởng thiện căn đó là tất cả điều thiện. Ý nghĩa câu đạt nhất thiết Đà la ni là như vậy.

Khi bước chân vào niệm Phật đường, quý vị đã đạt được nhất thiết Đà la ni nhưng vừa rời khỏi liền quên mất công phu niệm Phật!

Tuy nhiên, nếu trong một tuần bảy ngày, quý vị có được một ngày chuyên nhất niệm Phật, đạt được tâm !

Tuy nhiên, nếu trong một tuần bảy ngày, quý vị có được một ngày chuyên nhất niệm Phật, đạt được tâm không sanh không diệt và nhất thiết Đà la ni như vậy quý vị cũng đã giới lắm rồi.

Mỗi tuần một ngày đến niệm Phật niệm liên tiếp ba năm, công phu của quý vị thật đáng nể phục lắm. Nếu có thì giờ rảnh rỗi, mỗi người đều đến niệm Phật trong vòng ba năm thôi, quý vị sẽ thành Phật ngay. Bao nhiêu nghiệp tội trong vô lượng kiếp đều dứt sạch.

Trong quyển “Vãng sanh truyền” những người niệm Phật được vãng sanh ngay ở kiếp hiện tại này của chúng ta thật nhiều vô số kể. Người niệm Phật vãng sanh có nhiều hình thức, có người đứng, có người ngồi tự mình biết trước giờ ra đi, không một chút bệnh hoạn, ra đi một cách vui vẻ, tự tại đẹp đẽ, trang nghiêm. Kết quả vãng sanh này đều do công phu niệm Phật chuyên cần.

## NIỆM PHẬT GIẢI TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG

Pháp môn Tịnh Độ, một pháp môn hiện bày bốn chữ “tiện lợi dễ dàng” một cách rõ rệt. Nếu quý vị không hiểu được những lý luận trong kinh cũng không thành vấn đề, cũng như có thể thành tựu.

Nếu bảo không cần hiểu nghĩa lý trong kinh chỉ một lòng thành tâm niệm phật mà có thể thành tựu, vậy thì tôi vẫn phải giảng kinh thuyết pháp nữa để làm gì? Sở tôi vẫn phải giảng kinh thuyết pháp không ngừng, đem lại những lời hay ý đẹp của đức Thế Tôn ra nói là mong quý vị hiểu, mong quý vị giác ngộ. Bởi quý vị đây không phải phước báu suốt ngày vọng tưởng, suy nghĩ lung tung. Vậy thì ai là người có đủ phước báu? Là những người thật thà, chất phác, suốt ngày chỉ ôm giữ một câu A Di Đà Phật, việc gì cũng không nghĩ tưởng. Do đó, công phu niệm phật của quý vị khi đã đến mức không còn mấy may vọng niệm, chỉ còn một câu A Di Đà Phật, thì lúc đó Tam Tạng mười hai bộ kinh điển, mà Thế Tôn suốt 49 năm thuyết pháp đều là dư thừa. Quý vị cũng không cần đến nghe tôi giảng giải nữa.

Cho nên Phật độ chúng sanh, có hai hạng người dễ độ nhất.

- *Một là những người thượng căn lợi trí, vừa qua nghe liền thông đạt, liễu ngộ, dứt sạch vọng niệm.*
- *Hai là những người thật thà ngu dốt, họ không cần tìm hiểu nhiều, họ bảo niệm Phật là họ cứ ngoan ngoãn, thật tình chấp trì, không nghĩ tưởng điều gì ngoài niệm Phật.*

Thứ ba là những người lưng chừng thích “*khiên vác*” ôm đồm, tìm hiểu suy nghĩ lung tung. Quý vị biết không, chúng ta thuộc loại người thứ ba này đó, loại người nhiều rắc rối. Cho nên Đức Thế Tôn suốt 49 năm khó nhọc, mỗi ngày không ngừng nói pháp cũng vì những người nhiều rắc rối như chúng ta. Ngài phải đem pháp ly ác giảng nói tỉ mỉ ra cho chúng ta.

Mong rằng sau khi quý vị đã hiểu rõ rồi thì phải biết buông xả, không có vọng niệm là người có đại phước báu, tuyệt đối không phải có nhiều tiền tài, có địa vị cao, người có địa vị, tiền tài tuy được hưởng thụ đời sống vật chất, hưởng độ vài ba năm, sau khi chết rồi sẽ ra sao? Tam đồ, lục đạo phải chịu luân hồi, như thế có phải là phước đâu? Nếu tâm không chút vọng tưởng, suốt ngày chỉ câu A Di Đà Phật, người này chỉ vài năm sau là đã thành Phật được rồi. Hiểu được như thế, quý vị mới biết công đức niệm Phật thật vô cùng thù thắng, không gì sánh bằng. Đức Thế Tôn sở dĩ phải bày ra phương tiện nói ba thừa, chỉ vì muốn dẫn độ chúng sanh mà thôi. Mục đích duy nhất của Ngài là mong chúng ta một đời có thể thành Phật.

Có người hỏi nghi rằng: “Tôi rất ngu si, chậm hiểu, nghiệp chướng lại sâu dày, có thể thành Phật được không?”. Trong kinh Phật thường nói: “Chỉ cần một câu danh hiệu Phật, có thể tiêu trừ 80 ức kiếp sanh tử tội nặng”. Quý vị thử nghĩ xem, suốt ngày một đêm ở niệm Phật đường, quý vị đã niệm được rất nhiều tiếng. Vậy thì tính xem, tội chướng của quý vị đã tiêu trừ bao nhiêu rồi. Điều này chắc thật không sai, vì lời Phật nói không hề hư dối, chắc chắn có hiệu quả tốt, không thể nghĩ bàn.

Thế nhưng, vì sao nhiều người niệm Phật suốt ngày đêm mà nghiệp chướng vẫn còn đây? Bởi vì nghiệp của người này quá nhiều. Do vậy công đức niệm phật

của một ngày đêm dù là giúp họ tiêu trừ đi rất nhiều mà vẫn chưa dứt sạch. Cho nên cần phải mỗi ngày đến niệm Phật, mỗi ngày giảm bớt thêm nghiệp chướng. Phật dạy chúng ta rằng: Năng lực quan trọng nhất để giải trừ nghiệp chướng trong lúc niệm Phật là không hồi nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Với ba yếu tố này năng lực của không xen tạp mạnh nhất, nếu quý vị giữ được liên tục không gián đoạn trong ba năm, cho dù nghiệp chướng sâu dày bao nhiêu của vô lượng kiếp đều có thể giải trừ hết. Làm sao để biết được không còn nghiệp chướng? Hãy nhìn lúc quý vị vắng sanh, có thể ra đi bằng cách ngồi hoặc đứng rất tự tại. Sau khi sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, không phải trụ ở cảnh giới phàm thánh đồng cư, cũng không phải trụ ở Tứ Độ Vãng sanh mà dự vào hàng thượng Phẩm vãng sanh.

Câu danh hiệu Phật giải trừ nghiệp chướng thật là bất khả tư nghi. Cho nên Ngài Từ Vân Quán Đảnh pháp Sư trong lời chú giải của bộ kinh Vô Lượng Thọ nói: “Chúng sanh nào từ lượng kiếp tạo tội, tạo nghiệp, cực ác, cực sâu dày. Bao nhiêu kinh luận, tất cả các sám pháp đều không thể sám trừ được”.

Cuối cùng vẫn một phương pháp có thể cứu vãn, đó là phương pháp niệm Phật. Cho thấy công đức niệm Phật thật là to lớn, thù thắng vô cùng.



## Pháp Môn Tịnh Độ

Trong kinh điển chỉ dạy rất nhiều phương pháp để chúng ta đi vào, vào những phương pháp như thế, không phải phương pháp nào cũng thích hợp với chúng ta cả.

Muốn tu học, phải biết tự nhận rõ căn tánh của mình, trình độ lý giải của mình. Nói theo danh từ hiện nay là trình độ hiểu biết kèm theo khả năng trí nhớ. Vì hai yếu tố này có quan hệ mật thiết với hôn cảnh sống và việc làm của chúng ta. Cho nên từ trong rất nhiều những phương pháp khác nhau, chúng ta phải chọn lấy một phương pháp phù hợp nhất với điều kiện của mình. Có như vậy, việc tu học mới mong đạt được kết quả dễ dàng. Tuy nhiên chúng ta tự mình rất khó biết phải hạ thủ công phu từ đâu?

Làm thế nào để có thể lựa chọn phương pháp. Phật nói đến tám vạn bốn ngàn pháp môn, làm sao biết được pháp môn nào là thích hợp. Một khi lựa chọn không đúng pháp môn, chẳng những dụng cụ nhiều, kết quả lại ít. Sự tu học khó nhọc ở thế gian này cũng chẳng được một phần công đức nào. Điều này rất thật, chính bởi tình trạng như vậy, cho nên Đức Phật Thế Tôn mới vì chúng sanh thời mạt pháp này chỉ bày ra một con đường. Đó là pháp môn Tịnh Độ, cũng là pháp môn của chư Phật giúp chúng lựa chọn phương pháp trì danh niệm Phật.

Trong kinh Di Đà dạy chúng ta trì danh niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ cũng dạy chúng ta trì danh niệm Phật. Trong Quán Kinh Vô Lượng Thọ nói nhiều hơn, ngòi trừ danh niệm Phật ra còn có quán tượng niệm Phật, quán tướng Phật. Như vậy chúng ta thấy rõ trong ba bộ kinh Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Kinh, Phật đều khuyên chúng ta giữ phương pháp chấp trì danh hiệu Phật. Chính vì thế chúng tôi lựa chọn và đề xướng pháp này. Quan phương pháp trì danh niệm Phật, những người được lợi ích rất nhiều, kết quả vãng sanh vô số kể. Nếu theo phương pháp này, chân chính tu hành sẽ rất gần kề với Hoa Nghiêm tam muội lại hội đủ nguyên tắc hiện thực bách thiêm tam muội. Thật là một pháp môn không thể nghĩ bàn, một pháp môn đơn giản, dễ dàng, chắc chắn, mau chóng. Chỉ cần buông xả vạn duyên, giữ chặt câu danh hiệu Phật niệm tới. Một số người niệm Phật, công phu không được đặc lực vì không buông xả được vạn duyên, tự tạo cho mình một chướng ngại trầm trọng. Chướng ngại này do người khác không thể nào giúp. Chư Phật bồ tát cũng không thể giúp. Nhất quyết phải do chính bản thân mình chịu buông xả, bất luận điều gì cũng không nên chấp giữ trong lòng, chỉ giữ một câu A Di Đà Phật trong tâm, nương theo Phật mà niệm Phật, hiện tiền, tương lai chắc chắn thấy Phật.

## TỰ HÀNH HÓA THA

Chư cổ đức thường nói: “Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm câu A Di Đà Phật là một môn pháp môn vô cùng thù thắng, mau chóng và chắc chắn. Mau chóng ở chỗ nào? Trong Quán Kinh nói: “Thị tâm, thị Phật”, có nghĩa tâm này tức là tâm Phật.

Hai câu vô cùng quan trọng và gồm thâu hết vô lượng vô biên các pháp môn mà tất cả chư Phật đã nói: Thị tâm thị Phật là nói về mặt lý. Nghĩa là tất cả chúng sanh đều có tâm, tâm của chúng sanh vô tình thì gọi là pháp tâm.

Phật tâm và phát tâm là một chẳng phải hai. Thế nhưng, một tâm vì sao lại biến thành hai hình tướng khác nhau? Bởi vì một bên có tự có tướng nên trở thành hữu tình, ngược lại biến thành vô tình chúng sanh. Trong pháp tướng Tông nói rất rõ: “Tất cả chúng sanh bản lai là Phật”. Vậy thì nguyên gốc đã là Phật, hiện giờ lại phát tâm niệm Phật, làm Phật. Có lý nào không thành Phật. Do đó, vấn đề then chốt để làm Phật là phải niệm Phật, vì niệm Phật là phương pháp chính yếu, phương pháp trực tiếp.

Câu hỏi đặt ra là: Vì sao bảo chúng ta phải niệm Phật A Di Đà mà không niệm danh hiệu các vị Phật khác? Quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ thấy rõ ràng.

A Di Đà Phật là quang trung chí tôn, Phật trung chí vương. Một vị tôn Phật vĩ đại với quả đức vô cùng mỹ mãn, cứu cánh và thiết thực mà tất cả mười phương chư Phật đều đồng thanh tán thán.

Thưa quý vị, tất cả các pháp đều do tâm nghĩ tưởng mà sanh. Hôm nay đây, tâm của chúng ta nghĩ đến Phật A Di Đà, niệm Phật A Di Đà, chúng ta sẽ làm Phật A Di Đà. Lý do khuyên bảo quý vị không nghĩ tưởng điều gì ngoài sự nhất tâm chuyện niệm A Di Đà Phật là như vậy. Hơn nữa trong Kinh Đại Tạng đã nói rất rõ ràng đầy đủ là: “Nhất giải nhất thiết giải” nghĩa là khi chúng ta niệm một danh hiệu A Di Đà Phật là niệm đủ mười ba đời tất cả chư Phật. Do đó đừng nên lo ngại hay phân biệt, chấp trước rằng niệm Phật này là bỏ Phật kia. Không phải thế.

Sau khi chúng ta đã nhận định rõ ràng sự thật được rồi, kế tiếp là phải vững tâm bền chí, dũng mãnh dựa vào Phật thật trong niệm Phật đường.

Phương pháp rất thường nhắc đến trong niệm Phật Đường là: Tự hành hóa tha, nghĩa là tự mình tu hành và lợi lạc, hóa độ người khác. Do đó cần phải vào niệm Phật Đường, cần phải cùng nhau tu tập.

#### NIỆM PHẬT ĐỐI TRỊ VỌNG TƯỚNG

Niệm Phật là phải lấy kinh hành niệm Phật làm chính, khi nào quý vị mỏi thì ngồi xuống nghỉ ngơi, giờ giấc ngủ nghỉ, cố gắng giảm thiểu tới mức tối đa. Bởi vì ngủ là hôn trầm, người nào ngủ nhiều, chúng tỏ người đó còn nhiều hôn trầm. Hôn trầm là lạc vào vô minh. Nhiều vọng tưởng là trạo cử. Không riêng gì trong lúc niệm Phật, nếu làm việc mà hôn trầm hoặc trạo cử đều bị chướng ngại. Trong nhà Phật gọi hai thứ chướng ngại này là hôn trầm, trạo cử.

Trạo cử là tâm xao xuyến, không định, bị nhiều vọng tưởng chi phối.

Hôn trầm là u mê, không sáng suốt ngủ gục.

Bình thường chúng ta không thấy có vọng niệm, khi ngồi yên xuống, vọng niệm nổi lên rất nhiều. Có người cho là do niệm Phật, thưa quý vị, không phải như thế, không phải do niệm Phật mà sanh nhiều vọng niệm. Thực tế trong lúc bình thường, chúng ta đã có rất nhiều vọng niệm rồi, nhưng chúng ta không để ý đến khi ngồi yên lặng xuống niệm Phật, muốn thu nhiếp tâm lại mới phát giác rõ ràng như thế thôi.

Với hai loại chướng ngại này Phật có chỉ cho chúng ta phương pháp đối trị.

#### Thứ Nhất: Đối Trị Vọng Tưởng

Nếu vọng tưởng nhiều dùng phương pháp chỉ Tịnh, nghĩa là trụ ở một chỗ hoặc là trụ ở câu danh hiệu Phật hay niệm Phật ở tâm cũng được, nếu không niệm

thành tiếng có thể lắng nghe người khác niệm, chỉ cần dụng tâm chuyên nhất, vọng niệm tự nhiên tan biến. Tuyệt đối không nên tạo tác thêm vọng niệm, nghĩa là đừng có ý nghĩ miễn cưỡng, dẹp tất vọng tưởng, nếu không sẽ vọng tưởng tăng thêm vọng tưởng. Do đó vọng tưởng nhiều bao nhiêu cũng mặc kệ, đừng để ý để làm gì, hãy dồn hết tinh thần, ý chí tập trung vào câu danh hiệu Phật hoặc tập trung vào Quán Tưởng. Quán Tưởng điều gì đây? Tưởng hình Phật, đến tưởng hảo của Phật. Tóm lại, cần phải tập trung tinh thần, ý chí mới có thể tiêu trừ được vọng tưởng. Hầu hết tất cả những nguyên tắc dụng cụ đều nhằm mục đích tiêu trừ vọng tưởng, hôn trầm, tạp niệm để hồi phục lại bản tánh giác ngộ của mình. Nói chung trong nhà Phật, bất luận sử dụng công nào đều hy vọng đạt được ba mục đích này.

Thứ Hai: Đối Trị Hôn Trầm

Nếu trong lúc ngồi niệm Phật bị hôn trầm, tốt hơn hãy đứng lên lạy Phật, Lạy Phật và kinh hành niệm Phật đối trị hôn trầm rất có hiệu quả.

Lạy Phật làm cho tinh thần tỉnh thức, trong lúc lạy Phật, điểm đặc biệt cần lưu ý là lạy Phật để sám hối.

Bởi vì nghiệp chướng, tập khí của chúng ta rất là nặng nề, cho nên trong niệm Phật đường nhất là người sơ học, nếu mỗi ngày đạt tiêu chuẩn trên 300 lạy là rất tốt, rất có lợi.

Chúng ta thường nghe trong Đại Thừa Kinh Điển nói rằng: Tu hành trong thời mạt pháp, niệm Phật là pháp môn thù thắng nhất. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bày nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, đó không phải là bản ý của Ngài, chỉ vì ứng cơ thuyết pháp để dẫn độ chúng sanh mà thôi.

## VÃNG SANH TÂY PHƯƠNG

Trong “vãng sanh truyện” chúng ta thấy có rất nhiều người do công phu niệm Phật được vãng sanh rất tự tại, biết trước giờ giấc ra đi, không một chút bệnh hoạn, gương mặt lại tươi đẹp hơn lúc bình thường.

Nhiều người không hiểu lại cho rằng: “Niệm Phật mới ba năm đã vãng sanh”, là phải chết, ây da! Tôi sợ lắm, thôi thôi, đừng bảo tôi niệm Phật nữa.

Những người có ý nghĩ như vậy, vì họ không hiểu được ý nghĩa, giá trị cao đẹp của sự vãng sanh, nên mới bị những suy nghĩ tham sống sợ chết, luyến tiếc trần cảnh để phải chịu trôi lăn mãi trong lục đạo luân hồi.

Pháp môn niệm Phật không có sinh tử, vãng sanh không phải là chết, vãng sanh là sống mà ra đi. Còn chết là không thể vãng sanh. Cho nên pháp môn này còn gọi là pháp môn không sanh, không diệt. Vì trong lúc vãng sanh quý vị rất tỉnh táo và thấy Phật tới rước rồi theo Phật ra đi. Lúc đó cái xác tạm bợ của thế gian này không còn dùng nữa. Sau khi lên cõi Tây Phương Cực Lạc quý vị sẽ được một thân tướng trang nghiêm đẹp đẽ y như Đức Phật A Di Đà. Như vậy tuyệt đối không phải chết.

Cho nên tôi thường nói với quý vị rằng: Pháp môn này là pháp môn không già, không bệnh, không chết.

Quý vị hãy yên tâm, đừng bước, lắng lòng nhất hướng mà chuyên niệm. Tôi nói đây là sự thật, chẳng phải dối gạt quý vị làm gì, chỉ cần quý vị chuyên tâm niệm

Phật, tới lúc tâm được thanh tịnh thì tất cả chuyện khổ đều không còn nữa, gương mặt lúc nào cũng tự tại vui cười, vì vui tươi nên không già.

Người xưa có câu “Ưu tư khiến cho người mau già” lo buồn khiến quý vị rất dễ lão hóa.

Hiện giờ chúng ta còn đang mang cái nghiệp báo thân này, sống chết không một chút tự do. Những lúc khổ quá, thọ mạng chưa hết, muốn chết mà vẫn phải sống, đến khi có phước báu nhiều rồi, muốn sống thêm vài năm để hưởng thụ nhưng thọ mạng đã dứt, chừng đó muốn sống vẫn phải chết.

Do đó, khi quý vị phát tâm niệm Phật hoặc vào niệm Phật đường niệm Phật, thân tâm, thế giới, vạn duyên bên ngoài, tất cả đều buông xuống hết, chỉ còn câu hồng danh A Di Đà Phật với niềm vui đạo hạnh tràn ngập trong lòng, đó gọi là pháp hỷ sung mãn. Sự chuyên cần tu tập đến lúc công phu thành khối, quý vị sẽ không còn ràng buộc bởi cái khổ của bệnh già và chết, chừng đó sanh tử tự tại, muốn ra đi lúc nào tùy ý, muốn ở lại thế gian sống thêm vài ba năm cũng được. Lúc ày cái sống của quý vị hồn tồn mang ý nghĩa cao đẹp và tự biết mình sẽ phải làm những điều gì.

Người đạt mức sanh tử tự tại là người hội đủ phước báu lên thế giới Tây Phương Cực Lạc để hưởng thụ. Họ không ra đi mà tình nguyện ở lại vì xét thấy còn rất nhiều người có duyên với mình, mình phải giúp đỡ họ, phải độ cho họ, hy vọng có thể dẫn dắt thêm nhiều người cùng nhau về Tây Phương.

Lý do sống chính đáng như thế không phải vì tham sống sợ chết hay để hưởng thụ ở thế gian này. Thực ra sự hưởng thụ trên thế gian làm sao sánh bằng thế giới Cực Lạc ở Tây Phương! Cái nhà mà chúng ta cho là đẹp và sang trọng nhất, đối với người cõi Tây Phương Cực Lạc họ không màng đến, bởi vì nhà cửa của họ ở là thất bảo cung điện, sàn nhà toàn bằng lưu ly (cẩm thạch), đường đi trải bằng vàng, thức ăn chỉ cần nghĩ đến liền hiện ra, đồ vật mọi thứ đều do tâm nghĩ tưởng mà hiện hình.

Do tập khí ở thế gian nên có lúc khởi niệm ăn uống đến khi gián ngộ lài thức ăn liền biến mất. Cho nên nhà ở cõi Tây Phương Cực Lạc trống không, sạch sẽ vô cùng. Và, không cần có nhà bếp. Quý vị thấy cuộc sống như vậy có sung sướng không? Còn chúng ta đây, đồ đạc chất chứa đầy nhà, muốn dọn dẹp cho gọn gàng sạch sẽ cũng phải mất nhiều thời gian và phiền phức vô cùng. Cho nên người niệm Phật đến khi công phu thành tựu rồi, nếu xét thấy mình không đủ duyên hóa độ chúng sanh ở thế gian này họ đều mong sớm được lên Tây Phương Cực Lạc để hưởng phước.

Sau khi lên đến thế giới Cực Lạc rồi, mỗi ngày được thấy Phật, được cúng dường mười vạn ức Phật.

Trong Kinh Di Đà Phật mười vạn ức Phật, thực tế quý vị có thể cúng dường vô lượng hằng hà xa số Phật. Sở dĩ ngài nói ít hơn như vậy vì Phật rất từ bi, ngài biết sự tỉnh thức của chúng sanh còn rất hạn chế, lên đến đó rồi mà đôi lúc còn khởi tâm nghĩ nhớ về ngôi nhà cũ và những người thân còn ở thế gian. Do đó ngài, mới phương tiện, mà nói cúng dường con số ít hơn thực tế như vậy và bảo chúng ta cùng thế trở lại thăm thế gian bất cứ lúc nào đều có thể được.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc trang nghiêm đẹp đẽ như thế. Đi đến đâu cũng có thành tựu tốt đẹp như thế. Vì sao chúng ta không tranh thủ đi sớm?

Một pháp môn có thể thành tựu dễ dàng như vậy. Đối với các vị Bồ Tát thành tựu ở những pháp môn khác, nếu không nhập vào cảnh giới này, đều cho là một pháp môn khó tin, khó hiểu.

Cũng giống như chúng ta nói với mọi người rằng niệm Phật dường là nơi rất tốt, rất thù thắng để tu tập.

Họ nghe qua dễ gì tin ngay. Nhưng sau vài ngày đến đây niệm Phật rồi họ mới chịu tin. Một việc nhỏ ở thế gian này mà người đời còn không hiểu không tin được, nói gì đến cảnh giới thù thắng, viên mãn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Từ chuyện nhỏ suy rộng đến chuyện lớn. Chúng ta có thể nhận thức được phần nào để tăng trưởng thêm niềm tin và thiện căn của mình hầu đem hết tâm nguyện của mình ra niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chắc chắn sẽ được thành tựu.

### TRI ÂN BÁO ÂN

Hôm nay có vị đồng tu, đưa ra câu hỏi: “Làm cách nào để siêu độ thân bằng quyến thuộc của mình?”.

Cho thấy đây là một vấn đề quan trọng được nhiều người quan tâm đến. Những người đã chết, điều mong mỏi duy nhất và tha thiết của họ là trông nhờ sự giúp đỡ của con cháu. Do đó con cháu cần phải tu học Phật pháp. Theo đúng phương pháp của Phật đã dạy để tu hành. Đây là cách thức giúp đỡ có hiệu quả nhất.

Nhưng trong Phật pháp có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn trì danh là phương pháp dễ tu và mau chóng đạt kết quả nhất. Nếu quý vị thật sự phát tâm vì muốn cứu thân bằng quyến thuộc vĩnh viễn xa lìa ác đạo, quý vị phải mạnh dạn bước vào niệm Phật dường, chân thật niệm Phật, đồng thời phải có tâm kiên cố.

Trong cuộc sống, dẫu có nhiều bận rộn một tuần ít nhất quý vị phải đến niệm Phật dường một ngày. Niệm Phật vì ai? Vì giúp đỡ thân bằng quyến thuộc hiện kiếp cũng như thân nhân nhiều đời nhiều kiếp đã qua. Công đức này thật to lớn vô cùng.

Hiện nay trong niệm Phật dường của chúng ta, mỗi tuần niệm Phật một lần 24 giờ. Một ngày như vậy, quý vị hãy buông xả thân tâm, vạn duyên thế giới bên ngoài. Dùng tấm lòng chân thành, thanh tịnh từ bi.

Đồng thời với tâm niệm báo ân để niệm Phật. Được như thế việc niệm Phật của quý vị mới mong có kết quả tốt và nhất là đối với ông bà, tổ tiên, cha mẹ đã quá cố của quý vị được vô cùng lợi lạc, công đức của quý vị cũng thật là to lớn.

Trong đây có người thắc mắc: “Làm sao biết được thân bằng quyến thuộc lúc nào thoát khỏi ác đạo”.

Xin thưa rằng: ‘Ngay lúc quý vị phát tâm chân thành niệm Phật, họ lập tức thoát khỏi ác đạo. Bởi vì việc làm của quý vị chân thật, không giả dối thì liền được cảm ứng, chứ không phải chờ đến khi quý vị niệm Phật, đến lúc công phu thành khối họ mới được siêu thoát. Tuy nhiên nếu công phu của quý vị thành khối, nghĩa là không xen tạp, không gián đoạn, có thể gọi là “chứng tiểu quả” thì phước báu của họ sẽ được sanh lên thượng thiên đạo. (Trời, người, A ti la). Trường hợp công phu niệm Phật của quý vị không ngừng nâng cao, thì thân bằng quyến thuộc của quý vị sẽ không bao giờ trở lại ác đạo. Đến đây quý vị đã hiểu rõ hai mặt lý và sự công đức niệm Phật rồi. Từ đây quý vị tự biết mình phải

làm thế nào khi phát tâm niệm Phật để đền đáp công ơn sâu dày đối với Cửu huyền Thất Tổ, thân bằng quyến thuộc.

Phát tâm niệm Phật là điều rất tốt. Tuy nhiên nếu không có ngoại duyên hỗ trợ, nghiệp chướng, tập khí của mình lại công phu không được đắc lực.

Một niệm Phật đường chân chính là một tăng thượng duyên giúp chúng ta tu hành, duyên này rất thù thắng. Hôm qua có một vị đồng tu người Mỹ đến nói với tôi rằng: “Tôi vào niệm Phật Đường, thấy chung quanh đều có hình Phật, khiến tôi có cảm giác như chính mình cũng là Phật”. Cảm giác này thật sự không sai.

Điểm thù thắng khác ở niệm Phật Đường là được mỗi ngày nghe giảng Kinh thuyết pháp. Sau khi nghe và hiểu được nghĩa lý trong kinh, siêng năng tu hành. Đây gọi là ‘Giải hành tương ưng’. Nếu một niệm Phật Đường, hằng ngày không được nghe giảng kinh thuyết pháp, người niệm Phật không thể nào Giải hành tương ưng được. Đa số dễ lạc vào hình thức niệm Phật. Như vậy hiệu quả sẽ khác nhau xa lắm.

Hiện nay có một số đạo tràng ở những nơi khác đến tham dự Phật thất và áp dụng phương thức niệm Phật ở đây vào đạo tràng của họ thật là quý hóa vô cùng.

Tôi hy vọng mỗi đạo tràng ở những nơi khác đều có thể xây Niệm Phật Đường, hầu hết giúp mọi người cùng nhau niệm Phật. Tuy nhiên, một nhân tố cần thiết không thiếu, đó là phải hiểu rõ lý lẽ. Muốn hiểu lý lẽ phải có người giảng kinh thuyết pháp không gián đoạn. Nếu quý vị không tìm được người giảng pháp, có thể đến đạo tràng chúng tôi lấy băng về nghe, mỗi ngày nên mở băng nghe hai giờ đồng hồ. Như vậy, niệm Phật Đường của quý vị với chúng tôi không có khác.

Công phu niệm Phật của chúng ta một khi đã thành khối, không những thân bằng quyến thuộc của kiếp này, thậm chí đến nhiều đời kiếp trước mà chúng tôi không biết hoặc không thể nhớ, họ vẫn được siêu độ. Nghĩ đến việc này, nếu chúng ta không siêng nỗ lực tu hành, chúng ta thật có lỗi với ông bà, tổ tiên, thân bằng quyến thuộc. Do đó khi vào niệm Phật, chúng ta phải mang tâm tri ân báo ân để niệm Phật. Chính cái tâm này là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy chúng ta tinh tấn, dũng mãnh không ngừng.

Hôm nay họ vẫn còn kẹt trong ác đạo, không có khả năng giải thoát nên họ hồn tồn trông cậy ở chúng ta, những người hiểu Phật pháp, hiểu giáo lý, chân thật y giáo phụng hành. Không những giúp họ ra khỏi cảnh khổ, mọi tai kiếp hiện nay trên thế giới đều có thể giải hóa, có thể đạt đến chỗ quốc thái dân an như lời Phật nói. Cho nên niệm Phật không phải vì chính mình, mà vì thân bằng quyến thuộc, vì tất cả chúng sanh.

#### GIỮ CHÁNH NIỆM PHỤC MA VƯƠNG

Đa số chúng ta đây đều biết, Phật có tướng hảo quang minh, Ma cũng có tướng hảo quang minh. Phước báu của Phật vô cùng to lớn, Phước báu của Ma cũng không kém. Phật có hào quang kim sắc của Phật nhu hòa khiến cho chúng ta mỗi khi tiếp xúc đều có cảm giác nhẹ nhàng tươi mát, an ổn, vui vẻ, tự tại.

Ma cũng có hào quang kim sắc, nhưng dưới ánh sáng chói lọi của ma, con người sẽ cảm thấy sợ hãi không yên. Tóm lại, hào quang của ma so với hào quang của

Phật không có khác, chỉ khác ở chỗ sau khi con người tiếp xúc rồi có những cảm giác hồn tồn trái ngược nhau.

Làm thế nào để tránh khỏi ánh sáng của Ma? Không bị ma tổn hại?

Điều này hết sức quan trọng, quý vị không thể hiểu rõ. Phương pháp hữu hiệu nhất để đối phó: Quý vị phải luôn giữ Chánh Niệm. Khi giữ được Chánh Niệm, chẳng những Ma không thể làm tổn hại, ngược lại sanh lòng tôn kính và hộ pháp.

Khi xưa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi thị hiện tám tướng thành đạo, Ma ba tuần liền đến và dùng đủ mọi thủ đoạn uy hiếp cản trở. Đức Thế Tôn Chánh niệm phân minh, như như bất động. Sau cùng Ma không còn cách nào để phá hại nữa, nên sanh lòng tôn kính, bái phục, nguyện làm hộ pháp cho Ngài. Do đó tâm niệm của chúng ta cần phải tương ứng với Giới-Định-Huệ, ba môn học, đây là phương thức quan trọng nhất để đối trị với sức cản trở, lay động của Ma.

Những người nào dễ bị Ma làm tổn thương nhất?

Xã hội ngày nay, những người tu học Phật pháp, đặc biệt là giới thanh niên, bị nhập Ma rất nhiều, những ai thích có thần thông, cảm ứng đều dễ bị kết duyên với Ma. Ma sẽ lợi dụng nhược điểm đó của quý vị đến lay niệm hồng danh A Di Đà Phật, và mặc nhiên không thèm để ý đến, tức thời những hình ảnh đó sẽ tự biến mất. Những kiến thức này hết sức quan trọng, quý vị nên lưu ý.

Người niệm Phật thỉnh thoảng mơ thấy Phật A Di Đà, như vậy là công phu niệm Phật thỉnh thoảng mơ thấy Phật A Di Đà, như vậy là công phu niệm Phật được cảm ứng, nếu thường xuyên thấy Phật thì phải cẩn thận, coi chừng công phu không đúng hoặc có vấn đề. Nhiều người hỏi: Lúc mới niệm Phật tôi thường mơ thấy Phật A Di Đà, tới nay niệm Phật đã nhiều năm rồi, lại không hề thấy. Như vậy tôi bị thối chuyển so với lúc ban đầu không? Trả lời: Cũng có thể thối chuyển. Nếu không bị thối chuyển cũng không nên thường xuyên mơ thấy, thường xuyên mơ thấy là ma cảnh. Cho dù quả thật mơ thấy Phật cảnh hiện ra cũng không nên sanh tâm chấp trước, sanh tâm tham và vui mừng.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có chỉ dạy cho chúng ta phương pháp đối phó với Ma cảnh như sau: “Khi gặp cảnh giới hiện ra, phải giữ tâm không để ý đến, không tìm hiểu sâu vào. Vì sao? Bởi khi ma hiện ra, có nghĩa là công phu của quý vị đã đạt tới mức khả quan, nếu không Ma cũng chẳng thèm tới làm gì. Mục đích của chúng đến để chướng ngại, phá cho tan nát công phu tu tập và đạo tâm của quý vị. Cho nên ý nghĩa câu hồng danh A Di Đà Phật giúp chúng ta giữ tâm như như bất động trước Ma cảnh rất quan trọng và rất tương quan mật thiết với công phu tu tập của chúng ta.

#### PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Nếu chúng ta muốn ngay trong một kiếp này thật sự thành tựu được công phu niệm Phật. Lúc xử thế, tiếp xúc với người, với vật, cái tâm duy nhất mà chúng ta cần phải có đó là CHÂN TÂM.

Khi bị người khác lừa dối, hiếp đáp, chúng ta phải nghĩ ra như vậy: “Đó là chuyện của họ, không dính dáng gì với tôi cả”. Việc của tôi là phải dùng tâm chân thật đối xử lại. Vì sao? Bởi vì tôi quyết định trong một kiếp này phải cầu vãng sanh Tịnh Độ. Làm thế nào để cầu sanh Tịnh Độ? Trong kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ:

## PHÁT TÂM BỒ ĐỀ, NHẤT HƯỚNG NIỆM PHẬT

Nếu quý vị không phát bồ đề tâm, chỉ nương vào nhất hướng chuyên niệm, kết quả không thể vãng sanh, xin quý vị nên thận trọng.

Ngài Lý Bính Nam nói: Một vạn (10 ngàn) người niệm Phật, thật sự có thể vãng sanh chỉ vài ba người.

Vì sao số người vãng sanh quá ít như thế? Vì không phát tâm bồ đề nên tâm không thanh tịnh. Bởi tâm không thanh tịnh nên còn thị phi nhân ngã, tham, sân, si, mạn, nghi. Những thứ này không tương ứng với thế giới Cực Lạc một chút nào.

Tây Phương Cực Lạc là nơi câu hội của chư Thượng thiện nhân (chỗ ở của những người thiện lành bậc nhất). Cho dù quý vị niệm Phật siêng năng đến đâu hoặc một ngày có thể niệm đến trăm ngàn lần, nhưng tâm của quý vị không thiện, làm sao có thể lên Tây Phương ở cùng chỗ của bậc thượng thiện nhân? Do đó phát bồ đề tâm quan trọng hơn cả việc nhất hướng chuyên niệm là như vậy. Người thật sự phát bồ đề tâm, khi lâm chung, một niệm hoặc mười niệm quyết định sẽ vãng sanh là được ngay. Cho nên những lời nói cho kinh Điển, chúng ta cần phải lưu ý, suy ngẫm kỹ lưỡng, tuyệt đối không nên tụng niệm một cách hàm hồ.

Đoạn văn trên chúng ta nói đến chân tâm.

Chân Tâm là thể của Bồ đề tâm, kế tiếp nói thâm tín là dụng của Bồ đề tâm.

Tự dụng đối với chính mình là luôn giữ tâm hiếu đức (thích làm điều thiện, đức). Đối với chúng sanh thì đại từ bi. Nhân từ, hiếu thiện, hiếu đức là việc không thể miễn cưỡng hoặc làm cho nó hình thức bên ngoài. Nó phải lưu xuất một cách tự nhiên từ bên trong ra. Cho nên người phát tâm Bồ đề, mỗi khi khởi tâm động niệm đều nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh phá mê khai ngộ, thoát khỏi cảnh khổ được an vui. Không hề có một niệm nghĩ đến lợi ích cho cá nhân mình. Nếu còn một niệm ích kỷ tự lợi, là còn ngã chấp nặng nề, ngã chấp là gốc rễ của lục đạo luân hồi! Không bứng sạch gốc rễ này thì không có cách nào ra khỏi lục đạo. Cho nên ngay từ bây giờ, quý vị cần phải buông xả, phải nghĩ đến người khác, nghĩ đến chúng sanh, đến những người đau khổ, đang gặp nạn trên thế giới, tuyệt đối không nên nghĩ chuyện lợi ích cho riêng cá nhân mình nữa.

Trong suốt thời gian thuyết pháp đã qua, tôi nhiều lần nhắc nhở quý vị phải phát Bồ đề tâm. Trong khi kinh Điển đức Thế Tôn cũng từng lập đi lập lại không biết bao nhiêu ngàn lần. Vì sao Thế Tôn không ngừng lập lại như vậy? Bởi vì chúng sanh vẫn còn chưa tỉnh thức, vẫn còn u mê. Thế Tôn vẫn hải lập đi lập lại một cách không mệt mỏi để kêu gọi chúng ta. Một khi quý vị phát Bồ đề tâm, liền được chư Phật hộ trì. Vì tâm chư Phật là tâm Bồ đề. Như vậy tâm của quý vị sẽ cùng với tâm của chư Phật không hề khác nhau.

KHAI THỊ MÙA ĐÔNG 2002 VIÊN  
DUNG ĐẠI PHẬT THẤT VIÊN MÃN

Hòa Thượng Tịnh Không

Kính thưa quý vị pháp sư

Kính thưa quý vị đồng tu,



Phật thất lần này sắp viên mãn, thật là vô cùng trang nghiêm và thù thắng, đây là dấu hiệu của một sự khởi đầu tốt đẹp. Chúng tôi ở đây tổ chức Phật thất trường kỳ để cống hiến cho quý vị về đây huân tu.

Mục đích tu học của chúng ta chẳng những vì muốn liễu thoát sanh tử, ra khỏi tam giới cầu sanh Tịnh Độ, thân cận Bồ sư A Di Đà Phật, càng quan trọng hơn là chúng ta vì chúng sanh trên tồn thế giới tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước Huệ, xã hội an định, thế giới hòa bình. Đây là vấn đề cấp bách ở trước mặt cũng là sứ mạng của những người Phật tử chúng ta. Cho nên từ mỗi tiếng niệm Phật, chúng ta phải vì tồn thế giới đồng bào cầu phước mà niệm, chỉ cần tâm địa của chúng ta thanh tịnh, nhất định có cảm ứng, bởi thế tâm lượng của chúng ta phải rộng lớn, tâm lượng nhỏ hẹp thì không có phước báo.

Người Trung Quốc thời xưa thường nói: “Tâm lượng lớn thì phước báo lớn”, câu nói này nhiều người đã từng nghe và cũng biết nói như vậy, như thực tế tâm lượng của họ vẫn còn nhỏ hẹp lắm. Khởi tâm động niệm chỉ nghĩ cho cá nhân mình, cho gia đình mình, như vậy không thể giải quyết vấn đề.

Chúng ta cần phải biết Phật ở trong các kinh Phật lớn thường chỉ dạy cho chúng ta rằng: nghiệp báo của chúng sanh có cộng nghiệp và biệt nghiệp. Nếu biệt nghiệp của quý vị tốt mà cộng nghiệp xấu, quý vị vẫn phải chịu liên lụy. Ba mươi năm gần đây, nhân dân tồn thế giới đều biết năm 1999 và năm 2000 sẽ có tai nạn tận thế. Các nhà tiên tri của các nước Đông Phương chỉ nói đến tai nạn của năm 200 cho thấy tai nạn này là vô cùng nghiêm trọng.

Tuy nhiên năm 1999-200 đã qua, bây giờ là 2002, hình như những lời tiên tri này không linh nghiệm, nên mọi người bắt đầu sanh tâm nghi ngờ cho đó là lời nói không may mắn không thềm để ý ghi nhớ trong lòng nữa. Do đó mà tiếp tục tùy thuận theo vọng tưởng phiền não, thói hư tật xấu của mình để cho tâm ích kỷ, tham, sân, si mỗi ngày không ngừng tăng trưởng. Chúng ta tự hỏi vì sao người xưa nói không linh? Là người học Phật chúng ta phải tự biết, nhớ lại hai, ba năm về trước hầu như tất cả tín đồ của rất nhiều tôn giáo, những người không tin tôn giáo chúng ta không nói, hầu hết các tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng nhiều tha thiết cầu nguyện, thật sự sám hối, mong được tai qua nạn khỏi. Chúng tôi biết rất rõ trong cùng một lúc trên tồn thế giới có đông đảo người cùng chung sám hối cầu nguyện, lực lượng này vô cùng to lớn nên mới kéo dài được thời gian sống sót.

Tuy còn phải xem ở mỗi người giữ được tâm sám hối bao lâu thì thời gian sinh tồn này được kéo dài bấy lâu. Nếu như vĩnh viễn có thể giữ mãi tâm sám hối để sửa đổi hành vi sai lầm thì có thể kéo dài sự bình an vô hạn định. Một khi cái bệnh cũ của quý vị lại tái phát, không còn tin tưởng nữa thì tai nạn sẽ lập tức xuất hiện. Đây là điều Phật thường nói trong các kinh luận: “tất cả pháp do tâm nghĩ tưởng mà sanh, chúng ta không thể sơ xuất. Tất cả pháp từ tâm nghĩ tưởng mà sanh, cảnh tùy tâm chuyển, cảnh là hồn cảnh sinh hoạt của chúng ta, thật sự nó từng giây từng phút tùy theo ý niệm của ta mà chuyển biến. Nếu chúng ta luôn giữ ý niệm thiện lành, thật sự biết quay đầu trở lại tất nhiên là nạn qua phước đến còn như tâm và hành vi của chúng ta không tốt tai nạn quyết sẽ không thể tránh thoát được.

Trong Phật pháp thường nói: “Chẳng phải không bị quả báo mà vì ngày giờ chưa tới”, hy vọng quý vị đồng tu nhớ mãi câu nói này vì đây là sự thật chân tướng của sự thật. Người thế gian họ có thể vĩnh viễn duy trì tâm sám hối không? Điều này thật khó nói, ít nhất mỗi cá nhân chúng ta phải vì xã hội đại chúng làm một tấm gương tốt.

Tất cả pháp từ tâm tướng mà sanh; là từ ở ngay trong lòng của mỗi cá nhân chúng ta sanh ra, điều này rất quan trọng. Cho dù là công nghiệp không thể tránh khỏi, tai nạn đến cũng vẫn không sợ hãi, kinh hồng bởi vì chúng ta sẽ có chỗ tốt đẹp hơn để đến.

Người sống ở thế gian có ai mà không chết, cho dù sống đến hai trăm tuổi vẫn phải chết. Sợ chết cũng không giải quyết được vấn đề. Sau khi chết đi về đâu. Trong quá khứ, tôi sống ở Mỹ một thời gian khá lâu, tôi biết hiện nay ở Tây Phương khắp nơi của các quốc gia có rất nhiều học giả đang hăng hái tập trung nghiên cứu về luân hồi.

Lịch sử nghiên cứu về luân hồi xưa họ có từ nửa thế kỷ nay, sau cùng họ khẳng định rằng: “Việc luân hồi thật sự có”, nếu đã có luân hồi thì chúng minh rõ ràng mạng sống của con người có đời quá khứ và vị lai. Một khi hiểu rõ được đạo lý này, hiểu rõ được chân tướng của sự thật như vậy thì việc sinh tử đối với chúng ta sẽ nhẹ đi giống như chúng ta mặc áo vậy, dùng nó lâu ngày rồi nó bị già nua không còn linh hoạt nữa, không còn sử dụng được nữa, chúng ta bỏ đi để thay một tấm thân khác.

Như vậy việc xả thân và được thân người cũng giống như chúng ta thay áo, có gì phải lo sợ, phải kinh hồng. Vấn đề then chốt là khi ta thay tấm thân cũ này có được tấm thân tốt đẹp hơn không? Đây mới là điều đáng nói cho chúng ta phải lo suy nghĩ, kiếp sau nhất định phải tốt đẹp hơn kiếp này. Nếu người có đại phước, đại thiện, kiếp sau sẽ khg, đại thiện, kiếp sau sẽ khg, đại thiện, kiếp sau sẽ không ở nhân gian này nữa, vì nhângian không thể nhận quý vị, phước báo của quý vị quá lớn phải lên trời để hưởng thiên phước. Người thật sự thông minh, thật sự có trí tuệ họ sẽ không màng hưởng thiên phước. Vì sao? Vì trời vẫn nằm trong lý niệm của luân hồi, chưa có thể thoát khỏi luân hồi, một khi thiên phước đã hưởng tận mà không biết tu tiếp, chắc chắn sẽ bị đọa lạc, hà huống Phật ở trong kinh luận đã nói với chúng ta, từng lời nói của ngài đều là sự thật, rất chân thật, Ngài nói: “Nếu còn ở trong lục đạo, chắc chắn thời gian ở trong ba đường ác nhiều hơn thời gian được sống ở trong ba đường lành”.

Chúng tôi học Phật đã hơn nửa thế kỷ đối với lời nói của Ngài chúng tôi hồn tồn tin tưởng không một chút nghi ngờ. Tin rồi thì phải làm sao? Phật dạy chúng ta: “Cầu sanh Tây Phương tịnh độ thân cận Di Đà như lai”. Như thế, quý vị chẳng những thoát khỏi được lục đạo mà còn vượt ra ngoài thập pháp giới. Đây mà điều chúng ta phải nỗ lực, cố gắng tranh thủ ngay trong một kiếp này. Ngay trong kiếp này, nhất định phải tranh thủ cho bằng được. Phật nói: “Đối với thế giới này phải thật sự buông xả, nếu không quý vị đối với lục đạo vẫn còn vọng tưởng, còn phân biệt, còn chấp trước mà hy vọng được sanh về thế giới Cực Lạc, đó chỉ là vọng tưởng mơ mộng mà thôi, quý vị không thể đi được. Nếu quý vị thật sự muốn đi, trong sách vãng sanh truyện của tịnh độ tam kinh nhất luận có dạy chúng ta: “Phải biết buông xả thân tâm thế giới, phải biết đoạn ác tu

thiện tích lũy công đức”. Như vậy mới có thể cảm ứng đạo giao với những người tốt lành bậc nhất của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Quý vị nên nhớ, thế giới Cực Lạc là nơi hội tụ của những người tốt lành bậc nhất, nếu quý vị không có cái tâm tốt lành bậc nhất, hành vi tốt lành nhất thì làm sao quý vị có thể tới đó được?

Cho nên phải mở rộng tâm lượng, cuộc sống của chúng ta ở thế gian rất ngắn, phải biết lợi dụng thời gian ngắn ngủi này, mỗi khi khởi tâm động niệm đều phải vì tất cả chúng sanh mà tạo phước, vì tất cả chúng sanh mà phục vụ, quý vị mới có được cảm ứng đạo giao. Tâm lượng nhỏ hẹp chỉ tự hại mình, hại người, cho nên khi bà Hàn Quán Trưởng vãng sanh, việc vãng sanh của bà là chuyện có thật. Hai ngày trước khi vãng sanh, bà hai lần liên tiếp thấy Phật A Di Đà và một lần thấy liên trì hải hội, bà nói với tôi: “Ao sen lớn lắm, rộng lắm”. Đêm trước khi vãng sanh bà nói với tôi rất nhiều, tôi đem những điểm chính yếu ghi lại thành mười hai câu, đây cũng là tâm nguyện của bà, bà nói: “Hy vọng chúng ta, người xuất gia, phải giống người xuất gia, tại gia phải giống người học tại gia”. Hai câu nói này rất quan trọng, ý nghĩa thật là vô cùng sâu sắc.

Người xuất gia, phải giống người xuất gia. Thế nào mới gọi là giống người xuất gia? Phật Thích Ca Mâu Ni là hình dáng của người xuất gia, cư sĩ Duy Ma Cật là hình dáng của người tại gia. Khi Phật tại thế, hai vị này là tấm gương mẫu mực của chúng ta.

Phật Thích Ca, Ngài thật sự là xuất gia, trong suốt một đời chẳng hề có nhà. Lúc bấy giờ các vị Quốc vương, đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ cúng dường Tinh xá, Ngài rất tùy nhiên mà nhận. Ngài nhận Tinh xá để làm gì? Để dùng nơi thuyết pháp dạy học, tuyệt đối không hề đòi hỏi của chủ quyền tài sản. Quyền tài sản vẫn là của vua nên do vua cúng dường, của Cư sĩ nếu do cư sĩ cúng dường. Ngài tuyệt đối không dành quyền tài sản, nếu không Ngài đã trở về nhà rồi chẳng phải là xuất gia nữa.

Khi nào không có người mời Ngài về tinh xá, về giảng đường để thuyết pháp, dạy học, thì Ngài ở dưới gốc cây, bên cạnh sông, suối trong rừng, trải một ít cỏ lên mặt đất để ngồi, học sinh ngồi chung quanh để nghe giảng. Trong quý vị có rất nhiều người đi hành hương qua Ấn độ thấy núi Linh Thứu vẫn còn đó, kinh pháp hoa là giảng tại đây, chỗ này không có nhà cửa đa số là hàng động nên Ngài thường ngồi dưới gốc cây để giảng pháp, thỉnh chúng hơn mười ngàn người.

Đó là hình dáng của Phật, một đời Ngài sống vô cùng đơn giản, ba y một bát, cả đời ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây. Cây Trưởng giả, Cư sĩ cúng dường Tinh xá, Ngài chỉ ở trong một phòng thật nhỏ làm nơi nghỉ ngơi của mình. Chúng ta hãy nghĩ xem, đó là Đức Bổn sư của chúng ta.

Bây giờ hãy nhìn lại cuộc sống của chúng ta hiện nay, có phải đã hưởng thụ quá đáng không? Đức Phật, một người xuất gia, cả đời của Ngài chỉ có một việc duy nhất là giảng kinh, dạy học, hoằng pháp lợi danh, tu pháp bố thí, giúp đỡ tất cả chúng sanh, phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Còn chúng ta, ngày nay chúng ta làm gì? Có giống đức Phật Thích Ca Mâu Ni không? Học sinh thì phải giống thầy chứ.

Về sau Phật pháp truyền sang Trung Quốc, Quốc Vương hộ trì Phật pháp, tư tưởng lý niệm của người Trung Quốc không giống người Ấn độ. Người Trung Quốc nghĩ rằng, là thầy của vua không để thầy ngủ dưới gốc cây, để thầy đi ra ngoài thóc bát xin ăn, như vậy sẽ làm mất thể diện của vua, cho nên Quốc vương cung kính cúng dường.

Quý vị nhất định phải biết Phật tùy duyên chứ không phan duyên, quý vị cúng dường, ta tiếp nhận để cho người cúng dường tu phước. Tam bảo là phước điền, thì có lý do nào không nhận sự cúng dường của quý vị, tuy nhiên quyết định không nhận sự cúng dường một cách quá đáng. Cho nên từ đó trở thành người xuất gia ở Trung Quốc có đạo tràng thường trụ, tuy nhiên đạo tràng là thuộc về thập phương, thuộc về quốc gia chẳng phải riêng của một người nào, đương nhiên đạo tràng ngoài việc dạy học thuyết pháp, còn có rất nhiều công việc, người xuất gia cũng phải gánh vác một ít việc làm cho bòn chút phước. Thời xưa tu phước là giảng kinh thuộc về nội tài bố thí.

Người xuất gia ở trong đạo tràng làm công quả cũng gọi là tu nội tài bố thí, cho nên ở Trung Quốc, người xuất gia có ba việc làm:

Thứ nhất: là giảng kinh thuyết pháp.

Thứ hai: là lãnh chúng tu hành, lãnh chúng tu hành phải làm gương mẫu cho đại chúng, cho nên người lãnh chúng còn được gọi là A Xà Lê, dịch sang tiếng Trung Hoa gọi là Qui Phạm sư nghĩa là tư tưởng, hàn vi, lời nói của họ là mô phạm, là tấm gương cho ta học hỏi, giống như xe lửa chạy trên đường rầy, chúng ta theo đường rầy mà đi.

Thứ ba: Là những người xuất gia phát tâm ở thường trụ làm việc, đảm trách về mặt chấp sự. Nhà Phật xưng là nội hộ hoặc hộ pháp cho đạo tràng. Riêng Cư sĩ thì thuộc về ngoại hộ, bởi vì họ không ở trong đạo tràng mà ở nhà riêng của họ, chỉ đến đạo tràng để hộ trì, nên công việc hộ pháp chia làm nội hộ và ngoại hộ. Đây là ba việc làm của người xuất gia. Nội hộ tu phước, tu phước với tâm thanh tịnh, không nhiễm một mảy trần và niệm Phật không gián đoạn, khẳng định sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ở Trung quốc những điển hình này chúng ta thấy rất nhiều và tôi cũng thường nhắc lại trong những lúc giảng kinh. Vào đầu năm Dân quốc, Tú Ngô Sĩ xuất gia tại chùa Cực Lạc, Thầy đảm trách việc nội hộ, Thầy không thể lãnh chúng cũng không thể giảng kinh vì không có đi học, không biết chữ chỉ ở trong đạo tràng phát tâm làm công việc nặng nhọc. Quý vị xem thầy vãng sanh tự tại biết bao, biết trước ngày giờ ra đi. Cả đời chuyên tâm làm tốt công việc của mình, làm tròn bổn phận của mình, tâm địa thanh tịnh, không ô nhiễm một mảy trần, đó là gương mẫu nội hộ cho người xuất gia. Cho nên suốt cuộc đời này của tôi, tôi hy vọng Phật giáo có thể đi trên con đường chánh quy. Một thế kỷ gần đây, trong đạo Phật phát sinh ra nhiều điều không tốt, chúng ta cần phải tránh. Đạo tràng của chúng ta mới xây dựng, cần phải tránh những tập khí không tốt để noi theo gương chư tổ sư đại đức. Thực tế mà nói, một mình tôi, tôi rất thanh tịnh, ngày nay sở dĩ phải đa đoan bận rộn như thế. Là do ân đức của Hàn Quán Trưởng đối với tôi khi xưa nên tôi mới bị liên lụy theo. Trong một đời này của tôi, ngay từ lúc bắt đầu học Phật, khi chưa xuất gia, tôi vô cùng ngưỡng mộ Ấn Quang đại sư, tôi đi theo con đường của Ngài, học hỏi theo Ngài, trong đời của Ngài từng phát nguyện:

- Không nhận đệ tử xuất gia, Ngài chẳng hề thể phát cho ai.
- Không làm trụ trì
- Không truyền giới

Quý vị hãy xem truyền ký của ngài vẫn còn lưu lại đến ngày nay.

Lúc Hàn Quán trưởng còn sống, tôi chẳng phải bận tâm lo lắng điều gì cả, chỉ lo giảng kinh dạy học. Khi xây dựng thư quán Hoa Tạng, có đạo tràng rồi đương nhiên cũng cần có người nội hộ, bởi vậy có người phát tâm muốn xuất gia, bà nhận đệ tử tôi thế bà mà xuất gia cho họ. Nhờ bà mà tôi được thành tựu, nên tôi phải đền ơn bà. Bà có đạo tràng, đạo tràng hy vọng là nơi có thể đào tạo nhân tài, đây là điều rất tốt nhưng không ngờ bà ra đi sớm như vậy.

Sau khi bà vãng sanh, Cư sĩ Cao Minh thân lại, lúc đó tôi bị rơi vào hôn cảnh thật khó khăn, nếu như cư sĩ Cao tiếp tục hộ trì thì tôi không phải lo lắng gì hết, bởi vì những người xuất gia, mang dòng chữ “NGỘ” như quý vị đây đã có sẵn đạo tràng của quý vị rồi, tôi chẳng phải bận tâm lo lắng cho quý vị nữa, vậy thì tôi cần đạo tràng để làm gì?

Những năm trước khi tôi còn ở Mỹ, cư sĩ Doanh Kiến Mỹ hỏi tôi có cần xây đạo tràng không? Lúc bấy giờ, tôi ở Dallas chỉ có một căn nhà nhỏ mang số 422 để giảng kinh thuyết pháp chưa có đạo tràng. Tôi trả lời với họ, ở Trung Quốc có hơn ba trăm chỗ mời tôi qua đó giảng kinh thuyết pháp, như vậy nếu tôi đến mỗi chỗ giảng một tháng thôi, giảng đến lúc tôi một trăm tuổi cũng chưa hết ba trăm chỗ, bạn nghĩ xem tôi cần đạo tràng để làm gì? Nghe tôi nói xong họ phát lên cười to. Sự thật là như vậy, quý vị hãy xem mỗi một nơi đến giảng một tháng một bộ kinh cuộc sống như vậy tự tại vui vẻ biết chừng nào, đi đến đâu cũng được tiếp đãi như thượng khách, chuyện gì cũng chẳng bận tâm đi hỏi, đi nghe.

Hiện nay sở dĩ tôi phải xây học viện ở Toowomba, là vì quý vị, những người trước kia xuất gia ở thư quán Hoa Tạng bên Mỹ hiện nay không nơi nương tựa. Tôi xây đạo tràng cho quý vị là để báo đền ân nghĩa của Hàn Quán Trưởng đối với tôi. Tôi thay bà tiếp tục chiếu cố quý vị, cho nên mới nói tôi bị liên lụy theo bà để phải chiếu cố quý vị, nếu không điều gì tôi cũng không cần, tôi sống thật là tự tại vui vẻ. Cho nên hiện nay quý vị, những người xuất gia ở trên núi và ở đây, quý vị cần phải biết rõ, có thể nói quý vị được trời ưu đãi, có một chỗ ổn định như vậy để tu hành, quý vị cần phải siêng năng nỗ lực mà học tập, phải đem hết tồn bộ những vọng tưởng, phân biệt chấp trước hồn tồn buông xả hết.

Những việc đạo lý của đạo tràng tôi nhờ cư sĩ tại gia đảm trách, không cần quý vị phải bận tâm, quý vị chỉ cần chuyên tâm để học, chuyên chú về mặt đức hạnh. Nếu không có phẩm đức cao thượng, không có học thức cao thâm, quý vị làm sao có thể gánh vác nổi việc giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa của Thế Tôn?

Đạo tràng tại đây, hội Tổng sự bàn giao cho tôi, tôi vẫn phải mời cư sĩ đến quản lý, họ chấp nhận lời mời của tôi, nên tôi đồng ý đảm nhận. Bởi vì sao? Vì đây là nguyện vọng của Hàn Quán Trưởng. Chúng tôi hy vọng hai đạo tràng trên núi và tại đây có thể thật sự làm đến chỗ giải hành tương ưng. Học viện thuộc về giải môn, đào tạo nhân tài giảng kinh hoằng pháp, những ai phát chọn con đường giảng kinh thì đến học viện để tu. Nếu không phát tâm giảng kinh, muốn lãnh chúng, thì đạo tràng tại của chúng tôi là đạo tràng quanh năm niệm Phật, vĩnh viễn là một đạo tràng chuyên niệm Phật. Về kỷ luật niệm Phật chúng tôi hồn tồn

tuân theo tấm gương và phong thái của Ấn Quang Đại sư ở núi Linh Nghiêm. Đạo tràng tại đây không giảng kinh, không làm pháp hội, không truyền giới, chỉ có niệm Phật đường để niệm Phật mà thôi. Tín đồ Phật tử muốn cầu an, cầu siêu có thể đặt bài vị trong niệm Phật đường, chúng ta hôn tôn học theo Ấn tổ và tiếp tục xiển dương rộng lớn đạo phong của Ngài. Cho nên những người tự nguyện muốn ở niệm Phật đường dẫn chúng huân tu có thể ở lại đây. Bất cứ việc gì của thường trụ không cần quý vị phải lo lắng, chỉ cần chuyên tâm lãnh chúng, Những ai phát tâm làm nội hộ, hoặc những cư sĩ muốn hợp tác giúp đỡ đạo tràng chúng tôi có thể chấp nhận, tuy nhiên, quý vị phải tuân thủ theo qu tắc kỷ luật của thường trụ để giúp đỡ nhau làm việc, ngõ hầu có thể chiếu cố tốt cho những người học kinh giáo và những người niệm Phật, như vậy công đức thật vô lượng. Bao nhiêu năm qua đối với những việc này tuy tôi không hỏi không nghe, tuy tôi học kinh giáo dù sao cũng đã năm mươi năm rồi, đạo lý, sự thật chân tướng tôi biết rất rõ, tuy tôi không có kinh nghiệm làm việc nhưng tôi biết rất nhiều. Tôi là người lớn tuổi, dĩ nhiên việc của quý vị ở đây dù tôi không cần tìm hiểu tôi cũng biết và tôi có phương pháp chỉ dạy cho quý vị phải làm như thế nào khiến cho đạo tràng được như lý như pháp. Mỗi người phải mở rộng tâm lượng của mình như Ngài Phổ Hiền. Quý vị nghe tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, thấy tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát cho dù là Bồ Tát đại thừa cũng không thể bì với Ngài được. Bồ tát đại thừa là tâm bao thái hư lượng chu sa giới, tâm lượng của Phổ Hiền không biết còn lớn hơn bao nhiêu lần như vậy nữa, chẳng lẽ còn có thể lớn hơn như vậy sao? Vâng, vẫn còn. Vậy là như thế nào? Bởi vì thông thường Bồ Tát đại thừa đã sơ sót không biết rằng ở trong vi trần, vi trần rất nhỏ, thế mà trong vi trần đó lại có thế giới hải vi trần số thế giới, mọi một lỗ chân lông của chúng ta cũng có thế giới hải vi trần số chư Phật quốc độ ở bên trong, điều này không ai biết đến. Thế mà Phổ Hiền Bồ Tát vẫn có thể khế nhập. Cho nên thế giới mà Hoa Nghiêm nói đến thật trùng trùng vô tận, nó không phải là mặt phẳng mà là hình khối.

Trong thế giới có thế giới, trong thế giới có vi trần, trong vi trần có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại tiếp tục có thế giới không cùng không tận, đây chính là pháp giới của Ngài Phổ Hiền, nếu chúng ta không có tâm lượng như vậy thì không thể thành Phật được. Cho nên hôm nay chúng ta nhất định phải mở rộng tâm lượng, phải bao dung, khởi tâm động niệm, phải vì tất cả chúng sanh mà suy nghĩ.

Ngày nay chúng ta có cơ duyên vì tất cả chúng sanh mà phục vụ, đây là cơ hội may mắn cho chúng ta tích lũy công đức, lấy công đức này hồi hướng Tịnh độ, lấy công đức này cầu sanh thế giới Tây Phương Cự Lạc, thân cận A Di Đà, như thế mới hy vọng chắc chắn vãng sanh, những việc thường trụ chớ bao giờ bận tâm lo nghĩ người ta làm đúng hay sai, chỉ cần ta làm đúng thì người khác làm đúng. Nói như vậy có nghĩa là nếu ta y theo pháp làm đúng, đạo tràng sẽ có chư Phật gia trì, long thiên hộ pháp thân gia hộ.

Nếu những ai sống trong đạo tràng mà làm việc sai quấy, thầy hộ pháp sẽ mời họ đi, chư Phật Bồ Tát sẽ giúp đỡ họ khiến họ biết hối cải để đổi mới, giả như họ vẫn tiếp tục ngoan cố không biết sửa đổi thân hộ pháp sẽ đuổi họ, không cần chúng ta phải bận lòng. Nếu quý vị mà bận tâm can dự vào việc làm của họ thì

thần Hộ pháp sẽ không bận tâm nữa, các Ngài sẽ về nhà nghỉ ngơi, đi chơi, chư Phật cũng không còn hộ niệm cho quý vị nữa, khi đó đạo tràng của quý vị sẽ là một đạo tràng không có đạo và cũng chẳng có đức.

Quý vị đi theo tôi bao nhiêu năm nay, mỗi ngày nghe tôi giảng kinh, chuyện nhỏ như vậy mà cũng không biết, hằng ngày vẫn tiếp tục vọng tưởng, lo nghĩ lăng xăng, làm chuyện sai quấy, như vậy phước báo của quý vị sẽ tiêu mất hết.

Quý vị phải biết sở dĩ quý vị được sống trong đạo tràng này là phúc đức nhân duyên của nhiều đời kiếp, nếu quý vị sống không đúng cách, như pháp, chỉ trong vòng vài năm thôi, một khi phước báo tiêu hao hết rồi thần hộ pháp sẽ đuổi quý vị đi, quý vị không thể cư trú ở đạo tràng này lâu dài được. Bởi vì quý vị sống ở đạo tràng nếu không bị bệnh thì cũng sẽ phát sanh nhiều phiền não, lúc đó chính quý vị tự nhiên sẽ không còn thích ở đây nữa mà tự bỏ đi. Cho nên quý vị phải hiểu rõ sự và lý, phải biết thân phận nhân duyên khó gặp này. Thường trụ ở đây chính là những vị đồng tu phụ trách quản lý đạo tràng, bất luận họ là người tại gia hay xuất gia đều là người Phật tử chân chính không có ý niệm hành vi xấu ác, thật sự đang hộ trì đạo tràng, tuy nhiên đôi lúc về mặt kiến thức còn nhiều khiếm khuyết, còn nhiều đắn đo, e sợ có lỗi với người xuất gia, sợ bị nhân quả, nhưng thực tế cách suy nghĩ này là sai lầm.

Ngày hôm qua tôi đến đây gặp gỡ và cùng mọi người trao đổi, thấy rõ mọi sự đắn đo, lo sợ của quý vị đều là thừa. Bởi vì sao? Quyền chấp sự ở trong tay, quý vị không thể không quản lý, đừng cho rằng đối với người xuất gia ta không dám nói họ. Nếu vậy tôi thử hỏi quý vị lãnh tụ của một nước đối với người xuất gia cũng không dám quản lý hay sao? Giả sử trong nước đều có người xuất gia, quý vị thử nói xem cần cần chính phủ hay không? Quyền chấp sự trong tay quý vị không thể không quản lý. Đạo tràng như một trường học, câu nói này tôi đã nói qua không biết bao nhiêu lần. Người chấp sự là hiệu trưởng, người xuất gia là học sinh như vậy hiệu trưởng có cần quản lý học sinh không? Nếu bảo không, đó chính là lỗi hiệu trưởng, trừ phi quý vị không nhận chức thì nhất định phải quản lý. Học sinh là người xuất gia, học sinh phạm kỷ luật có bị trừng phạt hay không? Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Nếu quý vị không chịu quản lý thì phải từ chức, nếu không từ chức thì nhất định phải quản lý, lý lẽ đơn giản như vậy mà cũng không hiểu thì làm sao được!

Ở Đài Loan, khi Phật Quang Sơn bắt đầu khởi công xây dựng, Ngài Tinh Vân pháp sư có đến nói với tôi rằng Ngài sẽ mở học viện đa số là người xuất gia. Ngài hỏi tôi: Người tại gia có quản lý người xuất gia hay không? Tôi hỏi lại: Người tại gia đó là như thế nào? Ngài nói: Người tại gia là thầy chủ nhiệm của Phật học viện, là một cư sĩ tại gia, trong số học sinh hai phần ba là người xuất gia.

Tôi nói: Đương nhiên phải quản lý.

Là thầy chủ nhiệm của một lớp, học sinh phạm lỗi thầy chủ nhiệm không dám nói vậy thì ai nói, người ta cần thầy chủ nhiệm để làm gì?

Pháp sư Tinh Vân khi đó mới hiểu rõ, không còn đắn đo lo sợ nữa. Nếu quý vị không có quyền uy và trách nhiệm, quý vị không cần biết, chẳng cần hỏi đó là lẽ đương nhiên. Ngày nay chức quyền là mời quý vị đến làm thầy chủ nhiệm, nếu quý vị không quản lý tốt học sinh, quý vị sẽ bị thất nghiệp.

Viện trưởng học viện là thầy Tinh Vân pháp sư, thầy mời quý vị đến làm thầy giảng sư chủ nhiệm, Ngài trả lương, quý vị nhận tiền là thay thế Ngài để dạy và quản lý học sinh, cho nên quyền trong tay quý vị, đây là đạo lý rất bình thường. Nếu như người xuất gia tự cho mình là tài giỏi, là hay lắm, quyết định sẽ đọa địa ngục. Bởi vì sao? Vì xuất gia là phải chuyên tu giới, định, tuệ, tiêu diệt tham, sân, si của quý vị mỗi ngày mỗi tăng trưởng còn giới, định, tuệ mỗi ngày mỗi tiêu diệt mất, quý vị không đọa địa ngục thì ai đọa địa ngục. Điều này trong các kinh luận đại tiểu thừa đều nói rất nhiều, nói rất rõ. Người xuất gia nếu nghĩ rằng đạo tràng không thích hợp cho quý vị tu hành, quý vị có thể rời khỏi nơi đây, đó là điều hợp pháp. Sau khi rời khỏi không thể mang ác ý phê bình, hủy báng đạo tràng, quý vị sẽ mang tội phá hòa hợp tăng. Cho dù đạo tràng không tốt, không như pháp đi nữa khi người ta hỏi đến không cần phải trả lời, ta không tán thán cũng không hủy báng, đây là điều mà Phật đã dạy chúng ta.

Phật không hề dạy người hủy báng kẻ khác hoặc nhiều chuyện thị phi. Phật dạy phải tôn trọng người khác, lễ kính người khác. Riêng về tán thán thì phải xem kỹ sự thật, nếu là việc tốt chúng ta tán thán, việc không tốt không tán thán nhưng quyết định không được hủy báng.

Chúng ta phải siêng năng nỗ lực học tập, phải thật sự lãnh hội nghĩa lý thâm áo mà Phật dạy chúng ta. Đối với người, việc làm và hành vi xấu ác, chúng ta không tán thán nhưng tuyệt đối không hủy báng, còn đối với người tốt, việc làm, hành vi tốt nhất định phải tán thán, chỗ khác nhau là như vậy.

Riêng về việc lễ kính cúng dường thì bình đẳng không có sai biệt, đối với người tạo nghiệp xấu ác, gặp họ hôm nay không có cơm ăn, ta nên cúng dường họ một bữa ăn, gặp lúc trời lạnh bị rét, ta nên cúng dường thêm áo cho họ mặc, không thể nói họ là người xấu ta không thèm để ý giúp đỡ, không để hành động như vậy. Được như thế mới thật sự là đại từ đại bi, thật sự là bình đẳng tiếp tế. Cho nên tất cả việc làm phải y theo lời chỉ dạy trong kinh luận, chúng ta mới không bị sai lầm, không đi nghịch lại với dạy dỗ của Phật. Không thể thuận theo phiền não thói hư tật xấu của mình, không thể đem Phật pháp xem như chuyện tình cảm thế gian. Phật pháp à lý trí, Phật pháp không hờn tợn dựa vào tình cảm. Đối với Phật pháp, trong tình cảm phải có trí tuệ, nhất định không thể mê hoặc. Hy vọng quý vị đồng tu đều có thể hiểu rõ. Ở đây chúng ta đi theo con đường của Ấn Quang đại sư, là một np đều có thể hiểu rõ. Ở đây chúng ta đi theo con đường của Ấn Quang đại sư, là một niệm Phật đường như lý như pháp, công việc niệm Phật chúng ta quanh năm không gián đoạn. Đối với quý vị đồng tu bên ngoài, hằng năm chúng sẽ tổ chức bốn lần Phật thất, Xuân, Hạ, Thu, Đông, mỗi một lần Phật thất không phải chỉ có bảy ngày, mà là đại Phật thất bảy mươi ngày, mỗi ba tháng tổ chức một lần. Như vậy, một năm bốn mùa nhân lên cho bảy mươi, tổng cộng là hai trăm tám mươi ngày dành cho quý vị đồng tu ở các nơi đến. Riêng những người thường trú trong đạo tràng thì quanh năm không gián đoạn. Quý vị đến đây dự Phật thất tốt hơn hết là không nên nói chuyện trong suốt bảy mươi ngày, chắc chắn quý vị sẽ được nhiều lợi ích, bởi vì tâm xen tạp, lời tán dõc sẽ phá hoại công đức của quý vị. Điều này rất quan trọng mong quý vị cần lưu ý. Ngoài việc tiến tu và thành tựu cho bản thân mình, mỗi một ý niệm đều đem công đức hồi hướng cho tất cả chúng sanh đang bị khổ nạn



trên tôn thế giới, nguyện cầu thế giới hòa bình, xã hội an ổn, nhân dân được phước lành.

Cám ơn quý vị. A Di Đà Phật.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam thời Dân Quốc, hiệu Tuyết Tăng; người thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông. Tự bé, ông đã dĩnh ngộ, hiếu học. Ông chuyên làm về pháp luật chính trị học cả Trung Y, nghiên cứu Phật học: “Giáo, Thiên, Tịnh, Mật ông thường đều tu trì. Ông từng giữ chức giám ngục của huyện Lữ, nhưng danh từ tốt bực, chung thân ăn chay.

Ông quy y với vị Tổ thứ mười ba của Tịnh tông là Ấn Quang đại sư, được ban hiệu là Đức Minh. Ông gắng sức tự hành, dạy người chuyên tu Tịnh nghiệp. Sau ông đáp lời mời, làm bí thư cho vị chủ nhiệm quản trị nhà thờ phụng Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư (Không Tử).

ông theo chủ nhiệm Không Thượng Công (Không Đức Thành) thiên di theo chính phủ về Trùng Khánh, sống ở biệt thự Ý Lan thuộc núi Ca Nhạc. Mỗi sáng sớm, ông lên chùa Vân Đảnh để lễ tụng, niệm Phật. Ít lâu sau, ông lãnh trách nhiệm giảng dạy cho Phật Học Giảng Diễn Hội của chùa mấy năm, người tin theo rất đông. Năm Dân Quốc 35 (1946), theo Không Thượng Công trở về Nam Kinh, ông thường giảng kinh tại chùa Phổ tế và Chánh Nhân Liên Xã.

Tháng hai năm Dân Quốc 38 (1949), vào lúc sáu mươi tuổi, ông theo Không Thượng Công Đài Loan, ngụ tại thành phố Đài trung. Vừa mới sắp xếp công vụ xong, ông đã tìm được chùa Pháp Hoa làm cơ sở hoàng pháp và lập thành chân mạch Trung Y, lập Bồ Đề Y Viện và Thí Y Hội v.v... để chữa trị, hốt thuốc miễn phí. Ông khởi xướng những sự nghiệp hoàng hốt, từ thiện để tiếp dẫn quần cơ đồng tu Tịnh Nghiệp. Ông trụ bị, tổ chức và thành lập Đài Trung Liên Xã và đồn thể hoàng pháp, diễn giảng các kinh điển của đạo Nho và đạo Thích. Ông thường nhóm chúng niệm Phật; cử phái viên hoàng pháp đến thăm các nhà giam và những gia đình liên hữu. Do đó, pháp duyên ngày càng rộng rãi; tòa giảng kinh của ông mở rộng đến các chùa Linh Sơn, Bảo Giác, Bảo Thiện v.v.. Ông còn khuếch trương những cơ sở truyền giáo khắp cả Tam Đài (Đài Bắc, Đài Trung và Đài Nam), chuyên hoàng dương Tịnh Độ phổ độ chúng sanh.

Mỗi năm, cử hành Phật thất nhiều lần; lần nào ông cũng đích thân chủ trì, ân cần, thiết tha huấn thị. Ông thường soạn các tài liệu Phật học hàm thụ và vấn đáp, soạn các chương trình phát thanh miễn phí gửi tặng các đài phát thanh. Về trước tác có: A Di Đà kinh Trích Chú Tiếp Mông Kỳ Nghĩa Uẩn (lược chú kinh Di Đà để những người kém hiểu biết lãnh hội được ý nghĩa sâu xa), Đại Chuyên Học Sinh Phật Học Giảng Tòa (tài liệu giảng dạy Phật học cho sinh viên chuyên ngành Phật học) gồm sáu cuốn; Phật Học Vấn Đáp Loại Biên, Hoàng Hộ Tiểu Phẩm Vựng Tồn v.v.. hóa độ nhân gian.

Nhân đó, ở các nơi gần hay xa, mọi người đều được bình đẳng hưởng thụ pháp ích. Sau ông nghỉ việc để tăng thời gian hoàng pháp; luôn luôn khuyên người khác tin sâu nhân quả, già dặn, chắc thật niệm Phật. Ngày mười hai tháng tư năm Dân Quốc 75 (1986), ông bảo đệ tử hầu cận:

- Ta sắp đi đây!

Đến sáng hôm sau, ông niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn, dẫn dò đệ tử rồi nằm yên lành mà tịch, thọ chín mươi tuổi. Lúc trà tỳ, thu được hơn cả ngàn viên xá lợi ngũ sắc.

(theo Lý Công Tuyết Hư Cư Sĩ Lược Sự)

## PHẦN THỨ NHẤT:

### NHỮNG ĐOẠN VĂN TRÍCH TỪ BỘ HOẰNG HỘ TIỂU PHẨM PHÁP TU THÀNH TỰU NGAY TRONG ĐỜI NÀY

#### I. Phải nhận thức rõ hồn cảnh hiện tại và đường lối tương lai

##### 1. Đời người nhiều nghịch cảnh

Có ai là không bị bệnh hoạn, già suy, thân thuộc sanh ly tử biệt, của cải mất mát, ôn thù gia hại? Lại còn kẻ nghèo mong cầu tiền của, người không con cầu con, kẻ vô nghề nghiệp, chức vụ mong có nghề nghiệp, chức vụ; nhưng rốt cuộc rồi mấy ai được như ý? Những điều bất như ý ấy làm cách nào để giải quyết đây?

##### 2. Cõi đời này lắm tai nạn

Gió bão nổi dậy, địa chấn phát sanh, tường đổ nhà sập khiếm lẩn người bị tử thương. Lại còn không mưa thành đại hạn, mưa quá thành lụt, mất mùa khiến lắm người bị chết đói. Nước lớn tràn dâng, chìm ngập thôn trang. Lửa to bốc cháy, thiêu tan thành thị khiến lắm người người bị tử thương. Những chuyện như vậy gần như năm nào cũng có. Lại còn có năm chẳng thái bình, có những quốc gia trên thế giới chẳng nghĩ gì đến lẽ nhân đạo luôn gây va chiến tranh. Lại còn phát minh những vũ khí giết người tối tân, nào là bom nguyên tử, nào là bom kinh khí, chỉ sơ là chẳng giết được thật nhiều người mà thôi. Còn bảo như vậy mới là thế giới tiến hóa, chứ nói trắng ra chỉ là một lò sát sanh lớn! Thử hỏi ai có biện pháp nào tránh khỏi những tai nạn như thế hay không?

##### 3. Nỗi khổ luân hồi của thân sau

Rất đáng thương thay! Người chẳng phải là hết vì thân tuy chết đi, thần thức chẳng diệt. Có sáu cảnh giới là thiên, nhân, a tu la, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ. Thần thức hồn tồn chẳng thể vượt ra khỏi phạm vi của sáu cõi này. So trong lục đạo, cõi trời, cõi người khá, nhưng vẫn có sanh tử, xoay vần qua qua, lại lại; hốt nhiên mang thân trời, người, hốt nhiên sanh trong địa ngục, súc sanh. Ngàn lần sống, vạn lần chết, luân chuyển như thế; xương vùi cao như núi, lệ trào nhiều như biển, thật quá cực khổ! Thử hỏi ai có phương pháp nào trốn tránh sự luân hồi ấy ngõ hầu được trường sanh an tịnh chẳng?

#### II. Phương pháp giải cứu nghịch cảnh, tai nạn, luân hồi

##### 1. Chuyển biến nghịch cảnh, tiêu trừ tai nạn

Sự khổ vui của mọi người vốn là một thứ quả báo, phải vận dụng cả ba đời để qaun sát. Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý này, làm sao thông hiểu được? Hiện tại chúng ta gặp phải nghịch cảnh, mắc phải tai nạn, đương nhiên là có dính líu đến nhân quả. Cách để chuyển biến, tiêu trừ chúng nhanh nhất chính là niệm Phật. Trong kinh từng nói chí tâm niệm Phật một câu, tiêu trừ được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Nếu đã tiêu trừ được tội thì nào còn có nghịch cảnh, tai nạn gì nữa! Kinh còn dạy người niệm Phật A Di Đà được vô lượng vô biên chư Phật ở bốn phương, thượng, hạ hộ niệm. Phật là bậc pháp lực vô biên vạn đức, vạn năng, đã được Phật gia bị thì còn sợ gì tai nạn có chứ?

## 2. Thốt khỏi luân hồi, trường sanh vĩnh viễn

Ngồi lục đạo lại còn có cảnh giới nào khác thì thật là chuyện lạ. A! Lục đạo làm cảnh phàm, nào biết còn có cảnh thánh. Cảnh thắng chính là cõi Phật. Trong cả thế giới ở Phương Tây, có thế giới Cực Lạc, là quốc độ của Phật A Di Đà, hẳn tồn do bảy báu tạo thành, trang nghiêm thanh tịnh.

So với bất cứ cõi thiên cung nào, thế giới Cực Lạc cũng tốt đẹp hơn ngàn vạn vạn lần. Điểm tuyệt diệu nhất là thọ mạng vô lượng, chẳng giống như cõi trời, cõi người sanh tử chẳng ngừng trong lục đạo. Trong kinh có: Nếu ai sanh về đó thân đều sắc vàng, quang minh chói lợi, thần thông đầy đủ, nghĩ đến áo liền có áo, nghĩ ăn liền có ăn, thọ mạng vô lượng, sống mãi đến khi thành Phật.

Phương pháp rốt ráo để sanh về đó là như kinh đã dạy: Niệm A Di Đà đến nhất Tâm Bất Loạn. Lúc lâm chung, nhất định A Di Đà Phật đến rước đi.

3. những điểm tốt lành vừa được đề cập trong hai đoạn trên đều được chép trong kinh, vốn ngàn lần, vạn lần chân thật, chẳng cần phải nhọc công nêu chứng minh nhiều khi tin tâm càng thêm kiên cố nên chẳng ngại dài dòng, nêu thêm mấy câu về “mười đại lợi ích của việc niệm Phật”.

Nghĩa là người niệm Phật quyết định sẽ được mười điều lợi ích:

1. Ngày đêm thường được hết thầy chư thiên, đại lực thần tướng ẩn thân thủ hộ người ấy.

2. Thường được hai mươi lăm vị đại Bồ Tát như Quán Âm bảo vệ, gia hộ.

3. Ngày đêm thường được chư Phật hộ niệm, A Di Đà Phật thường phóng quang minh nhiếp thọ người ấy.

4. Hết thầy ác quỷ, da-xoa, la-sát đều chẳng hại được, chẳng bị trúng phải rắn độc.

5. Nước, lửa, ôn tặc, đao binh, súng ống, gông, cùm, lao ngục...đều chẳng mắc phải.

6. Những tội nghiệp đã tạo khi trước thầy đều tiêu diệt.

7. Đêm ngủ mộng thấy điềm lành, hoặc thấy thân sắc vàng thắng diệu của Phật A Di Đà.

8. Tâm thường hoan hỷ, vẻ mặt tươi tắn, khí lực sung mãn, việc làm tốt đẹp.

9. Thường được hết thầy mọi người trong thế gian cung kính lễ bái giống hệt như kính Phật.

10. Lúc lâm chung tâm không hãi sợ, chánh niệm hiện tiền. Tây phương Tam Thánh dùng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ, liên hoa hóa sanh, hưởng sự vui thắng diệu.

Xin quý vị chú ý: Trong mười điều lợi ích này, chín điều trước là những lợi ích chuyển hóa nghịch cảnh, tiêu trừ tai nạn. Điều lợi ích cuối cùng là thân sau thốt khỏi luân hồi.

## III. Phương pháp niệm Phật

1. Khóa lễ sáng chiều đơn giản nhất

- Nam mô đại từ bi Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (niệm một lần, lễ một lạy, hoặc chỉ chấp tay).

- Nam mô đại từ bi A Di Đà Phật (niệm lễ giống như trên).

- Nam mô đại từ bi A Di Đà Phật (không cần lễ bái, chỉ cung kính niệm. Quý niệm, ngời niệm, đứng niệm đều được. Tối thiểu là trăm câu đến ngàn câu, vạn

câu tùy theo công việc rảnh hay bận của mỗi người. Chỉ nên từ ít lên tăng, đừng từ nhiều giảm xuống ít).

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (niệm một niệm, một lay).

- Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (niệm một niệm, một lay. Quán Âm, Thế Chí là hai vị hiệp sĩ (Bồ tát thị giả thân cận) của đức A Di Đà, thường gọi chung là Tây Phương tam Thánh. Niệm Phật xong, lễ đương nhiên nên lay hai Ngài)

- Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (một niệm, một lay. Cực Lạc thế giới có rất nhiều vị Bồ Tát, tương lai đều là thầy bạn của mình nên cũng nên lễ bái)

Nguyện đem công sức này,  
Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ

Trên đền bốn ân trọng  
Dưới cứu độ ba đường

Nếu có ai thấy nghe,  
Đều phải tâm Bồ Đề

Hết một báo thân này  
Cùng sanh cõi Cực Lạc

(Đây là bài hồi hương, cũng nói về nguyện lực niệm Phật của mình)

Lễ bái lui ra.

Phụ chú:

Mỗi ngày sáng chiều hai lượt thực hành công khóa trên đây. Rửa tay, súc miệng, đối trước tượng Phật thắp hương, đánh lễ, theo đúng pháp tụng niệm. Nếu không có tượng Phật hoặc chỗ mình ở không thuận tiện thì không đốt hương, không đánh lễ cũng được, chỉ hướng mặt về Tây, trong lòng cung kính thì cũng có công đức tương tự. Đừng niệm những chữ ghi trong dấu ngoặc.

2. Phương pháp niệm Phật mười hơi

Cho đến một hơi, niệm dăm ba câu hoặc sáu bảy câu “Nam mô A Di Đà Phật”.

Niệm hết mười hơi như vậy bèn niệm bài hồi hương một lượt, lễ bái lui ra.

Phụ chú:

Cách này dành cho người cực kỳ bận rộn, chỉ tốn thời gian không quá năm phút. Điều trọng yếu nhất là mỗi ngày sáng chiều phải thực hành một lần. Vạn phần chẳng được gián đoạn. Có tượng Phật thì đối trước tượng Phật niệm tụng, không có tượng Phật thì hướng về phía Tây mà làm.

Hai cách niệm Phật vừa đề cập trên là dành cho người quá bận rộn. Nếu có lúc rảnh rỗi thì sau khi niệm “Nam mô đại từ đại bi A Di Đà Phật”, tụng một quyển kinh A Di Đà, tụng ba biến chú vãng sanh, tán Phật một lượt thì càng hay. Cách hành trì này tối đơn giản, hợp thực tế, quyết định thành công.

IV. Trợ duyên để niệm Phật thành công

1. Tiêu chuẩn đơn giản để phân biệt thiện ác

Niệm Phật là chánh nhân, làm là trợ duyên, giống như chim có hai cánh mới có thể bay cao. Nhưng người đời thường chẳng nhận rõ giới tuyến giữa thiện ác. Chuyện lành vắn vặt chẳng hay là lành, điều ác rành rành nào hay là ác. Ở đây, tôi căn cứ theo Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo để nêu ra một tiêu chuẩn: nếu ngăn dè thì là thiện, nuợc bằng trái phạm thì ác. Để dễ hiểu, tôi dùng biểu đồ sau:

3 nghiệp nơi thân	Sát sanh
	Trộm cắp
	Tà dâm
4 nghiệp nơi miệng	Nói dối (vọng ngữ)
	Nói thêu dệt (ý ngữ)
	Ác khẩu
	Nói đôi chiều
3 nghiệp nơi ý	Tham
	Sân
	Si

Phàm là động vật có sanh mạng, bất luận lớn hay nhỏ, cứ làm thương tổn chúng đều là “sát sanh”.

Phàm là tài vật hay danh dự, dù nhiều, ít, lớn nhỏ, nếu chẳng phải là vật của mình, chưa được đối phương chấp thuận mà công khai đoạt lấy, hay trộm lén, cưỡng chiếm, lừa lấy đều là “trộm cắp”.

Ngồi vợ chồng chánh thức, hễ hành dâm với hết thảy chúng sanh, chẳng luận vì lý do nào đều “tà dâm”.

Ôm lòng khinh lừa, nói lời giả dối thì gọi là “vọng ngữ”. Chẳng luận là ngôn ngữ hay văn tự, đã viết ra, đã nói ra, tự mình đề xướng, hoặc hòa theo, tạo ảnh hưởng thương phong bại tục thì gọi là “ý ngữ”. Lời lẽ thô bạo, chửi mắng người thì gọi là “ác khẩu”. Khuấy động thị phi giữa hai bên, ly gián cảm tình người khác thì gọi là “lưỡng thiệt”

Mê đắm các thứ vật dục chẳng bỏ, đã có lại mong có thêm là tham. Có việc bất như ý, tâm nổi nóng, phát nộ khí thì là Sân. Không có lý trí, gặp việc mê hoặc; đối với đạo lý Phật nói, kinh sách thánh hiền đều chẳng nghe theo, lại chẳng tin nhân quả thì là Si.

## 2. Ba đại yếu quyết để vãng sanh Cực Lạc: Tín, Hạnh, Nguyên

Niệm Phật vãng sanh Cực Lạc là một phương pháp đặc biệt ngồi tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật, được gọi là “môn dư đại đạo” (đạo lớn nằm ngoài các pháp môn). Sự tuy đơn giản, lý thực thâm áo, chẳng thể dùng dăm ba câu trình bày tường tận được.

Cần phải biết là đức Phật đạo đức tối cao không ai bằng được, lời Ngài nói ra tuyệt không dối người.

Chỉ nên tin thật có cõi Cực Lạc, niệm Phật được sanh về đấy. Đó chính là yếu quyết thành công thứ nhất.

Lại phải chịu nhận rõ đời ác ngũ trước đây, phát khởi tâm lòng chân thật, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Đây chính là yếu quyết thành công thứ hai.

Đã tín, nguyện rồi lại nên theo đúng phương pháp, mỗi ngày định giờ giấc thực hành công khóa. Đây chính là yếu quyết thành công thứ ba.

## V. Những bậc tiền bối mô phạm và kinh điển nên tham khảo

### 1. Một vài vị sư trưởng cổ, kim

Pháp môn niệm Phật vốn phát xuất từ bi tâm độ sanh triệt để của đức Thích Ca. Pháp môn này giản tiện nhất, ôn hòa, thích đáng nhất, cao siêu nhất. Nếu chẳng

tu nôm pháp môn này thì đừng bàn đến phương pháp nào khác nữa. Điểm hay của pháp môn này là người học vấn càng rộng thì càng nghiên cứu, càng thấu hiểu cao sâu, mà người chẳng biết một chữ vẫn tu tập được. Chỉ tiếc cho những kẻ không hiểu rõ lý này, cứ cho là cách tu của mấy bà già lụm cùm, không khỏi là làm lạc lối lắm ư?

Xin hãy xem trên hội Hoa Nghiêm, hai vị đại thánh Văn Thù, Phổ Hiền đều khuyên tu. Hai vị đại Bồ Tát Mã Minh, Long Thọ của Ấn Độ đều soạn luận hoằng dương. Các bậc cổ đức Trung Hoa từ Huệ Viễn đại sư cho đến Ấn Quang đại sư, lịch đại tổ sư đa phần là tu các tông khác từ trước, sau đều quy hướng Tịnh độ. Đàm Loan đại sư được xưng tụng là hàng nhục thân Bồ Tát, Trí giả đại sư là bậc truyền đăng trong nhà Phật đều hoằng truyền Tịnh Độ. Cận đại, Đệ Nhị đại sư của tông Thiên Thai, Thái Hư đại sư của Duy Thức, Hoằng Nhứt đại sư bên Luật tông, hai vị đại sư Hư Vân, Viên Anh bên nhà Thiền đều có trước tác hoằng dương Tịnh Độ.

Về phía Cư sĩ, cá các vị hiền giả như ông Lưu Lô ở Lô Sơn đời Tấn, Bạch Lạc Thiên đời Đường; Tô Đông Pha, Văn Ngạn Bác Đời Tống; Viên Hoằng Đạo đời Minh, Bành Xích Mộc (Bành Tế Thanh), Dương Nhân Sơn... đời. Họ đều là bậc đại học vấn, ai nấy đều đặt tâm nơi Tịnh Độ. Những vị này ai cũng biết đến. Còn nhiều vị như thế, nhất thời chẳng thể nêu rõ hết, nên cũng không nói thêm nữa.

Chúng ta hãy tự vấn: Trí tuệ, đức năng của mình so với những bậc thánh hiền ấy, ai cao, ai thấp? Họ đều là bậc tu Tịnh, hoằng Tịnh. Trái lại, bọn ta lại xem thường. Tri kiến như vậy có thể nói là tri kiến chánh xác được chăng?

## 2. Kinh điển nên tham khảo

Tam Tạng kinh điển đâu đâu cũng chỉ dạy, quy hướng pháp môn Tịnh Độ, nhưng ai có thời gian nghiên cứu trọn hết chỉ kể những kinh điển chuyên biệt.

Về kinh có A Di Đà kinh, Vô Lượng Thọ kinh, Quán Vô Lượng Thọ kinh. Trong ba bộ tối thiểu là phải học kinh A Di Đà mấy lượt. Nếu đủ sức, nên đọc kỹ bộ Tịnh Độ Thập yếu đôi ba lượt ngõ hầu hiểu đại khái pháp môn Tịnh Độ. Nếu chẳng hiểu nổi. Nếu chẳng hiểu thì những cuốn sách như Kỹ Lộ Chỉ Quy, Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, Phật pháp đạo luận... là những cuốn sách nhỏ viết bằng thể văn bạch thoại để tiếp dẫn người sơ cơ.

Tịnh độ Tam Yếu Thuật Nghĩa, Long Thư Tịnh Độ Văn là những tập sách nhỏ viết theo thể loại văn ngôn, tùy sức đọc vài lượt cũng hiểu được đại lược những điểm quan trọng. Ấn Quang Đại Sư Văn Sao giống như một quyển ngữ lục của Tịnh Độ, An Sĩ Tôn Thư có những mẫu chuyện cũ khá hứng thú. Hai quyển này là có thể giúp người học khai phát trí huệ, chánh tri kiến.

Nếu có thể đọc hết các sách trên xong, xem thêm các kinh khác sẽ thấy dễ dàng hơn.

## VI. Hai loại tâm lý sai lầm thường gặp

### 1. Chấn chỉnh kiến chấp phổ biến “tâm tốt thì cũng giống như niệm Phật”

Tâm ai nấy đều đầy đầy tham, sân, si, thân thường luôn gây tạo sát, đạo, dâm, vẫn cường điệu cố nói là tâm mình tốt, chẳng phải là làm lạc đến mức cùng cực ư” Giả sử như có tâm tốt thật sự thì cũng chẳng ngại mười thứ thiện nghiệp đã nói ở phần trên mà thôi. Đây chỉ đáng gọi là “tu phước”, kiếp sau sẽ hưởng tiêu quả nhân, thiên, chứ vẫn không thoát khỏi luân hồi. Chẳng đến được cõi Cự Lạc

là do đi không đường. Muốn vĩnh sanh Cực Lạc thì phải tu Huệ, mà tu Huệ chính là niệm Phật. Nhân thế nào, quả thế ấy. Phước là phước, huệ là huệ, phải phân biệt rõ ràng, chẳng thể coi là cá mè một lứa đến nỗi làm lạc đại sự được.

2. Chấn chỉnh lời viện cớ “bận rộn quá quá không có thời gian niệm Phật”

Niệm Phật chuyển biến nghịch cảnh, tiêu trừ tai nạn, sanh về Cực Lạc, còn sự nào lớn lao hơn pháp này nữa, nhưng lại xem rất thường. Phần nhiều người đời hay viện mấy lý do như quá bận rộn, không có thời gian để cự tuyệt pháp đại tiện nghi vạn kiếp khó được gặp gỡ này, thật đáng tiếc quá!

Có thật sự là bận rộn hay chẳng? Tôi chẳng thấy vậy. Niệm Phật thì đi, đứng, nằm, ngồi đều làm được; dù là sĩ, nông, công thương đều chẳng trở ngại gì. Nếu chẳng tin thì dưới đây tôi sẽ dẫn một bài ca ngắn để người đời đối với những sinh hoạt thường nhật có thể phân tích rõ ràng. Tôi tin rằng sau khi xem bài ca này xong, nhất định quý vị sẽ chẳng còn cười được nữa.

Bài ca chẳng nhàn  
Biết Ngài vốn chẳng bận  
Cứ cố nói chẳng nhàn,  
Trong hai mươi bốn giờ  
Nằm ngủ mất tám giờ  
Ba bữa ăn ba tiếng  
Lại uống trà, hút thuốc  
Chải gỡ, đại tiện tiện  
Phí mất khoảng một giờ  
Đi ra ngồi uống rượu  
Về chuyện ngẫu cùng vợ  
Ít nhất vài ba giờ  
Lại e lòng bận bịu  
Thân mệt tính ngủ trưa  
Ngủ hai giờ chẳng đã  
Mất đi mười sáu giờ  
uổng phí hơn quá nửa  
Trong tám giờ còn lại  
Chưa chắc đã bận thật  
Niệm Phật được nửa tiếng  
Đã kêu lắm rồi  
Hãy xem người xưa nay  
Mấy ai bảy mươi tuổi  
Đừng đem khổ sanh tử  
Vắt ra đàng sai ót  
Việc chân nhánh của mình  
Vạn vạn lần khẩn cấp  
Xin hãy gấp tỉnh ngộ  
Mau trông chín phẩm sen.  
Phụ lục:  
Yếu quyết niệm Phật

Trong lúc niệm Phật, hết thấy mọi sự trong tâm đều buông xuống hết, đừng nghĩ tưởng loạn xạ, chỉ cần quan tâm đến sáu chữ hồng danh từ tâm mình phát khởi, từ miệng mình vang ra, lọt vào chính tai mình, in sâu vào tâm. Phải tưởng cho rõ. Có như vậy thì mới cảm ứng được.

#### GIẢI ĐÁP NGHI VẤN

1. Có người nói: Chúng tôi là công chức, giáo chức, ở cư xá công cộng thì cúng phật, lễ Phật, đương nhiên là bất tiện, niệm Phật cũng làm phiền người khác bất an, tôi chẳng biết làm sao?

Đáp: Chỗn công cộng đúng thật là có nhiều nỗi bất tiện, nhưng việc gì cũng có cách để dung thông cả. Nếu như đã biết niệm Phật là đại sự thì cứ thành tâm niệm, ắt có hiệu quả lớn. Bởi lẽ tâm niệm còn càng khấn mật hơn miệng niệm, bất tất phải cúng Phật, lễ Phật ra tiếng.

2. Có người nói: Niệm Phật tuy tốt, nhưng phải đến chùa, miếu, liên xã hay trai đường, tôi không có thời gian.

Đáp: Không nhất định phải đến những nơi đó, không có thời gian đi ra ngoài, nhưng chẳng lẽ ở nhà không có thời gian nào rảnh sao? Cứ ở nhà niệm Phật nào có trở ngại chi.

3. Có người nói: Niệm Phật là việc của kẻ có tiền, tôi không có tiền bạc dư dả!

Đáp: Thế là lại lầm hơn nữa! Niệm Phật chẳng tốn tiền mấy ba cây nhang đáng giá là bao? Dù chẳng đốt lấy một cây nhang cũng chẳng quan hệ gì. Chỉ cốt sao trong tâm cung kính là đủ.

4. Có người nói: Niệm Phật là phải ăn chay, tôi không làm được, cho nên tôi không thể niệm Phật?

Đáp; Tạm thời bất tất phải ăn chay, chỉ nên kiêng sát sanh thì cũng có công đức lớn. Có thể tập ăn ba thứ tịnh nhục, tức là: không vì mình mà giết, chẳng thấy con vật bị giết, chẳng nghe nó bị giết. Cá, thịt ngoài chợ làm sẵn rất nhiều, đủ để cho quý vị ăn rồi.

#### NIỆM PHẬT TÂM ĐẠI LỢI ÍCH (BA ĐIỀU LỢI ÍCH LỚN CỦA NIỆM PHẬT)

1. Một câu Phật hiệu tiêu diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử (thuộc về quá khứ)

2. Một câu Phật hiệu tiêu diệt phiền não của nhân sanh, tiêu tai, diên thọ, hưởng phước huệ (thuộc về hiện tại)

3. Một câu Phật hiệu khiến ta thốt khỏi lục đạo luân hồi, vãng sanh thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn trường sanh bất diệt (thuộc về tương lai)

#### PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT

Hỏi: Niệm Phật không chỉ là dùng miệng niệm mà phải chú tâm đúng không?

Đáp: Có nhiều người miệng tuy niệm Phật nhưng chẳng để tâm vào đó, trong lòng tồn là suy xăng nghĩ loạn. Niệm như vậy cũng vô dụng. Miệng niệm Phật thì tâm phải tưởng Phật, tâm khấn nhất như. Ngoại trừ một câu niệm Phật ra không còn nghĩ đến gì khác nữa, không còn có ý niệm nào khác khởi lên. Có vậy mới gọi là “nhất tâm bất đoạn”, từ đó mới dễ thành công.

Hỏi: Như vậy chẳng phải khổ lắm ư?

Đáp: Xem kia! Một mặt quý vị chê niệm Phật quá dễ dàng, một mặt lại sợ nó quá khó. Thật sự ra, một pháp niệm Phật đây, bảo là dễ thì nó cực dễ, chỉ đáng



kể mình có thể bền lòng niệm được nhiều hay không. Lâu ngày chầy tháng, tự nhiên tâm chẳng loạn nữa. Lời tục thường nói: “Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm chẳng chuyên”, chính là ý này.

Lại là một cách niệm Phật như sau: mỗi lúc niệm Phật, mỗi chữ phải phát xuất từ trong tâm. Trong tâm tưởng thật rõ ràng, miệng niệm cho thật rõ ràng, tai nghe thật rõ ràng. Mỗi một chữ phát xuất từ trong tâm, thấu qua tai lọt vào tâm, một chữ cũng chẳng để lọt mất. Tu tập lâu dài như vậy, tâm tự nhiên chẳng còn tán loạn. Đây chính là một phương pháp khẩn yếu bậc nhất, ngàn vạn phần chớ quên.

Hỏi: Nên niệm Phật vào lúc nào?

Đáp: Nên niệm Phật vào hai giờ sáng tối, lập một công khóa nhất định, hạn định số câu niệm Phật nhiều ít: hoặc là mấy trăm câu, mấy ngàn câu, tùy theo hèn cảnh mỗi người mà định số. Chẳng cần biết rảnh hay bận, không niệm đủ số đó là không được. Còn ngồi ra thì chẳng cần biết lúc nào, đang ở chỗ nào đều được niệm cả. Càng niệm nhiều càng tốt. Thời niệm càng lâu càng hay.

Hỏi: Vừa làm việc vừa niệm Phật được không?

Đáp: Lúc đang vác củi, gánh nước cũng niệm Phật được. Lúc cày bừa, cuốc xới, cắt cỏ cũng niệm Phật được. Chẳng luận là đi, ngồi, ngủ nghỉ, thậm chí lúc đang đại tiểu tiện cũng có thể niệm Phật. Nói chung, trừ lúc phải dùng trí óc làm việc, ngồi ra dù đang làm gì cũng chẳng trở ngại việc niệm Phật cả.

Hỏi: Nên niệm Phật lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng?

Đáp: Niệm lớn tiếng cũng tốt, niệm nhỏ tiếng cũng hay. Miệng không niệm nhưng tâm thầm niệm cũng tốt. Chỉ trừ lúc nằm trên giường hay đang ở chỗ không sạch sẽ thì nên thầm niệm trong tâm, chẳng được niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng là không cung kính. Nhưng lúc gặp chuyện nguy cấp, chẳng cần biết là đang ở chỗ nào, cứ việc ra tiếng.

Hỏi: Học Phật thì nên thờ hình Phật nào?

Đáp: Thờ một mình đức A Di Đà Phật hoặc tượng Tây Phương Tam Thánh đều được (A Di Đà Phật và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí gọi là Tây Phương Tam Thánh).

Hỏi: Nên tượng Phật ở chỗ nào?

Đáp: Nếu có phòng trống, dành riêng một phòng thờ Phật là tốt nhất. Nếu không có, thờ Phật ngay trong phòng mình ở cũng được. Nói chung là phải chọn nơi sạch sẽ. Trước tượng treo màn vải vàng, lúc không niệm Phật, buông màn xuống. Làm như vậy để khỏi nổi khinh nhờn. Tốt nhất là để tượng Phật hướng mặt về Đông, người niệm Phật đối trước tượng Phật, hướng mặt về Tây. Nếu chẳng thể làm vậy được.

Hỏi: Nếu không có chỗ nào thuận tiện, không thờ Phật có được không?

Đáp: Nếu thực sự không có chỗ nào thuận tiện, miễn sao tâm thành thì không thì thờ tượng Phật cũng được. Lúc niệm Phật hướng về Tây là ổn.

Hỏi: Nên dùng những thứ gì để cúng dường Phật?

Đáp: Thông thường dùng hương, hoa, đèn, nước trong, trái cây v.v... Nếu không liệu được, thiếu một vài thứ hoặc không có thứ gì hết cũng xong. Nhưng tuyệt đối chẳng cúng rượu hoặc đồ mặn cũng như đốt giấy tiền, vàng mã trước Phật.

Hỏi: Nên hành lễ trước Phật như thế nào?

Đáp: Tùy ý. Hoặc là đập đầu lay, hoặc là vái, hoặc khom mình, hoặc chắp tay; nhưng đập đầu lễ bái là cung kính nhất, có thể tiêu tội, tăng phước.

Hỏi: Lúc niệm Phật có nên quỳ trước mặt Phật không?

Đáp: Chẳng nhất định, Quỳ niệm, đứng niệm, vừa đa vừa niệm đều được. Cốt yếu là phải thành tâm. Quỳ niệm rất tốt mà ngồi niệm cũng hay.

Hỏi: Cụ nói hai thời niệm Phật sáng tối, phải lập một khóa trình, phiên cụ lập cho tôi một khóa trình có phải là hay hơn không?

Đáp: Khóa trình vốn là dựa theo thời gian, sức lực của chính mỗi người mà quy định. Ngài đã cầu tôi thì tốt nhất là tôi soạn ra một nghi thức thật là đơn giản cho Ngài vậy.

Nếu như Ngài có sức thì có thể hành trì thêm nhiều hơn, có thể thêm vào kinh Di Đà, chú Vãng sanh, kệ Tán Phật, văn Đại Phát Nguyện. Những bài kinh ấy trong sách Thiên Môn Nhật Tụng có chép đủ cả, những chỗ lưu thông kinh Phật đều có. Khóa sáng thì lúc vừa ngủ dậy, khóa tối thì trước khi đi ngủ, rửa tay cung kính, rồi quỳ hoặc đứng, hoặc ngồi xếp bằng, dùng tâm chí thành niệm theo thứ tự sau:

- Nam mô thập phương Thường Trụ Tam Bảo (niệm một lần, lễ một lay).
- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (niệm một lần, lễ một lay).
- Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật (niệm một lần, lễ một lay).
- Nam mô A Di Đà (trăm câu, ngàn câu, hai, ba ngàn câu, càng nhiều càng hay. Tùy mỗi người rảnh hay bận mà định số, nhưng phải từ ít tăng lên nhiều, chẳng được từ nhiều giảm ít đi. Vô luận niệm nhiều hay ít, chẳng cần phải lay).
- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (niệm một tiếng, lễ một lay, hoặc niệm ba lần, lễ ba lay).
- Nam mô Đại thế Chí Bồ Tát (như trên).
- Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (như trên).
- Nguyện đem công đức này Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ.

Trên đền bốn ơn nặng. Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu có ai thấy nghe

Đều phát lòng Bồ Đề

Hết một báo thân này

Cùng sanh cõi Cực Lạc. (lễ ba lay)

Hỏi: Khóa trình này rất hay, xin giảng thêm về chữ “thập phương Tam Bảo”.

Đáp: Tám phương, phương trên và phương dưới gọi là mười phương. Phật, Pháp, Tăng là Tam Bảo. Phật là giáo chủ. Pháp là kinh điển để tu nhân chính quả Đức Phật giảng. Tăng là những pháp tử chiếu theo lời Phật dạy tu hành, đã chứng thánh quả Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, và các cao tăng đạo cao, đức trọng, hoằng pháp lợi sanh.

Phật, Pháp, Tăng đều gọi là Bảo (quý báu) vì có thể phát sanh, tăng trưởng phát sanh, tăng trưởng pháp thân, huệ mạng của hết thảy chúng sanh, giống như của báu trong thế gian có khả năng nuôi sống thân mạng của con người. Phải hiểu rằng khi niệm Tam Bảo chính là biểu thị mình hôn tồn lấy Phật, kinh điển Phật nói và các vị Bồ Tát, cao tăng tu hành đúng theo lời Phật làm cho thầy của mình. Mình từ những vị đó quy hướng trở thành tính đồ Phật giáo.

Hỏi: Xin hỏi vì sao phải niệm Phật Thích Ca?

Đáp: Vì thế niệm Phật lúc lâm chung, hai vị Bồ Tát này cùng với đức A Di Đà Phật đồng thời đến tiếp dẫn về Tây Phương. Vì thế niệm Phật xong phải niệm danh hiệu và lễ bái hai vị Bồ Tát này.

Hỏi: Thanh Tịnh Đạt Hải Chúng Bồ Tát là những vị Bồ nào?

Đáp: Thanh Tịnh Đạt Hải Chúng Bồ Tát là tất cả những vị Bồ Tát thế giới Cực Lạc đều rất thanh tịnh. Ba chữ Đại Hải Chúng ngụ ý các vị Bồ Tát ấy nhiều như nước biển. Sớm muộn gì ta cũng sẽ làm bầu bạn với các vị Bồ Tát ấy, vì thế cần phải niệm niệm lễ bái họ.

Hỏi: Kệ Hồi Hương có tác dụng gì?

Đáp: Công dụng của bài Kệ Hồi Hương rất lớn. Người tu hành bất luận là niệm Phật, hay niệm kinh, niệm xong, nhất định phải phải niệm kệ Hồi Hương một lượt. Hồi Hương có nghĩa là gom về, tức là phương pháp đem công sức niệm Phật, niệm kinh gom về một nơi. Gom về nơi nào? Gom về việc cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!

Chẳng riêng gì niệm Phật, niệm kinh mới hồi hương về Cực Lạc thế giới, mà bất luận làm việc lành nào cũng đều phải hồi hương về Cực Lạc thế giới. Càng tích thêm được một phần công đức thì hy vọng được vãng sanh càng tăng thêm một phần. Nếu làm công đức nhưng chẳng hồi hương cầu sanh về Cực Lạc thế giới thì chỉ sợ đời sau chỉ được báo ứng trong cõi trời, cõi người, vẫn cứ luân hồi trong lục đạo, chẳng được giải thoát. Phước báo càng lớn, càng dễ tạo tội, nên kiếp kế đó càng thấy rõ hơn.

Vì thế, người học Phật phải nên đem hết thảy công đức hồi hương vãng sanh tây Phương thì lúc lâm chung mới có hy vọng được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhưng niệm bài kệ hồi hương cũng giống như niệm Phật, phải từng chữ, từng câu phát xuất từ nội tâm, chẳng thể niệm xuôi nơi cửa miệng được.

Hỏi: Xin cụ giảng qua ý nghĩa từng câu trong bài kệ Hồi Hương.

Đáp: Câu thứ nhất và câu thứ hai nghĩa là ta đem công đức niệm Phật này mà niệm thì tương lai cũng có thể được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là vì Đức Phật A Di Đà đã từng phát nguyện nên tự nhiên được vãng sanh không sai!

**CHƯA CHỨNG CHÂN NHƯ THÌ ĐỐI VỚI**

**LÝ NHÂN DUYÊN PHẢI RẤT CÂN TRỌNG**

Học Phật chú trọng “hạnh giải tương ứng”. Hiểu (giải) nhưng không hành giống như kê tên thức ăn, đếm cửa cải. Hành mà không hiểu dễ lạc ngõ rẽ. Cả hai đều mắc lỗi. Nay người tu Tịnh Độ chỉ nói là niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chỉ biết bám víu theo quả, đến nỗi chẳng biết những điều mình niệm đó là đúng pháp hay không, cứ coi nhẹ, chẳng gia công xem xét. Bởi vậy thành ra mất nhân lực lẫn duyên lực, há chẳng phải là chẳng biết chăm lo cái gốc đó ư? Kinh dạy: “Nhân địa chẳng chân sẽ cảm quả cong vạy”. Kinh còn dạy: “Duyên là hết thảy công đức thiện căn, hỗ trợ liễu nhân, khai phát chánh nhân”. Ôi! Há có nên chẳng suy nghĩ kỹ càng chăng?

Nói đến Tịnh Độ là nói đến quả Thanh Tịnh, không phiền não nghịch ác. Niệm Phật là lấy cái tâm không nghịch ác, phiền não, thanh tịnh làm nhân. Thêm nữa, hành các điều thiện, vạn đức chính là trợ duyên cho nhân ấy. Nhân và duyên ví như hai cánh chim. Phải cùng nâng cả hai cánh mới có thể bay cao, bay xa, đạt

đến chỗ mình hướng đến. Phải cùng tu cả nhân lẫn duyên thì mới thành tựu được quả.

Cổ đức biết rõ như thế nên khi dạy người không vị nào chẳng đề cao nhân, nào là “thanh tịnh ý mình”, nào “tâm tịnh cõi nước tịnh” để hiển thị rằng: Muốn chứng tịnh quả, phải gieo tịnh nhân. Tuy bảo là “đời nghiệp vãng sanh”, nhưng nghiệp nói đó chỉ là nghiệp quá khứ vẫn còn ẩn tàng, chứ chẳng phải tạo tội nghiệp mà vẫn được vãng sanh. Đủ thấy, [chư cổ đức] chẳng chấp nhận [hành nhân gây tội] lỗi mới. Hiểu rõ lẽ này thì vạn người tu, vạn người về. Hễ làm lạc thì nhân lẫn lực chẳng đủ, mong chứng quả sao được?

Ba kinh Tịnh Độ đều trọng trợ duyên, cực lực khen ngợi phước đức. Kinh Tiểu Bản (kinh A Di Đà) dạy: “Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi ấy”. Kinh Đại Bản (kinh Vô Lượng Thọ) dạy: “Khiến cho bỏ ngũ ác, trừ năm sự đau đớn, lìa khỏi năm sự thiêu đốt”. Quán kinh dạy: “Muốn sanh về cõi ấy nên tu ba thứ phước”. Kinh dạy rành rành, dù có nhân nhưng thiếu duyên, dễ đâu thành tựu!

Có kẻ bảo: “Niệm Phật một câu có thể tiêu trừ trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”. Nghiệp đã tiêu rồi thì cần gì phải nhọc công giảng giải, suy xét nhân duyên nữa cơ chứ?

#### 10. Tịnh Độ Tông (còn gọi là Liên Tông)

Do đại sư Huệ Viễn đời Tấn sáng lập, lấy ba kinh Di Đà, Vô Lượng Thọ và Quán Kinh làm kinh điển chủ yếu. Chủ trương “bốn Pháp niệm Phật, đời nghiệp vãng sanh Cực Lạc”. Phương pháp của tông này là độ khắp ba căn, thâm trọn lợi độ. Vì thế, người tại gia tu tập càng thật tiện lợi.

Thứ tự của mười tông này là căn cứ theo cuốn Thích giáo Tam Tự Kinh của Lý Xuy Vạn lão nhân đời Minh. Cuốn sách từng được đại sư Ấn Quang trùng đính vào đời Thanh, sau lại được cư sĩ Dương Nhân Sơn san định, nhuận sắc. Thứ tự này có lẽ là có dụng ý. Dùng ý kiến thô thiển của mình để suy xét, tôi xin thử trình bày như sau:

1. Nếu căn cứ vào Thừa thì chia ra hai tông thuộc Tiểu Thừa, bảy tông Đại Thừa. Luật tông gồm cả Tiểu lẫn Đại. Lẽ tự nhiên là nêu Tiểu trước rồi mới nêu Đại, nên Thành Thật và Câu Xá được nêu trước, Luật tông nêu trung gian, kế tiếp nêu tên các tông khác.

2. Nếu luận theo giáo nghĩa thì Thiên Tông là ‘truyền thật tâm ấn’, là pháp tối cao, nên nêu tên trước tiên trong các tông Đại Thừa. Tịnh tông độ khắp ba căn, là pháp rộng nhất nên liệt kê sau cùng; giống như xe có hai bánh. Các tông khác được kể ở trung gian khác như thùng xe, gọng xe...Xe có công năng chuyên chở, bánh xe có sức mạnh vận chuyển.

3. Nếu Luận về mặt hành trì thì Giới Luật là căn bản của các hạnh nên ngay sau khi biết thiền, hiểu Tông thì trước hết phải lấy ngay Luật làm căn bản chánh. Học quý cầu hiểu, tánh- tướng của hai Tông Thiên Thai, Hiền thủ đều làm kim chỉ nam cho giáo lý nên phải được nêu ngay tiếp sau đó để người học hiểu rõ giáo tướng. Hiểu rồi thì quý ở chỗ thực hành nên Mật, chuyên tu trì được nêu sau rốt, khiến cho người học biết chỗ quy túc.

Trong mười tông, hai tông Luật và Tịnh đều mang đặc tánh phổ thông. Chẳng cần biết là tông nào, đều phải thọ trì giới luật, đều có thể kiêm tu niệm Phật. Bởi

lẽ, không giới hạnh thì vạn Đức chẳng lập, có niệm Phật thì sẽ thành tựu ổn thỏa nhất.

## PHẦN THỨ HAI PHẬT KHAI THỊ

### KHAI THỊ TẠI PHẬT THẤT CHÙA LINH SƠN NĂM NHÂM TÝ

(Đệ Tử Ngô Thông Long Kính Ghi)

#### 1. Khai thị lần thứ nhất

Niệm Phật kết thất tính đến nay đã là hai mươi ba năm rồi, những liên hữu đã mất tính ra một ngàn sáu trăm vị. Có vị được vãng sanh, có vị chẳng được vãng sanh. Số vãng sanh chiếm thiểu số, phần nhiều thuộc vào thời gian mười năm trước, mười năm sau thật là ít ỏi. Sa sút như thế chẳng buốt lòng sao! Chuyện cũ lỡ rồi, tương lai phải gắng, xin hãy bắt đầu từ hôm nay!

Niệm Phật để được vãng sanh, để được giải thoát thực sự. Kết thất là “khắc kỳ cầu chứng”, tức là trong thời gian định kỳ cầu đạt được chứng cứ chứng tỏ mình sẽ vãng sanh - chứng ấy chính là “Nhất Tâm bất Loạn”. Nhất Tâm bất Loạn chính là lẽ bí mật của Kinh. Kết thất chẳng được Nhất Tâm chính là đã để lỡ dịp. Làm thế nào để đạt được? Có nhiều nhân để thành tựu, nhưng quan trọng nhất chỉ có hai:

- Một là người lập đạo Tràng phải phụng hành đúng với giáo pháp.

- Hai là người tu hành phải tu đúng như pháp.

Kế đó, lại phải chân thành. Mọi pháp thế gian còn phải chân tâm phật ý thì mới có hy vọng tựu về sau, hưởng hồ là Phật Pháp? Vì thế phải hết sức thành khẩn tu tập. Nếu không thì chẳng những vô ích mà còn chiêu lấy tội lỗi.

Đã thất giống như dựng tòa lâu lớn cao trăm thước. Muốn xây được thì phải thực hiện ba giai đoạn công tác:

- Dọn sạch sẽ cuộc đất mình xây, dẹp bỏ các chướng ngại vật

- Bồi đất đá lên trên ấy.

- Xây móng thật kiên cố rồi mới có thể xây lên từng tầng.

Đã thất cũng thế, đó chính là “kiến thiết tâm lý”, cũng có ba tầng thi

- Đem hết thảy những chuyện nhân, ngã, thị phi khắp tồn thân bỏ xuống hết, chẳng được dùng ngàn vạn tâm tình niệm Phật. Trong vòng bảy ngày phải chú trọng buông bỏ vạn duyên.

- Đối với những người dự Phật thất nhưng vẫn ngủ ở nhà thì phải gắng sao thân tuy ở nhà, nhưng tâm thường ở chùa Linh Sơn. Trên đường đi về, niệm niệm nghĩ đến Phật.

- Một khi đến đạo tràng, đừng trò chuyện, hàn huyên, ít nói một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật, đánh chết mỗi ý niệm, để pháp thân được sống”. Chỗ này đã là đạo tràng thì hễ ngồi xuống bắt đầu niệm Phật, chớ đừng có lên lên xuống xuống, ngồi đứng chẳng yên, tự gây những chuyện phiền tối vật vãnh, phương hại người khác, tạo thành tội vạ lớn.

Ba điều như thế, hãy siêng phụng hành!

Lại nói đến phương pháp niệm Phật thì một câu Phật hiệu từ tâm đề khởi, từ miệng niệm ra, nghe suốt vào tai, cần phải phân minh. lại còn phải ghi nhớ số (bắt tất dùng râu chuỗi) từ một đến mười. Chỉ cần nghe được rõ ràng là đã đạt công phu, tức là đã nhất tâm niệm Phật đó vậy!

#### 2. Khai thị lần thứ hai

Phật thất khai thị là làm cho hành giả giác ngộ, ắt phải tự giác ngộ thì sau mới có hy vọng thành công.

Bởi thế điều thứ nhất là phải giác, giác như thế nào? Giác tình thế hiện tại. Ngày hôm nay chúng ta phải giác ngộ mình đang ở trong tình thế nào? Là giống như con cá vậy. Có người nghe vậy bảo tôi biết rồi, “cá” là giống như chữ “cá” trong bài kệ đọc lúc chiều tối:

Thị nhị nhĩ quá,

Mạng diệt tùy giảm,

Như thiếu thủy ngư, Tư hữu hà lạc?

(Ngày hôm nay đã qua,

Mạng theo đó cũng giảm, Khác nào cá thiếu nước,

Điều ấy có vui chi)

Nhưng chữ “ngư” tôi nói ở đây không phải chỉ có nghĩa như vậy, mà “ngư” đây là con cá đang nằm trong nồi, ở dưới đũa sẵn củi. Tuy trong nồi có nước, tạm thời cá có thể bơi qua, bơi lại, tiêu dao tự tại, nhưng nguy hiểm đến cùng cực, chỉ chờ lúc củi bén lửa thì phận cá sẽ ra sao? Các vị nghĩ xem! Hòn cảnh của chúng ta đây giống hệt như thế đó: bị ác ma giam chặt trong chảo dầu do chúng tạo, sớm tối sẽ bén lửa. Đây chính cái gọi là thời đại bom nguyên tử! Tuy bom nguyên tử là do Mỹ, Nga tấn công nhau, nhưng ai dám bảo đảm Đài Loan chẳng bị lãnh họa. Dù chẳng bị nạn trực tiếp, nhưng bị bụi bom nguyên tử nhiễm thân, chết nát ra là chuyện tất nhiên! Chúng ta phải nên nhận biết hòn cảnh này, vị trí này.

Điều thứ hai là phải sợ. Điều vừa nói trên chưa đáng sợ, điều đáng sợ là nghiệp chưa tiêu nên phải lãnh chịu không ngừng. Thử hỏi: Thế giới này là ngũ trược ác thế, vì sao quý vị sanh vào đây? Lại vì sao sanh nhằm thời này? Đều do nghiệp lực khiến thành như vậy; vì cộng nghiệp, cộng cảm, cộng thọ vậy.

Đã như vậy thì đừng có oán trời, trách người. Người có công phu tốt tự có biện pháp tốt. Do cộng thọ nên không tránh khỏi chết, như chết đi sanh về những nơi khác nhau là do công phu sai khác, tức là lúc chết chính là lúc vãng sanh. Nếu chúng ta đạt được Nhất Tâm thì ngay hiện tại sẽ đạt được “cộng trung bất cộng” (dù cùng cộng nghiệp mà chẳng phải cùng chịu khổ quả), tương lai vãng sanh cũng ổn đáng. Nhưng nay chúng ta chưa làm được như vậy thì chết đi sẽ lại hướng đến tam đồ, lục đạo! Đây chính là điều chúng ta phải kinh sợ.

Điều thứ ba là nên tiếc. Học Phật, niệm Phật đến nay đã là hai mươi năm, như trong số những người cùng tu vẫn chưa có ai nắm vững. Tiếc thay! Tiếc thay! Cơ duyên trước mắt một phen mất đi, khó thể có lại được. Đừng nói đời này chẳng tu đọi kiếp sau, bởi lẽ “thân người khó được”. “Vị dù được làm thân người, nhưng Phật pháp khó nghe”, chưa chắc đã nghe được Phật pháp. Vị dù được nghe Phật pháp, chưa chắc được nghe pháp môn Tịnh Độ, chưa chắc kết thân như ngày hôm nay. Thử nghĩ xem: đạo tràng của chúng ta giảng kinh như thế, mỗi năm kết thất mà vẫn chưa thành thì hướng hồ gì là kiếp sau?

Vả lại, người ta được thành tựu hay không là do căn khí. Người đời có thể chia thành hai loại là ngu si và thông minh.

- Kẻ ngu tuy được khai thị, nhưng nghe rồi tâm vẫn chẳng tiến triển, không hề giác ngộ. Vì sao đến nỗi như thế? Do ba độc trong tâm đầy dẫy, độc phát ra ngoài

nên hiện tướng như thế. Hạng người này ngã kiến rất nặng, thường khởi phiền não, khó độ được! Nhưng bọn họ đời này tạo ác tuy lớn, nhưng dễ giác ngộ, nếu gặp được thiện tri thức uôn năn sẽ mau biến chuyển, dễ độ!

Thứ hai là do đều nghiệp lực đời trước tạo thành như thế. Nghiệp lực vô biên nên ngay trong thời Đức Phật, vẫn có kẻ Ngài chẳng độ được. Vì thế mới nói "phước chí tâm linh", nghe pháp rồi tấn tu quả là kẻ có phước vậy!

Thế nhưng Phật pháp vô biên, đối với mỗi căn khí đều có phương tiện. Tổ sư Ngẫu Ích đã dạy cho kẻ ngu pháp "sám hối hồi hướng". Với hết thảy những sự nơi thân, khẩu, ý, hễ lành thì hồi hướng Tây Phương, hễ ác thì sám hối ngay lập tức. Ngay cả việc lành sám hối đócũng đem hồi hướng Tây Phương. Kẻ si chẳng thể phân biệt thiện ác thì cứ nhất loạt sám hối, nhất loạt hồi hướng. Tâm quyết định như thế thì niệm niệm tại Tây Phương, lực dụng rất lớn. Cách thực hiện như sau:

1. Sau hai khóa lễ sáng tối liền sám hối, hồi hướng.
2. Thường ngày hễ gặp cảnh trái ngang, lãng nhục, khốn khổ liền lập tức sám hối, hồi hướng. Bởi đây là do túc nghiệp tạo thành như thế cho nên phải sám hối nghiệp nặng.
3. Lúc tâm khởi ác niệm, phiền não bèn lập tức sám hối. Do nghiệp lực nên phiền não thường khởi, đừng đổ lên người khác. Nếu không, hậu báo vô cùng vậy. Bởi lẽ, những chuyện ngang trái v.v... là do nghiệp lực, chịu xong liền hết. Nếu lại khởi phiền não gieo vạ cho người khác thì sẽ xoay vần báo trả nhau, chính là mình tự hại mình vậy!

Ba thứ sám hối hồi hướng như thế chính là pháp môn mát nhiều năm tôi mới cầu được, nay tặng cho quý vị. Quý vị hãy thực hành, đừng khinh là tầm thường. Tổ Ngẫu Ích bảo sám hối, hồi hướng lại thêm niệm Phật thì không là ai chẳng thành cả!

Kinh dạy: "Chí tâm niệm Phật một câu tiêu trừ được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử". Trong hai mươi năm qua, quý vị không một ai niệm được như vậy. Chí tâm là lúc niệm Phật trước hết phải dọn tâm cho sạch sẽ, rỗng rỗng rang rang thì ngay khi ấy, một câu Phật hiệu thông trện suốt dưới, không còn gì khác cả. Niệm chí tâm như thế thì mới hòng dặt được "Nhất Tâm Bất Loạn". Quý vị niệm Phật hãy nên theo nguyên tắc này, nhưng làm thế nào để chí tâm? Xin đáp: "Tội từ tâm khởi dùng tâm sám". Do còn tội nghiệp nên tâm khởi phiền não. Lúc tâm khởi phiền não thì sẽ tạo tội nghiệp. Ngay lúc ấy phải sám hối cho nó tiêu mất. "Tâm đã diệt rồi tội cũng không". Do còn tội nghiệp nên chẳng thể chí tâm. Bởi thế bảo: "Tội diệt, tâm mất thảy đều không, thế mới gọi là chân sám hối". Niệm Phật như thế thì đạt được chí tâm, diệt được trọng tội, dù bon nguyên tử có rơi xuống cũng chẳng ngại gì. Kệ rằng:

Tâm nhất phan minh đoạn hoặc thì,  
Vãng sanh chứng quả thượng hà nghi,  
Tuy nhiên thường thuyết hoặc nam đoạn, Sám hối huyền môn tích bất tri.  
(Tâm đã phân minh đoạn hoặc rồi, Vãng sanh chứng quả há nào sai,  
Tuy thường hay bảo Hoặc khó đoạn,  
Sám hối huyền môn tiếc chẳng hay)

Nếu niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn thì chính là lúc đoạn Hoặc. Như vậy ắt được vãng sanh, vãng sanh rồi ắt mau chứng thực quả. Ly thật phân minh, còn gñhi ngờ gì nữa? Tuy nói là đoạn Hoặc rất khó, đoạn một phẩm Kiến Tư Hoặc như cắt đứt dòng sông chảy mạnh rộng đến bốn mươi dặm, nhưng vẫn có pháp môn màu nhiệm chính là sám hối hồi hướng. Đây chính là huyền môn. Tiếc rằng người đời chẳng biết. Niệm Phật mà biết phối hợp với pháp môn này thì sẽ thành tựu dễ dàng!

II. Khai thị tại Phật Thất chùa Linh Sơn năm giáp Dần (đệ tử Hà Mỹ Tuyết kính ghi)

Thưa các vị lão sư, các vị đồng tu.

Từ khi Linh Sơn tự có Phật thất đến nay đã là hai mươi lăm năm, có thể duy trì lâu dài liên tục, chẳng gián đoạn như thế thật chẳng phải là chuyện dễ. Phật Thất mỗi năm, học nhân (lời cụ Lý Bình Nam tự xưng) đều đến tham gia, chẳng dám bảo là khai thị, mà chỉ là đem phương pháp niệm Phật và yếu nghĩa của nó sách tấn, khuyến lơn các vị mà thôi.

Trong hai mươi lăm năm, những điều cần nói đã nói qua cả rồi. Gần đây học nhân bận rộn lắm việc, trong thời gian tổ chức Phật Thất, chỉ có thể đến hai lần. Những điều nói ra đều là những câu lấy trong kinh, hoặc từ ngữ lục của chư Tổ Sư. Học nhân vô học vô đức, ngồi những lời kinh, lời Tổ dạy thì không còn gì để nói, những điều muốn nói cũng phát xuất từ khuôn phép của tiền nhân. Những điều tôi nói trong quá khứ, chưa chắc quý vị đã nhớ hết, hoặc đã quên sạch, nên hôm nay nhắc lại thì cũng như mới nói.

Lần này học nhân thay đổi phương thức, in dàn bài tặng quý vị tham khảo. Bởi vì xem dàn bài nghe giảng, ấn tượng càng khắc sâu, dễ hiểu rõ trọn vẹn, nghe xong có thể đem về nghiên cứu kỹ càng. Nếu như quý vị nhờ đó mà đạt được cảnh giới tốt thì cố nhiên là rất tốt. Nếu như không thấy tiến bộ gì thì xem đọc lại nhiều lần, cốt sao cho đúng pháp thực hành, lâu ngày chầy tháng nhất định sẽ được lợi ích.

Chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ mục đích là tương lai chứng đắc Phật quả. Tu các pháp môn khác mà muốn chứng Phật quả thì phải trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp; trong trăm vạn người khó có một thành tựu. Phật Quả tuy tốt, nhưng ai có thể chứng được? Trong Pháp môn Tịnh Độ thì chỉ cần tại thế giới Sa Bà này, trong vòng mấy mươi nă, ngăn ngại, một câu A Di Đà Phật niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn thì liền được vãng sanh, trong một thời gian ngắn thành địa vị Bồ Tát, thành Phật rất dễ. Vì vậy, pháp môn này dễ tu, đáng gọi là “độ khắp ba căn, gồm thâu lợi, độn”. Thượng căn được lợi mà bọn độn căn chúng ta có thể được lợi. Ai ai cũng tu được, để có thể thành tựu.

Hễ ai tu Tịnh Độ đều biết những câu “vạn nhân tu vạn nhân khú” (vạn người tu, vạn người vãng sanh), “đời nghiệp vãng sanh”, “Nhất Tâm Bất Loạn”, nhưng mọi người đều chẳng muốn hiểu kỹ ba câu này. Tôi đã từng giảng qua, nhưng ai nấy đều hiểu lầm ý nghĩa của chúng, vẫn chưa thể hiểu sâu, hiểu đúng, hiểu tỉ mỉ, cho nên chưa thể thành công được.

Mấy năm gần đây, thấy công phu các vị thụt lùi lớn. Nhớ năm năm đầu lúc mới mở Phật Thất ở Đài Trung còn khá, chứ năm năm sau đó đã kém hẳn, năm năm kế tiếp đó càng tệ hơn nữa. Công đã chẳng tiến, trái lại còn lui sụt. Đã thế niệm



Phật đều chẳng phân khởi tinh thần. Đây là lời thực, học nhân đến đây chỉ mong quý vị đạt được lợi ích chân thật. Bởi thế, chẳng thể khen ngợi quý vị được. Tăng bậc quý vị thì chẳng những chẳng được vãng sanh mà trái lại còn làm hại cho mọi người. Nay đem ý nghĩa chân thật của ba câu ấy nói ra, quý vị sẽ liền biết rõ công phu của mình như thế nào.

“Vạn tu vạn nhân khứ”

Đây chính là lời của Tổ Sư, hồn tồn chẳng sai lầm, dưới đây sẽ nêu bốn điều để chân chánh giải pháp, khiến cho quý vị chẳng còn hiểu lầm ý nghĩa của câu này nữa.

A. Tu phải nhận thức rõ Chánh Trợ Song Tu

Tu tức là chiếu theo pháp môn Tịnh Độ mà tu, phải nhận thức rõ Chánh Trợ Song Tu. Chánh tức là công phu căn bản, chỉ niệm sáu chữ hồng danh “Nam mô A Di Đà Phật”. Đây là công phu chánh, ai cũng biết niệm. Chẳng học Phật cũng biết niệm, nhưng không hiểu nghĩa. Nay tôi giải thích đại lược:

1. Một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” là pháp giới Tạng Thân, bao gồm cả thập phương tam thế chư Phật.
2. Một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” bao trùm cả hai mươi hai bộ loại kinh điển trong Tam Tạng, tức là chữ A đã bao gồm toàn bộ giáo pháp của Tam Tạng.
3. Sáu chữ hồng danh là vua các chú, sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” là chữ bí mật, chẳng phiên dịch. Cả sáu chữ đều chẳng phải là tiếng tàu. Pháp này cao tột, thù thắng hơn trì tụng bất cứ chú ngữ nào khác.
4. Hai Phật phải tu định. “Hoa Nghiêm đại định” chính là Di Đà đại định. Nhất Tâm Bất Loạn chính là định, đạt được Nhất Tâm là thành công. Đây chính là chỗ mầu nhiệm của pháp môn Tịnh Độ.

Hai mươi năm trước đây, ngoại trừ những lúc có Phật thất, mỗi Chủ Nhật, học nhân đều đến đây giảng kinh, phần lớn các kinh đã giảng qua, nhưng học thường nói: Giảng kinh chẳng thể liễu thoát sanh tử, chỉ là để kết duyên nhằm khiến chúng sanh hiểu rõ ý kinh, cải biến tâm lý, thực tiễn tu hành. Dù cho có giảng kinh trăm năm, hàng ngày cũng kinh chẳng thể liễu sanh tử. Chẳng bằng kẻ chẳng hiểu giáo lý nhưng biết niệm sáu chữ hồng danh, niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn thì được lợi ích rất lớn.

Niệm Phật là công phu chánh, có thể hiển lộ bản tánh Chân Như. Niệm đến Nhất Tâm thì tâm minh, tánh hiển, đây là thành công. Nếu chỉ đàm huyền luận diệu thì tu bao nhiêu năm cũng chẳng thể giải ngộ tâm tánh. Xin quý vị nghe kỹ: Sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật” chính là bản tánh của quý vị, bản tánh chính là tâm của quý vị.

Thiên Tông chê Tịnh Tông rằng: “Ngu nhân cầu Phật bất cầu tâm, trí nhân cầu tâm, trí nhân cầu tâm bất cầu Phật” (kẻ ngu cầu Phật chẳng cầu tâm, người trí cầu tâm chẳng cầu Phật). Quý vị cầu tâm hay cầu Phật? Nếu cầu Phật thì là người ngu vì chẳng biết tâm quý vị chính là Phật, Phật chính là tâm quý vị. Tâm và Phật vốn là một, vì vô minh ngăn che nên Phật là Phật, tâm là tâm, tâm và Phật bị chia thành hai. đều là do quý vị tạo ra. Nay quý vị niệm Phật chính là hiển lộ bản tánh của mình: “Mười phương tam thế Phật, cùng chung một pháp nhân”. Phật quá khứ có pháp Thân, Phật vị lai cũng có pháp Thân. Phật vị lai cũng chính là chúng ta. Pháp Thân của chúng ta với pháp Thân của Phật Thích

Ca, Phật A Di Đà là một không phải hai. Niệm Phật là khai hiển bốn tánh, là công phu chánh. Quý vị tu không thành công pháp môn thì có thể nói đoán chắc là quý vị tu các pháp môn khác cũng không thể thành tựu được. Nếu bỏ pháp môn này mà quý vị có thể thành tựu được thì tôi chính là đại vọng ngữ sẽ đọa địa ngục.

Tu chính là vì tâm tánh của chúng ta bị vô minh ngăn che. Vô minh chẳng dễ nhận biết. *Nói cách khác, vô minh chính là những hành vi giết, trộm, dâm, tham, sân, si v.v... hằng ngày của chúng ta. Tu chính là trừ khử những vô minh ấy, chẳng tạo nghiệp giết, trộm, dâm, chẳng khởi tham, sân, si, khiến cho bốn tánh tỏ lộ quang minh, đó là Tu.*

Nhưng ai có thể biết được đạo lý này? Ai chịu thực hành? Mọi người vừa niệm Phật vừa nhiễm vô minh thì làm sao minh tâm kiến tánh cho được? Vì thế phải dùng trợ lực để tiêu trừ giết, trộm, dâm, tham, sân, si. Trợ tu như thế nào? Tuy chẳng hiểu rõ Phật lý, nhưng cốt sao có thể phân biệt thiện ác, hiểu rõ hai câu sau đây là được: Hễ là điều gì bại hoại thì đừng làm, đó chính là ‘chư ác mạc tác’. Nhẫn chưa được thì cắn chặt răng đứng làm. Làm việc lành, dù lúc ban đầu chỉ miễn cưỡng làm. Đây chính là “*thiện chúng thiện hành*”. *Hành thiện dứt ác, giữ tâm lành, nói lời hay, làm việc tốt, đây chính là phương pháp hỗ trợ công phu chánh, trừ khử vô minh. Vì thế gọi là ‘trợ hạnh’.*

Nói rộng ra, trợ hạnh là tu sáu Ba La Mật, nhưng khó hiểu, nên chẳng cần phải nói đến. Phạm là điều ác thì dù có tặng quý vị khối kim cương nặng mười vạn bảng (pounds), quý vị cũng chẳng chịu làm. Đối với việc làm thì dù phải chịu trở ngại nào cũng cứ làm. Hai điều này chính là “tùy duyên tiêu cự nghiệp, cánh bất tạo tân ương (tùy duyên tiêu nghiệp cũ, chẳng tạo họa mới nữa). Lúc bình thường gặp thiện thì làm, gặp ác thì bỏ. Khi niệm Phật thì buông bỏ vạn duyên, một ác niệm vừa khởi lên thì liền dùng ngay một câu “nam mô A Di Đà Phật” để áp chế nó. Thân tóm ba nghiệp thân, khẩu, ý, theo đó là hành lâu ngày sẽ được thành công. Vì thế bảo là “vạn nhân tu, vạn nhân khứ”.

B. “Bất chiếu tu bất năng khứ” (chẳng tu đúng theo đó thì chẳng được vãng sanh)

Tuy là “vạn nhân tu, vạn nhân khứ”, nhưng nếu chẳng tu đúng thì chẳng thể vãng sanh được. Ai cũng biết có Phật, có Ma. Ma chính là tham, sân, si, giết, trộm, dâm. Niệm một câu A Di Đà Phật là Phật lực khởi. Khởi tham, sân, si, giết, trộm, dâm là Ma lực khởi. Ma lực và Phật lực ngang nhau. Phật, ma đấu nhau gọi là “cao một thước, ma cao một trượng”. Phật hay ma đều là tâm của quý vị. Niệm Phật vẫn tạo nghiệp, khởi tham, sân, si, Phật và Ma hỗn tạp, tâm sao thanh tịnh được, sao sanh Tịnh Độ được? Sao có thể minh tâm kiến tánh cho được? Đã niệm Phật lại còn niệm Ma thì chẳng phải là tu vậy. Nếu chẳng mau sửa đổi cõi lòng, chẳng trừ khử tham, sân, si, thì dù có niệm đến tám vạn bốn ngàn đại kiếp cũng chẳng được vãng sanh. Đây là lời chân thật. Vì thế quý vị phải mau thay đổi tâm mình.

C. Thiếu tu công bất thành tựu (công tu ít thì chẳng thành tựu)

Ngay lúc này đây, quý vị khởi tham, sân, si, không giết, trộm, dâm v.v...rất tốt, nhưng một khi bước ra khỏi cửa này, xong Phật thất là quên ngay. Ở đây niệm Phật dăm ba ngày là chuyện hay, tiếc là quá ít. Kinh Di Đà dạy: “Chẳng thể

dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi ấy”. Thiện căn tức là công phu chánh, phước đức chính là trợ duyên. Tu ít thì chẳng thể thành tựu, vì vậy cần phải tu nhiều.

D. Đa tu thị thường bất đoạn (tu nhiều là thường tu chẳng gián đoạn)

“Tu nhiều” là tu thường, luôn luôn tu chẳng gián đoạn. “Thường” là vĩnh viễn như thế, “bất đoạn” là thời thời, khắc khắc nghĩ đến chẳng gián đoạn. Xong Phật Thất rồi, tâm vững chẳng biến đổi, chẳng khởi những tâm giết, trộm, dâm, sân, si, hại người... Dù là nông, công, thương, công chức, bác sĩ ai nấy cứ giữ nghề mình, chẳng trở ngại chi đến tâm quý vị cả. Ngồi xã hội, học nhân suốt ngày làm việc, trong hai mươi lăm năm, lo liệu đạo tràng tuy bị nhạo báng cũng chẳng tranh biện với ai. Đây chính là hành Nhẫn Độ trong Lục Độ. Người ta mắng chửi cũng chẳng sanh lòng giận. Huống nữa, lửa vô minh nổi dậy, rừng công đức sẽ cháy tiêu. Xin nghĩ xem: *Sân tâm nổi lên, người khác chẳng suy xuyên gì, trái lại mình lại bị hại. Vì thế, học nhẫn nhục chính là để đạt đại thiện nghi vậy.*

Tổ sư nói: *“Tu đạo chẳng ngại lo liệu công việc, cốt sao chẳng tổn người vì làm nghề gì cũng được”,* đều là vì tu hành nhưng phải lo kiếm sống, nương vào Tục đề Tu Chân. Nếu không như thế thì công phu chẳng thành, chẳng thể vãng sanh. Thân người khó được, nay đã được thân người, nay quý vị tu hành chính là cơ hội để liễu sanh tử thì tu hành ít chi?

*“Bất đoạn” tức là trong từng thời, khắc chẳng quên.* Ta chưa đạt được ‘tịnh niệm liên tục’ nói trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông, nhưng cứ tiếp tục tu chẳng gián đoạn. Tâm chẳng đoạn thì sẽ làm được chuyện ấy. Niệm chẳng phải là miệng niệm xuôi mà phải chú tâm vào đó, tức là tâm đặt nơi Tây Phương, tâm hướng về Phật. Phải có ý niệm bất đoạn như thế mới được. Hết thấy hành động đều vì sanh về Tây mà làm, không gì là không làm như thế. Cho nên ăn cơm, mặc áo là để sanh về Tây, mưu sanh nuôi thân là để sanh về Tây, đều bị tu hành, biến cải tâm lý mới nên. Như học nhân làm việc công, dạy học, lại vì những học sinh sáng dạ tuyên dương Phật pháp. Vì thế học nhân nhận tiền công, chẳng nhận tiền của thiên hại lý, nên chẳng trở ngại gì đến việc tu hành.

*“Thường” là bất biến, sống trăm năm, cũng chẳng thay đổi.* “Bất đoạn” là thời thời, khắc khắc nghĩ đến gì thì chú tâm vào đó. Tâm đặt nơi Phật thì tâm chính là Phật. Nếu tâm chẳng nơi Phật thì tâm liền biến thành Ma, thành bại hoại vậy.

Hôm nay, học nhân đến đây bàn về pháp môn Tịnh Độ là nói chuyện gì? Nói chuyện Chánh Trợ Song Tu. Quý vị niệm Phật chính là Chánh Công Phu. Học nhân đến giảng là giúp quý vị hiểu đạo, đó là Trợ Công Phu. Vì thế, với bất cứ việc gì tâm cũng đặt tại Chánh Trợ Song Tu là được.

Từ trên đến đây tồn là nói về câu “vạn nhân tu vạn nhân khứ, bất tu bất năng khứ”. Những câu khác ngày mai sẽ bàn.

Buông xuống vạn duyên, đề khởi chánh niệm.

Một câu Di Đà, thẳng đường mà niệm.

2. Khai thị lần thứ hai

Thưa các vị lãn hsr, các vị đồng tu.

Hôm nay đã là ngày thứ sáu của Phật Thất. Xin mọi người tinh tấn, rạng ngày nghe giảng giải, chiều tối càn dụng công khẩn mật.

Phật thất là đề cầu Nhất Tâm. Theo đúng lệ, khi giảng khai thị thì chẳng giảng kinh, chẳng thuyết pháp, chỉ xem đạo tràng có điều gì tu hành chẳng đúng pháp thì đối trị căn bệnh đó, ứng cơ mà nói, chứ nếu không thì thành ra làm rối thêm.

Lần này đặc biệt cải biến phương thức đã dùng nhiều năm, in dần bài giảng giải, chứ lần sau chẳng làm vậy. “*Vạn nhân tu vạn nhân khứ*”, “*đối nghiệp vĩnh sanh*”, “*Nhất Tâm Bất Loạn*” là ba điều mọi người dễ hiểu làm nhất. Trong quá khứ, đối với những điều này, tôi chỉ lược giảng dăm ba câu. Người chân chánh dụng công đề cầu Nhất Tâm phải nên hiểu rõ một cách xác thực. Đài Trung học Phật đã hai mươi lăm năm, bây giờ lười nhác, đúng là:

Đầu nhất niên, Phật tại tiên,

Đệ nhị thiên, Phật tại Tây Thiên,

Đệ tam niên, Phật hóa vi vân yên.

(Năm đầu, Phật hiện diện trước mặt,

Năm kế, Phật ở Tây Thiên,

Năm thứ ba, Phật hóa thành mây, khói).

Kinh Phật cũng nói Bồ Tát mới phát tâm khác nào bậc Đẳng Giác, tiếc thay vài năm liền lui sụt. Vì thế, người phát tâm tu thì nhiều, kẻ thành tựu lại ít. Phải đâu Phật pháp không linh, mà là vì mọi người chẳng tin, chẳng để kiên trì triệt để. Cứ hễ kiên trì mà tu thì đối với bất cứ một câu Phật pháp nào cũng đều thành tựu được hết, chẳng cần phải đọc Tam Tạng. Do chúng sanh vô lượng, tâm tư vô lượng, nên mới có Tam Tạng kinh điển, để đối ứng căn cơ của chúng sanh mà nói.

Ngày hôm qua đã nói về câu đầu tiên là “*vạn nhân tu, vạn nhân khứ*”. Hôm nay nói về câu thứ hai “*đối nghiệp vĩnh sanh*”. Phạm sai tu Tịnh Độ cũng biết nói câu này.

*Tu các pháp môn khác, cần phải đoạn Kiến Tư Hoặc mới có thể liễu sanh tử, xuất tam giới;* nhưng đa số chẳng biết Kiến Tư Hoặc là cái gì. Bởi thế, người thành công khá hiếm. Lại còn có lối nói “*nghiệp tận tình không*”. “*Tình không*” chính là tình thức hồn tồn biến thành trí huệ, thấu rõ bốn tánh. Mức độ “*nghiệp tận tình không*” thấp nhất là chứng quả A La Hán, hiện tại có mấy ai làm được?

#### ĐỐI NGHIỆP VĨNH SANH

Câu “*Đối Nghiệp Vĩnh Sanh*” là chỉ người tu Tịnh Độ mà nói; *đối với các pháp môn khác nếu đối nghiệp thì tuyệt đối chẳng thể giải thoát, chẳng thể liễu sanh tử.* Nhưng đa phần người tu Tịnh Độ hiểu lầm là dù còn tạo tội nghiệp vẫn có thể vãng sanh, vẫn có thể thành tựu. *Do nói như vậy nên trong mười người tu, tám chín người chẳng thành công được.*

*Trong hai mươi lăm năm tại Đài Trung, có hơn hai ngàn vị đồng tu đã qua đời, nhưng lúc mất có lưu lại tướng vãng sanh để chứng nghiệm thì chẳng nhiều hơn mười người. Sao lại đáng buồn đến thế ấy?*

Ý nghĩa chân thật của việc “*đối nghiệp vĩnh sanh*” là như sau:

a. Nghiệp là túc nghiệp thiện ác

Nghiệp là nhNghiệp là túc nghiệp thiện ác

Nghiệp là những tội đã tạo. Phải biết là ai cũng do thân, khẩu, tạo mười ác nghiệp, nhưng chẳng phải là gây tạo trong đời này, mà là từ trong bao kiếp lâu xa luân hồi trong lục đạo đã tạo vô lượng, vô biên tội nghiệp. Kinh nói: “*Nếu tội nghiệp có hình thể sẽ sớm chặt cả hư không*”. Tạo tội thì phải đền trả trong lục đạo. Tội cũ chưa xong, đã gây nghiệp mới, làm sao giải thoát được? Vì thế trong ngàn vạn người, không một ai được giải thoát.

Hoặc bảo: “*Niệm Phật một tiếng tiêu trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử*”. Ai ai cũng nghĩ là niệm Phật tiêu tội. Điều không sai, nhưng “*Đạo cao một thước, Ma cao một trượng*”. Sức ma lớn là vì ma sự nhiều. Chúng sanh từ bao kiếp lâu xa đến nay tồn làm ma sự, bây giờ chỉ niệm Phật dăm ba năm thì làm sao tiêu được? “Ma cao” là ma nghiệp là như lửa nung chảy băng. Ví như khối băng to như cái bàn, đốt ngọn lửa nhỏ như đầu nén hương thì lửa ít, băng nhiều, làm sao tan băng được? Vì thế người tu hành mới thấy sức ma lớn lao, Phật lực không linh; bởi thế lẩn kẻ thói chuyên. Nhưng nếu chẳng tu hành thì một phân đạo cũng không có. Chúng ta có một phân, một tác đạo là đã chẳng uổng rồi!

b. Đoạn Hoặc giải thoát theo cách thông thường

Ngoại trừ Phật pháp nào khác để khỏi thoát luân hồi. Các tôn giáo khác đều cho rằng Thượng Đế là chí cao vô thượng, nhưng Thượng Đế vẫn còn ở trong luân hồi lục đạo. *Mục tiêu của nhà Phật là thoát ra luân hồi. Làm thế nào để thoát? Phải “nghiệp tận tình không”, nghiệp trong nhiều kiếp lần nghiệp hiện tại phải nhất loại tiêu sạch. Đời này không tiêu hết thì gắng tiêu trong ngàn kiếp, vạn kiếp. Thành bậc A La Hán còn phải sanh tử trong dân gian hoặc cõi trời bảy lần mới đoạn hết Kiến Tư Hoặc, liễu sanh tử, nhưng vẫn còn Trần Sa Hoặc chưa đoạn. Đủ thấy đoạn Kiến Tư Hoặc khó khăn. Ví như có vạn phẩm Hoặc, dù đoạn được chín ngàn chín trăm chín mươi chín phẩm, vẫn còn một phẩm chưa đoạn thì cũng chưa giải thoát. Học nhân học Phật hơn năm mươi năm, một phẩm còn chưa đoạn được, biết làm sao đây?*

C. Đối nghiệp là chế phục nghiệp hoặc chẳng cho chúng khởi dậy

Học nhân tu hành, giảng kinh năm mươi năm, gặp được vài vị minh sư, đối với học lý cũn biết được một hai phần, nhưng một phẩm Hoặc cũng chưa đoạn được. Quý vị tu hành chưa lâu, Hoặc là thứ gì còn chưa biết rành thì đoạn Hoặc sao được? Khác nào mài dao như thế nào thì mài sao được?

*Chúng ta chưa đoạn được Hoặc thì chẳng thể giải thoát. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni đại từ, đại bi nói ra pháp môn Tịnh Độ, dạy chúng sanh niệm A Di Đà Phật, chẳng cần phải đoạn Hoặc, chỉ cần chế ngự được Hoặc liền có thể giải thoát.*

Đoạn Hoặc và Phục Hoặc (chế ngự Hoặc) khác nhau như thế nào? *Đoạn Hoặc giống như trong chén đã thanh tịnh, vô nhiễm, dù có nghiêng đi cũng chẳng đổ cát bụi ra.*

*Phục Hoặc giống như trong chén có cát bụi, dùng vật khác đập lên, có nghiêng chén cũng chẳng đổ bụi ra, nhưng cát bụi vẫn còn chứa bên trong. Nghiệp tận chẳng bị luân hồi, tu Tịnh phục Hoặc thì cũng chẳng lọt trong lục đạo.*

*Nhưng Hoặc vẫn còn thì phải làm sao? Luôn luôn dùng sáu chữ hồng danh đè nén chúng, lâu ngày thuần thực, đến lúc mạng chung, nếu khởi tâm niệm Phật thì các tạp niệm bị chế phục chẳng khởi lên nên có thể mang theo nghiệp đi*

vãng sanh (đời nghiệp vãng sanh). Sanh qua cõi kia rồi mới đoạn Hoặc, chỉ mấy ngày là thành công. Đây là Phục Hoặc.

D. Phục Hoặc thì tâm và Phật giao cảm với nhau

Chỉ cần chế phục Hoặc sẽ chẳng tạo nghiệp nữa, nên sẽ cảm ứng đạo giao cùng Phật. Đây chính là ý nghĩa chân thực của “đời nghiệp vãng sanh”, tuyệt đối chẳng phải là vừa niệm Phật, vừa tạo tội vẫn được vãng sanh!

### NHẤT TÂM BẤT LOẠN

Đây là điều dùng để chứng minh công phu, nay tôi sẽ giải thích sơ lược.

1. Đắc nhất tâm thì quyết định thành tựu, vì chính là đắc đại định.

2. Nhất định phải theo thứ tự tấn tu

Nhất định chẳng thể vừa tu liền thành ngay, phải tấn tu từng bước một, như châu gieo xuống nước, lần lượt chìm dần.

3. Muốn thành công thì phải tu tập dần dần mới thành tựu trọn vẹn được

Muốn thành công thì phải tu dần dần thì mới có thể viên dung. Hằng ngày ở nhà phải luyện Nhất Tâm thì đến đây mới hòng luyện được nhất tâm. Nếu không thì dù có nhập thất hơn ba trăm ngày tâm vẫn loạn, dự một kỳ Phát thất ngắn ngủi này làm sao đạt được Nhất Tâm? Đây chẳng phải là cầu may, may ra được Nhất Tâm hay sao? Hãy nên tự hỏi mình, đừng hỏi ai khác.

4. Thành tựu Nhất Tâm chính là ác niệm chẳng khởi

Nếu đắc Nhất Tâm thì giết, trộm, dâm, sân, si chẳng khởi. Nên biết rằng ác khởi chính là Ma. Tâm chúng ta dù khởi ác, nhưng nếu chế phục chúng chẳng cho phát tác thì liền có thể thành công.

Kệ rằng:

“Nhất niệm độc tâm sanh”: “Độc” chính là ác niệm. Khởi ác niệm thì làm việc hại người.

Nếu độc tâm vừa sanh thì hãy “gấp dùng một câu phật hiệu” đàn áp, mau mau dùng “nam mô A Di Đà Phật” để trấn áp. Đây chính là “phục hoặc”.

“Ác ngôn bất xuất khẩu”: Lời hại người, bốn nghiệp miệng chẳng để xảy ra.

“Tôn nhân sự mạng tác” (việc hại người đừng làm): phạm là những việc tổn hại hồn tổn chẳng làm, cắn chặt răng, bất luận là tự mình phải chịu khổ sở, thiếu hụt đến đâu, giữ mình chẳng tạo ác. Chẳng tạo chính là “phục”

“Cửu cửu tự thành nhiên” (lâu ngày ắt sẽ thành tự nhiên): Làm như vậy chẳng khó lắm ư? Lúc ban đầu tuy khó, nhưng lâu dần quen đi sẽ thành tự nhiên.

“Vãng sanh khả đời nghiệp”: Do chế ngự được Hoặc, lại có thể niệm Phật nên liền có thể mang nghiệp đi vãng sanh.

“Thị danh phục hoặc pháp, chân thân bí mật quyết” (Đây gọi là yếu quyết chân thật bí mật của pháp chế phục hoặc): Đây chính là yếu chân thật, bí mật. Nếu có thể thực hành theo đó thì nhất định được vãng sanh.

Này quý vị!

Hãy buông xuống vạn duyên, đề khởi chánh niệm.

Một câu Di Đà, thẳng thừng mà niệm.

Bài kệ của Tuyết Sư lão nhân:

Nhất niệm tâm sanh độc,

Cấp áp nhất Phật thanh,

Ác ngôn bất xuất khẩu,

Tôn nhân sự mạc tác,  
Cưu tự thành nhiên,  
Vĩnh sanh khởi đối nghiệp, Thị danh phục hoặc pháp,  
Chân thật bí mật quyết

Tạm dịch:

*Một niệm độc tâm khởi,  
Phật hiệu đề gấp ngay,  
Lời ác chọn chẳng thốt,  
Việc tổn người chớ làm Lâu ngày trở thành thói,  
Được đối nghiệp vĩnh sanh,  
Đây bí quyết chân thật,  
Bí mật để phục hoặc.*

III. Khai thị trong dịp tết thất nghiệp niệm Phật đầu xuân Giáp Ngọ (đệ tử Du nhược Thu kính ghi)

Tại gia kết thất niệm Phật chính là cách tiện lợi nhất trong các phương tiện Phật thất niệm Phật. Nhưng muốn niệm Phật được lợi ích lớn thì cần phải hiểu rõ đạo lý. Nếu chẳng hiểu rõ đạo ý lớn lao gì. Bởi lẽ, đối với hai nghiệp thân khẩu thì miệng niệm Phật, thân ngồi trong đạo tràng, ít ra cũng chẳng tạo nghiệp; nhưng vì tâm chẳng dễ nắm bắt nên vẫn tránh khỏi tạo nghiệp.

Do vì tâm là lý. Lý chẳng rõ chính là phạm phu mê hoặc điên đảo. Phải hiểu lý ấy như thế nào? Phạm học Phật thì bất luận là mười năm hay một trăm năm cũng chẳng ngồi hai chữ “phước, huệ”. Kinh dạy: *“Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên để được sanh về cõi ấy”*. Kẻ mới học Phật quá nửa chú trọng tu Phước, người tu lâu hay chú trọng tu Huệ. Kỳ thật, Phước Huệ là một khối, chẳng thể tách thành hai điều riêng rẽ. Nay tôi giải thích lý này, chứ chẳng nói là Khai Thị, lại xin quý vị nghe kỹ; nghe xong rồi nghiên cứu kỹ càng. Chư vị đồng tu nghĩ xem niệm Phật là để làm gì? Chẳng ngồi hiện tại tiêu trừ tai nạn, tương lai được vãng sanh Tây Phương. *Tiêu khỏi nạn chính là tu phước. Vĩnh sanh Tây Phương chính là tu Huệ*. Nếu hiện tại chẳng thể tiêu tai, khỏi nạn thì là chưa có phước. Hiện tại đã chẳng thể tiêu tai khỏi nạn thì tương lai rất khó bảo đảm được vãng sanh. Chẳng thể vãng sanh Tây Phương chính là không có Huệ, là vì chưa đắc Nhất Tâm. Lẽ này quá bình thường, cũng rất dễ hiểu rõ.

Chư vị đồng tu nghĩ xem niệm Phật là để làm gì? Chẳng ngồi hiện tại tiêu trừ tai nạn, tương lai được vãng sanh Tây Phương. *Tiêu tan khỏi nạn chính là tu phước. Vĩnh sanh Tây Phương chính là tu Huệ*. Nếu hiện tại chẳng thể tiêu tai, khỏi nạn thì là chưa có phước. Hiện tại đã chẳng thể tiêu tai khỏi nạn thì tương lai rất khó bảo đảm được vãng sanh. Chẳng thể vãng sanh Tây Phương là không có Huệ, là vì chưa đắc Nhất Tâm. Lẽ này quá bình thường, cũng rất dễ hiểu rõ.

Chư vị đồng tu nghĩ xem phải làm sao hiện tại tiêu tai khỏi nạn? Nó chung, xét ra là chẳng thể làm được là vì quá khứ đã tạo nghiệp, ắt phải chịu báo, muốn khỏi thọ báo thì đừng tạo nghiệp. Nghiệp quá khứ đã tạo vô phương cứu vãn, chỉ còn cách từ nay trở đi phải thay đổi tâm lòng, đem tâm biến thành *“A Di Đà Phật”*, nghĩ tưởng thanh tịnh, chẳng tạo nghiệp nữa.

Trong số quý vị đây, ắt có người nghĩ mình niệm Phật đã lâu nhưng sao chẳng đắc lực. Đây là vì thời gian ta niệm Phật hiện tại rất ngắn, mà nghiệp đã tạo từ

vô thi đến nay lại rất nhiều. Trong kinh dạy: *“Nếu ác nghiệp có hình tướng thì trọn cõi hư không cũng chẳng thể chứa hết nổi”*. Ví như một gian nhà lớn bốc cháy bùng bùng, toan cầm một chén nước tạt vào mong dập tắt lửa thì đây là chuyện bất khả. Chỉ có cả xe nước lớn của xe chữa lửa, lại liên tục phun thêm nước vào, khiến cho lửa chẳng lan rộng thêm thì mới có thể dập được lửa.

Lửa đó ví như vô minh, phiền não, nước như cam lồ Phát pháp. Nước diệt được lửa là ví cho Phát pháp có khả năng đối trị phiền não. Nhưng muốn diệt được phiền não nhiều đời, nhiều kiếp thì chỉ có nhất tâm niệm Phật mới đắc lực. Kinh dạy: *“Chỉ thành niệm Phật một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”*. Quý vị đồng tu phải nghiên rằng quyết từ nay trở đi đừng làm các điều ác, giống như chẳng đến bên đồng lửa lớn bỏ thêm các chất đốt như củi, than, dầu hỏa v.v... Lại càng thêm khẩn mật dụng công niệm Phật, giống như đem từng xe, từng xe nước đến dập lửa. Nhưng dập tắt lửa chẳng cần dập tắt hồn tồn, chỉ cần dập tắt chừng bảy phần, ba phần lửa sót lại do vì có hơi nước hiện diện cũng dần dần giảm yếu. Cuối cùng rồi cũng tắt hết. Quý vị đồng tu cứ làm đúng như thế thì chẳng lâu sau, tự mình cũng có thể niệm Phật đến chỗ đắc lực được.

Bây giờ, tôi giảng vì sao phước và Huệ là một khối chặt chẽ? Bỏ tánh vốn thanh tịnh, quang minh, nhưng do vô minh che lấp nên quan minh chẳng xuất hiện được, khác nào tấm gương bị bụi lấp nên chẳng soi tỏ được. Hiện tại tu phước giống như dùng khăn lau chùi gương. Chỉ cần bụi rớt đi thì ánh sáng sẽ tỏa ra. Vì thế, tu Phước chính là tu Huệ. *Các tông khác minh tâm kiến tánh, chứng quả A la Hán rồi mới có thể liễu sanh thoát tử. Niệm Phật thì niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn bèn thoát khỏi tam đồ lục đạo.*

Hôm nay, tôi hồn tồn giảng về Niệm Phật, tồn là những chuyện bình thường, rất dễ thực hành, còn việc đàm huyền luận diệu thì hãy tạm chẳng nói đến bởi các vị đồng tu khi nghe giảng kinh đã từng nghe qua rồi. Hiện tại, tôi chuyên giảng phương pháp dụng công tu tập. *Phật pháp có mười tông phái lớn, nhưng chỉ có pháp niệm Phật của Tịnh Độ Tông là hữu dụng.* Pháp niệm Phật của các tông khác chưa rốt ráo nên vẫn chưa hữu dụng. Nhưng có ba cách cứu hỏa, chẳng dùng nước cũng có thể diệt được lửa. Nếu lúc cứu hỏa không có nước thì có thể dùng một cái móc lớn kéo sập cả căn nhà. Nóc đổ, tường đổ cũng diệt được lửa. Điều này ví như các tông khác chẳng nhờ vào Phật lực cũng có thể liễu sanh tử. *Còn cách chữa lửa của Tịnh Độ tông là trước hết khiến cho chế lửa chẳng mạnh thêm, rồi mới đem từng xe nước dập lửa. Đây chính là ngôi Tự Lực còn có thêm Phật lực. Trong các pháp môn, pháp môn Nhị Lực này đặc biệt nhất.*

Pháp môn này đã trọng yếu như thế thì phải niệm cách nào? *Có hai phương pháp niệm Phật: một là niệm Phật, hai là nhớ Phật (ức Phật)*

*Niệm là niệm ở đâu thì chú tâm tại đó, tức là khi niệm Phật thì tâm đặt nơi Phật, tâm chính là Phật.* Chẳng hạn lúc chúng ta niệm Phật hai thời sáng tối thì niệm do tâm khởi, tiền từ miệng thốt ra lại lọt vào tai, tâm nhớ lấy. Ba nghiệp thân, khẩu, ý cùng hợp lại niệm. Kinh dạy: *“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”*.

Lúc niệm cốt cho tinh chứ không cầu nhiều. Tổ sư nói: *“Chỉ cần niệm được 108 câu chẳng loạn.* Nếu có một câu niệm sai lạc liền lần chuỗi niệm lại từ đầu”. Niệm được 108 câu Phật hiệu từng câu phân minh, nhớ rõ chẳng lầm lạc mới tốt. So với niệm ngàn câu, vạn câu mà tâm tán loạn thì lợi ích [của việc niệm Phật



chẳng tán loạn] phải lớn hơn. Quý vị đồng tu đừng coi thường 108 câu đó. Nếu quả thực quý vị có thể niệm được 100, 200 câu chẳng loạn thì công phu đã chẳng uổng phí rồi. Chỉ e chẳng có mấy người niệm được đến cả ngàn câu mà chẳng loạn. Đây là lời chân thật!

Khi niệm Phật phải buông xuống vạn duyên, chẳng luận mà niệm bốn chữ, sáu chữ, đều phải đặt chắc tồn tâm tồn ý vào câu Phật hiệu. Giả sử bốn bề cháy to, vẫn cứ niệm Phật như thể chẳng gián đoạn, chẳng loạn. Niệm Phật phải có sức mạnh như thế, tâm luôn thường hằng như thế thì mới thành tựu được.

Nhưng người tại gia khác với hàng xuất gia. Từ sáng đến tối đều phải làm lụng, bởi đối với người xuất gia thì củi, dầu, muối... đều chẳng quản đến; nhưng người tại gia có các nghề nghiệp: sĩ, nông, công thương, nghiệp để mưu cầu sự sống. Vì thế, người tụng niệm một ngày ba thời, năm thời không nhiều. Người một ngày có thể niệm Phật đến 3 tiếng đồng hồ chẳng hiếm lắm, nhưng hai mươi một giờ kia đều tán loạn, tạo nghiệp. Đại đa số khóa sáng niệm nhiều, khóa tối niệm ít, hoặc sáng niệm ít, khóa tối niệm nhiều. Công phu niệm Phật như vậy khác gì nửa chén nước, làm sao cứu hỏa được. Nhưng đức Phật có pháp hương tiện, đó là “ức Phật”

*Ức là nhớ rõ chẳng quên. Đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm đều chẳng hề quên. Dẫu vào chỗ nhà xí dơ bẩn nhất, trong tâm vẫn phải có Phật, nhớ cho thật rõ ràng, rành rẽ.* Quý vị nghĩ xem có việc gì mà khiến mình dính vào đều quên tuốt mọi thứ không? Đó là việc gì vậy? Chính là “ăn”. Chim vì tham ăn mà bị nhốt vào lồng, cũi. Cá do ham mồi nên mắc câu. Có thể nói là hết thảy chúng sanh đang sống bị chết đi đều là vì cái ăn. Chúng ta mỗi ngày làm lụng cực nhọc phi thường, chịu đựng mọi thứ nhọc nhằn, oan uổng, khổ sở, gian nan cũng đều là vì cái ăn. Có lúc bụng mình chẳng đói nhưng đến bữa cứ ăn. Nếu niệm Phật cũng giống như ăn vậy thì tự nhiên sẽ thành công.

## V. KHAI THỊ TẠI PHẬT THẤT CHÙA LINH SƠN NĂM MẬU NGỌ

(đệ tử Ngô Thông Mẫn kính ghi)

Hôm nay là ngày kết thất thứ nhất. Việc đầu tiên là phải hiểu ý nghĩa của việc kết thất chính là “khắc kỳ cầu chứng”. *Tu pháp môn Niệm Phật của Tịnh Độ thì phải đạt Nhất Tâm Bất Loạn mới có thành tựu.* Kết thất niệm Phật bảy ngày, nếu khéo công phu thì niệm một ngày liền đắc Nhất Tâm. Muốn được vậy phải tu nhiều năm, phải là người hiểu giáo lý mới có thể làm được. Thứ đến là hai, ba, bốn, năm, sáu ngày chẳng nhất định. Tiếp đó là phải niệm đến ngày thứ bảy mới chứng Nhất Tâm. Đây là nói về những người thanh tịnh cả bảy ngày, ngày đêm niệm Phật không ngừng, trong bảy ngày liền đoạn được Kiến Tư Hoặc. Chỉ có người Kiến Tư Hoặc mới là người thực sự đắc Nhất Tâm.

Nhưng đoạn được Kiến Tư Hoặc rất khó, vì thế có một phương pháp đặc biệt: trước hết chỉ cầu chế ngự được Hoặc mà thôi. *Nghĩa là lúc Hoặc khởi động thì liền dùng Phật hiệu chế phục nó. Công phu luyện đến thuần phục thì hề Hoặc khởi liền chế ngự được. Được vậy thì cũng gần giống như đắc Nhất Tâm, cũng có thể đối nghiệp vãng sanh.*

Các tông tu hành chẳng ngồi việc “chánh trợ song tu”. Chánh công phu là trừ khử vọng niệm, thấu triệt tâm tánh; trợ công phu là công phu giúp hiển lộ tâm

tánh, trừ khử những ma chướng phát sanh bởi dụng công. Nay tôi theo thứ tự nói sơ lược những pháp tu Chánh và Trợ của Tịnh Độ.

Trước hết nói về Chánh Công Phu. Trong vòng bảy ngày, lúc nào cũng phải giữ lòng cung kính. Một phen bước vào cửa chùa thì cũng như vào gặp Phật. Pháp thân của Như Lai ở khắp mọi nơi, chẳng phải chỉ mình tượng Phật trên đại điện mới xem là Phật, mà thật ra một sắc, một hương không thứ nào chẳng là diệu sắc, diệu tâm của Phật. Đối với mỗi hòn cảnh, nơi chốn như thế đều xem như là Phật thì ngôn hạnh tự nhiên cung kính, chẳng còn lười nhác nữa.

*Cung kính chính là bí quyết để hướng đến Bồ Đề.* Đây là tầng công phu thứ nhất.

*Khi đã ngồi yên rồi thì phải buông xuống vạn duyên, quét sạch mọi vọng niệm tạp sự thường ngày.* Sau đây mới gom tâm về một chỗ, buộc tâm nơi câu hồng danh. Giống như nơi dòng nước chảy xiết phải buộc chặt thuyền bè vào cột thì mới khỏi bị nước cuốn. Đây là tầng công phu thứ hai.

*Kế đó, trong khi trì danh, phải giữ sao cho sáu chữ hồng danh từ tâm tưởng khởi, từ miệng phát ra, nghe lọt vào tai, ví như ba cái bánh xe xoay vần qua lại, cốt sao tâm tưởng thật trong sáng, rõ ràng, miệng niệm được rõ ràng, tách bạch, tai nghe rõ ràng, rành mạch. Tự niệm, tự nghe như thế, từng chữ dựa chặt vào nhau, trong khi niệm đừng đánh mất một câu nào.* Đây là tầng công phu thứ ba.

*Thêm nữa, lúc chúng ta niệm Phật, chẳng luận là miệng tụng hay ý trì, hãy nên giữ cho không có tạp âm, chỉ còn mỗi mình tiếng niệm Phật.* Do A Di Đà Pháp Thân ở khắp mọi nơi, Phật quang cũng chiếu thấu khắp nơi. Vì thế lúc niệm Phật, từ nơi ta phát ra tâm thanh (âm thanh phát xuất từ tâm), tâm thanh hòa nhập vào Phật quang, Phật quang lại nhập vào tâm thanh. Tâm thanh và Phật quang dung thông như thế thì ta chính là Di Đà, Di Đà chính là ta. Đây là tầng công phu thứ tư.

*Theo đúng những điều vừa nói ở trên, tinh tấn tu tập từng tầng, khiến cho chỗ chín biến thành chỗ sống, chỗ sống chuyển thành chỗ chín.* Đến khi đạt đến tầng thứ tư thì chính là ngày thành tựu Nhất Tâm vậy.

Tiếp đến nói về Trợ Công Phu. Chánh Công Phu cố nhiên là thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng, nhưng chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay quen thói phiền não đã sâu, vọng niệm toại bời; nay muốn dùng một câu Phật hiệu đè nén chúng cho khỏi tạo nghiệp, không còn vọng tưởng, thì tuyệt đối chẳng thể thực hiện được điều đó trong một thời gian ngắn. Vì thế, phải dùng Trợ Hạnh để giúp sức.

*Nếu có thể hằng ngày tự cảnh tỉnh, quan sát lỗi ác của chính mình, thành tâm sám hối, mong tiêu nghiệp chướng, thấy người khác làm lành liền tùy hỷ, tán thán để tăng phước đức; tùy hỷ, sám hối như thế đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì đây chính là Trợ Hạnh thứ nhất.*

Tiếp đến là pháp Hân Yêm (ưa thích và nhàm chán). Trong các sanh hoạt thường nhật, chẳng luận là ăn, mặc, đi, đứng, đối với mọi thứ trong cõi Sa Bà đều nhất loạt coi là ô uế mà chán lìa. Đối với các thứ trang nghiêm được diễn tả trong ba kinh Tịnh Độ đều tưởng là thanh tịnh, sanh lòng ưa thích. Chán lìa thì không tâm tham luyến. Vui mừng, hân mộ thì tự tăng thêm ý nguyện cầu sanh. Đến khi hân yêm cùng cực thì thân tuy ngụ Sa Bà, nhưng chẳng còn là khách trọ

*lâu ngày trong cõi Sa Bà nữa; tuy chưa chứng Cực Lạc, nhưng đã sớm là người thường trú chốn Liên Bang. Đây chính là yếu quyết màu nhiệm của Tịnh Tông, chẳng thể nói là giống như những lời lẽ “bất hân bất yêm” của các tông khác. Đây chính là Trợ Hạnh thứ hai.*

Thêm nữa, về pháp phương tiện để chế ngự Hoặc, nên biết rằng niệm Phật chẳng được Nhất Tâm là do vọng niệm làm loạn. Nhưng vọng niệm chính là Hoặc, mà cũng chính là Ma. Kinh Niết Bàn dạy: “Tu Đà Hôn đoạn Kiến Hoặc như cắt đứt dòng sông chảy mạnh rộng bốn mươi dặm”. Vì thế muốn đoạn ngay được Hoặc thật chẳng dễ dàng. Nay có cách tạm cầu chế ngự được Hoặc. Cô đức bảo: “Bất phạ niệm khởi, dẫn khủng giác trì” (chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). *Nếu cứ hễ ý niệm khởi liền có thể nhận biết, biết rồi liền dùng Phật hiệu chế ngự nó.* Ma đến, Phật chế ngự như thế, ví như dùng đá đè cỏ. *Đè lâu ngày, Hoặc chẳng thể tự khởi, cũng được “phương tiện Nhất Tâm”, đợi đến khi sanh về Tây Phương rồi sẽ lại đoạn Hoặc.* Đây chính là pháp đặc biệt của Tịnh Độ, chẳng thể dùng lý lẽ của các tông khác để cật vấn được. Đây chính là Trợ Hạnh thứ ba. Hy vọng mọi người bây giờ sau đây, vô luận là đang ở trong đạo tràng hoặc đang trên đường về nhà điều tu như thế. Tiếp theo đây tôi dùng một bài kệ để kết luận:

Tịnh Độ nan tín khước dị hành,  
Tồn do nhị lực chánh trợ công  
Tất đắc Nhất Tâm phương hữu hiệu,  
Phương tiện phục hoặc tức cảm thông  
(Tịnh Độ khó tin nhưng dễ hành,  
Tồn do hai lực, chánh và trợ,  
Phải đắc Nhất Tâm mới hữu hiệu,  
Phương tiện chế Hoặc liền cảm thông)  
Sau cùng xin mọi người buông xuống vạn duyên, thẳng thét mà niệm một câu A Di Đà Phật!

## V. KHAI THỊ PHẬT THẤT TẠI CHÙA LINH SƠN NĂM MẬU NGÔ

(lần thứ nhất)

(Tư Thục Điền Kế Nghiêm kính ghi, đệ tử Ngô Bích Hà giáo chánh)

Thưa chư vị lão sư, chư vị đồng tu.

Hôm nay là ngày kết thất thứ nhất. Riêng tại Đài Trung, sau khi quang phục (1), bắt đầu kết thất tại chùa Linh Sơn, tính đến nay kết thất cũng gần được ba mươi năm rồi. Nói đến việc mở Phật thất suốt ba mươi năm chưa hề gián đoạn thì thật là điều rất khó có được, hờn tồn là do nhân duyên. Hôm nay tôi xem thấy những bạn đồng tu cũ cũng có, đồng tu mới cũng có, giảng nói càng khó hơn, biết làm sao đây? Nếu giảng sâu thì bạn đồng tu mới nghe sẽ chẳng hiểu. Nói sơ lược ư? Lại sợ bạn cựu tu đã nghe qua nhiều lần rồi. Vì thế, tôi chọn lấy những điều trọng yếu mà trình bày.

Trước hết luận về kết thất. Kết thất chú trọng nơi thực hành niệm Phật, hờn tồn chẳng phải là để giảng kinh, giảng giáo lý. Trước hết, phải hiểu rõ như thế! Đã là để nghiên cứu thực tu thì nói càng ít càng tốt, nên tôi bèn chuyên giảng “ làm

thể nào để đạt được Nhất Tâm”. Ngoại trừ điều này ra, chỉ nói in ít, nói nhiều càng thêm phiền. Gây phiền thêm để làm gì? Mọi người đến đây để cầu Nhất Tâm, nghe tôi thuyết pháp nhiều thì tâm càng loạn. Xin quý vị hiểu cho điều này.

Trước hết, dùng mấy lời như vậy để minh định rõ ràng. Hôm nay là ngày đầu tiên, trước hết, cần phải tu hành đúng như pháp. Tu hành pháp môn nào cũng phải có biện pháp của pháp môn đó, phải dựa vào một biện pháp do Phật, Tổ đã dạy chúng ta. Nếu như tự mình suy diễn những cách tu không dựa vào Phật pháp, hoặc dùng một phương pháp tu của các pháp môn khác để tu thì là sai lầm vậy. Mỗi một pháp môn có cách tu riêng của nó.

“Trở về nguồn không hai đường”, thế nào là không hai đường? Nói chung là để minh tâm kiến tánh, pháp nào chẳng thể minh tâm kiến tánh thì chẳng tu. Do có nhiều môn phương tiện nên phương pháp cũng chẳng đồng nhất. Chẳng hạn như trong nhà Phật có rất nhiều tông phái, nhưng trong hai phái tối trọng yếu thì 1 có rất nhiều tông phái, nhưng trong hai phái tối trọng yếu thì một là Thiên. Thiên chú trọng vào Không, thường quán Không, hễ ngộ được một chữ Không thì rất tốt. Nhưng Tịnh Độ tông chẳng giống vậy. Tịnh Độ Tông chú trọng quán Hữu. Có phải là hai tông này mâu thuẫn nhau dù chỉ một điểm. Điều này có giáo lý đây, nhưng hôm nay tôi chẳng giảng giáo lý, chỉ giảng những gì quý vị có thể dựa theo đó mà tu cho tốt. Nếu muốn hiểu kỹ về mặt giáo lý thì chúng tôi có giảng kinh tại thư viện hoặc liên xã, chứ chẳng phải chỉ giảng kinh ở một chỗ, quý vị có thể đến đó nghe.

Ở đây tôi chỉ chuyên giảng sao cho quý vị đạt được Nhất Tâm, để bảy ngày kết thất này của quý vị không bị uổng phí. Trong kỳ kết thất này, nếu chẳng đắc Nhất Tâm thì uổng công rồi. Quý vị phải biết là trước tiên phải nhớ kỹ những lời giảng trong ngày thứ nhất, mấy ngày sau đó quý vị nghe người khai thị nói gì cứ thực hành theo đó là ổn.

Ở đây chúng ta tu Tịnh Độ, kết thất niệm Phật bảy ngày. Niệm Phật bảy ngày để làm gì? Người khéo công phu niệm một ngày liền đạt Nhất Tâm. Chẳng phải là người hằng ngày luôn niệm Phật thì hôm nay đến đây niệm Phật một ngày không cách chi đắc Nhất Tâm được! Phải là người đã tu hành ít nhiều năm, hiểu rõ giáo lý rồi, chỉ vì một mình người ấy tu trì chẳng thể đắc Nhất Tâm, đến đây tham dự Phật thất mới có thể đắc Nhất Tâm. Nếu công phu chưa khéo thì từ một ngày đến bảy ngày chi đó bèn đắc Nhất Tâm. Đây là nói về hạng người nào? Là hạng người tinh tấn suốt bảy ngày, chứ chẳng giống như bọn mình, mỗi ngày niệm vài cây hương là thôi. Họ niệm ngày đêm không nghỉ nên bảy ngày liền đắc Nhất Tâm.

Nói cho quý vị nghe điều thật tuyệt diệu này: Đạt Nhất Tâm chính là đã đoạn được Kiến Tư Hoặc trong vòng bảy ngày. Điều này trong kinh không giảng rõ vì sợ quý vị tự tổn hại mình. Đoạn hết Kiến Tư Hoặc thì đạt được Nhất Tâm, chẳng đoạn được Kiến Tư Hoặc thì không thể đắc Nhất Tâm. Là vì nếu Hoặc chưa đoạn thì chúng vẫn còn khuấy loạn trong tâm, quý vị đạt Nhất Tâm sao được? Bởi vậy mới bảo: Nếu công phu chẳng tận sức thì dù có niệm cả trăm năm cũng chẳng được Nhất Tâm! Nếu thế thì biết làm cách nào đây?

Tịnh Độ tông có một phương pháp đặc biệt là chế phục Hoặc. “Chế phục Hoặc” nghĩa là mỗi khi vọng niệm khởi lên, bèn dùng A Di Đà Phật đè nén vọng niệm, hễ vọng niệm khởi bèn dùng niệm Phật đối trị. Cách này rất đơn giản, chỉ cần niệm thuần thực là làm được. Nhưng trong cả ngàn người, khó kiếm được một người niệm thuần thực. Đại đa số, hễ một vọng niệm khởi thì vọng niệm khác liền tiếp nối, rong ruổi theo vọng niệm, dùng A Di Đà Phật để đè nén chúng. Đây là một công phu đơn giản nhưng lắm người chưa làm được là vì duyên có nào? Là vì nhiều đời, nhiều kiếp đến nay, họ nghĩ đến vọng niệm quá thuần thực rồi nên tuyệt đối chẳng thể dùng “A Di Đà Phật” để đàn áp vọng niệm được, có nói cũng chẳng nghe. Nếu như vậy thì chẳng còn biện pháp nào cả. Quý vị phải hiểu rõ điều này.

Trên đây, tôi thưa chuyện cùng quý vị mấy câu như vậy là nhằm trình bày những việc quý vị cần phải hiểu rõ trước khi đả thất, chứ chưa khuyên quý vị phải nên thực hành cách nào; giờ đây tôi sẽ thưa. Sau này quý vị sẽ thấy những lời ấy cũng rất bình thường. Quý vị đừng phân biệt là bình thường hay không, cả sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” kể ra rất bình thường, nhưng sao nhiều đời, nhiều kiếp vẫn không niệm được?

Chúng ta tu hành thực tiễn, chẳng cần biết là tu theo tông nào, nói chung tông nào cũng đều có hai phương diện:

- Một là “chánh công phu”. Thế nào là Chánh Công Phu? Thực hành Chánh Công Phu chẳng ngồi mục đích để Tu Hành. Khai trừ, khử sạch những Kiến Tư Hoặc, những thứ loạn tạp rồi bời trong tâm quý vị thì gọi là Tu Hành. Chúng sanh ai nấy đều có Phật tánh. Bản tánh của quý vị chính là Phật tánh, nhưng đáng tiếc là tánh ấy bị các thứ bại hoại che đậy. Biện pháp để trừ khử hết sạch những thứ bại hoại ấy thì gọi là “Chánh Công Phu”.

- Ta hiểu được những gì bại hoại cần phải đào thải khỏi tâm này là một chuyện, nhưng trừ bịnh đầu phải là chuyện dễ, vì thế cần phải có công phu hỗ trợ (Trợ Công Phu) Mỗi một tông có công phu hỗ trợ riêng. Hôm nay tôi sẽ vì quý vị phân biệt rõ phải thực hiện Chánh Công Phu và Trợ Công Phu như thế nào.

Quý vị đến dự Phật thất là vì muốn đạt Nhất Tâm. Đoạn Hoặc là Nhất Tâm, chế ngự được Hoặc cũng là Nhất Tâm. Đạt được Nhất Tâm thì lúc lâm chung mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, không được Nhất Tâm thì không vãng sanh. Đây chính là điều kinh A Di Đà đã dạy. Lấy lời kinh dạy làm chuẩn. Lắm người cứ mơ hồ cho rằng lúc mình lâm chung, A Di Đà liền đến đón mình. Thật ra thì phải Nhất Tâm mới được Phật đón tiếp. A, vì sao vậy? Do tâm mình phát lộ quang minh, quang minh của Phật A Di Đà liền dõi theo đó, tiếp dẫn mình sanh về cõi kia. Nếu Kiến Tư Hoặc, các thứ bại hoại phủ lấp quý vị, che lấp quý vị thì Phật A Di Đà cũng không có biện pháp gì. Quý vị phải hiểu rõ điều này.

Mỗi khi chúng ta bước chân vào cửa chùa Linh Sơn thì liền thấy Phật. Phật có Pháp Thân hết, chỉ tiếc là bọn phàm phu chúng ta chẳng thấy được. Bây giờ mỗi khi mình đến chùa Linh Sơnm thấy tượng Phật phải coi như là Phật đang ở ngay trước mắt. Tôi xin hỏi quý vị một câu: Quý vị gặp Tổng Thống thì thái độ ra sao? Tổng Thống đến đây thì chẳng dám nói lời nào, ngồi ngay ngắn, chỉnh tề, lưu tâm cẩn thận, hết sức quy củ. Tổng Thống cũng chỉ là phàm phu giống hệt

minh. Gặp ông ta thì ai nấy đều có thái độ như thế đó, nhưng gặp Phật lại chẳng được như vậy, dù thấy Phật cũng xem như Phật chẳng hiện diện, sao mà làm loạn đến thế? Quý vị ơi, quý vị làm như vậy là khinh thường Phật quá đấy. Đừng nói chi đến Tổng Thống, cục trưởng cảnh sát đi tới, quý vị có sợ hay chẳng? Coi Phật không bằng viên cảnh sát trưởng như thế thì quý vị [có tu hành] thành công được chăng? Tổ Sư dạy như thế này: Điều đầu tiên là phải cung kính. Mỗi khi đến đây, phải coi như Phật đang ở ngay trước mắt, nói năng, động tác hết thấy đều cung kính, muôn phần cung kính. Nếu như trong tâm còn một phần lười nhác, một phần chẳng cung kính thì chẳng chứng được Nhất Tâm. Đây là bước thứ nhất.

Đã cung kính rồi, mỗi khi ngồi xuống niệm Phật hay lúc chẳng niệm cũng đều như nhau, tiến lên nữa là vạn duyên? Chính là vọng tưởng khởi lên thời thời, khắc khắc chẳng đoạn. Mỗi một vọng tưởng là một hạt giống của một lần luân hồi, một lần sanh tử, nguy hiểm lớn lắm. Vọng tưởng là gì? Mỗi một vọng tưởng là một Kiến Tư Hoặc, là vật bại hoại, là bụi bậm. Khởi vọng tưởng là tâm chạy theo bên ngoài. Chạy theo những pháp nào bên ngoài? Nghĩ cái bàn, nghĩ cái ghế, nghĩ đến cái gì tâm liền đặt nơi đó, tâm quý vị hôn tồn chẳng đặt yên nơi A Di Đà Phật. Đây là chứng bệnh lớn gọi là Loạn. Nếu tâm quý vị chạy lung tung thì chẳng phải là loạn hay sao? Làm thế nào đây? Trong tâm chỉ có Phật, đem tâm đặt yên nơi Phật. Phật giống như một cái cọc thuyền trên sông, tâm là chiếc thuyền. Cột chặt thuyền vào cọc thì còn trôi đâu được nữa! Miệng không niệm Phật nhưng trong tâm có Phật, giữ lòng cung kính thì Phật hiện diện ngay trong chúng ta. Chẳng dám loạn tưởng thì dù miệng không niệm cũng được Nhất Tâm. Đây là tầng thứ hai.

Điều thứ ba là lúc niệm Phật, niệm sáu chữ hay bốn chữ, dù sáu chữ hay bốn chữ đều cùng một cách niệm. Trước hết trong tâm phải tưởng. Nếu trong tâm chẳng niệm, chỉ gào xuống ngoài miệng thì đấy chỉ la xướng ca, không nên! Đồng thời trong tâm chẳng khởi hai ý niệm, hễ nghĩ đến Phật thì không còn có ý niệm về Phật cũng không còn. Điều này bọn chúng ta phàm phu thiếu công phu chưa thấy rõ. Niệm Phật trong tâm tưởng, trong tâm rõ ràng, trong treo. Miệng lại niệm ra, công phu niệm ra cũng rõ ràng, tách bạch. Sau đó, chính mình nghe, nghe chính tiếng mình niệm, nghe sáu chữ ấy cũng rõ ràng, minh bạch, chẳng để sót chữ nào, giáp vòng như vậy thì tâm không chạy đi đâu được. Đó là một cách Niệm đến mức nào? Quý vị khởi cần phải hỏi ai là mình niệm đến mức nào cả. Quý vị như thế nào người khác làm sao hiểu được? Tôi chỉ cho quý vị hiểu nhé! Quý vị niệm Phật cứ tự mình nghe, nghe chính mình niệm Phật, chính miệng mình niệm Phật, chính mình tự nghe. Bất cứ thứ nào khác đều chẳng nghe thấy thì công phu của quý vị đã thuận, tự mình niệm Phật, tự niệm, tự nghe. Điều này khó làm được. Vì sao? Ở nhà thì không hề gì, mình ở trong nhà mình, mình niệm như vậy được, nhưng đến đây dự Phật thất, mọi người đều niệm Phật, làm sao mình không nghe thấy được? Không nghe thấy là tốt, nhưng nếu nghe thấy thì làm cách nào? Nghe thấy cũng tốt. Vì sao nghe thấy cũng tốt? Trong Tịnh Tông có Trợ Niệm Đôn để hỗ trợ lúc lâm chung. Vì sao gọi là Trợ Niệm Đôn? Vong giả lúc lâm chung bị hôn trầm, phong đao chia cắt thân, trong tâm rối loạn. Vừa loạn vừa hôn trầm thì Phật chẳng hiện hữu. Người trợ niệm ở bên

canh niệm “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật” để lay tỉnh tâm niệm người đó vì sợ người sắp chết quên khuấy chẳng đề khởi tâm niệm Phật. Người chết nghe thì cũng giống như chính mình niệm, chính mình tự niệm, tự nghe. Quý vị nghe người khác niệm cũng như chính mình đang niệm. Quý vị đến đây niệm Phật là tự mình nghe, người khác niệm Phật giúp cho quý vị, sợ quý vị quên đi. Quý vị có thể nghỉ niệm một chút, nghe người khác niệm rõ ràng, tách bạch, trong tâm vẫn có Phật, không chạy đi đâu hết. Đây là bước công phu thứ ba.

Điều thứ tư, tự tu rất trọng yếu. Quý vị niệm Phật có tạo thành tiếng hay không? Mọi người có hiểu rõ điều này chăng? Có tiếng đấy. Niệm Phật dù nhỏ cách mấy vẫn có âm thanh. Dù miệng không niệm, chỉ niệm trong tâm vẫn có âm thanh. Quý vị cứ nghĩ lại lúc mình học bài sẽ hiểu điều này. Gọi là “tâm huyền” (dây đàn tâm) là ngụ ý: tâm giống hệt như dây đàn, tâm cũng có âm thanh. Quý vị tưởng A Di Đà Phật thì ngay ý niệm ấy phát ra âm thanh. Quý vị có âm thanh, âm thanh ấy chẳng tạp loạn thì chính là A Di Đà Phật.

Pháp Thân của Phật A Di Đà không chỗ nào chẳng hiện diện. Phật hiện diện ở đâu nơi đó đều có quang minh: “Quang trung hóa Phật vô số ức đức Phật, và cũng hóa ra vô biên các vị Bồ Tát). Trong quang minh của Phật, Phật A Di Đà và các vị Bồ Tát hiện diện trong đó lại đều là quang minh. Âm thanh của quý vị phát ra đó sẽ đi về đâu? Đi đến quang minh của Phật. Quang minh của Phật lại đi đến đâu? Hòa nhập vào âm thanh của quý vị. Khi âm thanh hòa lẫn vào quang minh, quý vị chính là A Di Đà Phật. Khi quang minh hòa nhập vào âm thanh thì A Di Đà Phật chính là quý vị. Khi âm thanh và quang minh hòa hợp nhau, nếu quý vị không vãng sanh thì sẽ chạy đi đâu nữa đây? Đây là điều thứ tư. Có vậy mới kể là đã đạt công phu. Đây chính là biện pháp tu hành Chánh Công Phu vậy. Lại còn có công phu để hỗ trợ. Sức của công phu hỗ trợ rất lớn. Vì sao vậy? Thừa cùng quý vị, giờ đây quý vị thực hành theo biện pháp tôi vừa nêu đến mức (Chánh Công Phu) rất khá rồi, một khi quý vị bước chân ra khỏi cổng chùa, liền nghĩ: “Ái chà! Bây giờ mình có thể nói sừng miệng đây! Hồng rồi! Ngay lúc tâm khởi ý niệm buông lung khẩu nghiệp thì tâm quý vị liền chạy theo bên ngoài. Mới gom tâm để đạt được Nhất Tâm, vừa bước ra ngoài liền để tâm chạy theo bên ngoài thì công niệm Phật tại đây (chùa Linh Sơn) đành mất trắng. Ra ngoài thấy, nghe sự gì đó tâm lại loạn thì uổng mất công niệm Phật tại đây. Ở trong này, đàn áp được Kiến Tư Hoặc, nhưng vừa ra ngoài là lại chồng chất thêm, quý vị nghĩ nên trách ai?

Công phu tu hành xét đến cùng cực thì chính là ngày chầy tháng rộng, thời thời khắc khắc chẳng biến đổi. Chẳng những chỉ ở chùa Linh Sơn mới tu như vậy mà khi ra khỏi cổng chùa cho đến khi về đến nhà vĩnh viễn tu hành như vậy thì mới là tu hành, chứ chẳng phải ngồi dịp Phật thất thì chẳng tu hành. Nếu như chùa Linh Sơn không mở Phật thất, quý vị không tu thì chính là chính là quý vị tự hại mình, chẳng cần biết là có mở Phật thất hay không vẫn thực hành như vậy. Vậy thì xét ra biện pháp này có khó thực hiện hay chăng?

Nếu chẳng giữ vững được một câu Phật hiệu thì phải luôn sám hối. Điều này rất khẩn yếu. Sám hối là tự xét những điều mình làm chẳng đúng, tạo bao tội lỗi. Xét ra dù xuất gia hay tại gia, người tu hành chắc thật thì thấy mình làm gì cũng

đều là tội lỗi. Hễ nhắc đến tội liền sám hối. Mình đã làm sai, nhưng làm sai rồi lại làm gì nữa? Đã làm sai nhưng vẫn còn tái phạm. Mỗi ngày thời thời, khắc khắc từ sáng đến tối sám hối ra còn có gì làm loạn mình nữa ư? Dù có loạn ở chỗ nào đi nữa, vẫn chú tâm nơi Phật, thì còn có gì nữa đâu?

Thấy người khác làm điều tốt bèn sanh lòng hoan hỷ. Thật ra, phát tâm hoan hỷ cũng là loạn, chẳng thể vắng sanh; cho nên hễ thấy ai làm điều lành gì bèn nghĩ: “Tốt quá! Người ấy có thể vắng sanh. Vừa sám hối, vừa tùy hỷ như thế thì ngày chầy tháng đọng, dù loạn nhưng thật sự chẳng loạn. Đây chính là công phu hỗ trợ thứ nhất.

Hơn nữa, mỗi tông có cách tu hành riêng. Dùng cách tu hành của tông khác để tu Tịnh Độ sẽ chẳng thành công. Dùng cách tu của Tịnh Tông để tu các tông khác cũng chẳng thể thành công. Tịnh Độ Tông có hai chữ “hân, yểm”. Hân là thấy sự tình gì mình bèn hy vọng được như vậy. Nói theo ngôn ngữ hiện tại thì Hân là “tâm hy vọng”. Yểm là nhàm lia, chán ghét. Hai chữ Hân – Yểm được coi là căn bệnh lớn trong nhà Thiên. Quý vị tu Tịnh Độ nghe các tông khác giảng giáo lý, họ sẽ nói hai chữ Hân – Yểm là bại hoại, chẳng nên giữ lấy; nhưng trong nhà Tịnh, hai chữ xấu xa ấy đối với chúng ta lại là điều cực hảo vì cách sử dụng hồn tồn khác nhau. Bí quyết huyền diệu của Tịnh Tông nằm ngay tại hai chữ đó!

Đối với hết thảy mọi sự trong thế giới này, quý vị đều nên chẳng tham luyến vì chúng đều là giả cả, chẳng có chút gì chân thật. Thế giới Sa Bà là thế giới ô uế, giống như hàm phân, như cái giỏ bần thiêu bèn chẳng chịu chạm vào những thứ dơ dáy. Họa may là ruồi nhặng, giòi tữa thấy cái giỏ bần thiêu ấy mới cao hứng được thôi. Chúng nó thấy là tốt vì cùng là một phường, ta đừng bắt chước chúng. Thế giới Sa Bà đây không có một điểm nào tốt cả nên mình chán ngán chốn này, chẳng mong ở mãi nơi đây, mong sớm được xa lìa nó. Lòng luôn nghĩ như vậy thì tham luyến còn trụ vào đâu được nữa.

Đã thế, xem kinh Di Đà mấy lượt, mọi sự nói trong đó không điều gì là không tốt; bởi thế nên bèn ưa thích cõi kia. Đây là Hân. Quý vị nhìn ra ngòi thấy cao ốc ló nhỏ, đi đâu phải ngồi xe hơi, so với thế giới Cực Lạc khác nhiều lắm, ta chẳng ưa. Đây là Yểm.

Chán nhàm cõi này, lại nghĩ trong cõi kia chẳng dùng đến xe, cứ ngồi trong nhà nghĩ muốn đến đâu thì nhà liền bay đến đó mang mình theo. Nếu không thích nhà cửa che tầm mắt mình thì tường vách cũng không còn nữa. Mỗi một đóa sen ánh sáng thiên biến vạn hóa, chưa hề được thấy qua.

Quý vị thấy phủ Tổng Thống cõi này như thế nào chưa? Là Kim Loan điện. Nói cho quý vị nghe, may là cõi Cực Lạc không có đại tiểu tiện. Nếu có đại tiểu tiện, hàm phân thì có hơn gì Kim Loan điện cõi này. A! Quý vị luôn nghĩ như sau: nhàm chán cõi này, ưa thích cõi kia. Hân – Yểm rất khẩn yếu, là biện pháp hỗ trợ rất lớn. Ba mươi bảy Đạo Phàm vốn là Trợ Công Phu khẩn yếu của Tịnh Tông, nhưng có ai trong chúng ta nhớ hồi được. Cứ luôn nhớ kỹ hai chữ Hân – Yểm này là được. Đây là Trợ Công Phu thứ hai.

Điều thứ ba, chỉ cần tâm quý vị khởi một vọng tưởng thì đó chính là Ma. Quý vị hay nói người nào đó bị ma dựa, nhưng có thấy con ma đó chưa? Thật ra, ai cũng có ma theo bên gót. Ma trong tâm chẳng lo, lại toan dẹp Ma bên ngòi! Vậy



thì Ma là gì? Vọng niệm khởi chính là Ma, đó là Nội Ma. Vọng niệm khởi lên thì dù quý vị có đi qua Tây Phương Cực Lạc thế giới nó vẫn dùng móc lồi tuốt quý vị đi theo, quý vị không làm gì được. Sức lực của ma thật là lớn vậy. Làm sao bây giờ?

Dù thế nào đi nữa, sức Ma lớn đến đâu vẫn chẳng thể lớn hơn sức Phật. Một câu A Di Đà Phật chiếu đến Ma, Ma liền bỏ chạy, Phật hiệu áp chế được Ma. Vọng tưởng là Ma, niệm một câu Phật hiệu là Phật, dùng Phật hiệu để áp chế Ma. Khi vọng tưởng khởi động là nghĩ tới Ma thì nó đến, ta trị không được, chỉ có mình Phật hiệu thắng được nó, quý vị liền gấp rút niệm Phật. Niệm thuần thục rồi thì dù mình có muốn gọi Ma tới, nó cũng chẳng tới vì khắp trong tâm tằm là Phật. Có Phật thì không có Ma. Có Ma thì không có Phật. Vì thế, đây là cách chế ngự Hoặc chứ không đoạn Hoặc, không trừ gốc của Hoặc. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi thì tự nhiên đoạn sạch Hoặc.

Chẳng cần phải nói nhiều nữa, ba điều trên là đủ. Trong bảy ngày này, kính xin quý vị thực hành đúng theo những điều ấy, về đến nhà vẫn tu như vậy thì kỳ Phật thất này chẳng uổng phí. Tiếp đây, tôi dùng một bài kệ để kết thúc:

a. “Tịnh Độ nan tín khước dị hành” (Tịnh Độ khó tin, nhưng dễ hành):

Chỉ mỗi mình Đức Phật là có thể giảng minh bạch Tịnh Độ Tông. ngoại trừ Đức Phật không còn một ai khác có thể giảng minh bạch được. Vì thế, Tịnh Độ “nan tín”. Học Phật nhiều năm, kinh sách mười phần coi hết chín, vẫn chẳng tin nổi Tịnh Tông. Vì thế bảo là pháp Nan Tín. Nhưng đối với ai tu được pháp này thì nó rất đơn giản. Những lời tôi nói đây đều là lời của Tổ Sư, của Phật giảng, chứ chẳng phải là lời tôi giảng. Tôi chỉ là cái máy cassette phát lại cho quý vị nghe mà thôi. Pháp tu dễ dàng nhưng phải có rèn luyện lâu dài, chứ chẳng phải là vừa tu là thành tựu được ngay, vừa tu là chứng ngay. Đó là câu kệ thứ nhất.

b. “Tồn do nhị lực chánh trợ công” (hồn tồn do hai lực và Chánh Công Phu, Trợ Công Phu):

Nhi lực tức là công phu của chính mình (tự lực). Mình không dụng công không xong. Ngồi ra còn có Phật lực, Phật đến tiếp dẫn mình. Quý vị xem, phần nhiều tượng Phật A Di Đà là tượng đứng, là dạng tiếp dẫn. Thật ra, vị Phật nào cũng đều có Tịnh Độ riêng, nhưng các đức Phật khác chẳng đến tiếp dẫn mình. Chỉ mình Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ta. Quý vị không biết đường cũng chẳng sao, A Di Đà Phật cầm hoa sen đến đón quý vị, cứ ngự lên hoa sen, cứ ngự lên hoa sen! Ngài đưa quý vị đi! Nếu sanh về cõi khác sẽ chẳng có phương tiên này đâu, quý vị phải tự nhận biết đường.

c. “Tất đắc Nhất Tâm phương hữu hiệu” (phải đạt được Nhất Tâm thì mới hữu hiệu):

Quý vị phải niệm đến Nhất Tâm mới hữu hiệu. Niệm không Nhất Tâm thì vô dụng. Điều này ai nấy hãy nghe cho rõ. Thế nào là Nhất Tâm? Đoạn Hoặc là Nhất Tâm thuần túy. Chế ngự Hoặc cũng là Nhất Tâm, cũng được vãng sanh.

d. “Phương tiện phục Hoặc tức cảm thông” (dùng phương tiện chế ngự Hoặc liền cảm thông):

Đoạn Hoặc chẳng dễ. Thành A La Hán là pháp Tiểu Thừa, đoạn sạch Kiến Hoặc rồi còn phải sanh vào nhân gian hay cõi trời bảy lần, tu tập cả vạn năm mới thành tựu, mới đoạn sạch Tư Hoặc. Quý vị niệm A Di Đà Phật bảy ngày thành

công, thật là thuận tiện quá. Quý vị chẳng dùng công phu trên đây không thể đoạn Hoặc, làm thế nào đây? Thì lại có pháp phương tiện là chế phục Hoặc. Còn đối với vắc tông khác thì sao? Trong các tông khác, chế phục Hoặc là điều hồn tồn vô dụng. Tu các tông khác thì dù có chế phục Hoặc vẫn còn trong luân hồi, hồn tồn vô dụng. Chế phục Hoặc chỉ hữu dụng đối với Tịnh Độ Tông, trong các tông khác chẳng thể áp dụng cách này được.

Do chế phục Hoặc, quý vị được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ đoạn Hoặc ở nơi đó, tự nhiên A Di Đà Phật sẽ giúp quý vị đoạn Hoặc. Cốt sao cảm ứng thì quang minh dung thông lẫn nhau mới có thể thành công.

Nói tóm lại, đến ngày thứ tư tôi sẽ giảng nữa. Nay giảng đôi điều về công phu, mọi người nên nhớ kỹ. Hôm nay là ngày đầu, từ đây đến suốt bảy ngày sau quý vị cứ thực hành theo đó, tận dụng thời gian này khẩn thiết niệm Phật. Xin lão sư sắp sẵn kiền chùy (2), ai nấy buông xuống vạn duyên, cứ một câu A Di Đà mà niệm mãi.

## VII. KHAI THỊ PHẬT THẬT TẠI CHÙA LINH SƠN NĂM MẬU NGỌ (lần thứ hai)

(Tư Thục Điền Kế Nghiêm kính ghi, đệ tử Ngô Bích Hà giáo đính)

Tạp niệm giai thị bình tô tội,  
Nhược bất tạo nghiệp niệm bất sanh,  
Tùng kim thiết mạc tái tạo nghiệp  
Nhất Tâm Bất Loạn tự nhiên thành  
(Tạp niệm là tội ngày thường  
Nghiệp như chẳng tạo, niệm đường nào sanh,  
Từ nay chẳng tạo nghiệp trần  
Nhất Tâm Bất Loạn quả thành tự nhiên)

Phật thật đã đến ngày thứ năm, tôi đã nói chỉ cần chiếu theo phương pháp đã giảng trong ngày thứ nhất mà tu tập, nhìn chung ít nhiều có tiến bộ dần dần. Tính từ hôm nay chỉ còn có hai ngày nữa thôi, chúng ta chỉ cầu Nhất Tâm, không cầu gì khác.

Đa số mọi người chẳng hiểu Tâm là cái gì, học Phật chỉ cần hiểu được chữ Tâm này thì công phu mới chẳng uổng lầm. Có thể nói là mọi người tu hành nhiều năm nhưng vẫn chưa hiểu rõ chữ Tâm này, nên hôm nay tôi nói cho quý vị nghe ý nghĩa của chữ Tâm để quý vị dụng công nơi Tâm.

Tâm ở đây hồn tồn chẳng phải là “nhục đồn tâm” (quả tim thịt), chẳng phải là vật gì, chẳng phải là trái tim thuộc trong ngũ tạng, lục phủ. Như vậy, nói tới cùng, Tâm là gì? Từ xưa đến nay ai cũng chẳng thấy, ai cũng chẳng tìm được nó. Chỉ người chứng quả mới hiểu rõ mà thôi, hễ hiểu được Tâm thì chứng quả. Người đến giảng khai thị hôm nay cũng chỉ nói những điều tạm diễn tả Tâm để mọi người tự suy nghĩ lấy. Một khi tôi đã nói ra, mọi người nên tin tưởng. Nếu chẳng tin thì đành chẳng có cách nào. Những điều tôi sắp nói rất bình thường, nhưng rất khó thực hiện bởi nó là pháp khó tin dễ hành vậy.

Tâm chính là ý niệm của mỗi người tự phát khởi. Tâm nghĩ đến điều gì thì liền khởi ý niệm về điều đó. Nếu bảo kẻ này tâm tốt, kẻ kia tâm xấu thì cũng là nói về ý niệm của người đó. ý niệm đó gọi là Tâm. Câu nói này, đối với người đã học Phật mấy năm thì khó mà nói là chẳng hiểu được! Tâm ấy chẳng thấy được, chẳng sờ được, nhưng tự mình chẳng lẽ không hay biết ra sao? Bởi thế, người ta tu hành chính là tu ngay nơi ý niệm này. Quý vị nên nhớ kỹ. Làm thế nào để tu nơi ý niệm?

Muốn hiểu rõ cách tu thì trước hết phải hiểu rõ ý niệm đã. Trong những ý niệm của con người, không có được một ý niệm tốt mà tồn là vọng niệm, tạp niệm. Vọng niệm không có gì là chân thực, đều là giả dối cả. Tạp niệm là ý niệm chẳng sạch sẽ, tịnh rồi lại tạp ư? Nói khái quát, ý niệm của chúng ta tồn là tạp loạn, hư vọng, tồn là chẳng đúng. Quý vị có biết trong một ngày chúng ta khởi bao nhiêu ý niệm không? Xin nói cho quý vị hay: Quý vị xem đây (cụ Lý búng ngón tay), trong khoản thời gian búng ngón tay), trong khoản thời gian búng ngón tay thật ngắn ngủi này đây, nói không sai cho lắm là quý vị có gần cả trăm mấy mươi ý niệm, nhanh như vậy đó! Mà một ngày từ sáng đến tối chẳng ngừng, nói cho quý vị hay là quý vị chẳng có ý niệm nào cầu thành Phật cả.

Quý vị nghe vậy tin hay chẳng tin? Có vị nghe tôi nói lời này liền tin ngay, ai chẳng tin lời tôi, người đó chẳng tin Phật pháp. Vì sao vậy? Lời tôi vừa nói đó đâu phải do tôi đặt ra, mà đều là những điều được nói trong kinh. Ai không tin Phật pháp thì học Phật cách nào? Làm sao thành tựu được? Học Phật phải nhờ ai làm thầy? Phật chính là thầy. Làm theo đúng lời Phật dạy ắt sẽ thành công; chẳng tuân theo thì chẳng cách nào thành công được.

Từ sáng đến tối ý niệm phát khởi chẳng ngừng, nhiều như thế đó, chẳng ai nắm giữ được những ý niệm này, mà những ý niệm được phát khởi đó đều là những ý niệm xấu xa cả. Dù có ý niệm xấu như vậy nhưng có thể là chúng ta chẳng nói lời xấu, cũng như không làm điều gì xấu. Hừm! rõ ràng trong tâm nói lên chủ ý xấu, chẳng nói lời xấu, chẳng làm điều gì, nhưng chủ ý xấu vẫn có ảnh hưởng, nhà Phật gọi là “chủng tử”. Đây là cách nói thí dụ, chứ chẳng phải thực sự là gieo hạt giống xuống.

Một khi ý niệm khởi lên, nó sẽ in bóng vào tâm. Hình bóng của ý niệm được in vào tâm đó gọi là “chủng tử”. Quý vị nghĩ xem, có những sự việc đã lâu năm, chợt nghĩ đến thì những điều mình nghĩ đến đó liền tái hiện. Những điều mình nghĩ đến đó chẳng hề giảm mất, chúng đều được chứa trọn trong tám thức điện, cả vạn vạn năm chẳng bị tiêu diệt mất. Dù cho mình có bận tâm hoặc chẳng quan tâm gì đến chúng, hình ảnh của chúng vẫn tồn tại trong tâm mình. Những gì mình mơ thấy trong giấc ngủ chính là những hình ảnh này. Đến lúc chúng ta lâm chung, những hình ảnh trong tâm sẽ hiện ra ngời, tạo thành ý niệm. Khi lâm chung vào lúc tối hậu, khi ý tưởng mình chấp vào đâu, lại trở vào trong lục đạo nhân hồi.

Nói là lục đạo luân, nhưng thật ra chỉ có ba đường dưới. Chúng ta khởi tâm, tâm người không có, tâm trời cũng không thì đương nhiên là khởi tâm ta đồ. Tâm này phát khởi ra sao? chúng ta chẳng đề cập đến chuyện từng làm điều xấu, mà chỉ luận về tâm. Dạy mọi người giữ giới nhưng tồn phát khởi ý niệm phạm giới. Do phạm giới, tâm này phải đọa trong tam đồ: súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ. Nếu

tạo thành hành động (tạo nghiệp) thì thời gian thọ khổ dài thêm một phần, tội lớn thêm một phần. Chẳng tạo thành hành động (chỉ khởi vọng niệm, còn chưa tạo nghiệp) thì tội ít hơn một phần, thời gian thọ khổ ngắn hơn một phần. Trước hết, phải phân biệt hiểu rõ điểm này.

Học Phật tu hành, tu hành những gì? Tu hành chính là tu ý niệm này. Có người nói tôi chẳng khởi ý niệm lớn, chẳng nói gì, còn chẳng thấy mình đang giác ngộ những ý niệm của chính mình khởi lên thì còn cái gì để tu nữa đây?

Chẳng có một ai không hề khởi lên một ý niệm nào cả! Đến ngay bậc Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn khởi niệm nữa kia! “Vô niệm” chính là không vọng niệm, không tà niệm, chứ hồn tồn chẳng phải là không có ý niệm nào! Điều này vị nào xem kinh nhiều cũng đã thấy rõ rồi. Nếu không có ý niệm thì trở thành gỗ, đá. Quý vị tu thành gỗ, đá để làm gì?

Chẳng qua [tu học] là để biến đổi ý niệm. Biến đổi như thế nào? “Chẳng khiến người khác khởi vọng niệm, chẳng khiến người khác tạp loạn”. Chẳng khiến người khác khởi vọng niệm nghĩa là chỉ có ý niệm thanh tịnh, trong sạch. Điều này trong kinh có nói đến. Ai đọc chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông [trong kinh Lăng Nghiêm] ắt sẽ hiểu câu “tịnh niệm tiếp nối”, nghĩa là khiến cho ý niệm thanh tịnh được liên tục chẳng gián đoạn. Người khác “loạn niệm tiếp nối”, mình tu hành sao cho “tịnh niệm tiếp nối”.

Thế nào là “tịnh”? Tịnh là thuần một ý niệm, không tạp loạn, chẳng có bảy thứ tình cảm: mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, sợ, chẳng có giết, dâm, trộm, chẳng có tham, sân, si. Chẳng có những điều ấy thì ý niệm thanh tịnh. Quý vị thử nghĩ xem, nếu ý niệm chẳng tạp loạn thì chẳng phải là thanh tịnh hay sao? Không kể bọn mình ra, ngay cả hàng Địa Thượng Bồ Tát còn chưa đạt được ý niệm thanh tịnh, nói chi là bọn mình! Chúng ta không có ý niệm thanh tịnh thì phải làm thế nào đây? Ai có thể triệt để thực hiện điều này? Chỉ có mình Đức Phật! Ý niệm của Đức Phật hồn tồn thanh tịnh. Chỗ nào mà mọi bất tịnh đã hồn tồn trừ khử thì chỗ đó chính là thế giới trang nghiêm của Phật, tức là Tịnh Độ. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc chép: “Tam Hiền, Thập Thánh còn trụ trong quả báo, chỉ mình Đức Phật ngự Phật Tịnh Độ”. Tam Hiền, Thập Thánh ý niệm còn chưa thuần thanh tịnh. Quý vị cứ lấy kinh Hộ Quốc Nhân Vương dò kỹ từng dòng sẽ thấy chỉ mình Đức Phật thanh tịnh ý niệm triệt để. Chúng ta chưa thành Phật, ngay cả La Hán còn chưa chứng, chưa đoạn được bất cứ thứ Hoặc nào, thì làm thế nào để tịnh ý niệm đây?

Trước hết, hãy hỏi quý vị một câu: Lúc quý vị ở đây niệm Phật thì chuyện niệm đó cũng là khởi ý niệm, vậy thì niệm đó là Phật hay không phải là Phật? Là Phật. Đúng như vậy! Phật là thanh tịnh nhất, ngoại trừ Phật ra, tất cả đều chẳng thanh tịnh, đều hư giả. Niệm đó chính là A Di Đà Phật. Phật A Di Đà là bậc nhất trong các Đức Phật. Niệm nằm trong tâm quý vị, tâm chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chính là tâm niệm của quý vị. Trừ điều này ra không còn gì khác nữa, ắt sẽ thành công. Ngồi phương pháp này, không có phương pháp nào đơn giản hơn nữa. Bởi thế, chẳng cần vận dụng đến phương tiện nào khác nữa mà tâm tự khai ngộ. Ở đây niệm chú này, nơi kia niệm chú kia đều uông công. Dù có nhiều phương tiện, nhưng chẳng cần tu phương tiện nào khác. Chẳng cần vận dụng phương tiện mà tâm tự khai ngộ chính là điều tối khẩn yếu. Quý vị tu hành

như thế đó, biến ý niệm của chính mình thành Phật A Di Đà, ngôi đức A Di Đà Phật không còn có tâm nào khác nữa, thì gọi là Nhất Tâm.

Điều vừa bàn trên chẳng phải chỉ dùng mấy câu là có thể giảng minh bạch được, mà nó cũng rất khó giảng. Tôi chỉ nói điều khẩn yếu nhưng vẫn e mọi người dù nghe rồi vẫn chưa hiểu rõ. Tôi nói câu sau đây nhiều lần: “Từ sáng đến tối, trong tâm chừa khỏi vọng tưởng, chẳng khởi tạp niệm”, làm thế nào để đạt được như vậy mới khỏi uổng công nói như thế! Trong hàng Bồ Tát chưa chứng được Thất Địa còn nhiều vị chưa làm được điều này.

Nếu quý vị lại hỏi người khai thị làm được điều này chẳng? Tôi cũng chưa làm được! Quý vị chưa làm được lại bảo tôi làm, có hợp lý không? Chẳng hợp lý! Tôi có phương pháp: vọng niệm khởi thì tạp niệm cũng khởi. Khởi rồi thì làm sao? Kinh dạy: “Đừng sợ niệm khởi, chỉ sợ chậm hay”. Vọng niệm khởi quý vị mặc kệ, chẳng thèm biết đến là không được; vì là bị ma dựa, là chừa chấp giặc mà mình vẫn không hay thì chúng sẽ làm loạn trong tâm liền. Quý vị biết là có ma, có giặc thì phải phòng bị. Đó là điều nên làm vậy!

Khi khởi niệm ý xấu, quý vị bèn không tu Tịnh Độ nữa hay sao? Quý vị tu Tịnh Độ nhưng không dùng phương pháp của Tịnh Độ, lại dùng phương pháp khác, há chẳng phải là phiền tối sao? Quý vị dùng ngay bốn chữ A Di Đà Phật, vọng niệm vừa khởi, chẳng lý gì đến hết thấy, cứ A Di Đà Phật, A Di Đà Phật... Vọng niệm vừa khởi liền niệm mấy mươi câu A Di Đà Phật đè nó xuống. Đây gọi là Chế Phục Hoặc. Đè nén được nó thì ma đó, giặc đó chẳng nổi dậy được. Đè nén phía dưới, những thứ bất tịnh chứa cũng bị đè xuống dưới thì trên mặt sẽ thanh tịnh, giống như một chén nước, nếu cát bụi bị lắng xuống dưới, phần nước bên trên sẽ trong veo. Đây chính là Chế Phục Hoặc!

Giống như vậy, khi lâm chung, mới vừa giao cảm thì phần trên sẽ xuất hiện trước, phần dưới chẳng xuất hiện. Phần trên là A Di Đà Phật nên bèn được A Di Đà Phật tiếp dẫn đi. Còn nếu như phần dưới hiện ra thì không vãng sanh được, Phật A Di Đà cũng chẳng biết làm sao. Trên đây là nói về phương pháp “chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ chậm hay” vậy.

Chúng ta không phải là người xuất gia. Người xuất gia sống trong chùa nên không bị xã hội tạp loạn gây chướng ngại. Vì họ ít việc nên chẳng khởi tạp loạn. Chúng ta tại gia rất khó làm được vậy, tồn là lo những việc thế tục. Chẳng hạn như nói đến những vật thường thấy thuộc về thất tình: ai nấy đều tình tổn tiền bạc. Hễ tính tổn tiền bạc thì nghĩ: ai phải đưa cho mình chừng đó tiền, mình trao cho ai chừng đó tiền, như vậy được mấy phân lời. Do mấy phân lời bèn suy tính cái này, hoạch định cái kia. Đây là tâm tham! Vậy phải làm sao? Hãy nghe tôi nói mấy câu: Lúc tính tiền, đừng khởi chủ ý xấu, đừng toan nghĩ cách làm thiệt hại đến người khác. Mình phải đưa tiền cho ai thì cứ đếm một, hai, ba, bốn tờ... bao nhiêu đó, đếm xong đừng chấp vào đó. Một, hai, ba, bốn chỉ là những con số để tính đếm, chẳng thiện, chẳng ác. Tính đếm xong thì thôi, buông hết xuống, xong việc rồi thôi, buông bỏ, tâm không nghĩ đến nó nữa. “Buông bỏ” rất khẩn yếu, ở đây tôi chỉ lấy việc tính tiền làm thí dụ.

Lại như tại gia tu hành, mình tu hành, người nhà không tu, ra chợ mua thịt về kêu mình thái thịt hoặc sát hại còn gì đó thì mình làm sao? Lúc đó cũng đừng có khẩn trương. Nếu không bảo kẻ kia làm được thì mình đành phải làm; nhưng lúc

đang làm, muôn phần chớ quên niệm A Di Đà Phật. Thịt đó, do chúng nó không học Phật nên tạo ác nghiệp, mới bị biến thành heo, thành dê, thành thỉt, bị người khác ngàn cắt, vạn xẻ. Lúc quý vị cắt xẻ, cứ mỗi nhát dao là một câu A Di Đà Phật thì con dao ấy thành A Di Đà Phật tiêu tội cho quý vị. Dùng cách quán tưởng ấy để biến cái tâm mình là được.

Thậm chí ở nơi nhà xí, chỗ bất tịnh, dù miệng chẳng niệm Phật nhưng tâm tưởng: “Tây Phương Cực Lạc thế giới không có việc này, không có đại tiểu tiện. Thế giới Sa Bà bản thủ như vậy, chúng ta tạo các thứ tội nghiệp mới phải sinh vào đây, tâm chẳng thanh tịnh nên mới sống nơi chẳng sạch sẽ”. Lúc đó, giữ tâm lòng sám hối, trong lòng cầu A Di Đà Phật sớm cho mình được ôm chân Ngài. Dù làm bất cứ việc gì cũng chẳng được quên A Di Đà Phật, chẳng cần phải niệm ra tiếng. Trong tâm tưởng Phật để hồn chuyển cảnh giới. “Đây chính là “ức Phật”. Quý vị tập sao cho trong tâm chẳng hề quên Phật là được, dù gặp phải tình huống thế nào, cứ đơn giản làm theo biện pháp ấy. Tôi nói đi nói lại: Quý vị lấy trộm tiền của người khác thì là ăn cắp vặt; vừa niệm Phật vừa trộm lấy thì không còn cách nào để giảng cho quý vị được nữa. Quý vị chớ có thiếu khai ngộ như thế.

Nói tóm lại là phải giữ gìn giới luật. Phật tại thế thờ Phật làm thầy, Phật chẳng tại thế lấy Giới làm thầy. Học Phật thì chẳng được phạm giới luật. Đã nói là chẳng được phạm giới mà còn trộm cắp vặt ư? Chẳng giữ giới luật làm sao học Phật được?

Hôm nay tôi chỉ nói như vậy, chẳng thể nói nhiều. Hồn tồn là thường ngày trong lúc ăn uống, đứng ngồi phải luôn luyện tập, lâu ngày chầy tháng quý vị thường luôn luyện tập thì tự nhiên tạo thành thói quen nên sẽ thành công. Thời gian kết Phật thất này chính là lúc để kiểm nghiệm công phu ở nhà của quý vị như thế nào. Đến đây thí nghiệm xem quý vị có đắc Nhất Tâm trong vòng bảy ngày này hay không? Nếu ở nhà đã chẳng hề luyện tập thì đến đây làm sao đắc Nhất Tâm được? Làm gì dễ dàng như thế được? Quý vị phải nhớ đây là chuyện thực tế.

Thường ngày luyện tập sẽ tập thành thói quen tự nhiên. [Khi đó] chẳng cần đến chùa Linh Sơn dự Phật thất, ở ngay ngôi đường cũng là đạo tràng vì đã quen rồi! Dù cho đến đây dự được tăng thượng duyên hỗ trợ cho mình. Dù công phu của mình tệ bạc đến đâu, đến đây thấy ai nấy đều niệm Phật, nhưng lắng tai nghe thì cũng có hình bóng Đức Phật in vô tâm mình. Công đức ấy chẳng phải nhỏ. Chúng ta chưa nhận thức được rằng: Dù chỉ là tăng thượng duyên cũng có đại lợi ích vậy.

Nói tóm lại, công phu hồn tồn cậy vào sự luyện tập thường ngày, tập quen sẽ tự nhiên thành tựu, tự nhiên làm được thôi! Trong kinh Di Đà nói các lời chim thuyết pháp, quý vị vẫn chưa thấu hiểu sao? Cho đến khi nghe gió thổi qua những cây bấu cũng tự nhiên sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, đầy đều là tự nhiên cả. Đã quy về tự nhiên thì tự nhiên chẳng sợ gì hết, làm bất cứ điều gì cũng là lợi ích của chúng sanh. Tâm trên vì Phật Pháp, dưới vì chúng sanh thì là đã thành công rồi. Một mảy riêng tư trong tâm cũng không có. Hãy nhớ kỹ điều này!

Hơn nữa, từ ngày hôm nay trở đi, bao nhiêu tội nghiệp trước kia hãy để cho chúng bị tiêu hóa hết trong tâm đi. Làm thế nào để tiêu hóa? Chẳng tạo vạ mới

nữa. Chẳng tạo vạ mới tức là chẳng vui bởi những chủng tử cũ. Những chủng tử ấy chẳng được tăng trưởng ra ngòi thì lâu ngày chúng sẽ tự nhiên diệt đi. “Tùy duyên tiêu cựu nghiệp” nghĩa là gặp phải sự việc bất hảo liền gắng thay đổi hoàn cảnh. Như phần trên đã nói, quý vị bắt buộc phải sát sanh không còn cách nào khác, thì quý vị nên niệm Phật thay cho chúng nó. Tâm quý vị chẳng có những việc xấu ấy, tùy theo những sự việc xấu ấy mà biến cải tâm lý. “tùy duyên tiêu cựu nghiệp, cảnh bất tạo tân ương” (tùy duyên tiêu nghiệp, chẳng tạo thêm vạ mới) như vậy thì sẽ thành công.

Tiếp đây, tôi sẽ đọc qua bài kệ một lượt cho quý vị nghe. Ai thấy được thì nhìn, không thấy thì nghe cũng vậy thôi.

“Tạp niệm giai thị bình tố tội”: Tạp niệm, chính là vọng niệm khởi động. Chẳng phải là quý vị muốn như vậy, nhưng vọng niệm chính là chủng tử của tội nghiệp hiển hiện. Khi vọng niệm khuấy động bên trong thì gọi là ma. Thường ngày, khi nào quý vị gây tạo tội nghiệp thì khi ấy vọng niệm phát khởi.

“Nhược bất tạo nghiệp niệm bất sanh”: Quý vị chẳng tạo tội nghiệp thì vọng niệm chẳng sanh. Vọng niệm chẳng sanh thì ý niệm nào khởi lên cũng là tịnh niệm, “tịnh niệm tiếp nối”.

“Tùng kim mạc thiết tái tại nghiệp”,: Từ nay, về sau đã chẳng phải tạo hết thảy nghiệp thì tại sao còn nhiều phen tổn hại chúng sanh? Độ chúng sanh chẳng phải là tổn hại chúng sanh? Độ chúng sanh chẳng phải là tổn hại chúng sanh. Mình tổn hại chúng sanh trong xã hội thì còn học Phật cái nỗi gì? Tạo nghiệp đều là làm hại người khác, ta chẳng nên tạo nghiệp.

“Nhất Tâm Bất Loạn tự nhiên thành”: Có vậy thì mới đắc Nhất Tâm Bất Loạn, tự nhiên thành công. Nếu còn tạo nghiệp thì đạt Nhất Tâm sao nổi!

Nói đã nhiều rồi, mỗi câu đều có đạo lý sâu xa. Trong thời gian này, mọi người nên gắng đạt Nhất Tâm Bất Loạn. Niệm Phật cầu Nhất Tâm Bất Loạn rất khẩn yếu. Tính đến mai vẫn còn hai ngày, mọi người hãy suy nghĩ những điều đó, về đến nhà cũng vẫn thực hành theo đó. Chư vị đồng tu hãy buông xuống vạn duyên, niệm mỗi một câu A Di Đà Phật!

## VIII. KHAI THỊ TRONG PHẬT THẤT NĂM TÂN DẬU

(đệ tử Liên Thực Mỹ kính ghi)

Tính đến nay đã là ba mươi năm mở Phật thất ở đây, mỗi lần đều có người giảng nói. Theo quy củ, phải thỉnh thiện tri thức trong Tịnh Đ65 Tông đến khai thị. Khai thị chẳng phải là giảng kinh, thuyết pháp, mà là nói về những điểm thật trọng yếu, phải thuyết minh điều quan trọng là làm thế nào để đạt Nhất Tâm thì dù có niệm Phật vạn năm cũng chẳng thành công.

Nay tôi chỉ là một gã bạch y, công phu cũng chẳng giỏi, tuy từng gặp được các bậc đại đức trong Tịnh Tông, gặp minh sư chỉ điểm, nhưng vì ngu độn, chỉ có thể dựa theo lời tổ sư giảng, dựa dẫm các ngài để giảng giải, chẳng dám xưng là giảng khai thị.

Ba mươi năm qua, ai giảng trong mỗi kỳ Phật thất? Tồn là tôi giảng. Mỗi năm, đồng tu tham gia cũ mới đều có, lời giảng cũng khác. Trong số đó, có người đã từng nghe giảng suốt ba mươi năm qua, nay lại giảng cái gì đây? Giảng nữa

cũng vẫn là những lời đó. Nghe qua rồi, bạn đồng tu chẳng muốn nghe lại vì đều đã hiểu cả rồi. thử hỏi có ai làm được thì có giảng vẫn là vô dụng.

Nay tôi dựa theo khai thị của tổ sư để giảng. tổ sư dựa theo kinh điển mà kinh là từ miệng Phật nói, pháp môn đều do Phật truyền, điều gì kinh không nói thì tổ sư cũng chẳng tiếp nhận hết nổi, chỉ có thể chuyên tu theo một pháp môn. Chúng ta đều tu Tịnh Độ nên tôi dựa theo pháp môn Tịnh Độ mà nói.

Có lẽ quý vị nghi hoặc sao tôi không nói thẳng vào phương pháp chứng đắc Nhất Tâm? Đó là vì hiện tại mọi việc đều chẳng bình thường, chẳng đúng lẽ, đều suy thoái cả. Có người bảo bây giờ náo nhiệt hơn trước, sao lại bảo là suy thoái? Nói đến Nhiệt thì tồn thân mướt mồ hôi, lòng đầy phiền muộn, Náo là lộn xộn bảy tám tầng. Nói đến Tu Tịnh Độ thì phải đắc Nhất Tâm Bất Loạn mới có thể vắng sanh, nếu náo nhiệt thì làm sao đạt Nhất Tâm được? Vì vậy mới bảo là suy thoái.

Mọi người là bạn già của tôi, đã niệm Phật ba mươi năm rồi, sau này nếu như nọ người chẳng đạt được kết quả tốt là tôi có lỗi đối với mọi người. Cổ nhân nói: “*Thiên nhân ngật phạn, nhất nhân hôn tiền*” (ngàn người ăn cơm, một người trả tiền). Kết thất niệm Phật, đông người tham gia, phí tổn cũng nhiều. nếu như chẳng có kết quả gì lại là tạo tội nghiệp, hết thấy tội lỗi người giảng khai thị phải gánh. nếu như trong đây có một ai phát chân tâm, đạt được Nhất Tâm, sau này vắng sanh thì coi như là người ấy đã bồi hồn phí tổn cho đạo tràng này rồi. Ngày hôm nay khác với năm ngoái, xin quý vị phải chú ý tột bực, nghĩ đến vắng sanh thì ắt sẽ niệm đến mức Nhất Tâm, đừng có ồn náo vô ích.

Chư vị tu hành hơn ba mươi năm. Cổ nhân nói: “*Thuyết đắc nhất trọng, bất như hành nhất xích*” (nói một trọng không bằng làm được một thước). Nói nhiều vô dụng, cần phải thật tu mới nên. Kinh điển rất nhiều nhưng hiểu được vạn pháp chẳng bằng hiểu kỹ một pháp, bởi lẽ bất luận như thế nào cũng đều phải y theo một môn tu hành mới hòng thành công được. Dùng bất cứ câu nào trong kinh cũng đều chứng quả được, nhưng vạn câu kinh chẳng bằng một câu Phật!

Có lẽ mọi người không tin điều này, vì thường có bạn đồng tu đến hỏi tôi cần phải niệm thêm bộ kinh nào? Bộ kinh nào cũng tốt vì đều là lời Phật dạy cả. Nếu như khóa sáng mỗi ngày tụng hết cả Tam tạng mười hai bộ kinh thì công đức rất lớn, nhưng xưa nay, ngay cả các vị tổ sư cũng chưa ai có thể niệm hết trong một buổi sáng được. Sáu chữ trong một câu Phật hiệu, tôi chỉ hiểu nổi ba chữ, hiểu biết mới được một nửa như vậy mà đã có thể giảng suốt ba mươi năm. quý vị lợi căn nếu hiểu được bốn chữ thì ắt sẽ thành tựu.

Vì sao một câu Phật hiệu lại có hiệu quả lớn đến thế? Vì kinh do Phật nói ra, Tăng do dựa vào kinh mà có. Đã vắng sanh rồi vẫn phải niệm Tam Bảo. Phật đứng đầu Tam Bảo. Vì vậy, hiểu được một câu Phật hiệu là thành công. Kinh Di Đà dạy: “*Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên để được sanh về cõi kia*”. Niệm Phật là trồng thiện căn. Cây có gốc mới có thể sanh trưởng; có thiện căn thì mới có thể khai hoa, kết quả. Những điều này trước đây tôi đã giảng qua, nhưng chỉ là diễn giảng cách khác.

Ai cũng niệm kinh Di Đà, nhưng vẫn không hiểu. Vì lẽ gì không hiểu? Là vì chưa có duyên khai ngộ. Trong Tịnh Tông cũng cần phải khai ngộ. Không khai



ngộ thì là mê hoặc, điên đảo, nhưng muốn khai ngộ phải là người có phước khí. Vì thế kinh Di Đà nói: “*Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên*”. Muốn khai ngộ thì phải tu phước.

Phước đức là gì? Kinh Di Đà nêu ra ba mươi bảy Trợ Đạo Phẩm, điều này khá rắc rối, không phải ai cũng làm được. Sau này, các tổ sư nói gọn lại là mười thiện nghiệp, nhưng mọi người vẫn không hiểu, nên lại phải nói pháp phương tiện là “*tin sâu nhân quả*”; cốt yếu là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”. Thiện ác chủng loại rất nhiều. nếu như giữ được năm giới cấm căn bản, khởi tâm làm điều gì thì hết thấy đều là vì công (chẳng tư tâm), đó là Thiện. Tâm riêng tư cuồn cuộn thì là Ác. Trừ khử ba sự ác căn bản là Tham, Sân, Si, làm gì cũng vì mọi người thì là có phước đức.

Có phước sẽ khai ngộ. Cổ nhân nói: “*Phước chí tâm linh*”, nghĩa là: Phước đến, tự nhiên tâm nhanh nhạy, vừa nói hiểu liền, giảng một câu hiểu đến tám, mười câu. Vô phước thì tâm chẳng linh lợi, giảng cả trăm câu còn chưa nghe hiểu được nổi một câu. Học Phật cầu cảm ứng đạo giao, cảm ứng được Phật thì gọi là “*linh cảm*”. Tâm hôn mê, trầm trệ làm sao cảm ứng được Phật? Dù Phật có đến tiếp dẫn vẫn chẳng chịu đi. Công phu phải tu tập hằng ngày. *Tu hành chẳng trở ngại đến nghề nghiệp dù là nông, công, thương, công chức, y sĩ. Chỉ cốt sao dùng tâm Bồ Đề làm việc thì là Thiện, phước chí tâm linh tự nhiên khai ngộ.*

Ngày hôm nay kết thất là đi dự thi, lúc bình thường khéo công phu thì lúc kết thất khả dĩ đắc Nhất Tâm, chứ chẳng phải là cứ rêu rao rằng bảy ngày liền được Nhất Tâm, liễu sanh tử. Trong vòng trời đất làm gì có chuyện thuận tiện đến thế? Uống cạn một hơi chén trà còn chẳng dễ, huống là đại sự liễu sanh tử! Hồn tồn là do thường ngày luyện tập. *tâm, Phật và chúng sanh là cùng một sự. Trọn tâm lắng đều nghĩ đến mọi người, khởi ý niệm nào cũng đều là Phật thì tâm chính là Phật.* tâm chẳng niệm Phật, tư tưởng tồn là những điều xấu xa tạp nhạp, lộn xộn trong thế gian thì tâm là phàm phu. Thành Phật hoặc làm phàm phu đều là do tâm tạo. Tiếp theo đây, tôi sẽ giảng một bài kệ để kết thúc:

“*Phật tại tâm trung mạc ngoại cầu*” (Phật ở trong tâm chớ ngoại cầu): Phật hay thành chúng sanh đều là do chính quý vị mà thôi. Tìm cầu đức Phật bên ngoài là làm lẫn. Câu này nói về thiện căn, câu tiếp theo nói về phước đức.

“*Tham sân phóng hạ thị chân tu*” (tham, sân buông bỏ ấy chân tu): Tham, Sân, Si là ba phiền não căn bản. Chẳng buông bỏ được chúng để tu hành đúng như lời dạy thì chính là nói dối người. Nếu như buông bỏ được chúng thì mới là chân chánh tu hành.

“*Niên quang tam thập mãi như cưu*”

(Ba mươi năm rồi vẫn như cũ): Phật thất tổ chức ở đây đã ba mươi năm rồi, tôi cũng (Ba mươi năm rồi vẫn như cũ): Phật thất tổ chức ở đây đã ba mươi năm rồi, tôi cũng đã đến giảng cả ba mươi năm. Mười năm đầu, người thành tựu chẳng ít. Mười năm kế giảm bớt. Mười năm sau chẳng được như trước. Năm nay tuy có ba người hiện tướng lãnh vãng sanh, nhưng nói chung là mỗi năm lại kém hơn năm trước, vẫn là y như cũ chẳng tiến bộ gì. Sau này ai lại đến giảng trong ba mươi năm nữa đây?

“*Thế Chí, Quán Âm đại phát sầu*” (Thế Chí Quán Âm cũng phát sầu): Chúng ta niệm Phật tẻ hại như vậy, chẳng phải chỉ mình Phật A Di Đà không cao hứng

mà cả Bồ Tát Quán Âm, thế Chí cũng phải buồn giùm quý vị. Mỗi cá nhân quý vị tu tập sao đây? Nếu chẳng khéo tu tập thì thuyền từ phổ độ của Quán Âm Bồ Tát cũng chẳng độ được quý vị. Thế Chí Bồ Tát dạy quý vị nhớ Phật, niệm Phật, tịnh niệm tiếp nối, quý vị cũng chẳng nghe. hai vị Bồ Tát phải buồn thay cho quý vị. Các Ngài buồn chuyện gì? Các Ngài thấy mình có lỗi đối với Phật A Di Đà, dạy học sinh thế nào mà chẳng thành công chi hết? Hôm nay là thánh đàn đức A Di Đà, các Ngài không có cách nào bái thọ Phật A Di Đà được hồn tồn là lỗi của bọn ta.

### IX. LỜI TRẦN TÌNH CỦA CỤ TUYẾT TĂNG (3) NHÂN DỊP PHẬT THẮT NĂM NHÂM TUẤT

Kết Phật thất tại đây đã hơn ba mươi năm. Mỗi lần kết thất, học nhân đầu đến đây giảng. Thoạt đầu, mỗi ngày giảng một lượt, đem những sở học về phương pháp Niệm Phật của chính mình công hiến cho mọi người, còn hai chữ :khai thị” chẳng đảm đương nổi. ba mươi năm qua, tôi đã nói rất nhiều về pháp môn này cũng như cách niệm Phật, đều là bàn về những kinh nghiệm của cổ nhân, chỉ cần chọn lấy một điều để thực hành thì sẽ có thể thành công.

*Hiện tại chính là thời kỳ Mạt Pháp. Tu các pháp môn khác đều phải cậy vào tự lực để đoạn khắc Hoặc, chứng chân. Muốn đắc tiểu quả A La Hán cũng phải cả ngàn năm, vạn năm, thật chẳng dễ thực hiện được. Chỉ có mỗi Tịnh Độ là pháp môn Nhị Lực, tự lực chẳng đủ thì Phật lực đến gia bị. Điểm đặc biệt nhất là chẳng cần đoạn Hoặc, vẫn có thể cảm ứng đạo giao, lúc lâm chung Phật liền đến tiếp dẫn, được vãng sanh là thành tựu. Pháp môn này thành tựu ngay trong đời này, nhưng điều khẩn yếu là “cảm ứng đạo giao”.*

Nếu chẳng cảm ứng đạo thì chẳng thể thành tựu. Vì sao chẳng cảm ứng? A Di Đà như vàng trắng rạng ngời trên không, tâm người niệm Phật giống như nước. *Nước trong lặng thì vàng nguyệt mới soi bóng được. Đây là cảm ứng; có vậy thì mới có thể tiếp dẫn vãng sanh. Nếu tâm chẳng thanh tịnh giống như nước đục ngàu, vàng răng chẳng hiện bóng được. Đây chính là chẳng cảm ứng, dù A Di Đà Phật ở ngay trước mắt cũng vãng sanh được.*

*Làm thế nào để cảm ứng? Đây chính là điểm khác nhau giữa kết thất niệm Phật và niệm Phật ở nhà. Đến đây rồi thì tâm gì cũng buông xuống hết, một lòng niệm Phật, ở nhà đâu có làm như vậy được.* Kinh Di Đà chuyên giảng về chấp trì danh hiệu, sáu chữ hay bốn chữ Phật hiệu, một ngày, hai ngày hoặc là bảy ngày, chỉ mong sao có ngày niệm đến Nhất Tâm, tâm thủy lặng trong, cùng Phật cảm ứng, đây mới kể là thành tựu, lúc lâm chung mới bảo đảm. Nếu chẳng làm được như vậy thì kết thất cũng uổng công, khác gì niệm Phật tại nhà đâu.

Nói đến Nhất Tâm thì trong ngàn vạn người khó có được một ai hiểu rõ. chẳng hiểu thì sao mà làm được? Dù có làm được cũng sợ là chẳng biết [mình có thể làm được]. Vậy thì làm sao đây? Đạo lý này, tôi là kẻ phàm phu hồn tồn chẳng biết gì. Tuy nhiên, trong Phật thất chẳng thể giảng kinh nên tôi chỉ dựa theo nghĩa kinh và lời giảng giải của chư tổ sư để trình bày cùng quý vị.

Kinh Di Đà nói: “*nhất Tâm Bất Loạn*”, thế nào là Nhất Tâm? Lời tục nói: “Tâm vô nhị dụng”. Dụng tâm là khởi ý niệm tính làm chuyện gì đó. “Vô nhị” nghĩa là khi ý niệm phát ra ngời thì giống như vết kim đâm rất nhỏ, chỉ có thể lọt qua

một sự, chứ hai sự chẳng lọt được. Khi ý niệm đi vào trong tâm cũng giống hệt vậy. Chỉ có một ý niệm lọt vào được nhưng rất nhanh, rất nhỏ. Trong khoảng khảy ngón tay, có sáu mươi sát na. Mỗi sát na có 110 ý niệm, tồn là do nơi mình giác ngộ. Hễ giác ngộ thì khéo sẽ làm được. Các tông khác chẳng cho phép khởi ý niệm, mà phải đạt đến vô niệm, rất là khó. *Tịnh tông chẳng sợ khởi niệm, chỉ sợ hay biết chậm. Càng khởi niệm. Niệm gì? Niệm A Di Đà Phật, A Di Đà mà ngừng một chút thì ý niệm xấu bèn hiện lên ngay. Nếu “tâm vô nhị dụng” (tâm không khởi lên ý niệm nào khác) thì mỗi niệm khởi lên đều là A Di Đà Phật, cũng không niệm điều gì khác. Đó chính là Nhất Tâm.*

Lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Tiếp dẫn cái gì? *Chẳng phải tiếp dẫn cái túi da thối tha này, cũng chẳng tiếp dẫn vọng niệm, mà là tiếp dẫn cái tâm niệm Phật.* Vừa mới khởi vọng niệm liền tạo thành chướng ngại, dù Phật ở ngay trước mắt cũng vẫn có chướng ngại. Tâm mình cùng Phật quang chẳng chiếu rọi lẫn nhau được nên chẳng thể cảm ứng đạo giao, nên chẳng phát sanh hiệu lực. Vì vậy phải niệm cho đến Nhất Tâm. *Lâm chung “tâm chẳng điên đảo” thì liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà.*

Đến đây kết thất niệm Phật mà chẳng hiểu rõ đạo lý này thì có khác gì niệm Phật ở nhà. Nếu như ở nơi đây, tuy miệng niệm Phật, nhưng tâm vẫn nghĩ đến chuyện khác thì hỏng rồi. Ngay trong lúc niệm Phật, tâm vừa nghĩ tưởng đến phú quý liền chẳng thể ra khỏi lục đạo, luân hồi, thân sau sẽ sanh lên trời. *hễ nghĩ đến gia đình thì gia đình chẳng phải là Tây Phương, tương lai sẽ lại làm người. Vừa nghĩ đến mình hay hơn người khác, ôm lòng ngã mạn, thân sau chỉ e vào trong đường Tu La. nếu một mặt niệm Phật, một mặt vẫn sanh khởi ba độc Tham, Sân, Si thì tương lai sẽ đọa làm hung thần. nếu lại tham đắm thức ăn thì thân sau đọa làm loài quỷ đa tài (4). Nếu lúc niệm hôn trầm mà chẳng hay biết thì tương lai sẽ đọa vào súc sanh. nói chung đều là tương ứng với lục đạo, chẳng đến được Tây Phương.*

*Nhưng người niệm Phật do công đức niệm Phật chẳng đọa địa ngục, chẳng biến thành nga quý, chẳng làm thân súc sanh hạ đẳng. Dù sanh trong bất cứ loài nào cũng đều hưởng phước, nhưng đến đời thứ ba, do lúc chuyển thân, thần thức bị mê, công đức niệm Phật chẳng thể hiện hành, chỉ e lại bị đọa lạc rồi thọ tội.*

Vì thế, ở nơi này niệm Phật, phải nên buông xuống hết thảy, khi niệm sáu chữ hoặc bốn chữ hồng sanh phải từ trong tâm phát khởi, tai nghe cho rõ ràng, minh bạch, lại in vào trong tâm, đi ra, trở vào, niệm sao cho thành một mối, nhưng chỉ có loạn tâm là chưa buông xuống được. Đến khi Phật thất kết thúc, chẳng phải là về đến nhà liền được vãng sanh đâu. Ở nhà lâu ngày, sáng tối niệm Phật chùng hai tiếng đồng hồ, loạn tâm lại xuất hiện thì cũng vô dụng. Vì thế phải gìn giữ “tịnh niệm tiếp nối”. Ở đây làm như thế nào thì về đến nhà cũng phải làm giống hệt vậy, tiếp tục chẳng gián đoạn thì mới thành công được.

Tôi chỉ giảng đến đây, phải nhớ kỹ mới bảo đảm được. tiếp đây, tôi nói một bài kệ để kết thúc:

“*Ứng tri tán loạn niệm Di Đà*”: Mọi người phải biết: Nếu tâm tán loạn chẳng làm gì được nổi, cứ niệm Phật như thế thì sẽ ra sao?

“*Không phí công phu nan giải thoát*”: Công phu uổng phí, chỉ được phước báo, chẳng thể vãng sanh, vẫn ở trong lục đạo luân hồi, rất khó giải thoát.

“*Nhân sanh thọ mạng hô hấp gian*”: A, cứ tà tà mà niệm thì sao? Tà tà không được. Kinh dạy: “*Mạng người trong hơi thở*”. Một hơi thở ra không trở lại thì liền thành đời sau, chớ tu hành lờ là.

“*Nhất thất cơ duyên khổ vạn kiếp*”: hiện tại, cơ duyên rất hiếm. Hễ bỏ lỡ cơ hội, nhân duyên ắt sẽ thọ khổ. Thọ khổ như thế nào? Luân chuyển trong lục đạo, khó ra được nổi. ngàn kiếp, vạn kiếp, khó ra được nổi. Ngàn kiếp, vạn kiếp mới lại có được thân người. Tám ngàn năm sau là thời kỳ pháp diệt, chẳng còn có Phật pháp, khác nào Bắc Câu Lô Châu, khó được giải thoát. Tám ngàn năm là còn sớm đây. Người thọ trăm tuổi, khi thọ báo hết chẳng vãng sanh Tây Phương, sẽ sanh về chỗ tốt đẹp trên trời. Tầng trời thứ nhất là Tứ Vương Thiên, thọ mạng năm trăm năm. Một nhày đêm trên trời đó biết năm mươi năm dưới thế. Ở trên trời hưởng mây vạn năm phước trời, khi đọa xuống nhằm thời kỳ Pháp Diệt, chẳng có Phật pháp, sống sống chết chết chẳng hề được nghe Phật Pháp, chẳng ra khỏi tam ác đạo nổi, thọ khổ vạn kiếp.

## X. DAO BÉN CẮT DỨT MỐI TỒ LOẠN.

(Đệ tử Hồng Khiết Di kính ghi)

Người trong cõi đời, từ xưa không ai tránh khỏi một lần chết. Dù là bậc thế gian thánh nhân, đến lúc vẫn cứ phải chết như thế. Chỉ có bậc thành nhân xuất ly thế gian mới giải quyết được vấn đề sanh tử. Nhưng Đức Phật cũng chẳng thể ngày trong một đời liền thành Phật, mà phải do tu hành từng bước mới chứng được Phật quả. Cho nên nói: “*Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, chẳng tu chẳng đắc*”. Vì thế, quý vị phải tin là ai cũng phải chết, chỉ sợ” chết không được thôi!” vì sau khi chết đi, ắt sẽ luân hồi trong lục đạo, nhưng trong sáu đường, khó đạt được cõi trời, người, đọa lạc trong tam đồ thì khổ chẳng thể nói xiết.

Duy Thức Tông lập ra cái gọi là “Tam Lượng”. Chữ Lượng có nghĩa là “phân thốn” (phân, tác, ý nói đo đạc), “đong hoặc “cân”. Vật phẩm phải dùng cái cân để cân lường thì mới có tiêu chuẩn làm cơ sở để xác định. Còn như trong việc phân biệt giữa các giáo thì lấy gì để chiết trung (chọn lọc lấy những điểm hay, đúng)? Phải dùng Thánh Ngôn Lượng, tức là phải dùng lời Phật dạy làm tiêu chuẩn để đo lường. Có đáp án chánh xác như thế thì tu hành mới có cơ sở để dựa vào. Bây giờ so sánh xem chuyện tu Tịnh Độ của mọi người là đúng pháp hay chẳng đúng pháp. nếu tu đúng pháp thì là Tịnh Độ Tông, tu chẳng đúng pháp thì là “*loạn ty vô đầu*” (tờ rối tung không thấy đầu mối).

Chúng ta là đạo tràng Tịnh Độ, phải nghĩ kỹ đến tận cùng chữ Tịnh. Người tu hành chẳng đến đạo tràng để cầu náo nhiệt, mà là cầu công đức và thiện căn. Một câu A Di Đà Phật là thiện căn. Một câu A Di Đà Phật là thiện căn lớn nhất. Chỉ cần chế phục được phiền não thì sẽ được vãng sanh. Nghiệp là nghiệp lực, nghiệp do mình tạo thì thân mình phải mang lấy, đó chính là phiền não. Chỉ cần chế phục được phiền não thì sẽ được vãng sanh, đoạn sạch sanh tử thì mới gọi là Niết Bàn. đây đều là những điều Phật dạy. Nếu hồi nghi lời Phật dạy, cho là sai lầm thì còn học Phật để làm gì?

Tiếp đây, tôi giảng một bài kệ để kết thúc:

*Lục tự dĩ ngoại giai phi nhất, Nan dữ Di Đà cảm ứng thời*

*Thánh lượng thị Phật thân khẩu thuyết,*

Nguyện nhữ khôi đao đoạn loạn ty!  
(Tạm dịch theo ý:  
Minh danh hiệu Phật là thuần nhất,  
Niệm Phật tán loạn khó cảm thông,  
Thánh lượng chính miệng đức Phật dạy,  
Mau dùng đao bén chặt tơ rối)

“Lục tự” là “Nam Mô A Di Đà Phật”. Ngoại trừ niệm sáu chữ này ra, tất cả những thứ khác đều chẳng thuần nhất. Nếu quý vị niệm Phật nhưng tam mơ tưởng chuyện khác thì sao? Tâm chẳng trụ vào sáu chữ hồng danh sẽ khó cảm ứng Phật. Chữ “loạn ty vô đầu” là tiếng cổ, là Thánh Ngôn Lượng. Một cục tờ rối, không hề có đầu mối gì hết, gỡ bao giờ mới xong? Xin quý vị cầm con dao bén chặt ngay cho nó đứt đôi ra, tức là Nhất Tâm rồi, chẳng còn loạn nữa. Kinh Di Đà nói rõ thế giới Cực Lạc được trang nghiêm bởi vàng, bạc, lưu ly, xích châu, mã não... Đấy đều là lời Phật nói. Nếu quý vị không tin, chỉ thích nói là đất phủ cỏ xanh thì cứ việc tùy tiện. đã tin vào Tịnh Độ Tông rồi thì phải biết điều tối khẩn yếu hồn tồn là sáu chữ hồng danh. Đừng có nói sáu chữ này nông cạn. Nếu thật sự là kẻ giải ngộ sâu xa thì thấy sáu chữ ấy sâu xa, giải ngộ nông cạn sẽ thấy là nông cạn, hồn tồn tùy thuộc vào mỗi người thôi! Các đồng tu hãy mau cầu Nhất Tâm, đao bén chặt tơ rối, lời Phật chẳng dối đâu!

## XI. KHAI THỊ TẠI PHẬT THẤT CỦA LINH SƠN NĂM ẤT SỬU (Đệ tử Ngô Bích Hà kính ghi)

Dốc lòng trừ mạn chướng, thiết tha cầu Nhất Tâm  
Thưa các vị lão sư, các vị đồng tu.

Hôm nay tôi đến đây giảng, trước hết thanh minh một điều: tôi hồn tồn không đến đây để giảng khai thị. hai chữ “khai thị” tôi đảm đương chẳng nổi, tôi chỉ đem những kinh nghiệm của chính mình ra bàn bạc để người này, người kia tham khảo mà thôi.

Tiếp đến, thanh minh một câu nữa: trong lúc ngồi giảng ở đây, xin miễn hết thầy những khách sáo thể tục, chỉ nghiên cứu “Nhất Tâm Bất Loạn”. Người giảng, người nghe đều lấy “Nhất Tâm bất Loạn” làm mục tiêu. nếu không, bị phân tâm một phần thì chẳng phù hợp với Phật thất vậy. Xin quý vị nhiếp tâm, tâm không nghĩ gì khác lắng nghe!

Luận về “Nhất Tâm” thì đây là một đạo tràng đã lâu, hẳn quý vị hiểu rồi. Đã hiểu rồi thì xin hỏi một câu: “Quý vị đạt được hay chưa?” Hơn ba mươi năm qua, có vị nào đạt được Nhất Tâm Bất Loạn chưa? Nếu như năm nào cũng dự Phật thất nhưng năm nào cũng tán loạn thì có phải là dự Phật thất trở thành chuyện phù phiếm hay sao? thế nhưng, người học Phật làm gì cũng phải chân thật. bài kệ khai kinh có câu: “*Nguyện giải Như lai chân thật nghĩa*”. Việc hư dối thì có làm cũng vô ích. Đã vậy thì quý vị ắt sẽ tự hỏi: “Niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn trọn chẳng hề có ư?”

Tôi chẳng rõ là trong số quý vị, hồn tồn không có một ai làm được chẳng? Ngược lại, tự hỏi mình trước. Với tôi thì Nhất Tâm Bất Loạn có thời gian nhất

định. Trong khoảng thời gian ngắn sẽ đạt Nhất Tâm Bất Loạn. Nói như vậy ít nhiều đã có “cống cao, ngã mạn”. Trong ba mươi năm qua, tại nơi đây, dự Phật thất, tôi giảng qua vấn đề này chẳng biết là đã bao nhiêu lần, nhưng giảng rất nông cạn. Quý vị trong tâm ngầm coi thường, nghĩ rằng: “Ông không cần phải nói, những chuyện đó tôi từng nghe qua rồi!” Quý vị ơi! Khó biết được huyện nào mình đã thật sự nghe qua lắm đấy! Nếu còn giữ tâm như vậy thì chẳng đắc Nhất Tâm, mà là được cống cao, ngã mạn, vẫn còn là phiền não. Nói như vậy nghĩa là sao?

Quý vị nghe kinh cũng nhiều, xem kinh chẳng ít, đáng coi là bậc đa văn, nhưng chỉ hiểu được về mặt văn tự, chứ xét về mặt công phu chân thực thì chẳng đáng bàn tới. Luận đến chân lý “tâm, Phật, chúng sanh bình đẳng bất nhị”, quý vị đã hiểu được đạo lý này chưa? Nói đến Phật thì chưa từng thấy qua. Nói đến chúng sanh thì mọi người đều nghĩ là mình đã từng thấy qua chỉ vì trong tâm nghĩ như thế này: “Người khác là chúng sanh, còn mình chẳng phải”. Đây là cống cao, ngã mạn. Học như vậy thì chỉ học được phiền não, làm sao chúng ta luôn thấy “Phật, tâm, chúng sanh bình đẳng” cho được? Quý vị bề ngoài bình đẳng nhưng trong tâm đa số chẳng bình đẳng. Đây chính là đại phiền não!

Bàn đến phiền não thì trong trăm pháp, Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Bất Chánh Kiến thuộc về căn bản phiền não. Ngồi ra còn có trần sa phiền não, căn bản vô minh. Ba loại này đều là bệnh ai nấy đều có, ai nấy chẳng tự hay. Càng học Phật, niệm kinh chẳng tự biết, phiền não càng nặng đều là do quan niệm “tôi xem sách hoặc nghiên cứu kinh chẳng ít”. Nhưng kinh giống như thuốc. Nếu như uống lầm thuốc chẳng đúng bệnh, rốt cuộc có lợi ích chi? Vì thế, chúng ta chẳng thể thành tựu chính là do cống cao, ngã mạn. Tôi chẳng nói đến những việc khác bởi chính cống cao, ngã mạn khiến cho mọi người sau này thôi chuyển, làm sao còn bàn đến chuyện đắc Nhất Tâm Bất Loạn được nữa?

Nói như vậy thì phải trừ khử cách nào mới nên? Phải “trong tâm thật sự trống không, một niệm chẳng khởi”. Đây là chân lý. Nguyên lai bốn tánh là bất động, hễ động thì gọi tên khác là Tâm. Chúng ta chẳng thường hay nói là “khởi tâm động niệm” đó sao? Khởi tâm chính là khởi lên ý niệm. Một ý niệm vừa khởi lên bèn có mục tiêu nên sẽ tạo nghiệp. Tạo nghiệp sẽ phải lãnh quả báo. Thiện nghiệp thì thiện báo, ác nghiệp thì ác báo. Các báo thiện, ác lại chẳng thể triệt tiêu lẫn nhau, làm gì phải chịu báo nấy. Giống như nay chúng ta được báo ứng, so với ba ác đạo thì vẫn còn khá hơn. Tuy vậy, chúng sanh gồm có cửu giới (5), nhân loại chỉ là một trong chín giới đó, vẫn chỉ là tạm thời ngoi đầu lên trên biển khổ mà thôi. Vẫn là nhiều đời, nhiều kiếp đến nay, chẳng biết mấy khi làm lành, tạm hưởng được thiện báo.

Nói đến thiện báo thì phải có được thân người thì mới có thể giải thoát. Nếu chẳng được thân người thì đừng nói chi đến chuyện hiểu Phật pháp, ngay cả chuyện hiểu thông suốt những ngôn ngữ bình thường đã khó khăn rồi: chim có tiếng chim, thú có tiếng thú. Nói đến thiện báo được làm thân người thì xét đến cùng là do tạo nghiệp nào mà được, chỉ sợ chúng ta đều chẳng tự biết vậy.

Nói chung, từ vô thủy kiếp cho đến hiện tại, chúng ta tạo nghiệp, lãnh báo, một bề biến hóa không ngừng, vậy thì hiện tại chúng ta phải nên làm gì? Trước khi xét đốn phương pháp, chúng tôi xin minh định trước: Hễ có thân là phải có khổ.

Nếu không có cái thân tứ đại giả hợp này thì không có chỗ nào để thọ khổ cả. Muốn tiêu tội nghiệp thì phải bắt đầu từ đầu nguồn. Đầu nguồn chính là Tâm. Tâm không có hình dáng nhưng lại chính là nguyên động lực lôi kéo chúng ta luân lạc sanh tử. Chúng ta khởi tâm động chông chất chẳng biết là bao nhiêu. Trong kinh dạy: “Nếu như ác nghiệp có thể tướng thì trọn cõi hư không chẳng thể chứa đựng nổi”. Nghiệp nhiều như thế đấy. Chẳng cần nói đến kẻ không siêng niệm Phật; đối với người khéo niệm Phật, có phải là sẽ tiêu sạch được ác nghiệp từ trần sa kiếp chẳng? Chỉ e rằng chẳng đơn giản như vậy. Ví như vàng Thái Dương chiếu xuống tuyết; tuyết tan thành nước. Thế sao tuyết đọng trên Tuyết Sơn suốt năm chẳng tan? Nào có phải là mặt trời chẳng rọi xuống Tuyết Sơn đâu! Lời tục nói: “Băng đóng ba thước, chẳng phải là trời lạnh một ngày”. Chỉ đơn độc cậy vào sức mình, làm sao đạt được “tâm không?” Làm ao tiêu trừ tội nghiệp được? Nói như thế thì nhất định phải nhờ cậy [sức Phật]. Đấy chính là Nhị Lực.

Điều thứ hai là chữ Nhị Lực chẳng phải chỉ nói về hai lực ấy, mà còn hàm chỉ nhiều thứ. Chẳng hạn như trong đạo tràng này có rất nhiều người, nhưng ta cũng có thể nói là có hai loại người. Một là giảng, hai là nghe. Vì thế chỉ nói “hai” nhưng đã bao gồm người giảng, người phiên dịch, người nghe, người lo liệu công việc... biết bao là thứ. Vì thế chữ “Nhị” còn hàm ý “rất nhiều”.

Trong kinh A Di Đà, mười phương chư Phật đều nói: “Chúng sanh các người đều nên tin vào kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”. Phật nói với Bồ Tát, Bồ Tát lại đem lời ấy tuyên thuyết, lần lượt lan truyền rộng rãi như thế trùng trùng vô tận, rốt ráo chẳng hề có kết thúc. Quý vị nghĩ xem, nghĩ đến cùng là nhiều hay không nhiều vậy? Vì thế, sức của ác nghiệp cố nhiên là to, nhưng sức của mười phương chư Phật cũng rất to. Do mười phương Phật đến giúp ta tiêu nghiệp thì sợ gì ta chẳng thành tựu cơ chứ?

Kinh A Di Đà dạy: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này mà thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thủy chư Phật hộ niệm”.

“Niệm” có nghĩa là trong tâm Phật có mình. Tâm Ngài đã có mình thì nếu mình có chuyện gì, các Ngài sẽ đến giúp cho. Đấy là “Hộ”. Nói như vậy có phải là chúng ta cứ ngồi chờ Phật đến rước chẳng?

Phật giáo Nhật Bản có một tông phái mệnh danh là Chân Tông chuyên giảng về nguyện thứ 18 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà, cho rằng chỉ cần tin vào Phật A Di Đà thì Phật sẽ đến tiếp dẫn vãng sanh. Thật ra làm gì tiện lợi như vậy! Cầu Phật đến tiếp dẫn phải có đủ Tín – Nguyện – Hạnh mới cảm ứng được!

Thế nào là Cảm Ứng? Giống như quý vị niệm Phật ở nơi đây (không phải là xứ Phật) thì Niệm chính là Tâm của quý vị, tâm quý vị khởi niệm nơi Phật thì Phật hộ niệm quý vị. Hai bên hòa hợp, đó là Cảm Ứng. Nhưng niệm Đức Phật nào? Niệm A Di Đà Phật. Nếu một mặt vừa niệm Phật A Di Đà, một mặt lại niệm Phật Dược Sư, tự cho rằng “đăng nào cũng là niệm Phật” thì lại là làm mất rồi, sẽ chẳng được Cảm Ứng.

Quý vị xem đây: hai bàn tay tôi vỗ vào nhau phát ra tiếng. Đấy là một loại âm thanh. Dùng tay vỗ lên bàn thì lại là một loại âm thanh khác. Hai loại khác nhau.

Vì thế, đức Thích Ca Mâu Ni Phật dạy quý vị niệm A Di Đà Phật, chỉ nên tuân theo Thánh Lượng thì mới được lợi ích!

Tiếp đây, tôi đem các phương pháp dạy niệm Phật của chư Tổ Sư tặng cho quý vị. Nếu thật có thể hành đúng như pháp thì sẽ có thể chế phục Hoặc, đạt được Giả Nhất Tâm (Nhất Tâm có hai loại: Lý Nhất Tâm là chân lý, Sự Nhất Tâm thuộc về tướng trạng bên ngồi, là phương tiện. Vì thế, Sự Nhất Tâm còn được gọi là Giả Nhất Tâm), sau rồi sẽ được vãng sanh.

“Niệm Phật bất tất cầu đa niệm”: Niệm Phật chẳng cần phải niệm cho thật nhiều.

“Đản niệm bất bách tâm bất loạn”: Niệm một xâu chuỗi 108 tiếng sao cho dù một chữ cũng chẳng loạn.

“Kỳ trung trước hữu nhất niệm sai”: Trong 108 câu niệm ấy, nếu như có một câu niệm lầm lẫn.

“Trạo chuyển châu đầu đô bất tôn”: Những câu niệm từ đầu xâu chuỗi tính đến câu sai ấy đều không tính nữa. Câu này rất khẩn thiết. Có một điểm cần phải chú ý là: “Tự niệm, tự nghe”. Lúc niệm phải niệm sao cho rõ ràng, tách bạch. Lúc nghe cũng phải nghe sao cho phân minh, rành rẽ. Hễ niệm sai một câu thì phải niệm lại từ đầu. Lúc quý vị thực hành công khóa chánh, nên làm theo đúng phương pháp đã dạy trong bài kệ này để hòng cầu được “Nhất Tâm Bất Loạn”. Còn như lúc tán niệm (niệm Phật ngồi thời công khóa chánh) thì có thể tùy duyên.

Hiểu rõ những điều trên đây rồi thì không cần phải mất công nói nhiều nữa, cứ chiếu theo đó mà làm là được. Tiếp đây, tôi cùng một bài kệ để tổng kết lại:

“Vạn pháp tinh hoa lục tự bao,  
Thánh ngôn chân lượng bạt tâm mao,  
Trì danh dung dị nan trừ mạn,  
Vô giá bảo châu từng thử phao”

“Vạn pháp tinh hoa lục tự bao”: Phật pháp vô biên, Trung Quốc gọi là Tam Tạng (nhưng thật ra còn rất nhiều kinh chưa được phiên dịch [sang tiếng Hán]), gọi chung là “vạn pháp”. Chữ “tinh hoa” chỉ tinh thần chân chánh [của vạn pháp], cũng có nghĩa là những lời trọng yếu. Chỉ niệm sáu chữ là đã bao quát cả Tam Tạng 12 bộ kinh, cũng có thể nói là đã hiểu được Tam Tạng mười hai bộ kinh rồi thì mới hiểu được sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật”. Nếu chẳng thể niệm hết tồn bộ kinh tạng thì niệm sáu chữ cũng giống như niệm hết tồn bộ kinh tạng vậy.

“Thánh ngôn chân lượng bạt tâm mao”: Vì sao nói là sáu chữ bao gồm trọn vẹn Tam Tạng? Quý vị phải chân chánh dốc lòng niệm sáu chữ này, tâm chẳng chạy theo bên ngồi thì sẽ mau chóng được khai ngộ. Thế nhưng, quý vị đã khai ngộ chưa? quý vị bị cỏ tranh (mao thảo) che lấp cho nên chẳng thể mở ra được. Hiện tại, ta tuân theo Thánh Ngôn niệm sáu chữ này chính là nhổ bật cỏ tranh che lấp để tâm nhãn được rộng mở.

“Trì danh dung dị, nan trừ mạn”: Chữ “danh” chỉ danh hiệu A Di Đà Phật. “Trì” là nắm giữ, chẳng buông bỏ, mà cũng là niệm. So với niệm kinh, trì danh dễ dàng hơn, nhưng vẫn có chỗ khó khăn. Tức là còn cống cao, ngã mạn, tự cho rằng: “Tôi làm rồi, tôi hiểu rồi”. Hễ có cái căn bản phiền não này thì sẽ chẳng thành tựu. Học Phật thì bước thứ nhất là Vô Ngã. Có Ngã thì cũng vãng sanh,



nhưng tiếc là vãng sanh trong lục đạo, vĩnh viễn chẳng giải thoát. Vì thế, muốn được giải thoát thì trước hết phải trừ Ngã Mạn. Trừ bằng cách nào? Nhà Phật có nói đến Lục Hòa Hợp, hết thảy đều bình đẳng. Nhưng Ngã Mạn rất khó trừ.

“Vô giá bảo châu từng thử phao”: Nếu chẳng trừ Ngã Mạn thì khác nào xem thường ném bảo châu vô giá Tam Bảo đi.

Ở nơi này, chư vị hãy thử thí nghiệm phương pháp vừa nói trên đây, hết thảy đều buông xuống hết, chỉ câu Nhất Tâm thôi!

### **Ắt quyết định vãng sanh !**

Với người tu theo pháp môn Tịnh Độ thì niệm Phật ắt sẽ thành Phật, niệm Phật ắt sẽ được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, đó là lẽ đương nhiên, trong Phật tử không ai có thể phủ nhận. Thế nhưng, niệm Phật như thế nào mới được thành Phật? Niệm Phật như thế nào mới được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc? Đây là một dấu hỏi rất lớn đối với những người tu theo pháp môn trì danh niệm Phật.

Trước khi đi sâu vào câu hỏi thiết thực này, chúng ta cũng cần nhìn lại, trong thế giới Tịnh Độ mà chúng ta đang nương theo đã có những thực tế đáng suy ngẫm. Thật ra trên thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay, nhờ thâm tín lời chư Phật dạy, nhờ tha thiết nguyện cầu vãng sanh, nhờ nhất tâm niệm Phật, kết quả đã có rất nhiều người đã được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, số lượng chẳng thể tính đếm nổi.

Người được vãng sanh khi xả bỏ tám thân hóa huyễn này ra đi, tinh thần rất minh mẫn, tâm hồn hoan hỷ an lạc, phong thái ra đi an nhiên tự tại, ngời ra còn có những điềm lành xuất hiện như hương thơm lan tỏa, mây lành quyện tụ. Sau khi ra đi đã để lại vô số xá lợi và nhất là đã để lại niềm tin trọn vẹn cho những hành giả tu theo pháp môn niệm Phật ...

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn không ít trường hợp Phật tử tu theo pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật trải qua nhiều năm tháng mà vẫn không đạt kết quả, thậm chí khi lâm chung không còn giữ được chánh niệm, không được một chút tự chủ, tâm thức người chết hoảng loạn, đau đớn khổ sở tột cùng, chứng tỏ hiện tượng chết này là do bởi nghiệp chướng, báo chướng, vô minh phiền não chướng, chứ không phải vãng sanh Cực Lạc ... Những trường hợp này đã phần nào làm lui sụt ý chí những người tu theo pháp môn Tịnh Độ.

Vì sao cũng tu pháp môn trì danh niệm Phật mà có người khi mạng chung đã tự tại xả bỏ báo thân an nhiên thị tịch? Và vì sao có người niệm Phật nhiều năm tháng mà vẫn còn đầy đầy phiền não, đến khi mạng căn chấm dứt đã không giữ được chánh niệm? Không được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc? Vì sao vậy?

Theo thiên ý chúng tôi, đó là do người tu theo pháp môn niệm Phật chưa ý thức đúng đắn về việc giữ chánh niệm trong quá trình tu tập nên thường duyên theo trần cảnh, sống trong lăng xăng tạp niệm, cũng là do để tâm hướng ngoại mong cầu được vãng sanh về Tây Phương mà quên rằng việc giữ chánh niệm

miên mật và đạt đến nhất tâm bất loạn thì mới là động cơ chính yếu để được vãng sanh.

Như vậy đối với những người mới gieo duyên với Phật pháp và kể cả những Phật tử tuy có niệm Phật nhưng vẫn còn lãng xăng tạp niệm, chúng ta có thể hỏi họ rằng “Niệm Phật sẽ về đâu?”. Chúng tôi biết rằng, đối với những người mới gieo duyên với Phật pháp, mới tìm đọc kinh điển Phật giáo, họ luôn hồ nghi thắc mắc rằng, ngôi thế giới chúng ta đang sống, còn một hay nhiều thế giới khác nữa? Và trong vô số thế giới siêu hình đó, thì đâu là thế giới mà sau này họ sẽ thác sanh về? nhất là khi đến chùa, được quý Thầy, chư Ni khuyên dạy niệm Phật để được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc?!

*Niệm Phật sẽ về đâu?* Thật ra đây là một câu hỏi chỉ nhằm nhắc nhở những Phật tử khi đã tu theo pháp môn niệm Phật mà còn đa đoan thế sự, còn nặng nợ thế gian, dù trong ngày có niệm Phật nhưng còn quá nhiều lãng xăng tạp niệm, chứ đây không phải là một đề tài để thảo luận. Dù chỉ là câu hỏi nhằm nhắc nhở, nhưng chúng tôi vẫn cảm nhận ngay rằng, đặt câu hỏi như vậy là quá sai với tôn chỉ Tịnh Độ. Bởi niệm Phật đương nhiên là sẽ về với Phật, sẽ được vãng sanh chứ về đâu nữa

Tuy nhiên đối với những Phật tử, dù cho có niệm Phật nhưng thực tế vẫn còn lãng xăng tạp niệm, thì câu hỏi: “Niệm Phật sẽ về đâu” chắc hẳn sẽ giúp cho họ nhìn lại và suy ngẫm nếu họ thật sự tha thiết với việc giải thoát khổ đau luân hồi sanh tử ! *Niệm Phật sẽ về đâu?* Đối với người đầy đủ *Tín Hạnh Nguyện*, thì công phu niệm Phật là ... niệm Phật, còn “*sẽ về đâu?*” thì hẳn còn không phải là điều họ quan tâm trong lúc hạ thủ công phu, bởi *Tín Hạnh Nguyện* và mục đích được đặt ra cho việc niệm Phật đã tròn đầy trong mỗi lần xưng niệm danh hiệu Phật. Chúng ta có thể hiểu rằng, “*niệm*” là động từ chỉ cho cái tâm đương niệm rất sinh động hiện tại, “*sẽ về đâu*” là chỉ cho cái tâm vọng cầu vào tương lai, với một hành giả tu theo Phật pháp thì không thể sanh hai tâm mà mong thành tựu đạo quả được.

Trong kinh “Sống một mình”, đức Phật dạy đại ý rằng, quá khứ thì không luyến tiếc, tương lai là chuyện chưa đến, cho nên đừng mong cầu ở tương lai mà hãy an trú chánh niệm ngay trong giây phút hiện tại. Do đó khi *Niệm Phật* mà mong cầu *sẽ vãng sanh* hay tu hành mong cầu *được sanh về đâu đó* (theo ý thích chẳng hạn) tức là chúng ta đã hướng ngoại vọng cầu, tức là chúng ta đã thật sự bỏ quên chánh niệm và như vậy chúng ta sẽ không có được một tương lai tươi sáng. Hơn nữa, nếu để tâm tưởng lãng xăng thú hướng vào tương lai, chúng ta sẽ quên lãng hiện tại, khi quên lãng hiện tại thì chúng ta đã rơi vào trạng thái tâm trạo cử, tạp niệm. Một Thiền sư đã từng nói: “Hy sinh hiện tại cho tương lai là tự sát”. Ý nghĩa sâu xa của lời nói này thật không còn gì xác thực hơn đối với người tu theo hạnh Phật.

Trong tam tạng kinh điển, đức Phật luôn dạy chúng ta tỉnh thức và chánh niệm, ngôi chánh niệm thì không nên nghĩ gì khác. Bởi vì khi tồn tâm tồn ý vào công phu, chúng ta dễ dàng đạt được chánh niệm, như vậy chúng ta đã loại bỏ tất cả những tạp niệm mà không cần khởi tâm loại bỏ, đây là điều cơ bản để

công phu dần dần đạt đến nhất tâm bất loạn. Nếu chúng ta cứ đem tâm tạp cử lãng xăng để niệm Phật thì chướng ngại này sẽ cản trở rất lớn khiến cho công phu tu niệm sẽ trở nên vô ích.

Chư vị Tổ sư Tịnh Độ cũng luôn dạy chúng ta rằng, năng lực tối cần để giải trừ nghiệp chướng trong lúc niệm Phật là không sanh nghi tâm, trì danh niệm Phật phải tha thiết chuyên cần và nhất tâm không để xen tạp. Trong đó năng lực sanh ra từ chánh niệm (tức là tâm không xen tạp) được xem là mạnh mẽ nhất. Nếu chúng ta giữ được chánh niệm, dùng để gián đoạn trong một năm, hai năm nhẫn đến ba năm thì dù cho nghiệp chướng có cao đầy như núi, có chất chồng từ vô lượng kiếp đi nữa, chúng ta cũng có thể giải trừ được hết. Ngài Từ Vân Quán Đảnh Pháp sư có chú giải kinh “Vô Lượng Thọ” rằng: “Chúng sanh nào từ vô lượng kiếp tạo tội cực ác, tạo nghiệp sâu dày. Bao nhiêu kinh luận, tất cả sám pháp đều không thể tiêu trừ được. Cuối cùng vẫn còn một phương pháp có thể cứu vãn, đó là phương pháp chuyên tâm trì danh niệm Phật”. Điều này cho thấy công đức niệm Phật quả thật to lớn, thù thắng vô cùng, tất nhiên là chúng ta phải vận phát trong chánh niệm.

## CỦNG CỐ NIỀM TIN

Căn bản của người tu theo pháp môn Tịnh Độ phải hội đủ ba món tư lương Tín – Nguyện – Hạnh. Trong kinh Hoa Nghiêm ghi: “Tín vi đạo nguyên công đức mẫu”.

Nay chúng ta thử hỏi, khi chọn pháp môn niệm Phật để hành trì chúng ta đã trọn vẹn niềm tin vào lời Phật dạy chưa? Tin chừng nào? Tin ra sao?

Tất nhiên là chúng ta có tin vào lời Phật dạy thì chúng ta mới phát tâm tu hành. Tuy nhiên chúng ta tin chừng nào, tin ra sao, thì điều này cần phải xem xét lại để chúng ta cùng cõi mở và củng cố niềm tin cho chắc thật.

Thật ra trên thực tế, niềm tin cũng có nhiều tầng bậc, có niềm tin sâu sắc, có niềm tin hời hợt.

Ở đây chúng tôi muốn đề cập đến cái gọi là “niềm tin hời hợt” mà hầu hết Phật tử chúng ta đang rơi vào tình trạng tin Phật, tin pháp theo cái kiểu tin bấp bênh này. Và xét từ thực tế chúng ta cũng có thể sớm kết luận rằng, tin Phật pháp một cách hời hợt là điểm gặp nhau của hầu hết chúng sanh thời mạt pháp như chúng ta hiện nay.

Về điều này, chúng tôi thiết nghĩ, niềm tin hời hợt là niềm tin không kiên định, không chắc thật, tuy là có tin vào một điều gì đó, nhưng đó chỉ là nhất thời nên cũng có thể dễ dàng lui sụt niềm tin hay đánh mất niềm tin nếu gặp một trở ngại khó khăn nào đó trong cuộc sống, hoặc khi con người rơi vào những hoàn cảnh bất hạnh, ngặt nghèo thì niềm tin hời hợt sẽ lung lay rồi sụp đổ.

Nói về niềm tin thì không phải chỉ Phật tử như chúng ta mới cần phải có niềm tin vững chắc vào Phật pháp, mà trong cuộc sống, bất cứ ai, muốn làm việc

gì, trước hết đều phải tin vào công việc mình đang làm, tin vào khả năng của mình và tin chắc rằng mình sẽ gặt hái thành công.

Đối với Phật tử chúng ta, những hành giả tu theo pháp môn niệm Phật, đang tha thiết mong cầu được vãng sanh về Cực Lạc, thì chúng ta cần phải tăng trưởng niềm tin sắc đá hơn nữa. Dù phong ba bão tố cũng không thể nào làm thay đổi niềm tin của chúng ta. Phải có một niềm tin vững vàng chúng ta mới có thể theo đuổi đến cùng mục đích mà mình đang hướng đến. Ngược lại không có niềm tin thì chúng ta không thể làm được bất cứ công việc gì, càng không thể thành tựu bất cứ điều gì cả.

Có một câu chuyện phản ánh về niềm tin của một người theo đạo Bà-la-môn để Phật tử chúng ta cùng suy ngẫm:

Ở Ấn Độ, cứ sau vài năm lại có mùa mưa lớn làm ngập sông Hằng. Mùa mưa lớn năm ấy nước lũ tràn đến, vị trưởng làng đến nhà người Bà-la-môn sùng đạo hỏi thúc:

- Lũ tới rồi, tránh lũ nhanh lên!

Người Bà-la-môn đáp:

- Tôi tin Thượng Đế sẽ phù hộ cho tôi. Nói thế, và anh thản nhiên như không có lũ.

Càng ngày nước càng dâng lên cao. Một vài người chèo thuyền ngang qua nhà người Bà-la-môn báo anh chạy lũ. Thế nhưng người Bà-la-môn này vẫn thản nhiên như không có gì đang xảy ra:

- Tôi không cần thuyền bè của các anh đâu. Tôi đã có Thượng Đế rồi!

Nước càng dâng lên cao hơn, người Bà-la-môn phải leo trên nóc nhà. Một người Bà-la-môn khác ôm khúc gỗ xuôi theo dòng nước để thoát chết. Khi nhìn thấy người Bà-la-môn đang ở trên nóc nhà, người Bà-la-môn ấy la lên:

- Hãy bơi nhanh ra đây với tôi đi ngài.

Dù đang chơi voi trên nóc nhà nhưng người Bà-la-môn vẫn cố gào lên:

- Tôi tin Thượng đế sẽ đến cứu tôi!

Sau đó, máy bay trực thăng chở nhân viên cứu hộ bay lượn trên nóc nhà và thả dây xuống. Thay vì tranh thủ bám lấy dây, tự cứu mình trong cơn nguy khốn, thế nhưng người Bà-la-môn cuồng tín này lại hét tống lên:

- Ta tin Thượng Đế sẽ đến cứu ta. Máy người hãy cút đi!

Kết cuộc người Bà-la-môn ấy chết đuối. Ngay sau đó, anh ta xuất hiện trước cổng Thiên Đường và gặp một vị thần Hindu. Anh ta tỏ vẻ bực bội:

- Con đã đặt hết niềm tin vào Thượng Đế. Sao Ngài không cứu giúp?

Vị thần nói:

- Sao con lại nghĩ vậy? Thượng Đế đã sai trưởng làng đến, nhưng con quá ngạo mạn. Thượng Đế đã gọi người chèo thuyền đến, nhưng con quá ngoan cố.

Thượng Đế lại gọi người đồng đạo Bà-la-môn đến nhưng con quá ngu ngốc. Thượng Đế đã gọi nhân viên cứu hộ đến, nhưng con lại quá kiêu hãnh. Như vậy thử hỏi Thượng Đế biết làm gì hơn nữa.

Trong cuộc sống cần phải có niềm tin, nhưng chúng ta phải tin như thế nào, chứ tin như người Bà-la-môn như trong câu chuyện kể trên thì thật là mất hết lý trí phải không quý Phật tử?

Cũng có một câu chuyện khác được lưu truyền như sau:

Có một thanh niên trẻ tuổi theo học đạo với một sư phụ trong làng. Anh ta rất nôn nóng muốn biết Thượng Đế đang ngự trị ở đâu? Anh đã yêu cầu sư phụ cho biết việc này. Vị sư phụ trả lời ngay:

- Thượng Đế thật sự mà anh đang tìm chính là anh.

Nghe trả lời xong, thanh niên này tỏ ra bất bình. Chàng cảm thấy vị sư phụ này vô lý. Thế là chàng rời làng đi tìm lời giáo huấn khác. Chàng tìm sư học đạo khắp nơi, nhưng rốt cuộc chàng cũng nhận được những lời giải đáp tương tự như vị sư phụ đầu tiên mà chàng thọ giáo: “Con chính là Thượng Đế” – Và chàng cảm thấy, giải đáp như thế này là dấu hiệu bất tài của các sư phụ.

Cuối cùng chàng thanh niên cũng gặp được một vị sư phụ mà chàng cho rằng đây là bậc minh sư. Vị sư phụ mới này kiên nhẫn lắng nghe những lời ôn trách kịch liệt về những vị sư phụ trước đây cũng như những vướng mắc trong lòng của chàng. Nghe xong, sư phụ bảo chàng thanh niên rằng: “Sự thật về Thượng Đế sẽ được hé lộ, nhưng không phải ngay bây giờ”

Vị sư phụ mới này cho rằng, người học đạo phải mất nhiều năm mới đạt được điều mình thao thức. Do vậy, sư phụ đã bắt buộc chàng thanh niên theo học nhiều năm với ông ta. Vì quá nghèo, không thể theo hầu sư phụ để nghe giáo huấn, chàng đã quyết định vừa học vừa làm. Từ đó chàng cần mẫn bón phân trên những cánh đồng mênh mông. Suốt bảy năm ròng làm lụng vất vả, đến năm thứ bảy, chàng đến gặp sư phụ và xin được minh sư khai thị.

Sư phụ nói:

- Con chính là Thượng Đế! Điều con muốn biết chỉ có vậy thôi!

Nghe sư phụ tuyên bố xong. Chàng nổi giận:

- Vì sao sư phụ lại giống như những ông thầy ngốc nghếch không ra gì trước đây được? Nếu vậy thì cần gì phải vất vả suốt bảy năm qua?

Lúc này vị sư phụ mới lên tiếng:

Con là Thượng Đế. Chỉ do con không đủ sức tin như vậy!

Liệu chúng ta có như chàng thanh niên trong câu chuyện kể trên không? Chúng ta có một mục đích lớn lao và rất quả cảm trên con đường tìm về nước Phật nhưng chúng ta có đủ niềm tin rằng, chính mình là Phật sẽ thành hay không? Nếu chúng ta có đủ niềm tin như vậy, chúng ta chỉ cần tăng trưởng *tín* – *hạnh* – *nguyện* và chuyên cần trì danh niệm Phật cho đến nhất tâm bất loạn thì

“Phật” chính là ta và “Tịnh độ tự tâm” cũng chính là cõi lòng thanh tịnh của chúng ta rồi đó.

Với pháp môn niệm Phật, chúng tôi thiết nghĩ, cũng cần nhắc lại rằng, từ những bậc Đại Bồ Tát trí huệ vô biên như Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Quán Thế Âm đều xem pháp môn niệm Phật là vua của các pháp môn. Ngài Văn Thù khen ngợi: “Không có pháp nào hơn pháp môn niệm Phật”. Ngài Mã Minh và Ngài Long Thọ là hai vị thượng thủ của Thiên Tông Đại Thừa giáo mà vẫn cho rằng pháp môn niệm Phật là cao cả tôn quý trong các pháp môn. Ngài Long Thọ tán thán: “Niệm Phật là phương pháp tối thượng, tối thắng, niệm Phật sanh ra đại trí tuệ, đại phước đức, phá được mọi phiền não và độ tất cả mọi chúng sinh”. Ở Việt Nam thời Trần có vua Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ là hai đại Thiên sư của Thiên học Việt Nam, nhưng cả hai Ngài đều dùng lời tôn quý không ngớt lời tán thán pháp môn Tịnh Độ một cách sâu sắc. Thế còn hàng Phật tử sơ tâm như chúng ta nghĩ gì về pháp môn Tịnh độ?

Có thể nói, do nghiệp chướng quá sâu dày, niềm tin Phật pháp của chúng ta quá mỏng manh. Trong Phật tử chúng ta, cũng đã có không ít người cho rằng cõi Cực Lạc là cõi hư vô không thật, vì suy nghĩ như vậy nên không tin. Có người nghĩ rằng, mỗi người sanh ra ở đời sướng khổ là do số phận trời Phật đã định sẵn nên phải chấp nhận, làm gì có chuyện nhờ niệm Phật mà lên được cõi Trời, cõi Phật. Có người cho rằng niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc chẳng qua cũng chỉ là phương tiện khuyên người đời làm lành lánh dữ mà thôi, chứ không hề có cảnh Tây Phương Tịnh Độ, nếu có cảnh giới Cực Lạc đi chẳng nữa cũng do tụng niệm danh hiệu Phật quá nhiều rồi nhập tâm mà hiện ra, chứ làm gì có cõi Cực Lạc thật, nên không tin. Có người bi quan cho rằng, con người vốn đã nặng nghiệp, *tham – sân – si* quá dày, dù có trì chú niệm Phật, thì thói quen tật xấu cũng khó chữa, không thể trong khoảnh khắc buông đao mà thành Phật được, nên không tin. Có người cho rằng ở trần gian này con người tạo nghiệp ác quá nhiều, phải theo nghiệp mà thọ nhận quả báo, không thể chỉ niệm Phật mà tiêu trừ nghiệp lực ngay một lúc như vậy được nên họ không tin...

Lại có người nhận định, mỗi ngày chỉ bỏ ra một thời gian nhất định để niệm Phật mà vẫn được vãng sanh về chốn Cực Lạc, đó là lời nói mơ hồ, giá như tất cả mọi người đều thực hành như vậy thì thế giới này vài trăm năm nữa sẽ còn ai? Thật khó tin được!

Lại có người cho rằng, ở chốn Cực Lạc dù điều kiện sống có tối ưu đến đâu thì cũng phải có giới hạn của nó, trong khi đó số lượng chúng sanh được vãng sanh về cõi Cực Lạc từ vô thủy đến nay, theo lời Phật dạy là vô lượng, không thể tính đếm được, thế mà không bị nạn nhân mãn thì thật là khó hiểu, khó tin được.

Lại có người cho rằng, một khi đã sanh về Cực Lạc, muốn gì có nấy, chỉ cần nghĩ đến điều gì, nó liền hiện ra mà không phải nhọc công, nhọc sức, thật không khác nào kiêu diễn thuyết lợi khẩu, phỉnh nịnh kẻ mê tín, vì vậy họ không tin.

Lại có người cho rằng, thế giới Cực Lạc muôn vật đều là vàng ròng, trân châu, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, không cần xây dựng mà tự nhiên thành tựu, phải chăng đây là chuyện thần thoại, được kể cho vui trong những lúc nông nhàn, không hợp với thời hiện đại, vì vậy không có gì đáng tin, v.v....

Còn biết bao nhiêu điều ngờ vực nữa trong suy nghĩ của mỗi người, thật không thể nào kể hết. Ở đây chúng tôi chưa nói đến việc những suy nghĩ đó là lệch lạc hay chánh đáng, mà chỉ ghi nhận đó là những suy nghĩ có thật trong lòng người Phật tử hay những người mới gieo duyên với Phật pháp.

Thật ra, chúng ta đều biết, tự thân mỗi con người là một thế giới suy tư vọng tưởng vô cùng phức tạp. Khi chưa gặp rắc rối và biến cố trong cuộc sống, chúng ta luôn tự cho mình thông minh, sáng suốt nên thường tự cao, tự đại, tự mãn, cho mình cái quyền quán xét hết mọi chuyện, tinh thông hết vạn sự. Thế nhưng vạn vật thì mênh mông, Phật pháp thì vô biên vô tận, trong khi trí não của chúng ta thì lại hữu hạn. Nay đem cái hữu hạn so lường quán xét cái vô hạn, thì quả là thiếu hiểu biết, thật không có gì mê muội hơn.

Trước những ngờ vực về pháp môn niệm Phật như đã nêu trên, thiết nghĩ cũng không cần thiết phải có lời giải đáp cụ thể cho mỗi trường hợp, vì một khi con người đã thiếu lòng tin và thiếu hiểu biết cơ bản thì nội dung giải đáp cũng chỉ là nguyên nhân sản sanh ra sự ngờ vực tương tục nối tiếp theo mà thôi.

Trong dân gian, người ta hay nói: *“không thể lấy gan của tiểu nhân mà đo được lòng quân tử”*. Sở dĩ có câu nói này, vì ở đời, người có căn khí hạ liệt, khí lượng hẹp hòi, vẫn thường dùng cái hiểu biết rất ư là giới hạn của mình để phán xét những sự việc to lớn hệ trọng trong cuộc sống. Do vậy, đối với hạng người này, chúng ta cũng không thể nào dùng lý luận để giải đáp mọi ngờ vực của họ được.

Thật ra những thành kiến, cố chấp một khi đã bền chắc, kiên cố thì một lúc cũng khó có thể hốt giải hay dời đổi được. Điều này cũng giống như lời kiến, lời mối không thể nào tưởng tượng nổi những công trình kiến trúc khác ngòi tổ kiến, ụ mối của chúng. Sở dĩ như vậy, là bởi kiến và mối chỉ là kiến và mối thôi, chúng không thể là gì khác ngòi bản chất của chúng. Nếu có một công trình kiến trúc kỳ vĩ quy mô hoành tráng nào đó trước mặt chúng thì chắc gì chúng công nhận!

Liên hệ trong Phật pháp cũng tương tự như vậy, chúng ta là hạng chúng sanh thời mạt pháp, nghiệp chướng nặng nề, phước đức mỏng manh, nội tạng đầy dẫy vô minh phiền não, do vậy chúng ta càng không thể nào tưởng tượng nổi cảnh giới của Phật, trí tuệ của Phật, thần thông quảng đại của Phật. Nếu chúng ta thiếu căn bản Phật pháp mà tận lực suy luận về cảnh giới của Phật, trí tuệ của Phật, thần thông quảng đại của Phật, thì chúng ta sẽ càng thêm hồ nghi và tất nhiên là không đạt được kết quả nào.

Trong sự hiểu biết đang có, dù rằng giới hạn, nhưng chúng ta cũng không đến nỗi vô minh ám chướng để không nhận ra đâu là điều hay lẽ phải trong cuộc sống và trong giáo lý của đức Phật đã dạy. Đức Phật Thích Ca đã từng nói rằng:

“Chớ vội tin những gì ta nói, hãy tư duy chân chánh và thực hành chân chánh, nếu đạt kết quả thì tin theo cũng không muộn” Đây quả là lời tuyên bố vô cùng trong sáng vị tha xuất phát từ đại bi tâm của bậc Đại Giác.

Khi chúng ta còn nghi ngờ thì sẽ không giải quyết được điều gì, ngược lại còn tăng thêm tạp niệm. Người tu theo pháp môn Tịnh Độ cần nhất là phải loại bỏ tạp niệm, thay vào đó là phải từng ngày tăng trưởng Tín – Hạnh - Nguyện.

Muốn sanh về cõi Cực Lạc, điều đầu tiên là phải tự hỏi lại chính mình là đã đầy đủ Tín, - Hạnh - Nguyện hay chưa. Chúng ta trì danh niệm Phật sâu hay cạn? Chúng ta đã tin sâu, nguyện thiết, hạnh chuyên chưa?. Rõ ràng đây là những yêu cầu bức thiết của người tu theo pháp môn Tịnh Độ. Rốt lại chúng ta chỉ qui về một niềm tin. Vì khi đã có niềm tin vững chắc, những điều vừa nêu không còn là vấn đề để chúng ta tốn thời gian bàn luận nữa.

Khi chưa đủ niềm tin, thì chúng ta đừng bao giờ đổ thừa, đừng hỏi tại sao tôi cũng tu hành như người khác, cũng chăm chỉ nghe kinh, thậm chí còn nghe nhiều nữa là khác, vậy mà tôi vẫn còn đầy dẫy phiền não. Thật ra có tình trạng như vậy là do niềm tin của chúng ta vẫn còn quá mơ hồ. Đến đây tại sao chúng ta không tự hỏi lại mình: “Nếu thật sự lời Phật, lời Tổ dạy là chân lý, thì chúng ta mới quy y nương theo tu tập chứ? Nếu lời Phật, lời Tổ dạy là chánh pháp, là chân lý, tại sao chúng ta tu không có kết quả ”?

Như đã biết, đức Phật như một đại lương y kê toa tùy bệnh cho thuốc, nếu bệnh nhân chưa hết bệnh phải xem lại đã uống thuốc chưa, sắc thuốc đúng cách chưa, thời gian và ngay cả cách uống đã đúng chưa? Có nghĩa là phải xem lại mình, đừng bao giờ đổ lỗi cho ai hết, đừng nói tại Phật, tại pháp, hay tại hôn cảnh này nọ, mà phải luôn tâm niệm rằng, nếu có trở ngại trên đường tu tập, thì cũng là do chúng ta chưa thật đủ niềm tin vào lời đức Phật chỉ dạy mà thôi.

Ở trong Phật pháp, cho dù tu pháp môn nào, điều kiện tiên quyết vẫn là tín tâm. Chúng ta phải biết rằng, chuyện trần gian nay còn mai mất mà muốn đạt đến một lợi ích nào đó, con người cũng cần phải có một niềm tin trước đã. Huống gì đối với Phật pháp, với những pháp môn tu có thể dẫn dắt chúng ta thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, đến cõi Cực Lạc an vui, thì niềm tin càng trở nên thiết yếu hơn bao giờ hết. Khi niềm tin đã trọn vẹn thì không thể không đạt đến chỗ thọ dụng chân chính.

Trong chương “Củng Cố Niềm Tin” này, chúng tôi thiết nghĩ cũng cần nói thêm rằng, chúng ta phát khởi niềm tin ở đây là tin Phật, tin Pháp, tin Tâm thanh tịnh của chúng ta. Chúng ta tin vào đại nguyện của Phật A Di Đà, tin vào lời chỉ dạy của Đức Bổn Sư, tin vào pháp môn Tịnh Độ, tin rằng chúng ta là Phật sẽ thành (như lời Phật dạy). Chúng ta tin rằng, ngày nay nhờ pháp môn niệm Phật, mình cũng có thể thành tựu tín hạnh nguyện, chúng ta tin mình sẽ có chánh niệm, sẽ nhất tâm bất loạn và cuối cùng là sẽ được vãng sanh Cực Lạc.

Tuy nhiên, trong một trường hợp khác, đức Phật lại khuyên đệ tử không nên vội tin vào cái tâm của mình, vì tâm của chúng ta là tâm (thức) vốn điều động lăng xăng thường tạo ra nghiệp chướng, chứ không phải cái tâm không



đảm nhiệm, không còn vọng khởi, chứ không phải tâm chứng quả vị A La Hán, một quả vị của “vô sanh”. Ở đây chúng ta có thể hiểu về hai trường hợp khác nhau giữa cái nhìn của đức Phật khi dạy đệ tử. Một: Niềm tin là mẹ sanh ra vô lượng công đức. Hai: Đứng tin tâm, khi chúng ta chưa chứng quả “vô sanh”. Khi chấp nhận tin tâm mình (tâm chưa diệt trừ phiền não) thì đó là tâm vọng tưởng, tâm không tự chủ, suy nghĩ không định hướng, tính tổn lãng xăng như “tâm viên ý mã”. Có thể chỉ trong một sát na mà tâm ta thay đổi liên hồi, thì làm sao chúng ta có thể chấp nhận hay tin theo cái tâm như vậy. Và nếu như chúng ta tin theo cái “tâm viên- ý mã” đó, thì chắc chắn là sẽ chuốc lấy đau khổ. Từ cái nhìn tuệ giác của đức Phật đã cho chúng ta thấy rõ điều này.

Hơn nữa trong tư tưởng Hoa Nghiêm đã cho chúng ta biết về niềm tin như một khái niệm của cội nguồn sanh ra muôn vàn công đức. Đó là niềm tin có chọn lọc trên cơ sở trí tuệ, qua đó chúng ta tin có Phật và tin vào lời dạy của Ngài.

Trong thời của chúng ta cách đức Phật đã trên 25 thế kỷ, một khoảng thời gian rất dài để các nhà nghiên cứu khoa học xác định tư tưởng và lời dạy của đức Phật. Đến bây giờ vẫn chưa có nhà khoa học nào phủ nhận lời Phật là phi chân lý. Điều này đã làm cho chúng ta có quyền đặt trọn niềm tin vào lời dạy chân lý của đức Phật.

## NGHI TÂM CHƯỞNG NGẠI SỰ TU TẬP

Đức Phật đã thuyết đến tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi lời mỗi ý đều không ngời chân nghĩa, chỉ ra bản tâm thanh tịnh của chúng sanh. Bản thân mỗi chúng ta cũng đã nhận thức sâu sắc vấn đề này. Thế nhưng tại sao chỉ mỗi niềm tin vào chính mình cũng khó đạt đến như vậy. Đây là nói về tin tự tâm chúng ta vốn là Phật, chúng ta có khả năng thành Phật, và là một vị Phật trong tương lai.

Tuy nhiên, phải nói rằng do vô minh phiền não, nghiệp chướng nặng nề, nên những lời khai thị thông thiết của chư Phật chúng ta đã không thể lãnh hội được, do vậy chúng ta chỉ còn cách nương theo ngón tay để thấy mặt trăng. Ngón tay mà chúng ta đang nương theo, đó là pháp môn Tịnh Độ, tức nói về niềm tin của chúng ta đối với chiếc thuyền đang đưa chúng ta đến nơi hạnh phúc, an vui tốt đỉnh mà thuật ngữ nhà Phật gọi đó là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Niềm tin đó đến nay tiến triển như thế nào rồi? Dậm chân tại chỗ? Lui sụt? Hay tăng trưởng?

Có khi nào chúng ta thử hỏi lại mình, tin vào tự tâm đã khó, thế thì vì sao tin vào pháp môn tu tập cũng không dễ? Thật tình thì đây cũng là điều không dễ lý giải cho hầu hết mọi người cùng có tâm trạng này. Vì sao vậy? Điều này cũng giống như chuyện mọi người ai cũng biết hút thuốc có hại cho sức khỏe, ảnh hưởng rất xấu cho lá phổi, nhưng mấy ai dễ dàng bỏ hút thuốc khi đã nghiện? Và trên thực tế ngành kinh doanh thuốc lá luôn phát đạt, doanh thu năm sau bao giờ cũng cao hơn năm trước? Hoặc việc tập thể dục mọi người ai cũng biết sẽ

giúp chúng ta tăng cường sức khỏe, chống lại sự lão hóa, kéo dài tuổi thọ, nhưng có bao nhiêu người tiến hành tập thể dục thường xuyên?

Khi bàn đến đây, chúng tôi chợt nhận ra, bên cạnh niềm tin sắc son với Phật pháp, chúng ta cần phải có một ý chí sắt đá để kiên định niềm tin và cũng chính ý chí này sẽ giúp ta minh mẫn để xử lý phiền não và nhận ra những điều lý thú khác trên bước đường tu tập.

Có niềm tin mà thiếu ý chí, chúng ta sẽ mau chóng bị ngũ dục sai khiến, khi bản năng tham đắm ngũ dục tràn ngập trong tâm thức chúng ta thì những khả năng phòng vệ tích cực nhất cũng dễ dàng bị xói mòn suy yếu, lúc đó chúng ta sẽ mất khả năng tự vệ, nói theo cách nói của khoa học là hệ miễn dịch của chúng ta đã bị “dịch”. Sự thật là như vậy!

Khi con người quá tham đắm cái đẹp, chẳng hạn như khi đứng trước một bông hoa đẹp, một cảnh trí đẹp, một người đẹp v.v... Thoạt nhìn qua, điều này hẳn còn lành mạnh, đó là một cái nhìn đẹp trước một tác phẩm nghệ thuật rất đẹp của thiên nhiên hay tạo hóa. Thế nhưng ở đây chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra cái bản năng chiếm hữu cái đẹp vốn luôn tiềm ẩn nơi mỗi con người. Chúng ta vẫn biết, khi quá tham đắm về một cái đẹp cụ thể nào đó, con người sẽ có xu hướng bảo vệ cái đẹp, sau đó phát khởi tâm tham đắm và cuối cùng là hành vi chiếm hữu cái đẹp đó làm của riêng. Như chúng ta vẫn luôn thấy những cuộc bán đấu giá những cái đẹp như một bức tranh đẹp, một món đồ cổ đẹp hay một số sim điện thoại di động “đẹp” v.v... và trên thực tế người ta đã không tiếc tiền để tranh nhau giành quyền sở hữu những món đồ đẹp mà mình mong muốn. Đó là ví dụ về việc mê say cái đẹp một cách có văn hóa mà chúng ta có thể tạm cho sự say mê đó là tương đối ... đẹp. Vì họ đã đấu tranh một cách công bằng và sòng phẳng để được quyền sở hữu những cái đẹp mà họ yêu thích nó. Tuy nhiên bên cạnh đó, cũng cùng hướng vào cái đẹp trong cuộc sống nhưng con người đã gây ra bao điều đáng tiếc.

Sự thật thì cái đẹp có làm nên tội không? Đương nhiên cái đẹp chỉ là cái đẹp, nó vô can đối với mọi tâm hồn làm hoen ố nó. Chỉ có chúng ta, những con người tham đắm cái đẹp để thỏa mãn ngũ dục nơi mình mới là nguyên nhân dẫn đến mọi chuyện rắc rối trong cuộc đời này. Một vài cái đẹp mà chúng tôi đề cập ở đây, chỉ là đối tượng tiêu biểu mà lòng tham của con người hướng đến. Chẳng hạn, một hàm mỏ có trữ lượng dầu lớn cũng là cái đẹp đối với lòng tham của những tay tài phiệt, một cô gái quê có chút nhan sắc cũng là cái đẹp đối với dục vọng của những người mang nhiều lòng tham dục. Và trước những cái đẹp này, những mưu mô, những thủ đoạn của con người đã đẩy con người đến bên bờ vực thẳm. Cũng từ đó chúng ta suy ra, các cuộc chiến tranh thế giới đã để lại hậu quả tàn khốc cho nhân loại cũng chính là cái quả (cái giá) mà con người phải trả bởi chính lòng tham dục của con người. Tuy nhiên đó chỉ mới là cái giá ở bên ngoài mà con người phải trả, nó vẫn chưa thấm vào đâu so với cái nhân quả bên trong mỗi chúng ta.

Khi chúng ta tham đắm quá ở một hình thể đẹp, một mùi hương thơm, v.v... dẫu có sở hữu được thì nó cũng chỉ là những đồ vật hữu hình, hữu hạn.

Một ngày nào đó chúng ta sẽ phải buông bỏ nó. Chúng ta phải rời bỏ nó vĩnh viễn trong sự tiếc nuối khôn nguôi, chúng ta sẽ đắm chiêu, luyến tiếc những gì chúng ta đang sở hữu, mà bản chất nó vốn không thật thể, bởi chẳng có cái gì có thể tồn tại mãi được với thời gian, với định luật vô thường? Sự hình thành lòng tham đắm bâng quan mà nhìn, nó có vẻ như là một khuynh hướng tự nhiên của con người. Nhưng trên căn bản thì đây lại là hệ quả của sự sai lầm mà con người đã mắc phải. Đó là ý niệm sai lầm khi cho rằng, có một bản ngã chủ thể tồn tại độc lập trong cuộc đời.

Cái chúng ta thường gọi là “đời sống của ta” thật ra chỉ là một phần không thể tách rời thực tại và chỉ có thể tồn tại trong mối tương quan nhất định với những yếu tố cũng tồn tại quanh chúng ta. Do đó con người chưa bao giờ là một chủ thể tồn tại độc lập trong cuộc sống. Mối tương quan này tồn tại song song với mọi thực thể trong vũ trụ. Ngay cả thân thể này của chúng ta cũng không có chi tiết nào tồn tại độc lập. Trong mối tương quan chằng chịt giữa con người với con người, giữa con người với vạn hữu, thật ra không ai có thể vạch ra ranh giới để phân biệt giữa cái “ta” và cái “không phải của ta” được.

Chúng ta luôn cho rằng, thân thể này là “của ta”. Từ suy nghĩ này, nó đã phát triển đến tận cùng những cái gọi là “của ta” đó. Chẳng hạn, tổ quốc này “của ta”, thế giới này “của ta”, thậm chí cho đến đức Phật cũng là giáo chủ “của ta” v.v...và còn biết bao nhiêu cái “của ta” nữa?

Con người đã phân chia trông giống như rất rạch ròi giữa cái “của ta” và cái “không phải của ta” và xây dựng mọi ý niệm xoay quanh “cái ta” một cách hồn nhiên như đó là lẽ đương nhiên vốn có vậy. Thật đáng tiếc, đó là sự chấp trước và bảo thủ rất sai lầm và vì thế đã dẫn đến nhận thức và những ý niệm sai lầm nơi mỗi chúng ta. Từ đó con người luôn suy nghĩ và hành động theo sự sai khiến của “cái ta”, bồi bổ cho “cái ta” không thật có, nên thường sinh ra những tác hại vô vàn trong cuộc sống.

Do tâm chấp ngã, con người đã tìm mọi cách vơ vét, chiếm hữu càng nhiều sự vật càng tốt, vì cho rằng làm như vậy sẽ tồn tại cái ta lâu dài hơn. Chính vì ôm ấp, vun bồi cho “cái ta” của mình mà con người sẵn sàng làm vô số việc lẽ ra không nên làm để giành phần thắng về mình. Anh em trong gia đình đã không ngần ngại tranh chấp một vấn đề gì đó, người trong một xóm láng tay xung đột nhau vì lấn ranh đất .vv.. Đây là một thực tế xảy ra thường xuyên trong đời sống khiến xã hội bất an, gia đình bất hạnh. Trong dân gian, ông bà chúng ta cũng đã rất nhiều lời giáo huấn như: “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã*”, “*Anh em như thể tay chân*”, “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*” v.v... để phần nào hạ nhiệt bớt “cái ta” mỗi khi tâm tham dục con người đạt tới đỉnh cao của sự hơn thua và chiếm hữu. Tuy vậy, xung đột vẫn triền miên xảy ra vì ý thức về cái “ta” và “của ta” chưa được giải phóng khỏi tâm thức con người.

Ý thức chiếm hữu cho “ta”, là một loại ý thức sinh ra từ bản năng dục vọng. Đó là một loại ý thức luôn mong muốn được thoả mãn mọi dục vọng thấp hèn của con người. Dục vọng này thúc đẩy chúng ta mong muốn luôn luôn đủ,

luôn luôn đẹp, luôn luôn được nể trọng, v.v... trong cái luôn luôn đủ, lại nảy sinh ra, phải như thế nào mới gọi là đủ, nhiều đến đâu mới gọi là đủ. Cái đẹp cũng vậy, đẹp đến giới hạn nào thì thoả mãn? Sự nể trọng cũng thế, làm vua được mọi người tung hô đã được chưa? Không ai biết và cũng không có thước đo nào làm qui chuẩn để đong đo cái tâm tham dục của con người được cả. Đã vậy chúng ta lại ra sức xuôi theo dục vọng, chính sự nuông chiều dục vọng của chúng ta đã khiến những hiểu biết và hành vi ích lợi thông thường như tập thể dục, không hút thuốc lá, vẫn mãi mãi chỉ là chuyện “ vượt quá sức mình” mà con người không thể thực hiện được.

Chúng ta đã bàn khá nhiều về bản ngã, về sự tham chấp, về dục vọng trong tập sách nhỏ này, chỉ vì chúng tôi cho rằng, chính dục vọng nơi mỗi con người càng mạnh chùng nào thì niềm tin Phật pháp của chúng ta càng yếu chùng này.

Để thuận lợi và tiến tu trong Phật pháp, thiết nghĩ, chúng ta cần nhận chân một cách tường tận bản chất của dục vọng, cảnh giác cao độ với tâm tham đắm trong mỗi chúng ta. Bên cạnh đó chúng ta cần phải thường xuyên củng cố niềm tin, phát triển niềm tin, tìm hiểu thêm những kiến thức liên quan đến niềm tin.v.v.. vì chỉ có như vậy chúng ta mới có thể vượt qua những trở ngại lớn lao do dục vọng nơi chúng ta gây ra.

Một khi đề cập đến niềm tin, chúng ta luôn nhận thấy rằng, ngay trong bản năng tồn tại của con người vốn đã có niềm tin về cuộc sống. Trong mọi hoạt động, để tồn tại và phát triển, bất cứ ai cũng phải có niềm tin về mục tiêu mà mình đang hướng đến, vì niềm tin là điểm tựa thôi thúc con người hoạt động không mệt mỏi cho mục tiêu đã lựa chọn.

Trong đời sống xã hội, sự sống của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa, nhàm chán nếu chúng ta không có một niềm tin, hoặc đánh mất niềm tin, hoặc tan vỡ niềm tin của mình. Khi đó chúng ta đang sống cũng giống như đã chết. Đó là điều rất nguy hiểm, vì chúng ta mất phương hướng, dẫn đến tình trạng sống gấp, thực dụng. Sự sống mà không có lý tưởng, không định hướng tương lai, chắc chắn sẽ dẫn chúng ta trôi dạt tùy tiện và cuối cùng là chúng ta sẽ tự đánh mất mình.

Thật ra nói về niềm tin, tức là chúng ta đã đụng đến vấn đề nhạy cảm, nó vừa đơn giản thường hằng trong đời sống, nhưng cũng vừa siêu thực, siêu hình nên phức tạp, khó bàn. Chúng ta có khi tin vào hiện thực cụ thể từ cuộc sống, hoặc có khi phải tin vào thể cách siêu thực nằm bên ngòai cuộc sống. Chẳng hạn, trong số chúng ta cũng có không ít người đã tin vào một đấng linh thiêng tối cao nào đó, vì cho rằng, đấng này có khả năng quyết định vận mệnh của chúng ta. Tin như vậy, có thể gọi nôm na đó là đức tin tôn giáo.

Đức tin tôn giáo, về bản chất, nó được hình thành từ sự ngưỡng mộ và tâm thành hướng đến một đấng siêu phàm tồn tại nào đó, mà con người cho là đấng đã hồn thiện trong một thế giới vốn không hồn thiện. Và ở đấng siêu hình đó, hàm chứa một giá trị của chân, thiện, mỹ mà con người ai ai cũng khao khát

vươn tới. Từ đức tin tôn giáo, những giá trị phi thường ấy mặc nhiên được con người công nhận như một chuẩn mực có khả tính vĩnh hằng.

Đức tin tôn giáo được tăng trưởng nhờ vào tư tưởng và những lý luận thông qua hệ thống kinh điển, giáo lý, và kể cả những trải nghiệm trong đời sống tâm linh của chính tôn giáo đó. Do vậy, đức tin tôn giáo chính là niềm tin gần như tuyệt đối của quần chúng tín đồ, quần chúng giáo dân, hướng về đấng linh thiêng, mà họ cho rằng, đấng tối thượng này mới có đủ sức mạnh và quyền năng chi phối số phận của nhân loại và cả vũ trụ. Từ đức tin này, những giáo điều của tôn giáo mặc nhiên trở thành kim chỉ nam cho mọi tư tưởng và hành động của hàng triệu tín đồ đang nương theo tôn giáo.

Thế nhưng, sự xuất hiện của bất kỳ tôn giáo nào trên cuộc đời này, cũng không vượt ra ngoài tính tương đối vốn là nguyên lý bất di bất dịch trong cái thế giới hèn tồn không tuyệt đối này. Chính vì vậy mà ngôi sự kính ngưỡng hăm mộ khát khao hướng đến thì đức tin tôn giáo còn mang cả sự sợ hãi bởi mâu thuẫn nội tại từ phía con người. Chúng ta sẽ thấy có ít nhất là hai lý do tương đối dễ nhận ra:

Thứ nhất, con người mang nỗi sợ hãi vì cho rằng, một khi phạm phải tội lỗi hay sai lầm nào đó, dù có thể qua mặt được pháp luật trong nhất thời, nhưng không thể nào che dấu mọi tội lỗi trước đấng linh thiêng tối cao mà mình đang tôn thờ. Đối với những người xem nhẹ luân thường đạo lý đã trót làm điều xấu xa bại hoại, thì nỗi sợ hãi này luôn ám ảnh, luôn dẫn vật tâm can. Vì họ tin rằng, đấng linh thiêng tối cao đã thấu tỏ mọi suy nghĩ và hành động của họ.

Thứ hai, nỗi sợ hãi của con người tăng cao hơn, khi tin rằng đấng linh thiêng tối cao không chỉ thấu tỏ mọi suy nghĩ, hành động của con người, mà còn là vị quan tồ rất nghiêm khắc. Đức tin tôn giáo khiến cho người ta tin rằng, con người có siêu thốt, có lên được cõi Cực Lạc hay phải đọa vào địa ngục, cũng đều tùy thuộc vào sự phán xử của đấng linh thiêng mà họ đang qui ngưỡng.

Từ những nỗi sợ hãi tràn đầy đức tin và rất con người này, vô hình chung tôn giáo trở thành một khuôn mẫu về Chân Thiện Mỹ, đã giúp con người hướng thiện, tích đức và tránh xa điều ác, điều xấu. Chính từ hệ quả của đức tin vào đấng siêu hình đã mang lại cho cuộc sống những giá trị rất hiện thực. Đức tin ấy đã có tác dụng hướng dẫn hành động cho hàng triệu triệu con người phấn đấu không mệt mỏi cho mục tiêu lý tưởng của mình. Đức tin ấy đã giúp cho con người có những hành động nhân đạo, hướng thiện, cao cả và bền vững. Và đức tin tôn giáo ấy đã xây dựng cuộc đời tươi đẹp hơn, thắm hoa hơn, trong sáng hơn trên nhiều phương diện.

Đất nước chúng ta mỗi ngày một đổi mới, đời sống kinh tế văn hóa xã hội ngày càng phát triển. Tuy nhiên, hồ trong nhịp sống thời đại và nhất là mặt trái của nền kinh tế thị trường đã và đang nảy sinh những biểu hiện đáng lo ngại: Lối sống chạy theo dục vọng, buông thả bởi những cám dỗ vật chất, các giá trị đạo đức đang bị băng hoại và xuống cấp nghiêm trọng, các quan hệ xã hội được đo bằng những lợi ích vật chất tầm thường.

Trước bối cảnh đó, đức tin tôn giáo đang bộc lộ những giá trị tích cực nhất của mình, nó góp phần không nhỏ làm cho con người chiến thắng dục vọng: Tham, sân, si và làm cho con người sống đạo đức hơn, thanh cao hơn.

Riêng đối với Phật giáo, đang được thế giới xem là nền giáo dục ưu việt của nhân loại, thì đức tin tôn giáo của Phật tử hẳn không ẩn chứa nỗi sợ hãi, mà là tâm từ bi cứu khổ ban vui, là trí tuệ sáng suốt trong nhân quả, là chí hướng thượng để vươn lên, là hạnh nguyện vượt thoát khổ đau luân hồi sanh tử. Tóm lại, niềm tin trong Phật giáo là niềm tin được xây dựng trên cơ sở trí tuệ của mỗi người con Phật và niềm tin này dựa trên đạo lý nhân quả, chứ không thể tin một cách mơ hồ vào đấng thiêng liêng nào đó có thể gieo phước hay giáng họa cho chúng ta như đã nói.

Khi đưa ra vấn đề này, chúng tôi chủ quan nghĩ rằng, đây là cái nhìn tương đối khách quan về đức tin hiện thực và đức tin siêu hình, kể cả những ảnh hưởng tích cực mà đức tin tôn giáo đã mang đến cho nhân loại.

Đức tin hiện thực là loại đức tin được căn cứ vào những công việc, những thành quả mà con người đã từng đạt đến trong quá khứ. Điều gì chúng ta mong muốn sẽ thành tựu ở tương lai dù được đặt trên nền tảng hiện thực, nhưng nếu thiếu đức tin thì mọi việc sẽ không thành tựu. Ví dụ lời người đã từng đưa phi thuyền lên mặt trăng, dựa vào những nền tảng khoa học này, con người tuy chưa phóng phi thuyền đến các hành tinh khác, nhưng ước muốn đó vẫn có thể xảy ra nếu con người có niềm tin.

Nếu không có niềm tin, con người sẽ không tiếp tục nghiên cứu khoa học để phóng phi thuyền đến được các hành tinh khác. Niềm tin này là hiện thực, vì nó đã căn cứ vào sự kiện hữu hình đã xảy ra. Chúng ta biết rằng, niềm tin hiện thực là niềm tin có cơ sở, nó được củng cố và phát triển bởi đã được trông thấy bằng con mắt thịt của con người và được chứng minh cụ thể bằng kết quả công việc.

Thật ra “đức tin siêu hình” là một trong vô số trạng thái tâm linh, nhưng trạng thái tâm linh mà chúng ta gọi là “đức tin siêu hình” đó, lại được xem là quan trọng bậc nhất, vì nó là động cơ chủ lực để thúc đẩy hàng loạt trạng thái tâm linh khác tiếp nối về sau.

Khi chúng ta bàn đến đức tin siêu hình, chúng ta sẽ phải đối diện với vô số rắc rối vì hẳn nhiên không có công thức hay những cơ sở chứng minh. Bởi vì đó là loại đức tin chỉ dựa vào đời sống tâm linh của con người.

Mặc dù chỉ qua kinh sách, nhưng chúng ta biết rằng, từ đức tin tâm linh, đã có rất nhiều thành tựu mà chư Phật chư Tổ kinh qua và kết quả đạt được trong đời sống tu tập của Tăng Ni Phật tử. Tuy nhiên chúng ta cũng chỉ biết qua kinh sách hoặc chỉ nghe kể lại mà thôi, chứ chúng ta chưa từng “mục kiến sở tại”. Ngược lại những thứ mà chúng ta thường thấy nhiều bằng con mắt thịt là những công trình kiến trúc của tôn giáo, các pho tượng, những xá lợi, vv... còn những đối tượng cụ thể mà kinh sách cho biết, chúng ta hẳn nhiên không thấy được bằng mắt, chúng ta cũng không sờ được bằng tay. Vị trí, nơi chốn Niết

Bàn, cõi Cực Lạc không những đã không thấy mà không có một bản đồ nào có thể chỉ rõ chốn ấy ở đâu? Cõi ấy ở đâu? Do vậy nhiều người mới gieo duyên Phật pháp liền cho rằng: “*Thật quá mơ hồ*”.

Tuy nhiên trong đời sống nhân loại, chỉ nói về lòng tin giữa con người với con người, thì người ta đã không cần phải dựa vào cái thế giới hữu hình với những hiện vật cụ thể để căn cứ làm tin, ở đó thật đơn giản, con người chỉ dựa vào lòng tin với nhau thôi.

Chẳng hạn, một bà mẹ có thể gửi đứa con thơ còn bú sữa cho một người đàn bà ngồi bên cạnh ở ghé đá tại công viên, để đi gọi điện thoại, hay làm một việc gì đó khẩn cấp mà vẫn hồn tồn yên tâm, dù chưa từng gặp người này trước đó bao giờ. Người mẹ gửi con có một niềm tin chắc chắn rằng, con mình sẽ không bị ăn thịt, vì người đàn bà kia là một “con người” chứ không phải loài thú ăn thịt, hơn nữa người đàn bà kia cũng là một phụ nữ. Người đàn bà gửi con hồn tồn có quyền tin là con mình sẽ không bị bỏ rơi khi mình chưa quay lại, vì người đàn bà kia có khi cũng đã từng làm mẹ..v.v...

Người mẹ gửi con đã tin tưởng hồn tồn vào người đàn bà mới gặp, nhưng những điều kiện để có được niềm tin ấy không cái nào hữu hình hết, tất cả đều siêu hình. Ở đây người mẹ đã gửi con bằng một niềm tin, thoát trông rất mơ hồ nhưng lại chắc chắn vô cùng. Thông qua tâm lượng của mình, người mẹ gửi con đã tin vào người phụ nữ kia. Niềm tin của bà mẹ ấy hồn tồn không có cơ sở hữu hình nào để căn cứ, nhưng rõ ràng người mẹ ấy đã có một căn cứ vô hình nhưng vô cùng vững chắc để đặt niềm tin vào.

Đối với những người đa nghi, khi họ muốn tin điều gì họ cũng tai nghe mắt thấy, cái gì cũng đòi chứng minh cụ thể, phải thấy cụ thể, phải va chạm cụ thể, sau đó họ mới tin. Tuy nhiên, khi chúng ta hỏi lại họ rằng: “*Bạn có thương con mình không, có yêu vợ mình không, có kính trọng cha mẹ không*”? Họ đều xác nhận “*Có*”. Nếu bảo rằng: “*Tình yêu thương và sự kính trọng nơi bạn có thể sờ được, thấy được chăng*”? Chắc chắn rằng anh bạn này sẽ không có câu trả lời.

Hóa ra trên cõi đời này không phải cái gì không thấy đều là không có.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta vẫn có thể tin một người bạn để gửi cho đứa con trọ học, có thể tin người hàng xóm để gửi nhà khi đi vắng .v.v... mà hầu như chúng ta chỉ tin vào ở những điều hồn tồn siêu hình. Đó là chúng ta căn cứ vào nhân cách của họ, nhân cách làm bạn, nhân cách hàng xóm láng giềng, nhân cách làm người của họ.

Với một người hàng xóm, với người bạn của ta, tất cả chỉ là những con người bình thường vẫn còn đầy đầy “ái”, “ó”, “hỷ”, “nộ” và chỉ với nhân cách làm “người” của họ thôi mà chúng ta đã tin đến như vậy, huống gì đức Phật vốn là bậc Thiên Nhơn Sư (Thầy của trời, người) mỗi lời nói ra đều là “*Chân ngữ giả. Thật ngữ giả. Như ngữ giả. Bất cuống ngữ giả. Bất dị ngữ giả*” há chúng ta có thể không tin sao?

Đương nhiên là chúng ta hôn tồn tin tưởng vào đấng Thiên Nhơn Sư. Thế nhưng niềm tin của chúng ta thường không kiên định, thường bị suy giảm và lui sụt mỗi khi chúng ta không thắng nổi dục vọng bản thân. Đây là cái vòng luân quần mà chúng ta không biết phải bắt đầu từ đâu để thoát khỏi cái vòng luân quần này.

Trong Phật pháp cũng như trong đời sống thế gian, rõ ràng là chúng ta phải bắt đầu cuộc sống mới, công phu tu tập mới, một sự thay đổi mới bằng ý chí hướng thượng để khuất phục những cám dỗ từ dục vọng. Cứ sau mỗi lần vấp ngã, chúng ta phải dừng cảm đứng dậy, hướng về phía trước bằng quyết tâm cao hơn, ý chí dũng mãnh hơn, chắc chắn là chúng ta sẽ có những cải thiện đáng kể.

Đối với người tu theo pháp môn Tịnh Độ, chúng ta không nên để tâm vào những ham muốn thường ngày, ngược lại chúng ta cần nỗ lực tập trung nhiều hơn vào câu Phật hiệu, kiên trì niệm Phật, chí thành niệm Phật, thế là đủ ... Cứ bắt đầu công phu như vậy và cố gắng giữ cho “tâm bình, khí hờ” trong suốt thời gian tu tập, chắc chắn chúng ta sẽ tiên bộ và đạt được những thành quả khích lệ. Cứ tiệm tu tịnh tiến như vậy đức tin của chúng ta sẽ được củng cố và có nhiều cơ hội tăng trưởng.

000

Cảnh giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà là cảnh giới thanh tịnh, trang nghiêm, an lạc, hạnh phúc, không còn đọa lạc, không có bốn ác thú ... Khi chúng ta phát tâm niệm Phật, trước hết chúng ta mong muốn vơi bớt phiền não, thân tâm được thanh tịnh, kế đến là nhất tâm bất loạn, rốt sau là cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Một trong những phương pháp tu niệm Phật hiệu quả nhất đó là dự các khóa tu Phật thất.

Trong thời gian gần đây, đã có rất nhiều đạo tràng tu Phật thất quy tụ rất đông Phật tử về niệm Phật. Có những đạo tràng số lượng Phật tử lên đến vài ngàn người. Nhìn không khí tu tập tại những khóa tu như thế này, chúng tôi nhận ra, Phật tử chúng ta rất tha thiết tu hành. Trong số hàng ngàn Phật tử trang nghiêm tĩnh lặng ngồi niệm Phật tại các khóa tu, đa số đều đã phải tạm gác công ăn việc làm, cũng chỉ với một mong ước là làm sao niệm Phật tinh tấn hơn và thân tâm thanh tịnh hơn lúc ở gia đình là đủ.

Chúng tôi cũng thật bất ngờ khi biết, hầu hết Phật tử tha thiết cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc chỉ vì thế giới Tây phương Cực Lạc rất giàu có và rất đẹp đẽ! Nhiều người cho rằng, tại cõi Tây phương Cực Lạc, đất đai tồn là vàng ròng, ngòi ra còn có xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, các loại trân châu thất bảo quý hiếm khác mà thế giới Ta Bà dù người giàu cũng chẳng dễ gì có được. Cảnh vật ở Tây phương Cực Lạc cũng rất kỳ đặc, các lời chim như: Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạn Sí Điểu ... khi hát lên đều là những bài thuyết pháp vi diệu chứ không như các buổi thuyết giảng Phật pháp thường tình ở cõi Ta Bà này ... Như vậy, ở cõi Tây phương Cực Lạc thì cái gì cũng quý hết.



Như vậy Phật tử chúng ta vì thích cái đẹp, yêu quý cái đẹp mà phát tâm cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Trên thực tế cuộc sống quả thật bao giờ cái đẹp cũng đều hấp dẫn cuộc sống và con người. Chúng ta vẫn biết rằng, thích cái đẹp cũng là cách hướng thượng, tuy nhiên nhận thức đúng đắn về cái đẹp mới là điều quan trọng trong tu học.

Chúng ta biết rằng, cái đẹp tâm linh trong đạo Phật hoàn toàn khác hẳn với cái đẹp mà thế giới đang chìm đắm. Trong kinh A Di Đà, Đức Phật nói về cảnh giới Cực Lạc với đủ loại trân châu, thất bảo ... nếu công phu niệm Phật của chúng ta chưa thuần thục và chưa đạt đến nhất tâm bất loạn thì đó cũng chỉ là những cái đẹp ước lệ để khuyến dụ, dù ở cõi Cực Lạc đi chăng nữa thì đó vẫn là cái đẹp bên ngoài. Nếu chúng ta có chánh niệm, chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, chắc chắn rằng những cái đẹp ngay trong đời sống hằng ngày mới là cái đẹp chân thật, nó còn đẹp hơn những cái đẹp cao quý mà đức Phật đã thuyết trong kinh A Di Đà. Khi đó chú chim sơn ca đậu ở vườn lan kia hót còn hay hơn chim Ca Lãng Tàn Già trỗi giọng. Khi chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, tức là chúng ta đã chứng được thật tướng Cực Lạc, cũng có thể gọi là thật tánh Cực Lạc.

Kinh A Di Đà có đoạn: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhứt tâm bất loạn. Kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhơn chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh, A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”. Nghĩa rằng: “ Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe Phật thuyết kinh A Di Đà, liền sanh tín tâm chấp trì danh hiệu, nếu trong một ngày, hay hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày được nhất tâm bất loạn. Khi lâm chung mà tâm không điên đảo tức được vãng sanh, người đó sẽ được Phật A Di Đà cùng Thánh chúng tiếp dẫn về Tây phương Cực Lạc” Như vậy người tu theo pháp môn Tịnh độ phải niệm Phật đến tâm bất loạn mới thành tựu công đức trọn vẹn.

Tiền thân của đức Phật A Di Đà là Tỳ kheo Pháp Tạng. Tỳ kheo Pháp Tạng với lòng thương tưởng chúng sanh đang đắm chìm trong bể khổ luân hồi, nên đã đối trước đức Thế Tự Tại Vương Như Lai phát ra 48 đại nguyện để trang nghiêm Phật độ, làm nơi quy ngưỡng quay về của tất cả chúng sanh. Trải qua vô lượng kiếp tu hành với công hạnh Bồ tát, Tỳ kheo Pháp Tạng thành tựu Phật quả, hiệu là A Di Đà, làm giáo chủ cõi Cực Lạc nằm về hướng Tây của cõi Ta Bà chúng ta đang sinh sống.

Để hình thành cõi Cực Lạc, Tỳ kheo Pháp Tạng đã phải quán sát hai trăm muôn ức quốc độ của chư Phật và phải trải qua năm đại kiếp tư duy nhiếp thủ, Ngài mới xây dựng thành tựu cái thế giới lý tưởng cho chúng sanh an trú. Từ tâm đại từ đại bi và đại nguyện lực, Tỳ kheo Pháp Tạng đã tạo thành những “cây báu” có gốc vàng, cành bạc, nhánh lưu ly, chồi thủy tinh, lá san hô, hoa mã não, trái xà cừ ... đến khi đại nguyện thành tựu cũng là lúc bảo thọ hình thành. Cây “bảo thọ” đó vĩnh viễn tồn tại cùng với đại nguyện của Ngài.

Đối với cây bảo thọ này chỉ có Phật nhãn mới thấy nó là không thật, là hóa hiện từ nguyện lực mà thành. Còn nhìn dưới cặp mắt nhục nhãn của chúng ta thì cây bảo thọ đó là trần châu bát bảo. Với chúng ta, nếu dùng mắt mà nhìn thì nó có hình thể thật, nếu dùng tai mà nghe thì nó có tiếng thật, nếu dùng mũi mà ngửi thì nó có hương thơm thật, nếu dùng lưỡi mà nếm thì nó có vị thật ... nếu dùng ý mà nghĩ tưởng thì nó có thọ dụng thật. Sở dĩ chúng ta có cảm giác như thật, bởi cây bảo thọ đã hình thành, còn chúng ta thì vẫn chưa chứng được thật tướng của cõi Cực Lạc.

Đối với Phật tử chúng ta, thế giới Tây Phương Cực Lạc luôn là một thế giới lý tưởng, là nỗi khao khát được quay về an trú của chúng sanh thời mạt pháp. Khi đã được sanh về quốc độ của Đức Phật A Di Đà tức là chúng ta đã thoát ly luân hồi sanh tử, từ đó chúng ta tiếp tục tiến tu cho đến ngày thành tựu đạo quả.

Sự trang nghiêm của y báo và chánh báo nơi cõi Cực Lạc đã được đức Phật Thích ca Mâu Ni khái quát trong các bộ kinh nói về Tịnh Độ như kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ ... cũng chỉ giải bày khái quát phần nào mà thôi, so với pháp giới tàng thân A Di Đà Phật thì khó có thể diễn tả hết được, có chăng cũng chỉ là một giọt nước so với biển cả bao la.

Hành giả trì danh niệm Phật nếu tin sâu, nguyện thiết, hạnh chuyên, công phu đạt đến nhất tâm bất loạn cũng đều có cơ hội vãng sanh Tịnh Độ, ắt sẽ diện kiến A Di Đà Thế Tôn, sẽ tận mắt thấy được cõi Cực Lạc từ chính tuệ nhãn của mình.

Chúng ta cảm nhận cuộc sống là vô thường và thế gian là hư ảo, từng ngày từng ngày trôi qua, chúng ta mang nặng khổ đau và phiền não, thế là chúng ta tìm đến đức Phật. Chúng ta tin Phật pháp, chúng ta tin có một thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà tồn tại không còn đau khổ như cái thế giới Ta Bà mà chúng ta đang sống. Chúng ta mong muốn được vãng sanh về đó và chúng ta tha thiết đến với Phật bằng phương pháp trì danh niệm Phật. Với nhận thức như thế này, với một niềm tin sắt đá, và với sự nỗ lực chuyên cần công phu, chúng ta từng ngày tăng trưởng tín tâm cho đến khi công phu niệm Phật của chúng ta thuần thục. Đối với người tu theo pháp môn niệm Phật chúng ta có thể gọi đó là “chánh tín”.

Thế nhưng, nếu chúng ta cho rằng pháp môn Tịnh Độ sẽ đem lại cho chúng ta nhiều của trần châu bát bảo, nhiều vàng bạc, xà cừ, lưu ly, mã não ... thì chúng ta sẽ thất vọng. Bởi trên tiến trình hướng đến cái thế giới có nhiều trần châu bát bảo đó, chúng ta chỉ có một phương tiện duy nhất là danh hiệu Phật A Di Đà, còn những trở ngại trên đường tìm của báu đó thì hằng hà vô số. Một khi chúng ta bị rơi vào một hôn cảnh trở trêu, đau khổ, thì chúng ta dễ chán nản và mất niềm tin. Khi đó chúng ta sẽ thốt ra lời phàn nàn rằng: “ Tôi đã tu lâu lắm rồi nhưng chẳng được gì cả. Tôi bị gạt!”. Thật ra nếu niệm Phật như vậy là niệm “trần châu bát bảo” chứ chưa hẳn đã niệm Phật, người tu như vậy là chưa có niềm tin vào Phật pháp.

Dù theo pháp môn nào, đòi hỏi chúng ta phải có chánh kiến với pháp môn mình đang tu, nếu chúng ta cố chấp vào phương tiện dẫn dụ, chúng ta chỉ tin vào một cảnh giới nào đó, khi không đạt cảnh giới mà chúng ta nghĩ tưởng theo niềm tin ban đầu, chúng ta sẽ trở nên nghi ngờ chánh pháp, nghi ngờ bản thân, như vậy chúng ta tự phá hỏng sự nghiệp tu hành của mình.

Đối với người luôn phải tiếp xúc với không khí ồn ào, náo nhiệt thì không gian thanh bình không khí yên tĩnh, luôn là một món quà vô giá đối với họ. Nhưng đối với hành giả tu theo pháp môn niệm Phật, khi phải tiếp xúc với sự ngoại cảnh quay cuồng, náo nhiệt mà tâm vẫn thấy bình yên êm ả, thì đây là mới là chỗ đắc dụng của công phu, mới là điều đáng mừng, đáng trân trọng. Chính tâm an bình thì cảnh mới thanh bình. Nếu chúng ta không có chánh niệm thì khó có thể đạt được sự bình yên trong tâm thức, dầu rằng chúng ta đang ngồi trên chánh điện tay lần tràng hạt niệm Phật, huống gì chúng ta còn đang lăn lộn giữa chốn chợ đời.

Khi Tịnh Phạn Vương đến thăm đức Phật, nhà vua rất ngỡ ngàng trước không gian tĩnh lặng, thanh tịnh, trang nghiêm trong lúc có cả hàng ngàn người tụ hội nghe Phật thuyết pháp. Nhà Vua tán thán rằng: “Điện vàng của trăm khi họp triều chính chỉ có bốn quan đại thần cùng một ít hạ quan, vậy mà lúc nào cũng ồn ào như cái chợ. Ở đây, đạo tràng của Thế Tôn có hàng ngàn đệ tử, vậy mà tĩnh lặng vô cùng”!

Sự tĩnh lặng và thanh lương được kết hợp, đó chính là biểu hiện của sự bình yên trong tâm hồn. Nếu chúng ta cảm nhận được sự bình yên đó, chúng ta mới nhận ra giá trị đích thực của đời sống con người và của sự sống nói chung. Hàng ngàn người tĩnh tọa nghe Phật thuyết pháp mà không gian vẫn yên lặng đến độ Tịnh Phạn Vương phải ngạc nhiên, có được như vậy là do tâm an lành thanh tịnh của đại chúng, Tịnh Phạn Vương cảm nhận ra điều này cũng chính là nhờ vào xu hướng của thiện tâm đang nòng hậu và đạo lực của đại chúng tác thành. Khi đó chúng ta có thể nói tâm của Tịnh Phạn Vương cũng bình yên thanh tịnh.

Như vậy, dù tu bất cứ pháp môn nào thì mục đích đầu tiên cũng nhằm làm cho tâm của chúng ta được bình an. Trong đời sống cũng vậy, nếu muốn làm bất cứ một công việc gì thì yêu cầu đầu tiên là tâm của chúng ta phải bình yên, trí chúng ta phải sáng suốt thì khi bắt tay vào công việc chúng ta mới gặt hái kết quả nhất định trong công việc. Chúng ta là hành giả của Tịnh Độ tông, chúng ta chuyên cần niệm Phật, điều mong muốn trước tiên của chúng ta là làm sao cho lòng mình vui bớt phiền não, tâm mình được bình an, trí mình được sáng suốt, nếu công phu niệm Phật khởi đầu của chúng ta đạt được như vậy, tức là chúng ta đã thành công.

Đã nhận thức rõ ràng như vậy, thì tu Tịnh độ, tu Thiền, tu Mật hay tu theo bất cứ pháp môn nào thì mục đích đầu tiên cũng nhằm hóa giải phiền não, làm cho “tâm bình khí hòa” để chúng ta có thể tiếp tục tiến tu và đạt đến mục đích cao hơn mà chúng ta hướng đến. Hiểu được như vậy chúng ta không nên sanh tâm phân biệt, so sánh giữa pháp môn này với pháp môn kia. Thật ra các

pháp môn của đức Phật dạy đều là phương tiện ưu việt để chúng ta nương theo đó mà đạt đến cứu cánh. Do vậy, chúng ta không nên phân biệt cao thấp giữa các pháp môn, vì như vậy có nghĩa là chúng ta chưa hiểu gì về Phật pháp.

Trong hầu hết các bài giảng về Tịnh Độ đều nhắm đến niềm tin, chí nguyện và nhất là sự tinh chuyên trong công phu niệm Phật, tất cả đều không ngời mục đích trợ duyên cho chúng ta an trú trong chánh niệm. Pháp môn Tịnh Độ đề xướng việc niệm Phật đến “nhất tâm bất loạn” để chúng ta thể nhập “tịnh độ tự tâm” và sáng suốt, bình yên, tự tại ra đi theo chí nguyện vãng sanh về cõi Cực Lạc.

Đối với hành giả niệm Phật, trên bước đường trở về chân như tịnh độ tự tâm, khi công phu chúng ta có chánh niệm, tức là chúng ta đang từng bước thành công trong việc không chế ngũ dục và loại dần tham, sân, si ra khỏi bản thân. Đặc biệt tại các đạo tràng tu Phật thất, Phật tử chúng ta có được rất nhiều trợ duyên vô cùng quý báu, đó là huynh đệ đồng tu, sự giám sát giúp đỡ hướng dẫn tận tình của quý Thầy, và một trợ duyên vô cùng quan trọng và thiết thực nữa, đó là một không khí thiêng liêng yên tĩnh, một không gian trang nghiêm thanh tịnh. Ở đó, nếu chúng ta buông xả được vạn duyên, niệm Phật tinh tấn chuyên cần, chúng tôi tin rằng, tâm chúng ta sẽ dễ dàng lắng đọng hồn tồn những vọng niệm, trong những giây phút này, chúng ta sẽ có được cảm giác hạnh phúc tận cùng trong những ngày tu theo pháp môn niệm Phật.

000

Trong đời sống dân gian có câu: “Có đi có lại mới toại lòng nhau”, có thể nói đây là quy ước bất thành văn nói lên sự sòng phẳng trong các mối quan hệ giữa ta và người. Đó cũng là thước đo, là chỗ dựa căn bản cho các mối quan hệ làm ăn, tình bằng hữu ... Và người đời đã mặc nhiên chấp nhận sự sòng phẳng này một cách tự nhiên như máu thịt, như hơi thở trong cuộc sống vậy. Do vậy nó đã thành nề thành nếp trong não trạng của con người.

Thật khó khăn khi thấy một ai đó chỉ cho đi mà không nhận về, và nếu như một ai đó chỉ cho đi mà không nhận về, người đời thường nảy sinh ngờ vực, không phải nghi ngờ cái xấu mà nghi ngờ cái tốt đẹp, nghi ngờ cái chân thật của họ! Đọc lại những lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà cũng vậy, đầu tiên nhiều người trong số chúng ta sẽ nghi ngờ. Thật khó tin quá! Vì sao trên đời này lại có người tự nguyện hy sinh cao cả đến như vậy?

Trong đời sống xã hội, người được gọi là “quân tử” khi thốt ra một lời thì cho dù đến bốn con ngựa cũng khó mà đuổi theo. Người quân tử còn không dám nói hai lời, huống chi là Phật.

Do đó chúng ta không thể không tin lời đức Phật Thích Ca Nâu Ni chỉ dạy và cũng không thể không tin 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà được. Tin vào tâm nguyện từ bi của Ngài, nhưng dù thương yêu chúng sanh rất mực, Ngài cũng không thể giúp gì được cho chúng sanh, nếu chúng sanh không muốn. Cũng như một người bệnh nhờ vị lương y chữa bệnh cho mình. Người lương y

khám và cho thuốc, nhưng như thế không thể bớt bệnh được nếu người bệnh không chịu uống thuốc. Chúng ta phải uống thuốc, chúng ta không uống thuốc làm sao hết bệnh được. Như vậy khỏi bệnh hay không là ở sự chủ động của ta.

Đức Phật A Di Đà từ bi lân mẫn muốn cứu vớt chúng sanh trong cõi Ta Bà đầy khổ nạn nên Ngài đã phát ra 48 đại thế nguyện. Qua nội dung những đại nguyện này, chúng ta thấy trách nhiệm thuộc về đức Phật rất nhiều. Chẳng hạn, ở ba điều 18, 19 và 20, đức Phật đã yêu cầu phải có sự trợ lực của hai phía: Chúng sanh và đức Phật. Ngài yêu cầu chúng ta: *“Một lòng tin tưởng tôi, hằng ngày niệm được mười tên hiệu tôi ... phát tâm bồ đề, tu hành các món công đức ... nghe đến danh hiệu tôi, tưởng nghĩ đến quốc độ tôi, làm các việc công đức...”*. Như vậy đức Phật đã yêu cầu phải có sự hợp tác đắc lực từ phía chúng sanh thì tâm nguyện từ bi của Ngài mới thành tựu.

Điều này cũng giống như một lương y làm việc từ thiện yêu cầu bệnh nhân phải uống thuốc thì việc từ thiện ấy mới thành tựu. Chúng ta không uống thuốc, tức là không hợp tác với thầy thuốc thì làm sao chúng ta khỏi bệnh? Chúng ta không chịu hợp tác với đức Phật A Di Đà như trong ba điều Ngài yêu cầu thì rõ ràng là chúng ta sẽ không được vãng sanh đến quốc độ Cực Lạc của Ngài.

Khi đã phát tâm và tin tưởng triệt để vào đại nguyện của đức Phật A Di Đà, chúng ta hành trì một cách nghiêm túc các yêu cầu như: *“Niệm danh hiệu - Nguyện vãng sanh và Hồi hướng tất cả công đức để cầu sanh Tịnh Độ”* (ở điều 18, 19) tức là chúng ta đã thực hiện trọn vẹn mọi yêu cầu của Ngài. Khi chúng ta đã “Tín – Thọ – Phụng – Hành” lời Phật dạy, thì còn lo gì không được vãng sanh về nước Phật.

## CHÁNH NIỆM VÀ NIỆM TIN VỮNG CHẮC

Pháp môn Tịnh Độ với phương pháp trì danh niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc được dựng lập từ hai yếu tố cơ bản: Tâm nguyện đại từ đại bi cứu vớt hết thảy chúng sanh của chư Phật và lòng thiết tha mong muốn được cứu độ của chúng ta. Lòng từ bi lân mẫn quảng đại của chư Phật thì luôn rộng mở, chỉ còn lòng thiết tha mong muốn được cứu độ của chúng ta nữa thôi.

Khi thuyết kinh A Di Đà, đức Phật Thích Ca đã gọi pháp môn niệm Phật là pháp môn “nan tín”, vì Ngài tiên liệu rằng, chúng sanh khó có thể tin ngay một việc làm quá dễ như niệm Phật mà lại đạt được kết quả lớn lao như pháp môn Tịnh Độ.

Chúng tôi được biết, hiện nay có nhiều đạo tràng mà Phật tử về dự Phật thất số lượng lên đến bốn, năm ngàn người mà không gian vẫn yên tĩnh, trang nghiêm, thanh tịnh, đây là một điều rất đáng vui mừng cho tất cả những người tu theo pháp môn Tịnh Độ. Chúng tôi nghĩ rằng, để xây dựng một thế giới Tịnh Độ

trang nghiêm như vậy, đòi hỏi rất nhiều nơi ban tổ chức và quan trọng hơn đó là niềm tin Phật pháp và ý thức tự giác tu tập của quần chúng Phật tử nơi đây.

Tuy nhiên chúng tôi thiết nghĩ, mỗi người tu theo pháp môn niệm Phật, cần xem xét lại mình đã thật sự thanh tịnh bình an chưa? Đã thấy rõ những tạp niệm lăng xăng vẫn còn đang dấy khởi trong tâm mình chưa? Vì đây là điều rất quan trọng của người tu theo Phật pháp nói chung và nhất là đối với người trì danh niệm Phật.

Chúng tôi nghĩ rằng, đương khi chúng ta niệm Phật mà vẫn còn lăng xăng tạp niệm thì chúng ta khó có cơ hội đi vào chánh niệm. Không có chánh niệm thì sẽ không bao giờ có sự hiện diện của tự tánh Di Đà trong tự tâm mỗi hành giả niệm Phật. Thật vậy, khi còn vọng tâm, tạp niệm thì tâm hồn hành giả sẽ không thể đạt đến trạng thái tĩnh lặng, ngược lại nếu chúng ta có chánh niệm và duy trì công phu thuần thực thì sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ đạt đến “nhất tâm bất loạn”. Thật ra không nhất thiết đợi phải đạt đến “nhất tâm bất loạn” mà chỉ cần có “chánh niệm” thì trong tâm chúng ta cũng đã hiện hữu một cõi Tịnh Độ cực lạc an vui rồi. Khi đó, mọi cảnh giới bên ngoài hồn tồn không có ý nghĩa gì cả. Dù thị phi, phải quấy có xảy ra trước mắt, thì tự tâm chúng ta cũng không can hệ đến. Lúc đó cảnh giới Cực Lạc mới thực sự hiện diện trong ta.

Một khi chúng ta đã có chánh niệm, thì cảnh giới chung quanh đều là cảnh giới Phật, khi đó chúng ta sẽ cảm thấy mọi người quanh ta ai cũng đáng mến, đáng thương cả, chúng ta sẽ không trách móc, giận hờn, chê bai bất cứ ai. Vì sao vậy? Vì tự tâm chúng ta đương là Phật, vì là “tâm Phật” nên chúng ta chỉ biết yêu thương mà không có hận thù hay vướng mắc.

Khi niệm Phật đến “nhất tâm bất loạn” là chúng ta đã đạt đến công phu thượng thừa. Khi đó tâm của ta là tâm Cực Lạc, chúng ta sẽ cảm nhận ra ngay trạng thái nhẹ nhàng của thân tâm vì chúng ta đã trút bỏ phần nào phiền não, nghiệp chướng vốn nặng nề, uế tạp.

Thân tâm chúng ta thanh tịnh tức là chúng ta hình thành cảnh giới Cực Lạc ở nội tâm. Khi đó, dù chúng ta ở nhà hay đi làm, dù là nơi ồn ào hay nơi yên tĩnh, chúng ta đều không bị ảnh hưởng, bị chi phối như lúc chúng ta còn đang vọng niệm. Khi đó chúng ta sẽ nhìn thấy cả nước Việt Nam thân yêu này là cõi Cực Lạc, cả thế giới nhộn nhịp này cũng là cõi Cực Lạc. Vì cõi Cực Lạc ở trong ngay trong tự tâm chúng ta chứ không phải ở bên ngoài.

Nếu thông hiểu diệu nghĩa sâu xa ý nghĩa này, chúng ta chợt thấy ngay rằng, Phật ở khắp mọi nơi, Phật ở ngay nơi cạnh ta, cũng có khi ta cùng ăn với Phật, cùng ngủ với Phật, thế nhưng chúng ta lại hồn tồn không có khả năng trông thấy được Phật. Vì sao vô lý vậy? Thì ra chúng ta hồn tồn chẳng có chút chánh niệm nào trong công phu niệm Phật!

Khi tha thiết niệm Phật tức chúng ta đang hướng vọng mãnh liệt đến Phật, tất nhiên ngay khi đó Phật cũng đang ở trong tâm chúng ta. Chỉ có điều chúng ta không chuyên cần công phu niệm Phật, không quán chiếu ngọn nguồn diệu lý, thì cho dù Phật đang ở ngay bên cạnh, chúng ta vẫn không thể thấy biết được.

Khi thành tâm tu theo pháp môn Tịnh Độ, tha thiết và thực sự chuyên cần niệm Phật, tự nhiên chúng ta sẽ được thọ dụng, một trong những sở đắc mà chúng ta đạt được liền khi, đó là niềm tin của chúng ta mỗi ngày được củng cố và luôn tăng trưởng. Và cũng chính niềm tin được củng cố trong công phu niệm Phật sẽ là chiếc thuyền vững chãi đủ sức mạnh đưa chúng ta đến cõi Tây Phương Cực Lạc. Hành giả chơn chánh niệm Phật, dù nhất thời chưa đạt đến cảnh giới Cực Lạc, nhưng cũng không dễ dàng gì rơi vào trạng thái hoảng loạn trước những biến cố cuộc đời, kể cả khi phải đứng trước cái chết.

Khi niệm Phật đến trạng thái “nhất tâm bất loạn” thì tầm nhìn của chúng ta tự nhiên được nâng cao, chúng ta sẽ thấy bất cứ nơi nào cũng đều an vui, hạnh phúc. Đối với người tu theo pháp môn niệm Phật, có thể nói đây là báu vật quý nhất trên đời. Chúng ta biết rằng bản tánh chúng sanh là tham sống sợ chết, thế nhưng đối với hành giả niệm Phật khi đã có chỗ thọ dụng thì ngay khi đứng trước cái chết cũng vẫn thấy bình an tự tại.

Trong lịch sử Phật giáo có lưu truyền một câu chuyện: “Thiền sư Diên Thọ trước khi xuất gia rất chuyên tâm trì tụng kinh Pháp Hoa, đến nỗi có cả bảy dê đến nghe kinh và đều được Ngài độ thoát kiếp dê. Sau này Ngài làm quan thu thuế cho Văn Mục Vương. Qua công việc thu thuế, Ngài thương cảm nỗi lầm than đói khổ của dân chúng nên đã tự ý giảm thuế cho dân. Bên cạnh đó Ngài còn dùng tiền thu thuế làm từ thiện và mua chim, cá phóng sinh ... Thời gian kéo dài khá lâu, ngân khố bị hao hụt, sự việc được trình báo lên Vua và ông bị tuyên xử tử. Tuy vậy nhà Vua cũng lấy làm lạ vì được biết ông quan thuế này lấy tiền mà không tư túi như các tham quan khác, nên nhà Vua đã dặn dò các đao phủ là hãy quan sát thật kỹ cử chỉ và nét mặt của Ngài khi ra pháp trường. Nếu Ngài bình tĩnh, an nhiên trước cái chết thì hãy dừng tay ngay và trình báo lên Vua. Ngược lại, nếu Ngài cũng hoảng hốt, run sợ như các tử tội khác thì cứ hành hình. Khi đưa Ngài ra pháp trường, các quan giám sát xưng tên Vương Xuân Quyền (thế danh của Ngài) rồi người ta điệu Ngài ra cột lại chờ hành quyết. Thế nhưng điều kỳ lạ là khi nhìn tướng mạo của Ngài, các đao phủ bỗng thấy dung nghi Ngài càng uy nghiêm, gương mặt trở nên rực sáng, Ngài an nhiên bước đến đoạn đầu đài, đao phủ thấy vậy không dám cầm đao và thực hiện như lời vua truyền. Thế là cuộc hành hình được dừng lại, đao phủ vội vàng tâu lên nhà Vua. Văn Mục Vương đã đến tận nơi, hỏi:

- Tại sao ai đứng trước cái chết cũng sợ hãi, hốt hoảng còn ông lại tự tại an nhiên trước cái chết?

Ngài trung thực trả lời:

- Tôi tham ô của quốc gia, tôi có tội, tôi chấp nhận cái chết do hình luật, không có gì để than phiền cả. Nhưng tôi lấy tiền này dùng vào việc phóng sinh và cứu độ hàng vạn sinh linh, tôi tin tưởng vào việc tôi làm ... Tôi tin tôi sẽ về cảnh giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Đường đi phía trước rõ ràng, không có gì là mơ hồ, nên tôi không sợ.

Từ câu chuyện này chúng ta nhận ra, sở dĩ trong đời sống hằng ngày, chúng ta thường lo âu, sợ hãi ... là do đường đi của chúng ta chưa rõ ràng.

Chẳng hạn, cuối cuộc đời này mình sẽ về đâu? Con đường này sẽ đưa mình đến đâu? Trên đường có chướng ngại nào không? v.v.. Khi còn mù mịt đường đi ngõ về, chúng ta có đến muôn vàn nỗi lo và sợ hãi, thế nhưng khi đã biết đích đến rồi thì tất cả mọi trở ngại không còn là vấn đề để chúng ta bận tâm nữa.

Sau này Thiền sư Diên Thọ xuất gia với Hòa thượng Túy Nham. Ngài tu Thiền, tụng kinh Pháp Hoa, nhưng lại rất kính ngưỡng Tịnh Độ. Một hôm, Ngài đến đạo tràng của Trí Giả Đại sư, ở đó Ngài làm hai cái thăm, một cái ghi là “Trang nghiêm Tịnh Độ” và một cái ghi là “Thiền quán chuyên tu”, qua bảy lần rút thăm, Ngài đều bốc trúng lá thăm “Trang nghiêm Tịnh Độ”, cuối cùng Ngài hoằng hóa pháp môn Tịnh Độ.

Trước sự việc qua bảy lần bốc thăm, Thiền sư Diên Thọ đều bốc trúng lá thăm “Trang nghiêm Tịnh Độ” cơ duyên này kết hợp với tâm kính ngưỡng Tịnh Độ trước đây, thế là niềm tin vào Tịnh Độ nơi Ngài được tăng thêm. Đây cũng là một đại điểm phúc cho những ai tu tập theo pháp môn niệm Phật, vì chúng ta có thêm một vị Tổ sư Tịnh Độ đại hùng, đại lực, đại từ bi.

Niềm tin Tịnh Độ của chư vị Tổ sư và hành trạng của các ngài luôn là bài học sinh động sâu sắc cho những người tu theo pháp môn niệm Phật. Từ câu chuyện của Thiền sư Diên Thọ ngày xưa, chúng ta thử liên hệ tín tâm và công phu niệm Phật của Phật tử chúng ta trong thời đại này ra sao? Chúng ta có xứng đáng là người học trò chăm ngoan của chư vị?

Thật ra chúng ta cũng có thể đã nhận ra chân giá trị của pháp môn Tịnh Độ, có thể chúng ta đã có tín tâm, đã có công phu niệm Phật. Tuy nhiên chúng ta vẫn chưa có những biến cố lớn của cuộc đời để thử thách tín tâm và công phu niệm Phật của mỗi người. Giả sử như trong đời sống tu tập của chúng ta, hay tại một đạo tràng niệm Phật nào đó, nếu có điều gì trở ngại xảy ra, chẳng hạn như một lời đe dọa của một phần tử cực đoan nào đó, chúng ta thử hỏi lòng mình có đủ nội lực và can đảm như Thiền sư Diên Thọ hay không?

Nếu chúng ta có đủ nội lực, công phu niệm Phật của chúng ta thật sự có chánh niệm, chúng tôi nghĩ, chúng ta có quyền tự hào rằng, chúng ta cũng sống được như Thiền sư Diên Thọ. Quả thật được như vậy thì đây là điều rất đáng mừng, mừng vì ở trong cái thế giới Ta Bà này cũng vẫn còn có thế giới Cực Lạc.

Được như vậy có nghĩa rằng chúng ta đã có niềm tin sâu chắc với Tịnh Độ, chúng ta đã dự phần nơi cõi Cực Lạc. Bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà cũng chỉ mong muốn chúng ta đạt được điều này, thể hiện được điều này.

Ngày xưa, có một người thợ rèn họ Mã, người trong thôn xóm gọi ông ta là Mã thợ rèn. Vì nghề thợ rèn phải vất vả bên lò lửa từ sáng đến chiều, nên Mã thợ rèn thường than thân trách phận.

Một hôm nọ, có người xuất gia đi ngang qua lò rèn ông ta. Mã vội vàng bỏ búa xuống chạy ra mời vào, rồi thỉnh cầu một cách khẩn thiết:



- Thưa Thầy! Cả ngày con phải túc trực bên lò lửa, thật là chịu hết thấu! Xin Thầy thương xót chỉ dạy cho con một phương pháp giải thoát khổ đau của kiếp làm người.

Vị Tăng nghe xong bèn nói:

- Chỉ cần ông chuyên cần niệm Phật là thoát khổ! Lúc giờ búa lên ông niệm “A Di Đà Phật”, khi nện búa xuống ông niệm: “A Di Đà Phật”. Hôm nay trở đi ông cứ làm như tôi nói, chắc chắn nỗi thống khổ của ông lần hồi được giải thoát.

Ông Mã nghe xong vui mừng khôn xiết. Bắt đầu từ đó, ngày ngày ông vừa đập sắt vừa niệm Phật. Mọi người thấy vậy bèn khuyên:

- Đập sắt suốt ngày quá cực rồi, hơi đâu phải niệm Phật thêm cho mệt?

Ông Mã cười nói:

- Các ông đâu biết rằng, lúc chưa biết niệm Phật, làm việc gì tôi cũng thấy nhọc nhằn, nhưng sau khi niệm Phật thì tôi không thấy mệt nhọc nữa, ngược lại còn cảm thấy khỏe hẳn ra.

Về sau ông Mã nhờ niệm Phật mà được vãng sanh. Trước lúc qua đời, ông làm bài kệ: “Lửa tiêu nghiệp chướng. Sắt luyện đức tin. Ngày là Tây phương. Đêm là Cực Lạc”. Nói xong ông an nhiên tự tại ra đi.

## AN TRÚ CHÁNH NIỆM

Tiền kiếp đức Phật có một đời làm người con bất hiếu với mẹ mình. Ngài bỏ mẹ dong thuyền ra biển làm nhà hàng hải. Một hôm bị sóng to, gió lớn khiến thuyền bị lật. Ngài tử nạn và đọa vào địa ngục. Khi xuống địa ngục, Ngài rơi vào nơi dành cho hạng người bất hiếu. Ở đó Ngài gặp một người đang đội một chậu lửa đỏ rực trên đầu. Thấy vậy, Ngài hỏi:

- Ông đội chậu lửa này bao lâu mới hết tội?

Người đang đội chậu lửa trả lời:

- Đến khi nào có kẻ bất hiếu như tôi xuống đây đội nó thay tôi.

Lời nói vừa dứt thì chậu lửa liền bay qua đầu Ngài. Khi đội chậu lửa ở trên đầu mình, Ngài mới cảm nhận sức nóng của chậu lửa quả là kinh khủng, Ngài mới biết những người bất hiếu với cha mẹ, khi phải đội chậu lửa này sẽ đau đớn khổ sở biết chừng nào. Ngài bèn phát nguyện: “Tôi xin đội chậu lửa này suốt đời, suốt kiếp thay thế cho tất cả chúng sinh bị tội bất hiếu”. Lời nguyện vừa phát ra, bỗng dung chậu lửa biến thành hoa sen.

Trong lịch sử Phật giáo còn có một câu chuyện như sau:

Tôn giả Mục Kiền Liên là một trong mười đại đệ tử của đức Phật nổi tiếng là thần thông đệ nhất. Tiền kiếp Tôn giả Mục Kiền Liên có một đời làm nghề chài lưới, nên đã gieo nhân sát sinh rất nhiều.

Một lần nợ đang trên đường hóa đạo, lúc đi ngang qua núi Y Tư Xa Lê, Mục Kiên Liên bị nhóm người lừa hình ngoại đạo sát hại bằng cách xô đá từ trên núi xuống. Đá rơi loạn xạ như mưa khiến nhục thân của Tôn giả bầm dập tan nát.

Được tin này các vị Tỳ kheo vô cùng thắc mắc, bèn họp lại thỉnh cầu đức Phật chỉ rõ nguyên do:

- Bạch Thế Tôn, Mục Kiên Liên là người nổi tiếng thần thông đệ nhất, vì sao ông ấy không dùng sức thần thông của mình để đối phó với ngoại đạo?

Đức Phật giải thích:

- Các Tỳ kheo! Khi Mục Kiên Liên lâm nạn, chẳng phải ông ấy không biết cách tránh né, nhưng thần thông cũng chỉ là thần thông, nó không thể vượt qua nghiệp lực. Người tu hành không thể đi ngược lại đạo lý nhân quả. Mục Kiên Liên đã gieo nhân sát sinh nên phải kết thúc đời này như vậy, để muôn đời sau vĩnh viễn được giải thoát.

Qua hai câu chuyện vừa kể trên, chúng ta nhận thấy, ngay cả Đức Phật và Tôn giả Mục Kiên Liên là những bậc đại giác ngộ, đại thần thông mà cũng không thoát khỏi báo ứng sau khi đã gieo nhân.

Do vậy trong đời sống của kiếp làm người và trong quá trình công phu tu tập theo lời Phật dạy, chúng ta cũng đừng lấy làm lạ, băn khoăn rằng, tại sao mình sống hiền lành, không đụng chạm đến ai, thậm chí mình đã phát tâm tu, mình tinh tấn trì danh niệm Phật, thế mà tại sao vẫn còn nhiều trở ngại, vẫn còn nhiều rắc rối khổ đau phiền não như vậy?

Khi nghe qua hai câu chuyện về nhân quả báo ứng vừa kể trên, chúng tôi nghĩ rằng, chắc có lẽ trong Phật tử chúng ta sẽ không còn băn khoăn thắc mắc với những trở ngại trên đường đời cũng như trong công phu niệm Phật của mình.

Tuy vậy, chúng ta cũng cần hiểu rõ thêm về những nguyên nhân khiến công phu niệm Phật của chúng ta bị trì trệ, tín tâm bị lui sụt và phiền não ngập tràn trong tâm thức. Ở đây chúng tôi nhận thấy có hai nguyên nhân chính, trước hết là do nghiệp lực của chúng ta quá sâu dày, trong khi đó ý chí và công phu của chúng ta thì quá mỏng. Kế đến là chúng ta chưa thật sự kiên định với niềm tin vào Phật pháp, chưa dứt khốt với những dục vọng của bản thân.

Nói về nghiệp chướng thì ngay cả đức Phật cũng không tránh thoát được nhân quả, thì nói gì đến hạng phàm phu vẫn còn đang tạo tác mỗi ngày như chúng ta. Do vậy chúng tôi nghĩ rằng, nếu có nợ điều gì, nợ ai đó, thì chúng ta nên vui vẻ mà trả nợ, nên bằng lòng mà trả nợ. Nếu chúng ta bằng lòng và vui vẻ trả xong nợ cũ, đồng thời không vay nợ mới, thì tâm hồn chúng ta an lạc bình yên, chúng ta sẽ hết lo lắng sợ hãi. Như vậy chúng ta càng vui, càng hạnh phúc chứ sao lại buồn rầu?

Trong đời sống thế gian có những chuyện rất buồn cười, chẳng hạn như lúc đi mượn tiền của người ta thì miệng lưỡi liếng thoảng, gương mặt rất tươi

vui, ăn nói ngọt ngào lắm, thế nhưng khi bị đòi nợ, chúng ta thường hay nói lẫy, gương mặt tỏ vẻ giận hờn, trách móc, nói chung là chúng ta luôn luôn phiền não khi bị người ta đòi nợ. Thế thì ngay từ bây giờ, mỗi khi bị đòi nợ, chúng ta hãy bằng lòng và vui vẻ trả nợ, khi trả nợ chúng ta hãy thành thật cảm ơn người đã giúp mình mà cho mình mượn nợ, cốt yếu làm sao chúng ta giữ cho được cái tâm, cái phong thái ban đầu như khi chúng ta đi vay nợ. Sự tu cũng vậy! Khi báo ứng đến cũng vậy thì mới có thể gọi là chân thật và sáng suốt trong tu tập.

Trong cuộc sống mỗi chúng ta dù nợ còn đòi, dù hôn cảnh rối rắm, dù điều kiện sống còn khó khăn chật vật, thì chúng ta vẫn phải chấp nhận, an lòng chấp nhận, vì tất cả đều không ra ngoài nhân và quả.

Trong khi niệm Phật cũng vậy, khi quả báo đến, chúng ta hãy bằng lòng chấp nhận, vui vẻ mà trả bớt cái nợ đã gieo. Hiểu và hành được như vậy thì ngay khi đang trả nghiệp chúng ta cũng cảm thấy an lạc. Tu tập được như vậy, sống đạo được như vậy, chúng ta sẽ hết khổ ngay trong hiện đời, chúng ta sẽ có được niềm vui cực lạc ngay trong hiện đời, chúng ta sẽ thấy cuộc đời này thật hạnh phúc vì chúng ta đã có cơ sở để xây dựng cõi Cực lạc ngay trong khi chúng ta đang niệm Phật.

Chư vị Tổ Sư thường dạy: “*Xuất gia chi sơ, thành Phật hữu dư*”. Ngụ ý, người tu phải giữ cho được cái tâm như lúc mới xuất gia, thì sẽ thừa khả năng thành Phật. Như vậy, trong tu tập, làm sao chúng ta duy trì được cái niềm tin ban đầu, cái ý chí ban đầu, cái tâm hạnh ban đầu như khi chúng ta mới đến chùa, như khi chúng ta mới đến với Phật pháp. Giữ được tín tâm đó, ý chí đó, chúng ta sẽ rất thuận lợi trong việc tiến tu niệm Phật.

Khi tiền thân đức Phật đang phải đội chậu lửa, Ngài đã vui vẻ chấp nhận vì biết rõ đây là quả báo của tội bất hiếu. Không những thế mà Ngài còn phát tâm nguyện đội chậu lửa đời đời kiếp kiếp thế cho chúng sanh trót phạm tội bất hiếu. Khi lời phát đại nguyện gánh vác khổ nạn cho tất cả chúng sanh vừa dứt, liền đó chậu lửa biến thành hoa sen. Như vậy chúng ta đã biết niệm Phật đi về đâu chưa? Tuy nhiên, đáp án này còn tùy thuộc vào từng người niệm Phật, tùy thuộc vào từng hạnh nguyện đang sống trong cõi Ta bà khổ nạn này.

Thật ra Cực Lạc không phải là địa danh ở đâu đó trong vũ trụ này, mà Cực Lạc chính là trạng thái nhất tâm bất loạn mà hành giả chuyên tu pháp môn niệm Phật đã thành tựu và viên mãn Tín - Hạnh - Nguyện đạt được.

Thế nhưng trên thực tế thì tâm chúng ta chưa được nhất tâm bất loạn, điều này cũng đồng với nghĩa là tâm chúng ta vẫn còn lãng xãng tạp niệm, vẫn còn bị sự chi phối nặng nề của ngũ dục, do đó chúng ta luôn bị phiền não, khổ đau. Nếu lòng chúng ta còn đau khổ, bất an thì làm sao chúng ta có thể xây dựng được cõi Cực Lạc? Và cho dù nếu có một cõi Cực Lạc hiện bày ra trước mắt, chúng ta cũng khó có khả năng thể nhập vào.

## AN VUI CỰC LẠC

Trở lại vấn đề được xem là rất quan trọng mà chúng ta đã đề cập trước đây. Chúng ta từng nghe đức Phật dạy: “Quá khứ là việc đã qua, đừng luyến tiếc. Tương lai là chuyện chưa đến, đừng cầu mong. Hiện tại hãy an trú trong chánh niệm”. Điều này rất quan trọng đối với người tu, nhất là hành giả tu theo pháp môn niệm Phật. Cụ thể công án này là trong hiện tại, khi chúng ta sống trong chánh niệm, tức là chúng ta đang thụ hưởng cả một bầu trời tương lai vô cùng trong sáng, tươi đẹp, dù rằng chúng ta không cầu mong đến nó. Do vậy trong công phu niệm Phật chúng ta cần thận đừng để rơi vào tình trạng luyến tiếc việc quá khứ, suy tưởng về tương lai mà lãng quên hiện tại.

Khi đề cập đến sự thiết thực cần phải làm ngay của người tu hành trong phút giây hiện tại, trong kho tàng truyện cổ Phật giáo có một câu chuyện rất thú vị và sâu sắc: - Có một người đang bị một mũi tên cắm vào người, anh ta quần quai rên la tỏ vẻ vô cùng đau đớn. Đáng lẽ anh ta phải tự rút mũi tên ra hay nhờ vị lương y tài giỏi làm việc này để chữa vết thương và chấm dứt cơn đau. Đằng này anh ta lại khư khư giữ mũi tên đang cắm sâu vào người mà đi cật vấn khắp nơi, nào là “Mũi tên này làm loại bằng gỗ gì?”, “Sản xuất từ đâu? Lúc nào? Ai làm ra?...”. Và cuối cùng anh ta mất mạng vì vết thương quá nặng không thể cứu chữa được nữa.

Từ câu chuyện ý nghĩa nêu trên, chúng ta thử liên hệ đến đời sống tu tập của mỗi chúng ta. Khi chúng ta đang bị mũi tên “tam độc” (tham – sân – si) cắm sâu vào tâm hồn, đối với người có chánh kiến và trí tuệ thì việc cần thiết trước mắt là phải nhổ ngay mũi tên (tham – sân – si) đó ra có phải vậy không? Tất nhiên cách thức để nhổ mũi tên đó cũng tùy theo nhân duyên và trình độ căn cơ mỗi người. Riêng đối với người tu theo pháp môn Tịnh độ cũng vậy, khi chúng ta đang bị lãng xăng tạp niệm, đang bị “mũi tên” lười biếng, tham dục chi phối việc trì danh niệm Phật, thì việc trước mắt là chúng ta phải nhanh chóng rút ngay “mũi tên” lười biếng, tham dục đó ra để công phu của chúng ta có chánh niệm và nhất tâm bất loạn.

Xét rõ như thế chúng ta đừng mơ tưởng việc xa xôi trong bao la vũ trụ, mà hãy tập trung chuyên cần trì danh niệm Phật. Từ đức tin sâu sắc vào đức Phật, từ sự sáng suốt nhận ra căn bệnh của mình và ý chí dũng mãnh vượt qua cảm dỗ của ngũ dục, chúng ta sẽ tự kiến tạo ngay trong tâm hồn mình một cảnh giới Cực Lạc ngập tràn hạnh phúc an vui.

Thiết nghĩ cũng cần nhắc lại rằng, chúng ta không phải là không hướng đến tương lai tươi đẹp, không phải là không mong cầu tương lai thì sẽ không có tương lai, mà tương lai tươi sáng nó đơm bông kết trái và nở hoa ở ngay trong phút giây sống động, tích cực trong hiện tại nơi mỗi chúng ta.

Trong suốt quá trình tu tập, chúng ta không mong cầu về tương lai, là để chúng ta không sanh vọng niệm hưởng ngoại tìm cầu, chúng ta không vọng về tương lai để tâm chúng ta an trú trong chánh niệm. Có như vậy chúng ta mới loại trừ tạp niệm, mới không sanh khởi nhị tâm, mới đạt đến nhất tâm bất loạn. Có một vị Thiền sư nói rằng: “Lãng quên hiện tại mà mong cầu tương lai là tự sát” điều này có nghĩa là vậy. Cho nên chúng ta chỉ cần hiện tại niệm Phật, hiện

tại chánh niệm, hiện tại sâu sắc với niềm tin và tinh chuyên vào câu Phật hiệu. Chúng tôi mạo muội cho rằng: “Thế là đủ”.

Trong quá trình tìm hiểu và tham học Phật pháp, chúng ta cần phải hết sức cố gắng tập trung để thấu hiểu một cách căn bản bài giảng, khi đã có kiến thức căn bản rồi chúng ta mới có thể thực hành đúng theo lời chư Phật, chư Tổ dạy. Điều này cũng giống như chúng ta ăn món ăn nào thì bắt buộc phải tiêu hóa cho được thức ăn đó, như vậy mới thu nạp được chất dinh dưỡng nuôi sống cơ thể.

Hiểu biết về pháp môn Tịnh Độ đến nơi đến chốn và thực hành rốt ráo phương pháp trì danh niệm Phật, mỗi chúng ta đều có khả năng kiến tạo một cõi Cực Lạc ở ngay tự tâm chứ không cần phải tìm cầu ở đâu xa.

Chúng ta hãy sống và xây dựng cõi Cực Lạc ngay cõi Ta bà này, ngay trên đất nước này, ngay trong xã hội này, ngay tại gia đình mình và ngay trong tâm hồn trong sáng, vô ngã, vị tha, an vui, cực lạc nơi mỗi chúng ta. Hiểu và hành đúng theo lời Phật dạy, chúng ta có quyền tự hào về giáo pháp của đức Phật mà chúng ta đang nương theo. Chúng ta có quyền tự hào về con đường Phật pháp mà mình đã chọn.

Như chúng tôi đã trình bày, tập sách nhỏ này hình thành không ngoài mục đích giúp cho hàng sơ cơ niệm Phật tăng trưởng *tín hạnh nguyện*, cũng đồng thời là để chúng tôi tự nhắc nhở bản thân trên bước đường tu học. Do vậy, những gì chúng tôi đề cập đến trong tập sách này, chỉ là tiếng lòng của chúng tôi, mà cũng có thể là tiếng lòng thốt ra của tất cả Phật tử chúng ta, đang cháy bỏng khát khao hướng về Thế giới Cực Lạc.

Chúng tôi không phải là Đạo sư, mà chỉ là những người mang sứ mạng phải chuyển tải những thông điệp thiết thực nhất của nền giáo dục Phật Đà đến Phật tử hữu duyên. Thông điệp thiết thực đó chính là chân lý của đấng Đại Giác: *Giúp chúng sanh nhận ra bốn tâm thanh tịnh của chính mình.*

Đề thông điệp này được truyền đạt một cách hiệu quả, thiết nghĩ, cần phải khơi dậy niềm tin và chánh niệm vốn sẵn có trong mỗi chúng sanh, để tất cả chúng ta tự trở về sống với chân như tự tánh bất sanh bất diệt của chính mình. Nghĩa là chúng ta được quyền sống và tồn tại có khả năng sống trong Tịnh quốc của Đức Phật A Di Đà, nếu chúng ta cùng “chánh niệm” và “nhất tâm bất loạn”. Chúng tôi tin chắc rằng, chân hạnh phúc sẽ thật sự đến với tất cả chúng ta nếu chúng ta hành sâu chánh niệm. Khi chúng ta có chánh niệm thì chúng ta có chân hạnh phúc, một hạnh phúc vĩnh viễn an lạc, một hạnh phúc chân thật thuần khiết không một mảy mọt nhơ, đau khổ.

Phương tiện cứu độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni có tám muôn bốn ngàn pháp môn, thích ứng với căn tánh bất đồng sai biệt của chúng sanh, không ngoài mục đích giúp chúng sanh nhận ra bản tâm thanh tịnh, ngõ hầu vượt thoát khổ đau sanh tử luân hồi.

Tám muôn bốn ngàn pháp môn tu học, tựu trung gồm: Thiền, Tịnh, Mật. Mỗi pháp môn đều vi diệu tối thắng, là Thánh dược chữa trị tâm bệnh chúng

sanh. Tuy nhiên xét lại, thử hỏi chúng ta có đủ thời gian và điều kiện để đọc qua các pháp môn mà đức Phật đã dạy? Làm sao chúng ta biết được pháp môn nào thích ứng với mình?

Sự lựa chọn pháp môn tu học đã không phù hợp ắt kết quả sẽ không như ý nguyện. Thực tế này sẽ dẫn đến sự chán nản, chây lười, thậm chí thối tâm trong quãng đời tu học về sau. Do vậy để chọn cho mình một pháp môn tu phù hợp và thích nghi với điều kiện sống trong bối cảnh thời đại, việc này không phải dễ dàng và sự lựa chọn này rất là cần thiết, rất là quan trọng cho cả cuộc đời học đạo ở mỗi chúng ta.

Trong biển pháp mênh mông, đối với bậc thượng căn còn gặp không ít khó khăn, huống gì hạng phàm phu, nghiệp chướng sâu dày như chúng ta, thì làm sao tránh khỏi bần khoản và những điều nan giải?

Thế nhưng thật là may mắn, trong biển pháp mênh mông đó, Đức Bổn Sư của chúng ta đã mở bày một phương tiện siêu thắng, một pháp tu vi diệu, phù hợp với mọi căn cơ, mà vẫn đảm bảo sự giải thoát cho mọi chúng sanh. Phương tiện cứu độ thù thắng đó là pháp môn Tịnh Độ.

Đức Bổn Sư đặc biệt xác quyết, pháp tu trì danh niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc do Đức Từ Phụ A Di Đà làm giáo chủ, là pháp tu thù thắng, phù hợp mọi căn cơ, tóm thâu cả phàm thánh ... Từ hàng Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền; các bậc đại trí như ngài Thiện Tài, Hải chúng Hoa Tạng; các bậc thượng nhơn như chư Tổ Mã Minh, Long Thọ cũng đều tha thiết cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc ... nhứt đến hàng hạ căn độn trí, tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác, một khi đã biết ăn năn quay đầu, phát tâm Bồ đề, Tín – Hạnh – Nguyện đầy đủ, nếu tha thiết trì danh niệm Phật nhứt đến mười niệm nhứt tâm bất loạn, chí thành cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, cũng nhân đó tùy nghiệp đới sanh, sẽ có đại diễm phúc cùng chư thượng thiện nhơn câu hội ... Như vậy, từ bậc thượng trí đến hàng hậu học độn căn kém cỏi, cũng đều có thể thực hành pháp môn niệm Phật, đều có thể thành tựu sở nguyện vãng sanh về Tây phương Cực Lạc, đạt ngôi Bất Thối Chuyển ... Điều này chứng tỏ trì danh niệm Phật là pháp môn tối thắng, là một pháp môn siêu việt chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có Tín – Hạnh – Nguyện sâu dày, tha thiết chí thành, nhứt tâm niệm Phật, mới có thể chứng nghiệm sự màu nhiệm, chứ chẳng thể nào dùng ngôn ngữ lý giải được.

Trong kinh Đại Tập, đức Phật đã huyền ký: *“Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có người được giải thoát, chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”*. Trong kinh Niệm Phật Ba La Mật, đức Phật dạy: *“Niệm Phật là pháp môn vi diệu tối thắng đệ nhất mà chư Phật dùng để cứu độ hết thảy chúng sanh. Đây là môn tu thích đáng, ứng hợp mọi căn cơ mà chư Phật dùng để đưa hết thảy chúng sanh xa rời nẻo khổ, chứng đắc Niết Bàn tại thế, thành Phật trong một đời”* và *“Đây là môn tu đại từ bi, đại đồng mãn mà chư Phật dùng để giúp chúng sanh có được cái tâm bằng tâm chư Phật, có được cái nguyện bằng nguyện chư Phật, mau chóng vượt qua địa vị phàm phu và tự chứng pháp thân từng phần”*. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta được nghe đức Phật A Di Đà phát đại nguyện: *“Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu ta, rồi chí tâm tin muốn nguyện sanh về cõi nước của ta nhứt đến mười*

*niệm, nếu chúng sanh ấy không được sanh, thời ta không ở ngôi Chánh Giác, trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh pháp”*. (Bổn nguyện thứ 18 trong 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà – kinh Vô Lượng Thọ). Đây chính là những lời vàng ngọc trong kinh điển do Đức Bổn Sư thuyết giáo, là đệ tử Phật, lẽ nào chúng ta không tuyệt đối tin tưởng vâng theo lời Phật dạy? Đức Bổn Sư và Đức Từ Phụ A Di Đà Phật, đại từ đại bi thương xót chúng sanh còn hơn cha mẹ thương con, là đệ tử Phật lẽ, nào chúng ta cứ mãi làm đũa con bất hiếu, ngỗ nghịch, để rồi xuôi theo dòng đời tạo tác trả vay trôi lăn trong tứ sanh lục đạo, chuốc lấy khổ đau trong luân hồi sanh tử?

Trên thế giới mà chúng ra đang sống hiện nay, nhờ thâm tín lời chư Phật dạy, nhờ tha thiết nguyện cầu vãng sanh, nhờ nhất tâm niệm Phật, kết quả đã có rất nhiều người được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, số lượng chẳng thể tính đếm nổi. Như chúng ta đã biết, hiện tượng chết do *ác nghiệp chướng, ác báo chướng, phiền não chướng* ... thường khiến cho tâm thức người chết hoảng loạn, đau đớn khổ sở tột cùng ... Thế nhưng, đối với người vãng sanh khi xả bỏ tám thân hóa huyễn này ra đi, tinh thần người được vãng sanh luôn tỏ ra minh mẫn, tâm hồn an lạc, hoan hỷ, phong thái ra đi an nhiên tự tại. Bên cạnh đó còn có những điềm lành xuất hiện như hương thơm lan tỏa, mây lành quyện tụ. Sau khi ra đi còn để lại vô số xá lợi và nhất là đã để lại niềm tin trọn vẹn cho những hành giả tu theo pháp môn niệm Phật ...

Trong những năm gần đây, tại các đạo tràng niệm Phật tại Hoa Kỳ, Úc, Canada, Mã Lai, Singapore, Đài Loan, Trung Hoa lục địa, Việt Nam ... hiện tượng vãng sanh và lưu xá lợi đã không còn là hiện tượng hiếm hoi nữa. Điều này chứng tỏ sự mầu nhiệm của Phật pháp, sự linh ứng của lời Phật dạy và kết quả khả quan mà những người tu theo pháp môn đã đạt được.

Tuy nhiên, giải thoát hay giác ngộ chưa hẳn hồn tồn tùy thuộc ở nơi pháp môn, mà cái chính là ở đích nhắm đến của tâm người. Nói rõ hơn đó là ở hạt giống gieo trồng. Phương tiện pháp chỉ là thứ yếu, còn chánh nhân mới là chính yếu.

Nếu bình tĩnh mà ngẫm lại, cách đây trên 2500 năm, Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra tám muôn bốn ngàn pháp môn để giúp con người cách giải quyết những khổ đau và bế tắc. Và đã có không biết bao nhiêu phương tiện pháp từ các Thiên phái như Lâm Tế, Qui Ngưỡng, Tào Động... và các tông phái như Tịnh Độ, Mật Tông, Chỉ Quán, Tri Vọng, Thoại Đầu, Công Aùn ... Và sau này tại Nhật Bản lại có thêm các môn nghệ thuật được đạo hóa như Trà đạo, Thư đạo, Cung - Kiếm - Võ đạo ... Thế nhưng chúng ta vẫn mãi đau khổ lặn độn, loay hoay chạy quanh miêng chén trà với những vui buồn sướng khổ rất đời thường. Trong khi đó, trong vô số những người nương theo pháp Phật, phương tiện của các Thiên Sư, cũng đã có không ít người “ Liều sanh thoát tử “

Như vậy không thể nói là pháp của Phật và phương tiện của các Thiên Sư là không hiệu nghiệm, mà phải nói là qua nhiều thời đại, qua nhiều kiếp sống, chúng ta đã chưa một lần gieo đúng “ Chánh Nhân “ !

Chánh nhân ấy là cái tâm tha thiết giải quyết tận cùng những ràng buộc, chi phối, hệ lụy, bức bách của niệm sanh niệm diệt, mà người xưa gọi nôm na là “Sanh Tử Sự Đại” (Sanh tử việc lớn).

Giáo lý nhà Phật cho rằng : “Chúng sanh sáu đường lên xuống qua lại không ngừng nghỉ”. Vậy, nguyên do nào khiến chúng ta lận đận từ đời này sang đời khác. Phải chăng chúng ta chưa từng phát khởi một niệm tha thiết với “việc lớn sanh tử”, để dẫn thân trọn vẹn vào chỗ không sanh không diệt.

Đến với Trà đạo chúng ta rất cần đến chánh nhân, để tinh thần của Trà đạo ảnh hưởng đến mai sau.

Người thời nay đã có quá nhiều khái niệm về Thiền cũng như về Đạo, một cách ồn ào, được tô vẽ bởi những ngôn từ rất Đạo. Nhưng hầu như ít ai tin rằng Đạo vốn chẳng đâu xa !

Đạo chẳng khó tìm, vì nó luôn hiện hữu trên những nỗi niềm buồn vui sướng khổ của con người, rời những vui buồn sướng khổ ấy, ắt khó mà thấy Đạo.

Nhưng Đạo không phải dễ thấy, vì Đạo ở ngay “đó”ù, nhưng “đó” không phải là Đạo. Đạo chính là Ta, vì chỉ có Ta mới cảm nhận trọn vẹn những vui buồn sướng khổ của phận người. Chỉ có Ta mới biết vui, biết buồn, ngòi Ta ra, không ai có thể thay Ta vui buồn sướng khổ. Nhưng nếu nhận cái Ta đó là Đạo, nhận niềm vui nỗi buồn đó là Đạo, điều này không khác gì “ nhận giặc làm con ”.

Ở Nhật, các môn Kiếm đạo, Thư đạo, Trà đạo... đều do các vị Thiền sư khai sáng, nên cái Đạo ở các môn nghệ thuật này là Thiền Đạo. Và người Nhật đến với các môn nghệ thuật đó là để khám phá chính mình thông qua phương tiện mà họ có duyên với nó.

Cái nhìn của các bậc Thiền Sư là cái nhìn “ không hai ”, nhưng cái nhìn của các môn sinh Trà đạo là cái nhìn “ có hai ” : Đó là có người uống trà và có trà để uống. Cứu cánh của Thiền hay mục đích của Trà đạo là đẩy môn sinh đến cảnh giới “ không hai ”, để vượt thoát khỏi vòng đối đãi, giữa tâm và cảnh, giữa người uống trà với chén trà trước mặt.

Bắt đầu từ người chưa có một mảy may kiến thức về Trà đạo, đến khi thú vị với môn này, rồi tập làm quen theo các thủ tục lễ nghi, điều chỉnh tâm ý và nhờ vào một loạt những đức tính như : Nhẫn nại, tĩnh lặng, kiên định, buông xả kiến chấp và tỉnh giác cao độ để tiến sâu hơn, nhìn rõ hơn các trạng thái phức tạp của tâm thức đều là sự biến hiện huyễn hóa, sanh diệt không cùng.

Đến khi sóng yên gió lặng, tay cầm bình chuyên thông thả châm trà vào chén, dòng nước trà xanh sóng sánh tuôn chảy mà tâm thì bất động, tay nâng chén trà kê môi nhấp từng ngụm mà không mảy may dời đổi tư hào. Vị trà, hương trà tan dần, tan dần, mà bóng dáng tình trần vẫn bật vô âm tín. Trà nhập vào người, Người tan trong trà, Trà người là một. Khi ấy mới hay chén trà của ngài Triệu Châu cứu được muôn người mà không phải dụng đến chút sức công phu.



Đỉnh cao của nghệ thuật chính là sự hòa nhập một cách trọn vẹn giữa tâm và cảnh. Cũng chính do vậy mà Trà đạo tuy lặng lẽ nhưng nó có sức sống hấp dẫn mãnh liệt và đã tồn tại trên mấy thế kỷ qua ./.

Cũng trên bước đường tìm đạo giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi của Thái tử Tất Đạt Đa, Ngài đã thực hiện hai giai đoạn tu tập thiền để đi đến giải thoát, với hai kết quả khác nhau. Và đáng lưu ý là, chỉ đến giai đoạn thứ hai, tức là giai đoạn kết hợp Thiền định và Thiền quán ngài mới đạt được nguyện vọng cao cả của mình.

Khi nhìn lại quá trình tu tập dẫn đến giác ngộ của Thái tử, chúng ta sẽ thấy : Lần đầu, thái tử Tất Đạt Đa đã nỗ lực tu thiền định theo sự chỉ dẫn của các thầy Bà La Môn, nhưng kết quả công phu thiền định đó chỉ đem lại cho tâm hành giả trạng thái vắng lặng có tính nhất thời. Đó là kết quả của sự tập trung tư tưởng và nỗ lực gạn lọc tạp niệm. Và thường thì, khi đạt đến sự vắng lặng, người tu thiền định nay an trú và chấp trước vào đây, đắm mình trong cảnh giới này. Chính vì vậy đã khiến cho con đường chứng ngộ bản thân bị cản trở.

Lần tu tập thiền định thứ hai, bên bờ sông Ni Liên, dưới cội cây Bồ Đề, trước khi tréo hai chân ngồi giả tham thiền nhập định, Ngài đã khéo léo nói lên đường lối công phu để người đời sau nói theo, rằng : “Phải quan sát nội tâm” và lần thiền định này, chính là nền tảng để ngài phát triển Minh Sát Tuệ, kết quả là ngài đạt chứng ngộ bản tâm chính mình.

Qua hành trạng của Thái tử Tất Đạt Đa nỗ lực nhập định tham thiền quán chiếu ngũ uẩn, cuối cùng Ngài đã chứng ngộ bản thể Như Lai Chánh đẳng Chánh giác đem kinh nghiệm công phu phương tiện rộng khắp phổ độ chúng sanh. Qua đó, chúng ta thấy rằng công phu thiền định và thiền quán luôn phải song hành. Đó là đường lối tu tập thẳng tốt nhất giúp người tìm cầu chơn tâm an ổn tụ tin kiên định sáng suốt mà không sợ sai lệch hướng đi.

Tất cả những điều trên đây, đó là chúng ta tóm lược về quá trình công phu tu tập thiền dẫn đến chứng ngộ bản tâm của Thái tử Tất Đạt Đa cách đây trên 25 thế kỷ, trước khi Ngài thành Phật.

Điều mà chúng ta cần biết ở đây là Thiền (Phật giáo) khởi sự từ đâu ? Và bắt đầu lưu truyền khi nào ? Có thể nói đây là những điều bổ ích và hết sức thú vị đối với những ai thật sự quan tâm đến Thiền tông.

Kể từ sau khi thành Phật, công việc chính của Ngài là Hoằng dương chánh pháp, phổ độ chúng sanh trong sáu cõi. Trên bước đường Hoằng dương chánh pháp, ngài đã vận dụng tất cả những phương tiện, tùy căn cơ mà nói pháp. Chúng sanh có 84.000 trần lao phiền não, ngài có tám muôn bốn ngàn phương tiện pháp môn đối trị, nhằm giúp chúng sanh tỉnh thức, tự giác tự tập theo sự chỉ dạy của Ngài để tìm lại bản lai diện mục của chính mình. Tuy nhiên, trong tám muôn bốn ngàn pháp môn đó, chẳng mấy ai chứng ngộ được bản tâm, mà chỉ chứng được những gì do tâm thức tạo tác ra. Đức Phật đã phải nói rằng : “Suốt 49 năm, ta chưa nói một lời” (Kinh Kim Cang). Có thể nói đây là bóng dáng của thiền trong Kinh điển. Còn trong cuộc sống, thiền khởi sự từ đâu.

Tại Hội Linh Sơn bên nước Thiên Trúc (Ấn Độ) khi Đức Phật Thích Ca giờ cánh hoa lên, dưới hội ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười chum chím, Đức Phật

liền hướng về Ca Diếp nói : “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, pháp môn nhiệm màu, chẳng lập văn tự, ngồi giáo lý riêng truyền ...”. Có thể nói đây là giây phút thiêng liêng nhất của Thiên tông. Khi Đức Phật Thích Ca giờ cành hoa lên, ngài không nói gì. Ma Ha Ca Diếp chum chím cười, Ca Diếp chẳng nhận gì. Quả là sự sinh – sinh sự – thật không tỳ vết. Quả đúng như lời Phật dạy : “ ... Pháp môn nhiệm màu, chẳng lập văn tự, ngồi giáo lý riêng truyền ... “. Thiên thi kỳ hý luận, chấp trước, kiến giải. Cho nên, nói đến thiên trước hết cần phải hiểu đó là lối đi riêng, cao tột và thẳng tắt nhất của Phật giáo ... Cũng từ đó về sau người học Phật thường dùng văn tắt tám chữ “Bất lập văn tự – Giáo ngoại biệt truyền” để chỉ về Thiên. Tinh thần “Bất lập văn tự” cũng chính là tinh thần “Trực chỉ” của chư vị tổ sư thiên tông sau này để khai thị cho kẻ hậu học thẳng tắp nhận ra chơn tâm bản tánh.

Từ câu chuyện “Niêm hoa vi tiếu”, chúng ta có thể nói, khởi sự của thiên tông bắt đầu khi Đức Phật đưa nhành hoa lên và Ca Diếp mỉm cười. Cả thầy lẫn trò chẳng ai nói với nhau mà tâm tâm khế hợp Thiên tông ra đời từ đấy.

Đối với bậc Thượng thượng trí thì không cần dùng lời, nhưng với bậc Đa Trí như Ngài A Nan, thì phải có lời. Kể từ sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Ma Ha Ca Diếp đảm đương ngôi vị Tổ sư thiên tông, đã phải gọi A Nan đến lần thứ hai, rồi mới mở miệng : “ Cây phướn trước sân ngã”. Ôi chao, lung linh kỳ đặc làm sao ! Kể từ đây mạng mạch Thiên tông tuôn tràn, người người chống ngộ bản tâm, Phật pháp tăng hưng, thiên môn hưng thịnh. Sau đó, 33 vị tổ sư, đến đời Lục tổ Huệ năng y bát ngưng trao truyền, nhưng tông tâm chẳng đoạn dứt. Thiên Nam tông bắt đầu từ Lục tổ Huệ Năng, tổ thứ 6 của thiên tông Trung hoa truyền thừa nối tiếp đến các Đại Thiên Sư sau này như Hội Nhưộng, Mã Tổ, Nam Tuyên, Bá Trượng, Quy Sơn, Hồng Hồng Bá, Lâm Tế, Đức Sơn, Vân Môn, Tào Động ... mỗi vị, mỗi phương chấn hưng Phật pháp mạng mạch tổ sư chưa hề ngưng trệ.

Chuyện ông Mã thợ rèn chỉ niệm Phật một thời gian là được vãng sanh có thể gọi cho chúng ta vài suy nghĩ: Vì sao nhiều người niệm Phật đã lâu mà vẫn còn phiền não? Ở đây chúng ta nhận thấy, mỗi ngày chúng ta đều niệm Phật, tất nhiên nghiệp chướng phiền não cũng giảm dần, tuy nhiên chúng ta cũng không nên sanh tâm nôn nóng vì những hạn chế của bản thân. Ông bà chúng ta thường nói: “Cháo nóng húp quanh, nợ trả dần” có ý khuyên lon chúng ta đừng nóng vội trước những món nợ quá lớn mà chúng ta không có khả năng trả trong một lúc. Nghiệp lực của chúng ta được ví như một bát cháo nóng, mà cháo nóng thì không thể ăn nhanh một lúc, mà phải ăn bằng cách húp quanh, ăn theo cách đó thì bát cháo dù nóng thế nào cũng phải hết.

Chúng ta vốn không thể biết nghiệp lực mình sâu dày cỡ nào, nhiều ít ra sao, cũng không biết được phải tu chừng nào mới giải hết nghiệp của mình. Và lại đời sống ở thế gian bấp bênh, nay sống mai chết, nay khỏe mai yếu, tai nạn bất thường. Do vậy, cách tốt nhất là chúng ta hãy cố tranh thủ thời gian lúc còn mình mạnh và khỏe mạnh gia tâm tinh tấn niệm Phật để mai hậu có một chút vốn liếng làm tư lương trên đường về cố quận.

Trong đời sống người ta thường nói: “Việc hôm nay chớ để ngày mai”. Đây là một câu nói giống như tầm thường, ai cũng nói được, thế nhưng đối với những người đã có ý thức sâu sắc về lý vô thường thì đây quả là một kinh nghiệm xương máu, vô cùng quý giá. Quả thật như vậy, hằng ngày chúng ta thường có ý nghĩ sai lầm rằng, mình còn trẻ, còn khỏe, tay chân còn tráng kiện, nói năng còn lưu lốt, đầu óc còn sáng suốt, đời sống còn lâu dài ... thì việc tu hành có gì đâu mà vội, hãy để gác lại khi nào rảnh rỗi sẽ tính sau, từ từ niệm Phật rồi cũng về Tây Phương có gì đâu mà vội.